GANTZ

Takano Kazuaki

Hồ Kiều Lan *dịch*

nhã nam
NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

DIỆT CHỦNG

Tác giả: TAKANO KAZUAKI

Sách đổi Ebook:

➡ Cần ebook của sách mới

➡ Mua 1 sách mới được 2 ebook

☎ 0907 060 886

Koga Kento, cậu sinh viên cao học chuyên ngành hóa dược, đột ngột nhận được email từ người cha quá cố. Bức thư tuyệt mệnh lạ lùng đã dẫn cậu lần ra một phòng thí nghiệm tư nhân bí ẩn. Cha cậu – một nhà virus học - đang nghiên cứu thứ gì ở đó?

Vì con trai mắc bệnh nan y, tay lính đánh thuê Jonathan Yeager nhận lời gánh vác một nhiệm vụ tuyệt mật. Với thông tin duy nhất “đó là một công việc vì nhân loại", Yeager gia nhập một đội ám sát, thâm nhập vào rừng rậm của đất nước Congo đang bị chiến tranh tàn phá.

Khi số phận của hai kẻ xa lạ ấy giao nhau, một sự thật chấn động được hé mở....

Mục lục

Mục lục
MỞ ĐẦU
Phần1 BÁO CÁO HEISMAN

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14

Phần 2 THẦN BÁO THÙ

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10

Phần 3 THOÁT KHỎI CHÂU PHI

1
2
3

4
5
6
7

VĨ THANH

MỞ ĐẦU

Tòa dinh thự này chưa bao giờ đem lại cảm giác thân thuộc, cho dù ông có sống ở đây bao nhiêu năm. Ông chưa bao giờ ngủ ngon ở nơi này; giấc ngủ luôn chập chờn, và không chỉ vì ông đang dần già đi. Hôm nay, sau thêm một đêm trằn trọc, Gregory S. Burns tỉnh giấc nhờ tiếng chuông cuộc điện thoại đánh thức hằng sáng.

Ông trao đổi vài câu với tổng đài nhưng vẫn nằm yên trên giường, tận hưởng vài phút trì hoãn quý giá. Cuối cùng, lưỡng lự, ông ngồi dậy, vươn tay quá đầu và ngáp dài. Ông bước vào nhà tắm, xả nước lạnh cho tỉnh táo đầu óc, rồi thay bộ com lê mà vợ đã để sẵn.

Trong phòng ăn, vợ ông và hai cô con gái đã bắt đầu dùng bữa sáng. Các con gái ông vừa mới dậy, tâm trạng cáu kỉnh, đang không ngớt lời phàn nàn về chuyện ở trường. Ông nghe lơ đễnh, thi thoảng ậm ừ vài tiếng để họ biết rằng ông không hoàn toàn bỏ mọi thứ ngoài tai. May thay, vợ ông đã không còn dành cho ông những lời lẽ gay gắt lúc ông bỏ bê gia đình mình nữa, một đặc ân nhỏ ông giành được sau cả cuộc chiến kéo dài.

Nhà ở và khu làm việc của ông nối liền nhau: tất cả những gì ông phải làm là bước ra sảnh, thế là ông đã ở trong không gian công cộng. Ông nhấc chiếc cặp mười tám cân dưới chân lên rồi bước ra khỏi phòng. Như biệt danh đen tối "quả bóng hạt nhân" ám chỉ, chiếc cặp chứa cái ngòi nổ có thể hủy diệt nhân loại, và Burns sẽ cần đến nó nếu có bao giờ phải phát lệnh mở màn một cuộc tấn công hạt nhân.

"Chào buổi sáng, ngài tổng thống"

Trung tá hải quân Samuel Gibson bước tới gần. Gibson có hồ sơ lý lịch được xếp hạng Yankee White, cấp độ an ninh cao nhất.

"Chào buổi sáng, Sam."

Gibson đón lấy cặp từ tay Burns và bấm còng kim loại quanh cổ

tay mình, khóa cặp vào người mình. Burns và Gibson đi xuống nhà, gặp các đặc vụ Sở mật vụ và cùng nhau đi về phía Cánh Tây. Trên đường, một quan chức Cơ quan an ninh quốc gia NSA tới đón họ và trao cho Burns một cái thẻ nhựa nhỏ, thường gọi là "Bánh quy". Thẻ ghi một dãy số ngẫu nhiên dùng làm mã phóng vũ khí hạt nhân của ngày hôm đó. Khi nhập dãy số này vào bàn phím trong quả bóng hạt nhân, sẽ cho phép mọi lệnh phóng. Burns cất thẻ vào ví, rồi nhét ví vào túi trong áo khoác.

Phòng Bầu dục nhìn ra Vườn Hồng tràn ngập ánh nắng. Burns đợi các thành viên buổi họp báo cáo sáng tập hợp. Họ bước vào sau khi được phép - phó tổng thống, chánh văn phòng Nhà Trắng, cố vấn an ninh quốc gia, giám đốc tình báo quốc gia, và giám đốc CIA.

Họ ngồi xuống ghế, chào hỏi nhau, và Burns để ý trong phòng có thêm một người so với thường lệ, một người trung tuổi ngồi ở vị trí xa ông nhất – tiến sĩ Melvin Gardner, cố vấn khoa học và công nghệ. Gardner cúi gập người, rõ ràng là đang không thoải mái. Với đôi mắt ôn hòa, thông thái bên dưới mái tóc bạc và vẻ ngoài khiêm tốn, trông ông không hề phù hợp để đứng cùng một nhóm với người quyền lực nhất hành tinh.

"Chào buổi sáng, tiến sĩ Gardner," Burns khẽ nói.

"Chào buổi sáng, ngài tổng thống."

Nhờ nụ cười của Gardner, bầu không khí có phần dịu đi. Giữa đám người trong căn phòng này, duy chỉ Gardner mới có thứ phẩm chất, thứ vẻ ngoài vô hại, thậm chí là ngây thơ này.

"Ngài Watkins yêu cầu tôi tham dự," Gardner giải thích.

Burns liếc nhìn Charles Watkins, giám đốc tình báo quốc gia.

"Chúng ta cần lời khuyên của tiến sĩ Gardner," Watkins nói.

Burns gật đầu, thận trọng che giấu vẻ bất bình. Nếu Watkins muốn Gardner hiện diện ở buổi báo cáo, lẽ ra ông ta nên xin phép trước. Vị trí giám đốc tình báo mới được lập thêm, và Watkins vừa được bổ nhiệm, nhưng Burns đã bắt đầu khó chịu với gã đàn ông luôn tự ý hành động này.

Hừm, rồi chúng ta sẽ biết tại sao Gardner lại được gọi đến đây,

Burns nghĩ, trấn tĩnh lại. Vài năm trở lại đây, ông rất cố gắng kiểm soát những con giận dữ bột phát của bản thân.

"Đây là bản báo cáo thông tin tình báo thường nhật, thưa ngài," Watkins nói, lấy vài tờ giấy ra khỏi một chiếc cặp da. Đó là một bản tóm tắt được chuẩn bị bởi cộng đồng tình báo, ghi rõ những hoạt động trong hai mươi tư giờ vừa qua.

Hai mục đầu tiên đề cập đến các cuộc chiến Burns đã khơi mào ở Trung Đông. Chiến sự ở Iraq và Afghanistan không hề diễn ra thuận lợi. Tình hình an ninh Iraq xấu đi, các nhóm khủng bố đang lẩn trốn ở Afghanistan vẫn tung hoành, và thương vong của Mỹ ngày càng tăng. Cả con số lính Mỹ tử vong và độ bất mãn của quần chúng với Burns đều đang tăng lên. Giờ thì Burns hối hận đã để lọt tai lời khuyên của bộ trưởng Bộ quốc phòng, chỉ điều tới khu vực đó một phần năm số quân mà tham mưu trưởng lục quân đã yêu cầu. Một trăm nghìn lính Mỹ là đủ để lật đổ nhà độc tài và chiếm cứ đất nước nhỏ này, nhưng lại không đủ khả năng khôi phục trật tự sau khi trở thành lực lượng chiếm đóng.

Mục thứ ba liên quan đến một vấn đề còn đáng quan ngại hơn. CIA nghi ngờ có điệp viên hai mang trong hàng ngũ nhân viên bán quân sự ở Trung Đông.

Giám đốc CIA Robert Holland xin phép lên tiếng. "Chúng ta đang chứng kiến một sự rò rỉ thông tin chưa từng có. Nếu nghi ngờ của chúng tôi là chính xác, có một cá nhân đang cung cấp thông tin, không phải cho một nước thù địch mà cho một tổ chức nhân quyền."

"Một NGO?"

"Chính xác. Hắn đang để lộ thông tin về chương trình dẫn độ tù nhân đặc biệt của chúng ta."

Mặt Burns cau lại khi nghe chi tiết. "Hãy yêu cầu hội đồng cố vấn của tổng thống nghiên cứu trước khi chúng ta bàn luận việc này lần nữa."

"Tất nhiên rồi," Holland nói.

Mục thứ tư liên quan đến nhà lãnh đạo một nước khối hiệp ước. Ông ta mắc chứng trầm cảm và không thể hoàn thành nghĩa vụ. Bản

báo cáo cho rằng đây chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi có sự thay đổi người đứng đầu, nhưng việc đó sẽ không ảnh hưởng đến mối quan hệ thân thiện của nước này với Hoa Kỳ.

Họ lật tới hai mục tiếp theo trong báo cáo, và trong khi Burns lắng nghe, họ đã tới trang cuối với tiêu đề:

Nguy cơ tuyệt chủng của nhân loại:
Một loại sinh vật mới xuất hiện ở châu Phi.

Burns nhìn lên: "Cái gì đây? Kịch bản phim Hollywood?"

Chỉ có vị chánh văn phòng mỉm cười trước câu đùa nho nhỏ của ngài tổng thống. Những người còn lại giữ im lặng, không giấu nổi vẻ bối rối. Burns nhìn xoáy vào giám đốc tình báo. Watkins nhìn trả lại không chút do dự. "Đây là một báo cáo từ Cơ quan an ninh quốc gia," ông nói.

Burns đột nhiên nhớ lại một vụ bùng phát virus chết người mới đây ở Reston, một khu ngoại ô Washington. Trung tâm nghiên cứu y học bệnh truyền nhiễm quân đội Mỹ và Trung tâm kiểm soát bệnh dịch phải hợp tác để cách ly virus này, một dạng Ebola. Có lẽ lần này cũng là thứ gì đó tương tự.

Ông đọc tiếp.

Một sinh vật mới vừa xuất hiện trong khu vực rừng nhiệt đới của Cộng hòa Dân chủ Congo. Nếu lan truyền, sinh vật này sẽ trở thành mối đe dọa với Hợp chủng quốc và có thể dẫn tới sự tuyệt chủng của loài người. Tình huống thuộc loại này đã được nhắc đến trong *Báo cáo Heisman* của Viện Schneider năm 1975...

Burns cẩn thận đọc hết mục đó rồi ngả người vào lưng ghế. Giờ thì lý do vị cố vấn khoa học và công nghệ được gọi tới buổi họp đã rõ.

Ông không thể kìm nổi một câu đùa châm biếm.

"Liệu các ông có chắc rằng họ không nhầm mấy kẻ Hồi giáo cực đoan thành sinh vật mới này chứ?"

Watkins vẫn nghiêm túc. “Đây là thông tin đáng tin cậy. Chúng tôi đã yêu cầu các chuyên gia phân tích, và họ tin rằng…”

“Đủ rồi,” Burns ngắt lời. Ông thấy bản báo cáo này rất chướng. Không chỉ nội dung mà đến cả sự tồn tại của nó, ông đều không thể nuốt trôi. “Tôi muốn nghe ý kiến của tiến sĩ Gardner.”

Mọi con mắt đổ dồn vào nhà khoa học già đang lưỡng lự. Trước tâm trạng tồi tệ của ngài tổng thống, Gardner thấy mình bỗng trở nên lắp bắp. “Từ… từ nửa sau của thế kỷ 20 đã có dự đoán rằng… việc gì đó tương tự thế này có thể xảy ra. *Báo cáo Heisman* nhắc đến trong bản tóm tắt thông tin tình báo của ngài được viết để đáp lại các bàn luận về khả năng này.”

Burns ngạc nhiên vì độ nghiêm túc của câu trả lời. Suy nghĩ của nhà khoa học về vấn đề này dường như vượt quá bất cứ thứ gì mà người ngoại đạo có thể hiểu. Tuy nhiên, Burns vẫn không thể dẹp bỏ cảm giác bất an sâu sắc. Một sinh vật mới, đẩy con người đến tuyệt chủng? Làm sao một con người đầu óc bình thường tin nổi vào chuyện đó?

“Và ông thấy thông tin này đáng tin cậy?” Burns hỏi.

“Tôi không thể bác bỏ nó.”

“Tôi có bản *Báo cáo Heisman* ở ngay đây,” Watkins nói, lấy một văn bản khác ra khỏi cặp. “Tôi đã đánh dấu phần liên quan. Phần năm.”

Burns đọc qua bản báo cáo từ hơn một phần tư thế kỷ trước. Gardner đợi ông đọc xong, rồi nói. “Thông tin chúng ta hiện có chỉ là gián tiếp. Ngoại trừ người gửi báo cáo, không còn ai khác đã xác minh sự tồn tại của sinh vật mới này. Tôi nghĩ chúng ta nên gửi người từ Hợp chủng quốc tới kiểm tra xem chuyện gì đang thực sự xảy ra.”

“Ở thời điểm hiện tại, vấn đề có thể được giải quyết một cách dễ dàng,” Watkins thêm vào. “Và cũng không tốn kém nhiều. Vài triệu đô là đủ. Nhưng chúng ta phải giữ tuyệt mật.”

“Ông đã có kế hoạch?” Burns hỏi.

“Tôi đã yêu cầu Viện Schneider lên kế hoạch hành động. Cuối

tuần này, tôi sẽ có các phương án trên bàn làm việc của mình."

Burns ngẫm nghĩ. Ông không thấy có gì bất lợi ở quyết định này. Với vị tổng thống của một đất nước đang có chiến tranh, tốt nhất là mọi vấn đề phát sinh đều được xử lý ngay lập tức. Và ông thấy chuyện này đặc biệt ghê tởm. "Được rồi. Hãy trình tôi xem ngay khi các phương án đến tay ông. "

"Vâng, thưa ngài."

Cuộc họp sáng kết thúc, nhưng những vấn đề trên lại được khơi lên trong cuộc họp nội các lúc chín giờ sáng. Bộ trưởng Bộ quốc phòng Geoffrey Lattimer tóm tắt điểm cuối cùng – *một vấn đề sinh học* – sau cuộc thảo luận ngắn hai phút. "Những thứ ngu ngốc như vậy nên được để lại cho Viện Schneider," ông nói vẻ khinh miệt.

Theo yêu cầu của tổng thống, họ cúi đầu cầu nguyện để kết thúc buổi họp.

Một nhân viên CIA bước vào Phòng Nội các sau đó và thu lại hết các bản sao báo cáo thường nhật của tổng thống. Mọi tài liệu báo cáo đều là tuyệt mật và được lưu trữ ở Langley. Chỉ có mười người trên toàn thế giới biết điều gì đã được bàn trong cuộc họp cuối mùa hè năm 2004 này.

Phần1

BÁO CÁO HEISMAN

1

Đoàn xe gồm ba chiếc Suburban bọc giáp lao qua màn bụi cuộn xoáy. Chiếc SUV đi cuối mở cốp, trên sàn để một chiếc xô pha mất chân, quay về đằng sau. Ngồi trên cái bệ súng tạm bợ này là Jonathan "Hawk" Yeager, anh đang dõi mắt quan sát đoạn đường phía sau.

Họ còn cách doanh trại trong Vùng Xanh năm phút đi đường. Yeager đang thực thi nhiệm vụ cuối cùng trước khi đợt tại ngũ ba tháng ở Baghdad kết thúc.

Western Shield, công ty thuê anh, đã cắt cử anh và các đồng nghiệp vào phân đội bảo vệ suốt thời kỳ họ phục vụ ở Iraq. Yeager và đội của anh làm vệ sĩ cho các VIP từ khắp nơi trên thế giới: phóng viên từ Mỹ, giám đốc điều hành của một công ty dầu mỏ Anh tới đánh giá công cuộc tái thiết sau chiến tranh, các nhà ngoại giao từ một nước châu Á nhỏ.

Khi Yeager mới tới đây nhận nhiệm vụ, mặt trời Iraq vẫn đang nóng như thiêu, nhưng bây giờ, sau ba tháng, nhiệt độ đã giảm. Trên thực tế, trời mát tới mức vào lúc chiều muộn, anh đã bắt đầu cảm thấy được hơi rét qua lớp áo giáp và đồ bảo hộ tác chiến. Nếu nhiệt độ xuống nữa, anh biết cái thành phố bụi bặm ở cao độ thấp này sẽ còn u ám và hoang vắng hơn. Tuy anh cũng không mong đợi gì cái tháng nghỉ phép sắp sửa bắt đầu vào ngày mai. Thậm chí, ý nghĩ về nó còn khiến anh vô cùng phiền muộn, và anh ước mình có thể ở lại nơi này. Với Yeager, thành phố này – cách xa cảnh hòa bình mà những người sống trong thế giới văn minh vẫn thường coi là tất yếu – giống như một sân chơi hư vô chủ nghĩa, một lối thoát khỏi cái thực tại đang chờ đón anh ở nhà.

Một chiếc trực thăng quân sự lướt qua các mái nhà. Những lượt đạn cối xẹt qua, đập tan sự tĩnh lặng của màn đêm. Một cỗ xe tăng chỉ còn là vỏ rỗng giữa đồng cát hoang. Và dòng Tigris, mặt nước lềnh bềnh xác chết.

Trong dòng lịch sử 5200 năm, chiếc nôi của văn minh này đã chứng kiến vô số cuộc chiến tranh, và giờ đây, vào những năm khởi đầu thế kỷ 21, lại phải chịu cuộc xâm lăng của một kẻ thù khác. Đất nước đến xâm lăng tuyên bố họ chiến đấu vì lý tưởng, nhưng lý do thực sự lại quá rõ ràng: những mỏ dầu lớn trong lòng đất Iraq.

Yeager biết cuộc chiến này không phải vì công lý. Cũng không hẳn là anh bận tâm. Điều quan trọng là ở đây có công việc cho anh, một công việc được trả lương hậu hĩnh. Còn gặp lại gia đình mình đồng nghĩa với phải đối diện với một thực tế còn khắc nghiệt hơn bất cứ thứ gì anh từng trải qua ở Iraq. Miễn là còn ở trên đất Baghdad, anh vẫn còn có thể tránh đối mặt với con trai, vin vào lý do rằng mình đang làm nhiệm vụ.

Những tiếng súng rời rạc vẳng đến từ xa. Súng M16. Yeager không nghe tiếng AK-47 đáp trả nên biết đó không phải một cuộc đọ súng thực sự.

Anh nhìn ra hướng khác và thấy một chiếc xe nhỏ tách khỏi luồng giao thông tít xa, tăng tốc về phía họ. Anh quan sát nó qua mắt kính râm, một chiếc sedan cũ kỹ của Nhật. Baghdad đầy nhóc loại xe đó – những chiếc xe nhỏ mờ nhạt mà các phần tử khủng bố rất thích dùng để đánh bom tự sát. Không ai để ý đến chúng cho tới khi chúng phát nổ.

Một luồng adrenaline thu hẹp góc nhìn của anh. Con đường mà đoàn xe đang đi được xếp loại là khu vực tối nguy hiểm. Trong buổi họp trước nhiệm vụ, họ được nghe một báo cáo về mức độ nguy hiểm của nơi này, rằng trong ba mươi ngày vừa qua, phiến quân đã đổi mục tiêu tấn công từ quân đội Mỹ sang các công ty an ninh tư nhân. Hơn mười nhân viên an ninh đã chết trên đoạn đường ngắn ngủi này.

Bộ đàm của anh rè rè tin báo từ chiếc SUV dẫn đầu. “Một xe khả nghi ở phía trước, bên phải. Dừng dưới cầu vượt. Sáng nay không có.”

Rất có khả năng chiếc xe chứa thuốc nổ tự chế. Có lẽ phiến quân đang ẩn nấp quanh đây, nóng lòng kích hoạt điều khiển. Thuốc nổ có

thể là tự chế, nhưng cũng đủ sức nổ banh một chiếc xe thiết giáp ra cám.

"Chúng ta có nên quay lại không?"

"Đợi chút," Yeager nói vào mic không dây. "Một chiếc xe đang chạy về phía chúng ta từ đằng sau."

Chiếc xe Nhật chỉ còn cách tầm bốn lăm mét.

Biến đi! Yeager khua khẩu M4 và ra hiệu bằng tay trái, yêu cầu xe kia lui. Nhưng chiếc xe chỉ tăng tốc.

"Kiểm tra thiết bị phá sóng" trưởng đoàn McPherson quát. Phiến quân thường dùng điện thoại di động để kích hoạt bom tự chế, và thiết bị phá sóng có thể làm nghẽn tín hiệu.

"Thiết bị phá sóng đã kích hoạt," chiếc SUV dẫn đầu báo cáo.

"Tiếp tục đi," McPherson ra chỉ thị. "Và xử lý chiếc xe kia."

"Rõ," Yeager đáp lại và quát lên yêu cầu chiếc xe tránh đi.

Nhưng nó không tuân lời. Sau tấm kính chắn gió bụi bặm, đôi mắt hằn học của tên lái xe người Iraq nhìn thẳng vào anh. Tuân theo quy định giao chiến cho nhân viên an ninh tư nhân, Yeager xả vài viên đạn cảnh cáo. Bốn viên đạn bắn trúng mặt đường gần hãm xung ô tô, khiến những mảnh bê tông vụn tóe lên.

Loạt bắn cảnh cáo không làm chiếc xe chậm lại. Yeager nâng khẩu carbine nhắm vào ca pô xe.

"Coi chừng thuốc nổ!"

Chỉ vài giây sau khi nghe tiếng hét của McPherson qua bộ đàm, một tiếng nổ trầm rung chuyển cả chiếc SUV. Quả bom không nổ đằng trước họ mà cách vài trăm mét về phía sau, xa hơn cả điểm mà Yeager đang nhắm bắn. Một cây chà là trơ trọi bên vệ đường chìm trong khói đen. Lại thêm một tên cuồng tín đầy thù hận nữa ăn đất, Yeager nghĩ. Chỉ là một ngày thường ở Baghdad. Nhưng nếu chiếc xe bám sau họ phát nổ, người ta sẽ phải đi cậy mấy mẩu thịt vụn của anh lên khỏi mặt đường.

Yeager không nổ phát súng cảnh cáo thứ hai theo quy định, mà chĩa nòng khẩu M4 vào tên tài xế, tia laser đỏ in một hình tròn ngay giữa đôi mắt gã người Iraq.

Đừng nhắm mắt! Yeager thầm hét. Đừng để tao thấy cái vẻ mặt thảm hại mà lũ đánh bom thường phô ra ngay trước khi kích nổ. Không thì mày sẽ thành thịt thiu ngay thôi.

Lần đầu tiên, tên người Iraq có vẻ sợ hãi. Hắn có định chết không? Ngay khi Yeager nhấn cò súng mạnh hơn, khuôn mặt trong ống ngắm bỗng lùi xa. Chiếc sedan bắt đầu giảm tốc.

Thoáng chốc, bóng tối bao trùm lên họ khi đoàn xe chui qua dưới chân cầu vượt. Chiếc xe khả nghi dưới cầu không nổ.

Yeager đợi chiếc xe theo sau họ đổi hướng. “Không còn trở ngại,” anh báo cáo.

“Rõ,” McPhearson từ chiếc SUV dẫn đầu đáp lại. “Trở lại căn cứ.”

Có lẽ người lái xe kia không phải phần tử khủng bố mà chỉ là một dân thường cố thách thức người Mỹ. Và có thể chiếc xe dừng dưới chân cầu kia không cài bom mà chỉ đơn giản là bị hỏng.

Tất cả những gì mà Yeager biết là sự thù hận khủng khiếp nhằm vào anh, cơn sợ hãi trào lên, và rằng chỉ tích tắc nữa thôi là anh sẽ bắn chết một người anh còn chưa từng nói chuyện.

Ba chiếc SUV bọc giáp vượt qua chốt kiểm soát của người Mỹ, vòng qua những khúc quanh dựng lên để chặn xe đánh bom tự chế, và tiến vào Vùng Xanh. Khu vực này nằm ở trung tâm Baghdad, bao quanh cung điện của nhà độc tài ngày trước.

Doanh trại của Western Shield nằm trên đường này, cách cung điện không xa. Đó là một tòa nhà bê tông dài, cao hai tầng, bên ngoài phủ lớp sơn bong tróc. Tòa nhà có nhiều phòng đến nỗi Yeager phải băn khoăn nó đã được sử dụng vào mục đích gì trước khi cho đám an ninh tư nhân vào ở. Nhà cho công chức? Hay là ký túc xá trường học? Không ai hay.

Đoàn xe đỗ lại ở sân trước, và sáu người nhảy xuống. Sáu người, kể cả Yeager, đều là cựu binh Lực lượng đặc biệt – Mũ Nồi Xanh. Họ cụng tay nhau vài cái, ăn mừng một nhiệm vụ nữa hoàn thành, trong khi đội bảo dưỡng chạy ra. Một vết đạn súng trường hạng nặng được phát hiện trên thân chiếc xe dẫn đầu, nhưng không ai bận tâm. Đấy

là chuyện thường.

"Này, Hawk!" McPherson gọi Yeager khi anh đang định vào nhà. "Không cần nộp báo cáo vụ bắn vội. Đêm nay, chúng ta sẽ tiệc tùng đến bay nóc nhà."

"Rõ," Yeager nói, mỉm cười cảm ơn. Hẳn là McPherson đang định tổ chức tiệc chia tay cho anh. Ngày mai, một người thế chân sẽ tới, và Yeager sẽ ra khỏi nơi này. Thời gian thay người tiêu chuẩn của công ty này là ba tháng làm việc, một tháng nghỉ. Lần tới trở lại đây, không có gì đảm bảo rằng anh sẽ vẫn làm việc với nhóm này hay vẫn nhiệm vụ ấy. Và tùy xem mấy viên đạn thích bay đi đâu, anh có thể sẽ không còn thấy bất cứ ai trong số những người đồng đội này nữa.

"Lần này nghỉ phép anh đi đâu? Về nhà?"

"Không, đi Lisbon."

McPherson biết lý do tại sao anh tới Bồ Đào Nha và gật đầu. "Hy vọng mọi thứ sẽ ổn."

"Ừ. Tôi cũng hy vọng vậy."

Yeager trở về phòng mình trên tầng hai, đặt khẩu M4 lên giường, cởi bộ đồ tác chiến cất vào tủ. Anh sẽ nộp lại đạn dược và các trang bị còn lại khi đi, chỉ mang theo một chiếc ba lô chứa vài thứ đồ cá nhân.

Yeager ngừng tay, nhìn tấm ảnh gia đình dán trên cửa tủ. Ảnh được chụp sáu năm trước ở nhà anh ở Bắc Carolina. Những tháng ngày hạnh phúc. Yeager, Lydia vợ anh và con trai Justin của họ đang ngồi trên xô pha, mỉm cười trước ống kính. Justin ngồi trong lòng bố trông nhỏ bé tới mức tưởng như có thể biến mất trong vòng tay Yeager. Justin có mái tóc nâu sẫm của bố và đôi mắt xanh của mẹ. Khi mỉm cười tinh quái thằng bé trông giống mẹ, nhưng khi cáu bẳn trông nó y hệt như ông bố đáng gờm của mình, cựu binh Mũ Nồi Xanh. Yeager và vợ thường băn khoăn thằng bé sẽ giống ai khi lớn lên.

Yeager kẹp tấm ảnh vào cuốn sách đang đọc dở và lấy điện thoại gọi cho vợ ở Lisbon. Hai nơi chênh nhau ba múi giờ. Ở đó vừa hết giờ ăn trưa, và anh biết vợ mình sẽ không nghe máy ở lần gọi đầu

tiên. Vậy nên anh để lại tin nhắn thoại, bảo cô gọi lại cho mình. Anh lau xong khẩu M4 rồi đi xuống tầng, cầm theo điện thoại và máy tính.

Căn phòng giải trí nhỏ luôn đông người. Dưới đó có một chiếc ti vi cũ, một bộ xô pha, một máy pha cà phê và vài máy tính mà ai cũng có thể dùng. Một vài người đang ngồi lướt mấy trang web khiêu dâm và cười đùa. Yeager tới một bàn khác và cắm máy tính vào đường truyền tốc độ cao. Anh biết mình sẽ thất vọng, nhưng rốt cuộc anh vẫn thử tìm trong cơ sở dữ liệu học thuật.

Như anh đã trông đợi, không có gì. Không có tin mới về phương pháp chữa trị đột phá nào cho bệnh PAECS – xơ cứng biểu mô phế nang phổi. "Yeager."

Yeager nhìn ra cửa và thấy Al Stephano, quản lý doanh trại, đang ra hiệu cho mình. "Hawk, anh qua văn phòng tôi một chút được không? Anh có khách."

"Tôi hả?" Băn khoăn liệu ai có thể tới thăm mình, Yeager tới văn phòng của Stephano ở chân cầu thang.

Khi anh vào phòng, một người đàn ông trung tuổi đứng lên khỏi xô pha. Ông cao khoảng một mét tám, cùng chiều cao với Yeager, và cũng ăn mặc giống như đám an ninh tư nhân ở đây – áo phông và quần túi hộp. Ông già hơn Yeager tầm hai chục năm, tuổi khoảng năm mươi. Khuôn mặt có vẻ nghiêm khắc của quân nhân, nhưng lại thêm nụ cười phảng phất. Ông chìa tay.

"Đây là William Liban, giám đốc Western Shield," Stephano giải thích.

Yeager biết cái tên này. Công ty tuyển Yeager được thành lập bởi các cựu binh Delta Force, và Liban là người đứng thứ hai. Bí mật đằng sau sự phất lên nhanh chóng của Western Shield là mối quan hệ bền chặt giữa những người đứng đầu nó và quân đội. Có thể thấy rõ rằng Liban có kinh nghiệm chiến đấu, nhưng ông lại thiếu vẻ cứng rắn, hung hăng của hầu hết cựu binh Lực lượng đặc biệt.

Hãy lịch sự và đừng hứa hẹn gì, Yeager tự nhủ và bắt tay ông. "Rất vui được gặp ngài, ngài Liban. Jonathan Yeager."

“Anh có mật hiệu chứ?” Liban hỏi.

“Họ gọi tôi là Hawk.”

“Hawk, ngồi xuống đi. Chúng ta cần nói chuyện một chút.” Liban khoát tay về phía xô pha và quay sang Stephano. “Chúng tôi có thể mượn căn phòng chứ?”

“Tất nhiên rồi,” Stephano nói và ra ngoài.

Khi chỉ còn lại hai người, Liban nhìn quanh phòng như mới lần đầu để ý tới nó.

“Căn phòng này an toàn chứ?”

“Miễn là Stephano không áp tai vào cửa.”

Liban không cười. “Tốt. Để tôi vào thẳng vấn đề. Anh có thể hoãn nghỉ phép không?”

“Chuyện này là sao?”

“Tôi hy vọng anh có thể làm việc thêm một tháng nữa.”

Yeager tưởng tượng Lydia sẽ nói gì nếu anh báo cho cô rằng chuyến đi Lisbon phải hoãn lại.

“Việc này khá lắm. Họ trả một nghìn năm trăm đô một ngày.”

Khoản lương đó gấp hơn hai lần số tiền mà anh kiếm được bây giờ. Điều này khiến anh cảnh giác. Tại sao nhân vật số hai của công ty lại bay tới tận đây để mời anh nhận việc? “Có phải ở Hillah không?”

“Anh nói sao?”

Hillah là mặt trận nguy hiểm nhất ở Iraq. “Việc đó ở Hillah phải không?”

“Không, nhiệm vụ này không phải ở đây mà ở nước ngoài. Sẽ có hai mươi ngày để chuẩn bị, còn bản thân nhiệm vụ sẽ mất nhiều nhất là mười ngày. Thậm chí anh có thể xong trong năm ngày. Nhưng bất luận thế nào anh vẫn sẽ nhận được ba mươi ngày lương.”

Bốn mươi lăm nghìn đô cho một tháng làm việc – không hề tệ. Lúc này, gia đình Yeager cần nhiều tiền nhất có thể. “Vậy đây là nhiệm vụ kiểu gì?”

“Tôi không thể đi vào chi tiết, nhưng tôi có thể nói điều này: nhiệm vụ này có liên quan đến một trong các nước NATO chứ không

phải những nơi như Nga hay Trung Quốc. Hay là Bắc Triều Tiên. Hơn nữa, công việc này không nguy hiểm lắm. Ít nhất cũng không nguy hiểm như ở Baghdad. Và nhiệm vụ này không đem lại lợi ích cho một đất nước riêng lẻ nào. Thực chất, anh sẽ làm một việc vì nhân loại."

Yeager không thể tưởng tượng nổi công việc đó có thể là gì, nhưng ít nhất thì nghe cũng không có vẻ nguy hiểm quá mức. "Vậy tại sao họ lại trả lương cao như thế?" anh hỏi.

Một chút ghê tởm hiện lên trên những nếp nhăn quanh mắt Liban. "Tôi cứ hy vọng anh sẽ tự hiểu được ý tứ ở đây. Đại khái, nó là một việc... bẩn thỉu."

Một việc bẩn thỉu. Một vụ ám sát. Mà lại không đem lại lợi ích cho quốc gia riêng lẻ nào. Nhưng không phải mọi vụ ám sát đều mang tính chính trị sao?

"Nếu anh nhận việc, chúng tôi sẽ cần anh ký một bản thỏa thuận. Rồi một khi anh bắt đầu huấn luyện, thông tin sẽ được cung cấp. Nhưng hãy hiểu rằng sau khi anh ký thỏa thuận và có được thông tin chi tiết rồi, sẽ không còn đường rút lui nữa."

"Ông lo lắng về chuyện rò rỉ thông tin? Không cần phải vậy. Tôi được xếp hạng an ninh tối mật."

Tình báo quân đội Mỹ được chia thành ba cấp độ an ninh: bí mật, tuyệt mật và tối mật. Muốn được xếp hạng cao hơn, đối tượng phải trải qua kiểm tra lý lịch nghiêm ngặt, bao gồm một buổi với máy phát hiện nói dối. Thậm chí cả sau khi rời khỏi quân đội rồi, Yeager vẫn duy trì các bài kiểm tra ở cấp độ an ninh tối mật, bởi nếu thiếu nó, anh sẽ không thể làm một số nhiệm vụ mà Bộ quốc phòng giao cho các công ty an ninh.

"Đương nhiên, tôi biết lý lịch của anh. Cựu quân nhân Lực lượng đặc biệt, hoàn toàn đáng tin cậy. Chỉ là, trong trường hợp này chúng tôi phải đặc biệt cẩn thận về mặt an ninh."

Câu nói mập mờ của Liban cho Yeager thêm một gợi ý nữa. Vị giám đốc cựu Delta Force đang nói đến một công việc đòi hỏi cấp độ an ninh cao hơn cả tối mật. Nó đòi hỏi cấp độ tối mật/ tình báo đặc biệt, hoặc tối mật/thông tin nhạy cảm lưu giữ riêng. Dựa vào lời

Liban ám chỉ, thậm chí đây có thể là chương trình tiếp cận đặc biệt, loại nhiệm vụ với thông tin tình báo được kiểm soát ở mức chặt chẽ nhất – ví dụ như một vụ ám sát được Nhà Trắng phê chuẩn. Nhưng tại sao không giao việc này cho Delta Force hay Đội 6 SEAL Hải quân? Đây không phải thử việc người ta đem cho một công ty an ninh tư nhân.

"Anh nghĩ sao?" Liban nói, thúc giục anh ra quyết định. "Anh muốn tham gia chứ?"

Yeager có một cảm giác kỳ lạ. Chính là thứ cảm giác anh có ngày còn là một thiếu niên, khi cha mẹ anh ly hôn và anh phải lựa chọn sẽ sống với ai. Chính là cảm giác do dự anh cảm thấy khi đối mặt với nhu cầu khẩn thiết phải đưa ra quyết định, anh đã đưa ra lựa chọn ngay trước lúc tốt nghiệp trung học sẽ nhập ngũ để đủ tiêu chuẩn được cấp học bổng đại học sau này. Anh biết mình đang đứng trước một ngã rẽ quan trọng. Bất kể lựa chọn của anh là gì, anh biết nó sẽ thay đổi cuộc đời mình mãi mãi.

"Nếu anh còn câu hỏi nào thì bây giờ là lúc hỏi. Tôi sẽ trả lời hết mức có thể."

"Ông có chắc nó không nguy hiểm?"

"Miễn là anh không làm hỏng việc."

"Đây có phải công việc dành cho một người?"

"Không. Anh sẽ ở trong một đội bốn người."

Đội bốn người là đơn vị hoạt động nhỏ nhất của Lực lượng đặc biệt.

"Các điều khoản làm việc còn lại vẫn giống như thường lệ. Chúng tôi cung cấp vũ khí, và nếu anh chết trong khi làm nhiệm vụ, gia đình anh sẽ được cấp sáu mươi tư nghìn đô theo Điều luật căn cứ quốc phòng"

"Tôi có thể xem bản thỏa thuận không?"

Liban cười tán thành và lấy một văn bản ra khỏi cặp. "Anh không nên do dự. Hãy tin vào vận may của mình. Anh là một anh chàng may mắn."

"Tôi? May mắn hả?" Yeager nhếch miệng cười châm biếm. "Tôi

luôn thấy mình là cái loại không may."

"Không, không hề. Anh là kẻ sống sót," Liban nói, khóe miệng ông trễ xuống. "Chúng tôi có sáu ứng viên khác cho công việc này, nhưng họ đều đã hy sinh cả, khi đấu súng, từng người một. Dạo này đám phiến quân rất hay nhằm vào nhân viên an ninh."

Yeager gật đầu.

"Hôm nay là ngày đầu tiên tôi mới được gặp trực tiếp một trong các ứng viên."

Yeager cân nhắc những con số, hy vọng chúng sẽ xóa đi cảm giác bất an. Bốn mươi lăm nghìn đô một tháng. Liệu anh có thể từ chối một vụ ngon như vậy? Công việc bẩn thỉu thì sao chứ? Anh cũng chỉ là thứ công cụ thay thế được, không khác nào khẩu súng trong tay mình. Thậm chí nếu anh giết người, thì cũng không thể đổ lỗi cho khẩu súng. Lỗi là ở kẻ đã thực sự kéo cò súng, kẻ đã thực sự ra lệnh tiến hành vụ giết người.

Yeager nhìn lướt qua bản thỏa thuận. Không có thêm manh mối nào. Anh chỉ cần đưa ra quyết định và ký.

Liban giơ bút ra. Khi Yeager đưa tay ra cầm lấy, anh cảm giác túi áo rung rung và ngừng tay.

"Xin lỗi," anh nói. Anh lấy điện thoại ra xem màn hình. Lydia đang gọi lại từ Lisbon. "Tôi muốn bàn bạc với vợ trước. Tôi đã nói với cô ấy rằng ngày mai chúng tôi sẽ gặp nhau."

Liban trông như một kẻ đi săn sắp vuột mất con mồi. "Tất nhiên rồi, anh cứ tự nhiên."

Yeager nhấn nút nghe. Trước khi kịp nói bất cứ điều gì, anh nghe thấy giọng nói khe khẽ của Lydia. Giọng cô chất chứa nỗi tuyệt vọng mà trước đây anh đã nghe không biết bao nhiêu lần.

"Jon? Là em đây. Em không biết phải làm gì nữa."

"Chuyện gì vậy?"

Cô nén lại nước mắt. "Họ vừa cho Justin vào phòng hồi sức tích cực."

Lại toi một đống tiền nữa, Yeager nghĩ. Chắc mình không còn lựa chọn nào khác ngoài việc ký hợp đồng. "Bình tĩnh nào, Lydia. Chúng

ta đã trải qua chuyện này rồi, và thằng bé luôn khá lên mà."

"Lần này thì khác. Có máu trong đờm của con."

Đây là dấu hiệu căn bệnh của con trai anh đang tới giai đoạn cuối. Một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng Yeager. Anh đưa tay ra hiệu cho Liban rằng mình cần ra ngoài, rồi rời khỏi văn phòng. Cầu thang bên cạnh hành lang ầm ĩ tiếng đám đồng nghiệp anh chạy tới chạy lui.

"Em có chắc không?"

"Chính mắt em nhìn thấy. Một đường đỏ như sợi xơ vải."

"Một đường đỏ," Yeager lẩm bẩm. "Bác sĩ Garrado nói gì?" Garrado, bác sĩ người Bồ Đào Nha phụ trách Justin, là một trong những chuyên gia hàng đầu thế giới về PAECS.

Yeager không nghe rõ nổi lời Lydia vì tiếng khóc của cô. Anh có thể tưởng tượng ra cô, tay lau nước mắt. "Ý kiến của bác sĩ Garrado ra sao?" anh hỏi lại.

"Ông ấy nói tim và gan của Justin đang suy dần... rằng con không còn nhiều thời gian nữa."

Yeager ép bộ não đang đông cứng lại của mình suy nghĩ, nhớ lại những gì anh biết về căn bệnh. Một khi bệnh nhân bắt đầu xuất huyết phổi, thì chỉ còn khoảng một tháng.

"Ngày mai anh đến chứ, hả anh?" Lydia nức nở, như thể đang cầu xin anh.

Mình phải gặp con trai trước khi quá muộn, Yeager nghĩ. Nhưng làm thế quái nào mà trả tiền chữa trị cho thằng bé đây? Yeager nhìn chằm chằm vào cánh cửa văn phòng. Anh cố hết sức kiên cường, nhưng anh kiệt sức rồi. Tâm trí anh đang lơ lửng trên bờ hỗn loạn.

Tại sao mình lại đứng đây, trong hành lang một cái doanh trại bẩn thỉu ở Baghdad, siết chặt cái điện thoại này? Anh tự hỏi. Tại sao mình lại ở đây?

"Jon?" tiếng nức nở của vợ vọng vào tai anh. "Jon? Anh có đó không?"

Sự bất hạnh trông rất khác khi nhìn từ bên trong.

Chiếc xe tang chở di thể của cha cậu lách qua những con đường nhỏ trong khu mua sắm thành phố Atsugi, tỉnh Kanagawa. Koga Kento ngồi trong chiếc limo đen của nhà tang lễ, chậm rãi theo sau xe tang.

Lúc ấy là buổi chiều sớm một ngày cuối tuần. Trong ánh nắng dịu dàng của mùa đông, không một ai trong số những người mua sắm dừng lại nhìn đoàn xe đen chạy ngang qua. Và không một ai thông cảm với cú sốc mà chàng trai trẻ đang chịu đựng.

Kể từ lúc nghe tin về cái chết đột ngột của cha mình, ông Seiji, Kento không còn chắc chắn về tình cảm của mình nữa, như thể tất cả mọi thứ giữ cho tinh thần cậu đứng vững đã sụp đổ. Năm ngày trước, khi cậu chạy ào tới bệnh viện và được báo rằng nguyên nhân cái chết là vỡ túi phình động mạch chủ ngực, cậu và mẹ không hề khóc. Kể từ khi ấy, họ vẫn bất động, trơ lì như thể chỉ nhìn mọi sự lướt qua mình. Bác trai anh bố và những họ hàng khác vội vã từ tỉnh Yamanashi tới, tiếp quản mọi việc thu xếp đám tang mà không cần ai nhờ vả. Với họ, rõ ràng là không thể trông cậy gì vào người quả phụ, một bà nội trợ toàn thời gian, hay đứa con trai là sinh viên cao học gầy gò, yếu ớt.

Kento chưa bao giờ thực sự kính trọng cha mình. Seiji luôn luôn nhìn nhận tiêu cực về mọi thứ, với một quan điểm sống méo mó đầy hằn học. Ông là một người đáng kính trong xã hội, hẳn rồi – ông là giáo sư đại học – nhưng Kento luôn coi ông là một điển hình tồi tệ trong số các người trưởng thành. Vậy nên, cậu vô cùng ngạc nhiên khi nửa giờ trước, trong lúc mọi người đặt hoa vào quan tài cha, cậu đã bật khóc. Không phải khóc vì đau xót, cậu nghĩ vậy khi gạt đi nước mắt sau cặp kính, mà là một phản ứng tận sâu trong lòng gây ra bởi mối quan hệ huyết thống giữa họ.

Nắp quan tài đóng lại; di thể cha cậu, nằm giữa những bông hoa sặc sỡ, cuối cùng cũng khuất mắt mãi mãi. Đây sẽ là lần cuối cùng Kento nhìn thấy cha, vị giáo sư với khuôn mặt dài và khắc khổ này. Họ mới chỉ biết nhau có hai mươi tư năm ngắn ngủi.

Hàng xe chở tang quyến và nhân viên nhà tang lễ đỗ lại trước nhà hỏa táng, và quan tài được đưa vào lò thiêu. Có hai loại lò thiêu, một đắt một rẻ, và quan tài của Seiji nằm bên rẻ. Thậm chí tới khi chết, người ta vẫn bị xếp hạng theo số tiền họ có thể chi trả, Kento nghĩ, tức giận trước quan điểm của người Nhật về sinh tử.

Khoảng ba mươi người họ hàng và bạn bè tới đưa tang tiến về phòng chờ trên tầng hai. Chỉ có Kento ở lại, mắt dán vào cánh cửa lò thiêu đóng chặt. Bên trong, ngọn lửa đang nuốt dần cơ thể cha cậu. Kento chợt nhớ đến một đoạn trong cuốn sách giáo khoa cậu đọc hồi phổ thông.

Chất sắt chảy trong máu em được tạo ra trong một vụ nổ siêu tân tinh 4,6 tỷ năm trước. Trôi nổi qua vũ trụ bao la, nó trở thành một phần của trái đất khi hệ mặt trời thành hình, và giờ, thông qua đồ ăn, nó đã trở thành một phần của cơ thể em. Nhìn xa hơn nữa, hydro và những nguyên tố khác trong cơ thể em được tạo ra vào thời khắc vũ trụ ra đời. Chúng đã tồn tại 13,7 tỷ năm, cùng với vũ trụ, và giờ đang là một phần của em.

Giờ đã đến lúc những nguyên tố trong cơ thể cha cậu trở về nơi chốn cũ của chúng. Những thông tin khoa học này cũng giúp nguôi ngoai phần nào khi cậu cố gồng mình chịu đựng.

Kento rời khỏi lò thiêu và trèo lên cầu thang trong sảnh chính rộng rãi tới phòng chờ.

Những người đi đưa ma ngồi thành một vòng tròn giữa căn phòng lớn trải chiếu. Mẹ Kento, bà Kaori, không giấu nổi sự mệt mỏi nhưng vẫn cố tỏ ra mạnh mẽ. Bà ngồi chính tọa, lịch sự cảm ơn tất cả những người bạn và họ hàng của chồng mình đã đến gửi lời chia buồn.

Ông bà của Kento đều ở đó, từ Kofu tới, cũng như bác cậu và gia đình. Nhà Koga là một gia đình thương gia làm ăn khá ổn ở Kofu, thủ phủ tỉnh Yamanashi, và mặc dù gần đây họ đang mất khách hàng vào tay một siêu thị lớn mới mở gần nhà, bác Kento nay phụ trách công việc làm ăn vẫn giữ được cửa hàng hoạt động. Chính người con thứ Seiji mới là kẻ lạc lõng trong nhà, bởi sau khi học ở một trường đại học địa phương, ông đã đi Tokyo học lên, hoàn thành bằng tiến sĩ, và ở lại trường đại học làm nghiên cứu thay vì tìm kiếm một công việc trong ngành kinh doanh.

Kento chưa bao giờ thấy thoải mái với họ hàng bên nội. Cậu đứng đó một lúc, băn khoăn không biết nên ngồi đâu, và cuối cùng chọn chiếc đệm ở góc xa nhất căn phòng.

“Chào Kento.”

Từ phía bên kia bàn, một người đàn ông gầy gò, tóc điểm hoa râm đang gọi cậu – bạn của cha cậu, nhà báo Sugai. Sugai đã thăm nhà họ ở Atsugi vài lần, nên Kento có biết ông.

“Lâu lắm không gặp. Cháu lớn hẳn rồi nhỉ,” Sugai nói và đi vòng qua bàn đến ngồi bên cạnh cậu. “Cháu đang học cao học rồi?”

“Đúng vậy.”

“Cháu đang học gì?”

“Cháu ở phòng nghiên cứu hóa dược, nghiên cứu về tổng hợp hữu cơ,” Kento nói cụt lủn.

Cậu cố tỏ ra rằng mình không có hứng nói chuyện, nhưng Sugai vẫn nói tiếp. “Chính xác thì cháu làm gì?”

Kento miễn cưỡng giải thích. “Chúng cháu dùng máy tính để thiết kế các loại thuốc mới, sau đó sản xuất dựa trên những thiết kế đó. Chúng cháu kết hợp đủ thể loại hợp chất.”

“Lắc ống trong phòng thí nghiệm hả?”

“Cũng có thể nói vậy.”

“Có vẻ là loại nghiên cứu có ích cho nhiều người nhỉ.”

“Chắc vậy.” Lời khen khiến Kento không thoải mái. “Gì thì, đó là tất cả những gì cháu biết làm.”

Sugai nghiêng đầu, băn khoăn. Ông có thể là phóng viên, nhưng

ông không có cách nào đào xới lên nỗi nghi ngờ sâu trong lòng Kento về cá tính và năng lực của mình trong công việc đang làm. Tới thời điểm này, Kento chưa phải ai đặc biệt cả, và Sugai không nghĩ rằng điều ấy sẽ có bao giờ thay đổi.

"Nghiên cứu khoa học ở Nhật Bản mắc phải nhiều vấn đề nền tảng nghiêm trọng, vậy nên cháu cố gắng lên nhé." Rốt cuộc, Sugai chỉ nói thế.

Vấn đề nền tảng. Lão ta là nhà báo khoa học ở một tòa soạn lớn, thế mà lão không biết mình đang nói về cái gì, Kento tức giận nghĩ. Sugai có gì đó khiến cậu mất thiện cảm. Cậu không thể chỉ rõ là gì, nhưng sự ân cần đó nghe như thù địch, và Kento thấy mình hơi tổn thương.

Mười năm trước, những nghiên cứu của cha cậu đã được tường thuật trên mục khoa học của tất cả những tờ báo lớn. Đó là lần đầu tiên và duy nhất ông Seiji, với vai trò nhà khoa học, được đứng trong ánh hào quang. Sugai đã viết bài báo đó. Thuật ngữ *hoóc môn môi trường* đang càn quét khắp nước Nhật, và trong nghiên cứu của mình tại phòng thí nghiệm trường đại học, cha cậu đã chứng minh rằng, các nguyên liệu trong một loại bột giặt tổng hợp hiện đang gây nhiều tranh cãi không gây hại cho tuyến nội tiết con người. BÁO CÁO CỦA GIÁO SƯ KOGA SEIJI, TRƯỜNG BÁCH KHOA TAMA, các tít báo in đậm viết, và lúc đọc thấy câu đó cũng là lần đầu tiên và duy nhất trong đời Kento cảm thấy tự hào về cha. Nhưng sự kính trọng mới mẻ này nhanh chóng tan biến khi cậu phát hiện cha mình đã nhận một khoản tài trợ nghiên cứu lớn từ nhà sản xuất bột giặt kia.

Chuyên môn của Seiji là virus, vậy thì tại sao riêng lần đó ông lại nghiên cứu về những vật liệu phá hủy tuyến nội tiết? Và liệu nghiên cứu của ông có thực sự khách quan? Liệu ông có bóp méo số liệu để thỏa mãn cái công ty đang bỏ cả đống tiền cho nghiên cứu đó?

Từ đó đến nay, các nhà nghiên cứu trên thế giới đã tìm hiểu ảnh hưởng của hoóc môn môi trường đối với cơ thể nhưng chưa bao giờ tìm ra chứng cứ thuyết phục là có hại. Nhưng những kết luận của họ không đem lại sự thỏa mãn, bởi họ vẫn không thể tuyên bố dứt khoát

rằng những hoóc môn này vô hại. Kento cuối cùng đi đến kết luận rằng sự kiện này cho thấy những hạn chế của khoa học. Nhưng dù sao thì sự việc này đã khiến cậu không ưa gì cha mình và gây ra một sự ngờ vực mà cậu không thể rũ bỏ. Và cậu đã xếp Sugai, người viết bài báo kia, vào cùng một rổ – những kẻ sống trong một thế giới người lớn mục ruỗng.

"Thật đáng tiếc. Ông ấy vẫn còn có thể sống thêm nhiều năm tháng tốt đẹp," Sugai nói, rõ là đang sốc vì cái chết của người bạn đồng niên.

"Cảm ơn chú đã tới tận đây với gia đình cháu."

"Chuyện nhỏ mà có đáng gì," Sugai nói, cúi đầu.

Để lấp khoảng lặng trong cuộc trò chuyện, Kento cầm ấm trà lên và rót cho cả hai.

Sugai nhấp trà và hồi tưởng lại cuộc đời Seiji. Ông kể toàn những chuyện khuôn mẫu theo kiểu trên phim truyền hình rẻ tiền – rằng ở nơi làm việc cha cậu đã được kính trọng như thế nào, rằng sâu thẳm trong lòng chắc ông đã tự hào về con trai mình ra sao. Nghe vậy Kento càng cảm nhận rõ ràng hơn sự tẻ nhạt và tầm thường của cuộc đời cha.

Sugai đổi chủ đề khi cuối cùng cũng hết cái để nói. "Nghe bảo hôm nay sẽ làm lễ cúng thất luôn à?"

"Đúng vậy."

"Chú sẽ phải đi ngay sau đó. Nên tốt nhất là hỏi luôn trước khi chú quên mất."

"Quên gì cơ?"

"Cháu đã nghe đến *Báo cáo Heisman* bao giờ chưa?"

"*Báo cáo Heisman*?" Chắc là một công trình học thuật nào đó, mặc dù cậu chưa nghe tới bất cứ nhà nghiên cứu nào tên là Heisman. "Không, cháu chưa nghe về nó bao giờ."

"Bố cháu nhờ chú tìm hiểu nó, và chú đang băn khoăn không biết nên làm gì bây giờ."

"*Báo cáo Heisman* là gì?"

"Đó là một bản báo cáo do một viện nghiên cứu tại Mỹ nộp cho

tổng thống Mỹ. Bố cháu muốn biết nội dung chi tiết.”

Hẳn là liên quan đến một dịch bệnh do virus, lĩnh vực nghiên cứu của cha cậu. “Cháu không giúp chú được rồi,” Kento nói.

Giọng cậu nghe hờ hững đến bất ngờ, và Sugai có vẻ ngạc nhiên nhìn cậu chằm chằm. “Chú hiểu. Vậy thì đừng lo về nó.”

Kento không quan tâm Sugai nghĩ gì về mình. Mối quan hệ cha con chẳng phải vấn đề của người ngoài nào cả. Đằng nào thì mối quan hệ hoàn hảo giữa phụ huynh và con cái cũng chỉ có trong truyền thuyết.

Nhân viên công ty tổ chức tang lễ tới tập trung mọi người lại. Những người tới viếng, nãy giờ vẫn khẽ khàng thì thào, lục tục đứng dậy và theo ông ta xuống tầng.

Kento đứng trước lò thiêu và nhận lấy xương cốt cha mình. Những chiếc xương trắng xếp trước mắt cậu, thật giản đơn và lạnh lẽo, như một bức tranh ghê rợn kể câu chuyện về một con người giờ đã tan biến khỏi mặt đất.

Ông bà và bác cậu khe khẽ khóc. Và Kento, lần thứ hai kể từ khi cha mất, phát hiện mình cũng đang rơi nước mắt.

Lễ cúng thất diễn ra ngay sau đó, và tất cả nghi lễ tiễn người đã khuất lên đường đã kết thúc.

Tiếng chuông đồng hồ đánh thức Kento vào sáng sớm hôm sau, và sau khi nhanh chóng ăn sáng, cậu rời khỏi nhà cha mẹ ở Atsugi. Cậu phải trở lại với đời sinh viên cao học, trở lại với căn hộ một phòng rộng sáu chiếu và cuộc sống lúc nào cũng phải chạy theo chỉ dẫn của trợ lý giáo sư, ì ạch vượt qua hết thí nghiệm chán ngắt này đến thí nghiệm chán ngắt khác.

Khi cậu ra khỏi căn nhà ba phòng ngủ, bước vào bầu không khí sáng sớm lạnh lẽo, Kento bắt đầu lo cho mẹ, giờ chỉ có một mình. Ông bà ngoại cậu sẽ ở với mẹ một thời gian, nhưng khi họ trở về, bà sẽ hoàn toàn cô độc. Cậu không thể tưởng tượng nổi tâm trạng của mẹ ra sao khi bà trở thành góa phụ ở tuổi năm mươi tư.

Khi cậu đi, bà nói, “Thỉnh thoảng nhớ ghé về thăm mẹ nhé.”

“Vâng. Con sẽ về,” cậu đáp lời và đi tới nhà ga Atsugi.

Trường đại học nơi Kento theo học, Đại học Khoa học Tự nhiên và Xã hội Tokyo, nằm ở đầu kia Tokyo so với Atsugi, tại khu Kinshicho sát tỉnh Chiba. Trường có mười lăm nghìn sinh viên, và chỉ cách ga Kinshicho mười lăm phút đi bộ. Ở hướng đông bắc nhà ga là một con sông tên gọi là Yokojikken, ngăn khuôn viên trường làm hai nửa: khối tự nhiên ở bờ trái và khối xã hội ở bờ phải. Chỉ có khoa y cùng với bệnh viện đại học nằm riêng biệt, ở gần nhà ga hơn. Ngôi trường đã trải qua chín mươi năm lịch sử, nhưng sau quá trình xây dựng lại liên tục trong nhiều năm, thậm chí cả khu đất nông nghiệp lớn từng tồn tại ở đây – một phần của trường nông nghiệp – cũng đã biến mất dưới những tòa nhà học mới. Như những trường đại học trong lòng thành phố Tokyo, khuôn viên của nó là một loạt những căn nhà bê tông nhạt nhẽo thê lương trải dài.

Đi từ nhà cha mẹ cậu về trường mất hai tiếng, với một lần đổi tàu, nên Kento có khá nhiều thời gian để ngẫm nghĩ về tương lai mình. Tình hình tài chính của gia đình khiến cậu lo lắng nhiều nhất. Đang học cao học năm thứ hai, Kento đã quyết định không tìm việc mà học thẳng lên tiến sĩ, tức là tiền học và chi phí ăn ở của cậu sẽ phải dựa vào gia đình chu cấp thêm ba năm nữa.

Một trong những người bạn của cậu, một sinh viên bên khối xã hội, thường trêu chọc cậu vì vẫn ăn bám cha mẹ, giáo huấn cho cậu về việc cần phải ra đời và kiếm một công việc bán thời gian, nhưng đây là cách nghĩ của đám sinh viên xã hội – chúng chỉ giỡn quanh chứ không học hành gì cả. Hầu hết mọi môn trong trường dược đều là bắt buộc, và chỉ rút một môn thôi cũng đồng nghĩa với việc trượt. Sau khi đỗ chứng chỉ dược quốc gia và kỳ thi tốt nghiệp, người ta sẽ đối mặt với cả cuộc đời dành để làm thí nghiệm và không còn gì khác. Những chuỗi ngày điên rồ đến không tưởng, nói *khắc nghiệt* hãy còn là nhẹ. *Không thể tưởng tượng nổi* thì đúng hơn. Trong phòng nghiên cứu hóa dược mà Kento đang làm việc, người ta ở lì trong đó mỗi ngày trong tuần để chạy thí nghiệm, từ mười giờ sáng tới tận đêm muộn. Ngày nghỉ duy nhất là Chủ nhật và ngày lễ, nhưng các

xét nghiệm thường rất lâu, và nửa số ngày nghỉ vẫn sẽ trôi qua trong phòng thí nghiệm. Những kỳ nghỉ phép dài ngày thì thôi đừng có mơ tới, và nếu có ai xin nghỉ được năm ngày liên tiếp vào lễ Obon mùa hè hay năm mới, thì kẻ đó thấy mình may mắn lắm rồi. Người ta sống chín năm như thế để cuối cùng cũng trở thành một "tiến sĩ". Làm việc bán thời gian? Thôi đừng đùa.

Một tháng trước, cậu vẫn còn cơ hội kiếm một công việc toàn thời gian thay vì ở lại nghiên cứu. Kento nguyền rủa khả năng chọn thời điểm của mình. Kiểu gì với cậu cũng như nhau. Cậu chọn học lên tiến sĩ vì cảm thấy mình chưa sẵn sàng bước ra thế giới, chứ không phải vì hào hứng muốn làm nghiên cứu. Ngược lại, kể từ ngày đặt chân vào đại học, cậu đã cảm thấy mình lạc lõng như thể đã lựa chọn sai lầm. Cậu chưa bao giờ thực sự yêu thích ngành dược hay tổng hợp hữu cơ, nhưng đã tiếp tục học bởi cậu chẳng còn khả năng nào khác. Cậu có thể dễ dàng tưởng tượng ra mình hai chục năm sau – giống y hệt cha mình, một nhà nghiên cứu tẻ ngắt trong một ngành khoa học trì trệ nào đó.

Kento bước vào khuôn viên trường, và khi qua cửa sau khối tự nhiên rồi đi tới tòa nhà của khoa dược, bước chân cậu trở nên uể oải và nặng nề. Càng nghĩ về con đường tẻ nhạt mà đời mình đang hướng tới, bước chân cậu càng trĩu xuống, nhưng cuối cùng cậu cũng bình tĩnh lại và nhanh chân lên.

Cậu bước lên những bậc thang lót vải sơn tới tầng ba, tới phòng thí nghiệm Sonoda, đặt theo tên thầy hướng dẫn của cậu. Cậu đi dọc hành lang và mở cửa dẫn tới một hành lang ngắn khác. Hai bên là những căn phòng nhỏ, vài phòng có tủ chứa đồ; một trong số đó là phòng chuyên đề. Cuối hành lang là văn phòng của giáo sư Sonoda, và bên trái là phòng thí nghiệm.

Kento, đang mặc quần bò và áo thể thao, cởi áo phao treo vào một trong mấy tủ đồ, và nhìn vào văn phòng của giáo sư. Cánh cửa để ngỏ, giáo sư Sonoda ngồi đó, mặc áo sơ mi và đeo cà vạt như thường lệ.

"Chào thầy ạ," Kento nói, và bước vào.

Giáo sư Sonoda ngước lên từ chồng giấy tờ trên bàn, và khi thấy Kento, trông ông có vẻ thương cảm. Bình thường, giáo sư Sonoda vẫn là một con người hoạt bát với nhiều năng lượng hơn thường thấy ở một người sắp lục tuần, luôn luôn sẵn sàng đốc thúc đám nghiên cứu sinh trẻ của mình. Nhưng giờ trên mặt ông là vẻ nghiêm nghị, quan tâm.

“Tôi chia buồn về chuyện bố cậu,” ông nói. “Cậu thấy đỡ hơn chưa?”

“Cũng ổn ạ, em nghĩ vậy,” Kento đáp lời, và cảm ơn ông đã gửi hoa tới tang lễ.

“Tôi chưa bao giờ có vinh dự được gặp bố cậu,” giáo sư Sonoda nói. “Nhưng bởi chúng tôi cùng một chuyên ngành, việc này thực sự khiến tôi đau lòng. Một sự mất mát to lớn.”

Kento thực lòng biết ơn những lời lẽ ân cần của thầy. Giáo sư Sonoda là một nhà nghiên cứu ưu tú, đã phát triển vô số loại thuốc mới cho những công ty dược phẩm lớn, vậy mà bằng cách nào đó ông vẫn tìm được thời gian trong lịch nghiên cứu bận rộn của mình để viết các báo cáo khoa học, và nhờ thế mà được bổ nhiệm làm giáo sư tại trường đại học. Ông cũng vô cùng thông thạo việc xin những khoản tài trợ lớn để tiến hành nghiên cứu chung với các nhà sản xuất thuốc. Kento thường buồn rầu so sánh cha mình với ông, băn khoăn tại sao cha không thể giống ông hơn.

Không muốn gọi lại ký ức buồn, giáo sư Sonoda đổi chủ đề. “Vậy, cậu đã sẵn sàng quay lại chưa?”

“Rồi ạ, em...” Kento nói, và ngừng lại. Ngoài việc chôn cất chính thức bộ xương của cha, cậu còn phải làm gì nữa không nhỉ? “Có thể em vẫn phải xin nghỉ vài ngày nữa.”

“Tất nhiên, không vấn đề gì cả. Đừng ngại hỏi.”

“Cảm ơn thầy. Em rất cảm kích.”

“Còn nhiều việc đang chờ,” giáo sư nói, mỉm cười khích lệ và tiễn cậu.

Phòng thí nghiệm nơi các nghiên cứu sinh làm việc có lẽ quá lớn nếu gọi là một căn phòng. Nó là một không gian mênh mông to bằng

bốn phòng học cấp hai hay cấp ba cộng lại. Bốn bàn thí nghiệm ở giữa chất đầy thiết bị thí nghiệm và lọ hóa chất, và dọc ba bức tường là bàn làm việc của nghiên cứu sinh và tủ hút khí gắn quạt hút chuẩn công nghiệp. Khung cảnh gần như hỗn loạn, nhưng bằng cách nào đó, vẻ đẹp thiết thực của nó lại có sức mạnh và sự cuốn hút của riêng mình.

Phòng thí nghiệm Sonoda tập trung vào việc phát triển thuốc mới để chống lại các bệnh tự miễn. Giáo sư, trợ lý giáo sư, và khoảng hai chục sinh viên nghiên cứu sinh đều miệt mài vì mục tiêu này, nhưng vào thời điểm này trong năm, mới tháng Giêng, phòng thí nghiệm khá yên tĩnh. Các sinh viên đại học làm việc ở đây đang chuẩn bị cho kỳ thi chứng chỉ y dược quốc gia, và hầu hết những người vừa tốt nghiệp thạc sĩ đều đã đi phỏng vấn xin việc.

“Kento, anh rất tiếc khi nghe tin bố cậu,” Nishioka, người phụ trách trực tiếp của Kento nói. Anh là nghiên cứu sinh năm hai. Mắt anh đỏ như khóc, nhưng không phải những giọt nước mắt thương cảm mà là vì anh đã dành một đêm dài nữa thức trắng trong phòng thí nghiệm.

“Cảm ơn tin nhắn của anh,” Kento nói, nhớ lại lời chia buồn Nishioka đã gửi.

“Rất tiếc anh không tới dự lễ canh linh cữu được.”

“Ai cũng bận mà, em không thể mong mọi người đều sẽ tới dự. Em mới là người nên xin lỗi vì đã nghỉ tới năm ngày.”

“Có gì đâu, đừng bận tâm chuyện đó,” Nishioka nói, chớp đôi mắt vằn tia máu.

Từng đồng nghiệp tới gần để chia buồn. Thậm chí cả các nữ nghiên cứu sinh, thường ngày chỉ tỏ ra nhanh nhạy và chuyên nghiệp, đều hiền dịu đến bất thường khi nói chuyện với cậu. Kento nhận ra rằng, cậu trụ được trong giới nghiên cứu đến giờ này là nhờ có sự giúp đỡ của họ.

Kento đứng bên bàn và trở lại với công việc. Tổng hợp hữu cơ tập trung vào việc tạo ra các hợp chất chứa carbon. Đại khái là, carbon có bốn cánh tay có thể liên kết với các nguyên tố khác. Oxy có hai.

Khi những nguyên tố này kết hợp với nhau, hai nguyên tử oxy liên kết với một nguyên tử carbon, tạo ra CO, hay thường gọi là carbon dioxide. Nhưng không may là tổng hợp hữu cơ lại không dễ đến thế. Tạo nên các hợp chất hữu cơ mới từ các khối ghép đơn giản hơn là việc rất khó khăn. Rất nhiều điều kiện có thể ảnh hưởng đến kết quả phản ứng, chẳng hạn như nồng độ hóa chất, thứ tự phản ứng, nhiệt độ, chất xúc tác, dung môi. Trong phòng thí nghiệm của giáo sư Sonoda, họ không ngừng tìm kiếm những cấu trúc phân tử có hoạt tính giống thuốc mà họ có thể biến đổi thêm để tạo ra các dược chất mới.

Nghiên cứu hiện tại của Kento dựa trên cơ sở một cấu trúc cơ bản gọi là "hạt nhân mẹ" chứa các phân tử carbon, oxy và nitơ, rồi thêm vào đó các nhóm chức khác. Trợ lý giáo sư đã dán công thức lên bàn làm việc của cậu – chỉ dẫn các bước thực hiện để có được phản ứng mong muốn. Thí nghiệm y dược có gì đó khá tương đồng với nấu ăn. Mối liên hệ này không rõ ràng, nhưng trên thực tế vẫn là có nhiều nữ hơn hẳn nam trong trường được. Ở nhiều trường đại học, tỷ lệ sinh viên nữ lên đến 90%. Ở cấp sau đại học cũng vậy, gần nửa số học viên là nữ – một điều kỳ lạ trong khoa học tự nhiên.

Kento mất phần còn lại của buổi sáng để sắp xếp tác chất và dụng cụ thí nghiệm và để chuẩn bị cho phản ứng đầu tiên. Trong khi đợi kết quả, cậu tới bàn mình bên cửa sổ và mở máy tính xách tay. Như dự đoán, cậu nhận được vài email chia buồn. Cậu thấy biết ơn vì sự quan tâm ấy. Cậu đọc qua và trả lời từng thư một. Khi tới thư cuối cùng, cậu cứng người. Tên người gửi khiến cậu sửng sốt: *Koga Seiji, Đại học Bách khoa Tama*.

Cậu kiểm tra lại tên lần nữa và cảm thấy một cơn rùng mình chạy dọc sống lưng.

Bức thư từ người cha quá cố của cậu.

Thiếu chút nữa cậu đã kêu lên vì ngạc nhiên, rồi nhìn quanh. Những người khác đang chú tâm vào thí nghiệm của mình, không có ai để ý đến cậu.

Kento đẩy cặp kính lên và dán mắt vào màn hình. Bức thư gửi tới

vào hôm nay, chính xác vào lúc nửa đêm. Hơn năm ngày kể từ khi cha cậu mất. Tiêu đề là: "Bố gửi Kento".

Trông có vẻ không phải thư độc hay thư rác giả danh cha cậu. Liệu đây có phải trò đùa ác ý của ai đó?

Kento kiểm tra xem phần mềm an ninh có còn chạy và mở bức thư. Những dòng chữ nhỏ, cỡ 9 xuất hiện trên màn hình.

Kento con,

Nếu con nhận được thư này, có nghĩa là bố đã xa con và mẹ hơn năm ngày. Nhưng không cần lo lắng. Bố sẽ trở lại trong vài ngày nữa.

Trở lại? Trở lại từ cái gì? Cõi chết? Kento đọc tiếp.

Bố nghĩ rằng mình sẽ không thể về nhà một thời gian, vậy nên có việc này bố cần con làm.

Hãy mở cuốn sách mà con đã đánh rơi cây kem lên.

Và đừng nói với mẹ con hay bất kỳ ai khác về bức thư này.

Chỉ thế thôi.

Bức thư kết thúc ở đó.

Ngắn gọn, nhưng khó hiểu. Trông giống một lá thư giã từ, nhưng có vẻ cha cậu không nghĩ mình có thể chết khi viết thư này. Là do ông thực sự gửi ư? Liệu có phải ông đã dùng một phần mềm cho phép gửi thư tại một thời điểm định sẵn? Nếu ông đã thực sự cài thứ này, điều đó rõ ràng cho thấy ông đã đoán trước được mình sẽ phải xa họ. Nhưng tại sao? Kento hoàn toàn không biết.

Kento đọc lại mấy dòng cuối cùng.

Hãy mở cuốn sách mà con đánh rơi cây kem lên.

Kem? Cậu ngẫm nghĩ một chút, rồi chợt nhớ ra, và cậu biết bức thư này chắc chắn là từ cha mình. Hồi cậu học tiểu học, cha cậu đã quyết định sẽ phụ đạo thêm cho cậu trong mùa hè và đã cùng cậu học lại bảng tuần hoàn nguyên tố nhờ một cuốn sách khoa học tham

khảo. Khi Kento đang đọc, cây kem cậu đang ăn trượt khỏi que và rơi vào trang giấy, nhuộm ô nguyên tố kẽm – Zn – thành màu hồng của dâu tây. Chỉ có cha cậu biết chuyện này.

Hẳn là cuốn sách vẫn còn ở nhà, trên một giá sách trong phòng làm việc của cha. Cậu nghĩ có nên nhờ mẹ kiểm tra, nhưng lời chỉ dẫn của cha khiến cậu nghĩ lại.

Đừng nói với mẹ con hay bất kỳ ai khác.

Nếu muốn tuân theo di nguyện của cha, cậu sẽ phải trở về nhà, lại một chuyến tàu hai tiếng nữa.

Kento tựa người vào lưng ghế. Trong cuốn sách dính nhớp, nhuộm màu đó có thể giấu thứ quái gì?

Yeager bay tới Cộng hòa Nam Phi, đổi máy bay ở Johannesburg và đáp xuống Cape Town. Ở bán cầu Nam đang là giữa hè. Một chiếc xe từ công ty an ninh tư nhân địa phương Zeta Security đón anh chở tới khu huấn luyện ở ngoại ô.

Nam Phi là nơi các công ty an ninh tư nhân đầu tiên khởi nghiệp. Trong giai đoạn đầu, cái ngành mới mẻ này – cung cấp dịch vụ quân sự có tính phí – đã thành công trong việc chấm dứt vài cuộc nội chiến vốn vẫn kéo dài ở châu Phi. Nhưng hoạt động này cũng dẫn đến việc một vài tên lính đánh thuê khát máu dùng bạo lực để thâu tóm tài sản của một số nước, giúp bên thắng cuộc giành kiểm soát những nguồn khoáng sản quý giá. Chính phủ Nam Phi đã thông qua một đạo luật chống đánh thuê, cấm các công ty an ninh tư nhân Nam Phi hoạt động ở nước ngoài, nhưng mượn danh nghĩa hỗ trợ nỗ lực tái thiết tại Iraq, một số công ty mới đã hình thành, trong đó có Zeta Security. Zeta là nhà thầu phụ dưới trướng Western Shield, công ty của Yeager.

Cảnh vật bên ngoài thay đổi trên đường họ đi, đầu tiên là một thành phố ven biển xinh đẹp, rồi tới vùng đồng bằng rộng lớn đầy những vườn nho, và cuối cùng là đồi núi. Yeager, ngồi băng sau xe, vẫn phân vân liệu mình có chọn lựa đúng đắn hay không.

Ở Baghdad anh đã quyết định từ chối lời mời làm việc và bay tới Lisbon để ở bên vợ con. Nhưng sau khi nói chuyện với Lydia và bác sĩ Garrado, anh phát hiện ra cái giá để giữ Justin sống sót nốt những ngày cuối cùng đắt đỏ như thế nào. Suốt bốn năm qua, lo tiền cho những công nghệ chữa trị tiên tiến ở nước ngoài, Yeager và vợ đã tới mức không thể vay mượn thêm được nữa. Đã tới lúc Yeager cần phải kiếm một khoản tiền thật lớn, kể cả nếu điều này có nghĩa là anh sẽ không thể ở bên Justin nhiều như anh muốn.

Bác sĩ Garrado là hy vọng cuối cùng của họ. Hầu hết những đứa

trẻ mắc PAECS đều chết trước sáu tuổi. Không đứa nào từng sống tới chín tuổi. Nhưng bằng đủ mọi phương pháp trị liệu trong vốn liếng của mình, bác sĩ Garrado, một trong vài chuyên gia ít ỏi về bệnh này, đã giữ cho Justin sống tới tận tuổi lên tám. Khi những triệu chứng giai đoạn cuối xuất hiện, người bệnh thường chỉ sống được thêm một tháng, nhưng Yeager tin tưởng bác sĩ Garrado sẽ giúp Justin kéo dài thêm vài tháng nữa. Ngay khi hoàn thành nhiệm vụ này, anh có thể chạy thẳng về thăm thằng bé và tới kịp lúc. Và ở bên con trai những ngày cuối cùng.

Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra khi Justin mất? Lydia sẽ lựa chọn thế nào?

Họ đã xém ly hôn vài lần. Khi Justin hai tuổi và bắt đầu gặp khó khăn khi thở, bác sĩ ở viện quân y là người đầu tiên nói rằng bệnh con trai họ là một rối loạn đơn gene. “Người ta có hai bộ gene từ bố mẹ,” ông giải thích. “Vậy nên nếu một bên có bất thường, bên còn lại sẽ thay thế nó và cho phép mọi thứ hoạt động bình thường. Tuy nhiên, đôi khi có người nhận được gene bất thường từ cả bố và mẹ và kết quả là sinh bệnh. Trong trường hợp con anh chị là đột biến ở một đoạn gene tạo ra phổi, dẫn đến khó khăn trong việc hấp thụ oxy.”

Yeager cảm giác như đây là lỗi của mình. Và Lydia có lẽ cũng vậy. Như thể đọc được ý nghĩ của họ, vị bác sĩ thêm vào, “Đây không phải lỗi của ai cả. Chỉ đơn giản là vận xui mà thôi. Ai cũng có vài gene bất thường, người có ít, người có nhiều hơn. Trong trường hợp này, không may là cả hai gene bất thường đều nằm cùng một chỗ.”

Nhưng Yeager thấy thứ vận rủi này thật khó chấp nhận. Giá như anh không lấy Lydia thì đứa con của anh sẽ không phải chịu đựng như vậy. Và hẳn là Lydia cũng có những ý nghĩ tương tự về chồng mình. Họ đổ lỗi tới đổ lỗi lui, người này tấn công người kia, lời lẽ như dao bay qua bay lại, cứa vào trong lòng họ. Họ biết những trận cãi vã này chỉ khiến bản thân thêm khổ sở, nhưng họ không thể ngừng được.

Cuộc hôn nhân của họ tan vỡ chỉ còn là vấn đề thời gian. Đúng

lúc ấy, họ lần đầu nghe nói về bác sĩ Antonio Garrado tại Trung tâm Y tế Đại học Lisbon, một người nghiên cứu chuyên sâu về căn bệnh này. Nhưng bảo hiểm sức khỏe quân đội không bao gồm tiền điều trị ở nước ngoài, và đồng lương thượng sĩ E-9 của Yeager thì không đủ chi trả phí điều trị đắt đỏ cũng như nuôi vợ sống ở Bồ Đào Nha.

Một ngày, sau khi Yeager kết thúc một đợt phục vụ dài trở về nhà, khi anh và Lydia lại cãi vã như thường lệ, anh đã đề nghị ly hôn. Dù vậy, Lydia không đồng ý. Cô khăng khăng họ nên cố gắng thêm ba năm nữa. Dùng đầu ngón tay gạt đi nước mắt, một cử chỉ quen thuộc, cô nói, "Từ khi Justin còn nhỏ, thằng bé đã phải đau đớn vì căn bệnh này. Nó không có lấy một ký ức hạnh phúc. Và anh muốn chúng ta ly hôn làm cuộc đời nó khốn khổ thêm sao?"

Lời Lydia đánh trúng tim anh. Chính cha mẹ Yeager cũng đã chia tay khi anh còn là một đứa trẻ.

Rồi sau khi dành một thời gian ngắn nghỉ phép ở nhà, anh lên đường nhận một nhiệm vụ mới. Tại đó, ở Afghanistan, là thành viên của đội đặc nhiệm, anh đã gặp một người làm thuê cho công ty an ninh tư nhân. Người đó, một cựu binh SEAL, nói rằng anh ta sẽ rất vui được giới thiệu Yeager với công ty thuê mình nếu anh muốn.

Đó là cơ hội hoàn hảo. Nhân viên tư nhân theo hợp đồng không được hưởng chế độ hay lương hưu gì, nhưng lương của họ phải gấp hơn ba lần tiền lương quân đội, và anh có thể kiếm ít nhất một trăm năm mươi nghìn đô một năm. Anh đợi tới lúc kết thúc giai đoạn vẫn gọi lóng là "cắt lỗ" – tức giai đoạn mà thời hạn phục vụ của anh có thể gia hạn quá thời điểm kết thúc hợp đồng – rồi xin xuất ngũ và đưa vợ con tới Bồ Đào Nha.

Ba năm nữa, Lydia đã nói vậy, nhưng may sao bác sĩ Garrado đã kéo dài thời gian đó thành năm. Dù vậy, giờ đây, khi mà Justin bắt đầu ho ra máu, điểm kết cũng chỉ còn cách họ nhiều nhất là vài tuần.

Yeager quyết tâm giữ gia đình nguyên vẹn tới khi con trai qua đời, nhưng sau khi Justin đã đi rồi, Yeager chắc chắn rằng anh sẽ cô độc – một tên lính đánh thuê chiến đấu vì tiền, không phải vì đất nước.

“Đây rồi. Trụ sở công ty.”

Giọng nói của tài xế kéo Yeager về với thực tại. Anh liếc đồng hồ và thấy đi từ sân bay về đây đã mất hơn một tiếng. Chiếc xe hai cầu của Zeta Security chạy qua cổng gác và tiến vào khuôn viên công ty. Đó là một căn cứ lớn ở vùng đồi khô hạn, bao quanh là hàng rào an ninh. Khu phức hợp bao gồm một tòa nhà chính, sân bãi tập luyện và một đường băng đủ dài cho máy bay chở hàng cất và hạ cánh.

Trụ sở là một tòa nhà ba tầng rộng rãi màu kem theo phong cách Địa Trung Hải, trái với ấn tượng mờ ám thường gắn với các công ty an ninh tư nhân. Yeager nghĩ, nhìn từ bên ngoài vào trông nó giống một khách sạn thanh lịch.

Khi ra khỏi xe, Yeager bày ra bộ mặt dũng cảm. Đã đến lúc để cái thực tế khắc nghiệt của cuộc đời anh lại phía sau.

Anh vác ba lô và túi thể thao vào sảnh, một người đàn ông cao lớn có ria mép tới chào. Ông ta mặc đồ kaki từ đầu đến chân – quân nhân, không nghi ngờ gì nữa, với cái nhìn lạnh lùng như thể đã quên mất cách cười. “Mike Singleton, giám đốc chiến dịch,” ông ta nói bằng thứ giọng địa phương Nam Phi. “Những người còn lại trong đội của anh đã đến. Tôi sẽ dẫn anh đến phòng mình.”

Yeager đi theo ông ta vào sâu trong tòa nhà. Họ đi dọc một hành lang ngoằn ngoèo như mê cung, ngang qua các phòng đánh số. Singleton dừng lại trước phòng 109, gõ cửa và mở ra.

Đó là một căn phòng bốn người điển hình, giường tầng kê hai bên tường và tủ cá nhân ở bên tường cuối phòng thẳng trước mặt. Trong phòng chỉ có một đồ vật nhìn mới, là cái bàn viết nhỏ. Ba người đàn ông đang đứng trong phòng nói chuyện nhìn ra ngay khi cửa mở.

“Chào các vị,” Singleton nói. “Cho phép tôi giới thiệu một thành viên mới trong đội. Jonathan Yeager, biệt hiệu Hawk." Vẻ mặt mấy người đàn ông hơi căng thẳng trong lần gặp đầu tiên. Với Yeager, họ là những đồng nghiệp mới quan trọng nhất, những người bạn chiến đấu mới của anh.

“Chúng ta tập hợp vào lúc mười bảy giờ tại phòng chỉ thị tầng hai,” Singleton thêm vào rồi đi ra.

“Chào Hawk,” một trong mấy người kia nói. Cậu ta trông mảnh dẻ, bình tĩnh, tầm hai mươi mấy tuổi – khá trẻ so với một nhân viên an ninh tư nhân. Trong những lúc thế này, người thân thiện nhất luôn tự giới thiệu đầu tiên và người nghiêm nghị nhất sẽ nói cuối cùng. “Scott Meyers, mật hiệu Blanket.”

“Rất hân hạnh được gặp anh.” Yeager mỉm cười khi nghe cái tên và bắt tay cậu ta.

Người tiếp theo bắt tay anh cũng tầm tuổi đó. “Warren Garrett. Không có mật hiệu.”

Anh đoán Garrett là một sĩ quan tham mưu thận trọng. Loại người khiêm tốn, nhưng có thể tin tưởng khi mọi thứ khó khăn.

Meyers và Garrett đều là người da trắng, có lẽ là người Mỹ, nhưng người thứ ba lại là người châu Á. Anh ta thấp nhưng rất cơ bắp, nhất là ở cổ và vai, rõ ràng là dùng thuốc tăng lực.

“Mikihiko Kashiwabara [1E],” anh ta nói.

“Mích ki... he ko?” Yeager hỏi, và Meyers và Garrett cười lớn.

“Không ai phát âm nổi cả,” Garrett nói. “Tên tiếng Nhật thật khó đỡ.”

“Trong phi vụ trước anh được gọi là gì?” Meyers hỏi. "Mickey?”

“Mick,” người Nhật nói, sự kinh tởm lộ rõ trong giọng nói. Đó rõ ràng không phải biệt danh yêu thích của anh ta.

“Vậy thì là Mick,” Garrett nói.

Người Nhật ít xuất hiện trong giới lính đánh thuê, và Yeager rất ấn tượng. “Anh làm gì trước khi bắt đầu công việc này?” anh hỏi.

“Tôi ở Binh đoàn lê dương Pháp,” Mick đáp bằng thứ tiếng Anh đặc sệt. “Trước đó tôi ở Lực lượng phòng vệ Nhật Bản.”

Yeager đã bắt đầu thấy một vấn đề tiềm tàng. Bình thường, các thành viên được chọn vào chung một đội an ninh tư nhân thường có cùng lý lịch quân sự. Thậm chí cùng trong Hợp chủng quốc, lục quân và hải quân đã sử dụng các chiến thuật và vũ khí khác nhau. Một khi bắt đầu chiến đấu, những khác biệt này có thể dẫn đến nhầm lẫn và thậm chí có thể khiến toàn đội tiêu vong, và đây là lý do bên an ninh tư nhân thường ghép đội những người cùng lý lịch và cùng phương

pháp huấn luyện.

“Tôi ở Lực lượng đặc biệt Mỹ,” Yeager nói, cố khuyến khích mọi người lên tiếng.

“Tôi thì ở Không quân Mỹ,” Meyers nói. “Lính dù cứu thương.”

Lính dù cứu thương được huấn luyện chăm sóc y tế nâng cao và kỹ thuật chiến đấu. Khẩu hiệu của họ là “Để người khác sống”. Lý lịch khá bất thường với một nhân viên an ninh tư nhân.

“Thủy quân lục chiến, lực lượng trinh sát,” Garrett nói.

Đội ngũ này quả thật là một mớ lộn xộn. Yeager biết họ sẽ phải thống nhất mật mã và tín hiệu tay để dùng trong lúc chiến đấu. Và anh phải đảm bảo Mick cảm thấy mình là một phần của đội.

Phòng chỉ thị là một căn phòng nhỏ không cửa sổ. Những chiếc bàn hẹp xếp hàng đối diện với một tấm bảng trắng bên tường.

Singleton tới vào đúng 17:00. Ông liếc nhìn Meyers, đang sẵn sàng ghi chép. “Trong buổi họp này không được ghi chép. Các anh phải tự nhớ tất cả những thông tin tôi cung cấp.”

Meyers yên lặng cất sổ và bút.

“Tôi biết các anh vẫn chưa quen nhau, vậy nên tôi sẽ giới thiệu từng người và nói luôn nhiệm vụ cá nhân của từng người là gì. Thứ nhất, tất cả các anh đều có chứng chỉ tác chiến trên không. Yeager sẽ là đội trưởng. Anh sẽ chịu trách nhiệm về vũ khí và bắn tỉa. Anh biết tiếng Anh, Ả Rập, và Pashtun nữa, tôi nói đúng chứ?”

“Chính xác,” Yeager đáp lời.

“Dù vậy, trong chiến dịch hiện tại sẽ không cần đến những kỹ năng đặc biệt đó.” Singleton quay sang người tiếp theo. “Meyers sẽ là y sĩ. Anh biết nói ngôn ngữ nào khác nữa?”

“Không có gì, thật đấy,” người thanh niên trả lời. “Một chút thuật ngữ y học. Thế là hết.”

Singleton nhìn chằm chằm anh ta một lúc. Yeager đoán rằng Singleton là một cựu quân nhân trong quân đội Nam Phi.

“Garrett, anh chịu trách nhiệm về liên lạc. Bên cạnh tiếng Anh, anh còn nói tiếng Pháp và Ả Rập?”

Garrett gật đầu mà không nói lời nào.

“Cuối cùng, Kashiwabara,” Singleton nói, cẩn thận phát âm cái tên. “Anh chịu trách nhiệm về chất nổ. Anh nói tiếng Nhật và Pháp, nhưng cũng có thể hiểu tiếng Anh?”

“Tôi... chắc được,” Mick đáp.

Singleton có vẻ hơi lo lắng về câu trả lời ngập ngừng ấy. “Hãy cùng xem thời gian biểu của các anh,” ông nói tiếp.

Chế độ tập luyện của họ gồm có hai ngày một lần hành quân đường dài bốn mươi kilômét, học tiếng Swahili, và tiêm chủng một loạt các bệnh, trong đó có bệnh sốt vàng da.

“Tiếp theo là khu vực hoạt động của các anh.” Singleton đi tới chỗ máy chiếu và chiếu một tệp tin PowerPoint lên màn hình. Trang đầu tiên là một bản đồ châu Phi. Ông chỉ đèn laser vào phần trung tâm. “Các anh sẽ được đưa vào Cộng hòa Dân chủ Congo, gần đây vẫn mang tên Zaire.”

Yeager xem xét vị trí của Congo. Đó là một đất nước lớn nằm chính giữa lục địa, ngay dưới đường xích đạo. Đường biên giới của nước này dài hơn ở phía tây, bởi nó chạy dọc sông Congo, con sông chảy qua thủ đô Kinshasa tới tận Đại Tây Dương, nơi đất nước thu lại thành một dải hẹp. Những màu khác nhau trên bản đồ cho thấy độ tập trung của rừng mưa nhiệt đới trong lãnh thổ Congo. Rừng nhiệt đới bao phủ đất nước ấy.

“Các anh sẽ được đưa vào khu vực rừng rậm phía đông ở đầu kia đất nước Congo, cách rất xa Kinshasa. Đây là nhiệm vụ tìm và diệt. Các anh sẽ hoạt động dưới vỏ bọc nhân viên một tổ chức quyền động vật, vậy nên hãy nuôi dài tóc ra. Vũ khí chủ yếu sẽ bị giới hạn chỉ có AK-47 và súng săn. Không có súng máy hạng nhẹ đâu. Tôi sẽ đưa thông tin chi tiết về trang bị chiến đấu ở buổi sau.” Singleton nhìn Meyers, người cựu lính dù cứu thương. “Meyers, anh biết bệnh sốt xuất huyết Ebola chứ?”

“Biết.”

“Bởi điều này có liên quan tới nhiệm vụ, anh có thể nói qua cho cả đội về căn bệnh này không?”

Meyers trông hơi sửng sốt, nhưng vẫn quay sang những thành viên khác. “Sốt xuất huyết Ebola là căn bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhất mà con người biết đến. Virus này phá hủy tế bào trong cơ thể, bao gồm cả não bộ. Các nội tạng và cơ bắp tan rã ra ngay khi người bệnh vẫn còn sống. Trong cơ thể người bệnh, tất cả các dịch cơ thể nhiễm virus sẽ tràn ra qua mọi lỗ trên cơ thể – tai, mũi, miệng, hậu môn và các lỗ chân lông – và rồi họ chết. Tỷ lệ tử vong của *Zaire ebolavirus* là chín mươi phần trăm.”

Những người lính lắng nghe mà không biểu cảm gì. Meyers đứng lên chỉ vào bản đồ Congo trên màn hình. “Khu vực đông Congo, nơi chúng ta sẽ tới, nằm giữa vài điểm nóng Ebola, bao gồm cả các khu dọc nửa tây sông Ebola và biên giới phía đông bắc, giáp nam Sudan. Kenya và Uganda, ở phía đông, cũng đã xuất hiện chủng phụ của Ebola.”

Yeager giơ tay. “Cách chữa là gì?”

“Không có. Một khi nhiễm bệnh, tất cả những gì anh có thể làm là cầu nguyện.”

“Anh nói tỷ lệ tử vong là chín mươi phần trăm,” Garrett nói. “Mười phần trăm còn lại thì sao?”

“Hệ miễn dịch của họ bằng cách nào đó đủ sức chống lại bệnh, và họ sống sót.”

“Hừm,” Garrett khẽ đáp.

“Các anh sẽ ở ngoài vùng bệnh,” Singleton nói. “Nhưng các anh vẫn phải cẩn thận. Có khả năng cao là dơi sẽ mang bệnh, nên hãy phòng ngừa để không bị cắn hay tiếp xúc với phân dơi. Hơn nữa, các loài linh trưởng khác cũng có thể bị nhiễm, vậy nên hãy tránh xa tinh tinh, khỉ đột, và khỉ nhỏ.”

“Nếu nhiễm bệnh, triệu chứng là gì?” Yeager hỏi.

“Sốt, nôn mửa và các triệu chứng giống sốt rét khác. Nhưng Ebola ảnh hưởng chủ yếu đến mắt và tinh hoàn.”

Lần đầu tiên đám đàn ông nhăn mặt.

“Vậy nếu các anh bị mắt đỏ, đó có thể là dấu hiệu nhiễm bệnh.”

“Tôi hy vọng sẽ không phải kiểm tra bi của ai,” Meyers nói, và

mọi người bật cười.

Mick, người nãy giờ vẫn im lặng, lên tiếng bằng thứ tiếng Anh ngắc ngứ. “Tại sao căn bệnh này không... lan ra toàn thế giới? Như HIV?

“Đó là một câu hỏi hay, Mick,” Meyers nói. “Thời kỳ ủ bệnh của virus quá ngắn. Một khi nhiễm bệnh, anh sẽ bắt đầu biểu hiện triệu chứng sau khoảng bảy ngày. Tức là hầu hết bệnh nhân đều chết trước khi có thể lây cho người khác.”

“Tôi hiểu.”

“Giờ thì các anh đã hiểu Ebola đáng sợ đến thế nào chưa?”

Bốn người kia gật đầu. Dù không ai lên tiếng, hầu hết họ đều có một câu hỏi tự thân đã giải đáp. Nếu một trong các thành viên nhiễm bệnh trong khi làm nhiệm vụ, quy trình hành động sẽ thế nào? Sẽ không có trực thăng cứu trợ. Họ sẽ phải cho người đó một kim tiêm và ít morphine rồi bỏ anh ta lại trong rừng. Đây là số phận của lính đánh thuê trên chiến trường. Đổi lại đồng lương cao, họ là thứ đồ có thể bỏ đi.

“Tôi muốn nói đến vấn đề chính của ngày hôm nay: tình hình tại nơi các anh sẽ xâm nhập, Cộng hòa Dân chủ Congo.” Singleton chuyển sang trang tiếp theo. Họ không hề chuẩn bị tinh thần thấy cảnh tượng khủng khiếp trên màn hình: một con đường bùn lầy rải đầy xác chết. Người trẻ, người già, đàn bà, đàn ông. Vài người bị trói tay sau lưng, vài người chỉ còn là cái xác không đầu.

“Diệt chủng,” ‘Singleton ngâm nga. “Hiện giờ, Congo đang trải qua một cuộc xung đột trên diện rộng, được coi là Đại chiến ở châu Phi. Cuộc chiến này có số lượng người chết cao nhất kể từ Thế chiến thứ hai – bốn triệu người. Các thỏa thuận ngừng bắn hết lần này đến lần khác bị phá vỡ mà vẫn chưa thấy điểm kết.”

Như thể đọc được nghi ngờ trên mặt những người kia, Singleton tiếp tục. “Điều này đang thực sự xảy ra, tin tôi đi. Chỉ là báo chí và truyền hình không đưa tin về nó. Có thể nói đó là sự phân biệt đối xử trong ngành truyền thông. Truyền thông đại chúng ở những nước công nghiệp không quan tâm bao nhiêu người châu Phi chết. Những

cuộc diệt chủng thường xuyên diễn ra ở đó còn ít được đưa tin hơn bảy con đười ươi bị giết. Tất nhiên là người châu Phi không phải loài động vật bị đe dọa." Singleton cười lạnh.

"Nguyên nhân mấu chốt của những vấn đề tại Congo có thể truy lại về thời thuộc địa. Khi Bỉ cai trị đất nước này, họ xúi bẩy cho hai bộ lạc chính đánh nhau – Tutsi và Hutu, trước đó vẫn luôn sống hòa bình với nhau. Họ thiên vị Tutsi mà không có lý do, khiến người Hutu phẫn nộ. Sự căm thù cứ âm ỉ trong lòng hai bộ lạc này tới khi bùng lên, trở thành cuộc diệt chủng ở Rwanda."

Yeager biết rành cuộc xung đột này. Máy bay của thủ tướng Hutu bị bắn rơi, dẫn đến việc người Hutu bắt đầu thảm sát người Tutsi. Đài phát thanh thành phố càng thổi bùng ngọn lửa thảm sát, và hàng ngàn dân thường cầm rìu và dùi cui lên bắt đầu giết hại hàng xóm của mình. Họ nhằm vào phụ nữ và trẻ em để tiêu diệt vĩnh viễn người Tutsi. Những băng nhóm giết người mọc lên, không chỉ bị thúc đẩy bởi lòng hận thù bộ lạc mà còn bởi nỗi sợ rằng nếu không tham gia cuộc chém giết chính họ cũng sẽ trở thành nạn nhân cho dù có là người Hutu; lại thêm lời đồn giả dối rằng ai giết được một người Tutsi sẽ được phần đất ruộng của người đó. Cảnh tàn sát trở nên dữ tợn và nạn nhân bắt đầu trả tiền kẻ tấn công để bắn vào đầu mình thay vì dùng dao cùn chém để họ chảy máu đến chết. Trong cơn hỗn loạn, nhiều người Hutu bị nhầm là người Tutsi và bị giết.

Một trăm ngày sau khi cuộc diệt chủng hát đầu, một đội quân dẫn đầu bởi người Tutsi tập hợp bàn ngoài biên giới đất nước. Họ phân công, và tình hình cuối cùng cũng dịu xuống. Nhưng khi đó mười phần trăm dân số đã chết – khoảng tám trăm nghìn người.

"Rwanda giờ nằm trong tay chính phủ của người Tutsi, và hòa bình trở lại, nhưng cùng với đó là chủ nghĩa xét lại lịch sử, tuyên bố rằng cuộc diệt chủng chưa bao giờ xảy ra." Singleton cười lạnh trước khi nói tiếp. "Và thế là xong, dưới góc nhìn của phần thế giới còn lại. Nhưng tấn bi kịch vẫn tiếp tục. Cuộc diệt chủng đó đã châm ngòi cho Đại chiến ở châu Phi."

Bàn trình chiếu PowerPoint đổi sang hình phỏng lớn khu vực

Congo. Đốm laser của Singleton chạy qua chạy lại giữa Rwanda ở bên đông và Congo ở bên tây.

"Một phần nhóm giật dây người Hutu trong cuộc thảm sát Rwanda trốn thoát tới Congo và từ đó tiếp tục tiến hành các cuộc tấn công xuyên biên giới. Chính phủ Congo nhắm mắt làm ngơ, và điều đó khiến Rwanda tức giận. Mâu thuẫn leo thang tới khi nó trở thành mâu thuẫn giữa hai nước Rwanda và Congo. Rwanda hợp tác với Uganda cũng do người Tutsi lãnh đạo, hành động nhằm lật đổ chế độ độc tài Congo. Họ hỗ trợ các nhóm du kích chống chính phủ ở đông Congo, từ đó châm ngòi cho một cuộc nổi dậy. Kế hoạch thành công. Quân nổi dậy nhanh chóng tiến về phía tây, quét qua thủ đô, đánh đuổi kẻ độc tài và thiết lập một chính thể mới. Tổng thống mới là thủ lĩnh đội quân nổi dậy được Rwanda hỗ trợ. Các anh có thể nghĩ thế là yên chuyện, nhưng đó là lúc tình hình sa lầy hơn nữa."

Bản trình chiếu chuyển sang một trang mới với ba tấm bản đồ, mỗi tấm chỉ ra sự chuyển đổi quyền lực giữa các nhóm nổi dậy tại nhiều khu vực trong Congo.

"Vị tổng thống mới này muốn thể hiện ông ta không phải con rối của Rwanda, nên phản bội những người Tutsi ủng hộ mình và hợp lực với các nhóm vũ trang Hutu còn lại ở phía đông. Khỏi cần nói, điều này khiến Rwanda bất mãn, và cùng với Uganda và Burundi, họ tấn công nhằm lật đổ ông ta. Chính phủ mới bị đẩy vào đường cùng, đành tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài và liên minh với Chad và các nước lân cận khác. Đấy là lý do cuộc chiến khổng lồ đó bắt đầu vào năm 1998, với hơn mười nước tham gia."

Khi Singleton nói hết, Yeager giơ tay. "Các nước liên quan có đủ tiềm lực tài chính để duy trì một cuộc chiến lớn như vậy không?" anh hỏi.

Một nụ cười lạnh nở ra trên mặt Singleton. "Họ đều có người tài trợ. Một khi chiến tranh bắt đầu thì mục đích thực sự đã rõ ràng – quyền kiểm soát nguồn tài nguyên nằm dưới mặt đất Congo. Kim cương, vàng, dầu mỏ, và những kim loại đất hiếm dùng trong linh kiện máy tính. Những lực lượng tham chiến ở Congo duy trì cuộc

chiến vì khoáng sản, và lợi ích của cả trăm tập đoàn lớn của châu Âu và châu Á đã đặt vào đó. Các công ty mỏ hỗ trợ quân sự cho những lực lượng cướp bóc tài nguyên và được chia phần từ chỗ còn lại. Rwanda xuất khẩu nhiều khoáng sản hơn số lượng họ khai thác được trong lãnh thổ mình, và những nước phát triển bỏ tiền mua dù biết rằng đấy là đồ ăn trộm. Hàng trăm ngàn người Congo đã phải chết để cung cấp coltan dùng trong điện thoại di động. Và những cường quốc hỗ trợ chính phủ Congo, trong khi cũng bí mật giúp đỡ Rwanda và Uganda – chơi kiểu hai mặt để đảm bảo rằng, bất kể bên nào thắng cuộc, họ vẫn bảo vệ được lợi ích của mình tại các khu mỏ Congo. Nếu anh tính đến lượng tiền đổ vào cuộc mâu thuẫn đó, thì hầu hết các cường quốc đều có liên quan, và nó trở thành một cuộc thế chiến."

"Còn nhân lực thì sao?" Garrett hỏi. "Làm sao họ duy trì được quân số đó?"

"Đầu tiên họ bắt người thất nghiệp nhập ngũ, rồi đến người nghèo. Nếu anh ở trong quân đội, chí ít thì anh cũng được ăn. Nhưng vì vẫn cần thêm quân nên họ bắt đầu bắt cóc trẻ em. Tôi muốn nhấn mạnh rằng đây không còn là một cuộc chiến giữa các chính quyền nữa. Hầu hết người dân Congo không ủng hộ cuộc chiến ngu xuẩn này. Một vài kẻ độc ác – khoảng hai trăm người trong một nhóm vũ trang – đã tạo nên một đội quân mười nghìn người, chẳng hạn. Và quân chính phủ Congo cũng không tử tế gì hơn. Họ tấn công làng mạc của chính đất nước mình, cướp bóc tất cả mọi thứ trong tầm mắt, và thảm sát người dân." Singleton trở lại với tấm bản đồ. "Giờ đây, lực lượng chính phủ Congo kiểm soát phía tây và nam, nhưng phía đông và bắc đang hỗn loạn. Rwanda và Uganda, đáng ra phải là đồng minh, thì lại mâu thuẫn vì quyền kiểm soát các mỏ khoáng sản, và mọi thứ bắt đầu vuột khỏi tầm khống chế. Khu vực phía đông, nơi các anh sẽ đến, đã phải chịu đựng chiến tranh liên tiếp hơn hai mươi năm, và nó đã tới mức mà anh không còn biết đâu là bạn, đâu là thù nữa. Thêm vào đó, thù hận chủng tộc đã âm ỉ ủ bệnh, và nạn diệt chủng diễn ra ở khắp nơi. Liên Hợp Quốc đã cử một lực lượng gìn

giữ hòa bình, nhưng họ không thể kiểm soát toàn bộ khu vực rừng rậm. Đơn giản là vì nó quá rộng."

"Vậy thì chúng ta đang ở phe nào?" Yeager hỏi. "Liên Hợp Quốc?"

"Các anh không ở phe nào cả. Các anh sẽ thâm nhập khu rừng mà không để nhóm phiến quân nào phát hiện ra và tiến hành một nhiệm vụ không liên quan đến cuộc chiến này."

"Cụ thể là gì?"

"Hiện tại tôi không được phép cung cấp thêm thông tin. Bây giờ các anh cứ tập trung vào việc huấn luyện đã."

Yeager nhớ lại thời gian trong quân đội. "Đừng hỏi han gì" là luật lệ được nhồi vào đầu tất cả đám lính mới.

"Ở Congo các anh sẽ không tìm thấy vũ khí mới hay ho gì; không có ném bom chính xác. Không có tư tưởng, lý tưởng hay tình yêu nước gì cả. Nó là một cuộc chiến trần trụi, một cuộc tranh giành quyền lực không núp dưới lý do nào. Nó là một cuộc tranh đấu đẫm máu vì khoáng sản và thù hận chủng tộc, trong đó người ta giết hại lẫn nhau bằng dao rựa và súng cá nhân." Biểu cảm của Singleton lạnh đi khó dò. Ông kết thúc cuộc họp bằng những lời này:

"Sau khi xâm nhập vào nơi ấy, nếu không muốn tận mắt nhìn thấy địa ngục, hãy tránh xa con người ra."

Kento đợi đến ngày Chủ nhật rồi mới lên đường trở lại nhà cha mẹ ở Atsugi. Cậu ngạc nhiên khi thấy căn nhà đã trở nên yên tĩnh đến thế nào kể từ lần cuối tới đây.

Bà Kaori trông hốc hác, nhưng có ông bà ngoại ở đó cũng khiến bà bận rộn.

Kento trò chuyện với họ một lát trong phòng khách rồi đi lên tầng. Trên đó có ba phòng, căn phòng nhỏ nhất là phòng làm việc của cha cậu trước đây. Giá sách chạy dọc ba bức tường, giữa phòng kê một chiếc bàn.

Căn phòng mang mùi của cha cậu. Dù vậy, trước khi cậu bắt đầu trở nên ủy mị, sự tò mò đã thắng thế – nỗi khao khát được biết có thứ gì trong cuốn sách mà cậu đã "đánh rơi cây kem lên". Kento nhìn lướt qua giá sách và thấy nó nằm ở ngăn dưới cùng của giá sách giữa. *Hóa học tường giải,* tập 1.

Cậu mở sách và thấy phần giữa các trang đã được cẩn thận khoét bỏ. Giấu bên trong là một phong thư gập đôi.

Kento nhặt phong thư lên nhìn chăm chú. Bên ngoài là dòng chữ *Gửi Kento,* chữ viết của cha. Bên trong là một thẻ ATM và một tờ giấy duy nhất:

1. Hủy cuốn sách và tờ giấy này ngay lập tức.

2. Trong ngăn kéo bàn có một chiếc máy tính xách tay nhỏ màu đen. Con lấy đi và đừng bao giờ để rơi vào tay ai khác.

Kento mở ngăn kéo, thấy một chiếc máy tính nhỏ cỡ A5. Cậu lấy nó ra thử mở lên, nhưng chỉ thấy màn hình xanh và hệ điều hành không khởi động. Hẳn là nó có vấn đề gì đó, cậu nghĩ. Cậu ấn giữ nút tắt máy và trở lại với mẩu giấy.

3. Con có thể tùy ý sử dụng thẻ ATM. Có thể con không biết người

chủ thẻ, nhưng đừng lo. Trong tài khoản có 5.000.000 yên. Mã PIN là ngày sinh nhật Papi.

Kento nhìn tấm thẻ ngạc nhiên. Thẻ được phát hành bởi một ngân hàng lớn.

Cái tên trên thẻ là Suzuki Yoshinobu. Như cha đã nói, đó là một cái tên cậu chưa bao giờ nghe tới.

Mã PIN là ngày sinh nhật Papi.

Papi là một chú chó nhỏ giống papillon nhà nuôi khi Kento còn bé. Lục lọi trong ký ức xa xôi, Kento tìm lại ngày sinh của nó – ngày mà họ luôn chiêu đãi nó thứ gì đó đặc biệt. Ngày 6 tháng 12. Mã PIN hẳn phải là 1206.

Nếu tài khoản thực sự có năm triệu yên, đó sẽ là tài sản để lại của cha cậu. Chẳng phải cậu cần trả thuế thừa kế sao? Liệu có phải ông đã để lại khoản tiền khổng lồ này để trả tiền học phí và tiền ăn ở cho cậu?

Kento đọc tiếp.

4. Ngay lập tức tới địa chỉ sau:

202, 1-8-3 Morikawa, thành phố Machida, Tokyo.

Dưới bậc thang đầu tiên của tòa nhà có dán chìa khóa.

Từ bây giờ, hãy giữ bí mật tất cả mọi chuyện con làm. Làm một mình, không nói với ai.

Đừng nói với mẹ.

Hãy coi như tất cả mọi phương tiện liên lạc mà con sử dụng – điện thoại bàn, điện thoại di động, thư điện tử, fax – đều đang bị theo dõi.

Mẩu thư kết thúc ở đó.

Kento cau mày nhìn cái chỉ dẫn cuối cùng này. Cha cậu có vẻ hoang tưởng. Giấu tờ thư này vào một cuốn sách mà chỉ Kento mới có thể biết cũng phản ánh nỗi sợ hãi của cha cậu, rằng thư từ của ông có thể bị đọc trộm. Bên cạnh vấn đề sức khỏe gây ra cái chết của

cha, có lẽ nào ông cũng phải chịu đựng vấn đề về tâm thần?

“Con làm gì vậy?

Giật mình vì giọng nói sau lưng, Kento nhảy dựng lên. Mẹ cậu đang đứng ở cửa.

“Mẹ làm bữa trưa rồi. Con muốn ăn một chút không?”

“Vâng ạ,” Kento lơ đễnh nói, đầu óc quay cuồng. Cậu có nên nói cho mẹ về mẩu thư không? Nhưng còn chỉ dẫn của cha thì sao?

“Con cần kiểm tra lại thứ này rồi mới đi ăn sau,” Kento đáp, lén gấp cuốn sách và mẩu thư lại.

Bà Kaori đi xuống tầng, không tỏ vẻ nghi ngờ gì.

Kento đọc lại mẩu thư và quyết định rằng mình phải đến xem căn hộ ở Machida. Từ Atsugi, cậu có thể tạt qua căn hộ của mình ở Kinshicho trên đường đi. Thật là một trò chơi nhập vai kỳ lạ nhưng cậu cảm giác mình không còn lựa chọn nào khác. Cậu nhét vào túi mẫu thư và tấm thẻ ATM, kẹp nách quyển sách và chiếc máy tính nhỏ rồi đi xuống nhà.

Trong căn phòng ăn kiêm phòng bếp chỉ bày một suất ăn trưa duy nhất, và cậu ngồi xuống. "Ông bà ngoại đâu rồi ạ? cậu hỏi.

“Ông bà đi dạo và nói sẽ mua sắm nữa.” mẹ cậu uể oải nói. Khuôn mặt bầu bĩnh thường ngày giờ xọp lại.

Kento bắt đầu ăn. “Gần đây có chuyện gì khác thường xảy ra với bố không ạ?" Cậu cố giữ giọng bình thường.

Cậu nhìn lên và thấy mẹ nhìn lại mình ngạc nhiên, miệng mở to. Cuối cùng Kento cũng hiểu ra. Có thứ gì đó còn lớn hơn cả cảm giác mất mát đang đè nặng lên bà. Liệu nó có liên quan đến mẫu thư kia không?

“Vậy là con cũng để ý sao?” bà hỏi.

“Để ý gì cơ ạ?”

Bà nhìn quanh để chắc rằng không có ai ở quanh. “Mẹ có một linh cảm xấu. Trong mấy tháng cuối, bố con cư xử rất kỳ lạ.”

“Kỳ lạ? Như thế nào ạ?”

“Ông ấy rất bận và lúc nào cũng về nhà muộn.”

“Có lẽ bố chỉ bận công việc.” Đó cũng có thể là nguyên nhân cha

mất sớm, Kento nghĩ. “Bác sĩ nói có thể bố mất vì làm việc quá độ.”

“Không chỉ có vậy. Mẹ từng hỏi bố con một lần. Anh làm gì mà về muộn vậy? Anh đi những đâu? Và con biết ông ấy nói gì không?” Mẹ cậu ngừng lại.

“Gì ạ?”

“Ông ấy nói rằng một người bạn ở trường đại học có đứa con tự giam mình trong nhà, và ông ấy đang kèm cặp đứa bé đó.”

Chắc chắn đây là một lời nói dối. Nghĩ ra một cớ lộ liễu như vậy thật đúng kiểu của cha, Kento nghĩ. Không một giáo sư đại học nào lại đi làm kiểu việc bán thời gian như dạy kèm trẻ con tại nhà. Cha cậu đang che giấu chuyện gì đó.

“Không phải bố đột quỵ tại ga Mitaka sao ạ?” Kento hỏi.

“Đúng vậy. Điều đó cũng thật vô lý.”

Kento hồi tưởng lại sự việc mười ngày trước. Khi nghe tin cha đột quỵ, cậu chạy thẳng khỏi phòng thí nghiệm, nhưng không phải chạy về nhà ở Atsugi hay tới trường của cha ở Tama mà là tới một bệnh viện ở Mitaka. Nơi đó cách nhà họ một giờ đi tàu và rất xa đường đi làm thường lệ của cha cậu. Nghe cảnh sát và bác sĩ cấp cứu nói, cha cậu đang đợi tàu ở sân ga Mitaka thì bị vỡ mạch máu. Họ khẩn cấp đưa ông tới bệnh viện gần nhất, nhưng khi đó đã quá muộn. Nhưng sao lại là Mitaka? Ông đang làm gì cách xa địa bàn thường ngày như vậy? Kento đã nghĩ rằng cha đến đó vì công việc. Nhưng giờ cậu không còn chắc nữa.

Kento nhớ lại mẩu thư hoang tưởng và chợt thấy sống lưng lạnh đi vì sợ. Có thể nào cha đã bị giết hại? Nào – đừng vội kết luận thế, cậu tự nhủ. Chẳng có gì đáng nghi về cái chết của ông cả. Tại bệnh viện, bác sĩ nói rằng chụp cắt lớp vi tính cho thấy rõ một chỗ phình vỡ tại động mạch chủ ngực. Là sinh viên dược, Kento biết rằng không một thứ thuốc độc nào có thể gây ra triệu chứng như vậy. Cha cậu mất vì nguyên nhân tự nhiên.

Tuy vậy, Kento không thể bỏ qua bức thư điện tử được gửi tới sau cái chết của ông. Cha cậu viết nó vì biết rằng mình sắp phải biến mất một thời gian. Kể cả nếu ông không nghĩ mình sẽ chết, chắc hẳn

ông cũng đang chờ đợi rắc rối gì đó.

“Còn một điều nữa,” mẹ cậu nói tiếp. “Mẹ muốn cảm ơn người đã gọi xe cứu thương nhưng không biết người đó là ai. Mẹ nghe nói bố đi với một người phụ nữ, nhưng cô ta rời khỏi nhà ga ngay lập tức.”

Cha cậu đi với một người phụ nữ? Quả là tin mới. “Người phụ nữ như thế nào ạ?”

“Họ nói cô ta khoảng bốn mươi tuổi, thanh mảnh, tóc dài ngang vai.”

Cuối cùng Kento cũng hiểu ra điều mà mẹ đang tưởng tượng. “Vậy mẹ muốn nói là...”

Bà Kaori gật đầu, trong mắt hiện lên nỗi lo âu.

“Từ từ đã,” Kento lắp bắp. “M... mẹ muốn nói là bố...”

Không thể nào. Ông giáo sư đại học với bộ vét sờn rách, lúc nào cũng thiếu tiền tài trợ nghiên cứu? Người đàn ông thấp bé, luôn luôn bất bình và hay phàn nàn? Có lẽ đó là cuộc phiêu lưu tình ái cuối cùng của ông trước khi bước sang tuổi sáu mươi. Cũng không đáng tin lắm, nhưng vẫn có khả năng hơn việc cha cậu bị người khác cố ý hãm hại. Kento thấy thất vọng vì cái kết đáng ghê tởm này. Đây là điều cha đang muốn cậu làm trong cái trò chơi nhập vai này Dọn dẹp dấu vết cuộc tình của cha cậu?

“Mình đừng vội tưởng tượng linh tinh,” Kento nói. “Có lẽ người phụ nữ đó chỉ tình cờ có mặt thôi.”

“Mẹ cũng mong là vậy, mẹ cậu nói và thở dài.

Trên tàu tới Machida, tâm trí Kento vơ vẩn không yên. Cuộc đời cậu đã bị đảo lộn trong tích tắc. Lần đầu tiên trong đời, cậu không chỉ nhìn nhận cha mẹ mình là cha mẹ mình nữa. Cậu bắt đầu nhìn nhận họ như một cặp vợ chồng.

Cho tới ngày hôm qua, cậu vẫn nghĩ mình đã là người trưởng thành, nhưng những trải nghiệm gần đây có lẽ mới chính thức đánh dấu cái kết của thời thiếu niên. Dù là tốt hay là xấu, chính cái chết của cha mẹ mới dạy cho con cái những bài học quan trọng nhất.

Kento xuống tàu ở ga Machida và đi tới ngân hàng. Cậu đã quen đường trong khu vực này, bởi nó chỉ cách nhà cậu khoảng hai mươi phút. Thời còn học trung học, cậu thường đến đây để mua sách hay xem phim. Nó nằm ở chính giữa đường đi làm thường lệ của cha cậu. Nơi ông đã thuê một căn hộ để hẹn hò với người tình, chẳng còn nghi ngờ gì nữa.

Ngân hàng ghi trên thẻ ATM có chi nhánh ngay cạnh một trung tâm mua sắm thời thượng. Kento vào cây ATM, đút thẻ vào máy và bấm mã 1206. Và đúng là tài khoản có chứa năm triệu yên.

Kento sững sờ. Vậy là cha cậu thực sự có của cải bí mật, tiền dành dụm mà ông giấu đi. Khoản tiền lớn đến mức Kento không dám làm gì ngoài xác nhận số dư tài khoản. Lại thêm một bằng chứng chứng tỏ cha cậu đã ngoại tình.

Kento đi bộ về nhà ga và kiểm tra lại trên bản đồ địa chỉ mà cha đã viết. Morikawa nằm ở phía bên kia đường tàu, đối diện một khu phố ăn chơi mua sắm tấp nập.

Khi đi qua những tòa nhà văn phòng và căn hộ cao cấp, cậu bắt gặp một con ngõ nhỏ trông như lối đi riêng. Tòa nhà cậu đang tìm hẳn là nằm ở cuối ngõ. Con ngõ nằm giữa một bức tường bê tông ở bên phải, và ở bên trái là một hàng rào bao quanh một bãi đỗ xe rải sỏi. Cách xa cảnh nhộn nhịp của khu mua sắm, nơi này rất yên ắng.

Kento đi dọc ngõ và thấy tòa nhà đang tìm. Cậu đứng sững lại nhìn ngôi nhà chung cư hai tầng bằng gỗ trát vữa.

Bức tường bên ngoài nứt vỡ, khung cửa sổ trật khỏi chỗ, cầu thang ngoài trời đã gỉ sét.

Tòa nhà là một món đồ cổ, một thứ tàn dư từ thế kỷ trước. Mảnh đất quanh nó mọc đầy cỏ dại như một con hào bao quanh. Lọt thỏm giữa những tòa nhà cao hơn, hiện đại hơn, trông nó buồn bã, cô độc và bị lãng quên, bị bỏ lại bởi làn sóng phát triển của khu này. Đây là nơi hoàn hảo để trốn lánh, nhưng có hơi ghê rợn khó mà mang người tình tới được. Trên thực tế, Kento còn không cảm thấy quanh đây có bất kỳ ai.

Gom hết lòng can đảm, cậu đi ngang qua khoảnh đất đầy cỏ dại

tới chân tòa nhà. Nhìn vào số cửa sổ, cậu đoán mỗi tầng phải có ba căn hộ. Mẩu thư cha cậu để lại ghi là căn hộ 202. Kento kiểm tra hộp thư, nhưng không hộp nào có tên cư dân.

Cậu đi tới cầu thang bên ngoài, cảm thấy mình là một tên trộm, và thò tay xuống dưới bậc thang dưới cùng.

Có băng dính ở đó, và không chỉ ở một chỗ. Cậu lột những dải băng dính ra và tìm thấy tổng cộng ba chìa khóa. Sự cẩn trọng đến bệnh hoạn của cha khiến linh cảm xấu của Kento càng mạnh mẽ hơn.

Cậu khẽ khàng lên tầng. Trên hành lang tầng hai, có ba cánh cửa nối tiếp nhau. Kento đi tới cánh cửa ở giữa, căn hộ 202. Không có biển tên trên cửa, nhưng có một ổ khóa mới bóng loáng trông như vừa mới lắp. Cậu thủ từng chìa một, tìm chìa đúng và cuối cùng cũng mở được cửa.

Lối vào nhỏ xíu, chỉ vừa cho một người đứng. Bên phải là một bồn rửa mặt với bình nước nóng riêng; bên trái có một cánh cửa gỗ hẳn là dẫn vào phòng vệ sinh. Kento cởi giày bước vào. Ở cuối hành lang ngắn là một cánh cửa trượt, và đằng sau đó, trí tưởng tượng đang bỏng giẫy của Kento hình dung ra một chiếc giường đôi với những tấm chăn lòe loẹt.

Căn phòng tối om và ấm hơn cậu nghĩ. Kento nghe thấy tiếng o o khe khẽ của điều hòa. Cậu lần mò tìm công tắc và bật đèn lên. Khi ánh đèn huỳnh quang ảm đạm sáng lên, Kento ngỡ ngàng nhìn cảnh tượng trước mắt mình.

Đây không phải nơi tình nhân hẹn hò. Nó là một căn phòng lớn, và những tấm rèm đen dày treo bên cửa sổ chắn hết mọi ánh sáng từ bên ngoài.

Một chiếc bàn ăn lớn chất đầy dụng cụ thí nghiệm đứng giữa phòng. Trên đó là một máy tính xách tay màu trắng và một giá sách xếp đầy tác chất, pipet, bình tam giác, một máy cô quay và một chiếc đèn tia cực tím. Chiếc tủ lạnh bên tường cũng vậy, không phải một chiếc tủ lạnh gia đình bình thường mà là loại dùng trong thí nghiệm hóa học. Thiết bị ở đây đều quen thuộc với Kento, là loại cậu vẫn dùng ở trường mình. Phòng thí nghiệm này được trang bị cho những

thí nghiệm trong lĩnh vực của Kento – tổng hợp hữu cơ.

Tất cả chỗ trang thiết bị này hẳn là rất tốn kém. Trên sàn có trải một chiếc túi ngủ và để một bộ bàn chải thuốc đánh răng. Kento biết rằng, bất kể nhiệm vụ đang đợi cậu ở đây là gì, cậu sẽ phải ở lại.

Đúng lúc ấy, cậu nghe thấy tiếng loạt soạt ở đằng sau, và cậu cứng người. Trên bức tường đối diện cửa sổ là một cái tủ mà lúc trước cậu chưa để ý, và trên ngăn cao nhất là một dãy hộp nhựa trong lớn. Đây là loại chuồng dành cho động vật thí nghiệm, trang bị hệ thống thông khí và cho ăn tự động. Cậu tìm thấy bốn mươi con chuột tất cả, chia làm bốn nhóm mười con. Có vẻ lũ chuột đã sống suốt thời gian vừa qua trên ngăn tủ tại căn hộ tồi tàn này. Hai mươi con chuột bên tay phải trông có vẻ yếu. Kento muốn giúp chúng, nhưng bởi chưa từng thí nghiệm với động vật, cậu không biết phải làm thế nào. Ống nước trống không, cậu định đổ nước máy vào đó nhưng rồi lại băn khoăn có nên dùng nước cất không. Cậu cân nhắc xem nên làm gì rồi cuối cùng quyết định đi mua nước khoáng tại một cửa hàng tiện ích trước khi về nhà.

Kento nhìn quanh phòng thí nghiệm nhỏ kỳ lạ này. Tại sao cha lại chuẩn bị nó? À, cậu nghĩ. Chắc chắn phải có một cuốn nhật ký thí nghiệm. Quả vậy, có một cuốn sổ lớn nằm trên bàn, loại mà các nhà nghiên cứu hay dùng.

Cậu mở nó ra và tìm thấy một phong bì. Bên trong là một mẩu tin nhắn được in từ máy tính.

Kento:

Bố rất vui vì con đã tới được tận đây. Hẳn là con đã rất ngạc nhiên khi thấy cái phòng thí nghiệm nhỏ kỳ quái này. Giờ thì công việc thực sự mới bắt đầu. Vì những lý do riêng, bố đang làm một nghiên cứu độc lập, và bố muốn con tiếp quản nó khi bố không có ở đây.

Khi bố không có ở đây. Không rõ cha đang ám chỉ điều gì, nhưng chắc chắn ông không nghĩ đến việc phải chết.

Bố muốn con thực hiện nghiên cứu một mình. Đừng nói với ai.

Nhưng nếu con thấy mình gặp nguy hiểm, hãy từ bỏ tất cả ngay lập tức.

Lại hoang tưởng nữa. Kento cau mày và đọc tiếp.

Trước hết, phần mềm con cần cho nghiên cứu nằm trong máy tính màu trắng, vậy nên hãy dùng cái đó. Đừng bao giờ giao máy tính màu đen lấy từ phòng làm việc ở nhà cho ai. Hãy giữ nó an toàn.

Kento ngồi xuống chiếc ghế xoay ở bên bàn và đặt hai chiếc máy tính trước mặt. Một máy đen, một máy trắng. Cậu bật chiếc máy to hơn, chiếc màu trắng. Cậu đã thử chiếc đen ở nhà rồi và biết nó sẽ không hoạt động, nhưng dù sao cậu cũng thử ấn nút nguồn. Có lẽ chiếc máy nhỏ chứa tin nhắn và thư từ cá nhân. Cậu vẫn không biết gì về người phụ nữ đã ở bên cha cậu tại sân ga Mitaka khi ông đột quỵ. Cậu vẫn không tin cha đã ngoại tình.

Trong khi đợi máy tính khởi động, cậu đọc tiếp mẩu tin nhắn cha để lại.

Dự án nghiên cứu như sau:

1. Bố muốn con thiết kế chất chủ vận cho một thụ thể mồ côi và tổng hợp nó.

2. Chi tiết về GPCR đích ở trong máy tính trắng.

3. Con phải hoàn thành dự án trước ngày 28 tháng Hai.

Kento rên lên. Thật là nực cười. Cậu đọc lại chỉ dẫn một lần nữa thật cẩn thận để chắc chắn rằng mình hiểu đúng. Vấn đề này nằm ngoài lĩnh vực nghiên cứu của cậu.

Mặt ngoài tế bào có vài loại thụ thể, tất cả đều là protein. Thụ thể có những chỗ lõm giống như túi có thể tiếp nhận và liên kết với một số loại phối tử nhất định, và qua việc liên kết này điều khiển hoạt động tế bào. Đây là cách hoóc môn liên kết với tế bào và ảnh hưởng đến tế bào, khiến chúng có hình dạng nhất định và/hoặc thực hiện các chức năng nhất định. Ví dụ, phối tử là hoóc môn steroid

nam và nữ góp phần quyết định mức phát triển cơ bắp và tình trạng da.

Thụ thể mồ côi mà cha cậu nhắc đến là các thụ thể mà chức năng và phối tử liên kết với nó chưa được xác định. Cha muốn cậu tìm ra một chất chủ vận, một chất liệu có thể hoạt hóa các thụ thể mồ côi.

GPCR mà cha cậu nói đến – thụ thể bắt cặp với protein G - là những protein dài dạng dây thừng, cuộn bảy vòng bên trong màng tế bào rồi lại xuyên qua ngoài màng, tạo thành cái túi ở chính giữa. Rất khó xác định hình dạng túi này, nên thiết kế được một chất chủ vận liên kết với chúng là việc vô cùng khó khăn.

Để thực hiện chỉ dẫn của cha sẽ cần tới một tổ chức nghiên cứu lớn – như một công ty dược phẩm chẳng hạn – cùng với các chuyên gia nghiên cứu đầu ngành, làm việc hơn một thập kỷ, dùng hàng chục tỷ yên. Kể cả như thế, các chướng ngại cũng lớn tới mức dự án có thể thất bại. Vậy mà đây, cha cậu đang yêu cầu một sinh viên cao học năm hai, một thân một mình, với năm triệu yên, hoàn thành công việc đó trong một tháng. Ông điên rồi sao?

Cha thực sự có chút cơ hội thành công nào không? Manh mối sẽ nằm trong cuốn nhật ký thí nghiệm, nhưng nội dung của nó hoàn toàn vượt ra khỏi tầm hiểu biết chuyên môn của Kento.

Chỉ có bốn trang ghi chú trong cuốn sổ. Theo đó, mục tiêu nghiên cứu đầu tiên là "thiết kế chất chủ vận cho GPR769 đột biến và tổng hợp nó".

À, Kento nghĩ. Vậy là protein bị đột biến này, GPR769, là tên của thụ thể mồ côi đích. Chất chủ vận là thứ thuốc sẽ liên kết với thụ thể này và hoạt hóa tế bào – nói theo cách khác, một phối tử nhân tạo. Nhưng Kento chỉ có thể hiểu được đến đó. Phần còn lại của quy trình như sau:

- Phân tích cấu trúc GPR769 đột biến.
- CADD (thiết kế *in silico*).
- Tổng hợp.
- Thử nghiệm liên kết *in vitro*.

● Đánh giá hoạt tính *in vivo*.

Ngoại trừ phần "tổng hợp", những thứ này đều đòi hỏi kiến thức chuyên môn từ ngành khác, và Kento còn không thể đánh giá liệu đây có phải hướng đi đúng không. Nhưng cậu cũng có ấn tượng là cha đã đánh giá quá thấp độ phức tạp của việc điều chế thuốc mới. Tối ưu hóa kết cấu của chất tổng hợp, thử nghiệm lâm sàng trên người – những giai đoạn cốt tử và tốn thời gian nhất của quá trình điều chế thuốc hoàn toàn bị bỏ qua.

Đột nhiên, Kento băn khoăn nhỡ may GPR769 đột biến kia hoàn toàn không phải thụ thể của con người. Có lẽ nó thuộc về một sinh vật khác. Cha cậu nói là "đột biến", vậy rõ ràng có một đột biến di truyền xảy ra ở đây. Đột biến này đã khiến sinh vật mang thụ thể này biến đổi ra sao? Nếu sinh vật ở đây không phải con người, vậy thì cậu có thể hiểu được việc bỏ qua các bước thử nghiệm lâm sàng.

Hai chiếc máy tính cha cậu để lại có vẻ là chìa khóa. Chiếc máy trắng mà cậu phải dùng sử dụng hệ điều hành Linux – không quen thuộc với các nhà nghiên cứu tổng hợp hữu cơ. Còn chiếc máy kia vẫn không hoạt động như trước.

Để thực hiện di nguyện của cha, cậu sẽ cần tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác, mặc dù điều này sẽ đi ngược lại chỉ dẫn của cha cậu.

Kento trở lại với tờ chỉ dẫn của cha và đọc nốt mục cuối cùng.

Bố nghĩ mình sẽ sớm trở lại, nhưng để đề phòng trường hợp hãn hữu phải đi xa một thời gian dài, bố phải nói điều này:

Một lúc nào đó, một người Mỹ sẽ xuất hiện. Hãy đưa anh ta hợp chất con đã tổng hợp. Con từng ở trong câu lạc bộ tiếng Anh của trường, vậy nên hẳn là con sẽ có thể giao tiếp bằng tiếng Anh. Không như bố. Ahihi.

Chỉ thế thôi.

Kento thích đoạn kết lời nhắn của cha cậu, thật vui nhộn, và cậu bật cười. *Để đề phòng trường hợp hãn hữu phải đi xa một thời gian dài.*

Hóa ra cha không đi xa lâu, mà là đi mãi mãi. Và anh chàng người Mỹ cậu phải gặp là ai? Kento thấy thật khó tin là cha cậu, với thứ tiếng Anh giao tiếp tồi tệ của mình, lại có người quen bên Mỹ.

Một câu hỏi bỏ ngỏ lại dẫn đến một câu hỏi khác. Điều duy nhất mà cậu biết chắc chắn là cha cậu đã cố tạo ra một hợp chất có thể vừa chỗ lõm của GPR769 đột biến. Tất cả những gì cậu thấy có thể làm vào lúc này là xét xem đây có phải một mục tiêu thực tế không, rồi đi tiếp từ đó.

Cậu đứng dậy mặc áo khoác. Khi gấp cuốn nhật ký lại, cậu chợt thấy một câu tiếng Anh bên lề sổ. Những ghi chép nghiên cứu đều được viết nắn nót bằng bút mực, nhưng dòng chữ này lại được ngoáy bằng bút chì.

Báo cáo Heisman số 5.

Cậu đã nghe những từ này ở đâu đó.

Báo cáo Heisman...

Khuôn mặt ông nhà báo hiện lên trong tâm trí cậu.

5

Các thành viên của nội các chiến tranh tập hợp trong Phòng Tình huống dưới tầng hầm Nhà Trắng. Ánh đèn huỳnh quang trên trần chiếu sáng căn phòng dài hẹp không cửa sổ, nhưng cũng không thể nào xua đi không khí ngột ngạt nơi đây.

Mọi thứ trong phòng đều trung tính – chiếc bàn hội nghị gỗ gụ, những chiếc ghế da đen, những bộ com lê đen của các vị quan chức đang ngồi đó. Con người và đồ vật trong phòng chìm vào vẻ đơn điệu xám xịt, hình dạng nhạt nhòa, một bầu không khí khó chịu quái dị bao trùm lên nơi ấy, như thể cả căn phòng là một sinh vật sống đơn nhất.

Một phần là do nhà lãnh đạo của siêu cường quốc đứng đầu thế giới, hiện thân của ý chí quốc gia, hôm nay nóng tính bất thường.

"Vậy kẻ nào đứng sau chuyện này?" tổng thống Burns hỏi. Ngồi ở đầu bàn hội nghị dài, ông quắc mắt nhìn hàng viên chức ngồi dưới. "Chắc chắn phải có rò rỉ thông tin nội bộ chúng ta mới phải chịu tổn thất lớn như thế này."

Không một thành viên nội các nào có vẻ muốn trả lời, nên Burns chỉ định một người. "Tôi đang hỏi ông đó, Charlie."

Watkins, giám đốc tình báo quốc gia, nhìn lên từ bản báo cáo tóm tắt không mấy có ích với ông vào lúc này. "Đúng như lời ngài nói: số thương vong của nhân viên an ninh tư nhân tại Iraq đã tăng mạnh, mặc dù vào tuần trước, con số này đã trở lại mức bình thường. Tôi nghĩ chiến lược phản gián của chúng ta đang có hiệu quả."

"Ông chưa trả lời câu hỏi của tôi. Làm sao quân địch đánh hơi được hoạt động của chúng ta?"

Với Watkins, vì sao phiến quân ở Baghdad có thể triệt hạ nhân viên an ninh tư nhân chuẩn xác đến vậy hoàn toàn là một bí ẩn. Nhưng đáng ra đó không phải trách nhiệm của ông. "Nói đến hoạt động của nhân viên an ninh tư nhân," ông nói, tôi nghĩ Lầu Năm Góc

biết chi tiết hơn là cộng đồng tình báo. Bộ quốc phòng phải biết về kế hoạch hành động của họ. Hoặc là Bộ ngoại giao."

"Các cuộc điều tra của chúng tôi chưa cho thấy bất cứ vấn đề nào," bộ trưởng Bộ quốc phòng Lattimer nói với cái cau mày thường lệ.

Phó tổng thống Daniel Chamberlain quặc lại. "Vậy thì tôi đoán là CIA đã đánh giá thấp khả năng thu thập thông tin tình báo của quân Hồi giáo."

Những người tham gia đều hiểu rõ cuộc đối đầu này, bởi họ đã trải qua không biết bao nhiêu cuộc họp ủ rũ như thế này rồi. Thậm chí trước cả khi cuộc họp bắt đầu, Chamberlain đã đem cộng đồng tình báo ra để hứng đạn, như thường lệ. Nhìn theo cách của ông, mọi thứ đều là lỗi của họ.

"Chuyện không phải là vậy," Robert Holland, giám đốc CIA, đã yên lặng suốt từ đầu đến giờ, đáp lại. Với mái tóc và bộ ria mép bạc, Holland có một vẻ bí ẩn nào đó – hoàn hảo với người đứng đầu một tổ chức gián điệp. "Những phân tích của chúng tôi rất chặt chẽ."

"Ông dựa vào cái gì?" Chamberlain gặng hỏi.

Lattimer ngắt lời. "Chúng ta nên bàn luận việc đó vào buổi họp riêng. Vấn đề là, nhân viên an ninh tư nhân là tín hiệu đầu tiên. Nếu vài người trong số họ chết, dân Mỹ sẽ không quan tâm. Nhưng nếu quân đội Mỹ chịu đựng tổn thất tương tự, dư luận sẽ chống lại chúng ta. Việc chính ở đây là tránh gia tăng số lượng lính tử trận trong thông báo chính thức của chúng ta."

Holland lưỡng lự gật đầu, muốn kết thúc cuộc tranh cãi vô ích này càng sớm càng tốt. Ông ném một cái nhìn quở trách về phía cố vấn an ninh quốc gia của tổng thống, như thể để nhắc nhở rằng việc giải quyết xích mích giữa các ban bệ là trách nhiệm của ông ta.

"Vậy tôi đoán là chúng ta đã xong việc ở đây," Burns nói, sắp xếp lại hồ sơ cho ngay ngắn.

"Vẫn còn một mục nữa," chánh văn phòng Michael Acres nói. "Vấn đề ICC, Tòa án hình sự quốc tế."

Burns rên kẽ và quay sang Thomas Wallace, cố vấn trưởng của

mình. “Tình hình ta rút lại việc ký kết ra sao?”

“Liên Hợp Quốc không chấp nhận việc nước Mỹ rút khỏi hiệp ước.”

Burns thở dài đánh sượt. Cuối nhiệm kỳ, người tiền nhiệm của ông đã phê chuẩn một hiệp ước quốc tế nhằm thành lập ICC. Nếu hiệp ước đó được thông qua, các công dân Mỹ phạm tội ác chiến tranh có thể bị xét xử tại một tòa án quốc tế. Burns đã đơn phương rút ra khỏi hiệp ước này, một bước đi mà Liên Hợp Quốc phản đối. Họ nghĩ họ là cái quái gì mới được chứ? Burns thầm chửi thề.

“Việc duy nhất có thể làm là lập ra một thỏa thuận miễn trách song phương,” James Ballard, bộ trưởng Bộ ngoại giao, thêm vào. Vị cựu sĩ quan quân đội giờ theo chủ nghĩa hòa bình này đã nhanh chóng bị chính phủ hiện thời lạnh nhạt, nhưng vẫn trung thành thực hiện nghĩa vụ của mình. “Nếu làm vậy, các nước khác sẽ không thể đưa công dân Mỹ ra trước ICC.”

“Như thế không đủ,” Burns nói. “Tôi đề nghị nước nào không chịu ký thỏa thuận miễn trách song phương với chúng ta thì ta cắt viện trợ.”

“Vậy thì chúng ta sẽ đi theo hướng đó,” Ballard nói, và giữ lại ý kiến riêng trong lòng.

“Tốt. Các vị có thể trở lại công việc của mình được rồi,” Burns nói, khép lại cuộc họp.

Dọc hai bên bàn hội nghị dài và hẹp, các thành viên nội các và cố vấn chuẩn bị rời đi. Burns đợi tới khi các ghế gần nhất đã trống và gọi chánh văn phòng lại. “Gọi cho tôi tiến sĩ Gardner.”

“Vâng thưa ngài,” Acres đáp và nhấc một đường dây điện thoại an toàn. “Mời tiến sĩ Gardner tới đây,” ông nói vào ống nghe.

Trên đường vào Phòng Tình huống, nhà khoa học già đi ngang qua các quan chức đang rời khỏi đó.

“À, tiến sĩ Gardner. Xin lỗi đã khiến ông chờ.” Burns đứng dậy chào vị cố vấn khoa học của mình. Với ngài tổng thống, cảm giác được nói chuyện với một người mà ông không cần phòng bị gì thật nhẹ nhõm. Có lẽ cảm nhận được sự thân tình này, Gardner cười hiền

từ khi tổng thống ra hiệu cho ông ngồi xuống.

Giám đốc CIA Holland ở lại, gắng dẹp khỏi đầu những lời châm chọc nhắm vào mình suốt cả buổi họp để lắng nghe những gì Gardner nói với niềm hứng thú chân thành. Trong lúc rảnh rỗi, Holland thích đọc tạp chí khoa học dành cho bạn đọc phổ thông, và ông đặc biệt lo lắng về chương trình tiếp cận đặc biệt đang được tiến hành. Theo ông, chính quyền đang đánh giá thấp mối đe dọa. Nếu dạng sống mới được nhắc đến trong bản báo cáo thường nhật của tổng thống thực sự xuất hiện, thì không chỉ Hợp chủng quốc mà tất cả nhân loại sẽ phải đối mặt với một khủng hoảng đe dọa đến chính sự tồn tại của họ. Ngay giữa lúc này, dạng sống này đang bí mật lớn lên trong rừng rậm Congo.

Trước khi nói đến chủ đề chính, Burns gợi lên một đề tài khác dễ giải quyết hơn. “Điều mà hôm trước tôi hỏi ông – gọi là gì nhỉ?”

“Tế bào gốc phôi.”

“Phải rồi. Tế bào gốc phôi. Ông đang chủ trương tái khởi động nghiên cứu này?”

“Chính xác. Nếu không, Hợp chủng quốc sẽ mất đi lợi thế cạnh tranh của mình.”

Burns không thể tức giận với Gardner, ngay cả khi ông thẳng thắn nêu một ý kiến đối lập trước mặt mình. Sự phản đối của Burns với nghiên cứu tế bào gốc không dựa trên nền tảng khoa học hay đạo đức nào mà vì lý do chính trị: mong muốn giữ được sự ủng hộ của giới Thiên Chúa giáo bảo thủ. “Đây là một vấn đề khó khăn,” ông nói. “Tôi tôn trọng quan điểm của ông, nhưng sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, tôi không thể thay đổi chính sách hiện tại.”

“Tất nhiên là tôi tôn trọng quyết định của ngài,” Gardner điềm đạm nói. “Nhưng giờ, hãy tập trung vào một lĩnh vực có liên quan. Thế kỷ hai mốt là thời đại của sinh học. Và chúng ta không thể để nước Mỹ tụt hậu.”

Giá mà các quan chức khác cũng học được cách trả lời như vậy, Burns trầm ngâm nghĩ. Ông yêu cầu chánh văn phòng mang cà phê cho tiến sĩ Gardner. “Vậy thì,” ông chậm rãi nói. “Kế hoạch của

chúng ta tiến triển đến đâu rồi?"

Gardner, cố vấn khoa học của chương trình tiếp cận đặc biệt, nhấp một ngụm cà phê. "Chúng ta bắt đầu khá chậm, nhưng giờ thì đã vào đúng tiến độ. Nhờ lòng tốt của bộ trưởng Lattimer chúng tôi đã dựng được một cơ sở rất tốt ở Lầu Năm Góc."

Gardner giống như hiện thân của lòng tốt, nhưng trong Nhà Trắng, lòng tốt không phải là điều khiến mọi thứ được việc. Burns không thể không cười trước ý nghĩ ấy, nhưng khi thấy duy chỉ có Holland giữ nguyên vẻ mặt nghiêm nghị, ông băn khoăn điều gì đang khiến vị giám đốc CIA phiền lòng. "Ông đang nói về Phòng kế hoạch đặc biệt?"

"Đúng vậy. Nó to khoảng cỡ này," Gardner nói, nhìn quanh Phòng tình huống. "Chúng tôi có máy móc để họp hội nghị qua video, có các màn hình truyền thông tin trực tiếp. Người chủ nhiệm là một người trẻ tuổi rất xuất sắc từ Viện Schneider. Chính anh ta đưa ra các phương án tôi đã đệ trình lần trước. Anh ta quản lý rất tốt và đầy đủ các mặt của chiến dịch."

"Đúng vậy, anh ta là một trong những thành viên giỏi nhất chỗ chúng tôi," Lattimer thêm vào. "Một nhà phân tích hàng đầu ở độ tuổi ba mươi. Chưa có thành tích gì mấy, nhưng anh ta rất hứa hẹn."

Burns hiểu điều gì nằm sau những lời bình luận ấy. Trong trường hợp chiến dịch thất bại, người này là kẻ họ có thể ép phải chịu trách nhiệm. Trên thực tế, chiến dịch hiện tại, dựa trên *Báo cáo Heisman*, thuộc nhóm có ưu tiên khá thấp trong số những điệp vụ ngầm đang được tiến hành.

"Chúng tôi đã lựa chọn những người sẽ thực hiện chiến dịch ở thực địa, và họ đang huấn luyện tại Nam Phi rồi."

"Nếu dạng sống đó tồn tại, không phải nó đã là mối đe dọa với Hợp chủng quốc rồi sao?" Đây là vấn đề mà Burns quan tâm.

"Không cần lo lắng. Nó vẫn chưa phát triển đến tầm cỡ đó. Có thể nói nó vẫn còn đang trong thời kỳ sơ sinh."

"Tôi hiểu. Vậy nên tốt nhất là chúng ta loại bỏ nó theo như kế hoạch."

“Và chúng ta sẽ làm đúng như vậy,” Gardner nói, gật đầu.

Lần đầu tiên, Burns có cảm giác lo lắng về vị cố vấn khoa học mà ông hết sức tin cậy. Không những không phản đối những chiến thuật bẩn thỉu này, vị tiến sĩ Gardner thường ngày vẫn điềm tĩnh, quân tử này đang làm hết sức mình để chiến dịch được tiến hành như đã định. Ngay cả với một nhà khoa học như Gardner, một người chẳng coi giáo lý tôn giáo có ý nghĩa gì, dạng sống này cũng là một thứ kinh tởm cần loại bỏ.

“Quốc hội đã được thông báo về chiến dịch này chưa?” Gardner hỏi.

“Chỉ về ngân sách thôi,” phó tổng thống Chamberlain nói. “Luật yêu cầu chúng ta thông báo ngân sách cho các lãnh đạo cấp cao của Thượng viện và Hạ viện ba mươi ngày trước khi khởi động chiến dịch. Nhưng chúng ta không phải nói cho họ bất cứ thông tin chi tiết nào. Vậy nên họ không biết chúng ta đang lên kế hoạch gì. Chúng ta cũng không để lộ ai có liên quan.”

Gardner có vẻ nhẹ nhõm. Với một học giả, trở thành thành viên của một chiến dịch tối mật là một thứ trải nghiệm ly kỳ khiến người ta thao thức vào ban đêm, quá phấn khích không ngủ được. Burns không thể nén một nụ cười. “Có sự giúp đỡ của ông, tiến sĩ Gardner, tôi nghĩ kế hoạch sẽ ổn thỏa thôi.”

Gardner gật đầu. “Người chủ nhiệm chiến dịch mà tôi nói đến đã đưa ra một chiến thuật rất tỉ mỉ, chi tiết. Chúng ta sẽ xong việc trong vòng một tháng. Tôi đảm bảo với ngài.”

Holland, nãy giờ vẫn lặng lẽ quan sát cuộc trao đổi này, lo lắng vuốt ria mép, cố gắng rũ bỏ cảm giác phiền muộn của mình. Cả ngài tổng thống và vị cố vấn khoa học đều đánh giá thấp đối thủ của mình. Nếu dạng sống ấy bằng cách nào đó tiếp xúc được với xã hội phát triển, sự cân bằng mong manh đang giữ thế giới vẹn toàn sẽ dễ dàng tan biến.

Holland nghĩ đến bốn người đàn ông được tập hợp ở Nam Phi. Và rằng họ có thể trở thành vật hy sinh để loài người tránh khỏi một thảm họa.

Cho tới giờ, nhiệm vụ càng khó lại càng tốt. Những tình huống đe dọa tính mạng và nỗi đau thể xác chỉ giúp Yeager quên đi thực tại đau đớn của cuộc đời mình. Nhưng giờ, khi đứa con trai chỉ còn cách cái chết một tháng, cả những cuộc huấn luyện khắc nghiệt nhất cũng không thể xoa dịu nỗi đau.

Hồi còn trong quân đội, việc hành quân đường dài bốn mươi kilômét trong khi đeo quân trang bốn mươi kilôgam chẳng là gì đối với anh. Nhưng thời gian dài làm nhân viên an ninh tư nhân hoạt động ở đô thị đã khiến anh mềm yếu, thiếu sức bền. Nhóm người rời khỏi khuôn viên Zeta Security, cuốc bộ trên những con đường đất xuyên qua đồi, và tới khi đi được mười kilômét, Yeager đã hết cả hơi. Cứ mỗi bước chân, gánh nặng trên lưng lại rút thêm sức lực của anh. Mặt trời bán cầu Nam, chói sáng trên bầu trời phía bắc, khiến những giọt mồ hôi anh cần để duy trì nhiệt độ cơ thể bốc hơi trong tích tắc. Hãy tập trung vào cơn đau, anh tự nhủ khi họ hành quân theo hàng một, Yeager ở vị trí thứ hai dành cho đội trưởng. Nhưng sâu trong anh, những mảnh vỡ ký ức – hồi tưởng về những gian khổ anh từng chịu đựng trong đời – trỗi dậy và rồi tan đi.

Một lần, khi anh bảy tuổi – cái tuổi anh còn giận dỗi cô em gái vì không chơi trận giả với mình – cha đã lái xe đưa cả nhà bốn người tới thăm họ hàng ở Arkansas. Họ ở lại một nhà nghỉ ven đường, và từ ghế sau, Yeager nhìn cha nhận phòng ở bàn lễ tân. Hai người lớn đứng đối diện nhau bên quầy, tán gẫu. Chiếc ví ông lấy ra khỏi túi sau. Chiếc bút ông được đưa để ký. Yeager băn khoăn bao giờ mình sẽ lớn lên, trở thành một người cha, và làm những gì cha mình làm.

Nhưng người đàn ông trưởng thành mà anh ngưỡng mộ đã bỏ rơi gia đình. Mẹ anh phải nhận làm quản lý ở một nhà kho siêu thị, một bà mẹ đơn thân chật vật nuôi lớn hai đứa con. Khi Yeager, ngay trước khi tốt nghiệp trung học, tuyên bố rằng anh sẽ nhập ngũ, người

mẹ thường ngày vẫn mạnh mẽ như mất hết tinh thần. Yeager không thể hiểu được những tình cảm mà bà dành cho con trai mình chất chứa trong tim. Chỉ nhiều năm sau, khi con trai của chính anh đang nằm giữa ranh giới sống chết, anh mới bắt đầu hiểu bà đã trải qua điều gì.

Từ ngày nhớ được, Justin đã biết mình có một kẻ thù sẵn sàng cướp đi mạng sống. Thằng bé cũng biết rằng nó sẽ phải chiến đấu với kẻ thù này một mình. Và rằng một ngày sức lực nó sẽ cạn kiệt, và nó sẽ chết.

Mỗi khi tới bệnh viện thăm con, anh đều mang rất nhiều đồ chơi – ô tô mi ni, khẩu súng laser, robot Transformer mới nhất. Anh hy vọng được thấy con vui tươi, dù chỉ trong giây lát. Nhưng Justin, vĩnh viễn bị gắn vào bình truyền ven, chưa bao giờ tỏ ra thích thú với những món quà. Thằng bé cầm con robot trong bàn tay nhỏ xíu và nhìn nó chằm chằm bằng đôi mắt trũng sâu, như thể việc cầm món đồ chơi ấy là một nghĩa vụ đau khổ mà nó phải làm.

Cảnh ấy để lại cho Yeager cảm giác rằng sự sống thật mong manh. Năm năm nữa sẽ chỉ còn con robot bằng nhựa ở lại. Justin sẽ chỉ là một ký ức.

Hơn bất cứ điều gì trong đời, Yeager muốn nhìn thấy con trai cười. Thấy thằng bé khỏe mạnh và nghịch ngợm. Justin cứ việc đánh đổ sữa ra bàn, vẽ nguệch ngoạc khắp các bức tường trong nhà. Anh sẽ chơi đuổi bắt với thằng bé bất cứ khi nào nó muốn. Giá như thằng bé có thể giống như những đứa trẻ khác, được khỏe mạnh trở lại...

"Yeager."

Nghe giọng Anh lơ lớ, Yeager nhìn lên. Đang đi đầu đoàn, Mick dừng lại.

“Nghỉ một chút được không?” Mick gợi ý, mặc dù trông anh ta có vẻ không cần nghỉ lắm. Nhưng Garrett và Meyers, hai người đi bọc hậu, trông khá mệt mỏi.

“Được đấy,” Yeager nói. “Nghỉ mười phút.”

Họ trú dưới tán cây và hạ ba lô xuống. Họ chửi rủa cái cơ thể nhức mỏi của mình và chế độ tập luyện mà không mấy dùng đến

những câu chửi thường thấy của lính tráng. Yeager nhận ra, các thành viên của đội ngũ tạm thời này lịch sự đến ngạc nhiên. Thường thì anh phải thấy ít nhất vài người phun ra một loạt câu tục tĩu.

“Tôi hơi lo lắng về nhiệm vụ này,” Meyers nói khi cởi đôi bốt đi đường ra và dán băng cứu thương lên bàn chân phồng rộp. “Thậm chí cả khi còn ở không quân, tôi chưa bao giờ thực sự được huấn luyện trong rừng già. Tôi không hiểu tại sao họ lại chọn mình.”

“Vậy hẳn đây là một nhiệm vụ dễ dàng” Garrett nói.

Không có chút thông tin nào về công việc phải làm, Yeager không có gì để bình luận. “Mick, anh đã huấn luyện trong rừng già bao giờ chưa?” anh hỏi.

“Rồi.” Người cựu binh lê dương gật đầu.

Garrett, cựu lính thủy đánh bộ và trinh sát, hẳn cũng đã quen hoạt động trong rừng. Yeager quay sang Meyers. “Điều anh phải sợ trong rừng không phải là thú hoang mà là côn trùng và những con vật nhỏ. Muỗi có thể truyền cho anh bệnh sốt rét, và bọ chét có thể đẻ trứng dưới móng chân anh. Rắn và bọ cạp, ong và nhện. Anh bị cắn, anh có thể chết. Nên điều đầu tiên phải làm là đảm bảo xịt đủ thuốc chống côn trùng. Không chỉ trên da mà còn trên quần áo nữa. Và anh phải mắc màn.”

“Còn khi ngủ thì sao? Anh có dùng lều như khi đóng trại ngoài trời vào ban đêm không?”

Yeager quay sang Garrett. “Thủy quân lục chiến các anh làm thế nào?

“Chúng tôi, à...” Garrett do dự một thoáng. “Chúng tôi dùng lều chiến đấu.”

“Lều chiến đấu? Trong rừng già?”

“Chỉ khi chúng tôi có đủ quân nhu,” Garrett giải thích, không nao núng.

“Còn chúng tôi buộc cành cây lại làm võng,” Mick xen vào. “Nếu cách xa mặt đất, ta không phải lo rắn rết.”

“Đặc nhiệm Không quân Anh cũng làm vậy,” Garrett nói.

Garrett có thực sự là trinh sát? Yeager bắt đầu băn khoăn. Có

nhiều nhân viên an ninh tư nhân báo cáo sai lý lịch và phóng đại mức độ kinh nghiệm của mình. Vấn đề là, nói dối như vậy có thể giết chết họ. Trong đội hình bốn người, nếu một người không thể tự lo cho bản thân, sức chiến đấu của họ sẽ giảm đi 25%.

Dù vậy, Garrett trông bình tĩnh đến mức Yeager không thể chắc chắn. Garrett không phải loại người tự cao tự đại mà quá yên lặng và giấu mình so với đám lính thủy đánh bộ điển hình. Từ giờ trở đi, Yeager sẽ để mắt đến trình độ của người này.

Cuộc hành quân đường trường kéo dài hơn một tiếng so với thời gian định trước, nhưng họ cũng hoàn thành được. “Đây là lần đầu tiên của các anh, nên tôi nghĩ cũng dễ hiểu thôi,” Singleton nói khi chào đón họ trở lại khu huấn luyện. Rõ ràng ông không hào hứng gì với màn thể hiện của họ.

Nhẹ cả người, họ ném ba lô vào phòng ngủ và, không buồn thay quần áo, tiếp tục công việc tiếp theo trên thời gian biểu.

Đằng sau trụ sở Zeta Security là một khoảng đất lớn có đường băng cắt ngang và bao quanh là nhà để máy bay cùng các khu huấn luyện khác. Khi Yeager và những người khác ra khỏi cửa sau trụ sở, họ thấy một chiếc xe nâng hàng dùng cho máy bay chở hàng của quân đội. Đây là lần đầu tiên họ thấy nhân viên khác ngoài Singleton ở đây. Yeager biết họ đang bị cô lập một cách có chủ ý. Nhiệm vụ mà họ đang chuẩn bị hẳn phải là một nhiệm vụ tối mật.

“Bây giờ tôi sẽ phân phát vũ khí,” Singleton nói và dẫn họ vào một nhà kho bằng bê tông.

Kho cất trữ vũ khí này được trang bị vô cùng đầy đủ, không chỉ có pháo hạng nặng và súng cầm tay mà còn có súng phóng tên lửa, súng cối, và dù dùng cho các nhiệm vụ trên không. Trong các vùng chiến sự mà họ quen hoạt động, hầu hết mọi người đều dùng vũ khí làm ở Đông Âu hay Trung Quốc, nhưng ở đây là đủ loại vũ khí vô cùng ấn tượng, đến từ khắp nơi trên thế giới, kể cả các nước phương Tây.

Singleton đứng trước một tủ chứa đầy súng trường. “Như tôi đã

nói, vũ khí chính của các anh sẽ là AK-47 hoặc súng săn. Hãy chọn một trong hai thứ. Vũ khí dự phòng là một khẩu Glock 17."

Mick, người lãnh vị trí đầu đoàn, chọn một khẩu súng săn, nhưng rồi lại quay sang Singleton. "Khả năng… trao đổi đạn trong rừng là bao nhiêu?"

"Cực thấp."

Mick trả lại khẩu súng săn và đổi lấy một khẩu Kalashnikov.

Mọi người đều được trang bị áo bảo hộ tác chiến, tám ổ đạn ngoài và bao súng bắp chân cho khẩu Glock 9mm bán tự động. Lòng Yeager chất đầy nỗi hãnh diện con nít thường lệ. Đấy là một thứ bệnh bẩm sinh của đàn ông, anh ngẫm nghĩ. Chỉ cần được trang bị các loại vũ khí chết người là người ta cảm thấy mình có quyền lực tuyệt đối.

Singleton cũng phát cho mỗi người một cái túi quân sự. "Thiết bị nhìn đêm và giảm thanh cho khẩu Glock," ông giải thích. "Các anh sẽ tập tấn công ban đêm vào tối nay."

Đây là gợi ý đầu tiên họ được nghe từ Singleton về nội dung chiến dịch. Mục tiêu có phải một trại phiến quân chống Mỹ?

"Được rồi, bây giờ chúng ta sẽ tới khu tập bắn."

Có một khu tập súng ngoài trời, bên kia đường băng. Yeager và đồng đội bắn các mục tiêu hình người trong khi thực hiện hiệu chỉnh điểm zero cho mấy khẩu AK-47 – tinh chỉnh điểm ruồi để bắn trúng mục tiêu cách xa một trăm mét, đúng điểm mà họ nhắm.

Họ chuyển sang huấn luyện đọ súng. Trong cả tư thế đứng và nằm sấp, họ tập bắn các mục tiêu hình người tự động bật lên khắp quanh mình. Yeager quan sát kỹ năng của Garrett và thấy anh ta cực kỳ điêu luyện. Anh ta cũng nạp đạn nhanh thoăn thoắt và có vẻ đã trải qua đầy đủ các bài huấn luyện cần thiết. Vậy thì lý lịch của anh ta là gì? Tại sao phải nói dối từng là lính thủy đánh bộ?

Khi đã dùng hết đạn, họ được yêu cầu tập trung lại đây sau khi mặt trời lặn để huấn luyện ban đêm. Rồi họ tới phòng ăn trong trụ sở chính để ăn tối. Trong khi ăn, họ không thấy một ai khác. Cũng không có ai trong bếp. Bữa ăn đã được bày sẵn khi họ tới nơi.

Đúng một tiếng sau, họ tập trung để chuẩn bị huấn luyện tấn công ban đêm. Họ lên xe và được chở tới một khu huấn luyện khác. Vẫn còn chút ánh sáng sót lại ở phía tây khi họ bắt đầu đi, nhưng tới khi chiếc xe dừng lại, bóng tối đã bao trùm. Trong luồng đèn xe, Yeager nhìn thấy một tòa nhà, loại nhà tập bắn thường dùng trong huấn luyện giải cứu con tin.

"Đeo thiết bị nhìn đêm."

Theo chỉ đạo của Singleton, họ kéo kính xuống mắt. Chút ánh sáng ít ỏi quanh họ được kích lên nhờ điện, và mọi thứ sáng lên màu xanh lân quang.

"Lắp giảm thanh vào khẩu Glock, thưa các vị."

Bốn người nhanh chóng tuân lệnh.

"Theo tôi."

Đèn pin trong tay, Singleton di chuyển vòng ra sau nhà tập bắn. Nó nằm trên một lô đất vuông, mỗi chiều một trăm mét, trên lô đất còn có mười hai cấu trúc hình vòm thấp hơn người. Những cấu trúc này hao hao giống lều igloo, và cái nào cũng có lỗ trông như lối vào ở đằng trước.

"Việc các anh phải làm là thế này," Singleton nói, giọng ông thầm thì, có lẽ là bởi bóng tối bao quanh. "Hãy coi các cấu trúc kia là lều. Mỗi lều có ba hoặc bốn mục tiêu bên trong. Hãy coi là chúng đang ngủ. Dùng khẩu Glock có giảm thanh giải quyết các mục tiêu nhanh hết sức có thể."

Meyers khẽ rùng mình, nhưng đó là tất cả cảm xúc được thể hiện ra trong nhóm. Người giám đốc chiến dịch lần lượt nhìn Yeager và ba người kia bằng con mắt đánh giá. Trong ánh sáng xanh lá của cặp kính nhìn đêm, khuôn mặt Singleton trông hệt một tên sát nhân tàn nhẫn, khát máu.

"Các anh có ba phút để lên kế hoạch và tiến hành."

Singleton, tay cầm đồng hồ bấm giờ, bước sang một bên.

"Chúng ta sẽ tấn công từ cả bốn phía," Yeager quyết định ngay. Các túp lều hình cầu làm thành hai hàng đối mặt nhau, mỗi bên sáu cái. Tấn công mỗi hàng từ cả hai bên là cách hiệu quả nhất.

“Tôi xin phép hỏi một câu.” Garrett nói. “Xử lý thế nào nếu có người trốn thoát?”

Yeager tự quở mình vì thiếu sót này. Dù có lắp giảm thanh, khẩu Glock cũng vẫn phát ra tiếng – tiếng lớn đủ để khiến động vật trong rừng gần đó bỏ trốn. “Ý hay. Hai người tấn công từ phía bắc. Hai người còn lại đứng ở khoảng trống và phía nam, và hạ bất cứ ai trốn thoát.”

“Ai sẽ dẫn đầu cuộc tấn công?” Meyers hỏi.

“Để tôi,” Mick nhanh chóng trả lời.

Yeager, người đội trưởng, chỉ dẫn những người còn lại. “Garrett, anh đứng ở khu đất trống. Meyers ở phía nam. Mick và tôi sẽ xử lý các mục tiêu.”

“Đã rõ,” Meyers nói khẽ.

“Vào vị trí.”

Các thành viên trong đội tản về vị trí được phân công và cố gắng gây ít tiếng động nhất có thể.

Mình sẽ phải giết khoảng hai mươi người, Yeager tính toán. Đúng là một việc bẩn thỉu, như họ nói. Nhưng mục tiêu là ai? Phần tử khủng bố đã thâm nhập rừng Congo? Anh nghĩ mình sẽ buộc phải tin vào điều vị giám đốc Western Shield đã nói – rằng anh sẽ làm một việc vì nhân loại.

Yeager tới chiếc lều ở cuối. Garrett và Meyers đã vào vị trí, chờ đợi hiệu lệnh bắt đầu. Yeager nhìn hàng lều kia và qua cặp kính nhìn đêm, anh thấy Mick chạy về phía trước, người cúi thấp, khẩu Glock trong tay, sẵn sàng tấn công.

Yeager hạ tay ra hiệu hai người còn lại bắt đầu. Anh kiểm tra lại rằng Mick đã bắt đầu trước khi chui vào lều gần nhất. Lối vào chỉ cao đến ngực, nên anh phải cúi người xuống như thể nhìn xuống một căn hầm. Ngay khi nhìn thấy hình người bên trong, anh chĩa súng. Nhưng ngón tay anh đông cứng trên cò súng. Chúng là những ma nơ canh trẻ em. Những thân hình nhỏ, từ trẻ sơ sinh đến những hình trông vào khoảng mười tuổi, nằm dài trên mặt đất.

Anh nghe bốn tiếng súng trầm và nghèn nghẹt từ phía sau. Hẳn là

Mick đã bắn người trong lều đầu tiên. Mặc cho căng thẳng, ngón tay của Yeager di chuyển theo phản xạ. Mười lăm năm huấn luyện trong quân đội đã biến não và thân thể anh thành một cỗ máy giết người tàn nhẫn khi lâm chiến. Những phát súng của Yeager không thể chuẩn xác hơn. Bị bắn vào chính giữa trán, những con ma nơ canh trẻ em giật nẩy như những sinh vật sống, và rồi nằm yên.

Mick đã xử lý xong hai lều và đang bắt đầu lều thứ ba. Như một vận động viên, Yeager chuyển sang mục tiêu kế tiếp mà không thừa một động tác nào. Thứ vốn là một bài huấn luyện nhanh chóng trở thành cuộc thi xem ai có thể giết người nhanh nhất. Yeager cố rượt theo khi cả anh và Mick nã đạn vào lũ trẻ câm lặng. Khi giải quyết xong lều thứ tư, anh đã dùng mười bốn viên đạn, và trong khi chạy sang lều tiếp theo, anh lắp thật nhanh một ổ đạn mới. Sau tám phát súng nữa, anh đã giải quyết xong tám hình người trong hai lều còn lại.

Khi Yeager và Mick quay lại khoảng đất trống, Singleton quát lên ra lệnh: “Garrett. Meyers. Xác nhận sát thương”

Hai người chạy đi, Garrett kiểm tra hàng lều bên trái, Meyers bên phải, bắt đầu từ phía xa. Đây là lần đầu tiên họ nhận ra mục tiêu của mình là gì. Garrett lặng lẽ đi từ lều này sang lều khác, trong khi Meyers bơ phờ lắc đầu.

Họ trở lại bên Singleton.

“Không có người sống sót.”

“Nhiệm vụ hoàn thành.”

Singleton nhìn đồng hồ bấm giờ. “Gần sáu mươi giây, từ đầu đến cuối. Lần sau tôi muốn các anh rút ngắn thời gian đó. Ngày mai chúng ta sẽ dùng đạn giả và tập xử lý những người bỏ chạy. Hôm nay đến đây là hết. Ngày đầu tiên mà làm như thế là rất tốt.”

Họ theo chân Singleton trở lại xe. Các thành viên trong đội đều im lặng. Sau khi họ lên xe và cửa sau đóng lại, cuối cùng Yeager cũng lên tiếng. “Đợi đã. Tôi phạm phải một lỗi lính mới ngu ngốc. Tôi đánh rơi một ổ đạn rỗng.”

Singleton tặc lưỡi và gạt phanh.

“Tôi sẽ trở lại ngay.”

Yeager kéo kính nhìn đêm xuống và chạy lại khu huấn luyện tối mịt. Anh loanh quanh sau dãy lều, dùng ủng dò dẫm trên nền đất tới khi tìm được một chỗ tốt. Anh quỳ xuống, cẩn thận không để bẩn quần, và nôn hết mọi thứ trong bụng.

Mình có thể may mắn đến thế này sao? Người thanh niên Uganda thấy gần như sợ hãi. Một khoản tiền lớn vừa được chuyển vào tài khoản mà anh ta vừa lập ra – khoảng 200 triệu shilling Uganda. Tính bằng đô la Mỹ, số tiền này lên đến khoảng 106.000 đô la. Gấp ba trăm lần thu nhập cả năm của anh.

Tất cả là nhờ quán net ở thủ đô Kampala. Cái quán nằm ở một góc đường, cuối một dãy của hàng nằm dưới chân các tòa nhà cao tầng. Phí khá đắt, nên anh ta chỉ có thể đến đó một lần mỗi tuần, nhưng những chiếc máy tính ở đó lại cuốn anh vào một thế giới lạ lùng, kỳ thú.

Đầu tiên, anh ta chỉ lướt từ trang mạng này sang trang mạng khác, nhưng ít lâu sau, anh bắt đầu hứng thú nghiên cứu máy tính và tìm kiếm thông tin về lập trình. Anh muốn học hỏi đến điên lên được. Anh phải bỏ học cấp hai để giúp đỡ cha mẹ, và anh đang bức bối với công việc hiện tại của mình – thợ mộc – và mơ ước một ngày nào đó được làm việc trong ngành kỹ thuật số.

Khi lượn quanh không gian số, anh ta phát hiện ra một tác dụng nữa của Internet. Anh ta đăng ký vào một trang mạng xã hội, giới thiệu mình là một hướng dẫn viên du lịch ở Uganda. Những người làm việc cùng anh trên công trường đến từ khắp nơi trên đất nước, và nếu cần anh có thể khai thác thông tin về quê nhà của họ. Đó là một trò lừa đảo, tất nhiên rồi, nhưng anh ta không định để mình bị lật tẩy.

Trong khoảng nửa năm, anh ta không nhận được phản hồi nào. Nhưng đột nhiên, một tháng trước, anh ta nhận được thư điện tử từ một người Anh tên Roger hỏi liệu anh có sẵn sàng “vận chuyển một chiếc xe và đồ ăn tới nước láng giềng Congo.”

Cộng hòa Dân chủ Congo là một bãi chiến trường đẫm máu, và phản ứng đầu tiên của anh ta là từ chối lời đề nghị. Nhưng cái giá được đưa ra khiến đầu óc anh ta quay cuồng.

Chúng tôi sẽ trả trước 100 triệu shilling Uganda. Chúng tôi cũng sẽ trả 100 triệu để mua một chiếc xe và những vật cần được vận chuyển. Một khi công việc hoàn thành, chúng tôi sẽ trả thêm 200 triệu shilling nữa.

Anh ta nghĩ đây hẳn là một trò đùa, nhưng khi cân nhắc đến tổng số tiền, tính ra khoảng 212.000 đô la, nó cũng không nằm ngoài khả năng của một gã người Anh giàu có.

Anh ta gửi thư lại, nói với người kia rằng mình sẽ nhận việc này, và được chỉ dẫn mở một tài khoản tại ngân hàng Stanbic và gửi lại số tài khoản. Và chỉ một thời gian ngắn sau, anh ta xác nhận được rằng tiền ứng trước và chi phí, cái khoản tiền khổng lồ này, đang nằm trong tài khoản của mình.

Anh ta rút một số tiền nhỏ từ tài khoản, chỉ để chắc chắn rằng đây không phải ảo giác, và thực vậy, số tiền đó xuất hiện. Công việc này là thật.

Khi bước ra khỏi ngân hàng, anh ta nhìn quanh, đột nhiên sợ số tiền có thể bị đánh cắp. Vào lúc đó, anh ta không nghĩ ra rằng hầu hết chỗ tiền ấy đang được an toàn trong ngân hàng. Anh ta thấy mình là kẻ giàu có nhất nơi này. Uganda đang dần dà phát triển về mặt kinh tế, nhưng vẫn còn là một đất nước nghèo khó thê thảm. Ngay cả ở thủ đô Kampala, nơi hầu hết mọi người đều lái xe Nhật cũ, chỉ một vài khu vực mới có điện. Anh ta đi dọc những con đường trong thành phố, đông đúc đủ mọi sắc tộc người, và nghĩ tới việc mua thứ gì đó hay ho cho bố mẹ và ba cô em gái. Không phải Giáng sinh, nên anh băn khoăn nếu mình mua một ít thịt bò đắt tiền về nhà thì có đáng ngờ lắm không.

Trước khi người thanh niên trở về nhà, anh ta ghé qua quán net nơi vận may của mình bắt đầu. Anh ta kiểm tra hộp thư và thấy thư

mới từ Roger. Bức thư này cũng khiến anh bất ngờ. Dưới thông báo tiền đã được chuyển vào tài khoản là những dòng chữ:

Như anh có thể đã để ý, công việc chúng tôi yêu cầu anh thực hiện có một số nguy hiểm. Vậy nên chúng tôi muốn cho anh cơ hội cuối để lựa chọn giữa hai khả năng:

1. Bỏ công việc tại thời điểm này. Nếu vậy, khoản tiền 200 triệu shilling sẽ là của anh. Không cần phải hoàn trả.

2. Tiếp tục công việc. Vào một ngày chúng tôi ấn định, anh sẽ vận chuyển lương thực và một chiếc xe bốn bánh trong tình trạng tốt tới một khu vực tranh chấp ở phía đông Congo. Một khi anh thực hiện xong điều này, chúng tôi sẽ hoàn thành thỏa thuận này và chuyển thêm 200 triệu shilling Uganda vào tài khoản của anh.

Bởi mạng sống của anh có thể bị đe dọa, hãy cân nhắc thật kỹ trước khi quyết định. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ không tha thứ bất cứ sự dối trá nào. Chúng tôi đợi câu trả lời nhanh chóng của anh.

Người thanh niên không thể tin vào mắt mình. Nếu chọn khả năng đầu tiên, anh ta có thể giữ 200 triệu shilling mà không phải nhấc một ngón tay. Anh ta không hiểu tại sao ai đó lại đưa ra cho anh những lựa chọn như vậy. Nghe như thể họ thực sự lo lắng cho an nguy của anh.

Người thợ mộc Uganda trẻ tuổi đứng dậy, tới quầy bán hàng mua một cốc cola. Trong khi uống, anh ta nghĩ về cái tên của mình, Sanyu – nghĩa là vận may.

Ý đã quyết, anh ta trở lại bên máy tính và gõ thư đáp lại Roger.

Tôi chọn 2.

Cuộc phiêu lưu của anh bắt đầu.

Trở lại phòng thí nghiệm Sonoda vào sáng thứ Hai, Kento thực hiện sắc ký cột để tinh chế hợp chất vừa tổng hợp được tuần trước. Cậu cho một mẫu hỗn hợp vào một ống thủy tinh dài, hòa tan nó bằng chloroform, cho hỗn hợp phân tách ra tạo thành một dải màu rất rành rọt. Bí quyết là phải thêm một dung dịch chứa 0,2% methanol. Sau gần hai năm cao học, cậu đang trở nên khá thành thạo trong việc thí nghiệm.

Sẵn sàng cho giờ nghỉ trưa, Kento đi tới phòng để đồ. Cậu cất hai chiếc máy tính mà cha để lại trong ba lô và ra khỏi phòng thí nghiệm.

Ngày hôm trước, trên đường từ phòng thí nghiệm bí mật của cha cậu về nhà, cậu đã ghé qua một đại lý nhà đất để hỏi về khu nhà kia. Theo đại lý cho biết, tòa nhà cũ đó đang đợi phá sập, và mọi đã bắt đầu được tái định cư. “Nếu chuyển vào bây giờ, tiền thuê sẽ vô cùng rẻ, nhưng anh sẽ phải chuyển đi trong hai tháng nữa,” nhân viên đại lý nói thêm. Điều đó giải thích tại sao dường như lại không có ai ở đó. Rõ ràng là cha cậu đã chọn khu nhà này để giấu tên. Việc giữ bí mật nghiên cứu đó hẳn là phải có lý do.

Sau khi về căn hộ của mình, Kento đã tìm kiếm trên mạng về *Báo cáo Heisman* nhưng không thu được gì. Cậu cũng tìm bằng tiếng Anh, nhưng lại một lần nữa không có kết quả. Một từ khóa không cho ra bất cứ kết quả liên quan nào là điều rất bất thường. Cậu không hứng thú lắm với ý tưởng này, nhưng nếu muốn có thêm thông tin, cậu sẽ phải hỏi ông phóng viên Sugai.

Sau khi rời khỏi tòa nhà khoa dược, Kento đi qua cây cầu bê tông vắt qua sông, hướng về phía căng tin khối xã hội, một thói quen từ lâu của cậu. Từ rất xa cậu đã nhìn qua cửa kính căng tin trong khi đi, băn khoăn liệu cô gái cùng câu lạc bộ tiếng Anh với mình hồi còn là sinh viên có ở trong đó không. Đúng lúc ấy, có ai đó gọi tên cậu.

Cậu quay lại, hóa ra chính là cô, cô gái mà cậu tìm kiếm - Kawai

Marina. Cậu chưa gặp cô một thời gian rồi, và tóc cô giờ đã dài tới vai. Dù vậy, đôi mắt to và sáng của cô vẫn không hề thay đổi.

“Lâu quá không gặp cậu,” Marina nói. Kento không cao, nhưng cô vẫn phải ngước nhìn cậu. Cô khoác trên vai một chiếc túi nặng chứa đầy sách. “Cậu khỏe không?”

“À... cũng khỏe,” Kento trả lời mà không nghĩ. Cậu nhận ra Marina vẫn chưa nghe tin về cái chết của cha cậu. Không muốn phá vỡ bầu không khí, cậu nói tiếp. “Còn cậu?”

“Vẫn thế thôi. Đấu nhau với Carroll.”

"Carroll?”

"Lewis Carroll.”

“À,” Kento nói, giả vờ hiểu. Cậu đoán cô đang nói đến tác giả của *Alice ở xứ sở thần tiên*. Sinh viên chuyên ngành tiếng Anh thực sự học truyện cổ tích sao? “Cậu đang học gì về Carroll thế?”

“Hiện tại thì,” với một nụ cười tinh quái, cô nói bằng phát âm hoàn hảo, "Perhaps looking-glass milk isn't good to drink...”

“Hử?” Kento hỏi. “Sữa gì cơ?”

“Sữa ở thế giới trong gương. Đấy là một câu trong *Đi qua tấm gương*.”

“Vậy là không thể uống sữa ở thế giới trong gương, hử?” Kento ngạc nhiên. Cậu nhận ra có mối liên hệ trực tiếp giữa thế giới văn học Anh và khoa học. “Lewis Carroll có phải là nhà khoa học không?”

“Nhà toán học. Tại sao?”

Kento nhận ra cơ hội để giúp cho nghiên cứu của cô. “Câu văn cậu vừa trích nói đến một chất đồng phân đối quang. Đấy là một hợp chất hóa học với các phân tử carbon không đối xứng. Như thể tay phải và tay trái vậy – nó có hình dáng giống hợp chất kia nhưng lại theo hai cấu trúc không trùng khớp nhau. Ta chỉ có được hình dáng tương tự nếu cho phản chiếu qua gương. Trong một số trường hợp, hợp chất hình tay phải là thuốc, hợp chất hình tay trái là chất độc. Thalidomide là một ví dụ. Tớ nghĩ câu ‘có lẽ sữa gương uống không tốt đâu’ đang nói đến điều đó.”

Marina lắng nghe mà có vẻ chẳng hiểu gì. “Hừm,” cô nói. “Hiện

giờ cậu đang làm nghiên cứu gì?"

"Nói thế nào nhỉ?" cậu bắt đầu và đẩy kính lên cao hơn. Cậu muốn giải thích đơn giản nhất có thể. "Tớ lấy hạt nhân mẹ mà các sinh viên lớp trên cung cấp và thêm vào đó các mạch nhánh. Nhóm amino, nhóm nitro, vân vân."

"Nghe khó nhỉ."

"Ừ, khó."

"Ừm, tớ phải đến thư viện đây." Cô tặng cậu một nụ cười đáng yêu nữa và rời đi.

Kento nhìn cô đi và cảm thấy một thoáng hối hận. Tớ đang làm một loại thuốc chữa bệnh thấp khớp. Đáng ra cậu nên nói vậy. Thế sẽ dễ hiểu hơn nhiều.

Vẫn ủ ê, cậu đi vào căng tin và mua một vé ăn. Căn phòng ồn ào, đầy các sinh viên xã hội và tự nhiên. Căng tin khối xã hội có tiếng là phục vụ thức ăn ngon hơn, nên sinh viên từ cả hai bên thường tụ tập ở đây.

Cậu lấy khay thức ăn ở quầy, và khi quay người tìm bàn, một người ngồi bên cửa sổ vẫy tay với cậu. Đó là Doi Akihiro, một người bạn từ ngày cậu còn là sinh viên. Cậu ta hiện đang làm nghiên cứu lâm sàng, nghiên cứu việc tái cấu trúc ADN của E. coli để tạo nên một loại protein đặc biệt.

"Lâu lắm không gặp."

Doi cười nhe răng khi Kento ngồi xuống đối diện mình. "Tớ thấy cậu ở đằng kia."

"Thấy cái gì?" Kento hỏi, trong lòng đã biết thừa câu trả lời.

"Cô ấy ở bên khối xã hội, đúng không? Hai người đang hẹn hò à?"

Đúng vậy, Kento muốn khoe khoang, nhưng cậu thành thực trả lời. "Tụi mình giữ khoảng cách tiếp xúc Van der Waals."

"À," Doi thương cảm. "Khổ thân"

"Còn cậu? Có triển vọng gì không?"

"Có vài cô nàng dễ thương trong phòng thí nghiệm, nhưng tụi tớ giống kiểu liên kết kim loại hơn. Chỉ là phân tử di chuyển trong cùng

một nhóm thôi.”

“Giá mà tạo được tí liên kết đồng hóa trị thì tốt.”

“Nói chuẩn đấy.”

Hai người im lặng một lúc, ăn tiếp miếng cốt lết bò xay.

“Mà cậu biết không,” Doi nói, húp cạn bát xúp miso, “tụi con gái thích mấy thằng dẻo mỏ, nhưng thực ra những kẻ như chúng ta lại được huấn luyện thành thứ ăn nói kém cỏi.”

“Cậu nghĩ thế sao?”

“Ở lab cậu có seminar chứ?”

“Có.”

Trong phòng thí nghiệm của Kento, họ tổ chức các buổi chuyên đề hằng tuần gọi là “seminar luận văn”. Một sinh viên được yêu cầu phân tích một bài nghiên cứu mới xuất bản và giải thích với cả phòng. Mọi lời giải thích quá chủ quan hoặc có lỗi logic sẽ bị chỉ trích không thương tiếc, nên người ta phải học cách chọn lựa từ ngữ cho cẩn thận. Không được huấn luyện kiểu này, họ sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi chính thức trở thành nhà khoa học. Như người cha quá cố của cậu hay nói, “Trong giới khoa học xã hội, những kẻ giỏi nói dối và lừa gạt mới có thể tiến lên, nhưng người làm khoa học tự nhiên không được phép nói ra dù chỉ một lời dối trá.”

Không may, một tác dụng phụ của việc huấn luyện này là, cả trong những tình huống giao thiệp, Kento và các sinh viên khác thường nghĩ quá nhiều và giải thích mọi thứ từ quan điểm khoa học. Khi đặt họ vào giữa một nhóm người đang ăn bánh, tất cả những gì họ có thể nghĩ tới là cơ chế hoạt động của thụ thể vị giác.

“Tớ hiểu rồi,” Kento nói.

“Những người chỉ cố nói điều đúng ít khi lên tiếng,” Doi tuyên bố. “Hơn nữa tụi con gái khối xã hội không muốn hẹn hò với mấy thằng con trai dây vào ba chữ B, phải không nào?”

Giờ thì cậu ta nói trúng chỗ đau rồi. Ba chữ B nghĩa là công việc bèo, bẩn, và dễ bỏ mạng – gần như là đồng nghĩa với phòng thí nghiệm. Cái đó là tất nhiên, đám nghiên cứu ở phòng thí nghiệm mười bốn tiếng một ngày, làm việc với đủ thể loại hóa chất bốc mùi,

và phải đi giày thể thao để phi thẳng ra khỏi phòng thí nghiệm trong trường hợp có sự cố.

"Đám con gái thích ba chữ cao hơn so với ba chữ B."

"Ba chữ cao?"

"Một anh chàng cao, có học vấn cao, và tiền lương cao."

Thứ duy nhất đúng với mình, Kento nghĩ, là học vấn.

Doi thở dài. "Buồn ghê."

"Vậy à?" Kento nói.

Doi có vẻ ngạc nhiên. "Cái gì cơ, cậu tán đồng mớ tiêu chuẩn nhảm nhí ấy à?"

"Thì cậu nghĩ thử xem. Chọn bạn đời mạnh như kiểu một nhu cầu sinh học của giống cái vậy. Và giống người cũng không khác. Nếu phụ nữ chọn đàn ông đối lập với 'ba cao và sinh con đẻ cái với họ, nền văn minh sẽ xuống dốc ngay lập tức."

"Cũng đúng, nhưng nếu vậy thì tình yêu nằm ở đâu?" Doi có vẻ là một kẻ lãng mạn. "Lối suy nghĩ quái dị đó sẽ không khiến cậu được con gái ưa chuộng đâu."

"Tớ mà quái dị?"

"Ờ," Doi gật đầu. "Cậu cần phải lạc quan hơn."

Suốt một thời gian dài, Kento cũng nghĩ như vậy về mình - rằng cậu quả là xui xẻo khi thừa hưởng cái tính khí quái gở của cha.

"Cậu phải sôi nổi, lạc quan hơn thì mới cua được mấy cô nàng khối xã hội."

Nhìn Doi trách móc, Kento đột nhiên nhận ra anh bạn này chính là người cậu đang tìm kiếm.

"Này, có việc này tớ vẫn muốn hỏi cậu," Kento nói và móc quyển nhật ký thí nghiệm của cha ra. "Nếu muốn tạo ra một chất chủ vận cho GPCR, đây có phải các bước làm đúng không?"

Doi chăm chú nhìn những trang giấy. "Cậu muốn làm một chất chủ vận thế này? Không phải chất dẫn đường?

"Đúng vậy. Tớ không cần ứng viên mà cần một mô hình hoàn chỉnh."

"Tớ chỉ hiểu đúng hai bước cuối." Doi chỉ vào "Thử nghiệm liên

kết *in vitro*" và "Đánh giá hoạt tính *in vivo*".

Kento hỏi, "Vậy thì hai bước này có phải là quá trình thẩm tra xem liệu hợp chất tổng hợp được có liên kết với thụ thể?"

Đầu tiên cậu tạo ra một tế bào mang thụ thể cần thiết và thử nghiệm liên kết trong ống nghiệm. Bước tiếp theo là đánh giá trên sinh vật sống, sử dụng động vật thí nghiệm. Ví dụ, cậu tổ hợp lại gene của chuột, tạo ra con vật mang thụ thể cần tìm, rồi tiêm chất đã tổng hợp cho chúng."

Kento nghĩ đến bốn mươi con chuột trong căn hộ tồi tàn kia. "Vậy thì những chỉ dẫn này là đúng?"

"Không đời nào," Doi lắc đầu. "Cái này quá sức đơn giản. Hơn nữa không có thử nghiệm lâm sàng. Trông nó khá là nghiệp dư."

"Tớ cũng cho là vậy," Kento thừa nhận. Rốt cuộc thì cha cậu chỉ là chuyên gia virus, nên điều đó cũng bình thường thôi. "Còn cái này thì sao?"

Kento lôi chiếc máy tính trắng khỏi ba lô và bật lên. "Cậu có biết dùng Linux không?"

"Tớ dùng được," Doi nói trong khi xem qua máy. "Có một chương trình tớ chưa thấy bao giờ. GIFT. Nghe tên nó bao giờ chưa?"

"Chưa."

Doi cho chạy GIFT. Vài giây sau, khi chương trình hiện lên, hai người cùng bật ra một tiếng kêu ngạc nhiên.

Màn hình được chia thành ba phần. Bên phải là một ô lớn hiển thị những hình đồ họa kỳ lạ. Trên nền những hình lượn sóng nhẹ là một số hình chiếu, giống như cánh hoa dày với một chỗ lõm hình túi ở giữa. Một hình ảnh ba chiều bí ẩn, nhưng lại chi tiết như một tấm ảnh.

Kento nhanh chóng nhận ra đó là gì – hình ảnh bề mặt tế bào phóng to. Thế giới siêu nhỏ này, nhỏ hơn một micrômét, choán hết màn hình.

"Lạ thật đấy," Doi nói, di chuyển con chuột tới hai ô bên trái. "Có thông tin ở đây này. Hình đồ họa này thể hiện GPR769 đột biến."

Đúng là thụ thể mình cần, Kento nghĩ. Thứ mà cha muốn chính là

một chất có thể liên kết với túi ở giữa.

"Ô dưới màn hình là chuỗi gene sẽ tạo ra thụ thể này," Doi nói, khoanh tay lại. "Nhưng cậu biết có bao nhiêu loại thụ thể bắt cặp với protein G không?"

"Bảy hay tám trăm gì đó?"

"Chính xác. Và trong số đó, người ta mới chỉ xác định được hình dạng đặc trưng của duy nhất một thụ thể trong tế bào võng mạc bò. Chúng ta chỉ có thể đoán được cấu trúc của các GPCR khác bằng phép loại suy. Ta xem độ giống nhau của các chuỗi bazơ gene để đoán sản phẩm cuối cùng trông như thế nào. Mô hình này có lẽ cũng được tạo ra bằng cách đó, nên tớ không chắc nó chính xác đến đâu."

"Phần mềm còn có chức năng nào khác không?"

"Tớ cũng không chắc," Doi nói và cầm quyển nhật ký thí nghiệm lên. "Có lẽ nó được dùng cho hai việc đầu tiên."

Kento nhìn mấy ghi chú.

- Phân tích cấu trúc GPR769 đột biến.
- CADD (thiết kế *in silico*).

Có vẻ GIFT là một chương trình dùng thông tin di truyền để tiên đoán loại protein sẽ được tạo ra, mô tả hình dạng cụ thể và thiết kế cấu trúc hóa học của các chất có khả năng liên kết với nó, "Vậy thì, cậu nói là nếu làm theo chỉ dẫn của chương trình này, chúng ta có thể điều chế thuốc?"

"Có gì đó không đúng lắm ở đây," Doi nói. "Tớ không thể hiểu được các tính toán này. Nếu muốn biết rõ hơn, cậu phải kiếm người khác giúp."

"Ai? Cậu có biết ai không?"

"Để xem..." Doi nhìn vào khoảng không. "Có một người. Một anh chàng làm hóa lý dược siêu cực. Là sinh viên trao đổi từ Hàn Quốc."

"Vậy sao," Kento nói vẻ hứng thú.

"Có lần tớ nghe cậu ta nói về mô phỏng động học phân tử, và cậu ta nói rất dễ hiểu."

“Tiếng Nhật của cậu ta thế nào?”

“Nói tốt. Cậu ta cũng nói tiếng Anh nữa.”

“Cậu giới thiệu cho tớ được chứ?”

“Tất nhiên rồi. Tớ sẽ hỏi xem cậu ta rảnh lúc nào.” Doi liếc nhìn đồng hồ. Có vẻ cậu ta phải trở lại phòng thí nghiệm. Cậu ta đứng dậy, cầm khay lên và nói, “Tớ sẽ gọi cho cậu.”

“Cảm ơn cậu nhiều.”

“Hy vọng chúng ta đều kiếm được chút liên kết cộng hóa trị trong tương lai.” Doi cười lớn và đi trả khay.

Kento mỉm cười và cất máy tính vào ba lô. Xong một việc. Giờ cậu chỉ cần đợi Doi liên lạc về anh chàng Hàn Quốc này.

Vẫn còn một việc phải xử lý. Cậu cầm điện thoại lên và bấm số ông phóng viên Sugai. Mẹ đã cho cậu số của ông ta tối hôm trước. Nhưng khi bấm số ban khoa học của báo Toa, cậu nhớ đến lời cảnh báo của cha.

Hãy coi như tất cả mọi phương tiện liên lạc mà con sử dụng – điện thoại bàn, điện thoại di động, thư điện tử, fax – đều đang bị theo dõi.

Làm gì có chuyện đó, cậu tự nhủ, nhưng cảm giác bị theo dõi mơ hồ vẫn còn đó. Cậu nhìn quanh căng tin nhưng không thấy ai đáng ngờ. Cậu rũ bỏ cảm giác đó và bấm số.

Một người đàn ông trẻ bắt máy. “Báo Toa, ban khoa học.”

“Xin chào, tên tôi là Koga. Tôi muốn hỏi ông Sugai có ở đây không.”

“Xin đợi một phút.”

Kento hối hận đã đối xử thô lỗ với Sugai hôm đám tang cha và thấy ngại vì liên lạc với ông. Nhưng Sugai là nguồn tin duy nhất.

“Xin chào?” cậu nghe ông phóng viên nói.

“Chào chú Sugai, cháu là Koga Kento. Cảm ơn chú một lần nữa vì đã có lòng đến dự đám tang bố cháu.”

“À, Kento,” Sugai nói, giọng thân thiện.

Nhẹ cả người, Kento nói tiếp. “Cháu có điều muốn hỏi về *Báo cáo Heisman* chú nhắc đến hôm đám tang.”

“*Báo cáo Heisman*? Hừm...” ông ngừng một lát. “Tối nay cháu làm

gì?”

“Tối nay? Cháu làm ở phòng thí nghiệm đến 12 giờ.”

“Cháu có thể ra ngoài một chút không? Nếu gặp chú ở ga Kinshicho, chú sẽ mời cháu bữa tối.”

“Vâng, cũng được ạ.” Kento nói. Lại phiền rồi, nhưng cậu biết Sugai chỉ đang cố gắng giúp đỡ. Kento nhanh chóng tính cách bù thời gian thí nghiệm bị mất. “Cháu có thể tới vào 9 giờ.”

“Tuyệt. Hẹn cháu lúc 9 giờ ở cửa nam ga. Nhớ mang bụng đói đến nhé.”

Kinshicho nằm ngay bên rìa Tokyo, là khu mua sắm cuối cùng trước khi qua tỉnh Chiba. Tuy nhiên, khác với Shinjuku hay Shibuya, Kinshicho nằm gần khu dân cư, và khu mua sắm là một mớ hỗn độn – một nửa là khu đèn đỏ, một nửa là cửa hàng đàng hoàng. Những quán bar nhỏ mờ ám nằm rải rác dọc con phố, bên cạnh một trung tâm thương mại hiện đại kết hợp với siêu thị và rạp chiếu phim. Thậm chí còn có một nhà hát tuyệt đẹp, đủ tiêu chuẩn làm nơi biểu diễn của những dàn nhạc tầm cỡ thế giới. Quận Kinshicho là một hỗn hợp của hai tầng văn hóa cao và thấp, cái thanh lịch vai kề vai cái màu mè lòe loẹt.

Kento đứng bên ngoài nhà ga, một cơn gió lạnh hung hăng thổi trong khi cậu đứng đợi Sugai. Mỗi khi tưởng tượng ra khuôn mặt ông phóng viên, cậu không thể không nhớ lại cha mình, nhất là những lời phàn nàn lê thê của ông.

Cha cậu thường than thở về cuộc đời mình mỗi khi uống rượu trong bữa tối. Trong suốt cuộc đời mình, đám làm khoa học xã hội thường kiếm được nhiều hơn số làm khoa học tự nhiên phải đến năm mươi triệu yên, ông nói. Nói cách khác, trong sự nghiệp trung bình bốn mươi năm, một nhà khoa học phải thúc đẩy sự phát triển của khoa học trong khi kiếm ít hơn một triệu yên một năm so với giới xã hội.

“Họ chưa bao giờ trả cho chúng ta đồng lương tử tế, vậy mà họ vẫn tuyên bố rằng Nhật Bản là một đất nước vì khoa học. Lũ khốn.”

Cha cậu, đến lúc này đã hơi tây tây, không giấu giếm ý kiến của mình về những chính trị gia Nhật Bản. “Đám ngành xã hội cướp hết công việc của chúng ta. Điện thoại, ti vi, xe hơi, máy tính. Toàn là sản phẩm của khoa học. Cái lũ khốn quỷ quyệt trong ngành xã hội đã cống hiến gì cho nhân loại chứ?”

Thời thiếu niên, Kento thấy sự bất mãn của cha thật quá tiêu cực. Về sau, có chuyện xảy ra – một sự vụ liên quan đến việc phát minh điốt ánh sáng xanh – khiến cậu nhận ra ý kiến cha cũng không xa rời thực tế lắm.

Người ta từng cho rằng chế tạo đèn LED xanh là bất khả thi, nhưng khi một kỹ thuật viên phát minh ra nó, anh ta và công ty chủ quản anh ta lâm vào một cuộc tranh chấp pháp lý, và cuối cùng là đưa nhau ra tòa. Trong phiên tòa đầu tiên, nguyên đơn – người kỹ thuật viên – được bồi thường 20 tỷ yên, nhưng trong phiên tòa thứ hai, phán quyết này bị hủy bỏ, và công ty được yêu cầu trả cho người đó chỉ 600 triệu yên trong tổng lợi nhuận 120 tỷ yên họ kiếm được từ phát minh trên. Phán quyết này bất hợp lý tới mức chỉ có thể kết luận rằng thẩm phán đã ném nguyên tắc độc lập tư pháp qua cửa sổ và về cơ bản là đã chạy theo mệnh lệnh của những kẻ điều hành công ty.

Các nhà khoa học và chuyên môn đều chết đứng vì phán quyết ấy. Một phát minh mang lại hàng ngàn tỷ yên trên toàn thế giới cho ngành công nghiệp chỉ có giá ngang với số tiền cầu thủ bóng chày kiếm được trong một năm cho người phát minh ra nó. Rất nhiều nhà khoa học coi vụ kiện là một bước ngoặt và tiên đoán rằng sự cạnh tranh của Nhật Bản trên trường quốc tế sẽ giảm sút. Trong thời đại mà sức mạnh của một quốc gia dựa trên nền khoa học kỹ thuật của nó, đối xử tồi tệ với các nhà khoa học và kỹ sư như vậy không phải là con đường dẫn đến sự phát triển. Họ tin rằng, trong tương lai không xa, Nhật Bản sẽ bị Trung Quốc, Hàn Quốc và Ấn Độ vượt mặt.

“Văn minh nhân loại có thể diệt vong luôn đi cũng được, cha Kento gằn giọng, một nụ cười châm biếm độc ác hiện lên trên khuôn mặt ông. “Những người duy nhất có thể xây dựng lại khoa học và

nền văn minh là các nhà khoa học. Có cho bao nhiêu thời gian đi chăng nữa thì đám xã hội cũng không thể nghĩ ra điện được đâu."

Khi trưởng thành, Kento bắt đầu nhận ra rằng trong những điều cha nói cũng có chút sự thật. Trong bốn năm đại học ngành tự nhiên, cậu bận đến đầu tắt mặt tối. Hoạt động ngoại khóa duy nhất của cậu, câu lạc bộ tiếng Anh, khó khăn lắm cậu mới kiếm ra thời gian để tham gia. Ngược lại, những sinh viên xã hội thường bỏ học và ăn chơi. Ít nhất thì trong mắt Kento là vậy. Nếu họ thực sự kiếm được bình quân nhiều hơn năm mươi triệu yên trong suốt cuộc đời, điều đó kể cũng khó chấp nhận. Xã hội dường như được xây dựng để những kẻ gian lận kiếm được nhiều tiền hơn những người làm việc vất vả để thực sự tạo ra thứ gì đó. Dù vậy, cách nghĩ này khiến Kento không thoải mái. Giống như lớp da mình đã sinh ra, cậu biết việc loại bỏ thứ gene méo mó di truyền từ cha này sẽ khó khăn như thế nào.

Trước nhà ga, Kento ấn sâu đôi bàn tay tê cóng vào túi áo khoác và nhớ lại một chuyện vẫn khiến cậu băn khoăn bấy lâu nay.

Sau khi nghe một tràng phát biểu say xỉn của cha, Kento từng hỏi ông, "Nếu ghét công việc của mình đến vậy, tại sao bố không từ bỏ?"

"Bố chỉ không thể từ bỏ nghiên cứu mà thôi," cha cậu đã trả lời.

"Tại sao không?"

"Khi trở thành một nhà nghiên cứu, con sẽ hiểu." Cha cậu cười, vẻ mãn nguyện vương lại trên mặt ông, vẻ mặt mà ông chưa từng dành cho gia đình mình.

Nụ cười ấy mang ý nghĩa gì? Nó thể hiện phần nào trong đời sống nội tâm của ông? Hiện giờ, Kento cũng đã làm nghiên cứu, nhưng cậu vẫn chưa tìm thấy câu trả lời. Tất cả những gì cậu học được bằng cách vùi mình vào nghiên cứu là những người làm khoa học thường có cuộc sống tồi tệ.

Một đám đông ùa ra khỏi ga. Kento gạt đi sự bất mãn của mình và nhìn lướt qua các hành khách. Sugai xuất hiện, vẫy nhẹ tay khi tới gần.

Kento chen qua đám đông để tiến tới chào ông. "Xin lỗi vì phiền chú phải tới tận đây ạ," cậu nói.

Ông phóng viên trung tuổi ăn mặc thoải mái, áo len và áo khoác nhưng không đeo cà vạt. Ông nhìn Kento qua cặp kính. “Cháu sống một mình,” ông cười nói. “Vậy nên chú nghĩ cháu ăn uống không tốt lắm. Cháu muốn ăn gì? Thịt? Cá? Đồ Tàu? Đồ Đông Nam Á?”

Kento không rõ xu hướng ẩm thực dạo này là gì, nên cậu chọn một thứ đơn giản. “Thịt đi ạ.”

“Tốt.” Sugai nhìn lướt qua những tòa nhà bao quanh vòng xuyến trước ga. “Ăn thịt nướng Mông Cổ nhé.”

Sugai đưa cậu tới một quán nướng gần đó. Họ ngồi đối diện nhau trong một phòng riêng nhỏ và gọi đồ ăn.

Họ ăn và uống bia, ôn lại chuyện cha Kento cho tới khi Sugai nhắc tới lý do của cuộc gặp.

“Vậy là, cháu quan tâm đến *Báo cáo Heisman* à?”

Kento nghiêng người về phía trước. “Trong sổ nhật ký thí nghiệm của bố cháu, ông có viết tên báo cáo đó bằng tiếng Anh, và cháu không biết chuyện đó là sao.”

“Trong sổ nhật ký thí nghiệm? Chỉ ghi vậy thôi sao?”

“Ông cũng viết cả ‘số 5’. *Báo cáo Heisman* số 5.”

“Chú nhớ mang máng rằng bản báo cáo đó có năm phần,” Sugai nói và nhìn lên, như thể đang lục lại trí nhớ. “Chú nghĩ mình đã nói rằng một viện nghiên cứu Mỹ đã đưa ra báo cáo đó.”

“Đúng vậy. Cháu đoán nó có liên quan đến lĩnh vực của bố, virus học.”

“Có thể nó có một phần về virus,” Sugai nói và nhìn lại Kento. “Nhưng nói vắn tắt, *Báo cáo Heisman* viết về tuyệt chủng – nghiên cứu về sự tuyệt chủng của loài người.”

Kento bất giác nhìn chằm chằm vào ông phóng viên. “Sự tuyệt chủng? Của loài người?”

“Cháu còn nhỏ nên không biết, nhưng khi báo cáo được viết ra khoảng ba mươi năm trước, tình hình quốc tế vô cùng căng thẳng. Hoa Kỳ và Liên Xô đang đối đầu nhau, vũ trang đến tận răng bằng vũ khí hạt nhân. Ai cũng sợ rằng một cuộc chiến tranh hạt nhân sẽ nổ ra và hủy diệt loài người.”

“Họ thực sự sợ như thế à?”

“Đúng vậy. Đó là thời chiến tranh lạnh. Trong cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba, thế giới đã tới sát bên rìa một cuộc chiến tranh hạt nhân.”

Kento sững sờ. Tất cả những chuyện ấy nghe như thể khoa học viễn tưởng.

“Các nhà vật lý đã phát triển vũ khí hạt nhân tiên đoán sẽ có một cuộc chiến hạt nhân toàn lực, họ làm ra một thứ gọi là Đồng hồ Tận thế, một kiểu máy đếm ngược tới ngày hủy diệt nhân loại. Khi những quả bom khinh khí đầu tiên được thử nghiệm thành công, kim đồng hồ chỉ còn cách mốc hủy diệt hai phút nữa. May thay, khi Liên Xô sụp đổ, kim đồng hồ đã được quay ngược về đầu.”

Khi bồi bàn mang đĩa không đi, Sugai gọi thêm một chầu nữa và nói tiếp. “Nhà Trắng bắt đầu nghiên cứu những nguyên nhân có thể dẫn đến sự diệt vong của loài người, bao gồm cả hủy diệt hạt nhân. Họ muốn chuẩn bị cho mọi khủng hoảng tiềm năng. Một nhà nghiên cứu tên Joseph Heisman, làm việc tại một viện nghiên cứu, đã chuẩn bị một danh sách các khả năng có thể dẫn loài người đến chỗ tuyệt chủng. Và đó là *Báo cáo Heisman*.”

“Nhưng tại sao bố cháu lại hứng thú với báo cáo này?”

“Chú đoán là trong đó có thứ liên quan đến lĩnh vực của bố cháu. Thứ gì đó về lây nhiễm virus.

“Chẳng hạn như một virus có thể giết chết tất cả mọi người trên hành tinh?”

“Chính xác.”

Có thể nào cha cậu, một người xoàng xĩnh như thế, lại đang chiến đấu với thứ virus không ai biết tới nào đó có thể đẩy con người đến chỗ hủy diệt? Một ông giáo sư lúc nào cũng thiếu tiền nghiên cứu, làm việc cực nhọc tại một trường đại học vô danh? Cậu nhớ lại khuôn mặt dài mệt mỏi của cha và mỉm cười. Đó khó có thể là khuôn mặt của vị cứu tinh nhân loại.

Sugai nhìn cậu nghi ngờ, và Kento nhanh chóng ngừng cười. “Chú có biết nội dung của báo cáo không?”

“Sau khi bố cháu nhờ chú tìm hiểu, chú lục qua một số hồ sơ cũ nhưng không tìm thấy gì. Dù vậy, khi báo cáo mới được xuất bản, trên các tạp chí còn có các bản tin đặc biệt về nó.”

Tìm kiếm tạp chí từ ba mươi năm trước hẳn không dễ dàng, Kento nghĩ.

“Công ty bọn chú có thể truy ra báo cáo đó,” Sugai nói. “Khi bố cháu một mực muốn tìm hiểu thêm về nó, chú đã hỏi đồng nghiệp ở chi nhánh Washington. Họ nói chắc sẽ có bản gốc ở Cục lưu trữ quốc gia.”

“Chú có thể tiếp tục vụ này không?”

“Chú sẽ nghe tin từ họ sớm thôi, và sẽ cho cháu biết ngay khi có được một bản.”

“Cháu thật sự cảm ơn chú.”

Sau khi ăn no bụng thịt nướng Mông Cổ, Kento cảm ơn Suga, chào tạm biệt ông tại nhà ga và đi bộ về căn hộ của mình.

Cậu không uống nhiều vì bị cuốn đi bởi chủ đề mà họ bàn luận và đầu óc vẫn tỉnh táo. Cậu bật đèn, bật lò sưởi và ngồi xuống bên chiếc bàn nhỏ cạnh tường. Cậu lôi hai chiếc máy tính ra khỏi ba lô.

Cậu cố khởi động chiếc máy đen cỡ A5, nhưng nó vẫn không chịu hoạt động. Cậu ấn giữ nút tắt máy và chuyển sang chiếc lớn hơn.

Máy này bật lên ngon lành. Màn hình vẫn hiển thị hình ảnh ba chiều của thụ thể mồ côi gắn trên bề mặt tế bào.

Kento vật lộn với phần mềm và hệ điều hành lạ lẫm, sao chép chuỗi bazơ của “GPR769 đột biến” vào ổ cứng ngoài. Sau đó, cậu kết nối máy tính bình thường của mình vào Internet.

Cậu truy cập một trang web tìm kiếm chuỗi bazơ. Một khi nhập thông tin, trang web sẽ hiển thị các gene có chuỗi tương tự.

Cậu dán GPR769 đột biến vào ô tìm kiếm, chọn CON NGƯỜI làm phạm vi tìm kiếm và thực hiện một tìm kiếm BLAST (Basic Local Alignment Search Tool) trong ngân hàng dữ liệu protein. Đây không phải chuyên môn của cậu, nhưng cậu đã được học cách sử dụng khi còn là sinh viên. Nếu thụ thể cần tìm là một protein liên quan tới lây

nhiễm virus, thì đấy là mối liên kết giữa nghiên cứu của cha cậu và *Báo cáo Heisman*.

Kết quả tìm kiếm hiện ra, và Kento chăm chú nhìn màn hình. Chất đồng đẳng gần với GPR769 đột biến nhất tất nhiên là GPR769 bình thường. Trong số chín trăm chuỗi bazơ, chỉ có một chuỗi có biến dị. Bởi vậy, chỉ một trong số những axit amin tạo nên thụ thể bị chuyển vị.

Kento kích vào một đường dẫn để tìm hiểu thêm về thụ thể GPR769. Bài viết bằng tiếng Anh đầy thuật ngữ y học khiến cậu gặp chút rắc rối, nhưng cậu có thể hiểu được ý chính.

Loại: mồ côi.

Chức năng: chưa rõ.

Phối tử: chưa rõ.

Vị trí trên tế bào: bề mặt tế bào biểu mô phế nang phổi.

Đột biến: nếu leucine 117 bị thay thế bởi serine, sẽ gây bệnh xơ cứng biểu mô phế nang phổi.

Bởi chưa từng nghe tới chứng bệnh này, cậu tiếp tục tìm kiếm.

Xơ cứng biểu mô phế nang phổi.

Nguyên nhân: rối loạn đơn gene gây ra bởi di truyền lặn nhiễm sắc thể thường.

Đột biến gene gây bệnh đã được xác định. Bệnh xuất hiện khi leucine 117 bị thay thế bằng serine trên thụ thể mồ côi GPR769.

Dấu hiệu và triệu chứng: xơ cứng tế bào biểu mô phế nang phổi, dẫn tới khó khăn trong hô hấp. Các biến chứng gồm có tâm phế mạn, phì đại gan và xuất huyết phế nang. Tiên lượng sống thấp. Tuổi phát bệnh là ba, và hầu hết bệnh nhân chết ở sáu tuổi.

Điều trị: chỉ có thể điều trị triệu chứng. Sử dụng steroid, hoặc rửa phế quản sau khi gây mê toàn thân.

Dịch tễ học: không có sự khác biệt địa lý trong việc bùng phát bệnh. Tỷ lệ mắc bệnh là 1,5 trên 100.000 người.

Đây không phải loại thông tin mà Kento mong đợi. Chứng bệnh này không liên quan đến lây nhiễm virus mà xảy ra khi một người thừa hưởng gene đột biến ngẫu nhiên từ cha mẹ.

Cậu cảm thấy như thể vừa vung chày đánh trượt một cú ném đúng tầm. Tính toán sai hoàn toàn. Dù vậy, đây là chuyện cơm bữa trong phòng thí nghiệm. Mỗi khi gặp chuyện như vậy, thầy hướng dẫn của cậu, giáo sư Sonoda, sẽ luôn nói đúng một câu: gạt định kiến sang một bên và xem chuyện gì thực sự xảy ra.

Nói cách khác, hãy hiểu các hiện tượng bất ngờ. Kento đứng dậy và nghĩ một lúc. Cha cậu đang làm cái quái gì mới được cơ chứ? Cậu cũng không phải nghĩ nhiều, bởi câu trả lời đã rõ ràng.

Bố muốn con thiết kế chất chủ vận cho một thụ thể mồ côi và tổng hợp nó.

Kento nhận ra mình đã bỏ qua phần quan trọng nhất của nghiên cứu mà cha để lại. Nó liên quan đến kiến thức nằm ngoài chuyên môn của cậu, nên cậu đọc đi đọc lại nhiều lần để xem liệu kết luận của mình có chính xác không.

Chức năng của GPR769 chưa rõ, nhưng nó là một thụ thể trên màng tế bào biểu mô phế nang phổi. Rối loạn chức năng của GPR769 có thể gây tử vong, chứng tỏ nó có một số chức năng cần thiết đối với hô hấp. Nhưng để thụ thể này hoạt động như mong đợi, cần phải có một phối tử.

Phối tử là các phân tử phù hợp hoàn toàn với điểm liên kết phối tử trên thụ thể về tính chất vật lý và hóa học, nhờ đó liên kết được với thụ thể và hoạt hóa nó. Phối tử thường được sinh ra ở vị trí khác trong cơ thể và chuyển tới thụ thể qua đường máu. Một khi đã liên kết với thụ thể trên mặt ngoài màng tế bào, tổ hợp thụ thể-phối tử được đưa vào trong tế bào nhờ một chuỗi hành động phối hợp. Bên trong tế bào, phần đỉnh hoạt động của thụ thể phản ứng với rất nhiều protein, từ đó hoạt hóa chúng. Những protein đã hoạt hóa này lại hoạt hóa tiếp các protein khác. Bằng cách này, tín hiệu hóa học được tăng cường và truyền đi khắp trong lòng tế bào và tác động tới các thành phần khác nhau điều chỉnh chức năng chung của tế bào.

Nói cách khác, sự liên kết giữa thụ thể và phối tử là một công tắc khiến tế bào hoạt động theo một cách nhất định.

Trong trường hợp GPR769 đột biến, leucine tại vị trí 117 của thụ thể bị thay thế bằng serine dẫn đến việc điểm liên kết không thể liên kết với phối tử tự nhiên, vậy là công tắc không được bật lên. Từ đó, phổi không hoạt động chính xác và kéo theo một loạt bệnh tật. Một cách để khiến phổi hoạt động bình thường trở lại là tạo ra một loại thuốc có thể liên kết với điểm liên kết biến dị và trở thành phối tử đặc thù cho riêng GPR769 đột biến. Một phối tử như thế được gọi là chất chủ vận, và nó hoạt động tương tự với phối tử tự nhiên khi liên kết với GPR769 không đột biến – tức là, nó hoạt hóa một số chức năng tế bào nhất định, thay vì kìm hãm chúng như chất đối kháng. Đây chính là chất chủ vận mà cha Kento đang tìm cách tạo ra.

Một chất chủ vận sẽ kích hoạt GPR769 đột biến.

Kento đứng sững sờ trước bàn, miệng há ra.

Đây là một giả thiết đơn giản, không còn gì để mà nghi ngờ. Chất chủ vận này chính là phương thuốc chữa chứng xơ cứng biểu mô phế nang phổi, một căn bệnh vô phương cứu chữa cướp đi mạng sống của những đứa trẻ.

Kento thở dốc. Cậu nhìn vào hình ảnh trên màn hình máy tính và nhẩm tính. Có khoảng một trăm nghìn đứa trẻ trên trái đất mắc chứng xơ cứng biểu mô phế nang phổi. Điều chế thành công thứ thuốc này tức là cứu sống ngần đấy đứa trẻ trên thế giới.

“Một trăm ngàn?” Kento kêu to, và nhìn quanh căn hộ chật chội. Một sinh viên cao học trong một căn hộ bé tí xíu ở Kinshicho sẽ cứu mạng một trăm nghìn đứa trẻ?

Đây có phải thứ mà cha đang làm không? Dùng tất cả tiền của mình để cứu những đứa trẻ yểu mạng?

Một lúc nào đó, một người Mỹ sẽ xuất hiện. Hãy đưa anh ta hợp chất con đã tổng hợp.

Kento tưởng tượng rằng người Mỹ này hẳn có một đứa con mắc bệnh. Người này sẽ tới, lòng đầy hy vọng rằng đứa con quý báu của anh ta có thể được cứu khỏi căn bệnh kinh khủng này.

Từ từ đã, Kento nghĩ. Chướng ngại trong chuyện này quá lớn. Cho dù có một công ty dược phẩm đổ hết nguồn lực vào đó, sản xuất một loại thuốc mới thế này cũng vô cùng khó khăn. Mà tất cả những gì cậu có là cái kế hoạch mà Doi đã đánh giá là nghiệp dư. Một khi tổng hợp được thuốc, còn không thể biết liệu nó có an toàn hay không nếu không có thử nghiệm lâm sàng.

Tại sao một nhà virus học như cha cậu lại làm việc lệch chuyên môn như thế? Và ông nghĩ mình có cơ may thành công đến mức nào?

Kento biết cơ hội thành công của mình cũng chỉ bằng cỡ một con nhện bắt được một con cá to trong lưới. Nhưng cậu quyết định rằng, trước mắt, cậu cứ thử xem sao. Cậu lướt qua danh sách bạn bè từ thời còn là sinh viên trong đầu, cố nhớ xem mình có biết người nào thi vào trường y.

Với Yeager và cả đội, việc liên hệ với bên ngoài bị kiểm soát chặt chẽ. Họ không được dùng thư điện tử, và khi muốn gọi về gia đình, họ phải dùng chiếc điện thoại duy nhất trong phòng. Hơn nữa, hợp đồng có điều khoản nghiêm cấm họ tiết lộ mình đang ở đâu.

"Điện thoại này được nối qua vài đường dây," Garrett nói. "Nếu có người theo dõi nó, muốn truy dấu cuộc gọi sẽ rất khó khăn."

Chiếc điện thoại trong phòng cũng giúp tăng sự gắn kết giữa các thành viên. Kể cả khi không cố tình nghe trộm, cũng không thể không nghe thấy vài chi tiết trong cuộc sống riêng tư của những người bạn cùng phòng. Chẳng bao lâu sau, họ đều biết rằng con trai Yeager đang chống chọi với một căn bệnh vô phương cứu chữa, rằng Meyers trở thành nhân viên an ninh tư nhân để giúp đỡ bố mẹ đã mất tiền khi đầu tư bất động sản, rằng Garrett đang tiết kiệm tiền để trở thành doanh nhân, và rằng Mick không đủ thân thiết với ai để mà gọi điện.

Sau mỗi cuộc gọi từ Lydia, Yeager càng trở nên buồn thảm. Tình hình Justin tệ hơn theo từng ngày. Họ đã tin tưởng bác sĩ Garrado sẽ giúp kéo dài mạng sống con trai mình, nhưng tình hình không được như vậy. Với tốc độ này, Justin có thể chết trước khi Yeager kết thúc nhiệm vụ.

"Tại sao anh luôn phải làm việc ở xa khi mẹ con em cần anh ở đây?" Hai người họ đã cùng quyết định sẽ để anh làm thêm việc này, nhưng Lydia vẫn trách móc chồng. "Anh không thể cứ bỏ việc về đây sao?"

Điều đó là bất khả thi – anh đã ký thỏa thuận. Bỏ việc bây giờ đồng nghĩa với việc phải trả một khoản tiền phạt khổng lồ do phá hợp đồng. Có lẽ Yeager không phải người duy nhất cảm thấy sức nặng của việc ký kết này. Có vẻ như nó cũng gây sức ép với Meyers. Bắt đầu từ sau buổi tập ban đêm, những mục tiêu ở trường bắn được

đổi thành cỡ trẻ con. Việc ấy báo hiệu thứ gì thì đã rõ. Yeager và đội của anh sẽ phải giết một nhóm trẻ nhỏ. Ban đêm, họ tiếp tục tới khu tập luyện có những căn lều kia và xả đạn vào hình nhân lũ trẻ.

Vào ngày thứ năm, sau buổi tập thể lực và tập bắn buổi sáng, cả buổi chiều được dành cho huấn luyện trên lớp. Các thành viên hy vọng cuối cùng sẽ được biết thêm thông tin về nhiệm vụ.

Sau khi bắn các mục tiêu nhỏ hình người nát thành giấy vụn trên trường bắn, bốn người họ đang trên đường trở về trụ sở thì Meyers lên tiếng.

"Tôi chưa bao giờ nghe tới thứ gì như thế này. Các anh cũng thế, đúng không?" Meyers, ngày thường luôn vui vẻ, trông ghê tởm khác thường. "Các anh sẽ làm gì nếu nhiệm vụ của chúng ta thực sự là giết một lũ trẻ? Các anh có hoàn thành nó không?"

Yeager, luôn cảm thấy buồn nôn mỗi đêm họ làm bài tập huấn, muốn về phe với anh ta. Giờ thì cái chết của Justin là điều không thể tránh khỏi. Có phải anh đang cướp đi mạng sống của ngần ấy đứa trẻ chỉ để kéo dài mạng sống của con mình thêm vài ngày?

Garrett và Mick im lặng. "Nhưng chúng ta đều ký bản thỏa thuận rồi," Yeager nói. "Còn có thể làm gì khác nữa?"

"Đây là cơ hội cuối cùng. Chúng ta có thể bỏ việc trước khi nghe nhiệm vụ là gì. Nếu chúng ta không biết mục tiêu, có lẽ họ sẽ để ta đi."

"Không có chuyện đó đâu. Nếu họ thoải mái với ta đến vậy, họ đã không bắt chúng ta ký thỏa thuận."

"Tôi nghi là thỏa thuận đấy còn không hợp pháp. Nếu phải ra tòa, tôi không nghĩ người thuê chúng ta có thể nói gì. Anh nghĩ họ có thể làm chứng họ đã lệnh cho chúng ta giết trẻ em và bị từ chối à?"

"Tôi không nghĩ chống đối họ là chiến lược tốt nhất, Garrett nói.

"Sao lại không?" Meyers hỏi.

"Các công ty an ninh tư nhân đều có quan hệ tới tận Lầu Năm Góc. Nếu phá hợp đồng, họ sẽ dồn chúng ta khỏi ngành này. Đến lúc đó, chúng ta kiếm được việc trong bãi đỗ xe Walmart là may."

Cả bốn người, những chuyên gia giết chóc, cảm thấy hoàn toàn

bất lực và trở nên im lặng. Yeager có thể hạ một mục tiêu cách năm trăm mét bằng một phát súng. Đâm chết một người từ sau lưng nhanh tới mức không kịp phát ra tiếng. Đó là người cha khiến Justin tự hào. Con trai anh nhìn thấy một người hùng chiến đấu vì hòa bình, cái ông bố không có chỗ đứng trong xã hội hòa bình này. Mỗi lần cảm nhận sự ngưỡng mộ ngây thơ của Justin, Yeager lại thấy khốn khổ, như một kẻ giả mạo trong bộ quân phục.

"Hơn nữa," Garrett nói tiếp, "chúng ta đã dây vào thứ gì đó nghiêm trọng rồi. Có thể đây là một vụ ám sát được Nhà Trắng cho phép. Thậm chí là một chương trình tiếp cận đặc biệt. Nếu vậy, ai mà biết được chuyện gì sẽ xảy ra với những kẻ muốn bỏ việc?"

"Anh đang nói chúng ta có thể bị giết?"

"Hoặc bị gắn mác khủng bố và tống cổ tới nơi nào đó kiểu như Syria hay Uzbekistan, nơi không ai ngại ngần gì đi tra tấn kẻ khác." Garrett hạ giọng. "Tôi có thể tưởng tượng chính phủ của Burns làm việc này."

Nỗi sợ hãi lạnh lẽo bao trùm lên cả đội. Meyers gợi chủ đề này lên trước khi vào nhà bởi anh ta biết trong phòng ngủ họ bị theo dõi sát sao.

Yeager đứng gần cửa sau trụ sở và nghĩ về một người ở quê nhà, một cựu binh Việt Nam tên Jack Riley. Riley ngồi trên hiện ngôi nhà xập xệ ở rìa thị trấn, uống bia cả ngày. Có vẻ ông không có việc làm. Trong mắt hàng xóm, ông không phải một người hùng trở về từ chiến trận mà là cái gai trong mắt.

Vào cái ngày người tuyển quân nói chuyện với anh ở trường cấp ba, Yeager đã ghé qua chỗ Riley trên đường về nhà. "Cháu đang tính nhập ngũ," anh bảo ông.

Riley nhìn anh chằm chằm với đôi mắt kèm nhèm. "Việc đấy tùy vào cậu," ông nói.

Yeager không nghĩ vậy. Việc đó cảm giác như lựa chọn duy nhất mà anh có.

"Để tôi nói cho cậu biết người lính là như thế nào," Riley nói. "Cậu đi chiến đấu vì đất nước. Cậu giết kẻ thù. Và chỉ người tốt mới

mang theo nỗi ăn năn trong lòng. Chỉ có người tốt mà thôi."

Yeager mười bảy tuổi không hiểu. "Ý ông là sao?"

"Có những người không có vấn đề gì khi làm hại người khác, và có những người thì có."

Đống lon bia dưới chân Riley nói lên ông là loại người nào. Vậy thì người lính suy sụp, bị mọi người hắt hủi này là một người tốt?

Nếu anh giết hai mươi đứa trẻ, Yeager nghĩ, liệu anh có trở thành như Riley?

Khi trở lại phòng, Meyers nói với đồng đội người Nhật, "Mick, anh nghĩ gì về nhiệm vụ này?"

"Tôi sẽ làm nhiệm vụ của mình," Mick đáp. Từ ngày đầu tiên, anh ta đã không thể hiện chút ăn năn nào khi nã đạn vào đống hình nhân. "Họ bảo tôi làm gì, tôi làm nấy. Đó là việc của tôi. Đó là việc của chúng ta."

"Anh không ngại giết trẻ con sao?" Meyers hỏi, giọng anh ta có chút khinh thường.

Bình thường, khuôn mặt Mick không biểu lộ cảm xúc gì, nhưng giờ khóe môi anh ta cong lên thành một nụ cười lạnh lẽo như thể sắp sửa gọi Meyers là hèn nhát. Vẻ mặt Meyers biến đổi và Yeager, cảm thấy có nguy hiểm, can thiệp vào. "Từ từ đã. Chúng ta chưa biết mình có phải giết trẻ em không. Đừng vội kết luận trước khi nghe nhiệm vụ là gì."

Meyers lộ vẻ kinh tởm. Ngay lúc đó, cánh cửa mở ra và Singleton bước vào. Vị giám đốc chiến dịch cao lớn nhìn xuống họ và hỏi đầy nghi ngờ, "Các anh đang làm cái gì thế?"

"Chúng tôi đang thống nhất chiến thuật," Garrett trả lời. "Lý lịch của chúng tôi khác nhau nên mỗi người đều có một ý kiến khác."

"Đi ăn trưa đi. Buổi họp chiều sẽ cung cấp cho các anh tất cả các thông tin cần thiết."

Bốn thành viên liếc nhìn nhau.

"Các anh hiểu chiến thuật mà tôi đang nói chứ?" Yeager hỏi. "Có một khoảng thời gian tối ưu để xem xét hành động của đối phương."

"Tôi hiểu," Meyers nói. "Quyết định rút lui lúc này còn quá sớm."

“Chính xác.”

Vào một giờ chiều, sau bữa trưa, bốn người bước vào phòng họp. Singleton đã tới trước và ngồi một mình, như thường lệ. Từ giờ tới khi bắt đầu nhiệm vụ, có thể ông ta là người duy nhất họ được gặp.

Họ ngồi xuống và Singleton mở laptop chiếu một tệp PowerPoint lên màn hình treo phía trước.

“Được rồi, nhìn đi,” ông nói. “Các anh có nhận ra người này có điều gì kỳ lạ không?”

Màn hình hiện lên bức ảnh một người châu Phi. Trông anh ta khoảng ba mươi tuổi. Hoặc là già hơn, bởi anh ta có một ít tóc bạc. Anh ta mặc một chiếc áo sờn rách quá to so với người, và anh ta nhìn thẳng vào máy ảnh, khuôn mặt mang vẻ dịu dàng. Cổ anh ta khá cơ bắp nhưng đôi vai lại hẹp nên không có vẻ nở nang lắm. Màu da khá sáng, và Yeager đoán hẳn là anh ta đến từ vùng cực Bắc hoặc cực Nam của châu Phi.

“Giờ hãy nhìn ảnh này,” Singleton nói, chuyển sang bức ảnh thứ hai. Một người khổng lồ đang đứng cạnh người đàn ông châu Phi ở bức ảnh trước. Ông ta là người da trắng, cao hơn người châu Phi nhiều đến mức trông như người lớn đứng cạnh trẻ con. Người đàn ông da đen đứng chưa tới ngực người trắng.

“Nhớ lấy mặt người da trắng này. Ông ta là Nigel Pierce, giáo sư nhân học tại một trường đại học ở Bờ Đông nước Mỹ.”

Nigel Pierce cực kỳ mảnh khảnh. Ông ta rám nắng và có râu. Trông ông vào khoảng bốn mươi mấy tuổi và trông giống một nhà thám hiểm kiệt sức hơn là một học giả.

“Tiện thể thì, Pierce chỉ cao một mét tám bảy, cỡ như tôi. Người châu Phi bên cạnh chỉ cao một mét tư.”

“Sao lại nhỏ vậy?” Garrett hỏi.

“Ông ta là người Pygmy.”

Thấy họ đã hiểu, Singleton nói tiếp. “Từ Pygmy có ý tiêu cực, nhưng như các anh thấy ở đây, người Pygmy cũng giống như người bình thường, chỉ có điều nhỏ hơn. Màu da họ sáng giống người châu

Á, và các nhà nhân học phân loại họ khác với người châu Phi."

Singleton đeo kính và cầm một quyển sổ lên. "Điều tôi sắp nói với các anh là dựa vào nhân học. Tôi chỉ nói với các anh những điều nghe được từ người khác, vậy nên là không hỏi xoáy, nếu các anh không phiền."

Singleton cười, như thể đấy là câu đùa gì hay ho, nhưng các thành viên trong đội, không ai yêu mến ông cho lắm, còn không thể nặn ra nổi một nụ cười giả dối.

Không chút bối rối, Singleton tiếp tục. "Tôi đoán rằng không ai trong các anh thực sự ý thức về điều này, nhưng chúng ta thuộc về một nền văn minh nông nghiệp. Các thực phẩm chính trong chế độ ăn của chúng ta đều là sản phẩm nông nghiệp. Người Pygmy, mặt khác, lại là thợ săn. Họ sống trong rừng và săn động vật để lấy thức ăn cần thiết."

Singleton chuyển sang trang trình chiếu thứ ba: một bản đồ châu Phi, trên có một dải màu đặc biệt chạy theo hướng đông-tây dọc xích đạo.

"Đây là khu vực sinh sống của người Pygmy. Nó trùng với khu vực rừng nhiệt đới châu Phi. Không ai biết tại sao họ lại tiến hóa thành kích cỡ nhỏ như vậy, nhưng theo một giả thiết thì đó là cách họ thích nghi với môi trường. Với kích cỡ đó, họ có thể tự do di chuyển dưới tán cây dày và thấp. Tới khoảng mười tuổi, họ vẫn phát triển như chúng ta, nhưng sau đó thì ngừng lại. Họ sống hết phần đời còn lại trong cơ thể kích cỡ trẻ con."

Yeager chợt nhận ra điều ẩn sau bài giảng về nhân học này. Những hình nhân cỡ trẻ con mà họ vẫn dùng chắc là mô phỏng người Pygmy. Ý nghĩ ấy xua đi một chút phiền muộn trong lòng anh, nhưng cùng lúc lại khơi ra một câu hỏi mới. Những người này sống sâu trong rừng, cách xa khỏi nền văn minh, cách xa loại công việc mà anh làm đến hàng năm ánh sáng. Tại sao phải giết họ?

Garrett giơ tay. "Người Pygmy mang quốc tịch gì?"

"Về lý thuyết họ thuộc về đất nước đang sinh sống, mặc dù trên thực tế họ không được trao quyền công dân. Thay vì là công dân

nước nào đó, họ được chia làm vài bộ tộc. Người đàn ông ở bức ảnh đầu tiên thuộc về bộ tộc Mbuti. Họ sống ở phía đông Congo, trong rừng rậm Ituri."

Phía đông Congo là nơi Yeager và đồng đội sẽ được đưa tới. Buổi họp cuối cùng cũng đi tới phần quan trọng. "Có phải rừng Ituri là một phần vùng chiến sự của cuộc Đại chiến ở châu Phi?"

Singleton cười hiểu biết. "Đúng vậy," ông nói. "Đây không phải một cuộc chiến thường quy mà là chiến tranh du kích. Các khu làng gần đó bị cướp bóc, và xảy ra diệt chủng – một giống dân này sát hại một giống dân khác. Nhưng không chỉ có vậy. Các đoàn quân chiến đấu ở đó, bao gồm cả quân đội Congo chính quy, vào rừng săn người Pygmy và ăn thịt họ."

"Cái gì?!" Meyers kêu lên.

"Ăn thịt người. Dân khu vực đó không coi người Pygmy là con người. Họ cũng tin rằng nếu ăn thịt người Pygmy, sức mạnh huyền bí của rừng già sẽ tới trú ngụ trong cơ thể mình. Vậy là người ta săn lùng họ, xẻ thịt, bỏ vào nồi. Có vẻ là thêm chút muối nữa, rồi ăn. Các đội quan sát Liên Hợp Quốc đã xác nhận điều này." Người duy nhất trong phòng họp không tỏ ra kinh tởm là người đang kể chuyện. "Thực dân da trắng đến châu Úc cũng từng thích săn lùng người bản xứ. Ở Tasmania, không còn lại một người bản xứ nào cả. Người da trắng đã xóa sổ họ."

Singleton trông như thể tay sai của quỷ dữ, có vẻ đang tận hưởng cái suy nghĩ rằng loài người có thể sa đọa tới đâu. Yeager bắt đầu lo lắng điều gì sắp được hé lộ về nhiệm vụ của họ.

"Được rồi, trở lại với người Pygmy Mbuti."

Singleton bấm nút, và màn hình chuyển sang chiếu một bản đồ phóng to khu vực phía đông Cộng hòa Dân chủ Congo. Một con đường khoảng một trăm cây số kéo dài từ bắc tới nam, với những ngôi làng rải rác hai bên. Ngoài ra không còn thứ gì khác cho thấy sự hiện diện của con người. Hầu hết bản đồ đều mang màu xanh.

"Đây là rừng Ituri, nơi họ sinh sống. Người Mbuti sống theo từng nhóm khoảng vài chục người. Vào mùa mưa, họ sống gần các làng

nông nghiệp, nhưng giờ, vào mùa khô, họ vào rừng đi săn. Họ dụng các trại săn, ở đó một thời gian nhất định, rồi di chuyển vài cây số tới trại tiếp theo. Di chuyển quanh như vậy đảm bảo rằng họ không bị hết thức ăn."

Tám điểm chạy từ đông sang tây được đánh dấu trên bản đồ.

"Tám chấm này là khu trại của nhóm người Pygmy gọi là Kanga, gồm khoảng bốn mươi người. Khu vực này rộng khoảng ba lăm cây số. Đây là khu vực hoạt động của các anh." Singleton nhìn từng người trong số họ. "Được rồi. Giờ thì đến các chi tiết về chiến dịch."

Yeager và những người khác cựa mình trên ghế và chăm chú lắng nghe.

"Chiến dịch có mật danh Thần hộ mệnh. Các anh sẽ dùng tên giả và đóng giả làm các thành viên một tổ chức bảo vệ động vật hoang dã. Các anh sẽ bay từ sân bay quốc tế Entebbe ở Uganda tới Congo. Chúng tôi sẽ hướng dẫn các anh tới điểm xâm nhập ở rừng Ituri, sau đó các anh sẽ chỉ có một mình và không có thêm đồ tiếp tế nữa. Hãy đảm bảo rằng các anh tuyệt đối không tiếp xúc với người bản địa. Di chuyển qua rừng mà không thu hút sự chú ý của phiến quân, xác định vị trí trại săn nơi nhóm người đang ở, và xóa sổ họ."

"Tại sao?" Meyers hỏi mà không giơ tay. "Tại sao lại giết những người Pygmy này?"

"Để tôi nói hết đã," Singleton gắt. "Chúng tôi dành ra mười ngày cho chiến dịch, nhưng nếu mọi việc diễn ra theo kế hoạch thì chỉ mất năm ngày. Chúng tôi cần các anh quay phim bốn mươi cái xác để xác nhận sát thương và truyền về cho chúng tôi qua mạng. Rồi các anh đi tới điểm hẹn được xác định và chúng tôi sẽ đưa các anh đi bằng trực thăng. Nếu đụng phải phiến quân trên đường, không có quy định giao chiến nào cả. Cái đó tùy các anh."

Yeager giơ tay, và Singleton gật đầu. "Nhóm Kanga có phải nhóm người Pygmy duy nhất trong khu vực hoạt động không?"

"Không. Có một vài nhóm tương tự sống cách đó khoảng mười cây số."

"Vậy thì làm sao chúng tôi phân biệt được họ? Làm sao chúng tôi

biết được đâu là mục tiêu?"

"Nigel Pierce, nhà nhân học, là chìa khóa. Ông ta đang làm việc thực địa với nhóm Kanga. Ông ta tin thỏa thuận ngừng bắn sẽ được giữ vững nên đã tới Congo, nhưng khi chiến tranh bắt đầu lại, ông ta không thể thoát ra. Khu trại mà Pierce đang ở là mục tiêu của các anh."

"Vậy là chúng tôi phải xử lý cả Pierce?"

"Chính xác."

"Chúng ta sẽ giết một người Mỹ?" Meyers trầm giọng nói.

Singleton nhìn anh ta chằm chằm. "Tại sao chúng ta phải giết một giáo sư người Mỹ và mấy người Pygmy? Đây là lý do. Nửa năm trước, một loại virus mới được phát hiện trong rừng. Giống như virus Ebola, vật chủ của nó không rõ ràng, nhưng chúng ta biết rằng nó ảnh hưởng tới động vật linh trưởng, bao gồm cả con người. Vấn đề là thời kỳ ủ bệnh và tỷ lệ tử vong. Mất khoảng hai năm kể từ khi lây nhiễm tới khi triệu chứng xuất hiện, và tỷ lệ tử vong là một trăm phần trăm. Nói cách khác, có rất nhiều thời gian để người nhiễm bệnh phát tán virus, và một khi triệu chứng xuất hiện, sẽ không có người sống sót. Nếu thứ virus này phát tán ra khỏi khu vực, đại dịch toàn cầu sẽ xảy ra, và loài người có thể bị xóa sổ."

Các thành viên sững sờ trước tình huống không ngờ tới này. Cuối cùng, Yeager cũng có thể thấy bức tranh toàn cảnh. Những gì người ta nói khi tuyển anh cuối cùng không phải là dối trá. Đây quả là một công việc bẩn thỉu. Nhưng cũng là vì nhân loại.

"Chiến dịch Thần hộ mệnh là cách chúng ta xử lý mối hiểm họa này. Tôi chắc chắn rằng các anh đã đoán ra rồi, nhưng Nigel Pierce và khoảng bốn mươi người nhóm Kanga là nhóm người nhiễm virus duy nhất được biết đến."

"Nhưng tại sao lại giết họ?" Meyers tranh cãi. "Tại sao không cách ly họ?"

"Không thể cho một đội y tế lớn vào đó – trong một khu vực hỗn loạn như vậy, nơi hơn hai mươi nhóm phiến quân đang loạn đả. Nếu muốn đưa người tới, sẽ phải đưa tới một đội quân, nhưng những

nước khác không muốn như vậy bởi họ sẽ bị buộc tội tham chiến. Và có một lý do khác khiến chúng ta phải xử lý chuyện này ngay lập tức. Hẳn các anh vẫn nhớ việc săn lùng người Pygmy mà tôi nói tới lúc trước. Nếu đám phiến quân ăn thịt người tìm đến nhóm Kanga, chuyện gì sẽ xảy ra? Tất cả sẽ bị nhiễm virus, và khi họ tấn công các làng khác và hãm hiếp phụ nữ, virus này sẽ còn lan ra xa hơn nữa. Chính lực lượng bảo vệ hòa bình của Liên Hợp Quốc cũng xâm hại phụ nữ địa phương và sau đó thì chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi virus truyền sang các lục địa khác."

"Nếu bị nhiễm virus, triệu chứng là gì?"

"Tôi không thể nói được. Điều đó là tối mật, vậy nên đấy là tất cả thông tin mà tôi có."

"Từ từ đã," Meyers bình tĩnh nói để không khiến giám đốc chiến dịch khó chịu. "Vẫn còn một thông tin nữa mà chúng tôi cần đến. Trong khi thực hiện nhiệm vụ, chúng tôi cũng có nguy cơ mắc bệnh, đúng vậy chứ?"

"Chúng tôi đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa. Virus này có một điểm yếu. Trong tháng đầu tiên nhiễm bệnh, nó có thể bị tiêu diệt dễ dàng bởi một loại thuốc." Singleton lôi một viên thuốc nhỏ ra khỏi túi áo. Bên trong vỏ thuốc trong suốt, họ thấy một loại bột trắng. "Tôi không thể tiết lộ nguồn gốc thứ này, nhưng một phòng nghiên cứu quân sự ở một nước không biết tên đã điều chế nó. Một khi hoàn thành nhiệm vụ, các anh sẽ uống thuốc. Nhưng thậm chí khi có thứ thuốc này các anh cũng không thể lơi lỏng. Trong khi làm nhiệm vụ, hãy tránh tiếp xúc thân thể với mục tiêu. Cẩn thận đừng để dính máu khi bắn họ. Làm vậy, các anh sẽ tránh được nguy cơ nhiễm bệnh."

"Nếu chưa nhiễm bệnh, liệu uống thứ thuốc đó có an toàn không?"

"Tất nhiên. Nó sẽ không làm hại các anh."

"Tôi hiểu," Garrett nói, gật đầu.

Buổi họp kết thúc, và một sự im lặng nặng nề bao trùm lên căn phòng. Yeager cảm nhận được những người kia đều đã quyết định sẽ

tham gia chiến dịch. Ai nghĩ ra ý tưởng cho một cái nhiệm vụ chết tiệt như vậy chứ? Anh băn khoăn.

"Tôi biết các anh không hào hứng, nhưng các anh phải hiểu rằng tình huống này là kết quả sự pha trộn hoàn hảo các tình huống xấu nhất có thể. Nếu Congo là một đất nước hòa bình, chuyện đã không xảy ra như thế này. Nhưng giờ ta không thể để lỡ bất cứ giây phút nào. Bằng mọi giá, chúng ta phải đảm bảo rằng chiến dịch Thần hộ mệnh sẽ thành công. Tất cả phụ thuộc vào bốn người các anh." Ông nói tiếp bằng giọng lo lắng. "Ba vấn đề cuối cùng. Sau khi xóa sổ nhóm Kanga, các anh phải thu thập mẫu vật để nghiên cứu. Các anh sẽ mang về vài loại nội tạng và mẫu máu. Tôi sẽ đưa danh sách hoàn chỉnh sau."

"Và đó là việc của tôi?" Meyers hỏi, vẻ mặt u ám.

"Ba người còn lại hãy giúp đỡ anh ta," Singleton nói, gián tiếp trả lời câu hỏi của Meyers. "Và nhắc lại, hãy thực hiện mọi biện pháp để phòng cần thiết để tránh nhiễm bệnh."

Yeager có một câu hỏi nhỏ mà anh nghĩ là thiết yếu. "Nếu chúng tôi cắt xẻo các thi thể như vậy, không phải sẽ khiến nhiệm vụ có nguy cơ bại lộ sao? Nếu lực lượng gìn giữ hòa bình tình cờ tới hiện trường, họ sẽ biết đó không phải một vụ đọ súng bình thường."

"Không cần lo lắng. Đám phiến quân địa phương không chỉ ăn thịt người Pygmy mà còn cắt các bộ phận của họ làm bùa chú. Bất cứ lực lượng gìn giữ hòa bình nào cũng sẽ nghĩ là như vậy."

"Tôi hiểu," Yeager nói. Họ quả đã nghĩ tới mọi thứ.

"Giờ thì tới điểm thứ hai. Các anh cần phải thu lại máy tính xách tay của Nigel Pierce và mang nó nguyên vẹn về đây."

Không ai biết mục đích chuyện này, nhưng họ không có gì phản đối.

"Và cuối cùng, chỉ dẫn quan trọng nhất. Trong chiến dịch, nếu gặp phải một sinh vật sống mà các anh chưa từng thấy bao giờ, thì giết nó ngay lập tức."

Ông ta nói về cái gì vậy?

Mick, người vẫn im lặng suốt cả buổi họp, nghĩ có lẽ mình đã

hiểu sai câu tiếng Anh. “Ông ấy nói gì?” anh ta hỏi. “Sinh vật sống ta chưa từng thấy bao giờ?”

“Đúng vậy. Nếu các anh thấy một sinh vật sống mình chưa từng thấy bao giờ, các anh cần phải giết nó ngay lập tức.”

“Ý ông là con virus?”

“Không, không ai có thể nhìn thấy virus. Và virus cũng không phải một dạng sống. Ý ông ấy là một động vật có hình dạng.”

“Tôi không hiểu.”

Yeager xen vào. “Hẳn là trong rừng rậm châu Phi có rất nhiều động vật chúng tôi chưa nhìn thấy bao giờ.”

Garrett và Meyers cười, nhưng Singleton vẫn giữ vẻ nghiêm túc. “Hầu hết đấy đều là những thứ các anh có thể tưởng tượng ra – bướm, thằn lằn, hoặc thứ gì khác. Thứ mà tôi đang nói đến là một loại sinh vật đặc biệt, không thể xếp vào loài động vật nào.”

“Nếu ông cho thêm một chút thông tin nữa thì sẽ có ích hơn đấy.”

“Khách hàng đã hạn chế lượng thông tin có thể cho biết, Singleton nói, vẻ mặt khó đoán biết. Khách hàng ở đây ý chỉ đất nước đã ra lệnh thực hiện chiến dịch. Khả năng cao nhất là Nhà Trắng. “Tôi chỉ là người đưa tin thôi. Sinh vật đó ở trong rừng rậm Congo. Và khả năng nó xuất hiện trong trại săn của nhóm Kanga là rất cao. Nó sẽ có dáng vẻ một thứ gì đó chưa từng được nhìn thấy. Nhưng nó không hung dữ, và nó di chuyển chậm, vậy nên với kỹ năng của mình, các anh có thể giết nó bằng một phát đạn. Sau đó, hãy mang về cả cái xác.”

“Nhưng đó không thể là tất cả...”

“Đó là tất cả những thông tin mà tôi được cung cấp, Singleton nói, đột ngột khép lại chủ đề. “Nét đặc thù nhất của sinh vật này là, khi thấy nó các anh sẽ biết ngay rằng nó là một sinh vật hoàn toàn chưa được biết đến. Có thể nó sẽ khiến các anh bối rối khi nhìn thấy, nhưng vấn đề là không được nghĩ đến điều đó. Đừng tự hỏi đó là loại sinh vật gì. Một khi nhìn thấy, chỉ cần bắn ngay. Đó là mục tiêu ưu tiên cao nhất của chiến dịch Thần hộ mệnh.”

Tối hôm đó sau bữa cơm với Sugai, Kento tạm ngừng thí nghiệm, ăn hết một cốc mì tôm mua ở cửa hàng trong trường và tới bệnh viện Đại học Khoa học Tự nhiên và Xã hội Tokyo. Bệnh viện là một tòa nhà mười hai tầng cách khối tự nhiên mười phút đi bộ. Kento định gặp Yoshihara, một sinh viên khóa trên cậu gặp vài lần ở mấy bữa tiệc thời đại học.

Cậu vào cửa cho nhân viên ở sau khu nhà, nói với bảo vệ tên người cậu tới thăm và đi vào trong nhà chính. Kento không thể nén được cảm giác không thoải mái. Cậu đã luôn cho rằng trường y hơn hẳn trường dược, và không bao giờ có thể rũ bỏ cảm giác tự ti.

Trong thang máy lên các tầng trên, cậu nhớ lại buổi định hướng khi mới vào đại học. Vị chủ nhiệm khoa đã tự hào nói với cử tọa sinh viên, “Cho dù các anh chị có trở thành bác sĩ, thì số bệnh nhân các anh chị có thể cứu được trong đời sẽ chỉ nhiều nhất là khoảng mười nghìn người. Nhưng làm một người nghiên cứu phát triển thuốc, nếu phát triển được một loại thuốc mới, các anh chị có thể cứu hơn một trăm nghìn người.”

Vấn đề chính là ở đó, Kento nghĩ. Nếu cậu thực sự phát triển được một loại thuốc chữa PAECS, cậu sẽ không chỉ cứu được một trăm nghìn bệnh nhân hiện có trên toàn thế giới, mà còn giúp được cả những đứa trẻ có thể sinh ra mang bệnh đó trong tương lai. Kento hy vọng lời nói của vị chủ nhiệm khoa có thể động viên mình, nhưng không được. Cậu vẫn cảm thấy bơ vơ – cậu đang phải đối mặt những vật cản quá to lớn.

Thật sự là không thể, cậu nghĩ. Cậu không nên hy vọng. Cậu phải nhắc nhở mình điều này; nếu không, khi thất bại, nỗi thất vọng của cậu sẽ còn lớn hơn nữa.

Cậu ra khỏi thang máy ở tầng năm và đi tới phòng trực điều dưỡng khoa nhi. Một trong số các điều dưỡng trông có vẻ bận rộn

nhìn thấy cậu và hỏi có phải cậu tới thăm ai đó không.

“Vâng, nhưng không phải thăm bệnh nhân,” cậu trả lời. “Tôi tới gặp bác sĩ Yoshihara.”

Cô điều dưỡng gật đầu. “Bác sĩ Yoshihara!” cô gọi với sang nhóm người mặc áo trắng phía bên kia phòng trực.

“Vâng?” một người đàn ông tóc ngắn trả lời và quay lại. Yoshihara. Kento nghe nói mãi tới khi học phổ thông Yoshihara vẫn còn tập kendo. Và giờ, anh ở đây, được gọi bằng “bác sĩ”.

“Chào Kento! Lâu lắm không gặp cậu,” anh nói bằng chất giọng trầm đặc trưng. Anh mặc một chiếc sơ mi, cà vạt và áo bờ lu trắng, và trông anh khác hẳn với hồi còn học đại học. Kento cảm thấy lạc lõng trong chiếc quần bò và áo phao cũ kỹ.

“Xin lỗi đã làm phiền, anh có vẻ bận quá.”

“Không thành vấn đề. Vào văn phòng anh đi,” Yoshihara nói. Anh kéo Kento rời khỏi phòng trực.

Vậy là anh định trở thành bác sĩ nhi khoa?” Kento hỏi.

““Anh đang thực tập, nên anh làm việc xoay vòng trong các khoa khác nhau. Nhi khoa cũng ổn, nhưng không ra tiền.”

“Không ra tiền?

“Tiền kiếm không đủ để bù lại công sức bỏ vào đó, ý anh là vậy. Nếu định mở phòng khám riêng, học chuyên khoa khác sẽ tốt hơn,” Yoshihara nói, quay người liếc nhìn khu nhi khoa. “Khi gặp một bác sĩ nhi, ta biết chắc rằng anh ta là một bác sĩ tận tụy làm việc không phải vì tiền. Nhưng anh muốn theo đuổi một ngành khác.”

Trong khi đợi thang máy, Yoshihara đi thẳng vào vấn đề. “Xơ cứng phổi hả?” anh hỏi, dùng tên rút gọn của căn bệnh.

“Vâng.”

“Không may là y học ngày nay chẳng thể làm gì cả. Tất cả những gì chúng ta có thể làm là cố gắng điều trị triệu chứng và xem tình hình tiến triển thế nào. Câu hỏi chỉ là ta có thể kéo dài mạng sống cho bệnh nhân bao nhiêu lâu.”

“Vậy là không có cách chữa?”

“Không có,” Yoshihara nói thẳng thừng.

“Còn nghiên cứu cơ bản?

“Có một bác sĩ tên Garrado ở Bồ Đào Nha đang cố tìm kiếm thuốc điều trị.”

“Thuốc điều trị?” Kento ngạc nhiên. Đây là tin tức cậu không ngờ tới. “Ông ấy làm được đến đâu rồi?”

“Cái đó nằm ngoài lĩnh vực của anh. Đợi một phút.”

Họ ra khỏi thang ở tầng sáu, Yoshihara tiến về góc có biển “Văn phòng khoa y”. Có một loạt cửa dọc hành lang, mỗi cửa ghi tên một chuyên khoa khác nhau. Yoshihara mở cửa ghi tên “Nhi khoa”. Có vài chiếc bàn, nhưng bởi lúc ấy là buổi tối nên chỉ có mấy người ở đó. Yoshihara mở tủ và lấy ra một tập giấy từ trong túi quai chéo.

“Anh đã tải xuống một vài bài báo tìm được,” anh nói.

“Cảm ơn anh,” Kento nói, cầm lấy tập giấy in. Cậu nhanh chóng đọc lướt qua.

“Có vẻ ông ấy còn xa mới đến bước thử nghiệm tiền lâm sàng.”

“Có vẻ là vậy.”

Bác sĩ Garrado thuộc Trung tâm Y tế Đại học Lisbon đã phát triển một mô hình cấu trúc ba chiều của GPR769 đột biến. Dựa vào đó, ông đang cố điều chế một loại dược phẩm sẽ liên kết với thụ thể này và có thể được hoạt hóa trở thành thuốc. Với nghiên cứu này, có lẽ ông đã thuộc hàng đầu về nghiên cứu ứng dụng lâm sàng trong lĩnh vực này trên toàn thế giới.

“Ông ấy đã tới được tận giai đoạn tối ưu hóa cấu trúc chất dẫn đường.”

“Đó là gì?”

“Ông ấy đã tìm được một hợp chất có thể dùng làm thuốc và đang cố gắng chỉnh sửa cấu trúc của nó để tăng tối đa dược tính.”

Garrado không chỉ bỏ xa Kento mà còn cách xa cậu hàng năm trời. Cuối cùng thì cố bắt một con cá lớn bằng lưới nhện vẫn là một công việc bất khả thi. Nghiên cứu mà Kento có khả năng thực hiện tại căn phòng bé xíu trong khu chung cư tồi tàn sẽ không thể nào sánh được với bác sĩ Garrado. Như thể một đội bóng địa phương đấu với một đội giải ngoại hạng.

“Vậy là ông ấy đang sắp sửa hoàn thành một loại thuốc chữa xơ cứng phổi?”

“Không, từ giờ đến lúc đó vẫn còn vài năm nữa. Thậm chí kể cả khi ông phân tách được chất dẫn đường, thì cơ hội tạo ra thuốc mới cũng chỉ là một trên một nghìn. Cứ cho là mọi chuyện trôi chảy thì cũng phải mất hơn năm năm nữa.”

“Vậy là nó không giúp gì được bệnh nhân ngay lúc này?”

“Không, không thể.”

Yoshihara thở dài. “Đi theo anh,” anh nói và đi ra hành lang. Tấm biển trên đầu Kento có dòng chữ “Khoa hồi sức tích cực”.

“Anh cũng có một bệnh nhi mắc xơ cứng phổi.”

“Thật sao?”

Họ đi qua cửa xoay dẫn vào phòng hồi sức tích cực. Có nguyên một bức tường là một cửa sổ lớn, nằm bên trong là những bệnh nhân nặng nhất.

“Hàng bên trái, giường thứ ba tính từ phía trước,” Yoshihara khẽ nói.

Một cô bé khoảng sáu tuổi nằm giữa những bệnh nhân trưởng thành. Da cô bé nhợt nhạt, tím tái, đôi mắt nhắm nghiền và hơi thở nặng nhọc. Vô số dây truyền ven xung quanh cho thấy tình trạng của cô bé tồi tệ đến mức nào.

Một điều dưỡng đứng bên giường cùng với một người phụ nữ khoảng hơn ba mươi có vẻ là mẹ cô bé. Người mẹ đeo khẩu trang để giữ cho căn phòng vô trùng, nhưng vẫn có thể thấy rõ rằng cô đang sắp sửa bật khóc.

Người điều dưỡng nhấc mặt nạ oxy nhỏ xíu khỏi mặt cô bé và lau đi vết máu tươi dây trên khóe miệng. Kento lùi lại một bước, sững sờ.

“Đã đến giai đoạn cuối rồi. Cô bé sẽ chết trong khoảng một tháng nữa.”

Thật bất công. Đối mặt với hiện thực kinh khủng này, Kento càng cảm thấy khốn khổ hơn. Cậu không thể cứu cô bé. Cái phòng thí nghiệm tồi tàn, trong tâm trí cậu, trở thành hiện thực của cha cậu và

chính bản thân cậu – và sự bất lực của họ không thể giúp đỡ đứa bé này.

Có lẽ xuất phát từ mong muốn tự đày đọa mình, Kento đọc tên bệnh nhân trên tấm bảng. Kobayashi Maika, sáu tuổi. Cậu biết mình sẽ không quên cái tên này khi còn sống trên đời. Cái tên của đứa trẻ cậu đã đứng ngoài lề nhìn thần chết cướp đi.

“Anh muốn kiếm tiền, hẳn rồi, nhưng anh cũng muốn cứu bệnh nhân,” Yoshihara nói. “Cậu làm trong ngành dược, vậy thì một ngày nào đó cậu hãy tìm ra một loại thuốc chữa căn bệnh này.”

“Nhưng làm điều đó trong vòng một tháng là bất khả thi.” Kento nghĩ về giới hạn hai tám ngày mà cha đặt ra. Một tháng kể từ bây giờ.

Mặt trời đã lặn từ lâu, và nhiệt độ đã giảm đáng kể. Trên sông Yokojikken chạy dọc vỉa hè, những con chim di cư mùa đông lềnh bềnh trên mặt nước, nghỉ ngơi giữa hành trình.

Khi Kento trở lại phòng thí nghiệm, tay nhét vào túi áo phao, cậu cúi đầu như một con thú bị thương. Cậu không thể rũ bỏ hình ảnh cô bé con đang chơi vơi trên bờ vực cái chết.

Cô bé chưa từng làm gì để đáng phải chịu đựng điều này, vậy thì tại sao cô bé lại phải chịu đựng? Tại sao cô bé lại phải chết khi mới sáu tuổi? Thậm chí một nhà khoa học xoàng xĩnh như cậu cũng biết câu trả lời. Đôi khi tự nhiên thật bất công và tàn nhẫn, không phân biệt đáng hay không đáng.

Các nhà nghiên cứu trong ngành dược chiến đấu với mối đe dọa này, nhưng cậu đã hoàn thành được cái gì chứ? Trong sáu năm kể từ khi vào đại học, cậu lãng phí hết ngày này qua ngày khác, không có chút ý thức nhiệm vụ hay mục đích của mình là gì.

Dẫu biết được điều đó, cậu có thể hoàn thành được điều gì kể từ giờ? Kento nhìn lên bầu trời đêm, hy vọng có thể rũ bỏ được những cảm giác u uất này. Bên trên cậu, vũ trụ trải rộng bao la – biết bao vì sao tỏa sáng từ nơi cách xa hàng năm ánh sáng.

Sẽ có ngày người ta phát triển được phương thuốc chữa PAECS.

Nhưng đó là ít nhất năm năm nữa, chứ không phải là một tháng nữa. Cậu đã được giao cho một nhiệm vụ bất khả thi. Sự bất lực bóp nghẹt cậu, nhưng cậu vẫn không thể quên được lời nhắn nhủ cuối cùng của cha. Cha cậu sẽ không dành một khoản tiền riêng lớn đến vậy để trang bị phòng thí nghiệm riêng nếu không tin rằng mình có thể thành công điều chế phương thuốc. Tất cả những gì cậu có thể dựa vào bây giờ là phần mềm GIFT cài trong máy tính, mặc dù cậu không rõ lắm về chức năng của nó.

Và cậu sinh viên trao đổi người Hàn biết cách thiết kế thuốc nhờ phần mềm máy tính. Doi chắc là đang kiểm tra lai lịch của cậu ta. Kento đang định gọi điện cho Doi thì nghe thấy có ai đó gọi tên mình. Cậu đang lạc sâu trong trong dòng suy nghĩ riêng đến mức ban đầu còn không nghe thấy. “Koga Kento?” cậu nghe thấy người đó gọi lần thứ hai và sững lại.

Kento đã tới cửa sau tòa nhà khoa dược bên khối tự nhiên. Ban đêm ở đây thường vắng bóng người. Ánh sáng duy nhất đến từ những chiếc đèn huỳnh quang soi sáng khu giữ xe đạp ở đằng xa.

Kento nhìn vào bóng tối, nhưng không thấy ai. Đấy là một giọng nữ, nhưng ngay khi cậu định mặc kệ và bỏ đi thì nghe thấy tiếng bước chân nhè nhẹ đến từ phía sau.

Cậu quay lưng lại thấy một người phụ nữ trung tuổi mảnh dẻ. Bà ta mặc một chiếc áo khoác màu trung tính và không trang điểm. Cái vẻ ngoài khỏe khoắn, sạch sẽ thường thấy của phụ nữ trong ngành khoa học.

“Cậu là Koga Kento?” bà ta nhỏ giọng hỏi.

Có lẽ bà ta là giáo viên ở khoa. Dù vậy, trông bà ta hơi ma mị so với họ. “Vâng, Kento đây ạ.”

“Tôi có chuyện cần nói với cậu. Cậu không phiền chứ?”

Kento lưỡng lự. "Ừm…”

“Đi với tôi,” bà ta nói và bắt đầu dẫn cậu rời khỏi trường.

“Đợi chút. Chuyện gì vậy?”

“Chuyện về bố cậu.”

“Bố tôi?”

Người phụ nữ gật đầu, vẫn không thôi nhìn chằm chằm vào cậu.

“Tôi cần nói với cậu điều này.”

“Nhưng làm sao bà biết tôi là con trai Koga Seiji?”

“Bố cậu từng một lần cho tôi xem ảnh. Ông ấy rất tự hào về cậu.”

Hẳn đó là một lời dối trá. Kento không thể tưởng tượng nổi cha mình mà lại khoe khoang về con trai.

“Làm ơn, hãy đi theo tôi,” người phụ nữ nói, rảo bước đi nhanh. Bà ta có vẻ lo lắng khi nghe giọng đám sinh viên vọng lại từ phía bãi xe đạp.

“Chúng ta đang đi đâu?”

“Trời lạnh lắm, vậy nên ta hãy nói chuyện trong xe.”

“Trong xe?” cậu nhắc lại. Lúc đó họ đã ra khỏi cổng chính. Một chiếc xe minivan đỗ trên con đường hẹp bên cạnh bức tường bao quanh trường. Nó đỗ ở đoạn giữa hai cột đèn đường, và tất cả những gì Kento có thể nhìn ra là chiếc xe có màu tối.

Kento dừng lại. Không chắc tại sao, nhưng cậu cảm thấy rằng nếu chui vào xe, cậu sẽ không bao giờ còn thấy ngôi trường nữa. “Bà không thể nói với tôi ở đây sao?”

“Nhưng tôi...”

“Bố tôi có việc gì?” cậu hỏi, và trong lúc đó, một câu hỏi thứ hai xuất hiện trong tâm trí bối rối của cậu. “Xin lỗi, nhưng bà là ai?”

Người phụ nữ nhìn sang hướng khác. “Tôi là Sakai. Bố cậu đã giúp tôi rất nhiều.”

“Bà Sakai? Còn tên gọi của bà?”

"Yuri. Sakai Yuri.”

Kento không nhận ra cái tên này.

“Tên bà viết như thế nào?”

“ ‘Sakai’ gồm chữ ‘Phản’ và chữ ‘Tỉnh’, còn ‘Yuri’ gồm chữ ‘Hữu’ và ‘Lí ” [2E], người phụ nữ có dáng vẻ mong manh giải thích. “Bố cậu chưa bao giờ nói về tôi à?”

“Chưa, chưa bao giờ. Chuyện này là thế nào?”

Sakai Yuri liếc nhìn chiếc xe. “Tôi rất sốc khi nghe tin bố cậu mất.”

Thật là một cách kỳ lạ để chia buồn, Kento nghĩ. Tại sao bà ta không đến viếng tại nhà họ ở Atsugi như tất cả mọi người khác? "Mối quan hệ của bà với bố tôi là sao?" cậu hỏi.

"Chúng tôi cùng làm nghiên cứu về virus."

"Tại Đại học Bách khoa Tama?"

"Tôi làm ở một cơ sở nghiên cứu bên ngoài trường đại học."

"Ý bà là hợp tác nghiên cứu?"

"Đúng vậy. Cậu thực sự chưa bao giờ nghe nói về chuyện này?"

Kento chỉ biết gật đầu. Có rất nhiều điều về hoạt động của cha vẫn còn là câu đố đối với cậu, nên cậu không thể chắc chắn bà ta đang nói sự thật.

"Tôi muốn hỏi cậu về nghiên cứu đó. Tôi có để lại một số dữ liệu thí nghiệm quý giá ở chỗ bố cậu."

"Dữ liệu?" Trong một thoáng, Kento tin lời bà ta. Với một người nghiên cứu, không có gì quan trọng hơn là dữ liệu.

"Bố cậu có tình cờ để lại một chiếc laptop cỡ A5 không?"

Kento cứng người. Bà ta đang nói về chiếc máy tính trong phòng làm việc, chiếc máy không chịu khởi động.

Đừng bao giờ để rơi vào tay ai khác.

"K... không, tôi không biết gì cả," cậu trả lời, bối rối. Ai cũng có thể thấy rõ cậu đang rối loạn đến mức nào.

Cậu đẩy kính lên cao hơn trên mũi, cố gắng bắt mình bình tĩnh lại. Yuri nhìn cậu, bật cười khẽ.

"Cậu giống y hệt bố."

Kento ngạc nhiên nhìn nụ cười bà ta. Cậu chưa bao giờ nghĩ người phụ nữ u ám này lại biết cười. Lần đầu tiên cậu để ý thấy người phụ nữ này tuy giản dị nhưng lại khá đẹp.

"Sao cậu không vào trong xe nói chuyện?" Yuri hỏi một lần nữa. "Bên trong sẽ ấm hơn."

Nhưng Kento không thể tin rằng chiếc minivan cửa kính đen này thực sự là của bà ta. Cậu cảm thấy bất cứ lúc nào cửa xe cũng có thể bật mở tung và sẽ có người ào ra bắt lấy mình. "Ở đây được rồi. Nhưng chiếc máy tính đen đó là sao vậy?"

“Tôi chưa từng nói nó màu đen.”

Bố khỉ. Cậu lại làm hỏng chuyện rồi.

“Nhưng đó đúng là chiếc máy tôi muốn nói, chiếc máy tính đen,” bà ta nói, vẻ mặt nghiêm túc trở lại. “Bố cậu để lại nó cho cậu, có phải không?”

Kento bối rối. Nếu còn nói gì thêm nữa, cậu e rằng mình sẽ càng tự đào hố chôn mình.

Tôi muốn cậu giao cho tôi chiếc máy tính đó.”

“Kento nghĩ ngợi một lúc, rồi quyết định đổi chiến thuật. “Được rồi, bà nói đúng, tôi đang giữ nó. Nhưng bố tôi có nói không được giao nó cho bất cứ ai.”

“Tất nhiên là ông ấy nói vậy. Chiếc máy có chứa dữ liệu về nghiên cứu ông ấy đang thực hiện. Chính cậu cũng không bao giờ mang nhật ký ra khỏi phòng thí nghiệm, đúng không?”

Có vẻ như bà ta thực sự am hiểu chuyện này. Có lẽ bà ta thực sự làm việc cho một viện nghiên cứu.

“Bố cậu chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ chết.”

Cái đó thì đúng. Mẩu thư cha cậu để lại là một thứ di chúc kỳ lạ, di chúc mà không tính đến trường hợp mình sẽ chết.

“Không có chiếc máy tính đó, tôi không thể tiếp tục nghiên cứu được. Tôi cần cậu trả lại nó cho tôi.”

“Hãy cho tôi biết về lúc bố tôi đột quỵ ở sân ga Mitaka.”

Yuri định nói gì đó nhưng đột nhiên lại im lặng. Bà ta khẽ nghiêng đầu và liếc nhìn cậu.

“Bố tôi có đau đớn lâu không?” cậu hỏi.

“Tôi hoàn toàn không biết.”

“Nhưng không phải bà là người gọi xe cứu thương sao?”

“Không. Không phải tôi,” bà ta chối bay. Nhưng Kento không tin bà ta. Bà ta là người cuối cùng nói chuyện với cha cậu. Nhưng sao bà ta lại bỏ chạy? Hẳn là phải có lý do tại sao bà ta bỏ cha cậu lại.

“Đây cũng là vì muốn tốt cho cậu thôi, Kento,” Yuri nói. “Trả lại tôi cái máy tính.”

“Muốn tốt cho tôi? Bà muốn nói cái gì vậy?”

“E là tôi không thể nói cho cậu.”

“Vậy thì tôi sẽ không đưa cho bà cái máy tính.”

Yuri lặng thinh, đôi mắt nhìn xa xăm, cân nhắc xem nên làm gì. Kento cứng người, chờ bước đi tiếp theo của bà ta. Nhưng bà ta chỉ nhìn lên và lạnh lùng nói, “Được thôi. Tôi hiểu.”

Cuộc trò chuyện của họ dừng bặt. Trước khi Kento kịp ngăn lại, Yuri sải bước về phía chiếc xe. Cậu nhìn bà ta, bối rối vì cuộc gặp gỡ. Đáng ra cậu nên tiếp tục nói và tìm hiểu thêm về bà ta chăng? Nghĩ rằng chí ít thì cậu cũng nên xem được biển số, Kento bước tới gần chiếc xe. Nhưng ngay khi làm vậy, tim cậu bắt đầu đập thình thịch, và cậu như đông cứng. Có ai đó khác đằng sau tấm kính tối màu.

Yuri không chỉ có một mình.

Kento linh cảm thấy bị đe dọa. Yuri đặt tay trên nắm cửa, quay người lại. Ánh nhìn nghiêm khắc của bà xuyên thẳng qua cậu.

Kento lùi lại và bước qua cổng chính. Đã ra sau bức tường, không nhìn thấy chiếc xe nữa, không hiểu sao cậu còn thấy sợ hãi hơn. Cậu quay người và vội vã rời đi. Đến lúc tới được tòa nhà khoa dược thì cậu đã gần như chạy. Cậu phóng lên các bậc thang, chạy tới phòng thí nghiệm nơi có các đồng nghiệp của mình. Cậu đứng lại ở hành lang tầng ba và nhìn quanh, nhưng không ai có vẻ là đang theo đuôi cậu.

Có lẽ cậu chỉ đang tưởng tượng linh tinh. Hay cậu thực sự đã gặp nguy hiểm?

Kento mở cửa và đi vào phòng thí nghiệm của tiến sĩ Sonoda. Một vài nhà nghiên cứu nữ đang nghỉ ngơi ở phòng họp chuyên đề và uống trà. Cậu nghe thấy giọng trợ lý giáo sư hướng dẫn cho ai đó và tiếng leng keng của dụng cụ.

Nhẹ người vì được trở lại giữa môi trường quen thuộc, Kento đột nhiên nghĩ nên gọi cho văn phòng của cha, và lôi điện thoại ra. Lúc đó mới gần bảy giờ tối, nên chắc vẫn còn ai đó đang ở phòng thí nghiệm.

Chuông reo hai lần, và ai đó trả lời. “Đại học Bách khoa Tama xin nghe.” Giọng đàn ông.

“Giáo sư Hamasaki có đó không ạ?”

“Tôi là Hamasaki.”

“Cháu là Kento, con trai của Koga Seiji.”

“À,” người kia lên tiếng, hẳn là vẫn nhớ Kento đã chào mình ở lễ tang.

“Có một việc cháu muốn hỏi bác. Hồi còn sống, bố cháu có hợp tác nghiên cứu với một cơ sở bên ngoài nào không ạ?”

“Hợp tác nghiên cứu? Không, không có.”

“Bác có nghe tới một nhà nghiên cứu tên Sakai Yuri không? Bà ta khoảng bốn mươi mấy tuổi.”

“Không. Tôi chưa từng nghe tới bà ta.”

Vậy là Yuri nói dối. Trong khi cậu đang băn khoăn bà ta có thể là ai, một cơn ớn lạnh chạy xuống dọc sống lưng cậu.

Hãy coi như tất cả mọi phương tiện liên lạc mà con sử dụng - điện thoại bàn, điện thoại di động, thư điện tử, fax – đều đang bị theo dõi.

Còn chiếc điện thoại này thì sao? Nó có bị theo dõi? Bởi Sakai Yuri?

“Còn một việc nữa,” Hamasaki nói tiếp. “Tôi không biết việc này có liên quan không, nhưng bố cậu đang định nghỉ phép dài ngày.”

“Nghỉ phép?” Kento nhắc lại, cố giữ bình tĩnh. “Trong bao lâu ạ?”

“Một tháng, cho tới ngày hai tám tháng Hai. Nếu còn sống, đợt nghỉ phép sẽ bắt đầu vào ngày mai. Đó là tất cả những gì liên quan đến hợp tác nghiên cứu mà tôi có thể nghĩ ra. ”

Vậy là cha cậu đã thực sự hy vọng sẽ điều chế được một loại thuốc chữa PAECS. Ông dự định sẽ hoàn thành vào cuối tháng Hai và rồi đưa cho người Mỹ kia. “Cảm ơn bác, Kento nói. “Cháu xin lỗi đã làm phiền.”

“Không vấn đề gì. Nếu tôi có thể giúp gì thêm thì cậu cứ gọi,” Hamasaki nói và cúp máy.

Cả sau khi tắt điện thoại rồi, Kento vẫn không rũ bỏ được cảm giác nôn nao. Cậu rời khỏi phòng họp chuyên đề và đi về phòng thí nghiệm, nghĩ về Sakai Yuri. Tất cả những gì bà ta quan tâm có vẻ là lấy được chiếc máy tính con. Không phải chiếc máy cậu đang dùng

để điều chế thuốc mà là chiếc kia, chiếc máy không chịu khởi động.

Có vẻ như lời đáp cho câu đố nằm trong chiếc máy tính đen yên lặng. Thứ gì có thể được lưu trong đó?

Trong chiếc limo chống đạn, bộ trưởng Bộ quốc phòng Lattimer tiếp tục gặm nhấm tâm trạng tồi tệ – ông đã như vậy từ sáng sớm đến giờ. Tại sao mấy vấn đề ngu xuẩn này lại nổi lên trong khi ông còn phải tập trung vào việc quy hoạch lực lượng ở Iraq?

“Vậy tóm lại ông muốn nói gì về tên băng đảng ma túy cò con này?” Ông quẳng sang bên cả bản báo cáo và sự kiên nhẫn của mình. “Điểm chính thôi, làm ơn.”

Giám đốc tình báo quốc gia Watkins và giám đốc CIA Holland ngồi ở ghế sau, và cả hai đều trông khó chịu. Đã quá muộn để lấy lại sự ủng hộ của bộ trưởng Bộ quốc phòng. Họ ghét nhất là ông ta luôn đổ lỗi mọi thứ lên một thất bại nào đó của cộng đồng tình báo.

“Đấy không phải một gã cò con mà là một quản lý cấp trung” Holland trả lời. “Là giám đốc trên danh nghĩa một công ty giả do họ lập ra. Hắn đang ở trên một chiếc máy bay nhỏ trên đường từ Colombia tới Hợp chủng quốc thì phi công bị ngất.”

Người phi công, có lẽ bởi một bệnh mãn tính nào đó, đã bị bất tỉnh trong một khoảng thời gian ngắn, khiến máy bay đột ngột giảm độ cao. Tay băng đảng nhận ra và nhào tới bảng điều khiển, nhưng khi đó máy bay đã sắp sửa đâm xuống Đại Tây Dương. Hắn xoay xở lái được máy bay bay thẳng lại, nhưng chỉ có thể làm vậy là hết cỡ do không có giấy phép phi công. Chiếc máy bay chệch hướng trầm trọng khỏi đường bay ban đầu cho tới khi phi công tỉnh lại. Kinh hãi bởi cảnh tượng trước mắt – họ đã gần như lướt trên bề mặt đại dương - anh ta kéo cần điều khiển và bay lên rất gắt, nhưng hành động đó đã đánh động còi báo động trên khắp nước Mỹ. Hệ thống radar phòng không theo dõi khu vực 450 cây số kể từ Miami xác định chiếc máy bay là vật thể không xác định. Nếu các máy bay đánh chặn – máy bay chiến đấu của Mỹ – cất cánh muộn thêm mười phút, thì tổng thống đã được nhanh chóng đưa vào Trung tâm điều hành chiến

dịch khẩn cấp của tổng thống, căn hầm trú ẩn khẩn cấp dưới Cánh Đông của Nhà Trắng.

“Đó chỉ là một chuỗi những lỗi sai cơ bản,” Holland nhẹ nhàng nói. “NORAD đã điều tra nguyên nhân và xem xét lại hệ thống phòng không. Sẽ không xảy ra lần nữa đâu.”

“Trong trường hợp đó, hãy bỏ báo cáo này ra khỏi buổi họp sáng,” Lattimer nói, giao lại tập tài liệu.

Chiếc limo đi qua làn tuyết rơi đều đặn, và khách sạn St. Regis đồ sộ xuất hiện trong tầm mắt. Họ đã tới gần Nhà Trắng. Lattimer vội vã chuyển sang báo cáo tiếp theo. Bản báo cáo đề cập đến những thiếu sót trong các biện pháp phản gián của tình báo Nga và chỉ ra những lỗ hổng trong việc sử dụng Internet xuất phát từ mạng lưới liên lạc quân đội Nga. Cho dù chiến tranh lạnh đã kết thúc, đây không phải loại tin tức sẽ làm ngài tổng thống vui vẻ, mặc dù cũng không hẳn sẽ khiến ông ta phật ý. Lattimer quyết định cứ để nó trong chương trình nghị sự ngày hôm nay.

Bầu không khí im lặng nặng nề bao trùm lên xe. Watkins và Holland không hứng thú gì chuyện gẫu với bộ trưởng Bộ quốc phòng, người rất hay can thiệp vào bản báo cáo thường nhật cho tổng thống.

Lattimer suy nghĩ về bản báo cáo vừa rồi, nó ám chỉ sự vượt trội của Mỹ so với Nga trong chiến tranh mạng. Trong suốt lịch sử hàng ngàn năm của loài người, lực lượng quân đội luôn quyết định kết cục của chiến tranh, nhưng giờ điều đó đã là quá khứ. Đằng sau những trận đánh quả cảm và khốn khổ là một cuộc đấu tranh khác bí mật hơn: cuộc tranh giành thông tin. Hầu hết các cuộc đụng độ ngày nay đã trở thành cuộc đấu trí giữa các nhà mã hóa và các nhà giải mã. Ngay từ hồi Thế chiến thứ hai, khi quân Đồng minh đánh bại thế lực phát xít, khó có thể nói cuộc chiến sẽ kết thúc theo hướng nào nếu Hợp chủng quốc và Anh quốc không phá được mật mã của quân địch. Cả thế giới có thể đã bị quân phát xít chinh phục. Nhưng trong thực tế, việc bắt được mật mã Enigma đã đập tan tham vọng của Đế chế thứ ba, và việc hóa giải mật mã Tím đã dẫn đến sự hủy diệt đế quốc Nhật Bản.

Nhưng bởi hầu hết những hoạt động đằng sau các cuộc chiến thông tin này đều được giữ bí mật, câu chuyện đưa ra dư luận lại nói rằng nhân tố chính tạo nên chiến thắng là các nhà khoa học đã phát triển kỹ thuật radar và bom nguyên tử. Do đó, Thế chiến thứ hai còn được gọi là cuộc chiến của các nhà vật lý. Giờ đây, hơn nửa thế kỷ sau, một mặt trận mới đã xuất hiện: mặt trận chiến tranh mạng. Chiến trường không còn nằm trong thế giới thực mà là thế giới mạng máy tính. Các công nghệ ăn cắp dữ liệu ưu việt là tất cả những gì cần thiết để ép một cường quốc quỳ gối. Không chỉ có cơ sở hạ tầng – nhà máy điện, nhà máy xử lý nước, hệ thống giao thông – mà các giao dịch tài chính và hệ thống chỉ huy quân đội cũng có thể bị tổn hại nghiêm trọng nếu mạng lưới máy tính kết nối chúng bị tấn công. Hợp chủng quốc đã trải qua vô số các cuộc tấn công như thế kể từ đầu thế kỷ và đã tiến hành các cuộc tấn công tương tự nhắm vào những nước thù địch tiềm năng. Và họ cũng không chừa việc xâm phạm một cách có chủ đích vào không phận của nước khác để đánh giá khả năng đánh chặn của họ. Bất kể có cuộc đụng độ tầm cỡ lớn nào trong thế kỷ hai mốt đều sẽ là "cuộc chiến của các nhà toán học".

"Về điểm cuối trong báo cáo," Lattimer nói. "Việc giải mật mã của Nga đã đến đâu rồi?"

"Ông nên hỏi bên NSA," Holland đáp lời, ám chỉ đối thủ cùng ngành của mình.

Cảm thấy câu đó khá thô lỗ, Watkins trả lời. "Chúng ta chiếm thế thượng phong, không nghi ngờ gì cả. Đặc biệt là khả năng giải mã khóa công khai của chúng ta không hề kém cạnh ai cả."

"Đó là gì?"

"Loại mã thông dụng nhất trên Internet. Mã RSA chẳng hạn." Thấy rằng Lattimer muốn một lời giải thích chi tiết hơn, ông miễn cưỡng nói tiếp. "Mã RSA sử dụng số nguyên tố. Số nguyên tố là các số như năm và bảy – chỉ chia hết cho một và chính nó. Số nguyên tố dễ nhân nhưng rất khó tìm lại số gốc."

Lattimer cau mày. "Sao lại như thế?"

“Ví dụ,” Watkins nói, tính nhẩm trong đầu, “nếu được cho số hai trăm linh ba, rất khó phân tích ra thừa số của nó là bao nhiêu.”

“Hẳn rồi.”

“Câu trả lời là bảy và hai chín.”

“Tôi không biết ông giỏi toán đến vậy.” Như thường lệ, lời khen ngợi của Lattimer nghe giống châm biếm hơn.

“Chỉ là vài thứ tôi nghe lỏm được từ nhân viên NSA,” Watkins nói, lảng tránh lời nhận xét. “Trong mã RSA, thứ quan trọng là hai thừa số nguyên tố mà tích của chúng là khóa công khai. Hai số nguyên tố ban đầu phải được giữ bí mật và chỉ sử dụng khi giải mã thông báo. Chỉ cần sáng tạo một chút trong việc lựa chọn hai thừa số đó, người ta có thể đảm bảo rằng có nắm được khóa công khai thì cũng gần như không thể xác định các số nguyên tố ban đầu và giải được mật mã. Nhưng nếu người nhận có các số nguyên tố được dùng để tạo ra khóa công khai, họ có thể dễ dàng giải mã. Vậy nên việc tích số được công khai không phải vấn đề gì, bởi từ đó phân tích ra thừa số ban đầu là rất khó khăn.” Vị giám đốc tình báo quốc gia nhún vai. “Nếu muốn biết nhiều hơn, ông phải hỏi một nhà toán học.”

“Đợi đã. Nếu biết được thừa số nguyên tố, không phải người ta sẽ có thể giải mã sao?”

“Đúng vậy.”

“Ta không thể cứ nhân các số nguyên tố ngẫu nhiên với nhau và cuối cùng cũng giải được mã sao?”

“Về mặt lý thuyết thì đúng. Nhưng không cần lo. Họ sử dụng những con số vô cùng lớn. Mã RSA ngày nay bảo mật tới mức không ai có thể tính toán được trừ phi dùng siêu máy tính tại NSA.”

“Hiểu rồi,” Lattimer nói. Cơ quan an ninh quốc gia có hơn ba trăm siêu máy tính, nhiều tới mức họ không đếm theo số lượng máy tính nữa mà là theo diện tích đặt máy. “Họ luôn đòi được cấp cho ngân sách lớn.”

“Và các nhà toán học hàng đầu nữa.” Vẻ mặt Watkins trở nên u ám. “Đây có lẽ là một mối lo vô căn cứ, nhưng mật mã ngày nay có một vấn đề. Nếu một nhà toán học thiên tài xuất hiện và phát minh

ra một phương thức tính toán siêu việt, an ninh mạng sẽ sụp đổ trong tích tắc. Thậm chí các bí mật quốc gia cũng sẽ bị rò rỉ. Một thiên tài duy nhất là đủ để kiểm soát cuộc chiến tranh mạng và chiến thắng tất cả."

"Điều đó có thể xảy ra không?"

"Hầu hết các chuyên gia nói rằng phương thức đó không tồn tại. Nhưng họ không có bằng chứng toán học về việc đó. Vẫn có khả năng một phương pháp phân tích thừa số nguyên tố mới sẽ được phát hiện."

Chiếc limo tới địa chỉ 1600 đại lộ Pennsylvania. Nó tiến vào qua cổng tây nam và dừng lại ở Cánh Tây. Ngay trước khi xuống xe, Lattimer khơi ra một chủ đề nữa. "Tiện thể thì, vụ loại bỏ con quái vật tiến hành đến đâu rồi?"

"Ông đang nói về Afghanistan?"

"Không, Congo."

"À." Watkins gật đầu.

Holland, vốn vô cùng hứng thú với chương trình tiếp cận đặc biệt, vểnh tai lên.

"Như thường lệ, cậu thần đồng của chúng ta đang rất cao hứng."

"Ý ông là chàng trai trẻ ở Viện Schneider?"

"Anh ta sáng lắm. Và anh ta cũng hòa thuận với tiến sĩ Gardner."

"Ông có nghe tin gì mới không?"

Lattimer là bộ trưởng Bộ quốc phòng, vậy mà có vẻ như ông không biết gì về chương trình tiếp cận đặc biệt mà bộ của mình đang phụ trách. Holland thấy mình có vẻ là người duy nhất coi trọng mối đe dọa này.

"Tất cả mọi người trong Phòng kế hoạch đặc biệt đã chỉnh lại giờ hoạt động theo giờ Congo," Watkins đáp lời. "Họ đã đẩy nhiệm vụ này lên. Đội thực địa rất ưu tú, và họ đã hoàn thành chương trình huấn luyện sớm hơn lịch."

"Một nhóm xuất sắc?"

"Theo những gì tôi nghe được thì là vậy."

"Thật đáng tiếc," Lattimer nói và thở dài. "Nhưng bởi tổng thống

đã ra quyết định rồi, chúng ta chẳng thể làm gì được cả."

"Đó là quyết định đúng đắn. Chiến dịch sẽ kết thúc trong vài tuần. Cứ bình tĩnh đợi bản báo cáo cuối cùng"

Watkins không hở ra nội dung gì đáng kể về nhiệm vụ. Holland liếc nhìn ông ta. Vẻ mặt điềm tĩnh của vị giám đốc tình báo quốc gia thể hiện rõ rằng chủ đề đã khép lại. Trong chính quyền hiện tại, bất cứ ai mang đến tin tức đáng thất vọng cho tổng thống tức là rước họa vào thân mình. Và trong chương trình tiếp cận đặc biệt này có những dấu hiệu bất ổn ngầm dưới sâu, nhưng chúng cần phải được giữ kín. Chiến dịch phản gián ở Nhật Bản chắc chắn sẽ đến tai tổng thống không sớm thì muộn. Tiến sĩ Gardner vô tâm chắc chắn sẽ nói lộ ra thôi.

Chiến dịch Thần hộ mệnh được đẩy sớm hơn một tuần. Singleton quyết định như vậy sau khi thấy các thành viên đã tiến bộ đến mức nào. Bốn người, nhờ sự huấn luyện từng trải qua trong quân đội, đã nhanh chóng lấy lại sức để thực hiện chiến dịch mười ngày trong rừng mưa nhiệt đới.

Yeager vui mừng trước tin này. Giờ thì anh có thể trở lại sớm hơn nữa bên Justin, tại bệnh viện Lisbon.

Không ai trong số những người còn lại thấy phiền vì sự thay đổi đột ngột này. Họ chỉ bắt tay vào chuẩn bị. Họ đã được cung cấp vô số thiết bị – võng, bản đồ, la bàn, bi đông, thiết bị GPS, lương khô ăn dài ngày. Mỗi người đều được lệnh nghiêm ngặt phải mang đủ thuốc con nhộng chống virus, trong hộp chống thấm nước, đủ cho cả đoàn, đề phòng trường hợp có người làm mất thuốc. Nhưng do vỏ bọc của họ là thường dân, nên thứ vũ khí duy nhất được công khai mang theo là AK-47. AK-47 có thể mua với giá chưa đến một đô ở Congo, và tất cả mọi người đều có một khẩu. Súng bán tự động và thiết bị nhìn đêm sẽ phải giấu đi, cất trong ba lô dân dụng. Sau khi tham khảo ý kiến Mick, Yeager cũng đem thêm vài quả lựu đạn và một súng phóng lựu để đảm bảo hỏa lực tối thiểu cần thiết nếu đụng phải một trong các nhóm phiến quân.

Trong buổi họp cuối cùng trước khi rời khỏi Nam Phi, họ được giao các giấy tờ cần thiết – hộ chiếu giả, thẻ thành viên tổ chức bảo vệ động vật hoang dã, chứng nhận tiêm chủng sốt vàng, và vài loại giấy thông hành cấp bởi các lực lượng khác nhau của quân đội Cộng hòa Dân chủ Congo.

“Đây là tình hình tại địa bàn,” Singleton giải thích. “Chính phủ Congo đã đưa một lực lượng cỡ tiểu đoàn vào khu vực, nhưng lực lượng nổi loạn vẫn chiếm thế thượng phong. Có một lực lượng quân đội địa phương tại trung tâm Ituri, và một phần lớn khu vực phía bắc và nam vùng này đang nằm dưới sự kiểm soát của Uganda và Rwanda. Nếu đụng phải lực lượng nổi dậy, hãy đảm bảo rằng các anh đưa cho họ đúng loại giấy thông hành. Nếu không xác định được mình đang đối phó với ai, hãy nhấn mạnh rằng các anh thuộc tổ chức bảo tồn động vật hoang dã. Họ không muốn dư luận thế giới chống lại mình, cho nên, ít nhất là ngoài mặt, họ đang ủng hộ việc bảo tồn động vật hoang dã.”

Như Singleton từng nói một cách châm biếm, dư luận thế giới có vẻ quan tâm đến số phận của vài ngàn con khỉ đột hơn là mạng sống của hàng triệu con người.

“Thứ cuối cùng tôi sẽ đưa các anh là tiền mặt, mỗi người mười nghìn đô la Mỹ. Các nhà chức trách và binh lính Congo sẽ làm bất cứ điều gì khi được hối lộ. Còn với phiến quân thì tiền là một vũ khí đáng giá. Các anh cần phải chuẩn bị cho cả chiến tranh và hòa bình.”

Mỗi người lính đánh thuê được giao một chồng tiền hai trăm tờ năm mươi đô la. Thêm cân nặng.

“Chúng ta mới chỉ ở một thời gian ngắn với nhau, nhưng tôi chúc tất cả các anh một chuyến đi may mắn, thuận buồm xuôi gió.”

Yeager và cả đội bắt tay Singleton cho có lệ và rời khỏi tòa nhà Zeta Security, bỏ lại tư trang trong phòng. Các thiết bị và đạn dược họ vừa đóng gói sẽ được gửi riêng.

Bốn người trên bốn chuyến bay khác nhau bay tới Kampala, thủ đô Uganda.

Thành phố bên bờ hồ Victoria này hiện đại hơn nhiều so với

tưởng tượng của Yeager. Anh chưa từng hình dung có những tòa nhà chọc trời giữa lục địa Phi. Thành phố nằm ngay bên dưới xích đạo, nhưng bởi nó nằm ở trên cao nên nhiệt độ cũng không quá sức chịu đựng. Anh muốn đi dạo qua thành phố một triệu dân hối hả này, nhưng họ có lệnh phải ở yên trong phòng khách sạn, tránh xa tầm mắt mọi người.

Khi mặt trời lặn, chiếc điện thoại vệ tinh của Yeager kêu một lần, rồi im lặng. Anh để lại hành lý giả trong phòng và tay không ra khỏi cửa khách sạn. Con phố chính là một dòng người vô tận nối đuôi nhau đi qua những đám mây khói xăng. Ánh đèn từ những cửa hàng chạy dọc khu trung tâm thủ đô chiếu sáng con người và xe cộ trên phố.

Yeager để ý thấy xe cộ đi bên trái đường và nhớ rằng Uganda từng là thuộc địa của Anh. Tất cả những người anh đi ngang qua đều gọi lớn Mzungu, mzungu – "người da trắng" trong tiếng Swahili. Mọi người trên phố đều là người da đen, và anh không hề bắt gặp dù chỉ là một người châu Âu hay châu Á. Không muốn nổi bật quá, Yeager lẻn vào một ngõ nhỏ đằng sau con phố mua sắm tới khi anh tìm ra chiếc xe tải thùng trùm bạt và nhanh chóng trèo lên.

Một người đàn ông châu Phi trung tuổi ngồi ở ghế lái. Ông ta mặc sơ mi cũ, và cánh tay nổi cơ. Ông ta trông giống một nhân viên công chức, một người có vợ con đàng hoàng. Bằng thứ tiếng Anh lẫn giọng địa phương, ông ta nói, "Xin đưa tôi chìa khóa." Yeager lấy chìa khóa phòng khách sạn giao cho anh ta.

"Tôi sẽ lo trả phòng cho anh," người tài xế nói trong khi chậm rãi lái xe qua con phố chật cứng. Ông ta chìa tay phải ra. "Tôi là Thomas," ông ta nói.

Yeager bắt tay ông ta và nói cái tên giả trên hộ chiếu của mình, James Henderson. "Cứ gọi tôi là Jim," anh nói.

"Được rồi, Jim. Của anh này." Ông ta đưa cho Yeager một chiếc túi giấy trên ghế. "Bữa tối."

"Cảm ơn." Trong túi là một chiếc bánh kẹp từ một chuỗi của hàng đồ ăn nhanh Yeager chưa từng nghe tên. Chắc là thương hiệu riêng ở

Uganda. Anh đang đói. Anh mở túi và ngấu nghiến ăn. “Cái này ngon thật.”

“Anh thích thì tốt,” Thomas nói và mỉm cười.

Yeager đoán rằng người tài xế thân thiện này là một đặc vụ địa phương của CIA. Không lạ gì nếu Thomas không phải tên thật của ông ta. Nhưng anh không hỏi thêm. Anh biết, dù có hỏi thêm điều gì, anh sẽ không được biết sự thật. Nguyên tắc “điều cần biết” của hoạt động ngầm tức là không ai được cho biết nhiều hơn những thông tin anh ta nhất thiết phải biết. Thomas có lẽ cũng không được cho biết người đàn ông tự xưng là Jim Henderson này thực sự là ai, hay tại sao ông ta lại phải đưa người ấy tới khu vực chiến sự ở đất nước láng giềng. Nhưng trong khi nói chuyện, Yeager cũng biết được ông ta là người Uganda.

“Giá mà chúng tôi có một chính phủ và nền giáo dục tử tế, đất nước này có thể trở thành một đất nước phát triển, Thomas nói với một tiếng thở dài, giọng nghiêm túc.

“Nhưng nó đang phát triển rồi mà, phải không?”

Lời khen hời hợt này được đáp lại bằng một nụ cười khó đoán. “Trong mấy năm vừa qua, khoáng sản từ Congo vẫn tuồn vào nước tôi,” Thomas nói.

Yeager nhớ lại rằng Uganda là một trong những nước tham gia vào cuộc Đại chiến ở châu Phi. “Khoáng sản ăn cắp?”

“Chính xác. Nếu tính cả trữ lượng dưới lòng đất, Congo là đất nước giàu nhất thế giới. Quân đội Uganda xúi bẩy nạn giết người vì phân biệt chủng tộc ở phía đông Congo và rồi xông vào kiểm soát dưới danh nghĩa tái lập trật tự. Hành động buôn lậu vẫn còn đang tiếp diễn. Dù vậy...” Thomas nhăn mặt và tiếp tục. “Tôi thực sự hy vọng mọi người không đánh giá Uganda trên cơ sở đó. Người quyết định tham chiến là đám lãnh đạo điên rồ, không phải thường dân.”

“Ở Mỹ cũng vậy,” Yeager đáp. “Và tất cả mọi quốc gia khác.”

Phải mất một tiếng đồng hồ họ mới thoát khỏi chỗ tắc. Yeager ngạc nhiên nhận thấy không một giao lộ nào ở Uganda có tín hiệu giao thông. Đi thêm vài cây số nữa, bộ mặt của thành phố thay đổi

hoàn toàn. Có vẻ như ở đây không có điện, và khu dân cư tối tăm như bị đè trĩu dưới bầu trời châu Phi đen kịt, rộng lớn. Ngắm nhìn ánh nến lọt ra từ những ngôi nhà họ đi ngang qua, Yeager băn khoăn về cuộc sống của những con người này. Sống sót qua thời gian khó, cố gắng xoay xở từ ngày này qua ngày khác. Giữa họ và người Mỹ có thể có khác biệt lớn về mặt của cải vật chất, nhưng bên trong, là những con người, hẳn họ cũng đều như nhau.

Chiếc xe tải chạy dọc một con đường đất đỏ rồi chậm dần lại. Đèn pha chiếu sáng một người đứng bên đường. Garrett. Yeager dịch sang bên và chào người đồng đội đang lên xe.

"Anh đến đây bằng cách nào?" Yeager hỏi.

Garrett cười và chỉ ra đằng sau kính chắn gió. "Đi cái thứ kia."

Một chiếc xe nhỏ phóng vèo qua ở làn đường bên kia. Chiếc xe bảy chỗ phải nhồi nhét đến gấp đôi số người đó.

"Taxi đấy. Trải nghiệm khá hay ho."

Xe tải tăng tốc và đi thêm gần một tiếng nữa tới một đồng bằng trống trải và dừng lại. Tiếng phanh xe bị nuốt trọn trong bóng tối châu Phi. Trong một thoáng, Yeager như bị bầu trời đầy sao mê hoặc. Từng ngôi sao trên thiên đường như thì thầm với anh, và anh không thể cảm nhận sự tĩnh lặng xung quanh mình. Cảnh tượng ấy khiến anh cảm nhận bằng trực giác rằng trái đất chỉ là một hành tinh trôi nổi trong vũ trụ.

Thomas xuống xe, tay cầm đèn pin và vòng ra sau xe. Trong thùng xe chất đầy thùng gỗ, nhưng đó chỉ là bên ngoài. Bên trong là một khoảng trống đủ rộng để người nằm. Thomas kéo một thùng ra, và Meyers và Mick hiện ra, đang nhổm dậy. Họ đã ở trong xe tải trước khi Yeager lên xe.

"Cuối cùng chúng ta cũng nghỉ sao?"

Thomas khoát tay về phía bốn chiếc ba lô và AK-47. "Hành lý của các anh ở đằng kia."

Toán lính đánh thuê bắt đầu chuẩn bị vượt biên. Họ mặc áo bảo hộ tác chiến, đeo bao súng bắp chân và nhét súng vào đó. Họ nạp đạn cho vũ khí, cả súng lục và súng trường, chuẩn bị sẵn sàng để bắn. Họ

cất kính nhìn đêm trong túi nhỏ giữ sát người, nhưng để tiết kiệm pin, họ không sử dụng kính cho tới khi thực sự cần thiết.

Tiếp theo, họ xịt thuốc chống côn trùng lên da và quần áo, thậm chí xịt đẫm cả ba lô. Khi công việc chuẩn bị hoàn tất, Thomas lấy máy bộ đàm từ trong thùng ra chia cho mọi người. Họ kiểm tra tần số từng chiếc, nhét vào túi trên vai và đeo tai nghe.

“Mọi người xong chưa?”

Họ gật đầu, và Thomas trở lại đuôi xe. Ông ta nhấc những chiếc thùng nặng nề lên xếp thành hai lớp cạnh nhau để người ngoài không thể nhìn thấy bên trong xe. Nhờ chiếc đèn pin nhỏ của Meyers, đám lính vào ngồi trong thùng xe, tựa lưng vào thùng gỗ hai bên.

Động cơ lại khởi động, và xe ngật ngưỡng chuyển bánh. Meyers tắt đèn, thùng xe tối đen như mực.

“Trong mấy thùng này có gì vậy?” Yeager hỏi.

“Đồ vớ vẩn và đủ thứ linh tinh.” Meyers lên tiếng. “Ít nhất nếu cần chúng ta cũng có thể dùng làm ụ chắn.”

Yeager chiếu đèn pin vào dãy thùng gỗ giữa mình và đuôi xe. Giữa các thùng có các khe nhỏ cố tình để chừa ra, những lỗ châu mai hoàn hảo. Thomas thực sự là một tay chuyên nghiệp.

Họ bị xóc suốt cả chuyến đi dài, và mỗi khi cảm thấy đường êm dưới bánh xe, họ biết mình đang đi qua một ngôi làng. Yeager cố ngủ một chút, nhưng chỉ chập chờn thiếp đi.

Vào khoảng thời gian một ngày chuyển thành ngày mới, chiếc xe dừng lại, và Thomas thì thầm với họ trong tai nghe. “Chúng ta đang vượt biên Uganda.”

Bốn người cẩn thận lắng nghe xem có bất cứ âm thanh nào không. Thomas đang nói gì đó, một cuộc hội thoại bằng tiếng Swahili. Người kia hẳn là một lính biên phòng Uganda. Thomas ra khỏi xe đi đâu đó, nhưng ông ta nhanh chóng trở lại và lại cho xe chạy.

“Chúng ta đã ra khỏi biên giới,” ông ta báo cáo. “Chúng ta đang ở vùng trung lập với Congo.”

Sau ba cây số nữa, họ sẽ đến Cộng hòa Dân chủ Congo. Nhưng

vài phút sau, xe lại dừng lại.

"Một lính Congo, hai lính trẻ em, tất cả đều có súng trường."

Yeager và những người khác nhanh chóng cầm súng lên và quỳ một chân đề phòng trường hợp phải tự vệ.

Những giọng nói lanh lảnh vang lên từ bên ngoài. Những thằng bé chưa vỡ giọng. "Năm trăm đô la," chúng nói đi nói lại, rõ ràng là đang đòi hối lộ. Thomas đáp lại bằng giọng kiên quyết, và cuối cùng cuộc đàm phán kết thúc bằng việc trả tumbako – thuốc lá – để được đi qua.

Chiếc xe đi tiếp, nhưng bốn người trong thùng xe vẫn trong tư thế sẵn sàng, đợi đến khi họ đi qua biên giới. Cuối cùng chiếc xe đi chậm lại, và Thomas báo cáo, "Ba lính có súng trường. Trạm hải quan. Hẳn là có một tá người nữa bên trong, nhưng đừng lo, tôi sẽ xử lý."

Khu vực này thuộc sự kiểm soát của phiến quân nhận hỗ trợ từ Uganda, vậy nên người Uganda như Thomas sẽ tìm được cách vượt qua. Dù vậy, Yeager và cả đội vẫn bật kính nhìn đêm lên, để đề phòng. Thế giới biến thành màu xanh lân quang trước mắt họ. Nhìn Yeager đưa tay làm tín hiệu, ba người còn lại vào vị trí sau đống thùng.

Chiếc xe dừng lại. Thomas nói chuyện ngắn gọn với ai đó qua cửa sổ rồi xuống xe, có lẽ là vào văn phòng hải quan. Nhưng họ vẫn nghe thấy tiếng ai đó đi quanh xe. Yeager nhòm qua khe hở giữa các thùng.

Một người lính mặc quân phục đang đi đi lại lại, rõ ràng là hứng thú với lô hàng mà xe chở theo. Một người lính nữa xuất hiện, và họ nói chuyện. Có lẽ là đùa cợt gì đó, bởi cả hai đều phá lên cười. Hai người bám vào đuôi xe trèo lên.

Yeager ra hiệu cho Garrett và Mick lo việc bắn. Anh và Meyers sẽ kéo xác vào trong.

Hai người lính nhấc một cái thùng ở dãy ngoài ra khỏi xe. Họ mở ra, và khi không tìm thấy thứ gì đáng giá bên trong, họ tặc lưỡi thất vọng. Garrett và Mick thủ thế, khẩu Glocks lắp giảm thanh vững

vàng trong tay. Ngay khi họ kéo dãy thùng thứ hai, làm lộ ra chỗ trốn của đội, mỗi người sẽ nhận một viên đạn vào giữa trán. May cho cả hai đằng, hai người lính không tham lam đến vậy. Họ trả thùng về chỗ cũ và nhảy xuống.

Thomas nhanh chóng trở lại. Cũng như lúc trước, có vẻ ông ta đã xử lý nhanh gọn đám lính đòi hối lộ, lần này hình như đã đưa ra một ít tiền, và giờ đã an toàn trên ghế lái.

Động cơ gừ nhẹ một tiếng khi khởi động, và đội Yeager ngồi xuống khi xe bắt đầu đi. Giọng Thomas vang lên trên điện đàm. "Chúng ta đã vào Congo. Phiến quân thường không hoạt động vào thời gian này trong ngày, nhưng hãy cảnh giác."

Yeager và Meyers canh gác trong khi Garrett và Mick cố ngủ một chút. Hai tiếng sau, họ đổi ca, Garrett cùng Mick gác trong khi Yeager và Meyers cố ngủ. Luật thép lính đặc nhiệm nói rằng phải cố ngủ bất cứ lúc nào có thể.

Nhưng khi vừa vào Congo, đường sá trở nên tệ hại đến mức không ai có thể ngủ nữa. Đây là con đường chính duy nhất chạy qua khu vực này, nhưng nó là một con đường đất, quá hẹp không thể tránh tất cả những ổ gà ổ vịt. Chiếc xe xóc lên xóc xuống dữ dội, và thỉnh thoảng Thomas lại phải trèo xuống bắc ván gỗ cất trong thùng xe qua những hố và vũng bùn lớn và khéo léo điều khiển chiếc xe lăn qua. Đó là một công việc vất vả, nhưng ông ta làm tất cả mọi thứ một mình mà không oán thán nửa câu.

Lúc 4 giờ sáng, chuyến đi cuối cùng cũng kết thúc. Chiếc xe buộc phải di chuyển chậm rãi, lùi vào một con đường nhỏ. Cành cây quẹt vào tấm bạt, thi thoảng lại có tiếng gãy.

"Đến nơi rồi."

Bốn người đứng dậy, kéo giãn cơ bắp. Họ dỡ bức tường chướng ngại bằng thùng, cầm trang thiết bị lên và xuống xe.

Trời vẫn còn tối. Bầu không khí sặc mùi lá. Thời tiết mát, và dưới lớp áo dài tay, họ cảm thấy hơi lạnh.

Yeager bật đèn pin lên và ngỡ ngàng trước những gì nhìn thấy. Con đường nhỏ nơi chiếc xe dừng lại giống một đường hầm. Những

cành cây hai bên tạo thành một đường vòm kéo dài về phía xa. Yeager, đến từ một đất nước hiện đại, phát triển, buộc phải xem xét lại góc nhìn của mình. Đây không phải là có một khu rừng ở hai bên đường, mà là giữa một khu rừng rậm khổng lồ, những sinh vật bé nhỏ vô nghĩa gọi là con người đã dọn ra một con đường kém cỏi trông như sắp bị nuốt gọn trong khu rừng đang bao trùm lên nó.

Bốn người tháo dỡ súng ống, cất vào ba lô và mặc áo khoác dã ngoại gắn thiết bị GPS. Họ đều mặc áo vải bông và quần túi hộp, và rất khó có khả năng người ngoài sẽ nhìn thấu vỏ bọc này của họ.

Yeager mở bản đồ. “Hãy kiểm tra vị trí nào.”

Thomas chỉ vào bản đồ và giải thích họ đang ở đâu. “Con đường chính chạy theo hướng bắc-nam này chính là con đường đất chúng ta đi kể từ biên giới. Xe cơ giới không thể đi xa hơn điểm này. Đường quá xấu, và quân nổi dậy có trụ sở trong một thị trấn tên Mambasa ở cuối đường. Chúng ta đang ở trên nhánh đường nhỏ đi về hướng tây từ đường chính.”

Tọa độ GPS xác nhận điều này. Họ chỉ còn cách một đoạn ngắn tới ngôi làng tên Alafu. Yeager và đồng đội sẽ vào rừng và đi tiếp về phía bắc, song song với đường chính. Từ đây còn bảy mươi cây số nữa là đến nơi nhóm Kanga dựng trại. Nếu mọi chuyện suôn sẻ, Yeager ước tính họ có thể xử lý việc này trong năm ngày. Hai ngày để đến vùng mục tiêu, một ngày để xác định trại của nhóm Kanga, hai ngày để thăm dò và tiến hành chiến dịch.

“Báo cáo mới nhất cho biết quân nổi dậy và quân đội Congo đang giao tranh cách đây một trăm cây số về phía đông bắc. Quân đội Congo mất sáu mươi người, và hàng chục ngàn người dân trong khu vực trở thành dân tị nạn. Thêm vào đó, một lực lượng chống chính phủ đã phục kích lính gìn giữ hòa bình và giết một vài người trong số đó.”

Thường thì chiến tranh du kích cách xa cả trăm cây số sẽ không phải vấn đề, nhưng ở Congo, mọi thứ đều khác. Chỉ có một con đường duy nhất xuyên qua rừng đi từ vị trí của họ tới vùng chiến. Thêm vào đó, cứ vài cây số trên đường lại có một ngôi làng bị phiến

quân nhắm đến. Nếu phiến quân bắt đầu tiến về phía nam, họ chắc chắn sẽ đụng độ nếu vẫn còn ở trên đường chính. Thomas đã quyết định đúng khi để họ xuống ở đây.

“Quân nổi dậy không chỉ tấn công các thị trấn dọc đường chính; họ còn tấn công cả làng mạc trong rừng. Các anh phải vô cùng cẩn trọng.”

Để tới chỗ nhóm Kanga, Yeager nghĩ, họ cần phải đi qua phần sâu nhất, rậm rạp nhất của khu rừng.

“Cuối cùng, đây là những vật mà các anh đã yêu cầu.”

Thomas lấy ra bốn chiếc rìu dài trông giống dao rựa từ trong xe. Ông ta đã suy nghĩ rất chu toàn.

“Cảm ơn ông, Thomas, vì tất cả những gì ông đã làm” Yeager nói.

“Không có gì.”

Ba người kia bắt tay Thomas, cảm ơn ông ta đã giúp đỡ.

“Giờ thì tôi sẽ về Uganda. Chúc các anh may mắn,” Thomas nói và trở lại xe.

Chiếc xe tải chất đầy đồ vứt đi rẽ sang phải, và khi nó biến mất sau rừng cây, xung quanh họ tối om. Họ đeo kính nhìn đêm vào. Khi bình minh lên họ sẽ bắt đầu di chuyển, nhưng trước đó, họ cần phải vào rừng và tránh để người khác trông thấy. Họ đeo lên lưng bốn mươi cân thiết bị, lặng lẽ gật đầu với nhau, và khi có tín hiệu, tiến về phía trước. Không một ai do dự.

Khu rừng rậm tối tăm bao phủ trung tâm lục địa Phi lần lượt nuốt trọn từng thành viên của chiến dịch Thần hộ mệnh.

Kể từ khi người phụ nữ tên Sakai Yuri xuất hiện, Kento bắt đầu cảm thấy căng thẳng. Sử dụng điện thoại và thư điện tử khiến cậu lo lắng: cậu băn khoăn liệu có ai đó đang theo dõi mình, và khi đi bộ ngoài đường vào ban đêm, cậu liên tục ngoái nhìn xung quanh, sợ rằng mình đang bị bám đuôi.

Buổi tối cuối tuần này cũng vậy, Kento kéo dài thí nghiệm để về nhà muộn hơn thường lệ. Nếu có thể về cùng với Nishioka, người phụ trách phòng thí nghiệm, cậu sẽ có người đi cùng đến tận nhà.

“Kento,” một cô bạn cùng lớp gọi, và cậu quay lại.

"Ừ?”

“Có người tìm cậu kìa.

“Thật à?”

“Ở ngoài cửa ấy.”

Thường thì không có ai tới thăm phòng thí nghiệm, vậy nên một hồi chuông báo động gióng lên trong đầu Kento. Từ bàn thí nghiệm của mình, cậu không nhìn ra được cửa. “Ai vậy?”

“Cậu tự ra mà xem.”

“Có phải một bà không?”

“Không. Đàn ông”

“Đàn ông?” Giờ thì cậu lo lắng theo kiểu khác. Đây có phải mối đe dọa mới? Một ý nghĩ thoáng qua tâm trí cậu: có thể lấy một ít chloroform dùng làm dung môi, và nếu cần thiết, đánh thuốc người kia. Nhưng đó là một ý tưởng ngu ngốc. Trong mấy phim truyền hình thì có thể thành công đấy, nhưng ngoài đời thực, cậu có thể ngộ sát người đó.

Kento ngập ngừng bước dọc theo hành lang và ngó ra cửa. Một chàng trai trẻ dáng người vừa phải, chỉn chu gọn gàng đứng ngay ở cửa phòng thí nghiệm, trông hơi dè dặt. Anh ta hòa nhã nhìn về phía Kento qua cặp kính nhỏ. Có vẻ là loại người điềm tĩnh, dễ chịu,

không như Kento đang lo ngại. Kento đỡ lo một chút và đi ra ngoài. “Xin chào. Tôi là Koga Kento,” cậu nói.

“Doi nhờ tôi đến,” chàng trai trả lời.

“Doi à?” Kento nhắc lại, và cuối cùng cũng nhận ra. “Hiểu rồi,” cậu nói, nhẹ cả người. “Cậu ở khoa hóa lý dược.”

“Vâng. Tên tôi là Lee Jeong Hoon.”

Trước khi anh ta giới thiệu tên mình, Kento không hề nhận ra giọng nước ngoài. “Rất vui được gặp cậu.”

Jeong Hoon mỉm cười. “Giờ cậu đang bận à? Hay tôi trở lại sau vậy?”

Kento liếc nhìn đồng hồ. 7 giờ 30. May thay, hôm nay là thứ Bảy. “Jeong Hoon, tối nay cậu có kế hoạch gì không?”

"Không, không kế hoạch gì cả.”

“Tốt quá. Cậu làm ơn đợi tôi thêm ba mươi phút được không?”

“Vâng”

Kento nghĩ xa hơn. Hai chiếc máy tính cậu muốn anh bạn kia xem đang ở nhà. “Xin lỗi, nhưng cậu có thể chạy qua chỗ tôi không? Chỉ cách đây mười phút đi bộ thôi.”

“Ở đó có chỗ đỗ mô tô không?”

“Có. Xin đợi một chút.” Cậu trở lại vào phòng, vẽ bản đồ đường về nhà mình lên mảnh giấy nhớ ai đó đã bỏ quên và quay lại. “Là nhà 204 trong tòa nhà này. Hẹn gặp cậu lúc tám giờ ở đó.”

“Vâng”

“Được rồi. Hẹn gặp sau.”

Sau khi tạm biệt Lee Jeong Hoon, Kento vội vã trở lại với công việc dang dở. Cậu khởi động một thí nghiệm chạy qua đêm và rời khỏi trường.

Kento thấy hơi kỳ cục khi để một người ngoại quốc tới căn hộ nhỏ xíu của mình. Cậu nhớ ra cái tủ lạnh trống không, bèn rẽ vào một cửa hàng sắp đóng cửa mua một ít bánh và nước quả. Cậu nghĩ có nên nhặt vài chai bia nhưng lại thôi. Mời người chạy xe dùng đồ uống có cồn không phải là ý hay cho lắm.

Khi rảo bước dọc con đường, một ký ức từ thời trung học trở lại

với cậu. Hồi ấy, cậu đang ở nhà ông bà và vướng vào một cuộc cãi vã với ông nội và bác. Đàn ông nhà Koga – ông nội cậu và bác cậu, ông chủ gia đình Koga hiện tại – có một sự ghét bỏ sâu sắc với người Trung Quốc và người sống trên bán đảo Triều Tiên.

"Đừng bao giờ tin người Tàu hay người Triều Tiên, một đêm, khi đám đàn ông đang uống rượu, bác cậu nhấn mạnh. Kento ngạc nhiên chân thành. Có nhiều người ngoại quốc sống ở Kofu đến vậy sao?

"Bác có quen người Trung Quốc hay Hàn Quốc nào không?"

Bác cậu ngạc nhiên nhìn cậu. "Không," ông nói.

Giờ thì đến lượt Kento sửng sốt. "Sao bác lại ghét những người bác thậm chí còn không quen?

Ông nội cậu tham gia và nhìn cậu nghiêm khắc. "Khi còn trẻ, ở Tokyo, ông đánh nhau với vài thằng người Triều Tiên. Ông bị đánh nhừ tử."

Ông cậu luôn nổi tiếng là khỏe. "Ông đã bao giờ đánh nhau với người Nhật chưa?"

"Rất nhiều lần rồi."

"Vậy là ông cũng ghét người Nhật nữa?"

Bác cậu há hốc mồm. "Đừng có ngốc. Chẳng có lý do gì để người Nhật lại ghét người Nhật cả."

"Nhưng mà thật là lạ. Ông đánh nhau với cả hai nhóm người, nhưng chỉ ghét người bán đảo Triều Tiên?" Cậu cố ý dùng "người bán đảo Triều Tiên" thay vì nói "người Triều Tiên" như ông nội. Cụm từ ấy, qua miệng ông nội cậu để gọi một dân tộc cụ thể, nghe rất xúc phạm. Kento nhận thấy một sự kỳ thị đáng ghê tởm đằng sau những từ ngữ của họ và muốn làm rõ mình không cùng lập trường với họ. "Không phải hai người chỉ đang cố nghĩ ra lý do để ghét họ thôi à?"

"Lý sự đủ rồi, thằng đần!" ông cậu quát lên, khuôn mặt đầy thù hằn. Như thể một nỗi căm hận sâu sắc trong ông cuối cùng cũng phun trào.

"Nó đang ở tuổi ưa trả treo đấy mà, bác cậu nói bằng giọng châm biếm. "Mày giống y hệt bố mày, Kento ạ. Lúc nào cũng lắm lý lắm lẽ."

Kento thấy thật buồn bực khi họ mắng nhiếc cậu vì một chuyện như thế. Bất cứ chút tình yêu nào mà ông và bác cậu dành cho họ hàng mình có vẻ còn nhỏ bé hơn nỗi thù hận họ dành cho *người Tàu và người Triều Tiên*. Họ là những kẻ đầu óc hạn hẹp, chỉ biết đến cái thị trấn nhỏ nơi mình sống và quyết định rằng tất cả người ngoại quốc đều thấp kém hơn. Nhưng những cụm từ ấy, *người Tàu và người Triều Tiên*, thực sự có ý nghĩa gì? Những người họ chưa từng nói chuyện? Nếu vậy, họ còn không biết những từ ấy dùng để chỉ cái gì. Bộ não đáng thương của họ không cho phép họ nhìn ra mâu thuẫn trong lập luận của bản thân. Kento, dù mới chỉ học trung học, thấy họ thật đáng ghê tởm.

Về sau, Kento kinh sợ khi biết đến những cuộc diệt chủng mà người Nhật đã tiến hành. Ngay sau trận động đất Kanto san bằng Tokyo năm 1923, bắt đầu có tin đồn rằng người Triều Tiên đang đi đốt nhà và bỏ thuốc độc xuống giếng. Chính phủ, cảnh sát và thậm chí cả các báo đều loan truyền những lời kết tội vô căn cứ này, và người Nhật bị những lời đồn đãi này xúi giục, đi tàn sát hàng ngàn người xuất thân từ bán đảo Triều Tiên. Họ dùng súng, kiếm và dùi cui, thậm chí còn tra tấn một số người bằng cách trói lại bắt nằm sấp và cho xe tải cán qua vài lần. Vào lúc ấy Nhật Bản đã chiếm được bán đảo Triều Tiên làm thuộc địa, nên lương tâm họ cắn rứt, và họ cũng sợ hãi sự trả thù của người Triều Tiên. Bạo lực nhanh chóng leo thang tới mức thậm chí nhiều người Nhật cũng bị nhầm thành người Triều Tiên và phải chịu chung số phận.

Những kẻ tham gia vào hành động man rợ này đều là dân thường. Ý nghĩ ấy khiến sống lưng Kento ớn lạnh. Nếu ông nội và người bác phân biệt chủng tộc của cậu có mặt ở đó, họ cũng sẽ giết người Triều Tiên như tất cả những người khác. Kẻ nào không e dè bày tỏ tư tưởng kỳ thị với các dân tộc khác, thì chỉ cần tí xíu kích động là đủ để sự tàn bạo của họ bùng nổ và giết chóc người khác.

Loài quỷ dữ nào đã ám vào họ? Và những nạn nhân đã phải chịu sợ hãi và đau đớn như thế nào? Người Nhật không hiểu được những người đồng hương của họ có thể đáng sợ đến mức nào.

Tia hy vọng duy nhất trong những hình ảnh đáng sợ đó là câu nói khinh bỉ mà bác cậu đã thổ ra: Mày giống y hệt bố mày. Cho tới lúc ấy, Kento chưa hề biết đến sự phân biệt chủng tộc ẩn giấu trong xã hội Nhật, bởi môi trường mà cậu lớn lên không có chỗ cho cảm xúc đó. Ông Seiji thích các sinh viên trao đổi từ nước ngoài. Ông nói về người này, "Cậu Lưu viết một bài luận tuyệt vời," và kể về người khác, "Cô Kim thuyết trình rất tốt trong buổi hội thảo," đầy tự hào và hài lòng với mỗi thành tích của họ. Và đứa con trai duy nhất của ông thừa hưởng thái độ này. Với Kento, đó là đức tính duy nhất khiến cậu tự hào vì giống với cha mình.

Trong lúc leo cầu thang lên căn hộ, Kento nhớ lại những người Nhật gốc Hàn và người Nhật đã giúp đỡ nhau sau trận động đất Hanshin năm 1995. Thời thế thực sự đã thay đổi. Kento chỉ biết cầu rằng người khách sắp sửa tới thăm nhà trong vài phút nữa không có ác cảm gì với người Nhật. Khi có tổ tiên xuẩn ngốc như vậy, khó khăn sẽ đi theo người ta mãi mãi.

Vào nhà, Kento nhanh chóng nhặt quần áo vương vãi, dọn chỗ trong căn hộ một phòng để khách ngồi. Sau đó cậu lôi hai chiếc máy tính từ dưới giường ra đặt lên bàn.

Đúng giờ, cậu nghe tiếng mô tô phành phạch bên ngoài tòa nhà rồi dùng lại. Cậu ra ngoài ban công, nhìn xuống con ngõ bên dưới và thấy Lee Jeong Hoon xuống khỏi chiếc xe 750 phân khối, đang gỡ mũ bảo hiểm. Không có mấy nhà nghiên cứu đi những chiếc xe lớn như vậy.

Kento ra cửa trước. "Xin mời cậu vào nhà."

Jeong Hoon cởi giày, bước vào nhìn quanh căn hộ nhỏ xíu, cười nhe răng.

"Xin lỗi vì bắt cậu phải đến tận đây," Kento nói.

"Không sao, tôi mới là người phải xin lỗi vì ghé thăm thế này."

Sau vài câu khách sáo đó, Kento mời cậu ta ngồi xuống bàn. "Đây là hai cái máy tính tôi muốn phiền cậu xem."

"Hai máy này phải không?"

"Vâng," Kento để ý thấy cuộc trò chuyện của họ thật cứng nhắc,

như trong sách giáo khoa dạy tiếng cho người mới bắt đầu. “Tiện thể thì, cậu bao nhiêu tuổi rồi?”

“Tôi hai mươi tư.”

“Tôi cũng thế,” Kento nói. “Nếu cậu không phiền, có lẽ chúng ta có thể nói chuyện thoải mái hơn?” Cậu vội vã thêm vào, “Cậu hiểu tôi nói *thoải mái* là thế nào, đúng không?”

“Ờ hớ, OK, Jeong Hoon nói, thể hiện ngay là mình hiểu.

Kento cười. “Cậu cứ gọi tớ là Kento.”

“Tớ là Jeong Hoon.”

“Đây. Cứ uống lúc nào cậu muốn,” Kento nói, bày mấy lon nước quả vừa mua ra chiếu tatami. “Giờ thì, vấn đề là, chiếc máy tính nhỏ không chịu khởi động, và tớ nghĩ không biết cậu có thể tìm ra trong đó có dữ liệu kiểu gì không”

Jeong Hoon mở chiếc máy tính đen và ấn nút nguồn. Giống như trước, màn hình vẫn hiện màu xanh. Cậu thử bật và ép máy tắt nguồn vài lần nhưng không có tác dụng. Jeong Hoon lôi máy tính của mình ra khỏi túi, kết nối nó với chiếc máy đen và thử vài thao tác. Kento không biết mấy về máy tính nên không hiểu cậu ta đang làm gì.

Sau nửa tiếng, cậu ta quay lại nhìn Kento đang ngồi trên sàn. “Thật là bí hiểm,” cậu ta nói.

“Khó giải quyết lắm hả?”

Jeong Hoon gật đầu. “Tớ nghĩ có thể nó bị hỏng, nhưng cũng không chắc lắm.”

“Vậy là có khả năng nó không bị hỏng?”

“Ừ,” Jeong Hoon nói và nghĩ một thoáng. Giờ đây, đôi mắt dịu dàng của cậu trông sắc sảo và tập trung – khuôn mặt của một nhà nghiên cứu. “Nếu cậu cho tớ cầm về một tuần, tớ có thể tìm hiểu thêm. Cậu nghĩ sao?”

“Hừm.” Giờ thì đến lượt Kento nghĩ. Lời nhắn cuối cùng của cha cậu là đừng để máy rơi vào tay ai khác. Và còn Sakai Yuri nữa. Cho Jeong Hoon cầm máy có thể khiến cậu ta gặp rắc rối. “Tớ rất muốn vậy, nhưng máy là của người khác, không phải của tớ, nên tớ không

cho cậu giữ được."

"OK. Tớ hiểu."

"Nghỉ một lát đi," Kento nói và mời Jeong Hoon một lon nước. Trong khi thư giãn, Kento nghĩ về chiếc máy kia. Mục đích là xác định phần mềm GIFT làm được gì, và vấn đề này sẽ thuộc lĩnh vực chuyên môn của Jeong Hoon, nhưng Kento không biết nên tiết lộ bao nhiêu thông tin. Dù vậy, cậu thực sự muốn hỏi ý kiến Jeong Hoon về nhiệm vụ trước mắt này: tạo ra thuốc chữa một căn bệnh nan y trong thời gian một tháng.

Kento kết luận rằng mình có thể tin tưởng Jeong Hoon. "Tớ sẽ nói với cậu một điều mà tớ muốn cậu giữ kín, được chứ?"

Jeong Hoon cau mày nghi ngờ và gật đầu.

"Điều tớ cần làm là tạo ra một chất chủ vận GPCR trong chưa đến một tháng."

"Cậu đùa à? Trong một tháng?"

"Đúng vậy. Đó là lý do phần mềm GIFT được tạo ra."

Kento tóm tắt nghiên cứu kỳ lạ mà cha cậu để lại. Khi Jeong Hoon nghe nói cha cậu đã qua đời, cậu ta bày tỏ lòng cảm thông sâu sắc, nhưng ngoài ra chỉ im lặng lắng nghe. Cuối cùng, khi giải thích rằng vài bước quan trọng đã bị bỏ qua trong kế hoạch phát triển thuốc của cha mình, Kento thấy hơi xấu hổ. "Điều đó là không thể, đúng không? Tớ nghĩ đó chỉ là ông ấy nảy ra một ý tưởng tồi tệ mà thôi. Một chuyên gia virus đi làm chuyện không phải của mình"

Ngạc nhiên thay, Jeong Hoon không đồng ý ngay lập tức. Cậu cau mày ngẫm nghĩ. "Để tớ nghĩ đã, một cách thật logic và không có thành kiến."

"Tất nhiên rồi."

"Tớ biết bố cậu đã nghĩ gì khi lên kế hoạch cho vụ này."

"Cậu đùa à?" Kento gạc nhiên nói và chúi người về phía trước.

"Chỉ có một điều kiện cho phép một kế hoạch bất khả thi như thế này thành công. Phần mềm GIFT phải hoàn hảo."

"Hoàn hảo?

Jeong Hoon gật đầu. "Nếu phần mềm có thể mô phỏng cấu trúc

thụ thể và thiết kế ra một cấu trúc hóa học sẽ kết hợp với nó một cách hoàn hảo, vậy thì vấn đề duy nhất còn lại là những người liên quan sẽ làm gì với nó."

"Ý cậu là tổng hợp ra thuốc trong thực tiễn?"

"Phải. Đó là lý do tại sao cha cậu chỉ đưa vào bước thử nghiệm tối thiểu để kiểm tra xem quá trình tổng hợp có thành công không."

Ngoại trừ câu hỏi liệu chuyện này có thực sự khả thi, về mặt logic, Jeong Hoon nói hoàn toàn đúng. Chỉ cần phần mềm thiết kế thuốc có thể tạo ra một sơ đồ hoàn hảo, tất cả những gì cần để hoàn thiện thứ thuốc này là tổng hợp ra hợp chất đó.

Phần mềm con cần cho nghiên cứu nằm trong máy tính màu trắng, vậy nên hãy dùng cái đó.

Lời nhắn của cha đã cho Kento tất cả những chỉ dẫn mà cậu cần. Như Jeong Hoon nói, chỉ cần GIFT là hoàn hảo, họ có thể hoàn thành nhiệm vụ.

"Nhưng phần mềm hoàn hảo như vậy có thực sự tồn tại không?"

"Không" Jeong Hoon nói ngắn gọn.

Kento thấy như xì hết cả hơi. "Vậy thì, kể cả khi cân nhắc một cách logic, việc này là vô nghĩa?

"Nhưng di nguyện của bố cậu nên được tôn trọng," Jeong Hoon mỉm cười nói, và với tay lấy chiếc máy tính lớn hơn. "Để xem cái phần mềm GIFT này nào."

Họ đợi một lúc trong khi GIFT khởi động, và khi hình ảnh mô phỏng GPR769 đột biến xuất hiện trên màn hình, Jeong Hoon kêu lên ngạc nhiên. "Gì vậy...?!"

"Vậy là chuyên gia cũng thấy nó kỳ lạ à?"

"Tớ chưa bao giờ thấy mô hình nào giống thật như thế này, nhưng mà nó... nói thế nào nhỉ? Rất thuyết phục." Jeong Hoon chăm chú nhìn vào mô hình thụ thể, một cấu trúc hình dây thừng đang cuộn mấy vòng trên màn hình. Trong lúc xem, thi thoảng cậu thốt lên, thi thoảng lại khẽ bật cười. Xem xét xong, cậu quay sang Kento. "Phần mềm này sao lại có thể tồn tại nhỉ. Nó bỏ xa khoa học thời nay cả năm chục năm. Không con người nào có thể tạo ra một phần mềm

như vậy.”

“Nói cách khác, nó vượt quá trí tuệ loài người.”

“Chính xác là như thế. Trước hết, phần mềm này chỉ cần nhập chuỗi gene vào là sẽ hiển thị cấu trúc ba chiều của protein. Thêm vào đó, nó còn thiết kế được cấu trúc của loại thuốc có thể liên kết với nó *de novo* – từ số không. Nó cũng có thể dự đoán cấu trúc của cả tổ hợp sau khi liên kết. Còn đây là cái gì?”

Trên màn hình hiển thị có một mục tên là ADMET. Kento nhận ra chữ viết tắt đó. “Đó là chỉ số cho thấy thuốc sẽ phản ứng thế nào trong cơ thể người. Nó là viết tắt của *absorption, distribution, metabolism, excretion,* và *toxicity* – hấp thụ, phân phối, chuyển hóa, bài thải và độc tính.”

“Phải rồi.” Jeong Hoon hiểu ra. “Các thông số dược động học và độc tính.”

“Ta còn có thể tính ra ADMET bằng phần mềm này ư?”

“Nó có chức năng ấy cũng không lạ. Có những loại phần mềm khác cũng dự đoán dược động học và độc tính. Nhưng GIFT còn cho phép xác định thông số này theo từng loài – người hay chuột, thí dụ vậy – và còn có một cột để nhập thông tin bộ gene để tạo ra phương pháp điều trị cho từng cá thể.”

Cuối cùng Kento cũng hiểu ra GIFT phi thường đến mức nào. “Nếu đây đúng là một phần mềm hoàn hảo, vậy thì ta sẽ không cần đến bước thử nghiệm lâm sàng nữa.”

“Chính xác. Chỉ cần riêng phần mềm này là đã có thể thực hiện toàn bộ quá trình phát triển thuốc. Tất cả những gì người ta cần làm là chạy quá trình tổng hợp thuốc và kiểm tra nó trong thực tế.”

Kento và Jeong Hoon nhìn nhau phá lên cười.

“Được rồi, tiếp tục nào,” Jeong Hoon nói và quay trở lại máy tính. Cậu ta có vẻ khoái ngồi nghịch cái phần mềm khó tin này. “Ta hãy tìm chứng cứ rằng phần mềm này không hoàn hảo. Hẳn là phải có cách.”

“Cái này có được không?” Kento nói và rút một tập giấy in trên giá xuống, các báo cáo về PAECS mà bác sĩ Yoshihara đã tải xuống

cho cậu. “Một nhà nghiên cứu Bồ Đào Nha đã viết báo cáo về cấu trúc ba chiều của thụ thể kia.”

Jeong Hoon xem qua bản báo cáo. “Mô hình hóa tương đồng. Hay đấy,” cậu ta lẩm bẩm, thay đổi hiển thị trên máy tính vài lần. Hình ảnh đồ họa trên màn hình đổi thành một mô hình trừu tượng bao gồm các hình cầu và dải dài. Khi cậu ta phóng to vùng hoạt động của thụ thể, màn hình hiện lên khu vực liên kết với phối tử, ở cấp độ nguyên tử.

“Đúng như tớ nghĩ,” Jeong Hoon nói. “Hai mô hình khá khác nhau. Giá trị tọa độ nguyên tử của chúng khác nhau.”

“Vậy GIFT là giả?”

Jeong Hoon cau mày. “Nói vậy thì quá sớm. Về mặt logic, hoặc là nhà nghiên cứu người Bồ đúng hoặc là GIFT đúng, hoặc là cả hai đều sai.”

Kento ấn tượng khi thấy Jeong Hoon từ chối đưa ra câu trả lời dễ dàng. Logic ương ngạnh là vũ khí duy nhất của một nhà nghiên cứu.

“Thực tế là việc thiết kế thuốc dựa vào máy tính đã gặp phải ngõ cụt,” cậu ta nói tiếp. “Kể cả khi sử dụng phần mềm tiên tiến nhất, việc dự đoán cấu trúc ba chiều của protein màng vẫn rất khó khăn. Khả năng cao là nhà nghiên cứu Bồ Đào Nha này đang sử dụng mô hình sai.”

Jeong Hoon bật máy tính của mình lên, chép lại chuỗi bazơ ADN và nhập vào GIFT. “Bởi vì chúng ta đã biết cấu trúc của protein là chính xác, hãy so sánh kết quả.”

Cậu ta ấn phím Enter và một thông báo bằng tiếng Anh xuất hiện trên màn hình: “Xin hãy kết nối mạng”.

“Sao phải vậy?” Jeong Hoon băn khoăn.

Kento cắm dây Internet tốc độ cao trong nhà vào chiếc máy tính trắng. Sau khi nối mạng, thông báo trên màn hình GIFT thay đổi: “REMAINING TIME: 00:03:11”.

Những con số giảm dần đi khi từng giây trôi qua.

“Chỉ có ba phút sao?” Jeong Hoon lẩm bẩm.

Ba phút sau, GIFT cho kết quả. Trên màn hình là cấu trúc ba chiều

của protein mà Jeong Hoon nhập vào. Trong khi kiểm tra từng phần của mô hình, mặt cậu ta nghiêm dần lại. “Thật kỳ lạ. Phần mềm này mô tả chính xác cấu trúc một protein tạo thành từ cả trăm axit amin liên kết lại.”

Kento ngạc nhiên. Không phải điều này có nghĩa là GIFT hoàn hảo sao?

Nhưng Jeong Hoon không vội rút ra kết luận. “Điều đầu tiên chúng ta cần cân nhắc là phần mềm này là giả.”

“Vậy thì làm sao nó có thể tính ra mô hình cấu trúc protein?”

“Trong khi tính toán, nó yêu cầu chúng ta kết nối vào mạng, đúng không nào?”

"Ừ.”

“Có thể nó tìm ra một cấu trúc có sẵn trên mạng và làm như thể nó đã tự mình tính toán ra. Nếu truy cập vào cơ sở dữ liệu protein, có thể tìm ra hàng đống thông tin như thế”

“Tớ hiểu,” Kento nói, nhưng cậu chợt nghĩ ra thêm một điều, “Nếu điều đó là sự thật thì chúng ta không thể xác định được liệu GIFT là thật hay giả.”

“Chính xác. Chúng ta không thể phân biệt giữa một tính toán chính xác do GIFT tự thực hiện và một kết quả chính xác sao chép từ ai đó. Bởi vì cấu trúc đúng đều giống nhau. Và nếu chúng ta bắt nó tính ra một cấu trúc chưa được biết đến, thì không ai có thể biết được cái nào là đúng – GIFT hay là một mô hình nào khác.”

Kento cảm thấy như bị lừa. Nhưng nếu GIFT thực sự là giả, ai có thể nghĩ ra một trò lừa tỉ mỉ như vậy? Và tại sao?

“Bố cậu có biết lập trình không?” Jeong Hoon hỏi.

“Không. Không một chút nào.”

“Vậy thì ông ấy có được phần mềm này từ đâu?”

“Tớ chịu.”

Cái tên của phần mềm – GIFT – bắt đầu có vẻ hăm dọa.

“Một giả thiết khác là GIFT thực sự hoàn hảo. Mặc dù đó chỉ là giả thiết thôi,” Jeong Hoon nhấn mạnh. “Chương trình này có thể kèm phần mềm điện toán phân tán.”

“Điện toán phân tán?”

“Đó là phương pháp sử dụng bởi dự án ‘SETI@home’ để tìm kiếm sự sống ngoài trái đất. Họ cố gắng phân tích tất cả các sóng điện từ đi tới trái đất để tìm ra trong đó các tín hiệu nhân tạo, và muốn làm thế thì cần sức tính toán vô cùng lớn. Thế nên họ kết nối với các máy tính cá nhân của tình nguyện viên và dùng một phần CPU của các máy này vào việc tính toán. Nếu kết nối hàng chục ngàn máy tính cá nhân như vậy, sẽ đạt được năng lực tính toán lớn hơn cả một siêu máy tính.”

“Tớ đổi chủ đề một tí được không?”

“Tất nhiên rồi.”

“Họ có tìm được bằng chứng về người ngoài hành tinh không?”

“Vẫn chưa.”

Kento thấy hơi thất vọng.

“Dù vậy, họ đã sáu lần phát hiện sóng điện từ không xác định đến từ trung tâm dải Ngân Hà. Cho đến giờ, những sóng đó vẫn còn là một bí ẩn. Các nhà thiên văn trên khắp thế giới đã thống nhất một quy trình thông báo tin này nếu họ thực sự tìm thấy bằng chứng về người ngoài hành tinh.”

"Ồ.”

“Trở lại chủ đề thôi.”

“Cậu nói tiếp đi.”

“Hãy xét riêng một chức năng của phần mềm này – tính toán cấu trúc tổ hợp thụ thể và phối tử. Có hai yếu tố quan trọng quyết định phần mềm này sẽ làm tốt việc đó đến mức nào: năng lực tính toán của máy, và thuật toán.”

“Ý cậu nói thuật toán tức là phương thức tính toán?”

“Đúng rồi. Chính là phương pháp sẽ đưa ra câu trả lời chính xác bằng ít phép tính nhất, bỏ qua mọi tính toán không cần thiết.”

Kento cố gắng theo kịp. Vấn đề này nằm ngoài lĩnh vực chuyên môn của cậu.

“Đầu tiên, nếu máy tính này đang huy động các máy khác vào việc tính toán thông qua điện toán phân tán, thì năng lực tính toán

của nó là rất lớn. Nhưng thậm chí nếu kết nối cả trăm triệu máy tính với nhau, tính toán động học phân tử một cách hoàn hảo cũng là bất khả thi."

Kento cũng biết điều này. Chính vì phép tính hoàn hảo là bất khả thi mà sau khi tạo ra một loại thuốc mới người ta phải thu thập dữ liệu về mối quan hệ giữa cấu trúc và hoạt tính, và nghiên cứu tìm ra một cấu trúc hóa học tối ưu. Các nước phát triển về công nghệ cạnh tranh gay gắt với nhau để phát triển siêu máy tính, chính bởi họ đang sống trong một thời đại mà năng lực tính toán và các tiến bộ khoa học công nghệ có liên hệ trực tiếp tới nhau.

"Và các phương thức tính toán hiệu quả – nói cách khác là thuật toán – bù trừ cho việc thiếu năng lực tính toán. Các nhà nghiên cứu đã thử rất nhiều phương pháp khác khau nhưng chưa bao giờ tìm được một cách hoàn hảo. Không có hai thuật toán nào cho kết quả giống nhau. Đó là hạn chế của khoa học ngày nay. Nói cách khác, không có đủ năng lực tính toán, và chưa ai phát hiện ra một phương thức tính toán hoàn hảo."

Kento nói, "Vậy cậu muốn nói là GIFT không thể hoàn hảo."

"Về mặt logic, đúng là như vậy," Jeong Hoon đáp. Trên mặt cậu ta vẫn còn vẻ hoài nghi.

"Còn gì khiến cậu băn khoăn sao?"

"Tớ không biết nói thế nào... Có phải người ta gọi đó là xúc giác, chắc vậy? Xúc cảm?"

"Ý cậu là cảm giác?"

"Đúng đấy. Dùng phần mềm này đem lại một cảm giác kỳ lạ."

"Chính xác là cái gì?"

"Tớ không biết nói thế nào," Jeong Hoon nói, gãi đầu và cố gắng truyền đạt cảm giác bất an trong cậu bằng tiếng Nhật. "Như kiểu, khi dùng nó, ta có cảm giác rằng chương trình này *thực s*ự vạn năng."

Đó là một cảm giác chỉ Jeong Hoon, người am hiểu đủ loại phần mềm, có thể hiểu được.

"Bất kể nhà nghiên cứu nào đã tạo ra phần mềm này thì cũng thật đáng kinh ngạc. Người đó khiến phần mềm dường như thể hiện

được các hoạt động sinh học vô cùng phức tạp ở cấp độ phân tử và electron. Nếu chương trình này mà sử dụng được thật, thì nó xứng đáng ăn một giải Nobel. Một mớ giải Nobel luôn."

Kento cũng thấy vậy.

"Nhưng tớ không thấy chứng cứ trực tiếp nào cho thấy nó là giả. Nó thực sự là một chương trình tuyệt vời."

"Tại sao người ta lại tạo ra phần mềm này?"

"Đó là một bí ẩn. Một chuyên gia sẽ ngay lập tức nhận ra việc này là bất khả thi, trong khi một người nghiệp dư sẽ không biết đây là phần mềm gì."

Kento sững sờ. "Vậy là một nhà nghiên cứu trong một lĩnh vực khác có thể bị nó lừa."

"Ý cậu là sao?"

"Một người như bố tớ, làm trong ngành virus học. Có thể ông ấy đã được bảo rằng chương trình này có thể làm bất cứ thứ gì liên quan đến phát triển thuốc, và hoàn toàn tin vào điều đó."

Cậu nghĩ đến Sakai Yuri. Cậu không rõ quan hệ giữa bà ta và cha mình là thế nào, nhưng có lẽ bà ta chính là người đưa cho ông chương trình này và gợi ý rằng nó có thể chữa một bệnh nan y. Bà ta lôi kéo ông bằng lời hứa hẹn về khoản thù lao khổng lồ ông có thể kiếm được từ phát minh này. Bà ta định biển thủ toàn bộ số tiền nghiên cứu riêng mà cha cậu đã đổ vào đó rồi biến mất. Tài khoản ngân hàng cất giữ tiền nghiên cứu dưới tên người khác chắc hẳn là số tiền Yuri định bảo ông chuyển cho mình.

Nhưng vậy thì tại sao, sau cái chết của cha Kento, Yuri lại mạo hiểm gặp Kento? Việc này cũng có lý nếu chiếc máy tính khổ A5 bà ta muốn lấy lại có chứa dữ liệu điện tử – thư điện tử chẳng hạn – có thể chứng minh hành vi lừa đảo của bà ta. Bà ta có thể mặc kệ chiếc máy tính cài phần mềm GIFT, bởi chỉ mình chiếc máy đó thì không thể tiết lộ nguồn gốc của GIFT.

"Sao có thể khờ khạo đến mức ấy?" Kento giận dữ nói.

"Nhưng hẳn là bố cậu cũng có lý do," Jeong Hoon nói, cố xoa dịu Kento.

Dù vậy, thứ duy nhất không hợp lý trong giả thiết này là bản *Báo cáo Heisman*. Có gì ở trong mục số 5? Kento vẫn chưa nghe tin gì từ Sugai. Có lẽ bên cạnh chuyện Báo cáo Heisman, cậu cũng nên hỏi ông cả về vụ phát triển thuốc lừa đảo này nữa. Tùy xem mọi chuyện diễn ra theo chiều hướng nào, cậu phải chuẩn bị tinh thần yêu cầu cảnh sát can thiệp.

"Tớ xem cái máy này được không? Jeong Hoon hỏi, chỉ vào chiếc máy cài GIFT. "Tớ muốn nghịch nó thêm một chút nữa."

"Ừ, được."

"Cảm ơn."

Họ nói chuyện thêm một tiếng nữa, trao đổi số điện thoại, và Jeong Hoon về trước lúc nửa đêm. Trong cuộc trò chuyện, Kento biết thêm nhiều điều về cậu sinh viên trao đổi người Hàn Quốc này. Cậu ta học vượt một lớp hồi trung học và vào đại học năm mười bảy tuổi, vậy nên cậu ta hẳn là rất thông minh. Cậu ta thành thạo tiếng Nhật chỉ nhờ học trên trường. Và khi phải bảo lưu đại học để đi nghĩa vụ, cậu ta làm việc ở một căn cứ quân sự Mỹ và học tiếng Anh nhờ đó. Học nhảy cóc, bị gọi nhập ngũ – hoàn cảnh của sinh viên Hàn Quốc quả là khác sinh viên Nhật.

Sau khi Jeong Hoon về, Kento cảm thấy niềm vui sướng đặc biệt khi kết được một người bạn mới, một người cậu có thể thực sự hòa hợp. Cậu đi tắm trong căn phòng tắm nhỏ xíu, chải răng và chuẩn bị đi ngủ. Khi nằm xuống giường, cậu rút ra một kết luận cuối cùng. Biết rằng không thể dùng GIFT, cậu quyết định rằng công trình nghiên cứu mà cha để lại là bất khả thi. Cậu phải từ bỏ suy nghĩ rằng có lúc nào đó mình sẽ tạo ra được một loại thuốc chữa PAECS. Kento, đã quen với nỗi thất vọng, tự nhủ rằng nghĩ như vậy thật phi lý, rằng việc cố gắng cứu sống một trăm nghìn đứa trẻ đã nằm ngoài khả năng của cậu ngay từ đầu.

Tuy vậy, cậu không thể quên một cô bé nhỏ xíu, gắng hết sức hít thở, khóe miệng dính máu.

Kobayashi Maika.

Cô bé chỉ cách căn hộ của cậu hai mươi phút đi bộ. Nằm trên giường bệnh viện, cố hớp không khí, không thể lấy đủ oxy. Giờ thì cô bé vẫn còn sống, nhưng chỉ một tháng sau, cô sẽ biến mất khỏi bề mặt trái đất.

Chết.

Không một ai trên thế giới này có thể cứu cô bé.

Chết tiệt, Kento lẩm bẩm và tắt ngọn đèn đầu giường đi ngủ.

Cậu trằn trọc. Trên cái ranh giới mong manh giữa thức và ngủ, những hình ảnh hoang mang hỗn loạn – không phải suy nghĩ mà cũng chẳng phải mơ – cứ đến và đi. Một phòng thí nghiệm bỏ hoang. Sự hoang mang sau một thí nghiệm thất bại. Cảm giác tội lỗi. Chuột chạy trong lồng. Một thụ thể mồ côi trên màng tế bào trong bóng tối, miệng mở rộng ngoác. Âm thanh điện. Một giai điệu nhẹ nhàng vọng lại từ đâu đó...

Kento giật mình và nhận ra nãy giờ mình đã ngủ thiếp đi. Cậu thò tay phải ra khỏi chăn và nhặt chiếc điện thoại đang nằm trên sàn bên cạnh mình lên.

Cậu chớp mắt, xem màn hình. Ngoài vùng. Lúc đó là 5 giờ sáng. Phòng vẫn còn tối. Kento rên lên và nghe máy. “A lô.”

“Koga Kento. Làm ơn hãy lắng nghe cẩn thận.”

“Cái gì? Ai đấy?”

Giọng nói the thé vang trong tai cậu. “Koga Kento. Làm ơn hãy lắng nghe cẩn thận.”

Giọng máy tính. Thứ giọng đều đều vô cảm.

“Ai đấy? Và tại sao lại gọi vào giờ này?”

Kento bắt đầu cáu, nhưng đầu dây bên kia vẫn điềm tĩnh nói tiếp. “Trong vòng ba mươi phút, phải ra khỏi căn hộ của bạn. Đừng ở lại căn hộ của bạn. Đùng ở lại căn hộ của bạn.”

Giọng nói nhân tạo nhắc lại từng câu bằng thứ tiếng Nhật nghe hơi kỳ. Đoán rằng đó chỉ là một cuộc gọi đùa, Kento định cúp máy, nhưng đầu dây bên kia nói một điều mới: “Đừng đưa chiếc máy tính nhỏ cho ai. Đừng đưa chiếc máy tính nhỏ cho ai.”

Nó đang nói về chiếc máy tính đen, Kento nhận ra. Cậu bật dậy

khỏi giường và chăm chú lắng nghe.

“Trong vòng ba mươi phút, phải ra khỏi căn hộ của bạn. Đừng ở lại căn hộ của bạn. Đừng đưa chiếc máy tính nhỏ cho ai.” Giọng nói nhân tạo nhắc lại những câu trước. Và rồi, cuối cùng, nó thêm vào, “Nhanh chóng chạy khỏi căn hộ của bạn. Nhanh chóng chạy khỏi căn hộ của bạn. Tắt nguồn điện thoại di động của bạn. Tắt nguồn điện thoại di động của bạn.”

“Ai đấy?” cậu hỏi lại, nhưng cuộc gọi đã kết thúc.

Kento đập bốp vào bên đầu, cố ép mình tỉnh táo. Ngẫm nghĩ lại lời nhắn kỳ lạ, cậu thấy ớn lạnh – không phải vì khí lạnh trong phòng mà là do cơn lạnh trào lên từ bên trong.

Đừng đưa chiếc máy tính nhỏ cho ai…

Trong vòng ba mươi phút, phải ra khỏi căn hộ của bạn…

Đó là một lời cảnh báo rõ ràng. Trong ba mươi phút nữa sẽ có ai đó xông vào để cướp chiếc máy tính đi.

Tắt nguồn điện thoại di động của bạn…

Kento vội vàng tắt nguồn điện thoại, dù cậu vẫn không chắc có nên coi lời cảnh báo này là nghiêm túc hay không. Người duy nhất muốn chiếm chiếc máy tính mà cậu có thể nghĩ tới là Sakai Yuri. Nhưng vậy thì người gọi cho cậu là ai? Giọng máy tính the thé đó có lẽ chỉ đọc lại những câu được nhập vào. Nó không trả lời câu hỏi của cậu bởi nội dung lời nhắn đã được viết sẵn.

Đừng ở lại căn hộ của bạn…

Ý nghĩa thì rõ ràng, nhưng thứ tiếng Nhật đó không hề tự nhiên, như thể các câu văn được viết bởi một người nước ngoài. Khuôn mặt Lee Jeong Hoon hiện lên trước mắt cậu. Không, tiếng Nhật của Jeong Hoon trôi chảy hơn vậy nhiều. Gần như hoàn hảo.

Kento xuống giường, mở đèn và bật máy sưởi. Đầu cậu nặng nề vì thiếu ngủ. Nếu Sakai Yuri định xông vào nơi này, cậu không lo lắng lắm. Dù nhỏ con, nhưng cậu vẫn đủ khỏe để đẩy bà ta ra.

Nhanh chóng chạy khỏi căn hộ của bạn…

Dù vậy, giọng nói nhân tạo kia vẫn mang một cảm giác khẩn trương kỳ lạ như thể đang cảnh cáo cậu rằng, nếu không tuân theo,

một điều tồi tệ sẽ xảy ra.

Khi bước vào buồng tắm, cậu lại lạnh người. Yuri đã đi chiếc minivan tới trường đại học vào ban đêm. Có ai đó ở trong xe với bà ta. Cậu sẽ phải xử lý nhiều hơn một người.

"Đây cũng là vì muốn tốt cho cậu thôi, Kento," bà ta đã nói. Giờ đây cậu đã nhận ra ẩn ý trong đó. Nó là một lời đe dọa: nếu không đưa cho tôi máy tính là tự đặt mình vào vòng nguy hiểm.

Trong khi chần chừ, nghĩ đi nghĩ lại, cậu đã bỏ phí mười phút. Nhưng cậu nên làm gì đây? Cậu không thể cứ do dự như thường lệ và bỏ cuộc. Cậu phải làm *một cái gì đó*. Cậu đi vệ sinh, và trong lúc rửa tay, cậu quyết định bước tiếp theo. Cậu không tin cuộc điện thoại cảnh báo, nhưng cậu sẽ rời khỏi căn hộ và xem tình hình tiến triển thế nào. Cậu sẽ tới một cửa hàng tiện lợi hay đâu đó để giết thời gian và trở lại sau khi mặt trời lên.

Cậu thay quần áo và nhét ví, chìa khóa căn hộ và chiếc điện thoại đã tắt nguồn vào túi. Cậu đang chuẩn bị đi thì chợt nhận ra rằng trong phút bối rối, cậu suýt nữa đã để lại vật quan trọng nhất. Chiếc máy tính đen. Nhưng làm sao mang nó đây? Cậu cởi áo phao và lục tủ cho tới khi tìm thấy một chiếc áo khoác thể thao nhẹ nhàng hơn. Chiếc áo có một túi đựng bản đồ trên ngực, vừa đủ để cất vừa chiếc máy tính.

Đúng lúc đó, cậu nghe tiếng xe bên ngoài. 5 giờ 26. *Mình tưởng vẫn còn bốn phút nữa!* Cậu kéo rèm, đẩy cánh cửa trượt ra và lén lút bước ra ban công. Bên ngoài vẫn còn tối. Cậu nhìn xuống dưới, nơi con ngõ hẹp một chiều chỉ được chiếu sáng bởi đèn đường, và thấy nóc một chiếc xe bảy chỗ ngay bên dưới. Nó giống xe của Yuri, nhưng màu xe lại khác. Nhưng rõ ràng là nó đã cố tình đỗ ở chỗ chắn cửa ra vào tòa nhà.

Đường lui đã bị cắt. Nếu muốn ra khỏi đây, cậu sẽ phải lẻn qua chiếc xe đó.

Cửa bên ghế phụ mở ra, và một người đàn ông ra khỏi xe. Trông ông ta có vẻ sắp nhìn thẳng lên trên, nên Kento nhanh chóng rụt đầu lại. Chuyện gì đang xảy ra vậy? Bò lom khom, cậu trở lại cửa và bò

vào trong. Cặp kính của cậu trượt xuống mũi, cậu đẩy nó lên và đi vòng vòng trong căn hộ. Cậu đã phạm phải một lỗi chết người. Đèn phòng vẫn sáng, rèm và cánh cửa trượt vẫn mở toang. Người kia sẽ biết cậu đang ở nhà.

Cậu nghe tiếng của xe mở ra đóng lại bên dưới mấy lần. Hẳn là phải có hai, ba người, cậu đang nghĩ thì nghe tiếng ai đó ngay ngoài cửa, sớm hơn nhiều so với cậu tưởng. Chuông đàm thoại ngoài cửa réo lên giận dữ, hết lần này đến lần khác. Kento bắt đầu run. Giờ mà giả vờ không có nhà thì đã muộn. Cậu ra cửa trước và nhìn qua lỗ nhòm. Ngay bên ngoài cánh cửa mỏng manh là một người đàn ông trung tuổi mặt mày cau có. Ông ta mặc áo khoác, trông như một doanh nhân. Đằng sau ông ta là hai người khác, cả hai đều đeo khẩu trang y tế màu trắng.

Kento quá hoảng loạn không biết trả lời gì, và cậu đứng đó, chằm chằm nhìn họ. Người đứng trước quay lại và gật đầu với hai người kia. Một trong hai người đeo khẩu trang lấy ra thứ gì đó trông như một cái kính lúp hình trụ và giơ nó lên trước lỗ nhòm. Hình ảnh trước mắt Kento chợt mờ đi, và cậu không thể nhìn thấy bên ngoài nữa.

Ngay lập tức, cậu biết họ đã làm gì. Chiếc kính lúp đã chỉnh lại hình ảnh bóp méo trong thấu kính mắt cá ở cửa, cho phép họ nhìn vào bên trong. Người đeo khẩu trang có thể nhìn thấy cậu.

Theo bản năng, Kento bước lùi lại. Một giọng nói giận dữ chợt quát lên. “Anh Kento! Anh Koga Kento! Sở cảnh sát Tokyo đây. Mở cửa ra!”

Sở cảnh sát Tokyo? Kento nghĩ, hoàn toàn không hiểu.

“Chúng tôi biết anh đang ở trong đó, vậy nên hãy mở cửa ra!”

Cảnh sát. Tại sao lại có cảnh sát xuất hiện trước cửa nhà cậu? Nhưng cậu biết chắc một điều: đây không phải một cuộc thăm viếng thân tình. Hét lác vào một buổi sáng sớm Chủ nhật có nghĩa là họ đang cố tình thu hút sự chú ý của những cư dân khác.

Kento lưỡng lự mở khóa cửa và hé ra, sợi xích ở cửa vẫn mắc nguyên.

“Koga Kento?” người không đeo khẩu trang hỏi, gí một tấm thẻ vào mặt cậu. “Tôi là Kadota ở Sở cảnh sát Tokyo. Mở cửa cho chúng tôi vào.”

Kento căng thẳng đến mức miệng cậu khô rang. “Ch-chuyện này là sao?”

Trông Kadota còn nghiêm khắc hơn. “Đây là chuyện về bố anh, ông Seiji.”

“Bố tôi?”

“Mở khóa cửa, chúng tôi vào rồi sẽ cho anh biết chi tiết.”

Trong lòng Kento hiện lên một thoáng hy vọng – có lẽ cảnh sát đã bắt đầu điều tra vụ nghiên cứu thuốc lừa đảo. Nhưng dù có muốn nghĩ theo chiều hướng tốt thế nào, đập cửa nhà cậu trong khi cậu còn ngái ngủ cũng không hẳn là một cử chỉ thân thiện. Kento nhìn ba người đàn ông có ánh mắt dữ tợn. “Các ông thể cho tôi xem lại thẻ cảnh sát được không?”

Kadota gầm gừ khó chịu và lại lật mở bao thẻ.

“Không phải thẻ cảnh sát có bìa đen sao?” Kento hỏi.

“Đó là loại cũ. Bây giờ chúng tôi dùng loại này.”

Kento đọc tên ban của người này. “Ban an ninh công cộng làm gì?”

Kadota đóng bao thẻ. “Chúng tôi đang hỗ trợ một cuộc điều tra. Lực lượng cảnh sát nước ngoài nhờ chúng tôi điều tra cố giáo sư Koga Seiji.”

“Nước ngoài?” Kento cố nén cơn hoảng loạn đang dâng lên. Cha cậu đã tới những nước nào? Ông đã dự hội thảo ở Hoa Kỳ và Pháp. Và ông đã tới Zaire, ở châu Phi, để nghiên cứu virus HIV. “Nước nào?”

“Hoa Kỳ.”

“Bang nào?”

“Không phải cảnh sát bang. Bên yêu cầu là Cục điều tra liên bang. FBI.”

Một cú sốc nữa. “FBI muốn biết gì?”

“Bố anh là nghi phạm trong một vụ án. Ông ta bị nghi ngờ đã

trộm dữ liệu từ một trung tâm nghiên cứu ở Mỹ.”

Kento nhìn Kadota chằm chằm, điếng người. Cậu có thể không coi trọng cha lắm, nhưng liệu ông có đến mức đi phạm tội không? Cậu không thể tưởng tượng nổi. Nhưng, ngay khi cậu nghĩ đến điều đó, lời nhắn cuối cùng bí hiểm của cha hiện lên trong đầu cậu, và cậu đột nhiên cảm thấy đang đứng trên vách đá.

Nếu con nhận được thư này, có nghĩa là bố đã xa con và mẹ hơn năm ngày.

Ông đã đoán trước mình sẽ bị bắt?

“Bố anh đã mất, vậy nên tất nhiên ông ta sẽ không bị khởi tố. Nhưng chúng tôi phải xác nhận thông tin về vụ án.”

Kento không còn biết phải tin vào điều gì nữa. Trong tình huống như thế này, một nhà nghiên cứu nên chọn con đường nào? Logic. Đúng vậy – logic là lựa chọn duy nhất. Đừng vội vã rút ra kết luận. Hãy làm như Jeong Hoon đêm qua. Lời nhắn mà cha để lại là gì? Cậu có thể rút ra kết luận logic nào từ đó?

Nhưng không cần lo lắng. Bố sẽ trở lại trong vài ngày nữa.

Kento thoáng nhìn xuống, không chú ý vào viên cảnh sát nữa. Cha cậu vô tội. Ông muốn nói với cậu rằng cho dù bị cảnh sát bắt đi, ông cũng sẽ được chứng minh vô tội trong vài ngày và sẽ trở lại.

“Anh có chiếc máy tính mà bố anh để lại không?” Kadota hỏi.

“Máy tính?” Vừa nói ra điều này, Kento ngạc nhiên bởi con giận dữ trào lên trong mình. *Đừng có coi bố tôi là thằng ngốc!* cậu muốn hét lên.

“Chiếc máy tính ông ta dùng nghiên cứu.”

Đừng để chiếc máy tính nhỏ rơi vào tay ai....

“Có phải ông bị nghi trộm dữ liệu nghiên cứu không? Không phải phần mềm?”

Kadota cau mày nghi ngờ. “Dữ liệu nghiên cứu,” ông ta quả quyết.

“Một điều nữa,” Kento khăng khăng. “Các ông đến đây bởi các ông nghi ngờ bố tôi, đúng không? Các ông không nghi ngờ tôi, con trai của ông?”

“Tất nhiên là không. Chúng tôi chỉ đang điều tra tất cả các bên liên quan.”

Kento nhanh chóng tính toán. Cho dù có bỏ chạy, cậu cũng sẽ không bị kết tội.

“Chúng tôi muốn tịch thu chiếc máy tính. Vậy nên hãy để chúng tôi vào.”

Cố gắng không run rẩy quá, Kento gom hết lòng can đảm. “Tôi từ chối,” cậu nói.

Đôi mắt viên cảnh sát trở nên băng giá. Ông ta lấy một văn bản khỏi túi áo khoác và gí vào mặt Kento. “Chúng tôi có lệnh khám nhà. Đây là một cuộc lục soát, và chúng tôi sẽ vào nhà dù anh có muốn hay không.”

Nhanh chóng trốn khỏi căn hộ...

“Được rồi. Để tôi gỡ dây xích ra,” Kento nói, và Kadota rụt chân lại khỏi khe cửa.

Kento nhanh chóng sập cửa và cài then. Kadota bắt đầu đập cửa, và cái then cậu vừa cài nhanh chóng xoay ngược trở lại. Viên cảnh sát đã lấy chìa khóa chủ từ chủ nhà. Kento vội vã xỏ giày, nhưng những ngón tay cậu mắc vào dây giày và không thể thắt dây. Cánh cửa hé ra, và một trong mấy người kia chọc máy cắt khóa vào và bắt đầu cắt dây xích.

Kento, cuối cùng cũng đi được giày, phi thẳng ra ngoài ban công. Cậu nghe tiếng kim loại gãy sau lưng. Từ khóe mắt, cậu có thể nhìn thấy ba viên cảnh sát ào vào căn hộ. Không có thời gian sợ hãi nữa. Kento trèo qua lan can ban công, một tay giữ chặt túi áo chứa máy tính, và tung mình nhảy xuống mui xe. Cú rơi một mét rưỡi. Chiếc xe có khả năng chịu va đập chỉ hơi võng xuống và không mấy tổn hại khi bị cậu rơi sầm xuống.

Kento lăn khỏi mui xe xuống đất, và lúc đó, cậu chợt nhận ra mình trông vụng về đến mức nào, mặc dù đây không phải lúc lo về vẻ ngoài. Cậu đứng dậy, lành lặn, và chạy về hướng đằng sau xe.

Cậu liếc nhìn lại sau trong khi chạy và nhìn thấy thêm một gã cảnh sát nữa loạng choạng ra khỏi ghế lái, hai tay ôm đầu như thể bị

đau. Đỉnh đầu anh ta hẳn là đã bị trần xe đập vào khi lõm xuống. Giờ thì họ đã có thứ để buộc tội cậu – hành hung và gây thương tích. Suy nghĩ đáng sợ ấy đột ngột hiện lên trong đầu cậu, nhưng cậu vẫn tiếp tục chạy nhanh nhất có thể.

Lúc đó là sáng sớm Chủ nhật, đường phố vẫn vắng tanh. Chưa đến một phút cậu đã hết hơi. Kento tuyệt vọng, biết rằng mình phải trốn đi. Họ là chuyên gia truy đuổi người khác. Cuộc truy đuổi càng kéo dài, cậu càng ít cơ hội trốn thoát.

Cậu chạy ra một con phố lớn có hai làn xe mỗi chiều. Chỉ có một vài phương tiện trên phố, và cậu không tìm nổi một chiếc taxi. Cậu lẻn vào một phố nhỏ, rẽ trái để cố tình đổi hướng, và bước ra một con phố lớn khác. Lần này, cậu nhìn thấy một chiếc taxi. Cậu vẫy cả hai tay và lên xe khi tài xế dừng lại. Cậu nhìn đằng sau nhưng không thấy dấu hiệu gì của mấy viên cảnh sát.

Cậu định bảo tài xế mình đi đâu nhưng ngừng lại, lưỡng lự. Chiếc xe đang đỗ bên vỉa hè, nhìn về phía quận Ryogoku. Ga tàu gần nhất quá gần, không đáng công tài xế, nhưng Kento cũng không thể đi quá xa bởi cậu không có nhiều tiền mặt.

“Cho tôi đến Akihabara,” cuối cùng cậu nói. Hẳn là lúc này các chuyến tàu sớm đã chạy.

“Akihabara, đã hiểu,” tài xế nói. Ông ta đạp ga và bật tín hiệu rẽ trái.

Ở ghế sau, Kento cố lấy lại hơi thở và nghĩ. Cậu gặp rắc rối lớn rồi. Có lẽ cảnh sát đã liên hệ với gia đình cậu ở Atsugi. Mẹ cậu sẽ phát điên khi nghe tin con trai mình phạm tội. Ngay khi đến nơi nào đó an toàn, cậu sẽ gọi cho bà, nhưng rồi cậu nhớ lại lời cảnh báo.

Tắt nguồn điện thoại di động của cậu..

Giờ thì cậu đã biết giọng nói nhân tạo kia có ý gì. Nếu dùng phép đo tam giác để tìm ra các trạm phát sóng, người ta có thể xác định vị trí tín hiệu từ điện thoại cậu. Trừ phi muốn cảnh sát tìm ra mình, cậu phải tắt điện thoại. Từ giờ cậu sẽ phải dùng điện thoại công cộng.

Taxi dừng lại ở ga Akihabara, cách Kinshicho ba ga. Sau khi trả tiền, cậu chỉ còn hai nghìn yên. Nhưng may thay, cậu không cần lo

thiếu tiền mặt. Trong ví cậu là tấm thẻ ATM mang tên Suzuki Yoshinobu.

Cậu đi về phía ga, băn khoăn mình nên đi đâu, thì chợt nhận ra rằng mình có một chỗ trốn hoàn hảo. Tòa nhà xập xệ ở Machida. Cho dù cảnh sát nghe lén tất cả các cuộc gọi của cậu, họ cũng không biết về sự tồn tại của phòng thí nghiệm riêng này. Giải pháp cho mọi vấn đề của cậu đã được chuẩn bị từ trước, và Kento vô cùng ấn tượng.

Cậu đứng trước máy bán vé và liếc nhìn sau lưng. Không ai có vẻ đang bám theo cậu. Cậu nghiên cứu bản đồ các đường ray tư nhân, xem mình phải chuyển tàu ở đâu, rồi đi về phía cửa xoay.

Tất cả những gì cậu có thể làm bây giờ là trốn ở Machida và chờ tới khi có được manh mối cuối cùng, Báo cáo Heisman, và những điều nó sẽ hé lộ.

Hôm ấy là buổi sáng thứ hai kể từ khi họ bắt đầu cuộc hành quân qua rừng rậm Ituri. Yeager choàng tỉnh khỏi giấc ngủ chập chờn, anh nằm nguyên trên võng, liếc nhìn đồng hồ. Những con số phát sáng cho thấy lúc đó là 5 rưỡi, chính xác lúc anh định dậy. Cảm giác thời gian luyện được từ hồi còn ở Lực lượng đặc biệt vẫn chưa rời bỏ anh.

Anh bò ra khỏi màn và tấm chăn chống nước. Không khí trong rừng lạnh lẽo. Anh ngạc nhiên khi thấy ánh sáng trước bình minh có màu trăng trắng, nhưng khi nhìn kỹ hơn, anh nhận ra mình đang bị một màn sương dày bao quanh.

Mick, súng trong tay, hiện ra từ màn sương như thể hồn ma tử sĩ nào đó. Sau ca gác hai giờ, anh ta quay lại và nhỏ giọng nói, “Mọi thứ đều ổn.”

Yeager gật đầu và nhìn hai chiếc võng còn lại. Anh nghe thấy tiếng Garrett và Meyers thở trong giấc ngủ. Mick kéo tấm chăn chống nước khỏi hai người và đánh thức họ.

Khi bốn người đều đã tỉnh, họ chuẩn bị đi tiếp. Họ cuộn võng lại và dỡ cái khung làm từ cành cây. Họ chỉ có hai bộ quần áo, và họ thay bộ đồ khô mặc đi ngủ thành bộ đồ ấm mặc khi hành quân. Họ xịt thuốc chống côn trùng, ăn món lương khô – vị không quan trọng, bởi họ cần năng lượng để đi tiếp – và uống thuốc sốt rét. Họ đi cầu rồi lấp cái hố dùng làm toilet lại.

Điều kiện của nhiệm vụ xâm nhập này cũng không tệ. Nếu ở trong một khu vực bị kẻ địch bao vây kín, họ sẽ phải xóa bỏ hoàn toàn mọi dấu vết về sự hiện diện của mình, bao gồm cả mang chất thải theo trong hộp nhựa. Họ còn không được phép dùng giấy vệ sinh. Nhưng khi ở giữa hàng trăm cây số rừng rậm như lúc này, họ không cần cẩn trọng đến vậy. Bốn thành viên của đội Thần hộ mệnh chẳng qua là mấy con cá nhỏ bơi giữa đại dương.

Yeager và Mick dùng bản đồ và GPS để xác định đường đi trong ngày và chọn vài điểm hẹn đề phòng trường hợp có đụng độ bất ngờ và bị tách nhóm.

Họ lên đường, đi theo đội hình chiến đấu một hàng dọc, ba lô nặng nề và vũ khí sẵn sàng, Mick dẫn đầu, theo sau là Yeager, Garrett và Meyers. Đội hình này cho phép họ phản ứng ngay lập tức nếu có tấn công từ phía trước, hai bên hay đằng sau. Dù vậy, trong bóng tối của khu rừng, họ không thể nhìn xa lắm, vậy nên họ giữ khoảng cách gần hơn bình thường.

Sau khi họ đi khoảng một tiếng, sương bắt đầu tan. Ánh nắng le lói qua những tán cây mời gọi họ đi sâu hơn nữa vào rừng.

Biển cây vô tận bắt đầu làm Yeager nản chí. Rừng rậm có sức mạnh khiến người ta mất đi nhuệ khí. Nơi đây là một thế giới cách xa khỏi lý trí con người, nơi đây không phải chỗ cho những động vật đi hai chân và mặc quần áo. Đủ loại sinh vật sống ở nơi này, nhưng chỉ có con người là kẻ xa lạ. Và càng đi xa, trong anh càng trào lên một cảm giác giống như nỗi nhớ nhà.

Cách tốt nhất để đối phó với nỗi lo và sợ hãi mà khu rừng gây ra, thầy hướng dẫn trong Lực lượng đặc biệt đã dạy anh, là lần lượt xác định những mối đe dọa của nó. Thời tiết, cái nóng, thiếu thức ăn, nguy cơ mất phương hướng, động vật có độc.

Không một mối đe dọa nào trong số đó hiện diện ở đây, Yeager tự nhắc nhở mình. Ituri khác với Đông Nam Á, nơi anh đã trải qua huấn luyện đi rừng. Dù nó nằm ngay dưới xích đạo, độ cao đã giữ cho nhiệt độ tương đối ôn hòa. Mỗi khi có gió thổi qua, mồ hôi sẽ bốc hơi ngay làm anh thoải mái trở lại. Côn trùng và động vật nhỏ cũng là một mối đe dọa, nhưng chúng không có nhiều. Cứ cảnh giác là sẽ không có vấn đề gì cả. Nhưng điều khiến anh biết ơn nhất là những con suối nhỏ có nước sạch. Nước suối đó còn ngon hơn thứ nước khoáng đóng chai anh uống khi làm nhiệm vụ trước.

Và hơn nữa, người Pygmy đã sống trong khu rừng này hàng chục ngàn năm. Nếu rừng Ituri là một môi trường khắc nghiệt, họ đã phải tuyệt chủng từ lâu rồi. Vậy nên không có gì phải sợ quá cả.

Mick dừng lại và ra hiệu cho họ tiến tới. Yeager và những người khác yên lặng đến gần anh ta.

“Cái gì kia?” Mick hỏi, chĩa nòng khẩu AK-47 chỉ vào gốc một bụi cây. “Đó có phải thứ sinh vật chưa được biết đến đó không?”

Yeager nhìn thấy một sinh vật màu đen, trông như một con sâu dẹt, bám vào thân cây và vặn vẹo.

“Đó là một loại đỉa,” Yeager nói. “Tôi chưa từng nhìn thấy loại này nhưng tôi đoán là vậy.”

“Để nó yên đi,” Garrett cười nói. “Chúng ta là nhà tự nhiên học à?”

Sinh vật nhầy nhụa đó bật về phía Meyers với tốc độ không ngờ. Anh ta nhảy dựng về phía sau, và ba người còn lại phá lên cười.

Một thứ gì khác di chuyển trong bụi cây bên cạnh. Họ nhanh chóng nhắm súng vào đó. Một con vật giống như hươu nhưng to khoảng bằng một con chó cỡ trung bình đứng dậy và phi vào rừng. Có lẽ nó đang ngủ và giọng nói của họ đã đánh thức nó.

Cũng vừa đến lúc nghỉ ngơi, và Yeager nói mọi người nghỉ năm phút. Họ đặt ba lô xuống khoảng trống nhỏ giữa mấy cái cây, ngồi xuống tầng cây bụi và đám rễ cây khổng lồ lồi lên khỏi mặt đất trở thành một chỗ tựa lưng hoàn hảo.

Meyers tu một hơi từ bi đông và hỏi, “Các anh nghĩ sinh vật chưa từng được biết đến kia là gì?”

“Tôi chịu,” Garrett nói.

“Có lẽ nó là một con rắn bẹt,” Mick nói.

“Nó là cái quái gì vậy?”

“Một loài động vật chưa được xác nhận ở Nhật Bản. Ai tìm được nó sẽ được tiền thưởng.”

“Có lẽ đáng ra chúng ta nên đến Nhật chứ không phải Congo.”

Yeager tự hỏi Nhật Bản, đất nước quê nhà của Mick, là nơi như thế nào. Anh tưởng tượng một đô thị lớn với những con đường đông nghịt hỗn độn và những biển hiệu đèn neon lòe loẹt thô thiển, nhưng đoán rằng đó chỉ là một hình ảnh rập khuôn về nước Nhật.

Meyers nhìn quanh, xác nhận khu rừng đang yên ắng và hạ giọng.

“Có gì đó không bình thường về nhiệm vụ này.”

“Ý cậu là gì?” Yeager hỏi.

“Thử nghĩ xem. Chúng ta được giao hai mục tiêu hoàn toàn khác nhau. Một nhóm người nhiễm virus và một sinh vật chưa từng thấy bao giờ.”

“Tôi không phải chuyên gia,” Garrett nói, “nhưng có lẽ người nhiễm virus sẽ biến đổi thành thứ gì đó như quái vật.”

“Thứ đó chỉ có trong phim Hollywood thôi. Về mặt sinh học, điều ấy là không thể,” Meyers tuyên bố. “Có lẽ nhiệm vụ thực sự của chiến dịch này chỉ là một vụ ám sát.”

“Ám sát người Pygmy?”

“Không. Ám sát Nigel Pierce, nhà nhân học đang ở cùng người Mbuti.”

“Tôi cũng có ý nghĩ như vậy,” Yeager nói. “Nhưng nếu mục đích chỉ là giết Pierce, hẳn là phải có nhiều cách khác. Giết cả người Mbuti là không cần thiết.”

“Có lẽ họ muốn chúng ta bịt miệng họ.”

“Nếu tấn công vào ban đêm thì không cần. Thậm chí nếu người Mbuti có chứng kiến, họ cũng không biết chúng ta là ai.”

“Vậy thì mục tiêu đúng là giết những người bị nhiễm virus.”

“Điều khiến tôi lo lắng,” Mick nói, “là hoàn thành nhiệm vụ rồi thì sao. Chúng ta phải thu thập nội tạng từ các thi thể mang về, đúng không? Não và cơ quan sinh dục các thứ.”

Meyers cau mày khi nhớ lại công việc khó ưa này.

“Nói cách khác, chúng ta sẽ mang về một virus chết người. Không phải mục đích thực sự của nhiệm vụ này là lấy được con virus này để làm thành vũ khí sinh học sao?”

“Quân đội Mỹ không phát triển vũ khí sinh học nữa, Yeager nói, thanh minh cho đất nước mình. “Ít nhất thì họ nói vậy.”

Meyers định đáp lời nhưng ngừng lại. Ba người còn lại cũng yên lặng và cẩn thận lắng nghe. Thứ gì đó khẽ khàng di chuyển qua bụi cây ngược chiều gió. Tiếng chân. Và không chỉ là một đôi chân. Hơn năm người. Không tiến thẳng về phía họ mà di chuyển theo hình tròn

như để bao vây đội lính đánh thuê.

Họ cầm súng trường và lặng lẽ đứng dậy. Mick chỉ vào mình, ám chỉ anh ta sẽ đi do thám. Yeager gật đầu đồng ý. Mick di chuyển về phía trước, nòng súng hơi chĩa xuống trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, Yeager và Meyers bao quát góc 180 độ ở phía trước, và Garrett lo bọc hậu và hai sườn, đề phòng phục kích.

Mick thận trọng di chuyển qua rừng, cây cối chằng chịt gần như chắn hết tầm nhìn của anh. Yeager và Meyers đi sát phía sau theo hàng một để không mất dấu Mick khiến anh ta bị tách nhóm.

Cuối cùng, Mick dừng lại, núp sau một thân cây lớn và nhắm nòng súng vào thứ gì đó phía trước. Nhưng anh ta không bắn. Anh ta thả lỏng cơ thể và hạ súng, ra hiệu cho những người kia tới gần.

Họ lần lượt bước tới cạnh Mick. Họ nhìn về phía anh ta đang chỉ và thấy cách đó năm mét có một nhóm linh trưởng lớn ở góc rừng nơi cây mọc thưa thớt. Bảy con tinh tinh. Ở khoảng cách gần thế này, trông chúng lớn vô cùng. Nếu đứng thẳng lên, chúng to bằng cỡ một người nhỏ con.

Những dân cư của khu vực chưa được khám phá này không hề nhận ra đang bị con người theo dõi. Con tinh tinh dẫn đầu lặng lẽ di chuyển và có vẻ đang ra hiệu cho những con khác xếp rải theo hàng một phía sau. Chúng cúi gập người và khép đội hình. Đây rõ ràng là một nước đi có kỷ luật như một nhiệm vụ ngầm, như thể chúng đang lén tiếp cận kẻ địch. Đó quả là một nước đi tinh khôn, phối hợp nhịp nhàng, tới mức đứng ngoài quan sát có thể nghĩ rằng đó là người đội lốt tinh tinh.

“Cứ như chúng đang bắt chước ta vậy, phải không?” Garrett thì thầm, cố nén cười. “Đội tinh tinh Mũ Nồi Xanh.”

Yeager cũng thích nhìn chúng, nhưng anh nhận ra trong khoảng rừng thưa phía trước chúng có động tĩnh – một bầy tinh tinh khác. Bầy thứ hai này đang nằm ườn ra, bắt rận cho nhau và thư giãn.

Yeager có cảm giác không lành, và ngay khi anh đang đưa ống nhòm nhìn bao quát toàn bộ khung cảnh, cuộc tấn công bắt đầu. Bầy tinh tinh bảy con lén tiến đến sát bầy phía trước, hét lên điên cuồng

và xông tới. Đúng lúc đó, các cành cây khắp xung quanh bắt đầu chuyển động. Đám tinh tinh kia rít lên và bỏ chạy. Chẳng mấy chốc chúng đã bỏ chạy tán loạn, chỉ còn một con rớt lại đằng sau. Con vật ngồi thụp xuống vẻ phòng bị khi bảy con tinh tinh kia, lông lá dựng ngược, tấn công.

Náo động vô cùng khủng khiếp. Đám tinh tinh quá khích điên cuồng gân cổ gào rú.

Yeager đoán đây là một cuộc chiến giành lãnh thổ, nhưng anh nhanh chóng nhận ra có điều gì không ổn. Cuộc chiến chỉ diễn ra tại một điểm, ở giữa bụi cây. Bảy con tinh tinh tập trung tấn công vào chính điểm đó. Chúng bao vây con tinh tinh đơn độc, tóm lấy nó cắn xé gây ra những vết thương nặng nề. Yeager không hiểu tại sao chúng lại làm vậy. Sâu trong tim mình, anh cảm thấy nôn nao khó chịu, giống như mỗi khi nhìn thấy loài người gây ra cảnh bạo lực.

Hai con tinh tinh trong nhóm tấn công tóm lấy hai chi kẻ đồng loại máu me đầm đìa, và cùng lúc nhấc bổng nó lên. Chúng là một đội phối hợp hoàn hảo. Khi con tinh tinh bị kéo đứng lên, con đầu đàn giật lấy thứ gì đó trong vòng tay con vật kia. Yeager không tin vào mắt mình. Một con tinh tinh non. Nhìn kích cỡ nó, Yeager đoán con này còn sơ sinh. Con tinh tinh bị tấn công cố hết sức bảo vệ con non nhưng không được. Con đầu đàn của nhóm kia đã giật được mồi bèn chạy đi, nắm chân con sơ sinh quay vòng vòng rồi đập vào thân cây. Khuôn mặt con sơ sinh vặn vẹo vì đau đớn, và nó thét lên. Con đầu đàn mặc kệ, bắt đầu ăn một chi của nó.

“Cái đéo gì vậy?!” Meyers thiếu chút nữa thì hét lên.

Cơn kích động quái gở của lũ tinh tinh lên đến cực điểm. Chúng điên cuồng gào thét, lông gáy dựng đứng. Con tinh tinh đầu đàn sốt ruột nhìn quanh, như một lão già nham hiểm, đôi tay nó nhanh nhẹn hết cấu xé con vật sơ sinh rồi lại vặt lấy lá cây lần lượt ăn. Quan sát từ xa, lũ tinh tinh kia nhích lại gần, hy vọng được chia phần, nhưng con đầu đàn mặc kệ chúng. Nó tiếp tục ăn thịt con tinh tinh non. Thật đáng sợ, con sơ sinh vẫn còn sống, ba chi còn lại yếu ớt giãy giụa.

Mick, yên lặng quan sát, nâng khẩu AK-47 nhắm vào con đầu đàn.

"Đừng" Yeager nói, cố ngăn anh ta, nhưng Mick đã kéo cò. Khẩu súng gầm lên, và những con tinh tinh khác hoảng sợ, bỏ chạy theo bản năng. Phát súng của Mick xuyên qua đầu con tinh tinh nhỏ, chấm dứt sự đau đớn của nó, và viên đạn bay tiếp qua họng con đầu đàn, văng đầy máu lên khoảng rừng cây đằng sau. Hai con tinh tinh, giờ đã thành hai cái xác, đổ sập xuống nền rừng.

"Con khỉ chết tiệt," Mick lẩm bẩm.

Sững sờ, Meyers nhìn sang người đồng đội Nhật Bản. Garrett cúi xuống, khẽ lắc đầu.

Một thứ cảm xúc kỳ lạ xâm chiếm họ. Điều họ vừa chứng kiến không chỉ là một lũ động vật ăn thịt đồng loại mà là một cuộc tàn sát có hệ thống, một hỗn hợp của lý trí và điên cuồng. Nói cách khác, đó là chiến tranh.

Tay đỡ khẩu súng trường, Yeager suy ngẫm về tình huống vừa qua. Con người đã tàn sát lẫn nhau cả từ trước khi họ thực sự trở thành người?

Cả đội nhìn con tinh tinh mẹ bị thương phi đến bên xác đứa con. Con tinh tinh nhỏ chỉ mấy phút trước vẫn còn nằm gọn trong vòng tay mẹ nó, giờ đã mất đầu cùng một cánh tay và bị tàn nhẫn quẳng xuống nền đất. Con tinh tinh mẹ nghĩ gì khi đứng nhìn cơ thể không còn sức sống của con nó, đấy không phải điều con người có thể đoán được.

"Tấn trò kết thúc rồi. Ra khỏi đây thôi," Yeager nhỏ giọng nói. Nếu tình cờ có quân địch ẩn nấp gần đó, hẳn chúng đã nghe thấy tiếng súng. "Mick, từ bây giờ đừng bắn nếu không cần thiết."

Gã người Nhật ném cho anh một cái nhìn chế nhạo. Máu Yeager sôi lên, và anh khó khăn lắm mới khống chế được cơn giận. Tại sao Mick lại bắn hai con tinh tinh? Có phải là mong muốn kết thúc nỗi thống khổ của con sơ sinh, hay là thù hận con đầu đàn? Hay đều không phải? Có phải Mick đang cố thỏa mãn một nỗi kiêu ngạo thô thiển bằng cách cho những động vật cấp thấp hơn thấy hỏa lực mạnh mẽ mà anh ta sở hữu?

“Đi thôi,” Meyers nói và bắt đầu bước đi. Garrett theo sau, mặt không cảm xúc. Chỉ mình Mick có vẻ cao hứng, và điều đó càng khiến Yeager khó chịu hơn. Với anh, những người kia đều có vẻ đang cố coi nhẹ sự việc vừa qua bằng cách riêng của mình.

Bốn người trở lại chỗ để ba lô. Yeager nhấc ba lô của mình lên, và khi tất cả đã xếp hàng một, anh hất cằm ra hiệu hướng đi cho Mick.

Tấm ảnh tổng thống Burns cầm trên tay chụp một đứa trẻ sơ sinh, chân và tay bị xé rời. Một đứa bé người Iraq. Một thường dân bị vướng vào giữa cuộc càn quét phiến quân chống Mỹ.

Ngài tổng thống nhăn mặt và nhét tấm ảnh vào tay phó tổng thống Chamberlain. Vẻ mặt Chamberlain không đổi.

Bên kia bàn họp, bộ trưởng ngoại giao Ballard nhận ra rằng ông phải tìm một chiến thuật mới để thuyết phục hai kẻ máu lạnh này.

“Số lượng thương vong trong dân thường đã tăng lên, phải không?” Chamberlain nói, đón đầu ông. “Nếu giới truyền thông đánh hơi được vụ này, có thể sẽ có rắc rối.”

Bộ trưởng Bộ quốc phòng Lattimer chậm rãi gật đầu.

Ballard nhìn từng người ngồi quanh bàn trong Phòng nội các, cố khơi dậy chút lòng trắc ẩn nào vẫn còn sót lại trong chính phủ. “Một trăm nghìn thường dân đã chết trong những cuộc tấn công của chúng ta tại Iraq. Và các vị nghĩ rằng đây là cách lấy được sự ủng hộ của người dân ở đó?”

“Thương vong bên lề ở mức đó là không thể tránh khỏi,” Chamberlain quả quyết.

Nếu một lực lượng quân sự ngoại quốc tới giết chết gia đình Chamberlain, liệu ông ta có còn nói thế? Ballard nghi là không. Nhưng ông tạm gạt đi ý muốn châm biếm và bóng gió, kiên nhẫn tiếp tục. “Với số thương vong như thế này, kẻ địch sẽ còn kích động thêm nhiều thù hận nhắm vào chúng ta và trở nên mạnh hơn. Nếu muốn giữ một mức an ninh có thể chấp nhận được, chúng ta cần phải gửi quân tiếp viện ngay lập tức.”

“Việc đó không nằm trong bổn phận của ông,” Chamberlain gạt phăng.

“Tôi cho rằng khi quyết định các phương án quân sự, chúng ta cũng cần cân nhắc mọi thứ ở khía cạnh ngoại giao.” Ballard đã từng có thời làm chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân.

“Quyết định đã đưa ra rồi. Chúng ta không thể thay đổi nữa.”

Nhìn đám đàn ông ngồi quanh bàn đang gật gù, Ballard buộc phải tự hỏi từ khi nào phe tân bảo thủ đã trở nên ngạo mạn đến vậy. Kể cả giữa những người theo phái bảo thủ, đáng ra họ cũng chỉ chiếm một phần nhỏ.

“Vậy thì chúng ta đồng ý về vấn đề này chưa?” chánh văn phòng Acres nói, xác nhận đây là ý định của tổng thống trước khi tiếp tục cuộc họp. “Trước khi xem xét nội dung cuối cùng, những người đã xong việc có thể ra về.”

Các trợ lý ngoại trưởng, trừ người phụ trách khu vực châu Phi, nối bước nhau ra khỏi Phòng nội các. Còn ở lại chỉ có các thành viên chủ chốt và những người đại diện cộng đồng tình báo. Ballard không buồn tranh cãi với họ nữa.

“Nội dung cuối cùng là gì?” Chamberlain hỏi.

“Chương trình tiếp cận đặc biệt,” ông chánh văn phòng đáp. “Mật danh Thần báo thù.”

Nghe đến đây, không khí trong phòng dịu hẳn, như thể đến lúc ăn tráng miệng sau một ngày đàm phán mệt mỏi. Chỉ có Watkins, giám đốc tình báo quốc gia, và Holland, giám đốc CIA, cố không để ai thấy vẻ căng thẳng của mình. Chương trình tiếp cận đặc biệt đang vào giai đoạn nhạy cảm.

Cố vấn khoa học và công nghệ của tổng thống, tiến sĩ Melvin Gardner bước vào, và các thành viên nội các thân thiện chào ông.

Tiến sĩ Gardner ngồi xuống. “Cho phép tôi tóm tắt tình hình hiện tại của chúng ta,” ông nói giản dị. “Chiến dịch Thần báo thù đang tiến hành thuận lợi. Giai đoạn đầu tiên ở châu Phi sẽ kết thúc trong vài ngày tới. Nhưng một vấn đề nhỏ đã xảy ra. Theo các báo cáo từ Cơ quan an ninh quốc gia NSA, có một số nhiễu loạn ở Nhật Bản.”

“Nhật Bản?” Burns ngạc nhiên hỏi. “Tại sao lại là Nhật Bản?”

“Vẫn chưa có chi tiết cụ thể. Có lẽ là không có gì, nhưng chúng tôi đang thực hiện các biện pháp đối phó. Để phòng ngừa.”

Nhận thấy rằng tổng thống không thỏa mãn với lời giải thích này, Holland bổ sung. “Có chứng cứ rằng ai đó ở Tokyo đang cố tiếp cận Thần báo thù, và quá trình điều tra của chúng tôi đã xác định được một giáo sư đại học tên Koga Seiji và con trai ông ta. Một vài ngày trước, vị giáo sư đột tử, và người con trai đang tiếp tục các hoạt động của ông ta.”

“Con trai ông ta làm gì?”

“Cậu ta là Koga Kento, sinh viên cao học.”

“Chuyên ngành gì?” Chamberlain hỏi. “Báo chí? Tôn giáo?”

“Y dược. Cha cậu ta là chuyên gia virus.”

“Nhưng làm sao họ phát hiện được đặc vụ ngầm của chúng ta?”

“Chúng tôi đang xem xét. CIA đã tuyển một đặc vụ địa phương để tiếp cận chàng trai trẻ kia. Và FBI cũng đang tiến hành chiến dịch riêng thông qua lực lượng chống khủng bố của cảnh sát địa phương”

“Tất nhiên là,” Watkins nói thêm, “cả đặc vụ người Nhật và cảnh sát địa phương đều không được cung cấp thông tin gì về Thần báo thù. Tất cả vẫn nằm trong tầm kiểm soát.”

“Tôi hiểu,” bộ trưởng Bộ quốc phòng Lattimer lên tiếng. Bình thường lẽ ra ông phải là người quản lý giám sát chiến dịch này. “Kênh liên lạc từ Phòng kế hoạch đặc biệt nhờ tôi lấy ý kiến của ông.” “Ông” ở đây là bộ trưởng Bộ ngoại giao Ballard. “Trong trường hợp xấu nhất, chúng ta sẽ phải hành động mạnh tay ở Nhật Bản, liệu có thể trông đợi vào sự hợp tác của chính phủ bên đó?”

“Ý ông ‘mạnh tay’ là sao?”

“Chính vậy,” Lattimer nói. “Tôi băn khoăn liệu chủ nhiệm Phòng kế hoạch đặc biệt có đang cân nhắc các biện pháp phù hợp.”

“Chủ nhiệm phòng là anh chàng trẻ tuổi ông vẫn nói với tôi?” Burns hỏi.

“Đúng vậy. Tôi hiểu rằng anh ta là một người rất có năng lực.”

“Nếu mọi chuyện không đi quá xa, tôi nghĩ chính phủ Nhật Bản

sẽ hợp tác," Lattimer nói, cân nhắc thế cân bằng sức mạnh giữa hai quốc gia. Và, đúng như một người theo phái ôn hòa sẽ nói, ông thêm vào, "Dù vậy, tôi vẫn muốn chúng ta coi các biện pháp mạnh là giải pháp cuối cùng."

Lắng nghe cuộc trao đổi này, Holland nghĩ tới Hầm Mộ, một hầm tra tấn bẩn thỉu hôi hám ở Syria. Nơi đó có một xà lim không lớn hơn một quan tài là mấy, hàng loạt dụng cụ tra tấn, và những kẻ tra tấn không yêu thích gì hơn là gây đau đớn cho bất cứ ai tới thăm. Burns đã kịch liệt phản đối Syria vì xâm phạm nhân quyền, gọi nó là một nhà nước ngoài vòng pháp luật, nhưng đó là một lời dối trá trắng trợn để qua mắt cộng đồng thế giới. Bỏ qua các điều khoản trong Hiệp định Geneva về quy tắc đối xử với tù nhân, Burns tiếp tục cho phép bàn giao những kẻ tình nghi khủng bố cho chính phủ Syria tra tấn. Và Syria không phải quốc gia duy nhất thay Mỹ tiến hành các cuộc tra tấn – quân lính của các lực lượng thù địch còn được giao cho Ai Cập, Morocco, cũng như Uzbekistan Và tổ chức thực hiện các mệnh lệnh chết người này – được gọi bằng cái tên dẫn độ đặc biệt – không phải ai khác ngoài CIA, đứng đầu là Holland.

Holland, kẻ tòng phạm của tổng thống, u ám nhìn Gregory S. Burns. Một người da trắng đang ở độ sung mãn nhất, tổng thống của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, người được chào đón hết sức nồng nhiệt mỗi khi đến đâu thực hiện một bài phát biểu. Con người quyền lực nhất thế giới. Nhưng chỉ cần một chữ từ miệng người đàn ông có vẻ ngoài lịch lãm này, người ta sẽ bị tra tấn và giết hại.

Nếu rơi vào tay kẻ ác độc này, cậu sinh viên cao học người Nhật kia sẽ dễ dàng bị nghiền nát. Như một con côn trùng khốn khổ.

Kento thức giấc, thấy xung quanh tối mịt. Cậu nghĩ còn đang là đêm và định ngủ tiếp, nhưng rồi nhận thấy tay chân tê cứng và nhớ ra mình đang ở đâu. Căn phòng thí nghiệm nhỏ mà cha cậu đã dựng nên.

Cậu rút tay ra khỏi túi ngủ và xem giờ. Chín giờ sáng. Hẳn là cậu đã kiệt sức, bởi cậu ngủ ngon lành đến không ngờ. Hôm qua, sau cuộc phiêu lưu "nhảy khỏi căn hộ tầng hai rồi bỏ chạy khỏi đám cảnh sát đang truy đuổi" trăm năm có một kia, cậu đã đổi vài chuyến tàu để cuối cùng cũng tới Machida. Tới nơi, cậu dùng tấm thẻ ATM mang tên Suzuki Yoshinobu, rút ít tiền mặt và mua quần áo mới. Hôm nay là ngày thứ hai trong cuộc đời ngoài vòng pháp luật của cậu.

Kento ngồi dậy và rất muốn mở mấy tấm rèm chắn sáng ra, nhưng vì muốn tránh thu hút sự chú ý, cậu để nguyên như cũ. Nếu ai đó quanh đây phát hiện ra phòng thí nghiệm bí ẩn này, khả năng cao là họ sẽ liên lạc với cảnh sát.

Cậu bật đèn và rửa mặt bằng vòi nước bồn rửa bát. Hôm nay có rất nhiều việc phải làm.

Bữa sáng gồm một ổ bánh mì ngọt cậu mua ở một cửa hàng tạp hóa đêm qua. Ăn xong, cậu bắt đầu lo cho bốn mươi con chuột trong tủ. Khi đang dọn chuồng, cậu để ý thấy một tập tài liệu nhét trong cùng tủ. Tài liệu viết bằng tiếng Anh, không phải tiếng Nhật.

Trang đầu tiên là biên lai từ một công ty chuyển phát nước ngoài, ghi nhận bưu kiện từ Trung tâm y tế Đại học Lisbon ở Thổ Nhĩ Kỳ tới Đại học Bách khoa Tama ở Tokyo. Người gửi là bác sĩ Antonio Garrado.

Bác sĩ Antonio Garrado.

Kento chợt nhớ ra đây là tên của chuyên gia hàng đầu thế giới về bệnh PAECS. Ngạc nhiên, cậu đọc nốt tập tài liệu.

Có một hóa đơn 76.000 euro và một biên lai viết số 40. Đó là số chuột. Cha cậu hẳn đã trả khoản tiền lớn này – tương đương khoảng mười triệu yên – để mua bốn mươi con chuột trong tủ kia từ bác sĩ Garrado.

Một tài liệu khác cho biết có hai loại chuột: một nửa là chuột bình thường, khỏe mạnh, trong khi nhóm thứ hai có biểu hiện bệnh lý của PAECS.

Có bốn chuồng xếp cạnh nhau, và Kento nhìn hai chuồng bên phải. Hai mươi con chuột trông yếu ớt này đã bị con người biến đổi gene và đang cho thấy triệu chứng của căn bệnh này.

Việc cha cậu, người muốn tìm ra cách chữa căn bệnh khó trị này, mua lũ chuột là có thể hiểu được. Để thử nghiệm thứ thuốc ông muốn điều chế trên vật sống, bắt buộc phải có động vật mang bệnh.

Kento biết việc nuôi chuột biến đổi gene trong một căn hộ tồi tàn thế này rõ ràng là bất hợp pháp. Bởi động vật biến đổi gene không tồn tại trong giới tự nhiên, nên luật pháp yêu cầu chúng phải được kiểm soát hết sức chặt chẽ.

Kể cả vậy, cậu vẫn không thể vứt chúng đi. Cậu dọn chuồng cho chúng, cẩn thận không để con nào sổng ra. Dù sao thì lũ chuột bị biến đổi gene cũng không còn sống mấy nữa – trong trường hợp Kento không điều chế được thuốc có thể chữa bệnh cho chúng.

Cảm giác vô vọng lại một lần nữa trỗi dậy, nhưng Kento dằn xuống, lặng lẽ tiếp tục dọn dẹp những căn nhà nhỏ của lũ chuột.

Cậu rời khỏi phòng thí nghiệm lúc gần trưa, đi về hướng Akihabara. Có một vài nơi cậu cần gọi đến, nhưng số điện thoại đều ở trong danh bạ điện thoại, mà điện thoại thì cậu không được bật lên. Cậu phải tìm ra cách lấy được chúng.

Kento đổi tàu ở Shinjuku, cố gắng làm tất cả những gì có thể để phòng trường hợp cảnh sát đang bám đuôi mình. Ga Akihabara là nơi cậu chạy đến ngày hôm qua, và có nguy cơ cảnh sát đã cài người ở đó. Vậy nên cậu xuống tàu trước Akihabara một ga và đi bộ nốt quãng đường còn lại đến khu phố nổi tiếng với các cửa hàng bán những dụng cụ điện tử mới nhất.

Cậu lượn qua vài cửa hàng, tìm thiết bị mà một người bạn kỹ sư từng có. Đến cửa hàng thứ tư thì cuối cùng cậu cũng tìm thấy nó – một thiết bị nhỏ hình hộp nằm vừa trong lòng bàn tay. Cậu vào một quán cà phê, ngồi xuống một bàn trong góc và bật lên. Ngay lập tức, nó chứng tỏ khả năng của mình: chặn tất cả sóng điện từ từ điện thoại. Một người phụ nữ trẻ ở quầy tính tiền đang nói chuyện điện thoại đột nhiên nói to "A lô? A lô?" và nhìn chằm chằm chiếc máy giờ đã thành vô dụng.

Xin lỗi, Kento thầm nói. Cậu lôi điện thoại mình ra và bật lên. Màn hình hiển thị mấy chữ KHÔNG CÓ TÍN HIỆU. Ăng ten ở trạm điện thoại đang bị chặn và không thể bắt tín hiệu từ máy cậu. Không còn sợ ai dò ra vị trí của cậu nữa. Nhẹ cả người, cậu mở danh bạ lên và chép lại tất cả các số máy cậu nghĩ mình sẽ cần.

Xong xuôi, cậu rời khỏi quán và vào một bốt điện thoại trên phố chính. Không cần đến giấy nhớ cậu cũng bấm được số điện thoại đầu tiên cần gọi đến – số nhà.

"Con chào mẹ."

"Kento à?" Vừa nghe giọng con trai, mẹ cậu nói luôn một tràng. "Từ đêm qua mẹ đã gọi con không biết bao nhiêu lần. Chuyện gì đang xảy ra vậy? Nhà mình đang có một vấn đề vô cùng lớn đây."

Kento có dự cảm không lành. "Ý mẹ là sao ạ?"

"Có ai đó từ Sở cảnh sát đến lục soát phòng và đồ đạc của bố con."

Vậy là cảnh sát đã đến nhà cậu. Mẹ cậu nói họ đã dùng đúng lý do đã dùng với Kento, rằng họ đang cần giúp đỡ một cuộc điều tra của FBI.

"Và một cảnh sát hỏi mẹ câu này rất lạ," bà nói tiếp. "Anh ta hỏi, 'Chị có biết cuốn sách nào có vết kem không?

Sống lưng Kento ớn lạnh.

Hãy mở cuốn sách mà con đã đánh rơi cây kem lên.

Cha cậu nói đúng – hộp thư điện tử của cậu *đang* bị theo dõi.

Hãy coi như tất cả mọi phương tiện liên lạc mà con sử dụng – điện thoại bàn, điện thoại di động, thư điện tử, fax – đều đang bị theo dõi.

Cha cậu không hề hoang tưởng. Thậm chí ngay lúc này cậu cũng có thể đang bị theo dõi. Cảm giác bất an bóp nghẹt lồng ngực cậu. Một sức mạnh vô hình to lớn đã nắm cậu trong tay và đang cố sức nghiền nát cậu.

"Con có biết họ nói chuyện gì không?"

"Không, mẹ ạ," Kento nhanh chóng đáp lời. Theo chỉ dẫn của cha, cậu đã vứt cuốn sách có vết kem và mẩu thư kẹp bên trong. Nhưng cha cậu đã làm cái quái gì chứ? Giờ thì tất cả mọi thứ trong mắt cậu đều đáng ngờ – cả suy luận của chính cậu về việc cha bị lừa tài trợ điều chế thuốc mới lẫn câu chuyện của viên cảnh sát về FBI. Trong những hành động của cha cậu hẳn còn ẩn giấu một bí mật lớn hơn nữa.

"Họ yêu cầu mẹ báo lại nếu con liên lạc."

"Cảnh sát ấy ạ?"

"Phải. Con không gặp rắc rối gì chứ, phải không?"

"Con có làm gì đâu," Kento trả lời và lo lắng nhìn quanh. Nếu điện thoại nhà cậu bị theo dõi, họ có thể tìm được địa điểm cậu thực hiện cuộc gọi tới. "Đừng nói với họ con đã gọi, được không?"

"Tại sao lại không?"

"Nếu bị vướng vào đó thì rắc rối quá. Con còn bận làm thí nghiệm nữa."

"Nhưng mà..."

"Mẹ nhớ nhé? Và điện thoại con hỏng mất rồi, nên mẹ không gọi được con đâu. Nếu có việc gì con sẽ gọi về."

"Kento?" mẹ cậu gặng hỏi, nhưng cậu ngắt máy. Cậu rời khỏi bốt điện thoại, chen qua dòng người trên vỉa hè, cố đi càng xa bốt điện thoại càng tốt. Cậu đi ngang mấy cửa hàng điện tử lớn, cùng mấy cửa hàng bán video game, và khi đã ở cách đó một con phố, cậu ngoảnh lại. Từ rất xa bên kia bốt điện thoại, cậu nhìn thấy một cảnh sát đang đạp xe về hướng mình. Tim cậu bắt đầu đập thình thịch. Ông ta đang tìm cậu sao?

Kento rẽ vào một con hẻm nhỏ và đi ra một phố chính khác. Có vẻ người cảnh sát kia không bám đuôi cậu. Cậu bắt taxi tới Jinbocho,

một khu mua sắm khác gần đó. Cậu vào một bốt điện thoại khác và gọi về phòng thí nghiệm.

Giáo sư Sonoda bắt máy, và khi nhận ra Kento, ông kêu lên kinh ngạc và rồi hạ giọng như thể không muốn bị nghe lén. “Kento! Chuyện quái gì đang xảy ra vậy?”

“Dạ?” Kento đã chính thức xin nghỉ một thời gian, nên câu trả lời của ông khiến cậu xìu xuống. “Ý thầy là sao ạ?”

“Cảnh sát vừa ở đây vài phút trước. Họ có lệnh bắt giữ cậu.”

Kento ngỡ ngàng. “Bắt giữ? Họ nói em làm gì?”

“Theo như vị cảnh sát đó, cậu có ba tội danh. Cản trở điều tra, phá hoại tài sản, và vô ý gây thương tích. Cậu có hiểu chuyện này là thế nào không?”

Cậu hiểu chứ. Cậu cản trở việc lục soát căn hộ, làm lõm mui xe khi chạy trốn, và khiến viên cảnh sát lái xe bị giập đầu.

“Vâng, nhưng mà...” Kento lắp bắp cố thanh minh. “Tất cả đều là nhầm lẫn. Em không bao giờ cố ý làm như thế.”

“Vậy thì cậu nên đi gặp cảnh sát giải thích ngay lập tức.”

“Vâng. Em sẽ đi ngay.” Cậu không thể để giáo sư lo lắng. “Có thể em sẽ phải nghỉ thêm vài ngày, nhưng hy vọng là không sao.”

“Đừng lo cho chúng tôi. Cứ lo cho mình trước đi đã.”

“Mấy cảnh sát đó còn nói gì không ạ?

“Đó là tất cả những gì tôi nghe được. Sau đó họ hỏi những người khác, hết câu này đến câu khác. Về các mối quan hệ của cậu.”

“Quan hệ?”

“Có vẻ họ nghi ngờ cậu đang trốn ở nhà bạn.”

Cậu không thể mong đợi sự giúp đỡ từ ai được nữa. Nếu nhờ vả các bạn ở phòng thí nghiệm bất cứ điều gì, họ sẽ liên lạc với cảnh sát. Hầu hết những số điện thoại cậu mất công viết ra giờ đã thành vô dụng.

“Tôi nghĩ cậu nên tới đồn cảnh sát gần nhất và giải quyết chuyện này đi.”

“Em sẽ đi ngay,” Kento trả lời. Cậu xin lỗi đã khiến mọi người lo lắng và cúp máy.

Tình hình xấu đi nhanh hơn cậu tưởng. Bây giờ, nếu bị cảnh sát bắt được, cậu sẽ không thoát được lành lặn. Có lẽ cậu sẽ bị ép bỏ học và thậm chí còn bị bỏ tù.

Cậu tưởng tượng mọi người ở phòng thí nghiệm náo loạn thế nào và bắt đầu tuyệt vọng. Tiếng xấu thường lan rất nhanh. Phòng thí nghiệm vẫn luôn là nơi nương náu duy nhất của cậu, nơi cậu không bao giờ cảm thấy lạc lõng, và giờ đây, khi nơi đó đã bị xâm phạm, cảm giác nhục nhã và bơ vơ khiến cậu muốn phát khóc.

Cậu lên tàu điện ngầm, không rõ mình nên đi đâu và ngồi đó, giày vò vì cảm giác bất định về tương lai. Cậu không thể trốn chạy khỏi cảnh sát mãi được. Chắc chắn lựa chọn thực tế nhất chính là đến Ban an ninh công cộng đầu thú. Nhưng, ngoài nỗi sợ bị còng tay và đối xử như một tên tội phạm, một cảm giác e sợ mơ hồ ngăn cậu lại. Tại sao FBI lại sai trái buộc tội cha cậu? Và tại sao cảnh sát Nhật Bản lại buộc tội cậu, và còn cố bắt giữ cậu? Cậu lờ mờ cảm thấy sự hiện diện của một thế lực to lớn hơn ẩn đằng sau đó, từ trong bóng tối vươn ra những vòi bạch tuộc hòng tóm lấy cậu. Có chuyện gì đó đang xảy ra ngoài kia, ngoài tầm mắt cậu, và cậu phải tìm hiểu xem nó là gì.

Tàu điện ngầm tới Shibuya, và Kento xuống tàu. Khi đi loanh quanh trên phố, cậu kết luận rằng việc duy nhất cậu có thể làm bây giờ là cố bảo toàn nguyên trạng. Như đã quyết định từ đầu, cậu cần lời đáp cho câu đố cuối cùng – xác định nội dung của *Báo cáo Heisman*.

Cậu tới bốt điện thoại và nhấc ống nghe. Cậu kiểm tra danh sách số điện thoại đã viết và bấm số văn phòng Sugai. Ông phóng viên trả lời điện thoại sau hồi chuông thứ ba.

“Ồ, Kento.”

Kento nhẹ cả người khi nghe giọng nói thản nhiên của ông. Rõ ràng là cảnh sát vẫn chưa đến thăm văn phòng ông.

“Cháu đã nghe lời nhắn chú gửi trên điện thoại chưa?” Sugai hỏi.

“Chưa ạ... cháu xin lỗi. Điện thoại cháu đang hỏng.”

“Vậy thì để chú nhắc lại. Sáng nay chú nhận được thư điện tử

của đồng nghiệp tại văn phòng Washington."

"Ông ấy có tìm được gì về *Báo cáo Heisman* không?"

"Có, và khá bất ngờ. Ba tháng trước, có một lệnh thu hồi nhằm vào *Báo cáo Heisman*, nên không thể tìm được bản sao nào. Nói cách khác, nó đã được xếp vào dạng hồ sơ mật."

"Hồ sơ mật?"

"Đúng vậy. Các văn bản của chính quyền Mỹ có thể gây rắc rối thì đều được giữ bí mật với công chúng vì lý do an ninh quốc gia."

Lý do an ninh quốc gia. Với một cậu sinh viên cao học người Nhật, cụm từ đó như thuộc về một thế giới khác. Dù vậy, cậu vẫn khá chắc nó có liên quan gì đó với mớ rắc rối mới đây của mình. Cảm giác nặng nề trong lòng càng mạnh mẽ hơn, như muốn nuốt chửng cậu. Như thể lời nhắn cuối cùng của cha đã dự đoán tất cả.

Bố muốn con thực hiện nghiên cứu một mình. Đừng nói với ai. Nhưng nếu con thấy mình gặp nguy hiểm, hãy từ bỏ tất cả ngay lập tức.

"Nhưng tại sao giờ nó lại bị xếp vào loại tài liệu mật?"

"Chú không có cách nào biết được. Nhưng nếu cháu thực sự muốn biết trong đó có gì, vẫn có cách. Như chú nói lần trước, cháu có thể tìm trong các tạp chí từ ba mươi năm trước, khi mà công chúng vẫn có thể tiếp cận bản báo cáo."

"Làm sao cháu tìm được các tạp chí cũ ạ?"

"Thư viện Quốc hội Nhật Bản sẽ lưu hết."

Kento đã từng dùng Thư viện Quốc hội Nhật Bản, nhưng không muốn làm theo ý này. Khi vào thư viện, sẽ phải khai tên và địa chỉ vào đơn. Cậu không chắc mạng lưới của cảnh sát đã giăng tới đó chưa, nhưng cẩn thận vẫn là tốt nhất.

"Xin lỗi chú không giúp được gì mấy. Như vậy có được không?"

"Vâng" Kento đáp, và rồi chợt nhớ ra mình vẫn còn điều muốn hỏi Sugai. "Cháu xin lỗi, còn một chuyện nữa ạ. Để điều tra lý lịch của ai đó thì nên làm thế nào là tốt nhất?"

"Kiểm tra lý lịch? Chú sẽ phải hỏi mấy phóng viên ở ban tin tức địa phương. Cháu muốn điều tra ai đó sao?"

Hy vọng mong manh rằng Sugai sẽ lo việc đó cho mình, Kento tả

lại những gì mình biết về người phụ nữ bí ẩn tên Sakai Yuri, kể cả ngoại hình và tuổi của bà ta. Không ngạc nhiên, điều này khiến Sugai hứng thú. "Và cô ta muốn lấy máy tính xách tay của bố cháu? Cháu có gợi ý nào nữa không?"

"Cháu nghĩ bà ta hẳn là một nhà nghiên cứu khoa học, thế thôi."

"Chú nghĩ cũng khó mà tìm ra gì, nhưng chú sẽ thử. Nếu điện thoại cháu hỏng rồi, làm sao chú liên lạc được với cháu?"

"Cháu sẽ gọi, nếu chú không phiền."

"Tất nhiên rồi. Cứ gọi lúc nào cũng được."

"Cảm ơn chú vì mọi thứ," Kento nói và cúp máy. Cậu cảm thấy dễ thở hơn một chút khi biết mình phải làm gì. Cụ thể là vật lộn với hàng đống tạp chí cũ để xem trong Báo cáo Heisman viết cái gì.

Kento đi bộ tới phố mua sắm chính ở Shibuya, tìm một quán net và đi vào. Dùng chiếc máy tính trong một ngăn riêng, cậu phát hiện ra thư viện chuyên về tạp chí lớn nhất Nhật Bản nằm ở Tokyo. Thư viện này có bảy trăm nghìn cuốn tạp chí lưu trữ từ thời Meiji mà người ta có thể đọc miễn phí, và tuyệt nhất là nó là thư viện tư nhân.

Kento ước tính chỉ đến tối mai là cậu có thể hiểu được cuộc phiêu lưu mà cha để lại cho mình. Bởi vì, lặng lẽ nằm trong kho của thư viện kia chính là bản báo cáo mà cậu đang tìm kiếm. Bản báo cáo vẽ ra những con đường tuyệt chủng của loài người.

Mưa tiếp tục đổ xuống, dữ dội đến tưởng như khu rừng rậm rạp cũng sẽ bị cuốn trôi. Một cơn lũ trời thực sự. Những giọt mưa to tướng không ngừng nghỉ trút xuống tán cây, và cả khu rừng ầm ầm vang lên tiếng cây cối nghiêng ngả.

Cơn bão bất thường giữa mùa khô này hóa ra lại là may mắn đối với Yeager và đồng đội, bởi nó cho họ cơ hội rút ngắn khoảng cách với mục tiêu. Khi trời mưa, người Mbuti không đi săn mà ở loanh quanh khu trại của mình. Đội của anh có thể tìm xem họ ở đâu mà không cần lo giữ im lặng hay bất chợt bắt gặp con mồi.

Bốn mươi người nhóm Kanga có một khu trại cố định gần đường chính, nhưng họ thường xuyên di chuyển giữa tám khu trại săn sâu trong rừng. Lãnh thổ của họ trải dài khoảng ba mươi lăm cây số từ đông sang tây. Yeager và cả đội đang tới gần khu trại xa nhất, nằm sâu nhất trong rừng.

Khi còn cách mục tiêu một cây số, họ dừng lại ở một khóm cây mọc sát nhau, trải một tấm bạt chống thấm nước làm chỗ trú ẩn và đổi sang trang phục ngụy trang. Họ khoác lên mình đầy đủ trang thiết bị, kể cả áo bảo hộ tác chiến chứa đạn dự phòng. Họ tiến thêm sáu trăm mét và đặt ba lô vào một bụi rậm. Đó sẽ là điểm tập kết của họ. Họ nhập tọa độ hiện tại vào thiết bị GPS, bởi chỉ cần đi thêm mười mét vào rừng là đủ để lạc lối rồi.

“Chúng ta sẽ tiếp cận khu trại từ hai hướng, bắc và nam, Yeager chỉ dẫn cả đội. Họ đều đã sơn mặt, và trong bộ đồ ngụy trang, chỉ có tròng mắt họ lấp lánh. “Garrett và Mick sẽ tiếp cận từ hướng bắc, còn Meyers và tôi sẽ tiến đến từ phía nam. Chúng ta sẽ kiểm tra xem Nigel Pierce có trong trại và có đúng số người không.”

Ba người kia gật đầu, nét mặt nghiêm túc, và Yeager thấy hài lòng. Từ khi Mick giết hai con tinh tinh, tinh thần của cả đội đã thay đổi. Họ không còn cố gắng tìm hiểu nhau và trở thành một nhóm

người ít lời, chỉ chăm chăm hoàn thành nhiệm vụ. Yeager, với tư cách đội trưởng, lo lắng không biết các thành viên có trực tiếp đối đầu nhau, nhưng nỗi lo này cuối cùng lại thành thừa. Những người lính chuyên nghiệp biết rằng bất cứ xung đột nào trong đội cũng sẽ đặt cả đội vào vòng nguy hiểm. Để các mâu thuẫn tình cảm bùng ra đồng nghĩa với nguy cơ mất mạng tăng cao. Chính Yeager cũng đã cố ý gạt sang bên nỗi ác cảm dành cho người đàn ông Nhật Bản lầm lì kia.

"Điểm lại tình hình nào," Garrett nói. "Lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc đang nghe trộm liên lạc vô tuyến của phiến quân. Chúng ta không muốn bị rơi vào mạng lưới giám sát của họ, vậy nên công suất bộ đàm của chúng ta bị giới hạn. Máy bộ đàm chỉ truyền tin được trong khoảng cách tối đa hai trăm mét. Chúng ta cần giảm thiểu tối đa liên lạc. Tín hiệu trở về điểm tập hợp sẽ là năm lần rung."

Yeager bổ sung thêm vài từ nhắc lại mệnh lệnh khó hiểu mà họ nhận được. "Cuối cùng, vẫn còn cái sinh vật mà các anh chưa từng thấy bao giờ. Nếu thấy sinh vật bí hiểm này, hãy nhớ phải giết ngay lập tức và lấy xác về."

Ba người kia gật đầu, những nụ cười tủm tỉm nở ra trên mặt. Yeager cũng cười, không thể nghiêm mặt nữa.

Đội Thần hộ mệnh chia làm hai nhóm, mỗi nhóm cẩn thận đi theo con đường đã định sẵn. Yeager khá e ngại người Mbuti. Họ đã sống hàng chục ngàn năm trong rừng, thích nghi với môi trường này. Kể cả một người lính Lực lượng đặc biệt dạn dày kinh nghiệm cũng không phải đối thủ trên sân nhà của họ.

Sau mười phút, họ tới một khoảng rừng trống. Kinh độ và vĩ độ đều khớp với thông tin họ nhận được ở trụ sở Zeta Security. Yeager và Meyers nấp sau một thân cây lớn, lấy ống nhòm ra quan sát khu trại săn của nhóm.

Khoảng rừng này nhỏ hơn rất nhiều so với mô hình ngôi làng hồi trước họ dùng để tập luyện. Mỗi chiều khoảng hai mươi mét. Ở giữa là các ghế băng bằng gỗ, bao quanh là những túp lều nhỏ hình bán

cầu quen thuộc. Nhưng qua màn mưa, họ không thấy dấu hiệu nào của con người trong trại, và nửa số lều đang hỏng dần.

Với khẩu Glock gắn giảm thanh trong tay, Yeager và Meyers di chuyển qua khoảnh đất bùn và chậm rãi tiến vào khoảng rừng trống. Họ đưa tay làm tín hiệu, quyết định ai sẽ kiểm tra lều nào, và bắt tay vào việc.

Yeager nhìn vào túp lều cuối hàng trước mặt anh. Chỉ cần nhìn cũng có thể biết được họ đã dựng những lều này như thế nào. Mỗi lều có đường kính khoảng hai mét, dùng các cành cây dài uốn cong, hai đầu cắm vào mặt đất để làm khung rồi dùng những phiến lá lớn phủ trên. Một công trình nguyên thủy.

Trong khi kiểm tra hết lều này đến lều khác, Yeager vẫn để mắt tìm kiếm bất cứ thứ gì không giống người. "Sinh vật sống" anh "chưa từng thấy bao giờ" này có thể đang ẩn náu trong góc một túp lều bỏ hoang. Nhưng anh chỉ gặp lũ côn trùng nhỏ.

Khi đã xác nhận rằng khu trại này bỏ trống, Yeager ra hiệu cho Garrett và Mick đang theo dõi từ trong rừng tới tập hợp.

"Có dấu vết lửa trại," Meyers thấp giọng báo cáo. "Vết tro khá gần đây. Không lâu trước ở đây vẫn có người. Nhóm này có lẽ đã đi tiếp tới khu trại tiếp theo."

Yeager gật đầu. Bầu không khí yên lặng quanh anh nặng nề đến phát rùng mình. Nền đất khu trại trắng lên trong bóng tối mờ.

Anh và Meyers nhìn lên trời. Cơn mưa kéo dài suốt từ sáng đến giờ đã ngớt, và mây đen đã nhanh chóng tan đi. Đây là lần đầu tiên kể từ khi vào rừng họ nhìn thấy một vạt trời rộng lớn đến thế. Như thể họ vừa trồi lên từ đáy sâu tối tăm của đại dương, khuôn mặt ngoi lên khỏi mặt nước.

Garrett và Mick bước ra từ trong bóng của khu lều. "Đi tới khu trại tiếp theo thôi," Yeager chỉ dẫn. "Năm cây số về phía đông."

Mới có hai giờ chiều. Họ sẽ đến nơi trước khi trời tối.

Cả đội trở lại chỗ cất ba lô và lại khởi hành. Con đường họ đi tiến sâu vào lãnh thổ của nhóm Kanga. Giờ họ phải cẩn thận không phát ra tiếng động vì mưa đã tạnh.

Một tiếng sau, ánh nắng mặt trời hẳn đã khiến nước mưa trên thềm rừng bắt đầu bốc hơi, bởi mùi ẩm ướt của khu rừng bắt đầu bốc lên ngây ngất. Thứ mùi đó là hỗn hợp của cây và lá mục, khiến không khí quanh họ trở nên nặng nề.

Họ lội qua vài con suối chảy xiết vì nước mưa, và Yeager nghĩ mình nghe thấy tiếng người. Ban đầu, anh nghĩ mình nghe nhầm. Nhưng rồi khi dừng lại và chú ý lắng nghe, anh nhận ra đó không phải là tiếng chim hay động vật mà là tiếng người hét. Yeager nhanh chóng kiểm tra vị trí trên hệ thống định vị. Họ còn cách khu trại tiếp theo của người Kanga một cây số nữa.

Mick, đang dẫn đầu, cũng nghe thấy. Anh ta ra hiệu cho mọi người dừng chân, rồi quay lại. Mọi người lần lượt quỳ xuống tại chỗ, quan sát trước, sau, trái, phải. Tiếng hét của người kia vẫn văng vẳng suốt thời gian đó. Mà cũng không hẳn là tiếng hét. Họ không nghe rõ từng từ, nhưng bất kể đó là ngôn ngữ gì, nó cũng có một ngữ điệu đặc biệt.

Tiếng hét đột nhiên ngưng bặt nhưng một thoáng sau vẫn còn tiếng vang vọng lại. Bốn người yên lặng vài phút, quan sát xung quanh, và khi hiểu rằng không có mối đe dọa nào ở gần đó, họ quây lại quanh Yeager.

“Hắn ta hét cái gì vậy?” Meyers thì thầm. “Có ai hiểu không?”

“Tôi nghĩ đấy là tiếng Anh,” Garrett đáp lại. “Nhưng không nghe được hắn ta nói gì.”

Họ nhìn nhau. Người Mbuti nói cùng ngôn ngữ với nông dân địa phương. Các ngôn ngữ chung khác của khu vực này là Swahili và tiếng Pháp. Nhưng không phải tiếng Anh. Họ nghĩ đến tình huống xấu nhất – lực lượng chống chính phủ đã tấn công nhóm Kanga. Các lực lượng Uganda và Rwanda xâm chiếm phía đông Congo sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chung.

“Có phải hắn ta đang kêu cứu?” Meyers hỏi.

“Không. Chỉ có giọng một người, và tôi không nghe thấy tiếng hét nào khác,” Yeager nói. “Tôi không nghĩ đó là một cuộc tấn công.”

Vậy thì là ai hét? Nhà nhân học kia? Nigel Pierce?”

“Suy đoán không có tác dụng gì, nên Yeager quyết định họ nên di chuyển. “Để ba lô ở đây,” anh nói. “Đây sẽ là điểm tập kết. Mick, cầm súng phóng lựu theo.” Yeager và Mick lấy khẩu súng phóng lựu HK69 từ trong ba lô ra và nhét lựu đạn 40 mm vào túi. Họ đưa cho Garrett và Meyers mỗi người năm quả.

Họ kiểm tra thiết bị và tản ra theo hai nhóm về hướng bắc và nam, tiến về khu trại cách đó một cây số.

Yeager, từng trải qua huấn luyện trinh sát, nhanh chóng phát hiện ra một con đường. Thảm thực vật dày bị rẽ sang hai bên. Đó hẳn là đường đi săn của người Mbuti. Anh kiểm tra mặt đất nhưng không tìm thấy dấu vết gì cho thấy có lực lượng quân đội đi qua.

Sau nửa giờ đồng hồ, Yeager nghe tiếng gà kêu ở phía trước và giọng nói con người. Người Mbuti. Giọng họ thanh thản và thoải mái. Ít nhất họ cũng không bị tấn công.

Yeager đến gần rìa trại, chọn một cây cổ thụ gần đó và trèo lên, cố gắng im lặng hết mức có thể. Meyers đứng dưới canh gác.

Bám vào một cành cây cách mặt đất khoảng ba mét, Yeager nhìn ra từ phía sau thân cây và hướng ống nhòm về khoảnh rừng trống phía trước. Và lần đầu tiên trong đời, anh nhìn thấy người Pygmy.

Thậm chí ở khoảng cách này, anh cũng có thể thấy họ nhỏ bé tới mức nào. Trong mắt một người phương Tây, họ trông như một lũ học sinh tiểu học. Họ cơ bắp, nhưng vì lý do nào đó, rất nhiều người có bụng trướng to. Họ khá trắng, lẽ là do sống trong rừng, nơi rất ít ánh sáng xuyên qua được vòm cây. Đàn ông mặc quần đùi cũ, và phụ nữ quấn những tấm vải sặc sỡ quanh mình. Vài người phụ nữ ở trần, nhưng bộ ngực xệ của họ chảy dài xuống, không có gì là gợi dục. Trên thực tế, hoạt cảnh này giống như một bức tranh về loài người đã bị lột trần chỉ còn bản chất nguyên thủy. Nếu bỏ đi chút quần áo ít ỏi trên mình và số nồi và dao họ dùng để nấu nướng, đó chính là cuộc sống nguyên thủy họ đã sống hàng chục ngàn năm nay. Họ có thể sống xa nền văn minh đấy, nhưng khi nhìn kỹ vào những khuôn mặt già và trẻ, nam và nữ kia, Yeager có thể nhận thấy mọi biểu cảm thường thấy ở người hiện đại – vài người ngây thơ và bình thản,

những người khác thông minh, ngốc nghếch, hay đăm chiêu.

Vẫn chưa đến lúc hoàng hôn, nhưng ánh nắng chiếu xuống khoảng rừng trống đã bắt đầu bị lá cây chặn lại. Khoảnh đất này sẽ sớm nằm trong bóng tối. Yeager bắt đầu thu thập những thông tin cần thiết cho chiến dịch.

Khu trại có mười một căn lều, mỗi lều cách nhau vài mét và xếp thành hình chữ U. Yeager đang quan sát khu trại từ một phía, nên anh không biết có bao nhiêu người khuất sau những chiếc lều trước mặt. Nhưng điểm mù này đã có hai người ở phía bên kia trại là Mick và Garrett lo.

Hầu hết đàn ông trưởng thành tụ tập ở phần trung tâm khoảng rừng trống, nhìn có vẻ giống một nơi hội họp. Có mười lăm người. Họ ngồi trên ghế băng gỗ, hút thuốc lá và nói chuyện. Phụ nữ ở bên ngoài lều, chuẩn bị bữa tối. Nhóm lửa bếp, ngồi trên mặt đất và nấu một thứ quả gì đó trông giống khoai tây. Từ chỗ nấp, Yeager đếm được năm người phụ nữ. Có cả trẻ em. Năm đứa bé trai cuộn một cây leo gì đó thành quả bóng để đá. Và có sáu bé gái, vài đứa gài hoa lên tóc, vài đứa trông lũ trẻ nhỏ hơn, còn lại giúp mẹ nấu nướng.

Yeager vẫn quan sát những người mình sẽ giết, gắng sức tìm bất cứ biểu hiện bệnh tật nào. Nếu có thể chắc chắn họ đang bị nhiễm virus chết người, lương tâm anh sẽ không cắn rứt nữa. Găm đạn vào đầu họ là một việc dễ làm hơn nhiều nếu vì lý do nhân đạo, giúp họ thoát khỏi một cái chết khốn khổ khốn nạn hơn. Nhưng trông họ hoàn toàn khỏe mạnh.

Trong ống nhòm bỗng xuất hiện một người đàn ông trung niên da trắng với vẻ ngoài kỳ lạ, cao và gầy. Bộ râu bờm xờm che kín nửa dưới khuôn mặt ông ta. Đó chắc chắn là Nigel Pierce. Pierce vừa chui ra khỏi căn lều cuối cùng, ông ta mặc áo phông trắng và quần đùi cũ giống như người Mbuti. Đứng bên họ, Pierce trông không khác gì người khổng lồ.

Không còn nghi ngờ gì nữa, đây chính là khu trại của nhóm Kanga. Không có ai có triệu chứng bệnh, vậy nên con virus vẫn đang trong thời kỳ ủ bệnh. Yeager gạt đi áp lực đang đè nặng xuống mình

và bắt đầu cân nhắc có nên tấn công vào ban đêm. Loại bỏ tất cả những người đó đồng nghĩa với việc tiêu diệt một loại virus có thể hủy diệt nhân loại. Khi nhìn thấy con chó còi chạy lăng xăng quanh chân Pierce, anh biết mình phải loại bỏ nó đầu tiên để không đánh động đến người dân.

Pierce đứng dậy và nhìn vào rừng. Nghĩ rằng mình có thể bị phát hiện nếu di chuyển để ẩn nấp, Yeager không động đậy.

Pierce ngả người về sau, hít một hơi dài và đột nhiên hét lên bằng tiếng Anh. “Xin hãy lắng nghe cẩn thận! Tôi biết các anh nghe thấy tôi! Tôi biết các anh đang ở gần đây!”

Bên dưới, Meyers giật mình vì tiếng hét bằng tiếng Anh, quay phắt lại và tròn mắt nhìn về phía khu trại.

Âm sắc đó giống như giọng nói họ nghe thấy lúc trước. Nhưng nhà nhân học này đang nói với ai? Yeager quan sát toàn bộ khu trại, nhưng những người Pygmy vẫn tiếp tục công việc, không mảy may bận tâm.

“Tôi đang nói với các anh! Jonathan Yeager, Warren Garrett, Scott Meyers, và Mikihiko Kashiwabara. Bốn đặc vụ của chiến dịch Thần hộ mệnh!”

Giọng Garrett rè rè vang lên trong bộ đàm của Yeager. “Nhóm hai đây. Nhiệm vụ của chúng ta đã lộ tẩy.”

Yeager nhấn nút một lần để phát tín hiệu đồng ý rồi chăm chú nhìn Pierce qua ống nhòm.

“Không ai ở đây bị nhiễm virus hết! Chiến dịch Thần hộ mệnh chỉ là trò lừa đảo! Các anh sẽ bị giết! Tất cả các anh sẽ bị chính phủ giết chết!”

Từ dưới gốc cây, Meyers sững sờ nhìn lên Yeager.

“Anh biết tôi đang nói gì mà, Garrett! Sự bất trung của anh đã bị lật tẩy! Không còn nơi nào để trốn đâu!”

Pierce đang nói gì vậy? Và Garrett đã bất trung như thế nào? Yeager, hoàn toàn bối rối, cố nghĩ xem chuyện gì đang xảy ra, nhưng Pierce lại gọi đến tên anh.

“Yeager, nghe tôi nói đây! Con trai anh có thể được cứu! Có cách

chữa căn bệnh đó! Chúng tôi đang chuẩn bị cách chữa bệnh cho Justin!"

Yeager choáng váng như vừa bị nện vào đầu. Anh hiểu quá rõ thông điệp của Pierce.

Anh có thể cứu Justin.

Giật mình vì chuyển biến bất ngờ này, Yeager chờ đợi những lời tiếp theo. Nhưng Pierce ngừng hét, và hệt như lúc mới xuất hiện, ông ta nhìn khu rừng xung quanh và lại chui vào căn lều chỉ cao ngang ngực.

Yeager và Meyers đứng yên bất động. Một tiếng đồng hồ trôi qua, và khi bóng tối đã nuốt trọn khu trại, Yeager nhấn nút gọi trên bộ đàm năm lần để ra hiệu cho cả đội rút lui.

Garrett và Mick đã đợi ở điểm hẹn. Khi Yeager và Meyers tới nơi, Mick hạ giọng nói, "Không có gì."

Các thành viên, đã đeo kính nhìn đêm, quay sang Yeager. Họ yên lặng, đợi người đội trưởng lên tiếng. Yeager đang suy tính có nên yêu cầu Garrett, chuyên viên liên lạc của nhóm, liên hệ với Zeta Security xin chỉ dẫn. Nhưng nếu những gì Nigel Pierce nói là sự thật – rằng họ đã rơi vào bẫy của Nhà Trắng? Và điều ông ta nói về Justin liệu có đúng không?

Sốt ruột trước sự yên lặng của Yeager, Mick tức giận lên tiếng. "Ai đã để lộ thông tin về chiến dịch của chúng ta?"

"Biết làm sao được?" Meyers nói. "Chúng ta chỉ là phần ngọn của chiến dịch. Còn rất nhiều người có liên quan."

"Không. Pierce nói rất rõ. Ông ta nói Garrett bất trung."

Garrett quay phắt sang Mick. "Anh đang nói rằng tôi đã phản bội chiến dịch?

"Đúng vậy."

Garrett khịt mũi. "Trí tưởng tượng của anh tốt thật."

"Đừng có giả ngu. Anh là một kẻ dối trá. Tôi biết anh không tham gia thủy quân lục chiến. Anh đang giấu giếm điều gì đó."

"Từ từ đã! Tất cả các anh!" Yeager xen vào. "Tất cả mọi người đặt súng xuống."

Ba người kia không theo lệnh của anh, vậy nên Yeager chậm rãi đặt khẩu súng trường của mình xuống đất. Meyers nhanh chóng làm theo, và rồi Garrett và Mick cũng ngần ngừ buông súng ra.

“Nghĩ kỹ đi đã nào,” Yeager nói. “Nigel Pierce đã đánh hơi được chiến dịch của chúng ta. Ông ta nói chiến dịch Thần hộ mệnh là trò lừa đảo. Không có virus, và tất cả chúng ta sẽ bị giết. Theo lời ông ta.”

“Nhưng đó không thể nào là sự thật, phải không?” Mick nói. “Ông ta đang cố khiến chúng ta rối loạn và dùng nhiệm vụ. Bởi nếu khoanh tay đứng nhìn, ông ta sẽ bị giết.”

“Nhưng thông tin ông ta có được là đúng. Và ông ta biết tên thật của chúng ta chứ không phải mật hiệu. Và đồng thời, ông ta...” Yeager ngập ngừng. “Ông ta biết con trai tôi bị bệnh.”

“Vậy thì sao? Anh tin ông ta? Làm ơn nói với tôi là anh không định hoãn nhiệm vụ lại đi.”

“Bình tĩnh đã, Mick,” Meyers nói. “Chúng ta phải suy nghĩ thật cẩn thận, bằng không mọi người đều sẽ mất mạng”

Yeager bực bội. Pierce nói có cách cứu con trai anh. Không khác gì ông ta đang giữ Justin làm con tin.

Garrett đột nhiên lên tiếng. “Tôi nghĩ Pierce đang nói sự thật.”

Ba người còn lại quay sang nhìn anh ta.

Ít nhất thì cũng có lý do để người ta muốn lấy mạng tôi.”

“Ai đang cố lấy mạng anh?”

“Nhà Trắng,” Garrett đáp, và giơ một tay lên ngắt lời Mick đang định xen vào. “Chúng ta nói chuyện riêng được không?” anh ta hỏi Yeager.

“Được.”

“Chúng tôi cũng có quyền nghe chuyện này,” Mick nói, tiến lại gần, và Meyers tóm vai giữ anh ta lại.

“Thôi đi. Đây là chiến dịch quân sự. Chúng ta tuân lệnh đội truong.”

Mick định cãi lại, nhưng khi thấy Meyers với tay xuống bao súng bắp chân, anh ta lùi lại. “Được rồi. Tôi hiểu.”

Yeager nhặt súng lên, và anh và Garrett đi vào sau một khóm cây.

Sau khi đã đi đủ xa, Garrett nói, "Việc tôi chưa từng là lính thủy quân không còn là bí mật gì nữa. Tôi là dân thẻ xanh tại nhiệm."

Một đặc vụ CIA. "Vậy là anh ở Cục tình báo?"

"Đúng vậy. Nhân viên bán quân sự. Cục cử tôi đến giám sát chiến dịch Thần hộ mệnh."

"Canh gác chúng tôi?"

"Chính vậy. Xin lỗi đã nói dối mọi người."

"Ông ta nói anh bất trung là do vậy sao?"

Lưỡng lự một chút, Garrett nói, "Không. Đó là việc khác. Pierce đang nói đến các cuộc dẫn độ đặc biệt. Chính quyền đang tra tấn các phần tử Hồi giáo cực đoan. Tôi không nói đến những thứ hiển nhiên như là trấn nước hay bạo hành tình dục. Họ bí mật gửi những người bị câu lưu đến các nước thứ ba như Syria và thi hành các hình thức tra tấn còn tàn bạo hơn. Không ai sống mà trở lại cả. Trong khi chúng ta đang nói chuyện đây, có người đang bị buộc vào khung giường sắt và bẻ gập người đến chết." Garrett càng nói càng xúc động, không giống với anh ta thường ngày chút nào. "Đó là tội ác chiến tranh. Đơn giản thế thôi. Tôi bí mật liên hệ với một NGO, một tổ chức giám sát nhân quyền, và trở thành gián điệp hai mang. Mục đích là thu thập đủ chứng cứ để đưa Burns ra trước một tòa án quốc tế về tội ác chiến tranh."

"Tổng thống Hợp chủng quốc Hoa Kỳ?" Yeager hỏi, không thể tin nổi. "Chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra."

"Tôi biết. Điều đó là bất khả. Nhưng nó sẽ khiến ông ta e dè. Nếu Tòa án hình sự quốc tế theo đuổi vụ kiện này, ít nhất các vụ tra tấn do Mỹ tiến hành cũng sẽ được ngăn lại." Garrett bình tĩnh lại và có vẻ cam chịu. "Tôi đang nói là, tôi trở thành kẻ phản bội để cứu lấy danh dự của đất nước mình. Nếu chính quyền của Burns muốn giết tôi vì điều đó, tôi cũng không làm gì được."

Yeager nhìn xuống, băn khoăn không biết câu chuyện của Garrett đáng tin đến mức nào. "Nhưng tại sao Nigel Pierce lại biết tất cả những chuyện đó?"

“Tôi cũng không biết.”

“Thêm một câu hỏi nữa. Nếu họ chỉ muốn giết anh, tại sao còn cần đến một chiến dịch phức tạp như thế này?

“Tôi nghĩ chiến dịch Thần hộ mệnh có trước, với dự định giết tất cả các đặc vụ. Và rồi họ thêm tôi vào.”

“Nhưng tại sao lại phải giết ba người chúng tôi?”

“Để bịt miệng các anh? Bởi vì chúng ta sẽ giết những người Pygmy vô tội kia.”

“Điều đó thật vô lý. Nếu anh tin Pierce, vậy thì chẳng có virus chết người gì cả. Không còn lý do gì để giết người Mbuti.”

Hai người trao đổi một ánh nhìn đầy ẩn ý.

“Hãy nghĩ về mục tiêu ưu tiên cao nhất của chúng ta, Garrett nói. “Cái ‘sinh vật’ mà chúng ta chưa từng thấy bao giờ.”

Thứ vẫn được mang ra đùa cợt đột nhiên phủ bóng đen lên tâm trí Yeager. “Anh có biết cái sinh vật này là thế nào không?”

“Tôi chịu,” Garrett nói, lắc đầu và nhìn thẳng vào Yeager. “Tôi đã nói cho anh tất cả những gì mình biết. Tin hay không là tùy anh.”

Yeager im lặng ngồi một lúc, và rồi đưa ra quyết định. “Được rồi, chúng ta sẽ thay đổi một phần kế hoạch. Theo tôi.”

Hai người trở lại điểm tập kết. Mick hỏi, rõ ràng là đang cáu, “Vậy là các anh đã có kết luận?”

“Ừ. Tối nay chúng ta sẽ tấn công nhóm Kanga. Nhưng mục tiêu của chúng ta không phải là tiêu diệt người Mbuti. Chúng ta sẽ bắt cóc Nigel Pierce và tra khảo ông ta. Chúng ta sẽ nghe từ chính miệng ông ta toàn bộ chuyện này. Có ai phản đối không?”

Meyers và Mick lắc đầu. Trước mắt, họ có vẻ bị thuyết phục.

“Còn việc liên hệ với Zeta?” Garrett, người lo việc liên lạc, hỏi. “Chúng ta có nên gửi tín hiệu cho biết mình sắp tấn công?”

“Quên họ đi.”

“Nếu chúng ta bị mai phục thì sao?” Mick hỏi. “Người Pygmy biết chúng ta ở gần họ.”

“Vậy thì chúng ta sẽ tự vệ. Nhưng hãy cố đừng giết ai cả. Nếu đe dọa họ bằng súng, chúng ta có thể kiểm soát họ. Rồi chúng ta tóm

Pierce và tra khảo ông ta. Chuẩn bị dụng cụ đi. Mười lăm phút nữa sẽ xuất phát. Hiểu chứ?"

Những người còn lại gật đầu và nhặt khẩu AK-47 dưới chân lên.

Thư viện tạp chí nằm giữa một khu dân cư trong quận Setagaya, Tokyo. Nó là một tòa nhà bê tông nhỏ hai tầng, và thật khó tin rằng đó là nơi cất giữ bảy trăm nghìn cuốn tạp chí.

Kento tới nơi lúc 9 giờ kém, và chưa gì đã có năm người đứng bên ngoài chờ thư viện mở cửa. Cậu đọc trên mạng rằng hầu hết những người dùng tới nơi này đều làm trong ngành truyền thông, và đoán những người này có lẽ là nhà báo.

Một nhân viên thư viện xuất hiện ở cửa kính và mở vào đúng 9 giờ. Kento theo những người kia tới quầy, đứng đợi ở cuối hàng và điền đơn xin sử dụng thư viện.

"Làm ơn viết tên và địa chỉ ở đây," một nhân viên nói khi đưa cho cậu tờ đơn, và cậu lưỡng lự một thoáng. Cuối cùng, cậu viết vào một tên giả, Tamura Daisuke, và một địa chỉ giả. Chắc lại đang phạm pháp rồi, cậu nghĩ.

Cậu trả phí vào cửa năm trăm yên và tới góc thông tin. Tất cả những gì cậu phải làm là gõ từ khóa cần tìm vào một chiếc máy tính và nó sẽ liệt kê tất cả các tạp chí có bài viết chứa từ ấy. Kento ngồi xuống cạnh một chiếc máy đang bật và gõ "*Báo cáo Heisman*".

Màn hình hiển thị hai mươi lăm tạp chí, hầu hết đều xuất bản năm 1975. Như Sugai đã nói, đây đều là các bài báo từ ba mươi năm trước.

Mọi thứ quá dễ dàng, và Kento thấy hơi thất vọng. Cậu điền đơn yêu cầu đọc tất cả số tạp chí kia và mang tới quầy.

Họ nói cậu có thể đọc tạp chí trên tầng hai, và cậu leo cầu thang lên phòng đọc. Căn phòng sáng sủa đầy nắng, với các cửa sổ kính và bàn đọc sách cỡ lớn. Vài người vào thư viện cùng lúc với cậu đã kịp ngồi ở bàn, lướt qua vô số tạp chí.

"Mời ông Tamura tới quầy mượn," tiếng loa vang lên, và phải mất một lúc Kento mới nhận ra họ đang gọi mình. Cậu vội vã tới

nhận tạp chí.

Hai mươi lăm cuốn tạp chí là một chồng dày. Cậu làm hai chuyến tới bàn đọc và ngồi xuống, băn khoăn mình nên bắt đầu từ đâu. Có đủ thể loại, từ những tạp chí nóng dành cho đàn ông tới những tạp chí chính trị dày bịch. Cậu quyết định bắt đầu bằng loại nhẹ nhàng hơn và cầm lên cuốn Heibon Pinch.

Những bức ảnh khỏa thân với vùng kín bị xóa trắng từ ba mươi năm trước khiến cậu buồn cười. Cậu nhe răng cười theo phản xạ, nhưng rồi lại lo những người khác sẽ nghĩ gì về mình, nhắc nhở bản thân nên trông nghiêm túc hơn một chút. Cậu lướt qua mục lục và nhanh chóng tìm thấy bài viết về *Báo cáo Heisman*.

Báo cáo tối mật lên Chính phủ Mỹ! "Nghiên cứu về cái kết của nhân loại" tiết lộ nỗi kinh hoàng khi có chiến tranh hạt nhân toàn lực!!

Đó là một bài báo năm trang đặc biệt, và Kento đọc không sót chữ nào.

Bài báo liệt kê chi tiết những gì sẽ xảy ra nếu chiến tranh hạt nhân bùng nổ. Số lượng đầu đạn hạt nhân của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và Liên bang Xô viết có đủ sức hủy diệt để xóa bỏ toàn bộ nhân loại hai mươi lần. Năm mươi nghìn tên lửa hạt nhân nhắm vào mười lăm nghìn mục tiêu, và có chạy đi đâu trên mặt đất này cũng không thoát. Bài báo nói rằng, một quả tên lửa trung bình có sức nổ hai triệu tấn, tương đương với toàn bộ số bom ném trong Thế chiến thứ hai. Các hầm chứa tên lửa được thiết kế để chống chịu các cuộc tấn công hạt nhân, vậy nên ngay cả sau đợt tấn công đầu tiên, khi toàn bộ loài người đã bị xóa sổ, hệ thống tấn công trả đũa vẫn sẽ tự động hoạt động, và hàng chục ngàn tên lửa sẽ tiếp tục bay qua bề mặt hành tinh không một bóng người. Thậm chí nếu có người sống sót trong các hầm trú ẩn, nguồn dự trữ thức ăn của họ cũng sẽ sớm cạn kiệt và họ sẽ chết, bởi đất đai trên toàn trái đất sẽ bị nhiễm xạ và hầu hết động thực vật sẽ tuyệt chủng. Bất kỳ sinh vật nào còn sống sót sẽ đột biến do phóng xạ, trở nên dị dạng và gớm guốc.

Bản báo cáo này rõ ràng đã cho thấy sự ngu xuẩn đến không tưởng của loài người. Kento sửng sốt nhận ra con người thực sự ngu ngốc đến mức nào. Có lẽ không phải toàn bộ nhân loại, nhưng ít nhất là những nước sở hữu vũ khí hạt nhân. Số lượng tên lửa nêu trong báo cáo là số liệu từ ba mươi năm trước, và cậu băn khoăn ngày nay đã có bao nhiêu quả và những quốc gia sở hữu số vũ khí đó có thể hủy diệt nhân loại bao nhiêu lần.

Bài báo khá thú vị, nhưng nó không liên quan đến nghiên cứu mà cha cậu để lại. Đúng ra, *Báo cáo Heisman* phải bàn đến vài nguyên nhân có thể dẫn đến sự diệt vong của nhân loại, nhưng bài báo này chỉ nói đến mối đe dọa chiến tranh hạt nhân. Nó không đề cập đến bất cứ phần nào khác trong bản báo cáo gốc.

Kento nhặt quyển tạp chí thứ hai lên, cuốn *GORON* tháng Sáu năm 1975.

Mùa đông hạt nhân sắp tới? Lời cảnh báo dựng tóc gáy từ một báo cáo bí mật của Mỹ !!

Bài này cũng viết về nỗi kinh hoàng mà một cuộc chiến hạt nhân sẽ mang lại. Như Sugai đã nói, trong nửa sau thế kỷ hai mươi, sự diệt vong của loài người do chiến tranh hạt nhân là một chủ đề nóng. Mình hiểu, mình thực sự hiểu mà, Kento nghĩ, mắt nhìn chồng tạp chí.

Có vẻ cậu sẽ phải khá mất công mới xới được chút thông tin hữu ích nào đó.

Hơn sáu giờ đã trôi qua từ khi họ vào lại vị trí quan sát, và Yeager với đồng đội cùng chờ đợi thời điểm thích hợp để tiến hành kế hoạch bắt cóc.

Trại săn của người Pygmy chìm trong bóng tối. Những khuôn mặt thoáng hiện lên qua ánh lửa trước mỗi căn lều, thoắt ẩn thoắt hiện trong bóng tối.

Ánh lửa giữa rừng già thực sự là một điều tuyệt diệu. Động vật

hoang không dám lại gần cũng không lạ gì, Yeager nghĩ. Lửa là dấu hiệu của những sinh vật sống đã bước một bước ra khỏi thế giới tự nhiên. Đó là một cảnh tượng khiến người ta ấm lòng, gọi lên những cảm xúc nhớ nhung dịu dàng.

Khi ăn xong, người Mbuti lấy ra những nhạc cụ tự chế và bắt đầu hát múa. Tài năng âm nhạc của họ thật đáng kinh ngạc. Giọng hát vang trên nền tiếng sáo, trống và một thứ gì như đàn hạc sơ đẳng, với những giai điệu đan xen tạo nên hòa âm tuyệt vời. Tiếng hát hân hoan khẳng định sự tồn tại giữa khu rừng đen tối và hoang dại của những sinh vật được gọi tên con người.

Yeager quan sát thật kỹ xem họ có người gác không, nhưng tất cả những con người nhỏ bé ấy chỉ đang ca hát và nhảy múa, không có dấu hiệu gì cho thấy họ đang chuẩn bị chiến đấu. Có một lúc mấy đứa trẻ đang múa chỉ tay lên trời và nói gì đó. Yeager nhìn theo hướng chúng đang chỉ và thấy một ngôi sao xẹt qua bầu trời đêm từ nam qua bắc. Anh băn khoăn không biết vệ tinh nhân tạo đang bay trên quỹ đạo kia hiện lên như thế nào trong mắt họ.

Nigel Pierce, đối tượng của họ, chui vào lều trong khi mọi người vẫn đang say sưa nhảy múa và không xuất hiện trở lại. Họ cố nhìn vào trong bằng thiết bị hình ảnh hồng ngoại, nhưng tầm nhìn bị cản bởi chồng hộp xếp bên trong và họ không thể thấy Pierce.

Vào lúc quá 23:00, bữa tiệc hoạt náo kết thúc, và phụ nữ cùng trẻ em trở vào lều. Chỉ còn tám người đàn ông ở lại, nói chuyện với nhau trên khoảng đất trống giữa khu trại.

Ngày mới đến, và tới 02:00, họ cuối cùng cũng đi ngủ. Đội của Yeager đợi thêm một tiếng nữa, tới khi bốn mươi người nhóm Kanga đã ngủ. Anh xác định tình hình lần cuối trước khi nhóm bắt đầu hành động. Có kính nhìn đêm, họ sẽ có lợi thế quyết định nếu cần giao chiến trong bóng tối. Họ kiểm tra xem hai con chó đã ngủ chưa, nhưng chúng gầy gò tới mức khó lòng tưởng tượng nổi chúng có thể làm chó canh tử tế.

Yeager lén lút trèo xuống đất. Anh gật đầu với Meyers, người làm nhiệm vụ gác, rồi nhấn nút trên bộ đàm hai lần ra hiệu cho hai người

kia bắt đầu tiến về khu trại.

Yeager và Meyers đi quanh trại từ hướng nam sang đông, rồi đứng yên và cởi tai nghe. Tại vài điểm dọc theo hàng lều xếp hình chữ U, họ nghe thấy tiếng ngáy và tiếng người đang ngủ. Tốt, Yeager quyết định. Hầu hết mọi người đều đã ngủ. Anh hướng mắt kính nhìn đêm về phía lều của Pierce ở cuối dãy và thấy Garrett cùng Mick tiến đến từ phía sau.

Yeager hạ khẩu AK-47, gắn vào dây đeo trên vai và cầm khẩu Glock gắn giảm thanh. Trong túi áo bảo hộ tác chiến của anh là một chiếc khăn mà anh định dùng để bịt miệng Pierce, không để ông ta phát ra âm thanh nào.

Yeager ra hiệu cho mọi người vào vị trí. Ba người kia di chuyển, tạo thành một vòng tròn phòng thủ, lưng quay về phía khu lều. Hai con chó ngủ ở phía bên kia khoảng rừng trống không động đậy.

Yeager chậm rãi tiến tới bên hông lều. Anh cẩn thận nghe ngóng nhưng không thấy tiếng người đang ngủ. Có thể Pierce vẫn còn thức. Nhưng họ cũng đã lên kế hoạch cho việc này. Chĩa súng vào ông ta, là ông ta sẽ không kháng cự gì.

Yeager cúi gập người, kiểm tra tay súng và lẻn ra phía trước lều. Cửa lều mở, và hình ảnh điện tử trên kính nhìn đêm cho thấy tình hình bên trong. Không cần phải tìm kiếm mục tiêu của họ: ông ta ở ngay đó. Nigel Pierce, cả râu cả ria, ngồi ngay trước mặt anh. Pierce ngồi trên mặt đất, mắt nhìn thẳng vào Yeager. Yeager không do dự mà nhắm thẳng nòng súng vào chính giữa hai mắt Pierce. “Không được cử động,” anh thấp giọng ra lệnh và dợm chân bước vào trong. Nhưng đúng lúc đó, anh cứng người.

Một hình ảnh kỳ lạ xuất hiện trong mắt kính anh, và tóc gáy Yeager dựng đứng. Trong vòng tay Pierce là một loại sinh vật anh chưa từng thấy bao giờ.

Nét đặc thù nhất của sinh vật này là khi thấy nó các anh sẽ biết ngay rằng nó là một sinh vật hoàn toàn chưa được biết đến.

Sinh vật ấy nhìn anh chằm chằm. Cơ thể không lông và tứ chi ngắn ngủn khiến nó trông như một đứa trẻ loài người. Nhưng điều

đó chỉ khiến cái đầu lạ lùng của nó nổi bật hơn.

Có thể nó sẽ khiến các anh bối rối khi nhìn thấy nó, nhưng vấn đề là không được nghĩ đến điều đó.

Sinh vật này, dù thật giống một đứa trẻ loài người, lại có đầu to bất thường. Cái trán là một cục lồi hình tròn to tướng, và từ trán xuống cằm thì đột ngột thu nhỏ lại, như một hình tam giác ngược. Cơ thể nó giống như một đứa bé ba tuổi, nhưng khuôn mặt nó lại giống trẻ sơ sinh hơn. Mặt nó thuôn dài như một đứa trẻ sơ sinh mà hộp sọ vẫn chưa cứng hẳn, và chỉ có cơ thể từ cổ trở xuống là phát triển.

Đừng tự hỏi đó là loại sinh vật gì.

Nhưng còn có điều gì đó trên khuôn mặt nó – với đôi mắt to xếch lên – khiến nó khác hẳn một đứa trẻ loài người. Trong đôi mắt đang nhìn lên anh chăm chú kia, Yeager có thể nhận thấy một ý thức và trí thông minh rõ ràng. Nhưng thứ ánh sáng sắc bén trong đôi mắt ấy đang cố truyền tải điều gì? Thận trọng? Tò mò? Điên dại? Ác ý? Đối diện với sinh vật bí ẩn này, Yeager chỉ cảm thấy sợ hãi. Nó giống một con người, nhưng lại không phải con người.

Một khi nhìn thấy, chỉ cần bắn ngay.

Tỉnh táo lại, Yeager chĩa súng vào sinh vật kia. "Đây là thứ quái gì?" anh hỏi.

Cố tránh bị quyến rũ bởi những cô nàng với nụ cười ngọt ngào trong mấy cuốn tạp chí trơn bóng, Kento cầm cuốn thứ mười tám lên và cuối cùng cũng tìm thấy bài báo cậu cần.

Tạp chí hằng quý về chính trị đương thời, số mùa hè năm 1975. Một tạp chí nhỏ, giống tập san hơn là báo. Những trang đầu là một bản báo cáo đặc biệt mang tên "Nghiên cứu tại các Viện nghiên cứu Hoa Kỳ".

Ở nửa sau của bài báo có viết, "Bên dưới là nguyên văn bản báo cáo từ Viện nghiên cứu Schneider gửi tới Nhà Trắng dưới cái tên *Báo cáo Heisman*." Kento ngồi thẳng dậy và bắt đầu hào hứng giở trang.

Một đầu đề đập vào mắt cậu: *Nghiên cứu các yếu tố dẫn tới sự*

tuyệt chủng của nhân loại, và các chính sách đề xuất. Đây là tiêu đề chính thức của *Báo cáo Heisman.* Tác giả là Joseph R. Heisman, PhD, nghiên cứu viên cấp cao tại Viện Schneider.

Sau lời giới thiệu ngắn là lời giải thích mục đích của báo cáo và một ghi chú.

"Báo cáo này không nói đến tuyệt chủng do các yếu tố ở cấp độ thời gian thiên văn hay địa lý – ví dụ, việc trái đất bị hủy diệt sau năm tỷ năm nữa khi mặt trời cháy rụi, hoặc việc mất khả năng sinh sản khi nhiễm sắc thể Y biến mất sau vài chục ngàn năm nữa."

Cũng có lý, Kento tự nhủ, và bắt đầu đọc tới phần chính của báo cáo.

1. Tai họa mang tầm vóc vũ trụ

Mục đầu tiên bàn về sự va chạm giữa một thiên thạch và trái đất, cùng với sự hủy diệt mà nó gây ra. Kento bất ngờ khi thấy giáo sư Heisman kêu gọi chú ý tới một vấn đề mà, ba mươi năm trước, được coi là nằm giữa ranh giới khoa học và khoa học viễn tưởng. Theo lời ông, đó là "một sự kiện có thể xảy ra trong tương lai gần, một sự kiện chúng ta không thể coi nhẹ". Heisman tiếp tục chỉ ra, "Các nghiên cứu địa chất gần đây đã hé lộ rằng các thiên thể khác từng va chạm với trái đất thường xuyên hơn chúng ta nghĩ."

Tiến sĩ Heisman quả là có tầm nhìn xa. Ngày nay, các quốc gia trên khắp thế giới đều gắt gao theo dõi các vật thể gần trái đất, và đã có vài thiên thạch với kích thước đủ để phá hủy một thành phố bay ngang qua.

2. Biến đổi môi trường trên quy mô toàn cầu

Mục thứ hai nói đến một vấn đề Kento chưa từng nghe qua, hiện tượng đảo cực từ Bắc và Nam. Các chứng cứ chỉ ra đã có một vài lần đảo cực từ trong lịch sử trái đất; một giả thiết cho rằng sự tuyệt chủng của khủng long là do hiện tượng này. Điều này nghe chẳng khác nào tương lai xa xôi, một vấn đề ở quy mô thời gian địa chất,

nhưng *Báo cáo Heisman* lại đưa ra cảnh báo sau: “Trong hai trăm năm qua, từ trường trái đất đã suy giảm đáng kể và người ta tin rằng nó sẽ biến mất hoàn toàn trong một nghìn năm nữa. Sau đó, khả năng cao sẽ xảy ra hiện tượng đảo cực, nhưng trước đó, khi từ trường trái đất biến mất, quyển từ bảo vệ trái đất sẽ mất đi, và bức xạ mặt trời cùng các tia vũ trụ có hại khác sẽ chiếu xuống mặt đất không được bảo vệ, dẫn tới sự tuyệt chủng không chỉ của con người mà còn của hầu hết các dạng sống khác.”

Liệu đến lúc đó các nhà khoa học thế kỷ ba mươi đã phát minh ra công nghệ chống lại cuộc khủng hoảng này chưa? Cố lên, Kento nghĩ, gửi một lời khích lệ đến những hậu duệ của mình ở ngàn năm sau.

3. Chiến tranh hạt nhân

Mục này chiếm gần hết số trang của báo cáo. Nó cảnh báo rằng bất kỳ loại chiến tranh hạt nhân nào – chiến tranh hạt nhân hạn chế, chiến tranh hạt nhân toàn lực, hay chiến tranh hạt nhân ngẫu nhiên, tức là tên lửa bị bắn do nhầm lẫn – đều sẽ dẫn tới sự diệt vong của nhân loại. “Khi có một cuộc tấn công hạt nhân, sự cân bằng đã được duy trì bởi sự kiềm chế lẫn nhau giữa các nước sở hữu hạt nhân sẽ sụp đổ, tất yếu dẫn tới một loạt các cuộc tấn công trả đũa.” Báo cáo viết tiếp: “Ngay cả việc sử dụng vũ khí hạt nhân hạn chế cũng đủ tạo ra một lớp tro chết người bao phủ lên toàn trái đất, phá hoại hệ sinh thái, hoặc tăng mật độ nitơ monoxide, phá hoại tầng ozone và đẩy con người đến bờ vực tuyệt chủng. Thêm vào đó, nguồn thức ăn sẽ chịu ảnh hưởng vô cùng nghiêm trọng, dẫn tới nạn đói hàng loạt và kích động một cuộc chiến mới. Rồi Thế chiến thứ ba tất yếu sẽ xảy ra, và nhanh chóng trở thành cuộc chiến cuối cùng của loài người.”

Joseph Heisman đã đưa ra các luận điểm xác đáng chống lại vũ khí hạt nhân. Có lẽ trong đó cũng có một chút tự buộc tội, bởi chính các nhà khoa học là người đã phát triển thứ vũ khí này.

4. Dịch bệnh: Mối đe dọa từ virus và vũ khí sinh học

Cậu bất ngờ khi thấy mục này thuộc lĩnh vực của cha mình. Ông hứng thú nhất với mục 5 trong *Báo cáo Heisman*, và Kento đã nghĩ đó mới là mục bàn về mối hiểm họa từ virus.

“Chúng tôi kết luận rằng không có khả năng một đại dịch xảy ra trong tự nhiên có thể xóa sổ toàn bộ xã hội. Dịch hạch đen và cúm Tây Ban Nha đã khiến không biết bao nhiêu người chết, nhưng không khiến chúng ta tuyệt chủng. Chúng ta vẫn chưa biết nguyên nhân làm sao lượng gene hữu hạn trong cơ thể người lại có thể chống lại số lượng vô hạn kháng nguyên trên thế giới, nhưng rõ ràng là chúng ta đã đạt đến độ đa dạng về gene đủ để chống lại rất nhiều nguồn bệnh.”

Không phải một nhà khoa học người Nhật đã giải được câu đố này và thắng giải Nobel sao? Kento cố nhớ lại.

“Bất kể dịch bệnh nguy hiểm ra sao, sẽ có những cá thể mang hệ miễn dịch có khả năng đánh bại căn bệnh đó. Chúng ta, những người đang sống bây giờ, chính là bằng chứng cho thấy rằng hai trăm nghìn năm qua, không một dịch bệnh nào từng xuất hiện có thể xóa sổ loài người.

“Nhưng nỗi lo duy nhất còn lại chính là sự xuất hiện một virus trực tiếp tấn công vào hệ miễn dịch.”

Kento vô thức nghiêng người về phía trước. Virus đó đã xuất hiện rồi. Virus HIV gây ra bệnh AIDS.

“Theo phiên điều trần trước Quốc hội vào tháng Sáu năm 1969 của phó chủ nhiệm Ban nghiên cứu phát triển Bộ quốc phòng, ‘Trong năm đến mười năm nữa, chúng ta sẽ tạo ra một vi sinh vật gây bệnh không bị ảnh hưởng bởi hệ miễn dịch. Nếu một vũ khí sinh học như vậy được sử dụng trong một cuộc tranh chấp địa phương hay bị rò rỉ khỏi cơ sở nghiên cứu, và nếu mầm bệnh phát tán, sự tồn tại của loài người sẽ bị đe dọa.”

Điếng người, Kento nhớ lại những gì mình biết về AIDS. Căn bệnh lần đầu tiên được nhận diện tại Mỹ vào đầu những năm 80. Nếu các kế hoạch tiến triển đúng như người từ Bộ quốc phòng tường trình, “vi sinh vật gây bệnh không bị ảnh hưởng bởi hệ miễn dịch” này đã

được phát triển vào thập kỷ 70. Nếu tính cả thời kỳ ủ bệnh của virus, sự phát triển vũ khí sinh học và sự xuất hiện của AIDS hoàn toàn trùng khớp về mặt thời gian.

Vậy AIDS có phải một vũ khí sinh học do Hợp chủng quốc phát triển?

Có nhiều hơn một lý do khiến Kento nghĩ đến khả năng này. Khoảng mười năm trước, cha cậu đã tới Zaire, nơi dịch AIDS càng ngày càng trầm trọng. Ông là thành viên của một đội điều tra dịch tễ học được tài trợ bởi Bộ giáo dục, văn hóa, thể thao, khoa học và công nghệ, với nhiệm vụ xác định liệu virus HIV đã phát tán đến các bộ lạc người Pigmy chưa. Nhưng ngay khi họ vừa tới Zaire, nội chiến nổ ra, và Seiji suýt chút nữa đã không thể bảo toàn mạng sống trở về Nhật Bản.

Cha cậu. Một nhà dịch tễ học. *Báo cáo Heisman*. Một cuộc điều tra của FBI. Kết nối chúng lại với nhau thì mọi sự bắt đầu trở nên rõ ràng. Seiji đã có được bằng chứng rằng virus HIV đã được phát triển làm một vũ khí sinh học và chính phủ Mỹ đang cố che giấu vụ này.

Đợi chút, Kento tự nhủ. Cậu ngả người vào lưng ghế và nhìn lên trần nhà. Đổ mọi việc cho một âm mưu của Hợp chủng quốc cũng chẳng ích gì. Từng có rất nhiều cuộc nghiên cứu HIV tiến hành bởi các chuyên gia, và hầu hết đều kết luận virus bắt nguồn từ châu Phi. Hơn nữa, khi Seiji tới Zaire – đã trở thành Cộng hòa Dân chủ Congo sau khi thay đổi chính phủ – ông không trở lại tay không. Ông đã lấy được mẫu máu từ một bộ tộc Pygmy, bộ tộc Mbuti, và xác nhận rằng họ không chỉ không nhiễm HIV mà còn không bị ảnh hưởng từ bất kỳ loại virus nào khác. Không tìm thấy loại virus sẽ cho thấy HIV là vũ khí sinh học.

Mới ban nãy có vẻ cậu đang đi đúng đường, nhưng giờ Kento thấy mình cần phải loại bỏ giả thiết này. Cậu lôi một chiếc mùi soa nhàu nhĩ ra khỏi túi và lau kính.

Giờ thì đến lượt mục 5. Nếu hụt nốt ở đây, cậu sẽ hết manh mối. Cuộc phiêu lưu lớn đối đầu với FBI của cậu sẽ kết thúc. Cậu tưởng tượng trông mình sẽ khốn khổ ra sao khi đến cảnh sát đầu thú, một

suy nghĩ khiến tâm trạng cậu u ám hẳn đi. Cậu lật sang trang mới cuốn *Tạp chí hằng quý về chính trị đương thời.* Mục cậu đang tìm bắt đầu ở góc trên bên trái trang báo.

5. Sự tiến hóa của loài người

"Chúng tôi không nhất trí với nhận định rằng tiến hóa sinh học chỉ xảy ra khi có sự thay đổi gene đột ngột. Thông tin lưu trữ trong hóa thạch cho thấy tiến hóa sinh học diễn ra vừa đều đặn, vừa gián đoạn. Trong hiện tượng tiến hóa có một cơ chế ngầm ẩn còn chưa rõ, biến đổi các loài một cách vừa đều đặn, vừa rời rạc. Các thể hữu cơ tích lũy những thay đổi tinh vi trong một thời gian dài, nhưng đôi lúc cũng có thể thay đổi đột ngột. Điều này cũng đúng với những loài linh trưởng như chúng ta.

"Trong cuốn *Loài người và tiến hóa*, giáo sư Georges Olivier từ Đại học Paris đã bàn về sự tiến hóa của con người từ góc độ nhân học thể chất. Trích nguyên văn lời ông, 'Không lâu nữa, loài người của tương lai sẽ đột nhiên xuất hiện.' Khoảng sáu triệu năm trước, nhiều sinh vật đã phân nhánh khỏi tổ tiên chung của chúng với tinh tinh. Đầu tiên, chúng tiến hóa thành người vượn Java, rồi tới họ Người, người Neanderthal, và người CroMagnon, và quá trình này rõ ràng cho thấy rằng tiến hóa đang diễn ra ngày một nhanh. Bước tiến hóa tiếp theo của nhân loại có thể xảy ra vào ngay ngày mai.

"Thế hệ người tiếp theo tiến hóa từ con người hiện tại sẽ có vùng vỏ não mới phình to và sở hữu trí thông minh vượt xa chúng ta. Olivier hình dung khả năng trí tuệ của họ như sau: 'Họ sẽ có khả năng tri nhận chiều thứ tư, hiểu được tức thời các tổng thể phức tạp; họ sẽ có giác quan thứ sáu, ý thức đạo đức phát triển vô hạn – những năng lực tinh thần mà chúng ta không thể nào hiểu nổi.'

"Thế hệ loài người mới này sẽ ít có khả năng xuất hiện tại các quốc gia phát triển hơn là các khu vực đang phát triển bị cắt rời khỏi vùng phụ cận. Các đột biến gene cá thể sẽ bám rễ dễ dàng hơn trong những nhóm người nhỏ cư trú tại các khu vực này.

“Những con người mới này sẽ hành động ra sao? Một điều chúng ta có thể chắc chắn, đó là họ sẽ cố gắng tiêu diệt chúng ta. Nếu không tiêu diệt ta, họ sẽ không thể bảo đảm môi trường sống cho mình. Họ sẽ coi chúng ta là những sinh vật cấp thấp vô cùng nguy hiểm, luôn dành thời gian giết hại đồng loại và sở hữu trong tay những công nghệ khoa học đủ sức tàn phá môi trường trái đất. Những sinh vật với trí tuệ và năng lực đạo đức thấp kém sẽ bị xóa sổ bởi những sinh vật thông minh hơn.

“Khi sự tiến hóa của loài người xảy ra, chúng ta sẽ sớm biến mất khỏi bề mặt trái đất. Chúng ta sẽ chịu chung số phận đã rơi xuống đầu người Bắc Kinh và người Neanderthal.”

Phần 2
THẦN BÁO THÙ

1

Ngay sau khi Arthur Rubens làm bài kiểm tra đầu vào ở trường mẫu giáo, cha mẹ anh đã được gọi ngay tới văn phòng hiệu trưởng và thông báo rằng con trai họ có chỉ số IQ "vượt trần". "Vượt trần" theo ý tốt, và cha mẹ Rubens – cha anh quản lý một chuỗi nhà hàng nhỏ ở Maryland, và mẹ anh làm nội trợ – sung sướng vô cùng.

Khi đến tuổi dậy thì, IQ của Rubens đã nằm trong ngưỡng đo được, nhưng vẫn tiếp tục ở mức trên cùng đồ thị phân bố IQ. Biểu đồ này cho thấy chỉ có một trong mười nghìn người sở hữu trí thông minh ở cùng mức độ với anh. Có tập hợp lại với nhau tất cả những người Mỹ có mức IQ từ đó trở lên, họ cũng chưa đứng kín một sân bóng chày.

Dù vậy, trái với kỳ vọng của những người quanh mình, Rubens đã sớm từ bỏ khả năng ấy. Tới quãng mười bốn mười lăm tuổi, anh đã biết mình không có mấy óc sáng tạo. Tiếp thu những thành công học thuật đã được các bậc tiền bối tạo ra không phải là vấn đề, nhưng anh không thể đóng góp thêm thứ gì đó tân tiến vào kho tri thức chung. Trong lịch sử nhân loại, cảm hứng chớp nhoáng của các thiên tài mới là thứ tạo nên khoa học và văn minh, và từ ngày còn nhỏ, Rubens đã biết mình thiếu chiếc ăng ten có thể bắt sóng những thiên khải siêu phàm ấy.

Vậy nên, khi bước chân vào Đại học Georgetown ở tuổi mười bốn, anh không tự coi mình là một thần đồng nữa mà chỉ là một người tài giỏi. Anh không hứng thú với tiền bạc hay quyền lực. Nỗi khát khao duy nhất khiến anh trở nên khác người là lòng nhiệt huyết rực cháy dành cho tri thức, và do đó anh đã tham dự vô số lớp học khác nhau. Điều khiến anh hứng thú nhất là lịch sử khoa học. Với anh, dò theo dòng lịch sử này, từ những nhà triết học tự nhiên thế kỷ sáu trước Công nguyên tới những phát triển của vật lý lý thuyết trong thế kỷ hai mươi – toàn bộ hành trình trên con đường tri thức

của nhân loại – là thứ niềm vui không gì sánh được. Từ quan điểm khoa học, giai đoạn đáng tiếc nhất trong lịch sử loài người chính là thời kỳ đêm trường Trung cổ, khi người châu Âu chặn đứng cuộc hành quân tìm kiếm tri thức này. Nếu không có thời kỳ ấy thì chậm nhất là đến cuối thế kỷ mười chín, loài người đã có thể đặt chân lên mặt trăng.

Rubens yêu thích việc học, nhưng phần còn lại của đời sinh viên đối với anh thì tệ hại vô cùng. Tuổi trẻ và trí thông minh của anh, cùng mái tóc vàng và khuôn mặt điển trai, là quá đủ để những sinh viên lớn tuổi hơn nổi lòng ghen tị. Khi bạn học bắt nạt anh, đôi mắt họ chứa đầy ác ý, nhưng điều khiến anh khó chịu nhất là việc họ luôn chỉ ra rằng anh là trai tân. Anh nhìn khuôn mặt xấu xí của những gã trai ghen tuông kia trưng ra vẻ khinh thường một cách bông đùa – nhưng, sâu thẳm bên trong, sự khinh thường ấy là thật – và anh nhận ra một khuynh hướng đàn ông càng kém thông minh, sẽ càng tỏ ra trịch thượng hơn trong vấn đề tình dục. Mỗi khi Rubens cố tỏ ra thân thiện với bạn học nữ, tình trạng quấy rối sẽ càng nghiêm trọng hơn. Đám người dần độn ấy khiến anh nghĩ đến mấy con đực chọi sừng trong cuộc chiến giành con cái.

Trải nghiệm ấy biến Rubens thành một người quan sát lạnh lùng. Nếu anh giả ngu và vờ như không nhận thấy sự hằn học của những người khác, họ càng lấn tới và bộc lộ rõ hơn bản chất dã thú của mình. Họ không hề hay biết mình không khác nào một cuốn sách mở đối với anh, họ thể hiện đúng bản chất chân thực của mình – một lũ động vật không hơn không kém.

Anh kết luận, sự cạnh tranh trong xã hội chỉ xoay quanh hai thứ: thức ăn và tình dục. Để ăn được nhiều hơn người khác, để tích trữ được nhiều tài sản hơn cho bản thân, để giành được đối tượng hấp dẫn nhất thuộc phái bên kia, người ta dễ nảy sinh thái độ khinh người và ăn hiếp người khác. Những kẻ duy trì được lối hành xử hung bạo dã thú này sử dụng sự uy hiếp và mưu đồ để leo lên vị trí lãnh đạo. Quyền cạnh tranh tự do mà chủ nghĩa tư bản đem lại là một hệ thống khôn khéo để thăng hoa bạo lực này và hướng năng

lượng của nó vào thúc đẩy các hoạt động kinh tế. Không có luật pháp hay hệ thống phúc lợi xã hội, thói tham lam bản năng của chủ nghĩa tư bản sẽ không bao giờ được kiểm soát. Anh kết luận rằng, dù sao đi chăng nữa, những con vật gọi là người luôn dối trá, sử dụng trí khôn để tô điểm và che giấu ham muốn nguyên thủy, và biện hộ cho hành vi của bản thân.

Sáu năm sau khi bắt đầu đại học, Rubens đạt được bằng tiến sĩ ngành toán cơ bản và lần đầu tiên trải nghiệm, bằng thân thể mình, sắc đẹp và sự yêu kiều của một người phụ nữ. Rồi anh bỏ lại Georgetown. Anh tiếp tục nghiên cứu sau tiến sĩ tại Phòng thí nghiệm quốc gia Los Alamos và nhận được việc làm trong một cơ sở nghiên cứu tại Santa Fe trong một lĩnh vực mới, nghiên cứu phức hệ. Trong một quán cà phê, anh tình cờ gặp một nhà tâm lý học và được nghe một câu chuyện thú vị đã quyết định hướng đi cuộc đời anh. Họ nói về nghiên cứu tỷ lệ bắn súng của quân lính Mỹ.

“Trong Thế chiến thứ hai, khi lính Mỹ đối diện với quân thù, anh nghĩ tỷ lệ họ sẽ kéo cò và bắn là bao nhiêu?”

Câu hỏi được đặt ra trong cuộc chuyện gẫu bên cốc cà phê, và Rubens trả lời mà không buồn suy nghĩ. “Khoảng bảy mươi phần trăm?”

“Không. Chỉ có hai mươi phần trăm.

Nhà tâm lý học, nhận thấy vẻ ngạc nhiên và nghi ngờ trên mặt Rubens, nói tiếp. “Tám mươi phần trăm còn lại nói rằng họ hết đạn hay bịa ra một lý do nào đó để không phải giết người. Con số này không thay đổi ngay cả khi đối mặt với các cuộc tấn công cảm tử của quân Nhật. Với quân lính trên tiền tuyến, cơn stress khi phải giết người khác rõ ràng là lớn hơn nỗi sợ bị giết.”

“Thật đáng ngạc nhiên. Tôi luôn nghĩ con người phải tàn bạo hơn.”

Nhà tâm lý học nhe răng cười. “Còn nữa,” anh ta nói. “Báo cáo này khiến quân đội hoang mang. Không thể để lính tráng đâm ra có đạo đức hơn được, phải không? Vậy là họ tiến hành nghiên cứu tâm lý để tìm cách nâng cao tỷ lệ bắn. Và họ đã tăng được tỷ lệ đó lên

chín lăm phần trăm."

"Họ đã làm gì?"

"Đơn giản thôi. Họ thay thế các bia bắn tròn trong trường bắn bằng bia bắn có hình người và khiến chúng bật lên như người thật. Và họ đưa ra một hệ thống thưởng phạt dựa trên thành tích của binh lính ở trường bắn."

"Phản xạ có điều kiện tạo tác?"

"Chính xác. Giống như huấn luyện chuột gạt đòn bẩy để có thức ăn. Tuy nhiên," nhà tâm lý học nói, vẻ mặt anh ta hơi xìu xuống, "phương pháp rèn phản xạ thấy địch là bắn này có một nhược điểm lớn. Họ loại bỏ chướng ngại tâm lý của những người lính *trước* khi bắn nhưng lại hoàn toàn không tính tới chấn thương tâm lý *sau* khi bắn. Kết quả là hàng loạt cựu binh từ Việt Nam trở về với hội chứng rối loạn hậu sang chấn."

"Được rồi," Rubens nói vẻ nghi ngờ. "Nhưng nếu con người căm ghét việc giết người đến vậy, tại sao chiến tranh không biến mất? Và làm sao Mỹ lại thắng trong Thế chiến thứ hai với tỷ lệ bắn chỉ ở mức hai mươi phần trăm?

"Thứ nhất, hai phần trăm tất cả số lính nam là những kẻ mà anh gọi là sát nhân bẩm sinh. Những kẻ thái nhân cách, không hề cảm thấy tác động tâm lý bất lợi nào khi giết người. Dù vậy, hầu hết họ đều sống cuộc sống bình thường sau khi trở về. Chỉ khi ở trong quân đội, họ mới thành người lính lý tưởng có thể giết chóc mà không cắn rứt lương tâm."

"Nhưng không thể thắng một cuộc chiến chỉ với hai phần trăm lính, phải không?"

"Họ phát hiện ra rằng, biến chín mươi tám phần trăm còn lại trở thành kẻ giết người không hề khó. Anh bắt đầu bằng việc huấn luyện họ tuân lệnh thẩm quyền và khiến họ đồng nhất với nhóm của mình để cướp đi tính cá nhân của họ. Rồi anh tạo ra khoảng cách giữa họ và những người họ giết."

"Khoảng cách?"

"Đúng vậy. Theo hai nghĩa. Khoảng cách tâm lý và khoảng cách

thể chất.

“Nếu kẻ địch là một chủng tộc khác,” anh ta giải thích, “với một ngôn ngữ, tôn giáo và hệ tư tưởng khác, vậy thì đã có sẵn một khoảng cách tâm lý, khiến việc giết đối thủ dễ dàng hơn. Trong thời chiến, rất dễ biến một người thành kẻ sát nhân nếu họ thuộc loại người bình thường đã giữ khoảng cách tâm lý giữa mình và các chủng tộc khác, coi chủng tộc của mình là thượng đẳng và các chủng tộc còn lại là hạ đẳng. Cứ nhìn quanh, tôi chắc chắn anh sẽ thấy vài người kiểu đó. Chỉ cần dạy người ta rằng đối thủ của họ là con vật hạng dưới về đạo đức là anh sẽ có một cuộc tàn sát nhân danh công lý. Trò tẩy não này diễn ra cả trong thời bình và thời chiến. Gọi kẻ địch bằng những từ miệt thị như ‘khựa’ hay ‘mọi’ là bước đầu tiên.

“Để giữ khoảng cách thể chất,” nhà tâm lý học nói tiếp, “anh cần công nghệ vũ khí tiên tiến.”

Kể cả những người lính ngại bắn quân địch ở cự ly gần cũng không còn lưỡng lự khi không trực tiếp nhìn thấy địch và được giao các vũ khí có khả năng hủy diệt ngày càng lớn hơn, cho phép khả năng giết chóc từ xa – súng cối bắn từ chiến hào, pháo nã từ biển, bom thả từ máy bay. Những người lính bị chấn thương tâm lý cả đời vì phải bắn kẻ địch đối diện mình, nay có thể giết hàng trăm người trong các cuộc không kích mà không phải chịu tổn thương lâu dài nào.

“Một vài học giả cho rằng, điều phân biệt con người với động vật là sức mạnh của trí tưởng tượng. Nhưng khi con người dùng những thứ vũ khí này, bất cứ khả năng tưởng tượng nào họ có cũng bị tê liệt. Họ ném bom xuống đầu người khác nhưng không nhìn thấy cái chết kinh hoàng của những con người bên dưới đang cố gắng chạy trốn. Và sự bóp méo này không chỉ giới hạn ở quân lính. Nó là tâm lý chung, có thể thấy trong cả những cư dân bình thường. Anh hiểu ý tôi chứ?”

Rubens gật đầu. Người ta ghê sợ một người lính xọc lưỡi lê vào đối thủ, nhưng lại ca tụng một phi công bắn hạ mười máy bay địch là anh hùng.

“Vũ khí hủy diệt hàng loạt tìm cách tạo ra khoảng cách giữa ta và địch, đồng thời nhắm tới số nạn nhân lớn nhất bằng cách thức dễ dàng nhất có thể. Thay vì nện người ta đến chết, chúng ta đã chuyển sang dùng dao, rồi súng, rồi đại bác, bom, và cuối cùng là tên lửa hạt nhân xuyên lục địa. Ở Mỹ, việc chế tạo những vũ khí này đã trở thành một trong những ngành công nghiệp then chốt. Đó chính là lý do tại sao chiến tranh sẽ không bao giờ mất đi.”

Càng đi sâu vào loại nghiên cứu này, Rubens càng nhận ra chiến tranh hiện đại đều có một cấu trúc chung. Trong số những kẻ tham dự vào chiến tranh thì những kẻ tàn bạo nhất – hay nói cách khác, các nhà lãnh đạo hạ quyết định gây chiến – là những kẻ cách xa cuộc chiến thực sự nhất, cả tâm lý và thể xác. Ngài tổng thống Hoa Kỳ tham dự buổi tiệc tối trong Nhà Trắng không hề vấy máu quân địch và không bao giờ nghe thấy tiếng gào thét xé ruột xé gan giữa chiến trường của người đồng chí cơ thể nát bấy đang chết dần trong đau đớn. Ngài tổng thống được bọc trong một cái tổ kén ấm áp, nơi ông ta gần như không cảm thấy chút mặc cảm tội lỗi nào của kẻ sát nhân và có thể mặc cho bản tính tàn nhẫn tung hoành. Vì cấu trúc quân đội đã phát triển đến nước ấy, và vì khoa học kỹ thuật đã tinh chế vũ khí, những cuộc tàn sát trong chiến tranh hiện đại càng trở nên kịch liệt. Những kẻ cầm cân nảy mực trong chiến tranh có thể phát lệnh tiến hành những cuộc không kích lấy mạng hàng ngàn người mà không cảm thấy chút tội lỗi nào.

Liệu những người lãnh đạo một đất nước, phát động chiến tranh khi biết rằng hàng chục ngàn người sẽ chết, có phải thuộc hạng bình thường không, nếu tính theo mức độ tàn nhẫn? Hay họ là những kẻ bất thường giấu đi tính bạo lực của mình sau nụ cười thân thiện?

Rubens quyết định rằng, câu trả lời phải là điều thứ hai. Những kẻ cuồng quyền lực, sống sót qua các cuộc tranh đấu chính trị đã đưa họ tới vị trí hiện tại, phải sở hữu tính bạo lực và hiếu chiến vượt xa mức bình thường. Vậy nhưng trong cơ chế dân chủ, người dân quyết định cách hệ thống chọn lựa người lãnh đạo, nên bất cứ vị lãnh đạo nào bước ra từ đó đều phải đại diện cho ý muốn của số đông. Như

vậy, tâm lý chiến tranh có thể được thay bằng tâm lý của những kẻ nắm quyền. Để trả lời câu hỏi tại sao con người lại gây chiến, Rubens cảm thấy cần phải nhìn vào lịch sử tâm thần của những người yêu cầu cả một dân tộc lên đường chiến tranh.

Song song với tìm hiểu sâu hơn các hệ thống thích ứng phức tạp tại phòng thí nghiệm Santa Fe, anh vẫn tiếp tục theo đuổi dòng suy luận này trong thời gian rảnh rỗi. Ngay cả sau khi trở về cơ sở Los Alamos, nơi anh làm việc, lòng ham muốn được đào sâu hơn nữa vào tâm lý thời chiến của các nhà lãnh đạo vẫn không hề giảm sút. Anh nhanh chóng nắm vững kiến thức về tâm bệnh học và tâm lý học lâm sàng, sau đó áp dụng chúng cùng các phương pháp nghiên cứu bệnh học khác để phân tích tính cách của hai ứng cử viên cho ghế tổng thống. Anh kết luận rằng chiến thắng của Gregory S. Burns sẽ dẫn đến nguy cơ chiến tranh cao hơn. Nửa năm sau, khi Burns thắng cử, Rubens kết luận rằng lịch sử loài người đang có chiều hướng xấu đi và rằng anh muốn quan sát quá trình này từ bên trong. Lúc đó anh gần ba mươi tuổi và đã từ bỏ con đường học thuật. Đã tới lúc anh rời khỏi ngọn tháp ngà và bước vào thế giới rộng lớn đầy những sinh vật gọi là con người kia.

Anh bắt đầu bằng việc sử dụng các mối quan hệ của mình tại phòng thí nghiệm Los Alamos để tìm một công việc sẽ đưa anh tới gần Nhà Trắng hơn. Đối với các cơ quan chính phủ, trí tuệ vượt trội của Rubens vô cùng hấp dẫn. Cả cơ quan tình báo quân đội và DARPA, Cơ quan dự án nghiên cứu tiền tiến quốc phòng, đều cố mời chào anh, nhưng rồi anh được biết đến một viện nghiên cứu mà trước đây chưa từng nghe tên. Viện Schneider, đóng trụ sở chính tại Washington, DC. Đó là một trong nhiều viện nghiên cứu thành lập trong thời hậu Thế chiến thứ hai, và trong khi các viện khác tập trung vào những lĩnh vực như kinh tế, ngoại giao và chiến lược quân sự, Viện Schneider lại tập trung vào chiến lược thông tin. Trên giấy tờ, họ là một công ty quan hệ công chúng tư nhân, nhưng khách hàng lớn nhất của họ lại là CIA và Bộ quốc phòng. Họ cố gắng tránh lôi

kéo sự chú ý và được ít người biết đến hơn nhiều so với các viện nghiên cứu khác như RAND.

Viện Schneider giữ vị trí trung lập, không bảo thủ cũng không tự do, và nhờ đó xây dựng được mối quan hệ tốt với chính quyền của tất cả các tổng thống. Rubens quyết định rằng đó là nơi hoàn hảo cho mình, tham gia phỏng vấn và được nhận.

Rubens nhận chức vụ nghiên cứu viên và được cấp văn phòng riêng trong viện, một tòa nhà sáu tầng khiêm tốn gần sông Potomac. Ngoại trừ những việc linh tinh mà anh buộc phải làm, họ cho phép anh theo đuổi bất cứ nghiên cứu nào mình muốn. Về sau, anh phát hiện đó là giai đoạn thử việc. Anh phải làm một loạt các bài kiểm tra tâm lý và phát hiện nói dối, và bị FBI điều tra lý lịch tư pháp kỹ lưỡng, cho đặc vụ tới rà soát các nơi ở cũ của anh. Một năm sau, sau khi họ đã xác định anh không có khó khăn kinh tế, không có họ hàng ngoại quốc, không tham gia bất cứ hoạt động chống chính phủ nào, không có tiền án và không có xu hướng tình dục biến thái, anh được lên hạng an ninh cấp độ tối mật/thông tin nhạy cảm lưu giữ riêng. Và ngay lập tức anh trở nên bận rộn hơn rất nhiều. Anh được thăng chức thành chuyên viên phân tích và cử đến tiền phương trong cuộc chiến thông tin mà Lầu Năm Góc đang tiến hành.

Nhiệm vụ tối mật mà anh được phân tới không nhằm vào các nước thù địch mà là chiến tranh tâm lý nhắm vào người dân Mỹ. Chính quyền Burns đang lên kế hoạch cho một cuộc tấn công Iraq và cần thuyết phục công chúng ủng hộ nỗ lực chiến tranh. Họ chọn ra khoảng tám mươi sĩ quan đã về hưu, sẽ làm bất cứ gì Lầu Năm Góc phân phó, và cho họ xuất hiện trước giới truyền thông đóng vai các nhà phân tích quân sự độc lập ủng hộ cuộc xâm lược Iraq. Dùng truyền thông lèo lái công luận là việc dễ không. Khi các nhà bình luận trên ti vi nhắc đi nhắc lại rằng Iraq là một mối đe dọa sát sườn, tỷ lệ ủng hộ của công chúng với Burns tăng lên nhanh chóng.

Cùng lúc đó, CIA lén đưa ba mươi người Mỹ gốc Iraq tới Iraq, và họ xác nhận rằng Iraq đã ngừng sản xuất vũ khí hủy diệt hàng loạt. Chứng cứ duy nhất cho thấy Iraq vẫn tiếp tục phát triển những vũ

khí này – các tài liệu xem ra chứng minh Niger đã xuất khẩu uranium sang Iraq – hóa ra lại là giả. Chỗ nguyên liệu hạt nhân này đã được bán theo hợp đồng tương lai từ vài năm trước cho một số nước châu Âu và các tập đoàn Nhật Bản. Nhưng chính quyền Burns lờ đi những báo cáo này và tiếp tục thúc đẩy kế hoạch chiến tranh.

Sau khi giải quyết những nhiệm vụ được giao, Rubens được rảnh rang quan sát kỹ các sự kiện, và anh nhanh chóng kết luận rằng đây là một cuộc xâm lược nhằm vào tài nguyên dầu mỏ của Iraq. Một cuộc chiến bất công, nhưng lại là một cuộc chiến mang lại lợi lộc cho đất nước. Thứ Rubens đặc biệt chú ý không phải là những khái niệm trừu tượng như quốc gia hay phức hợp công nghệ quân sự mà là những con người bằng xương bằng thịt. Tính cách một quốc gia chính là tính cách của những người cầm cân nảy mực quốc gia đó.

Các lãnh đạo chủ chốt trong cuộc xâm lăng là những kẻ sẽ nhét tiền đầy túi suốt cuộc chiến. Chamberlain, nguyên bộ trưởng Bộ quốc phòng đã ủng hộ việc thuê ngoài các công ty tư nhân để thầu các nhiệm vụ quân sự, đã từ chức khi thay đổi chính quyền để trở thành người đứng đầu một tập đoàn tư nhân hợp tác với chính phủ, từ đó thu lại lợi nhuận khổng lồ. Khi Burns lên, ông ta trở lại Nhà Trắng với tư cách phó tổng thống, và cũng là một trong những người tiên phong thúc đẩy chiến tranh Iraq. Từ trước khi cuộc xâm lăng được phát động, ông ta đã bắt đầu phác thảo kế hoạch tái thiết hậu chiến. Như lẽ đương nhiên, sau khi cuộc chiến kết thúc, công ty nhận được hợp đồng tái xây dựng cơ sở hạ tầng tại Iraq không phải ai khác mà chính là công ty năng lượng của ông ta. Từ đó, tài sản cá nhân của ông ta đã tăng lên hàng chục triệu đô la.

Còn có hàng tá chính khách trong chính quyền Burns cũng sử dụng triết lý tân bảo thủ hòng che đậy lòng tham của mình. Đến cả Lattimer, bộ trưởng Bộ quốc phòng, cũng có quan hệ sâu sắc với các công ty đạn dược.

Điều khiến Rubens khó hiểu nhất chính là tổng thống Burns. Từ các phát biểu công khai của Burns có thể thấy nỗi căm ghét của ông ta đối với nhà độc tài Iraq, nhưng Rubens không thể hiểu tại sao phải

căm ghét đến mức muốn giết người kia. Đây không chỉ là vì lợi ích quốc gia, cũng không phải mưu toan rót lợi nhuận cho khối công nghiệp-quốc phòng bằng ngân sách nhà nước. Thậm chí còn có thể có một nguyên nhân vô thức nào đó mà đến chính Burns cũng không nhận thức được. Tới đây, Rubens lần theo các thông tin ít ỏi trên truyền thông về thời niên thiếu của Burns và đưa ra một giả thiết. Burns nhìn thấy bóng dáng ông bố chuyên quyền của mình trong nhà độc tài Iraq và muốn lật đổ ông ta. Rubens tự chế nhạo bản thân vì đã đơn giản hóa vấn đề do thiếu dữ liệu, nhưng nếu đánh giá này mà chính xác, viễn cảnh ấy quả là đáng sợ. Hơn một trăm nghìn người chết chỉ vì mối quan hệ của một người với bố mình. Và một khi đã đạt được mục tiêu và lật đổ kẻ thù, Burns hẳn sẽ cảm thấy trống rỗng, bởi đó không phải kẻ thù thật sự của ông ta. Tất cả những gì ông ta làm được là giết chết đối thủ tưởng tượng mình đã vẽ ra sâu trong tâm trí.

Dù sao đi chăng nữa, cuộc chiến đã bắt đầu, và trong khi cuộc tàn sát vẫn còn tiếp diễn trên khắp đất Iraq, Burns tuyên bố thắng lợi. Vài quốc gia khác, như một bầy linh cẩu, dưới vỏ bọc hỗ trợ công tác tái thiết sau chiến tranh, tới đóng quân trên đất nước bại trận. Các chính phủ không thích thấy quân lính của mình tiếp tục chết sau khi đã tuyên bố chiến thắng, và từ đó kéo theo một vở hài kịch đen: lính tư nhân được thuê để canh gác cho các toán quân chính quy. Một vài nước khác đã ủng hộ ý định của Hoa Kỳ trong thương vụ nực cười này nay được chia một phần nhỏ trong đống chiến lợi phẩm còn sót lại – quyền tiếp cận hạn chế đối với một số mỏ dầu. Mờ mắt trước lợi nhuận khổng lồ mà nước mình có thể thu được, các nhà lãnh đạo của những quốc gia này lại dùng cái cớ vũ khí hủy diệt hàng loạt để lừa gạt người dân, hoặc là người dân vờ như bị lừa gạt, và họ gián tiếp tiếp tay cho cuộc giết chóc người Iraq. Sau hậu trường, ngành công nghiệp năng lượng kiếm được lợi nhuận khổng lồ, và dân chúng được hưởng một cuộc sống tốt đẹp hơn, trong khi nhiều toán quân tại tiền tuyến phải chịu những vết thương sâu sắc cả về thể xác lẫn tinh thần.

Những nhà lãnh đạo Mỹ tiên phong trong cuộc chiến này – một trong những cuộc chiến ngu xuẩn nhất lịch sử nhân loại – ngay khi chấm dứt cuộc sống, chắc chắn sẽ bị ném thẳng vào địa ngục bởi chính tay vị Chúa mà họ tự nhận là mình tin.

Tới thời điểm quá trình tái thiết bắt đầu trì trệ, Rubens, khi đó đã trở thành chuyên viên phân tích cấp cao, quyết định rời Viện Schneider. Anh đã thấy tất cả những gì có thể thấy ở nơi đó. Điều tiếp theo anh muốn quan sát là sức mạnh tái sinh của Hợp chủng quốc. Người dân Mỹ không hề ngu xuẩn. Sự chống đối đối với chính quyền điên rồ của Burns chắc chắn sẽ nảy sinh. Thậm chí còn có khả năng, trong cuộc bầu cử tiếp theo, nước Mỹ sẽ chọn ra một vị tổng thống người Mỹ gốc Phi hoặc một nữ tổng thống đầu tiên. Nếu anh tham gia vào đội ngũ tranh cử làm việc tại trụ sở của ứng cử viên dẫn đầu, anh sẽ được quan sát rõ ràng hơn nữa tâm lý và sự tàn bạo của kẻ muốn trở thành người quyền lực nhất đất nước.

Vào khoảng thời gian đó, Rubens được mời tới một cuộc họp ở một ban khác trong viện. Chờ anh trong phòng hội nghị bảo mật cao là trưởng ban đối ngoại, người liên lạc giữa viện với CIA, NSA và các cơ quan khác trong cộng đồng tình báo.

“Tôi muốn anh đọc thứ này,” ông nói với Rubens và đưa ra bản sao một báo cáo có tên *Nghiên cứu các yếu tố dẫn tới sự tuyệt chủng của nhân loại, và các chính sách đề xuất*. Anh ngạc nhiên khi thấy tác giả là tiến sĩ Joseph R. Heisman, nghiên cứu viên cao cấp tại Viện Schneider. Lĩnh vực của ông là vật lý lý thuyết, nhưng ông cũng rất nổi tiếng là một học giả hiểu biết sâu rộng về tất cả các ngành khoa học. Ông là một chuyên gia hàng đầu về lịch sử khoa học, và Rubens đã đọc một số sách của ông. Rubens không hề biết rằng Heisman từng là người của Viện Schneider ba mươi năm về trước.

Rubens đọc *Báo cáo Heisman* với sự hứng thú sâu sắc. Điều làm anh ấn tượng nhất chính là việc tác giả của nó là một người tôn sùng chủ nghĩa hòa bình. Phải có lòng dũng cảm tới mức nào mới có thể nộp lên bản báo cáo này vào lúc đỉnh điểm của chiến tranh lạnh.

Lòng ngưỡng mộ của Rubens với Heisman càng tăng thêm.

"Ý kiến của anh về bản báo cáo này thế nào?" trưởng ban đối ngoại hỏi.

"Ông ấy nói rất có lý," Rubens trả lời ngắn gọn.

"Xem cái này đi," trưởng ban nói, và đưa cho anh một văn bản nữa. "Bộ phận châu Phi của NSA đã bắt được một email gửi từ Cộng hòa Dân chủ Congo. Người gửi là một nhà nhân học tên Nigel Pierce, tới một nhà nghiên cứu khác. Tôi muốn anh xem xét nội dung bức thư, đánh giá nó, và nộp báo cáo trong vòng một tuần. Điều cốt yếu là độ đáng tin của bức thư – liệu việc này có thể thực sự xảy ra hay chỉ là một kiến giải sai lầm từ phía giáo sư Pierce."

"Ông có phiền không nếu tôi làm rõ hai điểm?"

"Xin mời."

"Tại sao lại là tôi? Đây không phải việc cho chuyên viên phân tích ở NSA hay CIA sao?"

Trưởng ban cười nhẹ. "Họ không đảm đương nổi. Anh là người duy nhất đủ khả năng. Các cảnh báo trong *Báo cáo Heisman* đã trở nên khả thể hơn nhiều, và họ lại phải nhờ viện chúng ta giải quyết."

Rubens gật đầu và đặt câu hỏi thứ hai. "Tôi không cần biết thông tin gì về Nigel Pierce sao?"

"Anh có thể tham khảo ở đây," trưởng ban nói và đưa ra một tập tài liệu.

Rubens liếc qua báo cáo. Theo như bản điều tra lý lịch tiến hành bởi CIA, Pierce là một người da trắng, bốn bảy tuổi, là người thừa kế một công ty xuất nhập khẩu lớn, Pierce Shipping. Nhưng bản thân Pierce lại thuộc dạng học giả, vậy nên ông đã trao lại công ty của gia đình cho em trai và lấy học vị tiến sĩ nhân học năm hai bảy tuổi. Sau đó ông chủ yếu dành thời gian làm việc thực địa, và năm bốn mốt tuổi, ông được bổ nhiệm làm giáo sư nhân học tại Đại học Roslyn.

Pierce không phải một học giả có tiếng. Luận án của ông về người Pygmy Mbuti bị chỉ trích thẳng thừng là "một cuốn du ký thú vị nhưng thiếu giá trị nghiên cứu". Trên thực tế, Pierce chỉ có thể tiếp tục giữ chức giáo sư nhờ vào các khoản tài trợ nghiên cứu rộng

rãi từ Quỹ Pierce do gia đình ông điều hành. Báo cáo này còn bao gồm một bản đánh giá nhân cách, tuyên bố rằng ông có "Tâm lý ổn định. Người này có ít tinh thần ganh đua và tham vọng học thuật, và theo đuổi con đường này như một sở thích." Ông có vẻ là loại người thẳng thắn, thư thả, đối lập hoàn toàn với một chính trị gia thông thường.

Một tấm ảnh đi kèm với bản báo cáo. Rubens quan sát khuôn mặt rám nắng râu ria lởm chởm rồi quay lại đọc bức thư điện tử. Dấu TỐI MẬT được đóng lên từng trang giấy. Vẫn cho rằng đó là một báo cáo về loại virus chết người kia, Rubens hết sức kinh ngạc vì những gì đọc được.

Dennis thân mến,

Như anh đã biết, tôi tin vào thỏa thuận ngừng bắn giữa chính phủ Congo và lực lượng chống đối và trở lại rừng Ituri. Tôi đã gặp lại những người bạn Mbuti tốt bụng của mình nhưng lại xảy ra một chuyện hết sức đáng ngạc nhiên mà tôi muốn kể với anh. Làm ơn hãy giữ bí mật những điều tôi sắp nói ở đây. Tôi gửi bức thư điện tử này cho anh để làm bằng chứng rằng, tôi là người đầu tiên được chứng kiến một nấc thang mới trong lịch sử loài người.

Ngay sau khi đến khu trại của nhóm Kanga, tôi đã thấy một sinh vật tôi chưa từng thấy bao giờ. Thật khó dùng lời lẽ miêu tả nó. Nó có thân mình và chân tay của một đứa trẻ sơ sinh, nhưng cái đầu thì khác hẳn. Nhất là khi anh nhìn vào mắt nó, anh sẽ thấy nó hoàn toàn thuộc về một loài khác, không phải giống người. Tôi nghĩ bẩm sinh chúng ta đã sở hữu khả năng phân biệt các loài vật khác nhau. Ngay giây phút tôi nhìn thấy giống người mới này, tôi không thể nghĩ ngợi tử tế nữa. Đủ thể loại câu hỏi vần vũ trong đầu tôi, và cơ thể tôi như đóng băng. Tôi không thể cử động theo nghĩa đen.

Một lúc sau, tôi có thể suy nghĩ trở lại, và mặc dù tôi không thích dùng từ này, tôi nghĩ đây là một đứa trẻ dị tật. Họ cho tôi biết rằng đứa trẻ được một cặp vợ chồng Mbuti sinh ra ba năm trước. Khi quan sát đứa trẻ, tôi thấy rằng, trong khi cơ thể của nó hoạt động bình thường,

trí thông minh của nó lại vượt xa hơn tuổi rất nhiều.

Trong vài tháng sau đó, tôi có cơ hội chứng kiến trí tuệ đáng kinh ngạc của đứa trẻ này. Nó chẳng khác nào siêu nhân vậy. Tôi sẽ cho anh nghe chi tiết hơn khi tôi trở về nhà, nhưng trước mắt, tôi sẽ lấy vài ví dụ.

Tôi dạy đứa bé tiếng Anh, và nó nắm được tất cả, cả đọc và viết, trong hai tuần. Giờ đây nó có thể bàn luận về chính trị, kinh tế và các vấn đề phức tạp khác. Dù đã ba tuổi, họng nó vẫn chưa phát triển hoàn chỉnh và nó không thể giao tiếp bằng âm thanh. Thay vào đó, nó sử dụng bàn phím trên máy tính xách tay.

Khả năng tư duy toán học trừu tượng của nó vô cùng xuất sắc, và tôi hết sức kinh ngạc khi thấy nó phân tích thừa số nguyên tố nhanh đến thế nào. Tôi dùng máy tính giao cho nó một loạt hợp số bốn mươi chữ số, và nó tính ra hai thừa số nguyên tố chỉ sau có năm giây. Hãy tưởng tượng xem, một đứa trẻ ba tuổi thấu hiểu các định lý toán học về số nguyên tố mà con người chưa bao giờ giải được! Nếu chính phủ Mỹ, đặc biệt là Bộ quốc phòng, phát hiện ra một đứa trẻ Pygmy có thể phá mật mã RSA ở mức bảo mật cao nhất, chắc chắn đó sẽ là một cú sốc lớn. Ai biết đâu được? Có khi nó còn tìm được bằng chứng cho giả thiết Riemann.

Tôi nghĩ, giờ anh đã hiểu tôi muốn nói gì. Khi xét tới vùng trán phát triển bất thường của nó – các quan sát giải phẫu cho phép phỏng đoán đây là tình trạng duy trì ấu nhi – đây là một loài người hoàn toàn mới, xảy ra do đột biến tại vỏ não mới. Rất có khả năng rằng chúng ta đang được chứng kiến giây phút nhân loại tiến hóa thêm một bậc. Chúng ta có thể xác định đột biến đã xảy ra tại đoạn ADN nào, và liệu việc sinh sản với người hiện đại có khả thi không, chỉ khi đứa trẻ được đưa đến một quốc gia phát triển.

Nói để anh biết, bố đứa trẻ là một người Pygmy bình thường. Mẹ nó bệnh chết, nhưng có vẻ cô ta cũng không có gì bất thường. Tôi đã tới các nhóm khác để kiểm tra, nhưng đây là đứa trẻ duy nhất như thế này. Trong tế bào sinh dục của người bố hoặc mẹ nhóm Kanga hẳn đã xảy ra đột biến bất thường.

Tại phía đông Congo đã lại bắt đầu đụng độ, vậy nên tôi tạm thời không thể rời khỏi rừng Ituri cho tới khi tình hình dịu lại. Cả hai phe chính phủ và phiến quân đều tàn bạo, và tôi rất lo chúng tôi sẽ bị tấn công. Tôi dự định sẽ tìm cách đưa đứa trẻ ra nước ngoài khi thời điểm đến.

Máy tính và điện thoại vệ tinh của tôi hoạt động không tốt lắm, nên có thể tôi sẽ không gửi được thêm thư nữa. Nhưng đừng lo. Ngay khi tới nơi an toàn tôi sẽ liên lạc. Như đã nói, làm ơn hãy giữ bí mật thông tin này.

Rất mong đến ngày tái ngộ.

BneNigel Pierce.

Sau khi đọc xong bức thư, Rubens phải rất cẩn thận không để lộ sự phấn khích của mình. Nơi này không chào đón những kẻ nhiều cảm xúc. "Tôi sẽ có bản đánh giá hoàn chỉnh sau một tuần," anh nói ngắn gọn và rời phòng hội nghị.

Một lần nữa, Rubens lại được dịp kinh ngạc trước khả năng theo dõi của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Cơ quan tình báo lớn nhất thế giới, NSA, với quy mô vượt xa CIA, điều hành một mạng lưới nghe lén toàn cầu tên Echelon cùng bốn nước nói tiếng Anh khác. Hệ thống này có thể bắt được và nghe lén tất cả các phương tiện liên lạc – điện thoại cố định, di động, fax, thư điện tử. Nhưng bởi nó không thể xử lý tất cả các dữ liệu thu được, nên các máy tính đều được cài một chương trình tự động lọc lấy các thông tin động chạm đến vấn đề an ninh quốc gia. Chương trình từ điển hẳn đã đánh dấu vài từ trong thư của Pierce – ở đây có lẽ là các từ như *lực lượng phiến quân, phân tích thừa số nguyên tố, mức bảo mật cao nhất, mật mã RSA, chính phủ Mỹ, Bộ quốc phòng, cú sốc,* và *đụng độ*.

NSA coi thư điện tử của Pierce là vấn đề vì một lý do hiển nhiên: khả năng phân tích ra thừa số nguyên tố của đứa bé Mbuti này. Khả năng ấy có thể xóa bỏ hệ thống mật mã hiện đại. Nó có tiềm năng trở thành mối đe dọa lớn đối với an ninh quốc gia.

Nhưng với Rubens, việc đánh giá đe dọa như vậy có thể coi là

thiển cận. Câu hỏi ở đây là, điều gì sẽ xảy ra với toàn thế giới nếu một sinh vật với trí tuệ vượt quá trí tuệ loài người xuất hiện. Trật tự thế giới bấp bênh mà loài người đã khó nhọc tạo nên và gìn giữ sẽ sụp đổ trong giây lát.

Cùng ngày hôm ấy, Rubens dành nhiều giờ trong thư viện trường cũ, Đại học Georgetown. Anh cần tìm hiểu xem liệu loài người còn có thể tiếp tục tiến hóa không.

Charles Darwin và Alfred Russel Wallace đưa ra thuyết chọn lọc tự nhiên gần như cùng lúc, và trong khoảng 150 năm từ đó đến nay, nó đã khẳng định vị trí của mình là giả thiết chính trong ngành sinh học tiến hóa. Đột biến ngẫu nhiên thay đổi tính trạng của các thể hữu cơ, và nếu các thay đổi này gây bất lợi cho khả năng sinh tồn, nhánh sinh vật đó sẽ chết dần. Nếu các thay đổi có lợi cho sinh tồn, cá thể đó sẽ sống và sản sinh ra thế hệ sau. Quá trình này kéo dài qua nhiều thế hệ, các biến dị tích lũy dần và cuối cùng thay đổi hoàn toàn loài vật ấy. Cả hai nhà khoa học đều không biết chút gì về di truyền Mendel, chưa kể đến sự tồn tại của ADN, và việc hai ông đã đưa ra học thuyết này hoàn toàn dựa vào quan sát tự nhiên cho thấy năng lực tư duy đáng kinh ngạc. Nhưng chính bởi vậy, học thuyết của họ bị chỉ trích là mới chỉ kể nửa câu chuyện về tiến hóa. Học thuyết Darwin chỉ xem xét những gì xảy ra sau đột biến chứ không đề cập đến cơ chế đột biến. Giả thiết của họ không giải thích toàn bộ quá trình.

Các tiến bộ về sau trong ngành sinh học phân tử đem lại nhiều hiểu biết hơn về tiến hóa. Các yếu tố ngoại sinh như phóng xạ hay lỗi trong khâu sao chép ADN khi tế bào sinh dục được tạo ra có thể dẫn đến biến đổi trong thông tin di truyền. Trên thực tế, trong ba tỉ cặp bazơ thuộc bộ gene người, cứ trung bình hai năm lại có một bazơ ADN biến thành một bazơ khác. Hầu hết những đột biến ngẫu nhiên này đều vô hại và không có bất kỳ ảnh hưởng nào đến sự sinh tồn, và việc chúng có trở thành gene cố định trong toàn bộ loài hay không cũng hoàn toàn chỉ là tình cờ.

Rubens biết được rằng, mấy thập kỷ vừa qua có thêm nhiều phát hiện lớn trong ngành sinh học phân tử đã sửa lại những giả thiết được chấp nhận rộng rãi. Đột biến ngẫu nhiên không chỉ gây ra thay thế bazơ đơn lẻ mà còn thay đổi cả bộ gene. Trong lịch sử tiến hóa sinh học, một gene có thể được sao chép hoặc di chuyển tới một vị trí khác, hoặc toàn bộ ADN có thể bị sao chép và nhân đôi. Không nghi ngờ gì nữa, những thay đổi động trong chuỗi bazơ như thế chính là động lực của tiến hóa sinh học. Thêm vào đó, cuối thế kỷ trước, người ta phát hiện ra rằng các sinh vật cũng có thể thay đổi tính trạng kể cả khi không xuất hiện thay đổi ADN. Các hóa chất nhóm methyl và acethyl có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm việc biểu hiện chức năng của các gene này. Hơn nữa, những thay đổi hóa học này cũng được di truyền chính xác từ đời cha mẹ tới đời con, vậy nên một khi đã xảy ra, các thế hệ sau sẽ thừa hưởng chúng.

Càng tìm hiểu sâu về cơ chế đằng sau biến đổi ADN, anh càng chắc chắn hơn rằng tiến hóa sinh học đang xảy ra nhanh hơn nhiều so với con người vẫn tưởng – nói cách khác, nó diễn ra trong một khoảng thời gian ngắn hơn rất nhiều so với thời gian địa chất.

Như *Báo cáo Heisman* đã chỉ ra, "Các thể hữu cơ tích lũy các thay đổi tinh vi trong một thời gian dài, nhưng đôi lúc cũng có thể thay đổi đột ngột."

Nếu xét riêng quá trình tiến hóa của nhân loại thì sao? Sáu triệu năm trước, một loài linh trưởng tách thành hai nhánh. Một nhánh trở thành tinh tinh, nhánh kia thành con người. Nhưng kỳ lạ thay, trong khi tinh tinh gần như không thay đổi chút nào trong sáu triệu năm ấy, nhánh kia lại tiến hóa từ chi Vượn đất thành con người, sản sinh ra ít nhất hai mươi loại người trước khi tới được Homo Sapiens hay Người tinh khôn là chúng ta hiện nay. Đó không phải một đường thẳng mà đã phân nhánh vô số lần, và trong thời ấy, việc có nhiều giống người cùng sinh sống trên trái đất là hoàn toàn bình thường. Người hiện đại, đã đi khỏi châu Phi năm mươi nghìn năm trước và tỏa ra trên toàn hành tinh, hẳn đã gặp các cá thể họ Người và người Neanderthal. Và lời đáp cho câu hỏi tại sao lại có sự chênh lệch đến

như vậy giữa tiến hóa của nhân loại và tinh tinh là ở đó.

Một vài gene giúp tăng tốc quá trình tiến hóa đã được phát hiện trong não người. Một trong số đó là gene HAR1 (human accelerated regions, vùng tăng tốc ở người), liên quan đến sự phát triển của vỏ não. Trong ba trăm triệu năm tiến hóa sinh học kể từ khi gene này xuất hiện, nó chỉ gây ra hai đột biến thay thế bazơ, nhưng trong sáu triệu năm tiến hóa của loài người, đột biến như vậy đã xảy ra tới mười tám lần. Vậy nên, trong số tất cả những phân họ trên trái đất, chỉ có duy nhất họ Người đã thay đổi hướng tiến hóa và trải qua sự phát triển bùng nổ về trí tuệ.

Rubens cũng chú ý tới gene FOXP2. Mặc dù tinh tinh có chung gene này với con người và khác biệt về gene giữa chúng và con người vô cùng nhỏ, giữa hai loài lại tồn tại một sự chênh lệch khổng lồ về khả năng ngôn ngữ. FOXP2 thuộc nhóm yếu tố phiên mã. Trong khi tăng tốc sự biểu hiện của sáu mươi mốt gene, nó lại ức chế năm mươi lăm gene khác. Chỉ cần xảy ra thay đổi ở đúng một gene này, chức năng của hơn một trăm gene khác cũng sẽ bị ảnh hưởng. Kết quả là con người có khả năng thụ đắc ngôn ngữ cấp tiến.

Khi nhìn nhận các vùng tăng tốc trong ADN của người, và ảnh hưởng to lớn của các thay đổi tinh vi trong gene, Rubens không thể coi bản báo cáo của giáo sư Pierce về tiến hóa con người là trò nhảm nhí. Hơn nữa, ngay trước khi định viết đánh giá, Rubens tìm thấy một vài nghiên cứu bổ sung quan trọng. Người hiện đại, xuất hiện hai trăm nghìn năm trước, tiếp tục sống cuộc sống nguyên thủy suốt 190.000 năm. Tại sao con người lại đột nhiên bắt đầu xây dựng các nền văn minh? Lời đáp cho câu đố này được tìm thấy trong bộ gene di truyền của con người. Một gene gọi là ASPM, xuất hiện sáu nghìn năm trước, để lại bằng chứng rằng nó đã thay đổi não bộ chúng ta. Sau đó, người ta tin rằng sự tiến hóa phân nhánh đã xảy ra, tức là các nhóm người bị chia cách về mặt địa lý đã phát triển các chức năng như nhau và các nền văn minh lần lượt mọc lên. Nếu giả thiết này chính xác, vậy thì não bộ người hiện đại đã từng trải qua tiến hóa, mặc dù chỉ trên quy mô nhỏ. Rubens nhận ra, trước khi bàn xem

liệu sự tiến hóa của con người theo hướng này có khả thi hay không, quan trọng nhất là phải hiểu được rằng nó đã từng xảy ra rồi.

Sau khi rời thư viện, Rubens trở lại nhà riêng của mình ở Georgetown, ngồi xuống bên máy tính và viết một lèo hết bản báo cáo. Anh cố gắng dùng giọng thận trọng trong phần kết luận:

Về đứa trẻ sơ sinh Mbuti được nhắc đến trong email của giáo sư Pierce, chúng tôi không thể kết luận liệu đó có phải một loài sinh vật mới. Nói một cách nghiêm ngặt, giả định rằng đứa trẻ đó mang dị hình ở hộp sọ là hợp lý. Nhưng nếu dị hình này là kết quả của đột biến trong chuỗi bazơ, nó sẽ thúc đẩy trí tuệ của đứa trẻ, thay vì làm tổn thương đến nó. Theo đó, ta có thể nói rằng đây là một "con người tiến hóa" hoặc một "dạng tồn tại mới".

Đến hạn, Rubens nộp bản đánh giá cho trưởng ban đối ngoại. Anh được giao nhiệm vụ mới ngay lập tức.

“Sự việc này sẽ được nhắc tới trong buổi báo cáo thường nhật của tổng thống,” người ta nói với anh. “Họ sẽ yêu cầu chúng ta đưa ra phương án đối phó, vậy nên tôi muốn anh bắt tay vào việc ngay.”

“Ý ông kế hoạch đối phó là...”

“Chúng ta nên làm gì với sinh vật đó.”

Việc này đẩy Rubens vào chỗ khó. Họ không muốn một kế hoạch dựa trên cơ sở sinh học mà chỉ đơn giản là phương thức loại bỏ một mối hiểm họa cho quốc gia. Ba lựa chọn tức khắc xuất hiện trong đầu anh – mặc kệ sinh vật đó, bắt nó về đây, hoặc giết nó – mặc dù anh không thấy có giải pháp nào là hoàn hảo.

Rubens trở lại thư viện để thu thập thông tin cho kế hoạch đối phó. Một câu hỏi cơ bản vẫn chưa hề được chạm tới: tại sao bộ gene của đứa trẻ Pygmy lại đột biến? Hoặc là, quay trở lại xa hơn chút nữa, chuyện gì đã xảy ra với tế bào sinh dục của cặp cha mẹ?

Anh đọc hàng loạt tài liệu và đưa ra ba giả thiết mà anh nghĩ có thể hữu ích cho việc vạch ra kế hoạch kia. Và anh cẩn thận nghiên cứu từng viễn cảnh một.

Thứ đầu tiên lọt vào mắt anh là nghiên cứu về cấu trúc của nucleosome. Tài liệu bàn đến phát hiện về thay thế cặp bazơ theo chu kỳ ở cá sóc. ADN, một chuỗi xoắn kép dài, không nằm trong tế bào dưới dạng sợi duỗi thẳng mà quấn quanh một protein hình cầu gọi là histone, giống như sợi chỉ quấn quanh lõi chỉ. So với chiều dài của ADN thì histone khá nhỏ, vậy nên ADN quấn quanh một histone rồi sẽ tiếp tục quấn vào histone tiếp theo, tạo ra một chuỗi vô số cuộn chỉ nối liền. Đột biến trong ADN của cá sóc cứ cách hai trăm bazơ lại xảy ra một lần, như thể đồng bộ với tính chu kỳ của các cuộn trong cấu trúc này. Áp dụng nghiên cứu này vào bản chất của tiến hóa con người, ta sẽ thấy hiển nhiên là có tồn tại những điểm dễ xảy ra thay thế bazơ, và các gene liên quan đến sự tăng trưởng não bộ ở họ Người lại tình cờ nằm ở các vùng này. Thay thế bazơ ngẫu nhiên xảy ra liên tục, nhưng hầu hết các trứng được thụ tinh đều sẽ bị sảy tự nhiên do lỗi gene. Nhưng giờ đây, trong tộc người Mbuti trong rừng già Congo, một cá thể với bộ não tiến hóa đã được sinh ra. Nếu phỏng đoán này là chính xác, đột biến trong tế bào sinh dục không xuất hiện ở tất cả các thành viên nhóm Kanga mà chỉ có ở bố hoặc mẹ của đứa trẻ. Vậy thì kế hoạch đối phó chỉ nên tập trung vào bố mẹ và đứa trẻ này.

Giả thiết thứ hai liên quan tới sự kiện Tunguska. Năm 1908, một vụ nổ bí ẩn xảy ra sâu trong hoang địa Siberia, vùng Tunguska. Một quả cầu lửa lớn trên trời san phẳng khoảng tám mươi triệu cây xanh và thổi bay cả những người cách tới tận sáu mươi kilômét tính từ trung tâm vụ nổ. Với đương lượng nổ mười lăm megaton, nó tương đương với một nghìn quả bom đã ném xuống Hiroshima. Người ta vẫn chưa rõ thứ gì đã phát nổ, nhưng hầu hết các phỏng đoán đều xoay quanh một sao chổi hay thiên thạch nổ tung khi tiếp xúc với bầu khí quyển. Nhưng điều thu hút sự chú ý của Rubens lại là những thay đổi bất thường ở cây cối sau sự kiện đó. Các cây gần trung tâm vụ nổ mọc nhanh hơn bình thường đến ba lần và, trong một vài trường hợp, còn biến đổi thành các hình dạng khác, cho thấy rõ ràng một biến đổi trong gene. Đó cũng là hiện tượng được quan sát thấy

sau các vụ nổ hạt nhân, mặc dù, kỳ lạ thay, không có một chút phóng xạ tàn dư nào được phát hiện gần Tunguska. Dù vậy, tỷ lệ đột biến của cây cối vẫn cao hơn rất nhiều so với các nơi bị ô nhiễm phóng xạ.

Tiếp theo, Rubens nhờ trưởng ban đối ngoại lấy dữ liệu do thám quân sự từ NRO, Cơ quan do thám quốc gia. Anh phát hiện rằng mỗi năm, các vệ tinh do thám phát hiện trung bình bảy vụ nổ thiên thể nhỏ trong bầu khí quyển. Dù nhỏ hơn nhiều so với vụ nổ ở Tunguska, chúng vẫn có đương lượng nổ tương đương với quả bom nguyên tử Nagasaki – hai mươi kilôton. Nếu những hiện tượng thiên văn này gây ra thay đổi trong gene sinh vật, và nếu một trong số đó xảy ra trong vùng trời phía trên rừng Ituri, nơi người Mbuti sinh sống, rất có khả năng là nó đã ảnh hưởng tới tất cả cư dân của khu vực đó. Nhưng sau nhiều lần rà soát cơ sở dữ liệu của NRO, anh vẫn không tìm thấy thông tin về bất cứ một vụ nổ tương tự nào trong không phận Congo trong hai mươi năm qua. Hầu hết các hiện tượng thiên văn này diễn ra phía trên đại dương, cách xa nhân loại. Vậy nên Rubens bác bỏ giả thiết thứ hai này.

Giả thiết thứ ba cuối cùng đã xác định hướng đi của kế hoạch đối phó: thuyết tiến hóa virus. Nó chỉ là một trong nhiều giả thiết liên quan đến tiến hóa sinh học, nhưng lại chứa một ý tưởng Rubens không thể làm ngơ. Bởi virus không thể tự sinh sản, nên chúng sử dụng những tế bào bị nhiễm. Chúng bơm ADN của mình vào ADN của tế bào chủ và tái tạo. Nhưng vì lý do nào đó, trong một số trường hợp, virus trở nên bất hoạt khi ADN đã được đưa vào tế bào. Khi đó, chuỗi bazơ của virus trở thành một phần của tế bào chủ, và đột biến đó được truyền cho tế bào con sau mỗi lần phân bào. Bộ gene đã bị biến đổi. Đôi khi, virus nhiễm vào kia thu nhận một phần gene của tế bào chủ và sinh sản. Tiếp đó, virus này nhiễm sang một cá thể mới, và một khi nó trở nên bất hoạt, ADN của tế bào chủ ban đầu sẽ được sáp nhập vào ADN của tế bào chủ tiếp theo. Hiện tượng này xảy ra trong các tế bào sinh dục, trở thành trứng được thụ tinh, và nếu chuỗi gene bổ sung có được chức năng mới, nó sẽ trở thành một

phần của tiến hóa. Nếu thuyết tiến hóa virus là chính xác, tiến hóa sinh học có thể diễn ra hàng loạt và đồng thời, thông qua lây nhiễm virus.

Áp dụng vào vấn đề trước mắt, giả thiết sẽ cho phép một viễn cảnh trong đó một loại virus mới xuất hiện trong rừng già Congo, lây nhiễm cho người Mbuti và tạo ra một thay đổi có tính tiến hóa.

Rubens tìm hiểu liệu đã có bất cứ cuộc điều tra dịch tễ nào liên quan đến lây nhiễm virus trong tộc người Mbuti chưa, và thấy một chuyên gia virus người Nhật, Koga Seiji, đã tiến hành khảo sát thực địa về lây nhiễm HIV. May thay cho Rubens, cuộc khảo sát gồm cả bốn mươi thành viên nhóm Kanga. Có lẽ Koga đã tình cờ phát hiện một virus, dù chưa từng được biết đến, nhưng sẽ tạo ra bước tiến hóa của nhân loại.

Hứng thú khoa học được khơi dậy, Rubens ngay lập tức đề nghị tìm kiếm bản báo cáo nguyên gốc tiếng Nhật và yêu cầu NSA dịch ra. Không may, hướng này cuối cùng lại là vô ích. Cuộc khảo sát đã diễn ra từ mười năm trước, rất lâu trước khi đứa trẻ Mbuti ba tuổi ra đời. Và những người Mbuti kia cũng không bị nhiễm virus gì cả.

Có thể loại virus đó mới xuất hiện sau cuộc điều tra của tiến sĩ Koga, còn về phần cái kế hoạch kia, vẫn có khả năng tiến hóa đã diễn ra đồng thời trong nhiều cá thể.

Rubens đã gắng hết sức nghiên cứu theo hướng này và cảm thấy nhẹ cả người khi nhìn vào kết quả, bởi điều đó có nghĩa là họ sẽ có thể tránh được phương án tồi tệ nhất trong ba, phương án giết chóc. Do căn bệnh truyền nhiễm này có thể đã giúp sản sinh ra một loạt con người siêu việt, toàn bộ nhóm Kanga sẽ phải bị tiêu diệt để ngăn chặn mối hiểm họa. Nhưng Rubens thấy khó mà tưởng tượng rằng cấp trên có thể thông qua một cuộc tàn sát trên quy mô đó.

Trong hai lựa chọn còn lại – mặc kệ sinh vật đó hay bắt giữ nó – Rubens phải loại bỏ lựa chọn thứ nhất. Vẫn còn một mối đe dọa tiềm ẩn nếu sinh vật với trí tuệ vượt bậc này rơi vào tay kẻ thù – khả năng phá vỡ các mật mã bảo mật nhất.

Nhưng bắt giữ nó cũng khiến anh quan ngại. Theo như *Báo cáo*

Heisman, con người siêu việt đó sở hữu "những năng lực tinh thần mà chúng ta không thể nào hiểu nổi". Việc tiên đoán phản ứng của nó đối với nỗ lực bắt giữ của chúng ta là hoàn toàn không tưởng. Để tránh các diễn biến ngoài dự đoán, họ cần phải cẩn trọng và không hành động thù địch cực đoan.

Đây là giai đoạn 1 của cuộc điều tra. Sẽ phải cử đến hiện trường một đội chuyên gia, được bảo vệ bởi Lực lượng đặc biệt, để xác nhận tính chân thực của thông tin Pierce đưa ra.

Một khi xác nhận được thông tin rồi, họ sẽ chuyển sang giai đoạn 2, cô lập toàn bộ thành viên nhóm Kanga và mọi thành viên của chiến dịch. Các thành viên cần phải được cách ly do họ có thể bị lây nhiễm tại hiện trường. Ở đây cũng phải dùng tới một chút lừa bịp, và họ sẽ phải thêu dệt một câu chuyện về sự lây lan của Ebola hay thứ virus chết người nào đó khác để biện hộ cho việc cách ly.

Trong giai đoạn 3, tất cả những người đang cách ly sẽ bị trải qua xét nghiệm sinh hóa để xác định liệu có đúng là tồn tại một virus gây ra tiến hóa không. Nếu virus thực sự được phát hiện, các bước tiếp theo sẽ phụ thuộc vào các chính trị gia. Khả năng cao là họ sẽ thúc đẩy quá trình phát triển thuốc chống virus để bóp chết những tiến hóa này từ trong trứng nước. Và nếu mối đe dọa của virus chỉ là báo động giả, những người đang cách ly có thể được thả.

Về phần đứa trẻ ba tuổi với bộ não đột biến, nó cùng cha mẹ có thể được cấp quốc tịch Mỹ, hỗ trợ tài chính và đặt dưới sự giám sát không nghiêm ngặt quá. Tiền đề quan trọng nhất sẽ là phải tôn trọng quyền cá nhân của họ, tránh các biện pháp cực đoan như giam giữ. Họ cần gây cho sinh vật đó ấn tượng rằng người hiện đại không phải là kẻ thù và rồi sử dụng trí tuệ siêu nhân của nó để phục vụ lợi ích của Hợp chủng quốc.

Tuy nhiên, kế hoạch của Rubens bị từ chối ngay ngày hôm sau.

"Cấp trên nghĩ nó quá mềm mỏng," trưởng ban đối ngoại bảo anh khi họ gặp mặt trong phòng hội nghị Viện Schneider. "Chúng ta cần phải nhanh chóng loại trừ mối họa đối với Hợp chủng quốc."

“Loại trừ?” Rubens ngay lập tức hiểu ra. Giết họ.

“Hơn nữa, kiếm ngân sách cho kế hoạch của anh và triển khai nó đều khó khăn. Chỉ riêng việc duy trì hai cuộc chiến ở Trung Đông cũng đã khiến chúng ta đầy tay rồi. Cách ly bốn mươi người Pygmy trong khu vực chiến tranh là việc bất khả thi.”

“Nếu dùng bên dân sự thay vì quân đội, chúng ta có thể làm được. Nếu nói rằng đó là một nỗ lực đánh bại một loại virus chết người, ông có thể cải trang chiến dịch này thành một cuộc cứu trợ nhân đạo. Không có phe nào ở Congo lại muốn thành kẻ thù của Mỹ cả.”

“Nghe này, Arthur,” ông trưởng ban nhẹ nhàng chỉnh chuyên viên phân tích thiếu suy nghĩ trước mặt mình. “Anh vẫn không hiểu cái chính quyền này, phải không nào? Anh có thể thuyết phục tôi, nhưng điều đó không khiến họ thay đổi ý kiến đâu. Họ chỉ đi tìm một viện nghiên cứu khác sẽ làm theo lời mình thôi.”

Quả là một thiếu sót ấu trĩ, Rubens thấy xấu hổ vì sự ngây thơ của mình. Quả vậy, đó là cách họ hoạt động. Họ sẽ chỉ trích, vùi dập bất cứ ý kiến trái chiều nào, loại trừ nó, và chỉ để lại vây quanh mình toàn những kẻ ba phải. Một lối quyết định đầy tính chuyên quyền, giả trang dân chủ. Đây là cách chính quyền Burns đã thúc đẩy cuộc tàn sát vô số con dân Iraq.

“Quyết định của họ không dựa trên tính hợp lệ của kế hoạch. Đó đơn giản là lối hành động mà họ yêu thích. Chính quyền này có cách tiếp cận vấn đề như một gã cao bồi, và họ không ưa gì mấy phương pháp vòng vèo. Nếu có ai có khả năng phá vỡ những mật mã an toàn nhất của họ, họ sẽ muốn kẻ đó biến mất ngay lập tức. Trước khi một quốc gia đối đầu phát hiện ra.

“Nhưng, cứ giả sử họ giết đứa trẻ Pygmy. Mối đe dọa tiềm ẩn vẫn còn đó. Nếu có virus gây ra đột biến, một đứa trẻ khác giống như nó có thể được sinh ra trong nhóm Kanga.”

“Họ cũng đã cân nhắc điều đó khi đưa ra quyết định.”

Sững sờ, Rubens nhìn chằm chằm ông trưởng ban ngồi bên kia bàn. Anh cứ nghĩ mình đã hiểu được đặc tính tâm bệnh của chính

quyền Burns, nhưng anh đã đánh giá quá thấp bản chất độc ác của họ. Căn phòng họp đã được bảo đảm an toàn, nhưng Rubens vẫn hạ giọng. “Ông đang nói là, họ định tiêu diệt toàn bộ nhóm Kanga, bao gồm cả Nigel Pierce?”

Trưởng ban nhăn mặt và gật đầu. “Nếu muốn sống sót ở Washington này, anh cần dùng từ ngữ cho cẩn thận. Không phải tiêu diệt, mà là xử lý. Miễn là khả năng truyền nhiễm virus có tồn tại, chúng ta sẽ phải xử lý nhiều hơn bốn mươi mốt mạng đó. Lực lượng tiến hành chiến dịch cũng sẽ phải ra đi.”

Vừa cương quyết phản đối điều này, Rubens vừa bất ngờ nhận ra bên trong mình có một kẻ đạo đức. “Nhưng quân đội sẽ không chấp nhận việc đó. Những người này phải là lính ở tầm cỡ Lực lượng đặc biệt, mà họ đã trút hàng triệu đô tiền thuế vào để huấn luyện. Ông thực sự có ý xử lý các toán quân tinh nhuệ như thế?”

“Đó là lý do chúng ta có nhân viên an ninh tư nhân. Chúng ta chỉ cần cử lính đánh thuê đi. Thêm vào đó, nếu kế hoạch này thực sự được tiến hành, nó sẽ là một vụ ám sát do Nhà Trắng cầm đầu. Cứ thuê ngoài vẫn là an toàn hơn.”

Đây không phải sát nhân, Rubens nghĩ. Đây là diệt chủng. Mục tiêu là một cá thể ngang với cả một giống loài mới. Một vụ diệt chủng một người. “Nhưng nếu virus đã lan ra khỏi nhóm Kanga thì sao? Kế hoạch lúc đó sẽ thế nào? Ông định xử lý toàn bộ dân cư trong khu vực?”

“Tôi chắc họ sẽ bàn luận về vấn đề đó khi thời điểm đến. Nhớ nộp kế hoạch mới vào ngày mai,” trưởng ban ra lệnh. Khi rời khỏi phòng họp, ông ta quay lại. “Coi chừng đó, Arthur,” ông ta nói.

Đây không phải lời đe dọa, Rubens quyết định, mà là một lời khuyên có ý tốt.

Rubens rời khỏi viện khi trời vẫn còn chút ánh sáng và đi bộ dọc phố M để về nhà, con phố anh yêu thích nhất trong cả DC. Con phố đầy những cửa hàng nhỏ nhắn thanh lịch, và đám đông trên phố náo nức vô cùng, như thể tranh thủ nốt ánh mặt trời đang dần tan biến. Tuy nhiên, điều Rubens thấy lại là một đám người sống dưới lớp vỏ

những công dân tốt bụng, đã chấp nhận những khao khát man rợ sâu thẳm bên trong. Đây là nước Mỹ. Và chính quyền Burns đang bôi tro vào mặt đất nước này.

Rubens đứng lại bên những bậc thang dốc đứng ở phố Prospect, đắm chìm trong dòng suy nghĩ. Có một điều anh rất hiểu về quyết định tiêu diệt giống người mới tiến hóa này. Hệt như tinh tinh không thể thao túng con người, con người sẽ không thể kiểm soát giống người siêu việt đó. Nếu được phép sống, họ có thể trở thành mối đe dọa cho xã hội loài người. Vấn đề là ở bốn mươi mấy người vô tội bị vạ lây. Nếu không nghĩ ra cách gì cứu họ, anh sẽ trở thành chủ trò trong cuộc tàn sát.

Anh có thể từ chức, nhưng bỏ việc sẽ không thay đổi điều gì cả. Ai đó sẵn sàng chạy theo những ý đồ của Burns sẽ thế chỗ anh, và cuộc thảm sát vẫn sẽ diễn ra. Anh, Rubens, là người duy nhất có thể làm giảm số lượng nạn nhân.

Anh có thể cảnh báo Nigel Pierce, nhưng điều đó đồng nghĩa với việc phải gửi thư điện tử tới điện thoại vệ tinh của Pierce. Chuyện đó là bất khả – Echelon sẽ ngay lập tức tóm gọn bức thư và lần ra anh.

Coi chừng đó, Arthur.

Rubens cảm nhận mối nguy hiểm quanh mình. Anh thấy mình như vô thanh vô tức bị cuốn vào một tổ chức tội phạm, bị đe dọa, và bị ép buộc trở thành sát thủ. Thực ra thì, Nhà Trắng cũng chẳng khác đám Mafia là mấy. Khi vấn đề nảy sinh, giết chóc là một trong những giải pháp họ sớm tính đến.

Sau khi suy nghĩ rất lung, Rubens xác định con đường mình muốn đi.

Anh trở lại ngôi nhà thuê gần Đại học Georgetown, đi vào căn phòng nhỏ dùng làm phòng làm việc và bắt đầu soạn một kế hoạch mới.

Đầu tiên, để khiến tất cả các bên liên quan vào chiến dịch phạm tội giết người hàng loạt, anh dùng lại ý tưởng dịch bệnh truyền nhiễm virus chết người bùng phát. Và anh đặt tên cái chiến dịch dối

trá để cứu rỗi nhân loại khỏi tuyệt chủng này là Thần hộ mệnh.

Không như trong báo cáo trước, kế hoạch mới của anh bao gồm một lượng lớn từ chuyên môn và các khái niệm khó hiểu mà không đi kèm bất cứ lời giải thích nào. Anh cũng ẩn ý rằng chiến dịch sẽ khá mạo hiểm và khả năng thất bại rất cao.

Rubens ám chỉ rằng người có thể điều hành chiến dịch tối ưu nhất phải sở hữu một vài phẩm chất nhất định. Anh ta phải có nền tảng trong các vấn đề chính trị và quân sự, nhưng cũng cần phải có căn bản học thuật về sinh học. Anh ta phải là loại người dễ bị loại bỏ, nếu và một khi chính quyền cấp cao ra lệnh. Không có mấy người phù hợp những yêu cầu đó, ngoại trừ chuyên viên phân tích trẻ tuổi ở Viện Schneider.

Rubens đang cược hết tất thảy vào đó. Từ rất lâu trước khi có chiến tranh Iraq, các viện nghiên cứu đã trở thành một phần thiết yếu của khối phức hợp công nghiệp quân sự, và đám dân sự làm việc trong vài viện đã lập nên Phòng kế hoạch đặc biệt và trở thành những kẻ giật dây chính của chiến tranh. Việc Rubens sẽ tham gia vào chiến dịch bí mật này, kể cả quá trình điều hành nó, là hoàn toàn có thể.

Khi anh viết xong bản kiến nghị thì đã quá nửa đêm, và anh quay lại với khoảng trống để dành cho các mật danh. Mục tiêu, đứa trẻ ba tuổi, được anh đặt mật danh Nous, một từ Hy Lạp có nghĩa là trí tuệ siêu việt và là nguồn gốc của từ “noosphere” – trí quyển, đặt ra bởi nhà triết học dòng Tên Pierre Teilhard de Chardin để chỉ nấc thứ ba trong tiến hóa sinh học trong lý thuyết của ông. Và Rubens đặt cho chiến dịch sát hại đứa trẻ ba tuổi cái tên của nữ thần Hy Lạp Nemesis, nữ thần thiên phạt, tên của siêu thiên thạch từng khiến toàn bộ loài khủng long tuyệt chủng.

Một tháng sau, chiến dịch Thần báo thù, xếp hạng chương trình tiếp cận đặc biệt, được tổng thống Burns chấp thuận và đưa vào triển khai. Một trung tâm điều hành chiến dịch được thiết lập ở tầng hầm Lầu Năm Góc, hành lang 3. Tấm biển trên cửa đề “Phòng kế hoạch

đặc biệt, khu 2", và để vào trong cần phải trình thẻ an ninh cùng thẻ căn cước và quét sinh trắc học. Tất nhiên, Rubens được trao quyền tiếp cận, bởi đúng như kỳ vọng, Nhà Trắng đã bổ nhiệm anh làm người điều hành chiến dịch.

Tất cả đều theo đúng kế hoạch. Anh được giao quyền hạn thay đổi chiến dịch nếu thấy cần thiết, ngay trước khi bốn đặc vụ chọn từ các công ty an ninh tư nhân cần ra tay giết người Pygmy. Rubens đã quyết định sẽ sử dụng thứ vũ khí duy nhất mình sở hữu, trí tuệ phi thường của anh, để cứu tính mạng bốn mươi con người ấy.

Trong trung tâm điều hành có mười một nhân viên, kể cả trợ lý bộ trưởng quốc phòng về các vấn đề châu Phi, được chỉ định làm người giám sát chung; một cố vấn quân sự và một cố vấn khoa học; và dưới họ là Rubens và sáu thành viên dưới sự giám sát trực tiếp của anh, bao gồm một số người từ Cơ quan tình báo quốc phòng DIA và các phòng kế hoạch chiến lược CIA. Những người này đều là người trung gian, sẵn sàng liên lạc với các thành viên đang trực trong tổ chức của mình.

Rubens cảm thấy vô cùng biết ơn vì có cố vấn khoa học là tiến sĩ Melvin Gardner. Gardner bắt đầu sự nghiệp trong ngành cơ học lượng tử, sau đó chuyển sang hóa lý và cuối cùng là sinh học phân tử. Ông có nhiều đóng góp to lớn trong các ngành này, và nhờ đó được trao một Huân chương khoa học quốc gia. Ông có căn bản hoàn hảo để làm cố vấn cho chiến dịch, và cách hành xử bình tĩnh của ông giúp làm dịu đi rất nhiều cái không khí thường tàn nhẫn trong trung tâm điều hành chiến dịch. Trái lại, vị cố vấn quân sự, đại tá Glenn Stokes, được phân tới từ Phòng kế hoạch đặc biệt, là một nhân vật khó chiều, và các thành viên khác thường sung sướng ngồi xem cảnh ông ta và Gardner đối chọi nhau.

Rubens may mắn bắt chuyện được với một mình Gardner ngay trước khi chiến dịch bắt đầu để điểm lại các quy trình cơ bán.

"Giáo sư, ông có ủng hộ việc giết Nous?" Rubens hỏi thẳng.

Gardner bình tĩnh đáp. "Tôi nghĩ đó chắc là chuyện bất khả kháng. Giả sử đứa trẻ đó lớn lên và tiến hành thành công phản ứng

tổng hợp hạt nhân ở nhiệt độ phòng. Nó sẽ thay đổi quan hệ quyền lực trên khắp thế giới. Đứa trẻ đó sẽ kiểm soát nhân loại trên mọi lĩnh vực – không chỉ trong ngành năng lượng mà còn trong khoa học công nghệ – tính cả phát triển vũ khí, y học và kinh tế. Nếu chúng ta đi tới nước đó, tất cả của cải và quyền lực sẽ đổ dồn về tay Nous."

Có vẻ Gardner cũng đã nhìn thấu bản chất của mối hiểm họa sinh học trong rừng già Congo này, và về mặt này, ông và Rubens đồng tình với nhau. Quyền lực mới là mối đe dọa. Không phải sức mạnh hủy diệt của vũ khí hạt nhân hay sức mạnh của công nghệ tiên tiến mà là trí tuệ sẽ tạo ra chúng.

"Không may là," Gardner nói tiếp, "chúng ta không hề biết đến lòng khoan dung. Chúng ta không thể chịu được những sinh vật thông thái hơn mình. Nhưng, về phần mình, tôi rất muốn gặp Nous."

Rubens cũng thấy y như vậy. "Tôi tự hỏi đứa bé khi lớn lên trông sẽ ra sao."

"Cân nhắc đến khả năng duy trì ấu nhi, mặt nó có lẽ sẽ trông giống mặt một đứa trẻ người. Tuy rằng vẻ ngoài thuở nhỏ của nó rất kỳ lạ, nhưng dần dần, trông nó sẽ không khác gì những đứa bé bình thường."

"Tôi hiểu."

Người hiện đại vẫn được coi là biến thể ấu nhi hóa của tổ tiên họ, tức vượn họ Người. Sọ của một con tinh tinh sơ sinh và một người trưởng thành về cơ bản là tương đồng. Nếu Nous lớn lên, sẽ không thể phân biệt nó với một đứa trẻ bình thường, trừ việc là nó cũng sẽ nhỏ bé như người Pygmy.

"Giờ đây, về yếu tố trọng yếu nhất của chiến dịch..."

"Khả năng trí tuệ của Nous tại thời điểm hiện tại?"

"Chính xác. Nhìn từ bức thư bắt được của Pierce, chúng ta có thể giả định rằng sự tăng tiến năng lực não của đứa bé bị giới hạn trong vỏ não mới."

"Vẫn còn rất nhiều điều chúng ta không biết về sức phát triển não bộ," Gardner nói và thở dài. "Không phải bức thư có nói vùng trán đứa trẻ đặc biệt phát triển sao?"

“Phải.”

“Tốt nhất là không đánh giá thấp khả năng của nó, bởi các hoạt động tâm lý cao cấp đều tập trung ở thùy não trước.”

“Tức là chúng ta nên giả định mức phát triển tối đa.”

“Đó là lời khuyên của tôi.”

Cuối cùng, họ sử dụng khoảng cách trí tuệ giữa con người và tinh tinh làm tiêu chuẩn. Do Nous mới ba tuổi, họ đặt giả định là nó có trí thông minh tương đương một người lớn.

“Trong trường hợp này, đây sẽ là một cuộc thi cân sức,” Gardner nói, như thể ông đã tìm được một đối thủ cờ vua xứng tầm.

Khi chiến dịch thực sự đi vào hoạt động, Rubens ngay lập tức bắt tay vào việc kiểm soát các thông tin có liên quan. Thông qua Phòng giám sát an ninh thông tin, anh đưa Báo cáo Heisman trong Văn khố quốc gia vào xếp hạng tối mật. Sau đó, anh lệnh cho tất cả các trang mạng có nhắc tới bản báo cáo bị xóa và yêu cầu NSA chỉnh sửa các công cụ tìm kiếm để không tìm ra cụm từ đó.

Chiến dịch Thần báo thù khởi đầu một cách thuận lợi, nhưng khi công cuộc chuẩn bị tiếp tục tiến hành, một nỗi lo âu bao trùm lên toàn bộ trung tâm chỉ huy. Khó khăn lớn nhất họ phải đối mặt là việc lựa chọn đặc vụ để cử tới rừng rậm Congo.

Harry Eldridge, trợ lý bộ trưởng Bộ quốc phòng và giám đốc chính thức của chiến dịch, chuyển lại đề nghị của Nhà Trắng tới Rubens. “Hãy đưa cả Warren Garrett vào. Anh ta là đặc vụ bán quân sự của CIA. Anh ta sẽ giám sát nhiệm vụ trên thực địa.”

Rubens bất ngờ. “Ông muốn có một nhân viên tình báo trong chiến dịch?”

“Đúng vậy.”

“Ông có chắc làm vậy là ổn?”

Eldridge cau mày. “Cấp trên bảo tôi như vậy.”

Nguyên do chuyện này chỉ được cung cấp theo nguyên tắc điều cần biết, vậy nên Rubens không tìm hiểu được, mặc dù chính quyền Burns rõ ràng đang muốn khử người tên Garrett này.

Với ba đặc vụ còn lại, Eldridge sử dụng mối quan hệ của ông ta

với các công ty an ninh tư nhân để đưa ra danh sách người phù hợp. Nhưng những ứng viên này, hết người này đến người khác, đều bỏ mạng trong các cuộc tấn công của kẻ thù khi đang hoạt động ở Iraq. Mỗi lần như vậy, danh sách đều được sửa lại, cho tới khi họ có được một đám ứng viên tạp nham – một cựu binh Lực lượng đặc biệt, một cựu lính dù cứu hộ và một gã người Nhật từng phục vụ trong binh đoàn lê dương Pháp. Họ đều đạt tiêu chuẩn xét trên lý thuyết, nhưng Rubens vẫn băn khoăn về việc sử dụng Jonathan Yeager, cựu binh Mũ Nồi Xanh. Lý lịch cho thấy anh ta có một đứa con trai mắc bệnh hiểm nghèo và không còn mấy thời gian trên đời. Trong những trường hợp đáng tiếc thế này, người thân thường có xu hướng tự hủy hoại bản thân, và Rubens e ngại rằng dưới sức ép của một nhiệm vụ đòi hỏi cao về sức lực, anh ta sẽ sụp đổ.

Sau đó, hoàn toàn bất ngờ, một vấn đề liên quan đến đứa trẻ của Yeager nảy sinh. NSA là cơ quan đầu tiên đưa tin cho họ. Một máy tính ở Nhật Bản đã thực hiện tìm kiếm từ khóa "*Báo cáo Heisman*". Khi thấy tên người thực hiện tìm kiếm mà NSA đã nhận dạng, Rubens không tin nổi mắt mình.

Koga Seiji.

Chính là vị học giả đã tham gia cuộc khảo sát dịch tễ học về lây nhiễm virus trong cộng đồng Mbuti. Nhưng tại sao ông ta lại hứng thú với *Báo cáo Heisman*? Chắc chắn không thể chỉ là tình cờ. Rốt cuộc thì, lời cảnh báo trong *Báo cáo Heisman* chính là cơ sở cho chiến dịch Thần báo thù và kế hoạch tàn sát bốn mươi thành viên nhóm Kanga.

Trong trường hợp tồi tệ nhất, bí mật đã bị lộ. Sau đó họ tiến hành điều tra và tìm thấy vài thứ ngoài mong đợi. Cùng lúc tiến sĩ Koga tới thăm Zaire, năm 1996, Nigel Pierce cũng đang ở trại người Mbuti. Rất có khả năng họ là người quen. Nhưng không hề có chứng cứ cho thấy hai người có giữ liên lạc sau khi cuộc nội chiến nổ ra và họ trở về nhà.

CIA và NSA theo dõi Koga Seiji. NSA đọc trộm mọi liên lạc của ông ta. Mặc dù không tìm thấy gì chứng thực nghi ngờ của họ, các

báo cáo vẫn khiến Rubens bối rối. Hóa ra, thư điện tử bị mã hóa đang được gửi qua gửi lại giữa đông Congo và Nhật Bản.

Khi nghe nói, "Chúng tôi không biết cả người gửi lẫn người nhận và cũng không thể giải mã các tin nhắn," Rubens chất vấn người liên lạc phía NSA. "Các anh có thể bắt được thư mà không thể xác định người gửi?"

"Đúng vậy. Liên lạc này sử dụng một giao thức truyền tin độc nhất vô nhị. Họ đã tạo ra mạng lưới liên lạc riêng của mình."

"Nhưng không phải họ vẫn cần một địa chỉ IP sao? Nếu liên hệ với các nhà cung cấp ở Nhật, anh sẽ tra ra được ngay."

"Đã thực hiện. Nhưng người ký hợp đồng với nhà cung cấp đang mất tích."

"Ý anh là sao?"

Liên lạc viên trao cho anh một báo cáo từ đội chống khủng bố nội địa Nhật Bản, khu 3 của Ban an ninh công cộng Sở cảnh sát Tokyo. "Người ký nợ nần chồng chất và đã biến mất hơn mười năm rồi. Cảnh sát khu vực tin rằng ai đó đã mua lại hồ sơ gia đình của người này, và mua địa chỉ IP bằng cách giả danh anh ta. Có vẻ là tội phạm lừa đảo thường mua bán các hồ sơ này.

"Địa chỉ trong hợp đồng là một căn hộ trong một tòa nhà rẻ tiền ở phía bắc Tokyo, nhưng không có vẻ gì là có người đang sống ở đó cả. Tên trên hợp đồng thuê nhà cũng chính là tên người lập hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ mạng, và chúng tôi không thể tra ra ai thực sự đứng đằng sau đó."

"Còn ở Congo? Ai làm hợp đồng với dịch vụ liên lạc vệ tinh họ dùng để gửi tin?"

"Cũng chính là người Nhật mang tên kia."

Rubens cân nhắc điều này. Đó có phải tin nhắn mật giữa Koga Seiji và Nigel Pierce? Nếu vậy, mục đích là gì? "NSA cũng không biết nội dung liên lạc?"

"Không hề. Kỹ thuật mã hóa không phải là RSA hay AES. Có khả năng cao đây là mã one-time pad."

Rubens hiểu ý ông ta. Từng chữ cái một trong thư đều được mã

hóa bằng một khóa riêng, gọi là one-time pad, dựa trên một dãy số ngẫu nhiên định sẵn. Dùng toán học người ta đã chứng minh phương thức mã hóa này không thể bị giải mã. Phương thức này không được sử dụng thường xuyên do một vấn đề thực tế – cả người gửi và người nhận đều phải thống nhất một dãy số chung ngẫu nhiên khổng lồ trước khi bắt đầu liên lạc. Ngày nay, mã hóa one-time pad chỉ được dùng cho đường dây nóng giữa hai vị tổng thống Hoa Kỳ và tổng thống Nga. Hai chiếc máy tính dùng cho liên lạc giữa Congo và Nhật Bản hẳn phải được cài sẵn hệ thống mã hóa đó. Các dãy số ngẫu nhiên để mã hóa và giải mã chắc chắn đã được lưu trong ổ cứng. Cách duy nhất để giải mã là phải lấy được các dãy số kia.

"Các anh không bẻ khóa được mấy cái máy tính đó?"

"Chúng tôi đã thử nhưng không được."

Trên đời có máy tính mà NSA không vào được? Rubens sững sờ trước tin ấy.

"Tôi muốn giao thêm một nhiệm vụ cho chiến dịch Thần hộ mệnh," liên lạc viên nói. "Tôi muốn họ tịch thu máy tính của Pierce. Một khi lấy được dãy số ngẫu nhiên từ máy, chúng ta có thể đọc bất cứ tin nhắn nào trên đó."

"Nghe được đấy," Rubens nói và chấp thuận nhiệm vụ bổ sung. Cũng không ảnh hưởng gì mấy, bởi anh biết rằng chiến dịch Thần hộ mệnh sẽ không tránh được việc bị hoãn vào phút cuối.

Chiến dịch đã vấp phải một loạt khó khăn, rủi ro, và anh bắt đầu ngờ rằng trí tuệ của Nous đứng sau tất cả. Mặc dù vậy, ở thời điểm này, anh cũng chưa dám chắc. Thủ đoạn của kẻ thù cao minh vô cùng, nhưng một người với lý lịch phù hợp cũng có thể sắp xếp được.

"Trở lại với vấn đề," liên lạc viên nói. "Nếu nhờ FBI huy động cảnh sát Nhật Bản, chúng ta có thể khiến hợp đồng với nhà cung cấp bị hủy. Chúng ta nên làm gì?"

Rubens đồng ý. Trừ phi họ loại bỏ mọi yếu tố bất định, nhiệm vụ có thể vượt ra ngoài tầm kiểm soát. "Làm đi, anh nói.

Một vài ngày sau Rubens nhận được cập nhật. Ngay sau khi họ

hủy bỏ địa chỉ IP dưới tên người mất tích kia, đường dây liên lạc mã hóa giữa Congo và Nhật Bản lại lên sóng trở lại. Giờ đây những người đó dùng một địa chỉ IP dưới tên khác. Rubens hiểu họ đã làm hỏng việc. Không chỉ thất bại trong việc ngăn cản trao đổi tin tức, họ còn để lộ mình cho kẻ địch.

"Chúng ta có nên thử lại?"

"Không, kết quả cũng chỉ thế thôi. Hãy tiếp tục bắt tin nhắn và cố hết sức giải mã."

Chuyện gì đang xảy ra giữa Congo và Nhật Bản mới được cơ chứ? Để hiểu được toàn cảnh, Rubens không chỉ dùng tới SIGINT – tình báo tín hiệu – mà cả HUMINT, tình báo con người. Anh yêu cầu văn phòng CIA ở Tokyo, thuộc Đại sứ quán Hoa Kỳ, tuyển một điệp viên nằm vùng người bản xứ. Anh muốn biết tất cả những gì có thể biết được về lý lịch của chuyên gia virus Koga Seiji này. CIA lập một danh sách tất cả những người có liên quan tới tiến sĩ Koga, và NSA nghe lén tất cả liên lạc của họ và chọn một người đang ngoại tình. Sử dụng lối tiếp cận cà rốt và cây gậy – dùng tiền làm cà rốt và bằng chứng về vụ lăng nhăng làm gậy – họ thuyết phục người này hợp tác. Mật danh cho chiến dịch này được đặt theo nghề của đặc vụ, Nhà khoa học.

Nhưng ngay khi Nhà khoa học bắt đầu điều tra, tiến sĩ Koga đột ngột chết vì chứng phình mạch. Đó là một cái chết tự nhiên, không nghi ngờ gì. Việc duy nhất còn lại là tịch thu hai chiếc máy tính mà ông ta để lại. Dãy số ngẫu nhiên để giải mã các tin nhắn giữa ông ta và Pierce hẳn vẫn còn ở trên ổ cứng.

Ngay lúc đó, mạng lưới nghe lén Echelon bắt được một con mồi mới. Một người khác đang tìm kiếm từ khóa "*Báo cáo Heisman*" trên mạng. Người đó là con trai Koga Seiji, Koga Kento. Và hành động của anh chàng sinh viên cao học trẻ này còn đáng ngờ hơn. Anh ta bắt đầu tìm kiếm trên mạng thông tin về căn bệnh nan y mang tên gọi xơ cứng biểu mô phế nang phổi – chính là căn bệnh đang hành hạ con trai Jonathan Yeager.

Có vẻ, mối liên hệ giữa Congo và Nhật sắp bị cắt đứt bởi cái chết

của tiến sĩ Koga đã được truyền lại cho con trai ông. Tin tức NSA bắt được ở hang bí mật GAMMA cho hay.

Hãy mở cuốn sách mà con đã đánh rơi cây kem lên.

Đó là tin nhắn Koga Seiji gửi cho con sau khi mất bằng một chương trình tự động. Tiến sĩ Koga hẳn đã tính đến nước cảnh sát Nhật Bản sẽ chặn một trong các máy chủ và bắt giữ ông. Mấu chốt của lời chỉ dẫn ngắn gọn này phải nằm trong một lời nhắn chắc chắn kẹp giữa cuốn sách chỉ có hai cha con họ biết với nhau kia. Tiến sĩ Koga đã dự đoán mối rủi ro đến từ việc nghe lén thiết bị điện tử và quyết định chọn một phương thức chống tình báo đơn giản mà hiệu quả.

Điều khiến Rubens không thể hiểu nổi lại là hành động của người con. Cậu ta vô tư truy cập mạng, hoàn toàn lờ đi khả năng NSA đang theo dõi mình. Và khi Nhà khoa học tiếp cận cậu ta, người này báo cáo lại rằng cậu con trai có vẻ không biết chút gì về các hoạt động của cha mình khi còn sống.

Rubens chấp nhận điều này, và từ đó mắc phải sai lầm tiếp theo. Mục tiêu của các đặc vụ tại Nhật Bản bây giờ là hai chiếc máy tính tiến sĩ Koga để lại, và cảnh sát địa phương đã được cử đến tịch thu, nhưng ngay trước đó, Kento lại nhận được điện thoại cảnh báo. Ngạc nhiên thay, lời nhắn thoại được phát bằng giọng máy tính và gửi đi từ một điện thoại công cộng ở New York. Vậy là có ai đó đang giúp đỡ Kento ở nước Mỹ. Kết quả là Koga Kento cắt đuôi đám cảnh sát và trốn thoát.

Tới lúc này, có một điều Rubens đã biết chắc chắn. Thông tin mật về chiến dịch Thần báo thù đang rò rỉ, và một nhóm người ẩn danh kết nối ba đất nước – Congo, Hoa Kỳ và Nhật Bản – đang tiếp cận được những thông tin này một cách bất hợp pháp vì lý do nào đó. Nhưng anh vẫn không thể tưởng tượng nổi động cơ của họ là gì. Có lẽ họ muốn cứu mạng Nigel Pierce và Nous, nhưng lại chưa có hành động gì để ngăn cản cuộc tấn công của bốn người lính đánh thuê. Người Pygmy, với những vũ khí đi săn nguyên thủy, không phải là đối thủ của bốn cựu binh đặc nhiệm được trang bị vũ khí. Cho dù họ

có thể trốn thoát, khu vực Ituri vẫn đầy rẫy phiến quân có vũ trang. Sống sót ở đây là hoàn toàn bất khả thi.

Trong khi đó, chiến dịch Thần hộ mệnh đang diễn ra hết sức thuận lợi ở châu Phi. Bốn đặc vụ đã hoàn thành khóa huấn luyện, thâm nhập vào vùng chiến ở phía đông Congo và dần dần tiến sát khu trại của nhóm Kanga.

Mặc cho những vấn đề an ninh tiềm tàng kia, Rubens tin rằng chiến dịch vẫn nằm trong tầm kiểm soát. Kế hoạch ám sát Nous sẽ thành công. Tất cả những gì còn lại là, vào phút cuối cùng, thay đổi một phần chiến lược để những người còn lại không phải chịu chung số phận.

Còn bây giờ...

09:00 tối giờ chuẩn miền Đông nước Mỹ, 03:00 sáng ở Cộng hòa Dân chủ Congo.

Chiến dịch Thần hộ mệnh bước vào giai đoạn cuối cùng.

Cùng với sáu nhân viên khác vẫn còn trong Phòng kế hoạch đặc biệt, Rubens nhìn chằm chằm lên màn hình lớn trên tường. Đó là cảnh quay trực tiếp từ vệ tinh do thám quân sự trên quỹ đạo phía trên Congo. Những ống kính siêu phóng đại làm hình ảnh trại của nhóm Kanga phẳng ra như một hình chiếu bằng đơn sắc. Cảm biến hồng ngoại thu nhận thân nhiệt từ bất cứ thứ gì nó chụp lại, và các vật thể xuất hiện đủ các tông màu đen và trắng.

Mười một căn lều xếp thành hình chữ U. Một vài mái nhà lợp không đủ lá, để lộ không gian bên trong. Do thân nhiệt, bóng những con người say giấc trong đó hiện lên trắng xóa.

Điều khiến hình ảnh từ đường truyền cấp độ bảo mật cao nhất này trông hơi ngớ ngẩn là hình ảnh bốn đặc vụ của chiến dịch Thần hộ mệnh theo dõi mục tiêu của mình cũng ở trên chính màn hình đó. Phía nam và phía bắc khu trại đều có hai người. Những cơ thể ấy, đều đặn tỏa ra nhiệt độ 37°C, chưa từng nhúc nhích trong hàng giờ liền theo dõi đám người Mbuti. Rubens thấy như thể đang xem trẻ con chơi trốn tìm.

Trong khoảng lặng trước khi chiến dịch bắt đầu, Rubens ngẫm nghĩ về vụ rò rỉ thông tin mật.

Cuộc gọi từ New York cảnh báo cho Koga Kento. Chắc chắn là có gián điệp trong số họ. Kẻ địch phát hiện ra sự tồn tại của chương trình tiếp cận đặc biệt khi nào và như thế nào, chưa kể, con chuột chũi đó là ai? Rubens đã điều tra hết các quan chức dưới quyền tổng thống, nhưng trừ phi ai đó đã đột nhập vào hệ thống liên lạc bí mật của Hoa Kỳ, việc có người có được thông tin về chiến dịch Thần báo thù là hoàn toàn bất khả.

Tức là còn có thể có mối đe dọa cấp bách hơn.

Nous có thể đã phá được mật mã của họ.

Trong cuộc trò chuyện giữa anh với tiến sĩ Gardner, họ đã ước tính trí thông minh của đứa trẻ ba tuổi kia bằng trí thông minh của một người lớn. Theo như mẩu tin bắt được từ Pierce, đứa trẻ có khả năng phân tích thừa số nguyên tố vượt xa con người. Nếu vận dụng triệt để thiên phú toán học đó, nó sẽ không chỉ có khả năng giải mã RSA mà còn cả các hàm một chiều nữa. Ở bên Nous, sâu trong khu rừng già, là Pierce với chiếc máy tính xách tay. Dù đang ở giữa châu Phi, ông ta vẫn có thể truy cập vào không gian số.

Máy điện thoại an toàn nối ra ngoài kêu lên từ phía đầu ba dãy bàn làm việc. Cuộc gọi báo cáo định kỳ từ Zeta Security. Avery, liên lạc viên của DIA bắt máy, và quay qua Rubens ngồi ở dãy cuối cùng. “Vẫn là tín hiệu chưa sẵn sàng tấn công,” anh ta lên tiếng.

Jonathan Yeager và những người kia hẳn là đã quyết định do thám mục tiêu trong đêm nay và hoãn tấn công đến ngày mai hoặc muộn hơn.

Nghĩ rằng đây là cơ hội hoàn hảo, Rubens in bản tài liệu đã chuẩn bị sẵn trên máy tính ra – chuyên khảo của Koga Seiji tuyên bố rằng bốn mươi thành viên nhóm Kanga không nhiễm bất cứ loại virus nào. Rubens đã bí mật thay đổi ngày tháng thực địa trên bản báo cáo. Anh đem tập giấy đến bàn Eldridge.

“Vẫn còn khả năng thay đổi kế hoạch,” anh nói, và Eldridge, vừa định rời đi, khựng lại.

“Một cuộc nghiên cứu dịch tễ học sau khi Nous sinh ra phủ nhận việc người Mbuti bị nhiễm bất kỳ virus nào.”

Eldridge đọc qua bản báo cáo và cau mày. Ông ta có thể giữ ghế trợ lý bộ trưởng Bộ quốc phòng đấy, nhưng ông ta cũng không thể hiểu đầu đuôi xét nghiệm Western blot dùng trong báo cáo.

“Vậy chúng ta đang nói tới vấn đề gì?” ông ta hỏi. “Tóm tắt điểm chính đi.”

Rubens nhẹ cả người khi thấy ông ta phản ứng đúng như mình đã dự đoán. Giờ thì không còn rủi ro là ông ta sẽ soi xét kỹ lưỡng bản báo cáo bị chỉnh sửa. “Nó cho thấy đột biến gene chỉ xảy ra trên cá thể chứ không phải trong nhóm. Dựa vào đó, việc xử lý các thành viên khác của nhóm Kanga, Nigel Pierce hay bốn đặc vụ Thần hộ mệnh là hoàn toàn không cần thiết.”

“Chúng ta chỉ cần lo về Nous và cặp cha mẹ?”

“Chính xác.”

Eldridge nhăn trán khi suy nghĩ về điều này, bày ra vẻ mặt của một chính trị gia luôn toan tính mọi đường đi nước bước. Ông ta đặt một tay lên vai Rubens và dẫn anh vào một góc trung tâm điều hành. “Tôi rất mừng nếu chúng ta có thể tránh đổ máu vô nghĩa,” ông ta nói. “Nhưng những người duy nhất chúng ta có thể loại khỏi danh sách mục tiêu là ba mươi tám người Pygmy còn lại. Vì lý do an ninh, chúng ta không thể để Pierce sống. Cả bốn đặc vụ cũng vậy.”

“Nhưng tất cả đều có lý lịch an ninh tốt mà.”

“Đó là quyết định cuối cùng” Eldridge nói, giọng không có chút thỏa hiệp. “Không được thay đổi nữa. Tôi muốn cả bảy người – Nous và cha nó, Nigel Pierce và những người kia – đều được xử lý theo kế hoạch.”

Rubens không thể tưởng tượng nổi tại sao họ khăng khăng muốn giết bốn đặc vụ, dù anh có linh cảm được lý do liên quan đến Warren Garrett. Cuối cùng, họ sẽ phải giết bảy người. Được thôi, anh quyết định. Anh có thể chấp nhận điều đó. Nhưng chỉ đến thế thôi, không hơn nữa. Rubens không rõ anh nên tự trách bản thân đã tham gia vào kế hoạch ám sát này hay cảm thấy một chút tự hào khi đã cứu mạng

ba mươi tám con người. Dù sao đi chăng nữa, anh và Eldridge có thể đưa ra quyết định bởi vì, hiển nhiên, họ không phải kẻ sẽ đích thân ra tay giết chết bốn đặc vụ.

Eldridge mỉm cười để phá vỡ bầu không khí căng thẳng. “Cứ bảo mấy người đó rằng họ không phải giết hết những người Pygmy.”

Giờ đây, khi đã có sự chấp thuận chính thức từ cấp trên, Rubens lách mình đi giữa mấy bàn để tới báo cho Avery.

“Arthur!” ai đó hét lên, và anh quay lại. Một trong số những nhân viên cấp dưới của anh chỉ lên màn hình. Bốn đặc vụ đang di chuyển. Họ không rút lui, thay vào đó, trong tư thế cúi rạp người, họ chậm rãi tiến sát khu trại. Đầu tiên, Rubens nghĩ đó chỉ là một phần của kế hoạch do thám, nhưng việc họ đang đồng thời di chuyển không hợp lý chút nào. Đây không phải đội hình dành cho một cuộc tấn công bất ngờ. Xem được một lúc, anh nhận ra họ đang tiếp cận căn lều cuối cùng từ cả hai hướng. Có gì đó không đúng.

“Hãy đảm bảo đường dây liên lạc với Zeta luôn mở” Rubens ra lệnh. “Và kiểm tra xem chúng ta có mất tín hiệu cuộc gọi? Bất kể họ phản hồi như thế nào, hãy ra lệnh cho Nhóm hai dừng lại.” Anh đã lội qua đủ thể loại rắc rối để thay đổi nhiệm vụ, và giờ thì đám lính kia đang làm cái quái gì vậy?

“Rõ,” Avery nói và nhấc điện thoại lên.

Vệ tinh do thám truyền trực tiếp hình ảnh hành động của mấy người lính từ một lục địa khác tới trung tâm chỉ huy. Bóng người mà Rubens nghĩ là Yeager hạ súng trường xuống và đổi sang súng lục. Ba người còn lại tạo thành một vòng tròn phòng thủ trước căn lều. Đám lá lợp trên nóc lều quá dày để cảm biến nhiệt hồng ngoại có thể quan sát được bên trong.

Avery kéo tai nghe ra và lớn tiếng. “Liên lạc với Nhóm hai đã bị cắt đứt.”

“Cái gì!?” Khi Rubens thốt lên câu này, Yeager đã thoăn thoắt lách từ bên hông ra phía trước lều, khẩu súng lục cầm cả hai tay chĩa vào trong.

Rubens sững sờ đến không nói được gì, quan sát hình ảnh trước

mắt. Nếu cuộc tấn công đã bắt đầu, muốn ngăn chặn nó cũng quá muộn rồi. Bốn mươi người trong nhóm Kanga chỉ còn nước chết.

Nhưng rồi những người trên màn hình sững lại, như thể một thước phim bỗng trở thành ảnh tĩnh.

Sau vài tích tắc, Rubens có thể tưởng tượng quang cảnh nơi đó.

Jonathan Yeager đang đối mặt với trí tuệ không thuộc về thế giới này.

Anh ta đã nhìn thấy Nous.

“Xin hãy bình tĩnh. Chúng tôi sẽ không chống cự.”

Nigel Pierce, tay ôm sinh vật kia, một loại sinh vật Yeager chưa từng nhìn thấy, phát âm từng từ thật chậm rãi, như thể đang nói thầm.

Yeager, vẫn trong tư thế bắn, không hề nhúc nhích. Anh nhìn chằm chằm vào sinh vật phi nhân loại kia. Làn gió nhẹ thổi qua khu rừng đêm khẽ khàng lướt qua cổ anh.

“Anh có thể nhìn qua chiếc máy tính trong góc bên tay phải đằng kia không?”

Yeager nhanh chóng đánh mắt. Trong góc lều, trên sàn đất trống trải, là một chiếc máy tính xách tay. Chỉ cần liếc qua một cái, anh đã biết trên màn hình là thứ gì – hình ảnh theo dõi từ vệ tinh do thám quân sự. Hình ảnh họ đang bao vây căn lều hiện lên thật rõ ràng.

“Các anh đang bị theo dõi bởi Lầu Năm Góc. Tôi muốn các anh lùi vào rừng như thể chưa từng có chuyện gì xảy ra.”

Yeager lại nhìn vào sinh vật đã khiến anh đông cứng. Với đôi mắt lớn sáng rực dưới vầng trán lồi lên, đứa trẻ làm anh nghĩ đến lũ yêu tinh sống trong rừng.

“Trong hai phút nữa, vệ tinh sẽ ra khỏi khu vực này. Tới lúc đó, tôi sẽ tới chỗ anh.”

Sau lưng mình, Yeager nghe tiếng Mick rít lên, “ Anh đợi cái gì vậy? Làm đi!”

“Tin tôi đi,” Pierce nói. “Trong hai phút nữa anh sẽ thấy tất cả mọi chứng cứ mình cần.”

“Chứng cứ? Chứng cứ cái gì?”

“Chứng cứ rằng tất cả các anh sẽ bị giết. Rằng Lầu Năm Góc muốn loại bỏ tất cả các đặc vụ của chiến dịch Thần hộ mệnh.”

Yeager do dự và trong tích tắc đó, từ khóe mắt, anh thấy Mick di chuyển vào trong lều. Mick giương khẩu Glock, nhưng Yeager theo

bản năng đánh văng nó đi. Viên đạn bắn ra, âm thanh chỉ còn là một tiếng gầm trầm trầm khi bộ phận giảm thanh làm loãng bớt các âm thanh tần số cao. Cả căn lều lợp lá rung lên. Viên đạn sượt qua ngay phía trên đầu Pierce và đứa trẻ rồi biến mất trong khu rừng rậm bên ngoài.

Yeager không chắc có phải Mick có muốn giết Pierce và cái sinh vật vô danh kia thật, hay chính bàn tay anh muốn chụp lấy khẩu súng đã khiến nó cướp cò. Kiểu gì thì kiểu, giờ không còn thời gian tranh cãi nữa. Vẫn giữ lấy cánh tay Mick, Yeager nói, "Giắt súng vào đi."

"Gì cơ?"

"Vệ tinh đang theo dõi chúng ta. Nó sẽ cảm ứng được nhiệt độ từ nòng súng."

"Ờ, nhưng mà..." Mick bắt đầu, nhưng rồi im bặt.

Yeager nghe tiếng khóc. Sững sờ, anh quay sang nhìn sinh vật phi nhân loại kia.

Đứa trẻ đang khóc. Nó tóm chặt lấy Pierce và khóc muốn đứt ruột đứt gan. Có vẻ nó sợ phát súng vừa rồi. Mặc cho vẻ ngoài kỳ lạ kia, nội tâm nó vẫn là một đứa trẻ bình thường. Dù nản lòng vì cảnh ấy, Yeager vẫn có thể phân tích tình huống một cách bình tĩnh. Nếu Pierce định nộp mạng, không cần thiết phải bắt cóc ông ta nữa.

"Lùi lại," Yeager ra lệnh cho đội, nhưng trước khi rời đi, anh quay sang Pierce. "Chúng tôi sẽ đợi cách đây ba mươi mét về phía nam. Có bất cứ hành động đáng nghi nào là chúng tôi sẽ bắn."

Pierce gật khuôn mặt rậm râu.

Yeager lùi ra khỏi lều, mặt vẫn hướng về phía đó và bắt đầu rút lui. Mick đã nhét súng vào thắt lưng và che nó lại bằng áo bảo hộ tác chiến. Garrett và Meyers, vẫn giữ đội hình giao chiến, súng trường ở thế sẵn sàng, đi theo Yeager.

Họ rời vào rừng, hướng tới một điểm phía bên kia khoảng rừng trống, nơi cây cối che lấp bầu trời, không còn phải lo vệ tinh chụp được ảnh mình. Yeager lệnh cho Garrett triển khai chiến thuật đánh lạc hướng. "Liên hệ với Zeta," anh nói. "Bảo họ chúng ta đã tìm kiếm

sinh vật chúng ta chưa từng thấy bao giờ nhưng không tìm thấy."

"Rõ."

"Và bảo họ chúng ta dự định triển khai Thiên thần trong hai mươi tư giờ nữa". Thiên thần là mật hiệu ám chỉ cuộc tấn công đã bắt đầu.

Garrett hạ ba lô xuống, lôi ra một chiếc máy tính xách tay chuẩn quân đội và bắt đầu gõ tin nhắn.

"Có gì ở trong lều?" Meyers hỏi.

"Thứ sinh vật anh chưa từng thấy bao giờ."

"Cái gì cơ?" Meyers thốt lên. "Anh đã thấy nó rồi? Nó là cái gì? Một loại bò sát nào đó à?"

Yeager không biết đáp lời ra sao, và Mick xen vào. "Thứ đó là người ngoài hành tinh."

"Anh nói cái gì vậy?"

Một luồng sáng phát ra từ căn lều, và Nigel Pierce xuất hiện, tay cầm một chiếc đèn pin. Trên tay kia, ông ta bế đứa trẻ. Mick giương khẩu AK-47 ở thế sẵn sàng bắn.

"Nó đó," Yeager nói với Meyers, mặc dù từ khoảng cách này, hình ảnh đứa bé qua kính nhìn đêm cũng không khác gì một đứa trẻ loài người.

Trước mắt cả bốn người theo dõi, Pierce nhìn vào căn lều bên cạnh, đặt đứa trẻ vào đó và huýt sáo một tiếng. Từ phía bên kia khoảnh rừng trống, một trong mấy con chó đứng dậy chạy tới bên người đàn ông da trắng cao lớn. Kéo con chó theo, Pierce xuất hiện tại nơi Yeager và đồng đội đang chờ như đã hứa.

"Tại sao ông phải mang theo chó?" Mick hỏi, vẻ cảnh giác lồ lộ.

"Nó là chuột thí nghiệm," Pierce đáp lời. "Tôi sẽ tiếp tục từ chỗ bị ngắt quãng."

"Từ từ đã," Yeager chen vào. "Cho tôi hỏi một câu trước. Ngồi đi."

Pierce lần lượt nhìn từng người lính vũ trang, rồi hạ cái thân thể lòng không ngồi xuống nền rừng.

"Đứa trẻ đó là gì vậy? Trông nó không giống người."

Pierce, vẫn không từ bỏ thói quen học giả, trả lời ngắn gọn. “Não của đứa bé bị đột biến. Nhưng không gây tàn tật. Một đột biến gene khiến nó có một bộ não vượt trội hơn hẳn chúng ta.”

“Vượt trội hơn chúng ta?”

“Vượt trội hơn tất cả mọi người trên trái đất này. Nhà Trắng sợ hãi trí tuệ của đứa trẻ bởi nó có thể bẻ bất cứ mật mã nào, kể cả mật mã quân đội. Đó là lý do họ thuê các anh giết nó.”

“Đợi một phút,” Meyers nói. “Một đột biến khiến nó sở hữu siêu trí tuệ?”

“Đúng vậy.”

“Nếu đó là sự thực, vậy thì đây không chỉ là một đứa trẻ bị khiếm khuyết gene. Thế có nghĩa là nhân loại đã tiến hóa.”

“Chính xác. Sự tiến hóa của loài Homo sapiens đã xảy ra ở nơi đây, trong chính khu vực này.”

Meyers lắc đầu vẻ không tin nổi và im lặng.

Về phần mình, Yeager không thể phủ nhận điều nhà nhân học kia đang nói. Anh đã thấy một phần bằng chứng. “Làm sao ông có được hình ảnh từ vệ tinh?”

“Đứa trẻ này sử dụng máy tính của tôi xâm nhập vào hệ thống.”

“Không thể nào,” Garrett bỗng xen vào. “Người ta không thể xâm nhập hệ thống dễ dàng đến thế được.”

“Có thể. Ngôn ngữ lập trình con người tạo ra có nhược điểm. Và đứa trẻ này đã chọc thủng nó.”

“Nhưng cho dù nó có thể xâm nhập vào đường truyền, tất cả thông tin đều được mã hóa..” Garrett bắt đầu nói, và khựng lại. “Đợi đã. Ông muốn bảo là đứa bé đã giải được mật mã?”

“Đúng thế. Đứa trẻ nghĩ ra một thuật toán có thể bẻ khóa mọi hàm một chiều. Tôi có thể truy cập vào mọi kế hoạch bí mật của Hoa Kỳ, và nhờ đó biết được về nhiệm vụ của các anh từ trước.”

“Được rồi,” Yeager nói và đưa ra câu hỏi quan trọng nhất của mình. “Nhưng tại sao chúng tôi lại trở thành vật hy sinh?”

“Bởi lý do đột biến gene đã xảy ra. Người lập nên chiến dịch Thần hộ mệnh đã tính đến cả khả năng đây là một vụ lây nhiễm

virus. Có mối rủi ro lớn là bất cứ ai bước vào khu vực này cũng sẽ bị nhiễm một loại virus sẽ thay đổi não bộ con cháu họ. Nói cách khác, Nhà Trắng e ngại rằng các anh sẽ bị lây nhiễm và con cái các anh sẽ mang khiếm khuyết gene."

Con cái mang khiếm khuyết gene – Yeager cau mày khi nghe câu ấy. Đó chính là điều đã xảy ra với anh.

"Nhưng virus này không hề tồn tại. Con virus chết người được dùng làm lý do biện hộ cho chiến dịch Thần hộ mệnh cũng vậy. Chiến dịch này hoàn toàn là một vụ lừa đảo. Nhiệm vụ thực sự, nhiệm vụ bao gồm tất cả các anh, có mật danh là Thần báo thù."

"Ông nói ông có bằng chứng chúng tôi sẽ bị giết?"

Pierce gật đầu. "Các anh đều được lệnh phải uống thuốc sau khi chiến dịch kết thúc," ông ta nói đầy tự tin. "Hẳn các anh đã được cấp thuốc chống lại virus."

Ông ta nói về những viên con nhộng trắng họ được giao ở Zeta Security. Đúng là Pierce có vẻ biết hết mọi chuyện.

"Cho tôi xem," ông nói.

Những người còn lại đều do dự, nhưng Meyers nhanh chóng lôi hộp chống nước của anh ra. Bên trong là bốn viên con nhộng, đủ cho mỗi người một viên.

Pierce lấy một viên. "Tôi sắp lôi ra một con dao quân sự, nên là đừng bắn nhé?" Ông ta bắt đầu cắt mở một đầu của viên nhộng. Kỳ lạ thay, viên thuốc trong thực ra lại có đến bốn lớp. Bên trong là một viên nhộng nhỏ hơn với một lượng bột trắng tí xíu.

"Họ làm thế để các anh không thể tiêu hóa thuốc nhanh, Pierce giải thích trong khi lôi từ túi ra một miếng thịt hun khói và rắc thứ bột trắng lên đó. Ông đưa thịt cho con chó bên cạnh mình, nó ngoạm lấy, nhai và nuốt ực xuống. Ngay lập tức mắt nó mất đi sức sống. Nó trở thành một cái xác chết đứng: máu rỉ ra từ khóe miệng nó, và nó đổ rầm xuống.

"Nếu uống viên thuốc này, các anh cũng sẽ có kết cục như vậy."

Cái xác con chó nằm đó, bất động. Đứng trước ý đồ độc ác nhắm vào họ, bốn người lính đánh thuê lặng thinh.

“Cyanide?” cuối cùng Meyers cũng hỏi.

“Phải. Mỗi viên thuốc chứa mười lần lượng đủ chết người.”

Yeager nhìn thành viên bán quân sự của CIA. Garrett đáp lại cái nhìn của anh, và bên dưới cặp kính nhìn đêm, miệng anh ta mím lại, rồi nở thành nụ cười. “Giờ các anh đã hiểu Nhà Trắng ghét bỏ tôi đến mức nào.”

Garrett cuối cùng đã tin câu chuyện của Pierce. Thậm chí cả Yeager, với những bằng chứng rõ ràng trước mắt như thế, cũng không còn tin tưởng đất nước mình nữa. Nếu làm theo lệnh, họ đã chết rồi. “Vậy thì kẻ thù của chúng tôi là nước Mỹ?”

“Có thể nói vậy,” Garrett nói, gật đầu cay đắng.

Không khí u ám chỉ tồn tại được một thoáng, và thay vào đó là con phẫn nộ của Yeager khi thấy họ đã bị phản bội. “Vậy thì giờ chúng tôi thuộc về đất nước nào đây?”

“Không nước nào cả. Bây giờ các anh chỉ là các cá nhân riêng lẻ thôi.”

“Đợi một giây đã,” Mick nói. “Mấy người thực sự tin ông ta đấy hả?”

“Nếu anh không tin, vậy thì cứ uống viên thuốc đó đi.”

Mick nhìn xuống cái xác con chó và im lặng, không thể đáp lại.

Yeager quay sang Pierce. Anh vẫn còn chút nghi ngờ. “Vậy thì mục đích của ông là gì?”

“Tôi và đứa bé, và tất các các anh nữa, đều phải thoát khỏi châu Phi.”

Bốn người lính nhìn nhau. Sự chú ý của họ trở lại với thực tại là cái mục đích khó khăn đặt ra cho họ.

“Tôi cho rằng ông đã có kế hoạch?”

“Tôi có vài ý tưởng, nhưng cũng không phải một trăm phần trăm chắc chắn. Nhà Trắng không phải kẻ thù duy nhất của chúng ta. Sẽ rất khó tiên đoán động tĩnh của tất cả các nhóm vũ trang trong khu vực này.”

“Đợi đã,” Mick lại xen vào. “Tôi có thể hiểu tại sao chúng ta lại trở thành mục tiêu. Nhưng nếu chúng ta cố trốn thoát, đứa trẻ cùng

ông già này không phải sẽ trở thành gánh nặng sao?"

Pierce mặc kệ anh chàng người Nhật và nhìn thẳng vào Yeager. "Nếu bỏ rơi chúng tôi, anh sẽ không thể cứu Justin."

Tất cả quay sang nhìn Yeager. Yeager tức giận vì mạng sống của con trai đang bị dùng làm vật trao đổi, nhưng anh vẫn cố tỏ ra bình tĩnh. "Ông nói là có cách cứu thằng bé?"

"Phải. Một người bạn của tôi đang nghiên cứu phát triển một loại thuốc chữa PAECS. Anh ta sẽ xong xuôi trong vòng một tháng. Nếu uống thuốc, Justin sẽ hồi phục hoàn toàn."

Nếu có thể tin được ông ta, vậy thì Justin sẽ được kéo về từ bên bờ vực cái chết. Yeager không còn cách nào khác ngoài tin tưởng ông ta. Không làm gì tức là đảm bảo cái chết của con trai anh. Câu hỏi đặt ra là liệu họ có sống mà thoát ra khỏi khu vực này được không. Như Pierce đã nói, Nhà Trắng không phải kẻ thù duy nhất của họ. Theo như ước tính thấp nhất cũng phải có đến bảy mươi nghìn quân vũ trang hoạt động trong vùng Ituri. Làm sao bốn người lính có thể thoát khỏi một vòng vây như thế?

"Hơn nữa," Pierce nói, lần này thì nhìn sang Mick, "đứa trẻ này và tôi có thể giúp các anh. Chúng tôi có thể tìm ra Lầu Năm Góc đang toan tính điều gì. Theo tôi, đổi chác như vậy cũng không phải tệ."

Bốn người đứng đó, trong sự tĩnh lặng của khu rừng, sắp sửa đem mạng sống của mình ra đánh cược.

Yeager vẫn còn một câu hỏi nữa cho Pierce. "Các ông có phương thức liên lạc an toàn chứ? Các ông có thể liên hệ với các nước khác mà không bị Echelon bắt được tin?"

"Tôi nghĩ vậy, nhưng cũng có giới hạn thôi. Không phải lúc nào chúng ta cũng có thể chọn được thời điểm."

"Cái tôi muốn là cập nhật về tình trạng của Justin."

"Cập nhật vài ngày một lần thì không thành vấn đề."

"Được rồi," Yeager nói và quay sang đối mặt ba người còn lại. "Nếu thỏa mãn một điều kiện này, tôi đi với Pierce."

"Điều kiện?" Pierce hỏi vẻ nghi ngờ.

"Tôi sẽ đi với ông, miễn là con trai tôi sống. Nếu Justin chết và tôi

nghĩ ông là gánh nặng thì ông sẽ tự lo lấy thân.”

Có vẻ Pierce chưa tính đến điều này. Trong một thoáng, ông ta có vẻ sững sờ, rồi sau đó lại nhanh chóng lấy lại tự tin. “Được thôi. Tôi không có vấn đề gì. Con trai anh chắc chắn sẽ sống.”

Nghe những lời này, Yeager cảm thấy thiện cảm với Pierce. Con trai anh chắc chắn sẽ sống. Trong năm năm trời, anh và Lydia khắc khoải muốn nghe câu nói ấy, và chưa từng có ai nói thế với họ.

Yeager cuối cùng cũng tìm thấy một động lực để chiến đấu. Không phải vì một đất nước, một lý tưởng hay tiền bạc, mà là một cuộc chiến để cứu sống con trai anh.

“Tôi không ép các anh đi theo mình,” anh nói với những người kia. “Mỗi người hãy tự quyết định điều gì mới là tốt nhất cho bản thân.”

Garrett nhanh chóng lên tiếng. “Tôi theo Yeager.”

“Tôi cũng thế,” Meyers nói.

Mick nhún vai. “Tất cả đi cùng nhau sẽ an toàn hơn.”

Yeager gật đầu, vui mừng vì quyết định của họ. Anh quay sang Pierce. “Đứa trẻ có tên không?”

"Akili.”

“Và chúng ta sẽ đi đâu?”

“Tới đầu kia thế giới. Đường thoát khỏi châu Phi còn dài lắm,” Pierce đáp. “Nhưng đích đến cuối cùng là Nhật Bản.”

Sau khi rời khỏi thư viện tạp chí, Kento đi theo biển chỉ dẫn tới thư viện công cộng và bước vào. *Báo cáo Heisman* không giải thích được chút nào những ý định của cha cậu thời còn sống. Dù vậy, cậu vẫn có cảm giác mình đã nắm bắt được manh mối gì đó quan trọng, như thể qua màn sương mù, cậu đã lờ mờ nhìn ra đường nét của thứ đang kiếm tìm.

Cậu len giữa những giá sách tới khu về nhân học, nhặt ra vài cuốn đem tới phòng đọc. Mục 5 của Báo cáo Heisman nói tới vấn đề tiến hóa của nhân loại, một chủ đề Kento không mấy quen thuộc.

Cậu đọc nhanh qua một bài đại cương về chủ đề này và biết được

loài người đã tiến hóa ra sao sau khi họ và tinh tinh tách ra từ một tổ tiên chung. Trong sáu triệu năm kể từ ngày ấy, rất nhiều chủng loại người đã xuất hiện và biến mất. Người hiện đại bây giờ xuất hiện khoảng hai trăm nghìn năm trước. Vào thời điểm đó, những loài khác – người tối cổ và Neanderthal – vẫn còn sống.

Trên đảo Flores ở Indonesia, mới khoảng mười hai nghìn năm trước, vẫn còn một chủng người gọi là Homo floresiensis, hay người Flores. Những cá thể trong loài đó chỉ cao một mét. Dung tích hộp sọ chỉ bằng một phần ba so với người hiện đại, nhưng họ vẫn thông minh, biết dùng lửa, làm công cụ đá và săn bắn. Kento ngạc nhiên khi biết người hiện đại đã sống cùng với người Homo floresiensis trên cùng một hòn đảo suốt hàng chục ngàn năm. Nói cách khác, suốt hàng chục ngàn năm, hai giống người đã cùng tồn tại trên một hòn đảo. Không rõ liệu họ có tiếp xúc nhiều với nhau không, nhưng tới tận giờ, tại Flores vẫn còn huyền thoại kể về những con người nhỏ xíu sống trong hang. Nhưng, hệt như không biết bao nhiêu loài người khác trước họ, người Flores cuối cùng vẫn tuyệt chủng.

Bất kể đó là người Flores, người Neanderthal hay người vượn Bắc Kinh, khi giống loài ấy tuyệt chủng, hẳn vẫn phải có một kẻ sống sót cuối cùng. Người ấy có tâm trí, có tình cảm và có thể hiểu được tình huống mình đã rơi vào. Người đó hẳn đã hiểu được rằng không còn ai trong loài của mình tồn tại nữa, rằng mình là người cuối cùng và hoàn toàn cô độc. Cảm giác cô độc đến tuyệt vọng ấy hẳn là đã bóp nghẹt người đó. Kento thấy lồng ngực mình thắt lại khi nghĩ tới nỗi khốn khổ người ấy hẳn đã trải qua.

Nếu chỉ có một trong số năm lời cảnh báo trong *Báo cáo Heisman* trở thành hiện thực, nhân loại cũng sẽ phải chịu đúng số phận ấy. Kento đem sách cất lại lên giá và rời khỏi thư viện, đầu óc vẫn để ở mục số 5. Việc loài người vẫn còn đang tiến hóa, nghĩ lại cũng thấy hợp lý. Không hề có bất cứ bằng chứng sinh học nào chứng tỏ rằng tiến hóa đã dừng lại ở loài người hiện nay.

Trong khi sải bước dọc theo những con phố Setagaya, Kento lôi bản *Báo cáo Heisman* ra khỏi túi. Báo cáo nói rằng, khi những "người

siêu việt" này xuất hiện, họ sẽ "sở hữu trí thông minh vượt xa chúng ta". Về tiềm năng của loại trí tuệ này, bản báo cáo tuyên bố rằng, "Họ sẽ có khả năng tri nhận chiều thứ tư, hiểu được tức thời các tổng thể phức tạp; họ sẽ có giác quan thứ sáu, ý thức đạo đức phát triển vô hạn – những năng lực tinh thần mà chúng ta không thể nào hiểu nổi."

Kento đặc biệt ấn tượng bởi thực tế rằng họ sẽ có khả năng hiểu được các tổng thể phức tạp. Với một nhà khoa học, năng lực ấy khác nào một giấc mơ. Ví dụ, trong một tế bào, có vô số đường truyền tín hiệu liên quan đến cơ chế gây bệnh PAECS. Mạng lưới hàng ngàn phản ứng sinh hóa này kết nối với nhau phức tạp đến mức con người không thể hiểu nổi toàn thể cơ chế hoạt động dù chỉ là của một tế bào duy nhất. Điều ấy vượt quá trí tuệ loài người.

Nhưng nếu điều đó lại khả thi thì sao?

Kento khựng lại, những người đằng sau thiếu chút nữa là đâm vào cậu. Cậu đứng chết lặng giữa con phố trong khu mua sắm bận rộn như thể tất cả những xô bồ và thanh âm xung quanh đã biến mất.

Vượt quá trí tuệ loài người.

Những từ ấy xoáy đảo trong tâm trí cậu. Và cậu như nghe thấy giọng nói của Lee Jeong Hoon.

Không con người nào có thể tạo ra một phần mềm như vậy.

Tuy nhiên, nếu một loài sinh vật tiến hóa thực sự đã xuất hiện, chẳng phải nó có thể tạo ra một phần mềm hoàn hảo để thiết kế thuốc mới? Phần mềm có thể tạo ra mô hình ba chiều của protein, thiết kế thứ chất liệu sinh học có thể liên kết với nó, và thậm chí tiên đoán chính xác tác dụng lý hóa của thuốc với cơ thể?

Người đó khiến phần mềm dường như thể hiện được các hoạt động sinh học vô cùng phức tạp ở cấp độ phân tử và electron.

Nhưng nếu GIFT không chỉ có vẻ là *dường như* thể hiện được những hoạt động sinh học phức tạp ấy, mà *thực sự* thực hiện được điều này? Vậy không phải có nghĩa là loại tiến hóa mà *Báo cáo Heisman* cảnh báo đã xảy ra trên trái đất rồi sao?

Kento nhìn xuống, đẩy kính lên cao hơn trên mũi và tiếp tục cân nhắc điều này. Nếu một trí tuệ vượt xa loài người xuất hiện trên thế giới này, một siêu cường quốc như Hoa Kỳ sẽ chống chọi ra sao? Họ lại không cố giết nó ư? Cho dù muốn lợi dụng siêu trí tuệ này để trục lợi, họ cũng không thể kiểm soát nó. Không chỉ không thể kiểm soát, họ sẽ có nguy cơ rơi vào thế bị kiểm soát.

Và "siêu nhân loại" này sẽ hành động ra sao? *Báo cáo Heisman* tiên đoán họ sẽ cố gắng tiêu diệt loài người, nhưng Kento vẫn còn ngờ vực. Thứ nhất, trí tuệ kém cỏi của chúng ta không thể dự đoán được phán xét của giống người siêu trí tuệ này. Rốt cuộc thì, các cá thể đó sẽ sở hữu những năng lực tinh thần mà chúng ta không thể nào hiểu nổi. Hơn nữa, vẫn còn một đầu mối hé lộ ý định của họ – GIFT. Nếu đây thực sự là một hệ thống phần mềm hoàn chỉnh được tạo ra để thiết kế thuốc, vậy thì nó đúng là một món quà cho nhân loại. Thay vì hủy diệt chúng ta, siêu nhân loại này đã tặng cho con người một ân huệ, một phát minh sẽ cứu chúng ta khỏi vô số bệnh tật. Việc tạo ra phần mềm này có lẽ chính là lời nhắn rằng họ không phải kẻ thù của chúng ta.

Cảm thấy mình đang cầm đèn chạy trước ô tô, Kento bèn quay trở lại xuất phát điểm. Dù trực tiếp hay gián tiếp, cha cậu hẳn đã tiếp xúc với siêu trí tuệ này và có được GIFT. Và nếu Hoa Kỳ đã đánh hơi được điều này và có hành động cản trở, mọi chuyện từng xảy ra sẽ trở nên sáng tỏ. Nhưng để chứng minh giả thiết của mình, Kento cần có được bằng chứng rằng siêu nhân loại này thực sự tồn tại.

Nhưng bằng cách nào?

Kento nghĩ ngợi rất lung và cuối cùng cũng tìm ra một giải pháp. Nếu cậu thực sự dùng GIFT điều chế ra được một loại thuốc chữa được bệnh xơ cứng biểu mô phế nang phổi, đây ít nhất sẽ là chứng cứ gián tiếp cho thấy loài người mới này thực sự tồn tại. Con người, ở trạng thái nhận thức hiện tại, không có khả năng tạo ra một phần mềm hoàn hảo như thế.

Nhưng để chế ra thứ thuốc này, cậu sẽ cần hỗ trợ. Cậu phải có được sự giúp đỡ của anh chàng sinh viên trao đổi người Hàn Quốc

tài giỏi kia. Khi suy nghĩ tìm cách liên lạc với Lee Jeong Hoon, Kento nhận ra mình vẫn còn may mắn.

"Kento à? Sao thế?" Giọng nói thảnh thơi của Doi ở đầu dây bên kia cho Kento một chút hy vọng. "Tên người gọi hiện lên là điện thoại công cộng, nên tớ đang băn khoăn là ai."

"Di động tớ hỏng rồi. Tớ muốn hỏi cậu, dạo này cậu có nghe tin đồn gì kỳ lạ không?"

"Tin đồn kỳ lạ? Ý cậu là sao?"

"Không sao đâu. Nếu cậu không hiểu tớ đang nói gì, thì mọi chuyện vẫn ổn."

Doi vẫn chưa nghe phong thanh gì về cuộc điều tra của cảnh sát. Cảnh sát vẫn chưa lần ra ai là bạn của Kento trong số các sinh viên cao học, tức là họ vẫn chưa phát hiện ra Lee Jeong Hoon.

"Ồ, cậu gọi về vụ đó hả?" Doi đột nhiên lên tiếng, khiến Kento giật mình.

"Vụ đó?"

"Cô nàng bên khối xã hội ấy."

Ý cậu ta là Kawai Marina. "Tớ ước gì là thế, nhưng mà không phải."

"Nếu cậu mời tớ bữa trưa, tớ sẽ chuyển lời cậu muốn hẹn hò với cô nàng."

Sắp xếp một cuộc hẹn? Thật là không đúng thời điểm. Trời đất, cậu còn đang trốn tránh pháp luật đây. "Không, không ổn đâu."

"Thật hả? Bữa trưa không được thì đi cà phê?"

"Không. Tớ hiện tại rất bận và không dành thời gian được đâu. Thôi nhé, gặp cậu sau."

"Từ từ đã. Cậu chỉ gọi thế thôi?"

"Ừa." Doi có vẻ hơi nghi ngờ, nên Kento thêm vào, "Đừng nói với ai là tớ gọi, được không? Tớ sẽ kể cho cậu mọi chuyện sớm thôi."

"Hiểu rồi," Doi nói, giọng không có vẻ gì là đã hiểu. "Muốn mời tớ bữa trưa thì cứ gọi nhé."

"Rồi."

Kento cúp máy, gạt hình ảnh Kawai Marina sang bên và nhìn xuống danh sách số điện thoại đã chép ra. Cậu ấn một số điện thoại, hy vọng người kia sẽ bắt máy, và nghe thấy giọng nói mình đang chờ.

“A lô?”

"Jeong Hoon à? Koga Kento đây.”

“Ồ!” Jeong Hoon thốt lên, ngay lập tức khiến Kento cảnh giác. Có chuyện gì xảy ra sao?

“Cậu nghe được tin nhắn tớ để lại chưa?” Jeong Hoon phấn khích nói.

“Chưa. Có chuyện gì sao?”

“GIFT ấy mà. Tớ đã thử chạy rồi. Thử kỹ lưỡng luôn.”

“Và?”

Jeong Hoon do dự một thoáng. “Đừng cười nhé, nhưng chương trình đó là hàng thật đấy.”

Dù đã mong đợi câu này, Kento không thể không ngạc nhiên. Cậu ngừng lại lấy hơi. “Làm sao cậu kiểm tra được?”

“Phòng thí nghiệm của tụi tớ đang làm nghiên cứu với một công ty dược phẩm. Tớ nhập cấu trúc hóa học của thứ thuốc đang điều chế vào GIFT để nó tiên đoán kết quả. Và nó đoán đúng tất tần tật, kể cả tác dụng phụ. Chúng tớ vẫn chưa công bố dữ liệu ở đâu, tức là GIFT đã tự tính toán tất cả mọi thứ. Y như thể chúng tớ đã chứng thực dự đoán của GIFT thông qua thí nghiệm.”

“Cậu chỉ thử một hợp chất thôi sao?”

“Không. Tớ thử ít nhất là hai chất dẫn đường cộng với mười dẫn xuất khác, và tất cả dữ liệu về mối quan hệ cấu trúc với hoạt tính đều nằm trong phạm vi sai số. Không thể chỉ là tình cờ được.”

“Jeong Hoon,” Kento nói, cố giữ giọng không the thé lên. “Lịch của cậu tối nay thế nào?”

“Tớ có thể rời phòng thí nghiệm lúc 6 giờ.”

“Tuy là hơi xa, nhưng cậu có thể tới Machida không?”

“Machida à? Đấy là đâu?”

Kento giải thích cho cậu ta, rằng nó ở đầu kia Tokyo. “Tớ có mô

tô," Jeong Hoon nói, "nên không thành vấn đề."

"Cẩn thận đừng để bị bám đuôi."

"Bám đuôi?"

"Đừng để ai bám theo cậu." Kento quyết định nói cho Jeong Hoon biết về mối rủi ro cậu ta phải đối mặt. Như thế cũng là công bằng. "Tớ phải xin lỗi trước, nhưng chúng ta đang vướng vào chuyện khá mạo hiểm đây."

"Ý cậu là sao?"

"Ở tình huống tồi tệ nhất, cảnh sát sẽ tóm cổ cậu rồi tống thẳng ra khỏi Nhật Bản."

Ở đầu dây bên kia, Jeong Hoon lặng thinh.

"Nếu cậu không ngại mạo hiểm, tớ rất muốn cậu qua đây."

Sau một thoáng, Jeong Hoon hỏi, "Đấy là viễn cảnh tệ nhất?"

"Ừ."

"Còn viễn cảnh tốt nhất?"

"Chúng ta cứu được mạng sống của một trăm nghìn đứa trẻ."

"Tớ hiểu rồi," Jeong Hoon nói, giọng phấn khích trở lại. "Tớ sẽ đến."

Trong khi đợi cấp trên tới, Rubens ngồi trong căn phòng họp nhỏ cạnh trung tâm điều hành chiến dịch và xem xét lại tài liệu họ có về nhiệm vụ đang tiến hành.

Thứ nhất, NSA đã bắt được liên lạc của Koga Kento. Kento truy cập vào ngân hàng dữ liệu protein trên mạng và tìm "GPR769 đột biến" bằng thuật toán BLAST. Tiếp theo, cậu ta gọi cho một người tên Yoshihara yêu cầu gặp mặt. Mục tiêu của cậu ta là thu thập thông tin về bệnh xơ cứng biểu mô phế nang phổi. Theo CIA, Yoshihara là thực tập sinh tại bệnh viện thuộc một trường đại học.

Sau đó là cuộc gọi từ điện thoại công cộng ở New York nhằm cảnh báo Kento. NSA đã săm soi mẩu tin nhân tạo sử dụng giọng máy tính đó, và kết luận rằng thứ tiếng Nhật đó không tự nhiên. Nghĩa thì rõ, nhưng câu chữ sẽ khiến người bản xứ thấy kỳ lạ. Các nhà ngôn ngữ học của NSA nhanh chóng phá giải bí mật này. Họ đưa câu tiếng Anh vào một phần mềm dịch thương mại và thu được đúng các câu tiếng Nhật kia. Khả năng cao là người gửi lời cảnh báo cho Koga Kento không biết tiếng Nhật và dùng phần mềm để dịch vài câu đơn giản. Câu hỏi là, người đó là ai? Và tại sao hắn lại truy cập vào chiến dịch Thần báo thù?

Rubens nhìn qua báo cáo cuối cùng: danh sách các nhân viên an ninh tư nhân đã bỏ mạng dưới tay phiến quân Iraq. Kèm theo đó là danh sách mười lăm đặc vụ đáng ra đã được chọn cho chiến dịch Thần hộ mệnh. Do các ứng cử viên đều lần lượt bị sát hại, các thành viên kia – trừ Warren Garrett, vốn nằm cuối danh sách – đã được đẩy lên. Ba người đã trở thành ứng viên đầu bảng: Jonathan Yeager, Mikihiko Kashiwabara và Scott Meyers.

Nhà Trắng bắt đầu cảnh giác trước những vụ tấn công chuẩn xác này của phiến quân. Kẻ địch ẩn thân dọc các con đường những nhân viên tư nhân đi qua. Nhưng làm sao chúng nắm được thông tin về các

chiến dịch tuyệt mật? Có phải có kẻ đang bắt được và giải mã nội dung liên lạc quân sự của Mỹ?

Trong một thoáng, Rubens chuyển sự chú ý sang các vụ tấn công tại Iraq – tới một vụ cụ thể, trong đó bốn người lính tư nhân bị sát hại tại một thành phố nhỏ. Các cựu binh Lực lượng đặc biệt này gặp mai phục trên đường phố và bị bắn chết ở cự ly gần. Người dân xung quanh, những người Iraq bình thường với lòng thù ghét ngày một tăng dành cho Mỹ như nổ tung trong cơn cuồng nộ, hòa giọng gào thét "Allahu akbar!" Lính tư nhân hoạt động ngoài vòng pháp luật, vậy nên họ có thể giết chết công dân Iraq mà không bị xử tội, và đã giết vô số người. Và thái độ độc đoán này càng giúp đổ thêm dầu vào bầu không khí chống Hoa Kỳ. Thi thể của một trong mấy người Mỹ bị chà đạp tới mức đầu gãy rời, và một người khác bị đem treo lủng lẳng trên một cây cầu trên đường cao tốc.

Đáp lại hành động tàn bạo ấy là sự tàn nhẫn vô cùng của Hợp chủng quốc. Cùng với quân đội Iraq, họ tổ chức một lực lượng tấn công phối hợp với tám nghìn quân và chỉ đạo một cuộc tổng tấn công vào thành phố, vốn là điểm nóng của hoạt động phiến quân. Một cuộc chiến ác liệt nổ ra, trong đó một nghìn tám trăm quân lính và dân thường bỏ mạng để báo thù cho cái chết của bốn người lính tư nhân. Thêm vào đó, Hoa Kỳ cũng đem vào sử dụng một số bom uranium nghèo, và bức xạ từ đó chắc chắn sẽ khiến tỷ lệ ung thư và dị dạng ở trẻ em tăng đột biến. Tất cả những điều này đều do bàn tay của chính những sinh vật luôn khoe mẽ rằng mình sở hữu trí tuệ cao nhất hành tinh gây nên.

"Có chuyện gì sao?" Rubens quay lại khi nghe thấy một giọng nói bình tĩnh. Tiến sĩ Gardner đang đứng ở ngưỡng cửa. Ông được gọi tới trung tâm điều hành vào lúc nửa đêm và vẫn ăn vận bình thường, không đeo cà vạt.

Rubens đợi tới khi vị cố vấn khoa học đã ngồi xuống bàn. "Có phải chúng ta đang đánh giá thấp trí tuệ của Nous?"

Chỉ nghe thế, Gardner đã biết có vấn đề nghiêm trọng. Đôi mắt hiền hòa của ông sắc lại. "Không phải là không thể. Tại thời điểm

này, chúng ta không thể đưa ra đánh giá cụ thể nào về trí tuệ của Nous. Tất cả đều là phỏng đoán."

"Vậy thì ông cũng không phủ nhận khả năng trí tuệ của nó đã vượt quá người hiện đại?"

Gardner gật đầu. "Hoặc là nó thể hiện khả năng vượt trội trong một lĩnh vực cụ thể. Ví dụ như việc phân tích thừa số."

"Còn các lĩnh vực khác?"

"Chúng ta nên xem lại *Báo cáo Heisman*," Gardner nói, đan tay lại sau đầu và ngửa lên nhìn trần nhà. "Giả định về các năng lực của siêu nhân loại này trong báo cáo – khả năng tri nhận chiều thứ tư và giác quan thứ sáu – tất cả toàn chuyện nhảm. Nếu Nous muốn nghĩ về chiều thứ tư hay cao hơn nữa thì vẫn phải phụ thuộc vào các khái niệm trừu tượng toán học. Và giác quan thứ sáu thì thuộc phạm trù huyền học rồi. Với tư cách một nhà khoa học, tôi không có gì để bàn về chuyện đó."

Rubens cũng thấy y như vậy.

"Còn về phần cái ý thức đạo đức phát triển vô hạn kia, người được như vậy đã phải là Chúa rồi. Đây không phải vấn đề cho các nhà khoa học bàn luận."

Lại một lần nữa Rubens đồng ý.

"Tuy nhiên, hai điểm còn lại thì chính xác. Thứ nhất, những năng lực tinh thần mà chúng ta không thể nào hiểu nổi. Con người không hiểu được quá trình tư duy và cảm xúc của Nous là điều đương nhiên. Nếu hình dạng não thay đổi, tâm tính và suy nghĩ cũng sẽ thay đổi. Và rồi..."

Gardner cựa người trên ghế và gập người qua bàn. "Điểm cuối cùng là cái chúng ta thực sự cần dè chừng."

Rubens rất vui khi thấy mình và vị cố vấn khoa học có cùng quan điểm. "Khả năng hiểu được tức thời các tổng thể phức tạp?" anh hỏi.

"Chính xác. Cụm từ ngắn ngủi đó bao hàm rất nhiều. Sự nghi ngờ đối với giản hóa luận, khả năng tiên đoán sự rối loạn của con người khi đối mặt với hỗn độn. Là thứ khả năng các nhà khoa học trong nửa sau thế kỷ vừa qua mong mỏi thế hệ sau sẽ sở hữu. Nhưng

không phải anh đã nghiên cứu về lĩnh vực này à?"

"Tại Santa Fe tôi đã làm nghiên cứu về các hệ thống thích ứng phức tạp, nên tôi cũng thấy có chút quen thuộc."

"Nếu Nous có khả năng hiểu được tức thời các tổng thể phức tạp, chính xác là nó sẽ làm được gì?"

"Nó có thể dự đoán các điều kiện mà chúng ta coi là không thể đoán trước – mà chúng ta gắn cho cái mác hỗn loạn. Nói cách khác, trong lĩnh vực nghiên cứu phức hệ sẽ còn tiếp tục xảy ra các thay đổi hệ hình toàn diện." Càng nói, Rubens càng nhận thức rõ ràng hơn những khác biệt rõ rệt giữa hai thế hệ loài người. "Nếu vậy, nó có thể tạo lập các mô hình mô phỏng chính xác cho tất cả mọi thứ, không chỉ có các hiện tượng tự nhiên mà còn cả hiện tượng tâm lý và xã hội. Cụ thể hơn, sẽ có một bước nhảy vọt trong hiểu biết về các hiện tượng sinh học, và dự báo về các xu hướng lâu dài trong kinh tế, động đất và thời tiết sẽ trở nên chính xác hơn."

"Tức là, khi chúng ta còn ngồi đây nói chuyện, Nous có thể nói chính xác thời tiết mười năm nữa sẽ ra sao."

"Đó cũng là một ví dụ."

"Nếu Nous sở hữu những năng lực như thế, chúng ta có thể hiểu được suy nghĩ của nó không? Cứ giả sử nó viết một bài giải thích cái dự báo thời tiết kia, chúng ta đọc có hiểu được không?"

Dù bị bất ngờ vì câu hỏi sắc bén của tiến sĩ Gardner, Rubens không hề do dự. "Tôi nghĩ đó là điều bất khả. Nous đã vượt lên trên trí tuệ của con người. Con người sẽ không bao giờ theo kịp quá trình tư duy của nó."

"Tôi đoán vậy," Gardner nói, miệng khẽ cười. "Tôi nghĩ anh nói đúng, Arthur"

Im lặng bao trùm lên phòng họp nhỏ. Với Rubens, nụ cười của Gardner là một sự pha trộn giữa bất lực và giải phóng. Chấp nhận khả năng trí tuệ của con người sẽ tiến hóa đồng nghĩa với việc thừa nhận sự hữu hạn của trí tuệ người hiện đại bây giờ. Và không chỉ là trí tuệ. Năng lực của siêu nhân loại này, như đã nói trong *Báo cáo Heisman*, chính là những gì loài người còn thiếu. Cũng như chúng ta

không thể hiểu được tức thời các tổng thể phức tạp, chúng ta cũng không sở hữu ý thức đạo đức phát triển vô hạn. Đây không phải vấn đề lý tính mà là vấn đề hành vi của chúng ta với tư cách sinh vật sống. Chỉ có người đã thỏa mãn nhu cầu thức ăn và tình dục mới đi nói chuyện hòa bình thế giới. Nhưng nếu đặt họ vào cảnh đói khát, bản tính thực sự vốn ẩn giấu bên trong họ sẽ lộ ra. Như Tuân Tử nói vào thế kỷ 3 trước Công nguyên, loài người chúng ta "ham muốn nhiều mà vật chất ít, ắt sẽ sinh tranh giành".

Miễn là lịch sử loài người còn tiếp diễn, nỗi khát khao hòa bình sẽ còn bị trì hoãn. Đâu đó trên thế giới này, luôn luôn có xung đột giữa người và người. Cách duy nhất để loại bỏ tính hung bạo là loại bỏ loài người và để lại con đường phía sau cho thế hệ kế tiếp.

Một câu hỏi hình thành trong tâm trí Rubens. Nous có đạo đức hơn con người? Hay tàn ác hơn? Liệu nó có cho phép một giống loài kém cạnh về trí tuệ đồng thời tồn tại với mình hay sẽ hủy diệt chúng ta? Ngay cả nếu được phép cùng tồn tại, chúng ta vẫn sẽ tồn tại trong lòng bàn tay kiểm soát của nó. Cũng như loài người đang bảo vệ động vật có nguy cơ tuyệt chủng, những người siêu việt này sẽ giữ vài kẻ trong chúng ta lại dưới con mắt theo dõi sát sao của chúng.

Có tiếng gõ cửa, và giám đốc chiến dịch Eldridge bước vào, đi cùng là cố vấn quân sự, đại tá Stokes. Eldridge mặc thường phục, một chiếc áo len cổ lọ cùng áo khoác, nhưng Stokes vẫn đóng nguyên bộ quân phục.

"Tôi đã cập nhật tình hình cho đại tá Stokes," Eldridge nói.

Stokes xác nhận. "Vậy là các đặc vụ đã không thay đổi kế hoạch."

"Chính xác."

"Tôi không nghĩ việc ấy đáng lo. Lực lượng đặc biệt được huấn luyện để điều chỉnh theo tình huống thực địa khi cần thiết. Họ chính là đang làm như vậy."

Rubens cân nhắc liệu có nên công bố giả thiết của mình, khiến họ hốt hoảng một phen, nhưng rồi lại quyết định chờ thêm ít lâu nữa. "Chuyên viên phân tích hình ảnh vệ tinh của CIA đang trên đường

đến đây. Chúng ta sẽ biết thêm khi anh ta tới nơi."

Eldridge gật đầu. "Chúng ta cần hành động trên cơ sở các chứng cứ khách quan. Chúng ta có đường dây liên lạc mã hóa giữa Congo và Nhật Bản. Tại thời điểm này chúng ta chưa rõ mục đích của nó. Nếu nó nhằm cản trở chiến dịch Thần báo thù, vậy thì bốn đặc vụ của chúng ta có thể đã gặp chuyện ngoài ý muốn."

"Cuộc điều tra ở Nhật đã có tiến triển gì chưa?" Stokes hỏi G Rubens.

"Chúng tôi đã thu hẹp phạm vi tìm kiếm Koga Kento. Có vẻ cậu ta đang ẩn nấp tại một khu vực gọi là Machida, và bắt đầu từ mai chúng tôi sẽ theo dõi nhà ga ở đó. Mặc dù vậy, lực lượng của chúng ta tại Nhật vẫn hạn chế, và các cuộc điều tra khác cũng không suôn sẻ như mong đợi."

"Các anh có bao nhiêu người?"

"Chúng tôi có mười cảnh sát toàn thời gian ở thực địa. Nhưng họ đang bận tối mắt tối mũi với việc rà soát nhà, trường đại học và các nơi ẩn náu khả thi khác của Koga. Và chúng ta có trưởng chi nhánh Tokyo của CIA và một đặc vụ địa phương ông ta đã tuyển."

"Đặc vụ địa phương," Gardner nói, "có phải anh đang nói đến người có mật danh Nhà khoa học?"

"Chính xác.

"Lý lịch của người đó ra sao? Và quan hệ với Koga Seiji là thế nào?"

"Tôi không biết," Rubens đáp lời, mắt nhìn vị cố vấn quân sự. "Việc đó tôi đã để lại cho CIA, nên tôi cũng không thể nói được gì."

"Tóm lại là, chúng ta phải chuẩn bị ứng biến trong trường hợp mọi việc xấu đi." Eldridge nói. "Nếu chiến dịch bắt đầu vượt khỏi tầm kiểm soát, chúng ta cần chuyển sang giai đoạn ứng phó khẩn cấp."

"Giai đoạn đó có nội dung gì?" Gardner nói.

"Chúng ta coi bốn đặc vụ, Nigel Pierce và Koga Kento là khủng bố. Chính quyền tại mỗi nước bắt giữ họ, và chúng ta đưa họ vào chương trình dẫn độ đặc biệt."

“Dẫn độ đặc biệt? Ý ông là...”

“Ông không cần lo về vụ đó, thưa giáo sư,” Eldridge nói lảng đi.

“Cái thứ gọi là các biện pháp cực đoan?”

Ngài quan chức chính phủ thô lỗ đáp lại câu tò mò đơn giản của Gardner. “Đây là các biện pháp hành chính dựa trên các nguyên tắc chỉ đạo chính sách của tổng thống, NSD 77 và PDD 62. Bản thân các nguyên tắc là tài liệu mật. Một khi giác thư do tổng thống ký tới đây, CIA sẽ tiếp quản. Như vậy là đủ rồi chứ?”

Nói cách khác: Đừng có đào bới thêm. Gardner khôn ngoan xuống nước. “Đã hiểu,” ông nói.

Với Rubens, tính toán sai lớn nhất chính là hành động của Koga Kento. Anh không lường trước được chỉ một sinh viên cao học cỏn con lại có thể trốn tránh luật pháp và thành công trốn khỏi tầm mắt của họ. Nếu cậu ta tự ra đầu thú và để chính quyền thẩm vấn, có thể còn có cách khiến họ nương tay. Nhưng giờ Eldridge lại đang cân nhắc các biện pháp cực đoan. Như các nhà chức trách khác tại Washington, Eldridge chỉ lo làm sao không để lại vết nhơ trong sự nghiệp của mình, và ông ta hoàn toàn đồng tình với lối suy nghĩ của chính quyền Burns. Nếu để bị tóm bây giờ, Koga Kento sẽ bị hô biến tới một trong những quốc gia tiến hành tra tấn thay mặt Hoa Kỳ và không bao giờ còn thấy mặt gia đình nữa. Rubens muốn cứu cậu ta nếu có thể, nhưng không may, anh không phải là người quản lý các nhiệm vụ tại Nhật. Người đó là Eldridge.

“Chúng ta đã bàn xong chuyện Nhật Bản, nhưng còn giai đoạn ứng phó khẩn cấp ở Congo thì sao?” Gardner hỏi.

“Nếu các đặc vụ bắt đầu hành động bất thường, chúng ta cần loại bỏ họ ngay lập tức, kể cả Nigel Pierce. Chúng ta sẽ dùng lực lượng quân sự địa phương để giải quyết họ.”

Gardner trợn mắt. “Mấy kẻ ngoài vòng pháp luật đó sẽ hợp tác với chúng ta sao?”

“Có một tên buôn vũ khí hoạt động trong khu vực ấy, và chúng ta sẽ dùng hắn để thuyết phục chúng rằng vụ này có thể đem lại lợi nhuận. Nói với chúng rằng trong rừng già Ituri có năm tên khủng bố

da trắng với mức thưởng cao ngất treo trên đầu. Sức mạnh quân sự lên tới hàng chục ngàn quân, bị tiền dắt mũi, sẽ lo hết phần còn lại."

"Nhưng nếu thực sự có một con virus tiến hóa thì sao? Không phải đám quân nổi dậy đó cũng sẽ có nguy cơ bị lây nhiễm?"

"Báo cáo của Rubens đã loại trừ giả thiết về virus."

Rubens muốn tự sút cho mình một cú. Bản báo cáo rởm anh chế ra để cứu Yeager đã phản pháo.

Chiếc điện thoại trên bàn vang lên, và Rubens nghe giọng một nhân viên dưới quyền xin phép vào trung tâm điều hành.

"Vào đi," Rubens nói, và Diaz, một đặc vụ CIA đang hợp tác với chiến dịch Thần báo thù, bước vào phòng cùng một đồng nghiệp.

"Đây là Frank Hewitt, người phụ trách phân tích hình ảnh.

Anh chàng gầy gò mà Diaz giới thiệu mang trong tay một chiếc máy tính. Sau màn chào hỏi theo lệ, Hewitt kết nối máy chiếu vào máy tính của mình và mở ra một hình ảnh trên màn hình chính.

"Đây là hình ảnh vệ tinh chụp gần đây nhất từ Congo, anh ta nói.

Eldridge, Stokes và Gardner chăm chăm nhìn vào bức ảnh. Đó là ảnh chụp bên trong khu rừng, hiện lên trên một tông màu duy nhất khiến người ta không rõ được ban ngày hay ban đêm. Bốn đặc vụ của chiến dịch Thần hộ mệnh đang áp sát lều cuối cùng trong dãy lều xếp hình chữ U.

"Chúng tôi tin rằng đây là lều của Nigel Pierce."

"Dựa vào cái gì?" Rubens hỏi.

Hewitt phóng to một góc ảnh. "Có một cấu trúc hình học được giấu trong lều. Một tấm pin mặt trời."

"Tôi hiểu." Trong rừng rậm Congo, nơi không có đường điện, Pierce sử dụng năng lượng thái dương cho máy tính của mình.

Dùng cây bút laser, Diaz lần lượt chỉ ra bốn đặc vụ. "Người mang hộp y tế là Meyers; Garrett là người mang dụng cụ liên lạc. Trong hai người còn lại, người cao hơn là Yeager."

Rubens quay sang vị cố vấn quân sự. "Đại tá, ngài có đánh giá gì về hành động của họ?"

Stokes cau mày. "Trông họ có vẻ như muốn bắt cóc Nigel thay vì

giết ông ta."

Khi những người lính xếp thành một vòng tròn phòng thủ, Yeager nghiêng nửa người vào trong lều. Và rồi mọi chuyển động khựng lại. Mười giây trôi qua mà không có chút động tĩnh, rồi Kashiwabara đổi sang một khẩu súng ngắn và bước vào theo Yeager. Hai người cử động kịch liệt như thể đang phản ứng với thứ gì đó, nhưng bởi thân trên của họ đang ở trong lều, nên không thể biết rõ họ đang làm gì.

"Đây," Hewitt nói, tua trở về và bật đi bật lại cảnh ấy. "Một góc hình ảnh cho ta manh mối về chuyện đã xảy ra."

Màn hình chuyển sang hình phía sau căn lều, nơi một cái cây được phóng đại. Hình ảnh được phóng đại thêm nữa, đến tận từng pixel, và màn hình trở thành một hình chữ nhật màu xám. "Nếu cho cảnh này chạy chậm, các vị sẽ thấy như sau."

Ban đầu, nó là một hình vuông đen, rồi một khung hình sáng lên thành màu xám và rất từ từ lại trở về đen.

"Nhiệt độ của một phần thân cây tăng lên trong một tích tắc. Đây không phải hiện tượng tự nhiên. Một vật bay nóng đỏ đã đâm vào thân cây."

"Tức là?" Eldridge nói vẻ mất kiên nhẫn.

"Theo như cử chỉ của hai người trong lều, có vẻ là Kashiwabara đã nổ súng, Yeager can thiệp vào, và phát súng không trúng mục tiêu ban đầu. Tôi không thể xác định đường đạn chính xác, nhưng tôi ước tính góc bắn là khoảng ba mươi độ hướng lên trên. Thêm vào đó, khi Kashiwabara ra khỏi lều, súng của anh ta không nằm trong bao mà bị giấu đi. Tôi nghĩ anh ta làm vậy do đã nhận ra họ đang bị theo dõi bởi vệ tinh hồng ngoại."

"Làm sao họ nhận ra mình đang bị theo dõi?" Stokes ngờ vực hỏi.

Eldridge trông có vẻ bối rối và liếc nhìn sang con người sáng láng đã dựng nên cả chiến dịch.

Rubens biết tình hình đang dần vượt ra khỏi tay mình. Hình ảnh vệ tinh đã bị xem trộm. Hoa Kỳ đang đối mặt với một mối đe dọa an ninh khổng lồ. Và không chỉ có vậy. Chính quyền Burns đã rơi thẳng vào bẫy. Họ không phải người điều khiển chiến dịch. Nous mới là

người điều khiển. Rubens yêu cầu Diaz và Hewitt ra khỏi phòng và ngồi đó trong yên lặng, suy nghĩ, khuỷu tay chống trên bàn, đầu gục xuống tay.

Chiến dịch Thần báo thù bắt đầu với bức thư điện tử của Nigel Pierce. Khi gửi đi, ông ta chắc hẳn đã biết nó sẽ bị Echelon bắt được. Mục đích là dò xét xem Nhà Trắng sẽ phản ứng như thế nào trước tin tức về bước tiến hóa tiếp theo của con người. Pierce và Nous, bị vây khốn giữa các toán quân vũ trang thù địch giữa rừng già Congo, hẳn đã hy vọng rằng chính phủ Mỹ sẽ cố gắng bảo vệ họ.

Nhưng chính quyền Burns lại quyết định sẽ xóa sổ siêu nhân loại này, khiến Pierce và Nous chỉ còn một lựa chọn duy nhất: trốn thoát ra thế giới bên ngoài. Họ phải nắm được sức mạnh quân sự. Nhưng kể cả nếu họ muốn thuê lính tư nhân, Lầu Năm Góc vẫn theo dõi gắt gao hoạt động của các công ty an ninh tư nhân. Điều đó là bất khả. Vậy nên họ quyết định quay sang các sát thủ của chiến dịch Thần hộ mệnh.

Không khó thuyết phục Warren Garrett tham gia. Garrett hẳn đã có dự cảm Nhà Trắng muốn loại bỏ mình. Cách duy nhất để anh ta sống sót là phản bội lại chủ.

Ba người còn lại hẳn cũng phải vượt qua một quá trình chọn lọc nào đó. Ứng cử viên không đạt tiêu chuẩn đều bỏ mạng tại Iraq, hết người này lại đến người khác. Thông tin mật của Hoa Kỳ bị đột nhập vào và rò rỉ cho các phần tử Hồi giáo cực đoan, giúp chúng tấn công các nhân viên làm thuê cho Mỹ. Và Yeager, Meyers và Kashiwabara dần nhích lên đầu danh sách.

Rubens vẫn không tưởng tượng nổi tại sao một cựu lính dù cứu thương Mỹ và một lính đánh thuê Nhật Bản lại được chọn. Tuy nhiên, Yeager lại là trường hợp dễ đoán. Hành động của Koga Kento khiến mọi thứ trở nên rõ ràng: họ nói với người cựu binh Mũ Nồi Xanh rằng có thuốc chữa PAECS. Để cứu con trai mình khỏi căn bệnh quái ác, Yeager đã quay lưng lại với tổ quốc.

Đằng sau kế hoạch này là một mạng lưới kết nối Pierce ở Congo với Nhật Bản và Mỹ. Koga Seiji đã gặp Pierce trong khi nghiên cứu

thực địa tại Zaire và bị cuốn vào. Sau cái chết của ông ta, đứa con trai Kento tiếp tục công việc điều chế thuốc chữa bệnh. Nhưng dù Nous có nhúng tay vào vụ này sâu tới mức nào, việc có ra được thuốc chữa PAECS hay không vẫn còn phải bàn cãi. Đơn giản là không có đủ thời gian.

Không thể chịu được sự im lặng thêm phút nào nữa, Eldridge lên tiếng. "Anh đang nghĩ gì vậy?"

Rubens ngần ngừ. Anh nên nói gì, và anh nên giấu gì đây? Anh nên làm gì để giảm thiểu thương vong? Bốn người lính đã về phe Nous, tức là cứu họ đồng nghĩa với để Nous sống sót. Nhưng không phải như thế sẽ đẩy Hoa Kỳ cùng toàn bộ nhân loại vào nguy hiểm sao?

Bình minh trong rừng lạnh lẽo.

Các giọng nói vọng ra từ dãy lều trong khu trại phủ sương của nhóm Kanga, nhưng vẫn chưa có ai ra ngoài. Những người Pygmy hẳn là đang sưởi ấm mình bên trong, bởi từng làn khói nhẹ nhàng bốc lên từ những mái nhà lá.

Trong khi trời vẫn còn tối, những người lính của chiến dịch Thần báo thù đã lui trở vào rừng lấy ba lô, vậy nên họ mới chỉ ngủ được một chút. Nhưng vẫn còn một thứ khác bên cạnh sự thiếu ngủ khiến cơ thể Yeager lạnh lẽo – nỗi lo cho con trai. Một tuần đã trôi qua kể từ lần cuối anh nghe tin từ Lydia.

"Thần hộ mệnh đúng là cái tên hoàn hảo cho chiến dịch này," Garrett nói trong khi đặt thiết bị xuống bên gốc cây. "Chúng ta đúng là đã trở thành thần hộ mệnh của ông già nhân học với thằng bé Akili kia."

Và của con trai tôi nữa, Yeager nghĩ.

"Tôi nóng lòng gặp Akili quá đi mất," Meyers ngây thơ nói.

"Anh sẽ thất vọng thôi," Mick lạnh lùng đáp. "Nó khiến người ta rợn cả người."

"Sao? Anh ghét trẻ con hả?" Yeager trêu anh ta.

"Thứ đó không phải là người."

“Không, tôi đang nói về những đứa trẻ người bình thường.”

Mick nhìn chằm chằm Yeager, cố gắng tìm hiểu lý do đằng sau câu hỏi. “Tôi ghét những kẻ yếu đuối. Những kẻ ăn đòn mà không đánh trả lại còn khóc lóc. Chúng khiến tôi phát bệnh.”

“Tôi cá hồi nhỏ anh cũng vậy.”

Sự thù hận lóe lên trong mắt Mick trước khi nụ cười khinh khỉnh thường lệ của anh ta trở lại. “Không. Tôi đã trả đũa chúng ra tấm ra món. Sau khi lớn rồi, ý tôi là vậy.”

Yeager giờ đã hiểu cái bóng đen ám vào Mick. Để không khóc khi bị đánh đập, để trả đòn những kẻ đã hành hạ anh ta, Mick hẳn đã dùng steroid để tăng cơ và rồi ra nước ngoài để huấn luyện trong quân đội. Chỉ có những người từng bị hành hạ dã man và tổn thương khi còn nhỏ mới dùng đến những bước cực đoan như vậy.

Tiếng bước chân vang lên, và bóng một người đàn ông cao lớn xuất hiện từ trong sương mù, đi về phía họ. Nhưng ánh mắt mấy người lính lại bị hình người bé xíu đi bên cạnh Pierce thu hút. Tất cả những gì Akili mặc trên người là một chiếc quần cộc chắp vá, và họ có thể thấy toàn bộ cơ thể nó. Từ cổ trở xuống, nó là một đứa bé ba tuổi bình thường. Nhưng đôi mắt nó và cái trán khổng lồ phồng tướng kia không phải là của người. Đôi mắt ấy, với ánh nhìn như xuyên thấu mọi sự đã khiến Yeager đông cứng lại đêm trước, vào buổi sáng sớm nay, vẫn đầy áp bức như thế. Đứa trẻ dị dạng này, tay nắm tay Pierce, cái đầu nghiêng ngả tới lui theo mỗi bước đi, trông phi thực như một con quái vật nào đó từ phim bước ra.

“Dễ thương hơn tôi nghĩ,” Meyers nói.

Ba người còn lại nhìn anh ta. “Anh đùa đúng không?”

“Không, tôi có đùa đâu. Mắt nó như mắt mèo vậy.”

Đúng là giống mèo thật, nhưng Yeager không thấy có gì dễ thương. Trước mặt Akili, anh cảm thấy một nỗi bức bối như khi từng được cho xem một bức tranh tôn giáo hoành tráng nào đó và bị buộc phải kính sợ nó. “Tôi bỏ phiếu cho chó thì hơn.”

“Ừ, anh nói đúng. Nó đúng là có gì giống mèo thật,” Garrett nói. “Như thể nó nhìn thấu tôi vậy. Có lẽ thằng bé giống sư tử hơn là

mèo.”

“Chắc chắn là một con sư tử,” Mick thấp giọng nói. “Đứa trẻ đó rất nguy hiểm. Chúng ta nên khử nó.”

“Đừng có ý tưởng vớ vẩn gì,” Yeager cảnh cáo.

“Chào buổi sáng” Pierce vui tươi nói khi gia nhập nhóm người. “Thưa quý vị, tôi xin phép giới thiệu Akili.”

Mấy người quỳ xuống nhìn cậu bé, và nó nhìn lại họ bằng cặp mắt xếch cùng vẻ mặt nghiêm trang. Pierce lần lượt nói cho nó tên những người hộ mệnh mới của nó, những người lính đánh thuê, nhưng biểu cảm của Akili cũng không dịu đi.

“Thằng bé có biết tiếng Anh không?” Garrett hỏi.

“Nó hiểu, nhưng do họng chưa phát triển nên nó vẫn chưa nói được.” Pierce cho họ xem chiếc máy tính kẹp dưới tay. “Khi muốn nói gì nó đều gõ ra bằng bàn phím.”

Phương thức liên lạc này có vẻ đặc biệt lạc lõng ở nơi này – sâu trong rừng già, tại vùng lãnh thổ chưa có dấu chân người thám hiểm. “Akili,” Yeager nói trực tiếp với thằng bé. “Có phải điều Pierce nói là sự thực?”

Akili ngay lập tức gật đầu. Những người kia đều bất ngờ, miệng trầm trồ ngưỡng mộ.

“Cháu có thực sự biết giải mã?” Garrett hỏi.

Một lần nữa, Akili gật đầu.

“Bằng cách nào?”

Akili nhìn lên Pierce và làm hiệu đòi máy tính. Nhà nhân học đưa máy cho nó, và đôi bàn tay bé xíu của Akili bắt đầu chuyển động. Khi nó gõ phím bằng hai ngón tay, các con chữ bắt đầu xuất hiện trên màn hình.

Dù cháu giải thích cách giải mã, chú cũng không hiểu đâu.

Garrett cười gượng gạo. “Nó không đánh giá cao chúng ta lắm nhỉ?”

Theo dõi thao tác của Akili, Yeager thấy một nỗi ngờ vực mơ hồ

dâng lên trong tâm trí. Thằng bé gõ phím quá chậm. Bên cạnh nghi vấn liệu đứa trẻ có đủ trí tuệ để xâm nhập vào mạng lưới liên lạc quân sự không, những cử động chậm chạp đờ đẫn này còn khiến anh nghi ngờ không biết nó có đủ sức để làm việc đó không. "Cháu có thể chữa PAECS không?"

Akili gật đầu.

"Làm sao cháu chữa được?"

Akili trả lời trên màn hình máy tính.

Đầu tiên cháu tạo ra một phần mềm để phát triển thuốc, sử dụng phần mềm đó để thiết kế thuốc và cuối cùng tổng hợp nó trong thực tế.

"Ai tạo ra phần mềm đó?"

Là cháu.

Yeager cân nhắc điều này. Có thể nào Akili đã được dạy để gõ các câu trả lời định sẵn, một dãy các chữ cái, để đáp lại các câu hỏi và lời đáp cụ thể?

"Có một điều cuối cùng tôi muốn xác nhận," Garrett hỏi, nhìn Yeager xin ý kiến. "Tôi muốn chứng thực lời của Pierce."

"Anh đang nghĩ gì?" Pierce hỏi.

"Ông có thể gọi tất cả mọi người lại đây không?"

"Làm gì?"

"Nếu muốn có sự bảo vệ của chúng tôi, hãy làm theo lời tôi."

Pierce trông không có vẻ gì là thích thú, nhưng ông ta quay về phía khu trại và hét gì đó bằng ngôn ngữ bản xứ.

Mọi người bắt đầu đi ra, nhìn về hướng họ xem có chuyện gì.

Yeager và những người khác đi tới trung tâm khoảng trống giữa khu trại để đợi những người Pygmy. Bốn mươi mấy con người tiến tới, trông không cảnh giác. Những người Pygmy, chỉ cao đến ngực mấy người lính, nở nụ cười ngượng nghịu.

Karibu, nhiều người nói, và khi Meyers nhắc lại mà không biết nghĩa của từ, họ phá lên cười.

“Karibu nghĩa là ‘chào mừng’,” Pierce giải thích. “*Habari* nghĩa là ‘xin chào.”

Khi Yeager và đồng đội nói *habari*, những khuôn mặt của người Mbuti còn trở nên tươi sáng hơn, và họ nhắc lại lời chào.

“Tôi đã bảo họ rằng các anh là bạn.”

Garrett nhìn quanh nhóm người và chậm rãi nói bằng tiếng gì đó nghe như tiếng Swahili. Đặc vụ CIA này là người đầu tiên được chọn cho chiến dịch Thần hộ mệnh và có vẻ đã tự cày thứ ngôn ngữ chung của khu vực.

“Có ai nói tiếng Swahili không?” có lẽ anh ta đang hỏi vậy. Nửa số người giơ tay. Garrett tiếp tục hỏi han họ, và rồi vẫy một người đàn ông. Người đó trông khoảng ba mươi tuổi, mang vẻ mặt buồn bã. Anh ta mặc một chiếc áo phông và quần đùi sòn rách, chỉ cao hơn mét tư một chút, là kích cỡ trung bình của người Mbuti.

“Tên anh ta là Esimo. Anh ta nói mình là bố Akili.”

Sau lời giải thích của Garrett, Yeager và hai người còn lại chăm chú nhìn người đàn ông bé nhỏ. Ngoại trừ việc thấp hơn rất nhiều so với mấy người da trắng, anh ta trông như một người bình thường.

“Tôi cũng có điều muốn hỏi,” Meyers nói. “Anh có thể hỏi xem liệu Akili có anh chị em gì không?”

Garrett gật đầu và hỏi Esimo bằng tiếng Swahili. Esimo bắt đầu kể lại chuyện của mình, kèm với rất nhiều cử chỉ tay. Dựa vào vẻ mặt anh ta thì đó có vẻ là một câu chuyện buồn. Garrett có vẻ khá khó khăn mới theo kịp câu chuyện, và sau một màn hỏi qua hỏi lại, cuối cùng cũng có thể dịch.

“Nó không có anh chị em. Vợ đầu tiên của Esimo bị ốm khi đang mang thai. Anh ta nhờ *mzungu* – các bác sĩ da trắng – cứu cô, và họ mang cô tới một bệnh viện rất xa. Nhưng cô không bao giờ trở lại. Có vẻ cô ta đã chết.”

“*Mzungu, mzungu*,” Esimo nhắc lại, chỉ vào Mick. Hình như với anh ta, người Á và Âu đều là một loại.

“Rồi em trai Esimo bị rắn độc cắn chết, nên anh ta cưới luôn vợ của em trai. Đó là mẹ Akili. Nhưng ngay sau khi Akili ra đời, cô ta bị

băng huyết và chết.”

Vẻ mặt đau thương của Esimo hẳn là kết quả của hiện thực tàn khốc cái xã hội nguyên thủy này đã đẩy anh vào. Không có chăm sóc y tế, anh ta đã mất hai người vợ cùng em trai cũng như đứa con đầu tiên.

“Sau đó Esimo ở góa. Akili là đứa con duy nhất của anh ta.”

“Tôi băn khoăn không biết có phải cả hai người vợ đều chết do bào thai,” Meyers nói. “Nếu vậy thì khả năng cao là đột biến não kia đến từ gene của bố. Trong tế bào sinh dục của Esimo có đột biến, và nó được truyền sang con.”

Mick cười lạnh lùng. “Một đứa trẻ có cha bất thường sẽ phải chịu khổ.”

“Nghe này. Việc này rất quan trọng. Nếu đột biến thực sự do gene của người bố, vậy thì Akili sẽ không phải là mục tiêu duy nhất của họ. Họ sẽ cố tiêu diệt cả bố nó nữa. Bởi nếu anh ta có thêm con cái, tình huống này có thể lại xảy ra.”

“Không cần lo về chuyện đó,” Pierce nói. “Khi chúng tôi rời đi, nhóm Kanga sẽ biến mất. Bốn mươi người này sẽ tản ra và gia nhập các nhóm khác. Họ không phải đăng ký nơi cư trú nên ta không cần lo về bố Akili.”

Esimo lớn giọng xen vào, nhắc đi nhắc lại hai chữ *kuweri* và *ekoni* rất khẩn thiết. Garrett phải hỏi vài lần xem ý anh ta là gì và mãi mới dịch được.

“Anh ta khăng khăng rằng Akili sinh ra như vậy là vì thức ăn. Anh ta bảo rằng khi vợ mình có thai đã ăn một con vật không nên ăn.”

“Không thể nào, Meyers nói.

Garrett nhìn lên và nói với những người Pygmy bằng tiếng Swahili. Khi câu nói được dịch sang tiếng bản địa, mọi người bắt đầu to tiếng bàn luận. Vòng người xung quanh Garrett bắt đầu thu hẹp lại. Yeager không biết họ đang nói gì, nhưng vẻ mặt những người Pygmy trông có vẻ cường điệu.

Garrett nghe từng người một nói và giải thích. “Tôi hỏi họ về Akili. Tất cả mọi người đều cảm thấy nó không phải người bình

thường. Không chỉ là vẻ ngoài mà còn cả khả năng của nó nữa."

"Ví dụ?" Yeager hỏi.

"Nó học ngôn ngữ rất nhanh. Không chỉ có Kimbuti, ngôn ngữ của họ mà còn cả Swahili và Kingwana, một phương ngữ của tiếng Swahili. Và nó cũng hiểu cả tiếng Anh. Trong mùa mưa, nhóm tới sống gần một làng trồng trọt, và thế là đủ để nó trở nên thành thạo môn số học. Nhờ đó nhóm của họ không còn bị lừa khi bán thịt cho nông dân trong làng, người Bila."

"Không phải đứa trẻ sáng dạ nào cũng sẽ làm được thế sao?"

"Còn nữa. Hơi lạ một chút.." Garrett ngập ngừng không biết nói tiếp ra sao. "Akili có một khả năng kỳ lạ là điều khiển lá cây."

"Lá cây? Anh đang nói gì vậy?"

"Tôi chịu."

"Sao ta không hỏi thẳng bé?" Meyers nói. Anh ta quỳ xuống trước mặt Akili. "Cháu nghe được mọi người đang nói chuyện gì chứ?"

Akili gật đầu.

"Vụ điều khiển lá cây này là thế nào vậy? Cháu có thể cho chúng tôi xem không?"

Biểu cảm của Akili biến đổi. Mắt nó nheo lại, và khóe miệng nhỏ xíu của nó căng ra. Nó đang cười, Yeager nhận ra. Như một đứa trẻ đang chơi đùa.

Akili vẽ một vòng tròn nhỏ trên nền đất dưới chân, nhặt một chiếc lá và đứng dậy. Nó thẳng tay giơ chiếc lá ra, bước quanh vòng tròn như thể đang tính toán điều gì, rồi mở lòng bàn tay để chiếc lá rơi. Chiếc lá chao đảo trong không trung và rơi xuống đúng tâm vòng tròn thằng bé vẽ ra.

Yeager và mấy người còn lại phải mất một thoáng mới nhận ra hiện tượng mà họ vừa chứng kiến thần bí đến mức nào. Meyers nhặt chiếc lá lên và thử thả xuống. Nó liệng qua liệng lại trong dòng không khí bất định và đáp xuống cách đích cả mét.

"Sao cháu làm được thế?" Meyers sửng sốt hỏi.

Akili gõ câu trả lời lên bàn phím.

Cháu hiểu được chuyển động của chiếc lá.

Cháu chỉ có thể nói là cháu hiểu thôi.

Không phải một lời giải thích thuyết phục, nhưng rõ ràng là Akili sở hữu một năng lực kỳ lạ không như bất cứ thứ gì họ từng biết. Nhân loại đã cử người lên mặt trăng nhưng không thể tiên đoán đường bay của một chiếc lá rơi.

"Quý vị, chúng ta kết thúc được chưa?" Pierce hỏi, đổi sang một cửa sổ khác trên máy tính. "Vệ tinh do thám sẽ tới trong năm phút nữa."

Bốn người lính đánh thuê trao đổi ánh mắt, vẫn chưa thỏa mãn.

"Tôi nghĩ chúng tôi buộc phải tin ông" Garrett nói. "Nếu uống thuốc kia chúng tôi đã chết rồi."

Những người kia đều phải đồng ý, và họ quay trở vào rừng.

Pierce ở lại, nói với người Pygmy vài câu chỉ dẫn, có lẽ là yêu cầu họ cứ cư xử bình thường. Những người Mbuti trở lại lều và nhanh chóng nhóm lửa ngoài trời để làm bữa sáng.

Trong rừng, ngoài tầm theo dõi của vệ tinh, bốn đặc vụ họp lại cùng Pierce, Esimo và Akili.

"Tôi muốn xuất phát ngay sau bữa sáng," Pierce nói. "Có thể cho tôi xem bản đồ được không?"

Yeager trải bản đồ ra trước mặt họ. "Đây là gợi ý của tôi. Chiến dịch Thần báo thù đã được hoạch định hết sức kỹ lưỡng, nhưng họ chỉ có một kế hoạch khẩn cấp bên trong phạm vi Congo. Nếu chúng ta có thể vượt qua biên giới – kiểu như vùng cấm địa trên sân bóng bầu dục – chúng ta sẽ cố gắng phá vòng vây, ra khỏi đất nước. Tất nhiên là kẻ địch sẽ làm tất cả mọi thứ để ngăn cản ta trốn thoát."

Vị trí hiện tại của họ là khu vực phía đông Congo, chỉ cách biên giới Uganda một trăm ba mươi kilômét, khoảng cách họ có thể vượt qua trong bốn ngày. Vấn đề là hai mươi mấy nhóm vũ trang đóng trại ở dọc biên giới. Có thể nói đó sẽ là một cuộc đấu tranh ác liệt ngay trước cột gôn.

"Ông đã chọn tuyến đường tới biên giới chưa?" Yeager hỏi.

“Một vài,” Pierce nói. “Chúng ta sẽ chọn tuyến tốt nhất dựa theo tình hình ở từng thời điểm.”

Chỉ vào bản đồ, Pierce vạch ra ba con đường trốn thoát khả thi, tất cả đều nhắm tới biên giới phía đông Congo. Đường thứ nhất thẳng theo hướng đông tới thành phố Bunia; đường thứ hai hướng về phía đông nam, đi qua một thành phố tên Beni rồi vượt biên sang Uganda; và đường thứ ba nam tiến, tới gần Goma rồi sang Rwanda. Bất cứ đường nào khác đều không được. Nếu đi về hướng tây, diện tích rộng lớn của Congo sẽ chặn đường lui của họ.

“Các anh nghĩ sao?”

“Tôi đồng ý rằng chúng ta nên đi theo hướng đông, nhưng ta không có nhiều thời gian,” Yeager đáp. “Chúng ta chỉ còn đủ khẩu phần cho năm ngày. Cũng có thể đi săn, nhưng việc đó sẽ mất cả ngày. Ta sẽ không bao giờ thoát được.”

“Đó không phải vấn đề. Tôi không dám nói đây là việc chắc chắn một trăm phần trăm, nhưng chúng tôi đã sắp xếp đồ tiếp tế và phương tiện vận chuyển ở nhiều điểm dọc đường.”

“Ông nói thật đấy hả?” Garrett nói, vẻ ấn tượng. “Nhưng hãy nhớ, chúng ta không chỉ phải lo có vậy. Càng nhiều thời gian trôi qua, Lầu Năm Góc sẽ càng nghĩ ra nhiều phương pháp ứng phó. Mỗi lần trì hoãn, việc chống trả sẽ càng khó khăn hơn.”

“Vậy hãy chọn lối ngắn nhất. Chúng ta sẽ thẳng đường đông tiến. Ngay bên ngoài Bunia chúng tôi đã sắp xếp xe đợi sẵn trong một thị trấn tên Komanda. Nhìn lộ tuyến, có lẽ chúng ta sẽ mất ít thời gian hơn là đi về hướng đông nam. Ta sẽ đi bộ tới khi đến Komanda.”

Một trăm kilômét – đường đi mất ba ngày. “Liên lạc với Zeta,” Yeager nói với Garrett. “Bảo họ rằng Meyers nhiễm sốt xuất huyết và Thiên thần sẽ bị hoãn.”

"Rõ.”

Họ vẫn còn năm ngày theo như lịch của chiến dịch Thần hộ mệnh. Nếu lừa được Lầu Năm Góc, họ sẽ ra khỏi Congo trước khi bất cứ ai có thể nhận ra. “Tôi muốn tất cả các anh tắt GPS trước khi rời khu trại. Nếu không họ sẽ biết vị trí của ta.”

Mick ngay lập tức phản đối. “Chúng ta sẽ định vị thế nào? Trong rừng làm gì có mốc chỉ đường. Chẳng lẽ chúng ta phải tìm một cái điểm cách đây cả trăm cây số chỉ bằng la bàn rồi vừa đi vừa đếm bước?”

“Esimo sẽ đi với chúng ta một đoạn đường” Pierce nói.

"Esimo?”

Tất cả mọi người nhìn anh ta chằm chằm, và bố của Akili nở nụ cười khiêm tốn.

“Thế còn tệ hơn. Anh ta còn chả có lấy cái la bàn.”

“Esimo hiểu khu rừng rõ nhất,” Pierce nghiêm khắc nói. “Rõ hơn các anh nhiều.”

“Đừng có phàn nàn. Anh sẽ về được nhà thôi,” Meyers trách Mick. Anh ta quay sang Pierce. “Ông nói Nhật Bản là đích đến cuối cùng của ta. Sau khi ra khỏi Congo, làm sao chúng ta tới đó được?”

“Tôi có vài ý tưởng, nhưng vào lúc này, chọn đường vẫn còn quá sớm. Tôi muốn các anh làm tất cả mọi điều có thể để đưa chúng ta qua biên giới đã. Đây hiện là vấn đề lớn nhất mà ta phải đối mặt.”

“Tôi hiểu rồi.”

Yeager liếc nhìn đồng hồ. “Chúng ta rời đi vào 6 giờ đúng. Đến lúc đó phải ăn uống xong. Và đừng quên cái vệ tinh trên đầu.”

Ngay khi bắt đầu tản ra, họ nghe thấy tiếng rung. Pierce lấy ra một chiếc máy tính nhỏ từ túi hông. Đây không phải chiếc máy tính ông ta dùng để giao tiếp với Akili. Chiếc máy màu đen được kết nối với điện thoại vệ tinh.

Khi nhìn màn hình, vẻ mặt Pierce dần dần tối đi.

“Thư điện tử?” Garrett hỏi. “Từ ai vậy?”

“Đừng hỏi.”

“Ông có người giúp ở nước ngoài?”

“Tôi không thể cho anh biết tên, nhưng đúng, chúng tôi có người cung cấp thông tin.”

“ Anh ta nói gì?”

“Kẻ địch mạnh hơn chúng ta tưởng. Và họ đã phát hiện ra ý định của chúng ta.” Pierce tắt màn hình. “Chiến dịch Thần báo thù đã tiến

vào giai đoạn ứng phó khẩn cấp. Chúng ta đều bị chụp mũ khủng bố và treo giải mười triệu đô trên đầu. Tất cả các nhóm phiến quân trong vùng đều sẽ theo đuôi chúng ta."

Nhưng không một ai trong các đặc vụ chiến dịch Thần hộ mệnh thấy sợ hãi vì tin này.

"Chúng ta có thể đổi sang lộ tuyến về phía nam?" Meyers hỏi.

"Không" Garrett lắc đầu. "Ở đó cũng có lực lượng kiểm soát. Nếu đi về hướng đó, họ sẽ kẹp ta ở giữa."

Garrett mở bản đồ nghiên cứu. "Biên giới phía đông dài cả trăm kilômét. Kể cả nếu có đến vài chục ngàn quân canh giữ chúng ta vẫn có thể tìm đường qua. Ta sẽ theo đúng kế hoạch và đi về phía đông"

"Xin mời ông Suzuki Yoshinobu hãy tới quầy ở tầng bảy."

Thông báo bị nhắc lại nhiều đến mức người ta bắt đầu thấy khó chịu. Kento đang ở trong một cửa hàng sách lớn ở Shinjuku, cửa hàng với số đầu sách lớn nhất Tokyo. Tối nay, ngay khi Jeong Hoon tới nơi, họ sẽ bắt đầu thiết kế thuốc chữa PAECS, và cậu đang tìm kiếm một số sách chuyên ngành. Không thể tới thư viện trường đại học, cậu cần có các tài liệu tham khảo cần thiết cho quá trình điều chế.

"Xin mời ông Suzuki Yoshinobu..."

Các cuốn sách học thuật đều đắt đỏ. Nhưng giờ tiền bạc không còn là vấn đề với cậu, và cậu có thể mua bất cứ cuốn sách nào mình cần, nhờ có chiếc thẻ rút tiền mang tên Suzuki Yoshinobu.

"Ông Suzuki Yoshinobu, làm ơn tới quầy ở tầng bảy."

Giật mình, Kento nhìn lên.

Suzuki Yoshinobu?

Suzuki là họ rất phổ biến, nhưng tên thì không thể trùng hợp thế được. Ai đó đang gọi cậu.

Nhưng là ai?

Có phải đó là bẫy của đám cảnh sát? Kento suýt thì bỏ trốn trước khi nhận ra rằng một cái bẫy là hoàn toàn vô lý. Cảnh sát không thể biết cậu có thẻ rút tiền mang tên này. Nếu có, họ đã đóng băng tài khoản để cậu không rút tiền được rồi. Và còn một điều kỳ lạ nữa – bị

gọi tức là có ai đó biết cậu đang ở đây, trong hiệu sách này. Nếu đó là cảnh sát, không phải họ sẽ tóm cổ cậu luôn sao?

Kento cố bình tĩnh lại. Chuỗi sự kiện kể từ tin nhắn đầu tiên của cha cậu xảy ra theo trình tự logic hết sức chặt chẽ. Nếu có một bên thứ ba biết đến cái tên Suzuki Yoshinobu, vậy thì người đó phải biết đến kế hoạch của cha.

Có lẽ mình có đồng minh, Kento kết luận. Có lẽ đó chính là người đã cảnh báo cậu phải ra khỏi căn hộ vào ngày cảnh sát ập tới. Nhưng vẫn còn gì đó Kento không hiểu về cuộc điện thoại đó, bên cạnh nội dung lời nhắn. Điện thoại cậu không hiển thị "điện thoại công cộng" mà là "ngoài vùng". Tức là cuộc gọi có khả năng đến từ nước ngoài. Như vậy có thể hiểu vì sao người gọi lại nói một thứ tiếng Nhật gượng gạo. Liệu có phải người này đã đến Nhật, cố gắng liên hệ với cậu?

Kento lại rút ra cuốn sách vừa cất lên giá. Có lẽ có thể kết luận rằng người đó không phải là cảnh sát. Khi gọi tới đây, hẳn là họ cũng mong cậu sẽ có phán đoán như vậy.

Những giá sách đầy ắp chắn hết tầm nhìn của cậu trong cửa hàng. Kento rời khỏi khu sách dược và đi tới quầy thanh toán, cố gắng tỏ ra bình tĩnh. Từ giữa những giá sách, cậu chỉ thấy ở quầy có nhân viên, không còn khách hàng nào khác.

Một trong mấy người phụ nữ mặc đồng phục cửa hàng tại quầy liếc nhìn đồng hồ, tới bên mic và bắt đầu nói. "Xin mời ông Suzuki Yoshinobu. Ông Suzuki Yoshinobu..."

Kento hạ quyết tâm và đi tới chỗ bà ta.

"Tôi là Suzuki đây," cậu nói và bà nhân viên quay người lại.

"À, anh Suzuki. Chúng tôi tìm thấy một thứ anh đánh mất."

"Đánh mất?

"Đây không phải của anh sao?" bà ta nói, tay giơ ra một chiếc di động.

"Thứ lỗi cho tôi, nhưng tôi phải bật nó lên để biết là của ai," người phụ nữ nói, chỉ vào màn hình. Cột thông tin chủ sở hữu có một số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và cái tên Suzuki Yoshinobu

bằng chữ Hán. “Tất nhiên là tôi chưa xem bất cứ thứ gì khác.”

“Cảm ơn bà rất nhiều,” Kento nói. Cậu biết mình phải phản ứng thật bình thường trước sự kiện bất ngờ này. “Nó rơi ở đâu vậy?”

“Trước giá sách hóa hữu cơ.”

“Ai đã tìm thấy nó?”

“Là chúng tôi.”

“Nó nằm trên sàn?”

“Phải.”

“Cảm ơn bà. Tôi thật sự biết ơn.”

Kento vươn tay ra định nhận lấy chiếc máy, nhưng bà nhân viên nói, “Để chắc chắn, anh có giấy tờ gì chứng minh tên mình không?”

“Tên tôi?” Cậu phải cố hết sức để vẻ lo lắng không hiện ra mặt. “Tên tôi... Ừm, bây giờ tôi chỉ có thẻ rút tiền trên người.”

“Thế là được rồi.”

Kento lấy thẻ ra khỏi ví và cho bà ta xem.

“Cảm ơn,” người phụ nữ mỉm cười nói và giao điện thoại cho cậu.

Kento tới quầy thu ngân bên cạnh và tính tiền mấy cuốn sách. Khi tới thang máy, cậu toát hết mồ hôi lạnh. Cậu phải ra khỏi tòa nhà này nhanh nhất có thể và tới một quán cà phê nào đó để xem chiếc điện thoại này. Tại sao ai đó lại phải mất công đến vậy?

Ngay lúc đó, tiếng điện thoại vang lên chói tai, và cậu suýt thì hồn lìa khỏi xác.

Tên người gọi là PAPI – tên chú chó của cậu thời nhỏ. Người gọi đang tỏ ý họ ở cùng phe cậu. Kento rảo bước tới cửa ra cầu thang bộ cạnh thang máy và bắt máy.

“Alô?”

“Có phải là Kento không?” một giọng nói kỳ quái hỏi. Giọng nói trầm thấp, đây là thứ tần số được máy thay đổi, nghe như thế vọng lên từ sâu trong lòng trái đất. “Tôi sắp nói với cậu một điều rất quan trọng, vậy nên hãy nghe cho kỹ từng chữ.”

Kento không dám hỏi đối phương là ai. Tiếng Nhật của người này rất trôi chảy, nên đó không phải người ngoại quốc. Có vẻ là cậu có

tới hai đồng minh, một ở Nhật và một ở nước ngoài.

"Đừng lo rằng chiếc điện thoại này bị nghe lén. Cứ dùng như cậu muốn."

Người này hẳn đã nhìn thấy cậu lấy chiếc điện thoại "thất lạc". Ông ta đã ở đây, trong tòa nhà này. Kento nghiêng người ra ngoài và nhìn khắp của hàng nhưng không thấy ai sử dụng điện thoại.

"Tuy nhiên," giọng nói tiếp tục, "khi gọi ai, hãy chọn người cho cẩn thận. Gọi gia đình và bạn bè là rất nguy hiểm. Cuộc gọi của cậu sẽ bị lần ra từ máy của họ."

"Vậy thì có cái máy này cũng chẳng để làm gì, phải không?"

"Không, tất nhiên là có mục đích. Tôi có thể liên lạc với cậu bất cứ lúc nào."

"Ông đứng về phía tôi?"

"Đúng vậy." Bất chấp thứ giọng máy móc lạ lùng, Kento có thể cảm nhận được sự thân tình trong đó.

"Tên ông là gì?"

"Papi," người đó nói với một tiếng cười khẽ.

"Tôi có thể hỏi ông một câu không?"

"Còn tùy."

Kento đưa tay che lấy miệng máy và thấp giọng nói. "Có phải mục 5 trong *Báo cáo Heisman* đang xảy ra ngay lúc này?"

"Một câu hỏi rất hay. Cậu học rất nhanh. Vậy là cậu đã đọc báo cáo?"

"Phải."

"Điều tôi vừa nói chính là câu trả lời cho cậu."

Kento coi đó là lời khẳng định.

"Luôn giữ điện thoại bật để nhận cuộc gọi bất cứ lúc nào. Thậm chí cả khi ngủ. Cậu hiểu chứ?"

"Vâng"

"Và khi ra khỏi phòng thí nghiệm ở Machida, đừng bao giờ đi tàu. Bắt đầu từ mai, cảnh sát sẽ theo dõi các cửa xoay tại ga."

Kento rùng mình. Vòng vây đang dần khép lại. Nhưng làm sao họ theo dõi được cậu? Hẳn là do thẻ đường sắt gắn chip mà cậu vẫn

dùng khi đi tàu. Giờ đây cậu sẽ phải nghi ngờ tất cả mọi thứ quanh mình nếu muốn được an toàn. “Nếu không dùng tàu, tôi làm sao đi lại được?”

“Taxi thì an toàn. Cậu có rất nhiều tiền. Hãy tránh cả các nơi khác nữa. Không chỉ có ga Machida mà còn cả căn hộ của cậu, khuôn viên trường đại học, bệnh viện ở đó và cả nhà cha mẹ cậu. Cảnh sát đang theo dõi tất cả. Có mười cảnh sát đang lùng bắt cậu. Cậu hiểu chưa?”

“Tôi hiểu.”

“Tôi sẽ liên lạc lại. Tôi sẽ chỉ dẫn cậu cách dùng chiếc máy tính nhỏ.”

“Máy tính nhỏ? Cái máy đen không chịu bật?”

Nhưng người kia đã cúp máy. Kento mở danh bạ điện thoại. Chỉ có duy nhất một người: Papi. Cậu ấn nút quay số, nhưng ông ta đã tắt máy. Nhìn quanh cửa hàng tìm Papi cũng không ích lợi gì, bởi cậu không biết ông ta hình dáng ra sao. Tất cả những gì cậu có thể làm là đợi đến khi Papi gọi lại về chuyện chiếc máy tính.

Nhưng tại sao người đó lại giấu giọng thật? Có phải cậu sẽ nhận ra giọng ông ta? Người quen nào đó?

Kento đi xuống cầu thang và bước ra phố. Chỉ cần có được một thiết bị liên lạc đã đủ để kéo cậu ra khỏi sự cô độc và kết nối trở lại với thế giới, và cậu thấy nhẹ cả người.

Trong khi đi dọc theo con phố chính, cậu quyết định sẽ gọi điện cho những người đáng ra phải gọi từ lâu rồi. Cậu lấy ra mẩu giấy nhớ với những số điện thoại đã viết ra lúc trước. Dù vậy, trước khi quay số, cậu vẫn thầm kiểm tra, như Papi đã nói, xem gọi ai mới an toàn. Cảnh sát đã tìm ra mối liên hệ của cậu với ông nhà báo Sugai hay chưa? Cậu nghĩ gọi ông cũng được thôi, nhưng khi đi ngang qua bốt điện thoại, cậu quyết định cẩn tắc vô áy náy và gọi từ đó.

Cậu nhét đồng xu và nhấn phím số, nhưng Sugai không bắt máy ngay như thường lệ. Điện thoại reo mười lần trước khi cậu nghe được giọng nói quen thuộc.

“Chào chú, cháu là Kento.”

"À, Kento.”

Cậu có thể nghe thấy tiếng đám đông xôn xao trong điện thoại. “Chú Sugai, chú đang ở đâu?”

“Chú ra ngoài,” người bạn cũ của cha cậu nói. “Nhưng cháu gọi cũng không sao. Cháu muốn biết về cái bà nghiên cứu Sakai Yuri kia?”

“Chú có điều tra ra gì về bà ta không ạ?”

“Chú không chắc đó có phải người cháu tìm không, nhưng chú chỉ thấy đúng một người ở tầm tuổi ấy. Trong danh sách thành viên của Hiệp hội y khoa Tokyo có người có tên giống hệt.”

“Bà ta là bác sĩ ạ?” Kento nhớ đến người phụ nữ đã tiếp cận mình ngoài cửa trường đại học. Một khuôn mặt mộc mạc, không trang điểm, vẻ ngoài tươi tắn, gọn gàng. Cậu có thể tưởng tượng bà ta là bác sĩ.

“Trong danh bạ có quảng cáo cho cơ sở y tế mà bà ta điều hành. Có vẻ là một phòng khám nhỏ của bà ta cùng cha.”

“Chuyên môn của bà ta là gì?”

“Sản khoa.”

Điều này khá bất ngờ. Nếu là khoa nội hay tim mạch, cậu còn có thể nghĩ rằng bà ta có liên quan tới PAECS. “Nếu tới cơ sở đó, cháu có thể gặp bà ta không?”

“Không. Tên bà ta xuất hiện trên danh sách của Hiệp hội y khoa từ tám năm trước rồi. Sau đó thì không còn gì nữa. Hình như bà ta đã rời hội và đóng cửa phòng khám.”

“Chuyện gì đã xảy ra?”

“Chú cũng chịu. Chú sẽ điều tra thêm. May thì chú sẽ tìm ra mối liên hệ giữa bà ta với bố cháu.”

“Cháu xin lỗi đã gây phiền phức,” Kento nói. Cậu cảm thấy có động lực hơn nhờ sự ủng hộ của Sugai. “Cháu thực sự muốn cảm tạ chú vì đã giúp đỡ cháu.”

“Sao mà trịnh trọng thế?” Sugai hỏi với một tiếng cười, và sau khi chào tạm biệt, ông cúp máy.

Kento ra khỏi bốt điện thoại và đi tới ga Shinjuku. Có còn cách nào tìm thêm thông tin về Sakai Yuri không? Cậu muốn tự sút cho

mình một phát vì không ghi nhớ biển số cái xe minivan của bà ta. Ngay lúc đó, điện thoại cậu reo lên.

Kento khựng lại. Màn hình hiện dòng chữ "ngoài vùng", và cậu bắt đầu căng thẳng. Một cuộc gọi từ nước ngoài. Có lẽ là người ngoại quốc đã cảnh báo cậu về đám cảnh sát, cậu nghĩ khi lách vào một con hẻm gần đó, nhấn nút nghe và áp máy vào tai.

"Hello?" một người phụ nữ nói bằng tiếng Anh, khiến cậu bối rối. Không hiểu vì lý do gì, Kento tưởng tượng ra một cô nàng tóc vàng xinh đẹp.

"Hê... hê lô?" Kento ấp úng.

Người phụ nữ cứ liến thoắng, và Kento không thể hiểu nổi gì ngoại trừ việc cô ta đang trong cơn hoảng loạn.

Cậu vật lộn mãi với vốn tiếng Anh lõm bõm, đành bật ra một câu quen thuộc. "Cô làm ơn nói chậm hơn có được không?"

Đầu dây bên kia thoáng im lặng, và rồi người phụ nữ lên tiếng. "Anh là ai?"

"Tôi? Tên tôi là Koga Kento."

"Kento? Giờ anh đang ở đâu? Ý tôi là, tôi đang gọi đến nơi nào?"

Kento nghĩ mình hiểu nhầm cô ta. "Làm ơn đợi một chút. Tôi không hiểu cô đang nói gì."

"Tôi cũng không hiểu mình đang làm gì nữa," người phụ nữ nói, nghe có vẻ đã bình tĩnh lại. "Kento, nghe kỹ này. Tôi vừa nhận được cuộc gọi từ một người lạ. Anh ta cho tôi số điện thoại này và bảo tôi gọi tới. Bảo tôi báo cáo lại tình hình con trai mình. Anh ta nói rằng nếu tôi làm vậy, anh có thể cứu được con tôi."

"Tôi sẽ cứu con cô?"

"Đúng vậy. Anh ta nói có sai không?"

Đột nhiên, trong tâm trí Kento, một mảnh ghép trong bộ xếp hình tìm về đúng vị trí của nó. *Một lúc nào đó, một người Mỹ sẽ xuất hiện.*

"Tôi có thể biết tên cô không?"

"Tôi là Lydia. Lydia Yeager."

"Lydia... Ayga?"

Người phụ nữ chậm rãi phát âm lại cho cậu. "Là Yea-ger."

“Cô Yeager, Kento nhắc lại, cố chú ý đến chữ r. “Cô có phải là người Mỹ?”

“Đúng vậy, nhưng giờ tôi đang ở Lisbon.”

Lisbon? Đó là nơi nghiên cứu tiên tiến nhất về PAECS đang diễn ra. “Để chữa trị cho con trai cô?”

“Vâng. Đúng thế!” Lydia Yeager nói, giọng vút lên. Như thể cuối cùng cô ta cũng truyền tải được ý của mình. Và cuối cùng cũng tìm thấy đường sống cho con trai.

“Cô có biết một người Nhật tên là Koga Seiji?” Kento hỏi.

“Không, tôi không biết.”

“Chồng cô đang ở đâu?”

“Jon à? Anh ấy đang đi công tác ở nước ngoài, và tôi không thể liên lạc được. Tôi không rõ anh ấy có quen người Nhật kia không.”

“Chồng cô làm nghề gì? Anh ta có nghiên cứu virus không?”

“Không” Lydia nói, thoáng do dự. “Anh ấy làm việc cho một công ty an ninh tư nhân.”

Kento yêu cầu cô nhắc lại cụm từ này vài lần nhưng vẫn không thể hiểu nổi ý nghĩa. Cái gì đó liên quan đến quân đội, cậu kết luận.

“Anh có biết về chúng tôi không?” Lydia hỏi. “Về Jon – Jonathan Yeager? Hay về tôi? Hay là con trai chúng tôi, Justin?”

Justin Yeager – Kento thêm cái tên này vào danh sách những sinh mạng cậu có thể cứu, ngay sau Kobayashi Maika. “Không, tôi không biết cô. Tôi nghĩ một người bạn của bố tôi đã kết nối chúng ta. Ai đã bảo cô gọi cho tôi?”

“Một người Mỹ, tôi nghĩ vậy. Một người đứng tuổi, nói giọng Bờ Đông”

Có lẽ đó là người đã gọi cho Kento để cảnh báo cậu.

“Giờ anh đã hiểu tình hình rồi chứ?” Lydia hỏi.

“Tôi hiểu,” Kento đáp lời.

“Làm sao anh cứu được con tôi?”

“Tôi sẽ... điều chế một loại thuốc mới,” Kento nói, và ngay khi vừa dứt lời, cậu đã cảm thấy sức nặng của nó trên vai mình. Nếu cậu thất bại, người phụ nữ ở đầu dây bên kia cũng sẽ vô phương cứu

chữa.

“Và thứ thuốc đó sẽ cứu Justin?” Lydia hỏi, giọng sầu não. “Để tôi nói anh nghe tình hình thế nào. Kết quả xét nghiệm tệ hại vô cùng. Bác sĩ nói Justin có thể sẽ không sống được sang tháng tới.”

Kento im bặt, như thể ai đó vừa thụi cho cậu một cú vào bụng. Tình trạng của Justin giống y hệt Maika. Thời hạn cha cậu đặt ra còn không đến một tháng nữa. Nếu đến ngày 28 tháng Hai cậu chưa chế xong thuốc, hai đứa trẻ sẽ chết.

“Tôi cầu xin cậu. Cứu lấy con tôi.”

Lydia không có vẻ yếu đuối và đáng thương. Kento lờ mờ cảm thấy một ý chí mãnh liệt sẵn sàng đương đầu với căn bệnh đang hành hạ đứa con mình. Ý nghĩ về mẹ bỗng xẹt qua đầu cậu. Sức mạnh để bảo vệ con mình hẳn phải là một đức tính mà tất cả nhân loại đều sở hữu, một đức tính vượt lên trên mọi rào cản của ngôn ngữ, tôn giáo và sắc tộc. Kento biết cậu phải đáp lại người mẹ dũng cảm từ đất nước xa xôi kia.

“Cô Yeager,” Kento nói, mắt nhìn lên bầu trời. Cậu nuốt nước bọt thật khẽ để cô không nghe thấy. Những từ cậu nói sau đó chính là canh bạc lớn nhất đời cậu. “Tôi xin hứa với cô, tôi sẽ cứu con trai cô.”

Rubens ngồi trên xô pha trong nhà, tắm mình trong ánh sáng từ cây đèn đặt gần bên.

Đồng hồ chỉ 2 giờ sáng, giờ Bờ Đông; 8 giờ sáng theo giờ Congo.

Anh về nhà định chợp mắt một chút, nhưng với đống vấn đề phải xử lý, anh không tài nào ngủ nổi. Anh đang liệt kê ra trên một cuốn sổ.

Rubens không thể quyết định được. Anh muốn tránh giết chóc dù chỉ một người trong chiến dịch, nhưng tới thời điểm này anh không còn chắc chắn về Nous nữa. Có nên để nó sống không? Kiểu gì chăng nữa, họ cũng không thể để chiến dịch Thần báo thù vượt ra ngoài tầm khống chế. Họ phải lường trước được đường đi nước bước của đối thủ và chặn đánh phủ đầu. Nếu phỏng đoán của họ là chính xác, Nous định vượt biên, sử dụng bốn người lính đánh thuê để bảo vệ mình. Rubens nhìn xuống sổ.

Pierce và những người kia sẽ đi đâu để trốn khỏi Congo?

Đây là câu hỏi nhức nhối. Châu Phi vô cùng rộng lớn, và đặc vụ của CIA thì có hạn. Nếu Pierce cùng đồng bọn ra khỏi châu Phi, gần như không còn cách nào lần ra được dấu vết của họ. Điều duy nhất cứu rỗi chiến dịch Thần báo thù là tình trạng giao thông ở Congo. Với một quốc gia to ngang cả châu Âu, hệ thống cơ sở hạ tầng của nó quả thật quá tồi tệ. Chỉ có một con đường chạy theo hướng đông-tây, và nếu không đi đường đó, người ta chỉ còn nước đi thuyền hoặc máy bay. Và nhóm của Pierce hẳn biết rằng tất cả mọi điểm chiến lược trong mạng lưới sẽ bị giám sát nghiêm ngặt. Tức là họ chỉ có thể đi bộ tới biên giới phía đông. Sau khi xem xét địa hình, Stokes, cố vấn quân sự của họ, đã đưa ra một quyết định đúng đắn: lôi lực lượng dân quân trong vùng vào chuyện này. Có hai mươi nhóm phiến quân chặn tất cả mọi con đường tiếp cận nửa phía đông rừng già Ituri. Cách duy nhất để ngăn nhóm của Pierce trốn ra khỏi Congo là

dựa vào mấy nhóm vũ trang hắc ám này cùng khả năng tác chiến của chúng.

Họ sẽ đi đâu để trốn khỏi châu lục?

Một khi ra khỏi Congo, đám người Pierce hẳn sẽ không ở lại châu Phi. Tất cả đều không phải người bản địa và sẽ quá nổi bật. Nhưng nếu thế thì họ sẽ đi đâu? Rubens nhìn vào dòng thứ ba trong danh sách, hy vọng nó sẽ để lộ chút manh mối.

Các tiêu chuẩn lựa chọn bốn người lính kia là gì?

Nous muốn bốn người này bảo vệ nó tới mức ra tay giết tất cả các ứng cử viên khác cho chiến dịch Thần hộ mệnh. Rubens kết luận rằng, lý do họ được chọn chắc chắn là điểm mấu chốt trong kế hoạch tẩu thoát. Đúng như Nous suy tính, Yeager và Garrett có lý lịch khiến họ sẵn sàng phản chủ. Nhưng hai người còn lại thì sao? Tại sao lại chọn Kashiwabara và Meyers?

Rubens lấy một báo cáo ra khỏi cặp giấy tờ và xem lại quá trình tuyển chọn.

Ba ứng viên khác đã bỏ mạng tại Iraq trước khi tên Mikihiko Kashiwabara được đẩy lên đầu danh sách. Điều gì khiến Kashiwabara trở nên khác họ? Trình độ tác chiến của họ tương đương nhau, kể cả khả năng không chiến và kỹ thuật chiến đấu. Điều duy nhất khiến họ khác nhau là khả năng ngôn ngữ. Chỉ có Kashiwabara dùng được tiếng Nhật, tiếng mẹ đẻ của anh ta. Rubens nhớ đến bài nghiên cứu của Koga Seiji. Không như hầu hết các bài viết học thuật khác, ông ta viết bằng tiếng Nhật. Trong giới khoa học quốc tế, tiếng Anh là thứ ngôn ngữ chuẩn mực, tức là tiến sĩ Koga có lẽ không thạo tiếng Anh cho lắm. Vậy có khả năng Kashiwabara đã được chọn để làm trung gian giữa họ và Koga. Nếu giả thiết đó là chính xác, vậy thì sau cái chết của tiến sĩ Koga, con trai Kento của ông ta giờ đang là đầu mối ở Nhật Bản. Báo cáo từ DIA có chỉ ra rằng Kento nói được tiếng Anh. Nói cách khác, cái chết không đúng thời điểm của tiến sĩ Koga đồng nghĩa với việc Kashiwabara trở nên dư thừa.

Rubens tiếp tục theo đuổi dòng suy nghĩ này. Anh không có chút bằng chứng nào, nhưng liệu có phải Pierce và đồng bọn đang hướng

tới quê nhà của tiến sĩ Koga? Anh ghi vào sổ: "Nhật Bản?"

Người lính tên Kashiwabara này có một lý lịch đáng ngờ. Ghi chú đặc biệt trên báo cáo cho hay, mười năm trước, cha anh ta bị đánh đập tới chết, còn mẹ thì bị thương nặng. Tuy vậy, dù chắc chắn đã thấy kẻ tấn công, người mẹ lại từ chối làm chứng, và vụ án vẫn còn bỏ ngỏ. Ít lâu sau cuộc tấn công, Kashiwabara gia nhập binh đoàn lê dương. Loại thông tin khiến người ta bất an, mặc dù Rubens không có đủ chi tiết rõ ràng để đưa ra kết luận chắc chắn. Nhưng anh kết luận điều đó sẽ không ảnh hưởng tới chiến dịch Thần báo thù và quay qua báo cáo tiếp theo.

Scott Meyers. Bốn ứng viên khác bị sát hại tại Iraq trước khi Meyers, một cựu lính dù cứu thương, được tuyển cho chiến dịch Thần hộ mệnh. Theo lý lịch của Meyers chỉ ra, anh ta có kỹ thuật y tế và tìm kiếm cứu nạn xuất sắc. Anh ta được chọn có lẽ là vì kỹ năng xử lý tình huống khẩn cấp, nhưng trên lý lịch của anh ta vẫn còn một thứ không thành viên Thần hộ mệnh nào khác sở hữu: giấy phép phi công. Rất có khả năng Nous cùng nhóm người của nó muốn ra khỏi châu Phi bằng máy bay.

Tiếng điện thoại rè rè cắt ngang dòng suy nghĩ của Rubens, và anh gầm gừ bắt máy. Cuộc gọi đến từ tay đặc vụ DIA trong trung tâm điều hành. "Anh đang ngủ sao?" người kia hỏi.

"Không, không sao đâu. Anh đã hoàn thành điều tra chưa?"

"Rồi. Như yêu cầu của anh, tôi đã xem xét mọi con tàu thuộc quyền sở hữu của Pierce Shipping. Chỉ có hai tàu sẽ đậu bến châu Phi trong tháng tới. Cảng Alexandria, Ai Cập và Mombasa, Kenya."

"Còn bán đảo Ả Rập?"

"Họ có nhiều tàu chở dầu qua lại thường xuyên ở khu vực này, nhưng cho tới chuyến tiếp theo vẫn còn hai tháng nữa."

"Có tàu nào trong số hai con tàu cập bến Ai Cập và Kenya có lộ trình tới Đông Á?"

"Con tàu dừng ở Kenya sẽ đi tiếp tới Ấn Độ rồi trở về Hoa Kỳ."

Từ Ấn Độ tới Nhật, Rubens nghĩ. Nếu đi tiếp thẳng về phía đông sau khi vượt biên khỏi Congo, họ sẽ tới cảng Kenya. "Yêu cầu CIA

theo dõi hai bến cảng. Ưu tiên số một là Kenya."

"Đã rõ."

"Còn các máy bay của Pierce Shipping?"

"Họ chỉ có một máy bay tư nhân dùng cho cấp điều hành. Không có dấu hiệu gì vào thời điểm hiện tại cho thấy nó sắp tới châu Phi. Chúng tôi sẽ theo dõi thêm."

"Đây cũng đã bao gồm cả các công ty con rồi chứ?"

"Đúng vậy. Chúng tôi đã điều tra tất cả. Kể cả các nhà thầu phụ."

"Còn một việc nữa. Hãy kiểm tra xem liệu có ai ở Pierce Shipping có ý định thuê hoặc mua máy bay."

Người đặc vụ lên tiếng trước cả khi Rubens nói hết câu. "Chúng tôi đã tiến hành việc đó. Không có dấu hiệu gì cả."

"Tôi hiểu. Cảm ơn anh."

Vậy thì khả năng Pierce và nhóm người kia sẽ trốn khỏi châu Phi bằng máy bay không cao. Lựa chọn duy nhất của họ là tàu biển. Nếu chặn được hết các tuyến đường biển là có thể kìm chân họ. Rubens cúp máy và nhìn chằm chằm vào cuốn sổ.

Phản gián.

Không còn nghi ngờ gì nữa: Nous đang xâm nhập mạng lưới tình báo tối mật của Hoa Kỳ. Nhưng nguyên tắc điều cần biết đang chắn đường Rubens, khiến anh không thể đưa ra phương pháp phản gián hiệu quả. Anh không biết Echelon của Cơ quan an ninh quốc gia NSA là loại hệ thống gì, hay chương trình nghe trộm ngầm trong nước ra sao, và anh không được cung cấp bất cứ thông tin nào về chúng. Điều duy nhất anh biết là các cơ quan tình báo này sử dụng các hệ thống hạ tầng thông tin phức tạp khiến việc kiểm soát liên lạc tập trung là bất khả. Trừ phi họ có hành động ngăn chặn, việc chiến dịch Thần báo thù đã bước vào giai đoạn ứng phó khẩn cấp chắc chắn sẽ đến tai Nous.

Anh chỉ có thể nghĩ ra một biện pháp tạm bợ. Họ sẽ đưa thông tin giả vào hệ thống để nhiễu loạn đối thủ.

Điện thoại anh lại reo. Lần này người gọi là Eric Burton, liên lạc viên thuộc FBI. "Chúng ta có vấn đề," anh ta nói. "Anh có thể quay

lại trung tâm điều hành ngay lập tức không?"

Rubens không hứng thú với việc này lắm. Ngoài cửa sổ, tuyết đã bắt đầu rơi. "Anh đang ở đâu?" anh hỏi.

"Trụ sở FBI," Burton nói.

"Anh có thể tới nhà tôi không?"

"Xin lỗi. Chúng ta cần một phòng bảo mật."

Đã xảy ra chuyện gì mới được cơ chứ? Rubens tự hỏi. "Phòng hội nghị ở Viện Schneider thì sao? Nó gần chỗ cả hai chúng ta."

"Được đấy."

Rubens miễn cưỡng đứng dậy và nhặt lấy chùm chìa khóa chiếc Audi.

Hai mươi phút sau, Rubens và Burton đã ngồi đối diện nhau trong căn phòng họp không cửa sổ, chính là căn phòng nơi Rubens lần đầu tiên đọc bức thư điện tử của Pierce.

"Có chuyện rồi. Tôi vẫn chưa nói với ai," Burton lên tiếng và lấy một phong bì nâu ra khỏi cặp táp. "Là về cuộc gọi từ bốt điện thoại tại New York. Cuộc gọi cảnh báo cho Koga Kento."

Rubens bất giác ngả người về phía trước. "Anh tìm ra gì rồi sao?"

"Cuộc gọi được thực hiện tại một bốt điện thoại trên đường Broadway, nơi có rất nhiều người đi lại vào lúc bốn giờ chiều thứ Bảy, năm giờ sáng theo giờ Nhật Bản. Vào bốn giờ mười phút cùng ngày, máy quay an ninh trong một hiệu thuốc cách đó hai khối nhà bắt được cảnh một người có liên quan tới chiến dịch Thần báo thù đi dọc theo phố."

Rubens không hề lưỡng lự. "Eldridge?"

Thay cho câu trả lời, Burton lấy vài tấm ảnh ra khỏi phong bì và đưa cho Rubens. Qua cửa sổ cửa hàng, một chiếc máy quay nhắm về phía cửa ra vào bắt được hình ảnh một người đàn ông trung niên đang rảo bước dọc con phố.

"FBI đã tăng độ nét của ảnh. Ban đầu trông nó hơi vỡ."

Chỉ cần một cái liếc mắt, Rubens đã biết đó là ai. Anh ngạc nhiên, nhưng cũng chỉ một thoáng thôi, như thể từ sâu thẳm bên trong anh đã mong đợi điều này.

Burton nhìn anh chằm chằm, đợi chờ chỉ dẫn.

“Tự thân nó cũng không phải bằng chứng” Rubens nói. “Có thể ông ta chỉ tình cờ ở đó.”

“Vậy thì để tôi gọi người của Crypto City xem,” Burton gợi ý.

NSA, tổ chức tình báo lớn nhất thế giới, rộng tới mức nó chiếm nguyên một vùng trong bang Maryland. Khu vực này không xuất hiện trên bất cứ bản đồ nào và chứa hơn năm mươi tòa nhà lớn, là nơi sinh sống và làm việc của hơn sáu mươi nghìn nhân viên và lao động khác. Mục tiêu của họ là nghe lén liên lạc trên khắp thế giới, giải mã tất cả và thu thập bất cứ thông tin nào có thể mang lại lợi ích cho Hoa Kỳ. Một chuyên ngành khác của NSA là phát triển công nghệ chống chiến tranh mạng.

“Nếu có ai giải quyết được vụ này thì chính là mấy gã đó, Burton nói thêm.

Sau cuộc gọi của Jeong Hoon, Kento ra ngoài đợi cậu ta. Jeong Hoon tới bằng mô tô, và con ngõ dẫn tới khu chung cư nơi có phòng thí nghiệm tối và hẹp tới mức cậu phải ngạc nhiên khi thấy nguyên một tòa nhà ở đó. Tòa nhà gỗ hai tầng không có đèn bên ngoài, vậy nên cậu không tự mình tìm thấy nó cũng phải.

Cậu đỗ xe dưới chân cầu thang bên ngoài, và Kento dẫn cậu lên nhà 202. Khi thấy thiết bị thí nghiệm chất đầy căn phòng nhỏ, Jeong Hoon tròn mắt. “Ôi chà. Từ khi gặp cậu, tớ đi hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.”

“Nghe xong vụ này cậu sẽ còn ngạc nhiên nữa,” Kento nói và tóm tắt nhanh những chuyện đã xảy ra.

Ban đầu Jeong Hoon có vẻ hơi nghi ngờ, nhưng với phần mềm điều chế thuốc siêu việt kia trong tay, cậu buộc phải nhìn nhận nó nghiêm túc. Cậu ngồi đó, ngẫm nghĩ lại những điều vừa nghe. “Loại tiến hóa con người như vậy, tớ cũng không thể nói được liệu nó có khả thi hay không. Nhưng mà như cậu nói, tất cả những gì chúng ta có thể làm là dùng GIFT để tìm cách tạo ra một loại thuốc mới. Còn không thì căn bệnh đó là vô phương cứu chữa.”

Kento nhẹ cả người khi thấy Jeong Hoon đồng ý với mình. “Không phải cậu từng làm việc ở một căn cứ quân sự Mỹ sao?”

“Ừ. Tên nó là Dragon Hill.”

“Cậu nghĩ sao về vụ nghe lén? Tớ có đang hoang tưởng không?”

“Tớ không dám chắc, nhưng về mặt kỹ thuật thì được. Mỹ và Anh đã hợp tác xây dựng một hệ thống thu thập thông tin tình báo gọi là Echelon đang hoạt động trên toàn cầu. Ở Đông Á có một ăng ten do thám ở căn cứ Misawa, Nhật Bản, và phía trên Indonesia lại có một vệ tinh nghe lén dùng sóng điện từ lớn. Cáp ngầm dưới biển đều có cửa sau cả nên thực sự cũng không có phương pháp liên lạc an toàn nào.”

Kento chết lặng. Chuyện gì đã xảy ra với thế giới trong hình dung của cậu? Cậu thật quá ngây thơ. Con người chỉ được phép sống trong một vòng khép kín bé tẹo mà một nhóm người kiểm soát cả thế giới đã tạo nên? Với cậu không có vấn đề gì nếu điều đó khiến thế giới an toàn hơn, nhưng những kẻ dựng nên hệ thống còn lâu mới là những vị thánh nhân từ. Họ chỉ là con người. Ai khiến họ khó chịu là họ cũng có khả năng nghiền nát. Và giờ đây, tất cả những chuyện ấy đang đổ ụp xuống đầu cậu. Chuyện gì đã xảy ra với quyền liên lạc riêng tư?

“Bởi Echelon có thể được dùng để do thám công nghiệp, Liên minh châu Âu đã khơi ra vấn đề này trong cuộc họp, nhưng họ không rõ lắm về cách hệ thống đó vận hành.”

“Tớ rợn hết cả người rồi,” Kento nói. Cái ý tưởng đó khiến cậu muốn bệnh. “Mỹ cứ suốt ngày nói về dân chủ thì thật đạo đức giả quá.”

“Tớ cũng nghĩ vậy, nhưng không chỉ có người Mỹ mới thế. Con người không làm gì hoàn hảo cả. Tất cả các hệ thống mà con người dựng nên – luật pháp, kinh tế – không có gì là hoàn hảo. Nó cũng như một phần mềm đầy lỗi vậy. Khi nào thấy lỗi thì cài một bản vá lỗi vào đó. Nếu con người thực sự là Homo sapiens - người tinh khôn – thế giới một trăm năm tới có lẽ sẽ trở thành một nơi tốt đẹp hơn.”

“Tớ hy vọng vậy, nhưng chúng ta đang có vấn đề ở ngay thời

điểm hiện giờ đây. Echelon đang theo dõi chúng ta. Tớ vẫn không biết liệu lôi cậu vào việc này có phải đúng đắn không"

"Tớ đã có liên can rồi." Jeong Hoon cười nhẹ như lệ thường. "Và tớ cũng muốn giúp lũ trẻ bị bệnh đó."

Thái độ tích cực của cậu ta khiến Kento có động lực hơn.

"Vậy thì bắt tay vào thôi," Jeong Hoon nói và lấy chiếc máy tính cài chương trình GIFT ra khỏi ba lô.

Kento dọn bàn lấy chỗ đặt máy. Máy vẫn đang bật, màn hình hiển thị hình mô phỏng GPR769 đột biến. Hình ảnh trông y hệt như một thực thể sống, những thụ thể chậm rãi dịch chuyển trên màng tế bào.

"Phương pháp cơ bản của GIFT không khác gì với các phần mềm phát triển thuốc đã có sẵn," Jeong Hoon giải thích, rất ra dáng nhà nghiên cứu. "Cậu thấy đấy, hình dạng của thụ thể đã được xác định rồi. Bước tiếp theo chính là xác định hợp chất sẽ liên kết với túi này một cách hoàn hảo."

"Và đó sẽ là loại thuốc ta cần.

"Đúng vậy. Có thể chọn một trong hai loại phương pháp để xác định cấu trúc hóa học của phương thuốc. Một là de novo – thiết kế ra cấu trúc từ số không – hoặc hai là sàng lọc ảo, chọn ra một cấu trúc có hoạt tính cao từ các hợp chất sẵn có."

"Cậu nghĩ thế nào thì hơn?"

"Theo cách *de novo* đi. Cấu trúc của hợp chất nó tính ra có thể rất phức tạp, nhưng vì đó không phải lĩnh vực của tớ, tớ để cậu quyết định."

"OK."

Như lần trước, họ nối mạng cho chiếc máy tính, và Jeong Hoon ngồi vào máy. "Chương trình này kỳ diệu ở chỗ cậu chỉ cần xác định kết quả mong muốn là nó sẽ làm hết phần còn lại."

"Nó hoàn toàn tự động?"

"Ừ," Jeong Hoon vui vẻ nói. "Để hoạt tính thuốc ở một trăm phần trăm đi."

Jeong Hoon đánh dấu lựa chọn đó trong hộp thoại và đổi từ chuột sang bàn phím. Ngón tay cậu như bay trên bàn phím, và màn

hình thay đổi với tốc độ chóng mặt thành một mô hình ruy băng của thụ thể, rồi trở thành một bảng tọa độ nguyên tử chằng chịt số và chữ.

“Nếu chúng ta xác định điểm dễ liên kết nhất, GIFT sẽ thực hiện nốt công đoạn tính toán,” Jeong Hoon giải thích. “Được rồi, tạo ra thần dược nào!” cậu nói và bấm ENTER.

Màn hình hiển thị THỜI GIAN CÒN LẠI: 01:41:13.

“Một giờ bốn mươi phút? Quả thật là kỳ diệu!”

Jeong Hoon vui mừng khôn xiết. Kento ghen tị thấy cậu ta có thể phấn khích đến vậy. Nếu mình có thể thích thú nghiên cứu như thế này, cậu nghĩ, cuộc đời mình có thể khác đến thế nào. Khuôn mặt bừng sáng của Jeong Hoon khiến cậu nhớ lại nụ cười bí ẩn của cha khi ông nói rằng ông chỉ không thể từ bỏ nghiên cứu mà thôi. Nhưng cha cậu thấy thứ gì cuốn hút đến vậy? Kento chưa bao giờ thấy cuộc đời một nhà nghiên cứu có gì đáng gọi là hay ho.

“Cậu đói không?” Jeong Hoon hỏi.

“Có. Cậu muốn ăn gì không?”

Họ ra một quán mì gần đó. Trong khi rảo bước dọc con phố tối đèn, Kento cảnh giác quan sát xung quanh nhưng không thấy dấu hiệu gì của cảnh sát.

Họ ngồi xuống trong quán và gọi đồ. Nhà hàng mở cửa muộn, nên sau khi ăn xong, họ còn nán lại và bàn bạc bước đi tiếp theo. Nếu GIFT có thể thiết kế thuốc thành công, đó sẽ là bước một. Rồi họ sẽ phải thực sự tổng hợp ra nó, làm thí nghiệm liên kết nó với thụ thể và thực hiện quá trình thử nghiệm lâm sàng sơ giản lên chuột.

“Tớ không nghĩ mình có đủ tác chất trong căn hộ, Kento nói. “Chúng ta cần tìm cách kiếm thêm.”

“Các nhà cung cấp hóa chất không bán cho chúng ta sao?”

“Họ không nhận yêu cầu mua từ cá nhân.”

“Để tớ lên trường xem có thể làm gì không. Tớ sẽ liên hệ với bạn bè trong các phòng thí nghiệm khác hỏi họ có giúp được không.”

“Tuyệt. Nhưng dù tổng hợp thuốc thành công, làm sao chúng ta lo được chỗ việc còn lại? Ta vẫn cần nuôi cấy tế bào và thí nghiệm với

chuột.”

“Tớ cũng không có kinh nghiệm, nên là chúng ta đành cố mà học rồi làm hết sức có thể thôi. Tớ sẽ gặp Doi và tìm hiểu thêm từ cậu ta.”

Kento mường tượng lại Doi, người đã giới thiệu Jeong Hoon cho cậu. Tính tình cậu ta bình thường thì thoải mái, nhởn nhơ, nhưng khi động đến nghiên cứu, cậu ta trở nên vô cùng nghiêm túc. Chắc là cậu ta sẽ giúp được.

Họ vẫn còn chút thời gian trước khi có kết quả, và Kento quyết định hỏi một câu cậu vẫn băn khoăn bấy lâu nay. “Jeong Hoon, khi đi với cậu, tớ không thấy có gì không thoải mái. Nhưng cậu nghĩ giữa người Hàn và người Nhật có điểm khác biệt nào không?”

“Hùm,” Jeong Hoon nói, đầu cậu nghiêng sang bên vẻ suy tư.

“Cậu nghĩ gì thì cứ nói ra. Tớ không phiền đâu.”

“Hừm, ví dụ là,” Jeong Hoon nói và quay sang Kento. “Có một thứ cảm xúc đặc biệt mà chỉ người Hàn có từ để miêu tả. Một thứ cảm giác đặc biệt mà người Mỹ, Trung và Nhật không hiểu. Trong tiếng Hàn gọi là *jeong*.”

"*Jeong*?”

“Chính xác. Chữ Hán viết là ‘tình’, phát âm là jou trong tiếng Nhật.”

“Vậy thì tiếng Nhật cũng có từ đó, vì chúng tớ cũng dùng cùng một Hán tự.”

“Không, nó rất khác với nghĩa của jou trong tiếng Nhật. Khó giải thích lắm.”

Kento tò mò. “Cậu thử giải thích xem?”

“Hừm, tớ nghĩ nó giống như một thứ lực liên kết một con người với người khác. Khi chúng ta có liên quan đến một người, chúng ta được kết nối với họ qua *jeong*, mặc kệ ta có ưa người đó không.”

“Có phải nó giống như sự thân thiết hay là sự ưu ái không?”

“Nó không đẹp đẽ thế đâu. Đôi lúc *jeong* cũng gây khó chịu. Bởi vì cậu có thể được gắn kết với ai đó qua *jeong* mặc cho cậu có ghét người đó bao nhiêu đi chăng nữa. Nói cách khác, chúng ta không thể

hoàn toàn chối bỏ người đó. Đó là đề tài của hầu hết các phim điện ảnh và phim bộ của Hàn Quốc – *jeong*."

"Thật sao?" Kento từng xem vài bộ phim Hàn nhưng chưa từng để ý điều này. Thật đáng ngạc nhiên, người ta có thể xem cùng một bộ phim và thấy những điều hoàn toàn khác nhau.

"*Jeong* cũng là mối liên kết giữa con người và sự vật... Như vậy cậu có hiểu chưa?"

Kento cố hiểu *jeong* bằng trái tim mình, nhưng không cảm thấy gì cả. "Không. E là tớ không hiểu."

"Thấy không?" Jeong Hoon bật cười. "Chỉ có người hiểu được *jeong* mới có thể hiểu ý nghĩa của từ jeong. Nếu cậu không biết thứ mà từ đó dùng để chỉ, cậu không thể hiểu từ đó."

Y hệt như thuật ngữ chuyên ngành, Kento trầm ngâm. Một người không hiểu sẽ không bao giờ hiểu, mặc cho anh có giải thích đến mức nào. Nó nằm ở ngoài giới hạn hiểu của người ấy. "Có vẻ khoảng cách giữa người với người ở Hàn Quốc gần gũi hơn ở Nhật Bản."

"Chắc vậy."

Có phải bầu không khí nhẹ nhõm cậu luôn cảm thấy quanh Jeong Hoon là do *jeong*, Kento băn khoăn.

Jeong Hoon liếc đồng hồ. "Chắc là GIFT sắp tính toán xong rồi."

Một ý nghĩ đột nhiên xuất hiện trong Kento khi đứng dậy: một ngày nào đó, mình muốn trở thành một người hiểu được *jeong*.

Họ thanh toán, rời khỏi quán và – lại cẩn thận không để bị bám đuôi – trở lại khu nhà ma ám kia.

Trong căn phòng nhỏ, màn hình chiếc máy tính trắng phát ra ánh sáng nhàn nhạt. Kento bật điện lên, và cậu và Jeong Hoon nhìn vào màn hình. Bốn chữ cái đập vào mắt họ: NONE.

"None'?" Jeong Hoon thốt lên. "Không có gì, nghĩa là sao?"

"Đừng hỏi tớ."

"Kỳ quá. Đợi tớ chút."

Jeong Hoon dồn hết sức tập trung vào chiếc máy tính. Cậu ta hí hoáy với nó một lúc, và một công thức hóa học xuất hiện trên màn hình. Đó là một cấu trúc đơn giản, bao gồm một hạt nhân bao quanh

bởi một vòng benzen, một loạt vòng khác và các nhóm chức đi kèm khác. GIFT đã cho kết quả, nhưng thụ thể chỉ hoạt hóa 3%. Cấu trúc này sẽ không chữa được bệnh.

“Có phải nó bảo ta cần sửa đổi cấu trúc để tối ưu hóa không?” Kento hỏi.

“Không. Nếu vậy thì tớ không hiểu sao nó lại hiện lên là ‘none’. Đi theo hướng *de novo* đáng nhẽ phải tạo ra kết quả tốt hơn vậy một chút chứ.” Jeong Hoon cân nhắc tình hình. “Quên *de novo* đi và làm sàng lọc ảo vậy.”

Như lần trước, cậu ta nhập chỉ dẫn vào GIFT và ấn ENTER. Lần này, máy hiển thị phải đợi chín giờ hai mươi phút các tính toán mới hoàn tất.

“Thường thì các tính toán thế này phải tốn hàng tháng trời” Jeong Hoon bật cười. “Sáng mai có kết quả thì gọi tớ nhé?”

“Được thôi.”

“Tối mai tớ sẽ quay lại.”

Kento liếc nhìn đồng hồ. Đã gần 11 giờ đêm. Jeong Hoon còn có việc riêng của mình, và cậu cảm thấy có lỗi vì giữ bạn ở lại muộn tới vậy. “Cảm ơn vì tất cả, Jeong Hoon.”

“Tớ làm vì thích mà,” thần đồng Hàn Quốc nói, mặt bừng sáng với nụ cười niềm nở. “Gặp lại sau nhé,” cậu ta nói và rời khỏi phòng thí nghiệm nhỏ.

Tiếng gầm của chiếc mô tô xa dần, và căn hộ đột nhiên trở nên trống trải, cô độc. Kento nhận ra rằng cậu may mắn biết bao khi có người giúp đỡ. Dù cũng không phải cậu có thể hoàn toàn phụ thuộc vào Jeong Hoon. Cậu còn nhiều việc cần làm, và chuẩn bị tinh thần để lao vào những nhiệm vụ trước mắt. Cậu ngồi bên bàn tới hừng đông, chăm chú đọc tài liệu chuyên ngành, và chui vào túi ngủ nghỉ ngơi dăm ba tiếng.

Sáng ra, cậu cảm tưởng như mình đã nằm mơ, nhưng không thể nhớ nổi giấc mơ ấy là gì. Cậu đã đặt báo thức trên đồng hồ đeo tay, và tiếng reo của nó đánh thức cậu khi quá trình tính toán đã hoàn tất.

Tám giờ.

Tấm rèm chắn sáng kéo kín, căn phòng vẫn tối tăm y như khi cậu chìm vào giấc ngủ. Kento bò ra khỏi túi ngủ, bật đèn và tới bên máy tính. GIFT sẽ đưa ra đáp án nào? Cậu cầu trời nó sẽ nghĩ ra một cấu trúc có hoạt tính cao. Cậu nhìn vào màn hình LED.

Bốn chữ cái sáng lên.

NONE.

Khi Esimo, Akili và Nigel Pierce rời khỏi khu trại săn, những người Mbuti có vẻ suy sụp, như thể đó là tận cùng thế giới. Người trẻ, người già, đàn ông và phụ nữ, khuôn mặt nặng trĩu nỗi buồn, bật khóc khi nói lời tạm biệt.

Ban đầu, Yeager quan sát họ với sự cảm thông, nhưng vụ ồn ào này kéo dài tới mức anh chỉ muốn lên đường luôn cho xong.

Trong ngày đầu tiên của cuộc hành quân xuyên rừng, Pierce giải thích nguyên nhân người Mbuti không muốn chia tay. Để không bị lực lượng của Lầu Năm Góc đột kích, họ đã quyết định phân tán tới các nhóm khác. Nói cách khác, việc Esimo và những người khác rời khỏi đó chính là tín hiệu để họ tản đi. Chưa kể họ còn lo sợ cho Akili, phải xuyên rừng ở tuổi nhỏ như thế. Với người Pygmy, một dòng giống thợ săn, rừng già là nơi đầy rẫy nguy hiểm, và trẻ con bị cấm ngặt không được vào rừng.

Những người lính đánh thuê xếp thành đội hình chiến đấu hình thoi, che chắn Akili và Pierce ở chính giữa. Đằng trước là Esimo, người dẫn đường, và Mick dẫn đầu.

Cùng với thức ăn và quần áo, Pierce đã nhét đầy ba lô hai chiếc máy tính xách tay, pin mặt trời và mấy chiếc điện thoại vệ tinh. Garrett đoán điện thoại này nhằm để giữ đường dây liên lạc với bên ngoài châu Phi. Cho dù Echelon nghe trộm được cuộc gọi và công ty điện thoại cắt đường dây, họ vẫn có thể chuyển sang máy khác và khôi phục liên lạc. Bên cạnh những thiết bị nặng nề đó, Pierce còn đeo chéo một miếng vải qua vai để địu Akili, và khối lượng của tất cả mọi thứ ấy thường khiến nhà nhân học gầy gò tụt lại phía sau.

Akili không tỏ chút buồn bã nào khi phải rời bỏ mọi người và chỉ nhìn quang cảnh xung quanh khi họ băng rừng. Ánh mắt thằng bé lạ tới nỗi Yeager cảm giác như nó đang âm mưu gì đó.

Yeager cũng thấy phiền vì lối hành xử của Esimo. Anh ta là một

người dẫn đường tuyệt vời, tự tin sải bước xuyên qua rừng rậm, nhưng thỉnh thoảng, anh ta sẽ cố ý gập đôi một chiếc lá và đặt xuống nền rừng để tạo nên một mũi tên. Nếu quân địch truy đuổi họ theo hướng này, những chiếc lá sẽ là dấu hiệu chỉ đường hoàn hảo. Hơn nữa, khi dừng lại nghỉ, Esimo thường nằm xuống bên cạnh con trai và hút cần sa.

“Họ có cách cư xử riêng của họ,” Pierce nói với Yeager. “Những dấu lá như vậy nằm rải rác khắp rừng. Cần sa khiến thính giác của họ nhạy bén hơn khi đi săn. Nhưng không giống chúng ta, họ không bị say.”

“Còn một thứ nữa,” Yeager chỉ vào mấy hòn than Esimo gói trong một cái lá to. Khi tán lá phía trên đầu thưa đi, họ có nguy cơ bị phát hiện bởi cảm biến hồng ngoại của vệ tinh, nhưng Pierce khăng khăng để anh ta mang theo đống than và không chịu nhượng bộ. Đấy là đồ thiết yếu, ông giải thích.

“Chúng ta không thể cho anh ta cái bật lửa hay sao?” Yeager nói, nhưng Pierce không nghe.

“Đừng lo,” ông ta nói. “Chúng ta có thể theo dõi vệ tinh.”

Yeager thấy thái độ cứng đầu này hơi kỳ lạ nhưng cũng bỏ qua. Nụ cười rụt rè mà thân thiện của Esimo ngăn anh trở nên kiên quyết.

Trong ngày đầu tiên, họ đi được ba mươi kilômét trước khi đêm xuống. Trong hai tiếng cảnh giới, Yeager quan sát Akili đang ngủ, nép sát vào bên cha mình. Khi nhắm mắt, trông nó cũng không kỳ lạ kinh khủng nữa.

Tuy vậy, Yeager vẫn thấy lạ vì mỗi người đối xử theo một kiểu khác nhau với Akili. Akili có những năng lực trí tuệ bí ẩn nhưng vẫn chưa có cái gọi là tính cách hoàn chỉnh. Như một đứa bé sơ sinh, nó vẫn là một tờ giấy trắng, chưa tốt cũng chưa xấu. Nếu vậy, liệu có phải ấn tượng hoàn toàn trái ngược của Meyers và Mick với Akili chính là phản ánh trạng thái tinh thần của hai người? Nghi ngờ này xuất phát từ kinh nghiệm của Yeager trong quân đội. Khi Lực lượng đặc biệt đóng quân ở nước ngoài và tiếp xúc với những người có màu da và ngôn ngữ khác, chính những người lính có phức cảm tự ti

là những người coi thường dân bản địa nhất. Có lẽ, cái nhìn của họ đối với Akili cũng chịu ảnh hưởng từ quá trình tâm lý này.

Khi ngắm nhìn khuôn mặt say ngủ không chút phòng vệ của Akili, Yeager nhớ lại cảm giác của mình khi được ban cho một đứa con. Hơn tất thảy, anh muốn đứa bé lớn lên thành một người trung thực và tử tế. Akili có thể thuộc một giống loài khác loài người, nhưng nó sinh ra với trí thông minh và nhân cách còn đang phát triển, Yeager hy vọng rằng thằng bé cũng sẽ lớn lên như vậy – với một tâm hồn mạnh mẽ, ngay thẳng. Nhưng nếu nó cũng có tính hiếu thắng trẻ con như chính Yeager – rốt cuộc thì chỉ cần cầm vũ khí chết người anh đã thấy như mình vô địch – vậy Mick có thể nói đúng: Akili có thể trở nên vô cùng nguy hiểm. Akili là do con người sinh ra, vậy nên nó hoàn toàn có khả năng phát triển theo hướng đó.

Bình minh tới, và họ bắt đầu ngày đi rừng thứ hai. Cứ mỗi tiếng họ lại nghỉ một chút, và Yeager dành thời gian này để tìm hiểu thêm về người Pygmy.

“Người Pygmy có bao giờ gây chiến không?” anh hỏi.

“Không, không bao giờ,” Pierce trả lời ngay. “Theo những gì tôi biết, lần duy nhất có gì hơi giống chiến tranh là cuộc xung đột nội bộ khoảng năm mươi năm trước. Hiềm khích xuất hiện trong một nhóm, và cuối cùng họ tách thành hai nhóm.”

“Nói cách khác, họ là người hòa bình chủ nghĩa trong bản chất?”

“Họ thông thái hơn ta nhiều. Người Pygmy biết rằng xung đột giữa người với người sẽ gây nguy hiểm cho cả bộ lạc. Vậy nên khi có ai đó không phù hợp với cả nhóm, hoặc giả sử khi có cãi vã giữa một cặp vợ chồng, họ đưa những người liên quan sang một nhóm khác, và hiềm khích biến mất.”

“Họ không đánh nhau vì nguồn thức ăn sao?”

“Không, chuyện đó không bao giờ xảy ra,” Pierce nói thẳng thừng. “Mỗi nhóm có lãnh thổ xác định rõ ràng, và trong một nhóm các thành viên chia đều chiến lợi phẩm. Nhưng nó khác với cái mà chúng ta gọi là chủ nghĩa cộng sản. Nó dựa trên một sự thông thái siêu việt hơn. Đầu tiên, thợ săn đã hạ con thú có quyền sở hữu. Nhưng anh ta

lại chia phần cho các thợ săn khác và những người ở lại trại. Hệ thống phân chia phức tạp này đồng nghĩa với việc thịt được chia đều cho tất cả. Nó giúp thỏa mãn sự tham lam của người đã lập công mà không cho phép anh ta độc chiếm của cải."

Rõ ràng là Pierce rất ngưỡng mộ lối sống của người Pygmy. "Ông có vẻ rất mê họ," Yeager nói.

"Đúng thế. Tiện thể thì, từ *Mbuti* – cái tên mà Esimo và mọi người tự gọi mình – có nghĩa là con người'." Trong bóng tối rừng già, khi họ dừng chân ít phút, đây là lần đầu tiên nhà nhân học râu dài nói chuyện bằng giọng thân thiện. "Yeager," ông nói tiếp, "anh đã từng nghe tới công ty Pierce Shipping chưa?"

"Tôi có từng nghe."

"Tôi là người thừa kế công ty đó."

Yeager sửng sốt. Pierce – trông gần như suy dinh dưỡng bởi lối sống nguyên thủy của mình, khoác trên người toàn quần áo tả tơi – trông không giống con cháu của một gia đình danh giá chút nào. "Vậy hẳn là ông rất giàu."

"Tôi đủ may mắn để có số tiền nghiên cứu cần thiết," Pierce khiêm tốn nói.

"Tại sao ông không nhận vai trò quản lý tập đoàn ấy?"

"Hồi còn trẻ tôi cũng định thế. Nhân học chỉ là một sở thích thôi. Nhưng rồi tôi nhận ra mình không đủ khả năng điều hành một tập đoàn lớn. Thế giới đó quá mục ruỗng." Vẻ kinh tởm và bất lực thoáng hiện lên trên khuôn mặt Pierce. "Tiền thu hút thứ người tồi tệ nhất. Đám ngân hàng và công ty đầu tư chỉ muốn bắt tay với những kẻ đã có cả đống tiền. Và đám luật sư – chúng là một lũ đỉa hút tiền thay vì máu. Chúng chỉ muốn lột đi tài sản của kẻ khác. Không thể chịu nổi bản mặt chúng, tôi trở lại với công việc nghiên cứu yêu thích. Nghiên cứu về những con người tốt đẹp nhất thế giới – chí ít là đối với tôi."

Garrett đã bắt đầu lắng nghe cuộc trò chuyện của họ, và anh ta liếc nhìn đồng hồ. "Xin lỗi phải xen ngang, nhưng chúng ta nên đi thôi."

Yeager đứng dậy. “Đáng nhẽ ông phải được sinh ra làm người Pygmy,” anh nói với một chút châm chọc. “Thay vì làm người thừa kế một tập đoàn lớn.”

Pierce cười khẩy và đưa ra một câu trả lời bất ngờ. “Không. Tôi không nghĩ vậy. Tôi không phải một thằng ôm cây ngớ ngẩn. Tôi dùng máy tính, và khi ốm tôi nhờ đến phương thức điều trị tân tiến nhất. Tôi không thể tách mình ra khỏi khoa học vĩ đại. Thật nực cười khi nghĩ xã hội nguyên thủy là vườn địa đàng bị người hiện đại lãng quên. Tôi không thể sống mãi trong một thế giới nơi người ta có thể chết vì viêm ruột thừa.” Mắt ông sáng lên trong một loạt cảm xúc, đâu đó giữa nỗi buồn và ngưỡng mộ. “Nhưng người Pygmy đã sống sót trong môi trường khắc nghiệt này hàng chục ngàn năm. Thân thể họ tiến hóa và họ hợp tác và chia sẻ thức ăn mà họ cần mỗi ngày. Quá tuyệt, phải không nào?”

“Đúng thế,” Yeager đồng ý. Anh cầu rằng dòng máu yêu hòa bình của tổ tiên Akili vẫn còn chảy trong thằng bé.

Khoảng mười phút sau, cây cối đột ngột quang hẳn và tầm nhìn của họ mở rộng. Trước mặt họ, dưới bờ sông hẹp, là dòng Ituri nước nâu. Con sông rộng cả trăm mét, nước cao và chảy xiết về phía hạ nguồn. Bên bờ đối diện, cây cối mọc sát xuống tận sông. Dòng Ituri hệt như một mạch máu lớn uốn mình chảy xuyên qua khu rừng già.

Esimo chỉ vào thứ gì đó trên bờ, rụt rè nhắc mấy người lính chú ý vào đấy. Đấy là một chiếc thuyền độc mộc đẽo từ một thân cây lớn, kèm theo vài mái chèo, nằm không ở đó trên bờ sông.

Yeager lại được một dịp nữa ngỡ ngàng trước khả năng của Esimo. Không cần bản đồ hay la bàn, anh ta đã dẫn họ tới vị trí chính xác của chiếc thuyền. Cựu đặc công như Yeager cũng chịu không biết làm sao anh ta có thể định hướng được trong khu rừng không hề có mốc địa hình nào.

“Có hai thứ cần cẩn thận ở đây,” Pierce nói với mọi người. “Thứ nhất, dưới nước có cá sấu. Chúng từng ăn thịt vài người dân bản địa rồi, nên các anh cần chú ý. Thứ hai, một khi qua được sông, chúng ta sẽ tới gần các ngôi làng làm nông. Gần đó có thể có phiến quân.”

Yeager và những người khác đã sẵn sàng chiến đấu từ lúc họ rời khỏi khu trại của nhóm Kanga. “Hiểu rồi. Qua sông thôi,” Yeager nói.

Chiếc thuyền chỉ chịu được một lúc bốn người và trang thiết bị, nên phải mất hai chuyến mới chở được tất cả sang. Khi qua bờ bên kia, họ đi bộ khoảng mười cây số nữa, tới khi thảm thực vật bắt đầu khác rõ ràng so với lúc trước. Họ có thể thấy đất nông nghiệp qua những thân cây và biết rằng mình đang tới gần một ngôi làng gần đường chính.

Yeager gọi mọi người dừng lại và kiểm tra vị trí trên bản đồ. Làng mạc cách nhau khoảng vài kilômét dọc con đường đất, và ngôi làng trước mắt họ là Amanbere. Những ngôi nhà nhỏ tường đất nằm dọc hai bên đường. Họ còn sáu mươi kilômét đường chim bay nữa mới tới mục tiêu của mình, thị trấn Komanda.

“Ông biết cái vệ tinh sao rồi không?” Yeager hỏi.

Pierce lôi một chiếc máy tính nhỏ ra khỏi túi hông và kiểm tra. “Nó sẽ ở trên đầu chúng ta sau bốn mươi phút nữa.”

“Chúng ta hãy qua đường ở khúc giữa các làng để tránh bị phát hiện.”

“Không phải đợi đến đêm sẽ an toàn hơn sao?”

“Bây giờ còn chưa tới trưa. Chúng ta không đợi lâu thế được.”

Họ nhanh chóng tìm ra một lộ tuyến, và vẫn giữ đội hình hình thoi, lại bước đi xuyên rừng.

Nhưng khi họ đang đi vòng sau lưng làng Amanbere, Esimo quay ngoắt lại nhìn Pierce, vẻ hoảng hốt hiện rõ trên khuôn mặt. Mick đang đi bên Esimo liếc anh ta vẻ nghi ngờ, rồi lại ngoảnh mặt nhìn về phía trước, rồi chính bản thân anh ta cũng phải sững sờ. Mick ra hiệu dừng lại và chỉ lên tai, ra dấu rằng anh đã nghe thấy gì đó.

Yeager cẩn thận dỏng tai nghe. Từ đầu đường xa xa phía bắc, anh nghe được tiếng trống nhè nhẹ.

Pierce tập trung nghe một lúc. “Chết tiệt,” ông ta khẽ nói. “Một đội dân quân đang hướng về đây.”

“Sao ông biết?”

“Đó là trống nói của người Bila. Họ liên lạc bằng tiếng trống để

thay thế cho âm điệu khi nói. Họ có thể truyền đi thông tin khá phức tạp."

"Họ có nói đội dân quân lớn thế nào không?"

"Không, nhưng chúng là một đám khát máu. Nhiều bộ tộc đã bị tàn sát. Thường thì chúng hoạt động ở phía bắc."

Mấy người lính liếc nhìn nhau.

"Chúng truy đuổi chúng ta?" Mick hỏi.

"Tôi đoán vậy," Garrett nói và gật đầu.

Họ nghe thấy tiếng hét the thé trong làng Amanbere. Lời nhắn của trống nói đã truyền tới. Từ đằng xa, họ nhìn người dân chạy ra khỏi nhà, nói chuyện với nhau và chạy vòng quanh trong cơn hoảng loạn.

Yeager đặt ba lô xuống và đeo bộ đàm lên. "Giấu Esimo và Akili vào rừng" anh ra lệnh cho Pierce. "Bảo họ nằm sấp mặt xuống."

Akili rõ ràng đã hiểu chuyện gì đang xảy ra. Nó bám chặt lấy hông cha và nhìn anh bằng đôi mắt hoảng sợ.

"Chúng ta không chạy được sao?" Pierce hỏi.

"Chúng ta sẽ kiểm tra bao giờ đội dân quân đó đã đi qua, Yeager nói. "Thế sẽ an toàn hơn là chạy bừa," anh thêm vào, cố trấn an Pierce.

Ông ta gật đầu căng thẳng và hộ tống hai cha con người Pygmy ra sau một cái cây lớn. Meyers ở lại canh gác cho họ, trong khi Yeager, Mick và Garrett gạt chốt an toàn trên súng và chạy tới rìa rừng. Phía bên kia rừng nơi tầng cây bụi bắt đầu mỏng dần là một vạt đất nông nghiệp, và đằng sau đó hai trăm mét nữa là một dãy nhà. Qua ống nhòm quân sự, Yeager có thể thấy người dân từ nơi khác chạy về làng, khuôn mặt đậm vẻ sợ hãi.

Chạy đi! Yeager tự nhủ. Nếu không nhanh lên tất cả các người sẽ chết!

Ngay đó, bỗng vút lên tiếng nhạc sôi động, hoàn toàn lạc lõng trong khung cảnh căng thẳng này. Một thứ âm nhạc ồn ào, hòa trộn giữa dân ca châu Phi và rock. Yeager dõi theo tiếng nhạc về hướng bắc bằng ống nhòm và thấy ba chiếc xe bán tải kéo theo khói bụi mù

mịt và chất đầy người châu Phi xông thẳng vào làng. Một khẩu súng máy hạng nặng được gắn trên thùng xe đi đầu. Đám dân quân chen lấn xô đẩy trên xe mặc đủ loại quân phục dã chiến khác nhau mà có lẽ là đồ cướp được.

“Bốn mươi ba người,” Garrett báo cáo.

Mick tiếp lời. “Một khẩu súng máy hạng nặng, ba súng máy hạng nhẹ, rất nhiều AK, vài khẩu súng lục, rìu và lao.”

Dân làng đang tập trung lại một chỗ hét lên và tản ra. Một vài người chậm chạp bị những chiếc xe vũ trang húc văng ra xa.

Họ bắt đầu bỏ chạy tán loạn về phía rừng. Một gia đình chạy về phía Yeager – cha, mẹ và năm đứa con. Nhưng khoảng đất trống không hề có một chỗ nấp nào – chỗ tệ nhất có thể chạy đến. Đám lính nhảy khỏi xe tải, nhắm súng vào gia đình đang bỏ trốn và nã một tràng đạn liên thanh. Máu tóe lên nền trời trong sáng, cặp cha mẹ cùng mấy đứa trẻ lần lượt đổ xuống. Khi đạn bắn tới, tiếng hét của họ biến thành những tiếng rú dựng tóc gáy.

“Meyers!” Yeager nói vào mic không dây. “Bảo Pierce và hai người kia bịt tai lại.”

"Rõ.”

Giữa cánh đồng, bên cạnh gia đình đang quằn quại đau đớn, một bé trai còn lành lặn đang nức nở. Chỉ tám hay chín tuổi, giống như Justin. Đám lính xả một loạt đạn vô tình về phía nó.

“Yeager,” giọng Meyers vang lên qua bộ đàm. “Pierce đang hỏi chúng ta có giúp dân làng không.”

“Không,” Yeager nói, cố nén cơn buồn nôn. “Quân số địch hơn ta đến mười lần, không có cách nào đối đầu đâu.”

Bên cạnh Yeager, Garrett thấp giọng rên lên. “Mẹ nó chứ. Nhìn cổ chúng kìa.”

Tất cả số dân quân đều có trang sức đeo quanh cổ, xỏ chuỗi tai và dương vật người. Vài kẻ gắn chuỗi đó lên thân súng.

Năm phút trước, Amanbere vẫn còn là một ngôi làng yên bình, nhưng giờ nó là một bãi chiến trường. Không phải một cuộc chiến vì lý tưởng hay tranh chấp tôn giáo, mà là chiến tranh trần trụi, không

mượn cớ gì hết. Dân quân xông vào nhà những người dân chủng tộc khác và bắt đầu cướp bóc thức ăn, nhiên liệu và của cải. Dân làng bị quây lại trên quảng trường làng, nơi những người phụ nữ bị làm nhục ngay trước mặt người khác. Trẻ nhỏ cùng người già đều phải chịu chung số phận.

Bạo lực nhanh chóng leo thang. Khi còn trong quân đội, Yeager đã được đào tạo để không mất bình tĩnh khi thấy những cảnh như thế này. Nhưng nếu cuộc giết chóc anh đang chứng kiến tiến lại gần thêm chút nữa, anh ngờ rằng mình cũng không thể bình tĩnh được. Anh biết rằng, miễn là còn sống, anh sẽ không bao giờ quên nổi cảnh tượng đẫm máu này.

Hành vi của đám người này, để mặc cho bản tính tàn bạo bùng lên, không có là tiêu biểu cho một chủng tộc nhất định. Kẻ thắng cuộc trong thời chiến luôn hóa điên vì hung bạo và sát hại những người thuộc chủng tộc khác để khẳng định rõ ai là kẻ hèn kém hơn. Đám dân quân kia chẳng qua đang hành động tương đồng với tất cả các cuộc diệt chủng từng được vô số chủng tộc, dân tộc, con người tiến hành trong dòng lịch sử. Con người hoàn toàn có khả năng tạo ra địa ngục trên mặt đất. Nhưng không thể dựng thiên đàng.

Nếu có một nhà báo ở đây, anh ta có thể tường thuật lại cuộc thảm sát này. Bài báo sẽ cấy mầm khao khát hòa bình vào trái tim độc giả, và đồng thời khơi dậy sở thích đọc về chết chóc và kinh hoàng. Họ biết rằng những người bị sát hại cũng là con người như họ, nhưng những người tạo ra và tiêu thụ thứ giải trí thô tục này sẽ nghĩ mình là những kẻ được hưởng đặc quyền duy nhất và sẽ hài lòng dừng lại ở việc chỉ nói những lời khuôn sáo về hòa bình.

Tất cả người lớn làng Amanbere đều bị sát hại. Lũ trẻ nhìn cha mẹ mình bị giết và rồi bị lùa vào một chỗ, nơi đám con gái dậy thì bị tách ra và cho lên xe tải. Để bán làm nô lệ tình dục, hẳn nhiên. Một bé trai cố gắng chạy trốn, vấp phải một cái đầu lăn lóc và ngã xuống, và một tên lính cầm rìu lao vào nó. Đám trẻ còn lại, gần như phát điên vì sợ hãi, nhìn cảnh bạn mình bị sát hại. Chúng đều biết tiếp theo sẽ đến lượt mình. Mấy tay lính mang theo súng lớn và dao sắc

bao quanh chúng.

Yeager đã tới giới hạn. Những tên man rợ kia cần phải chết. Anh nâng súng và nhắm vào đầu tay chỉ huy.

“Đừng làm thế, Yeager,” Mick thì thào. “Anh sẽ đẩy tất cả chúng ta vào nguy hiểm.”

Yeager phát ốm khi nhìn mặt người Nhật Bản kia. “Anh chỉ giỏi bắn tinh tinh thôi phải không?”

“Cái gì cơ?!”

“Mick đúng đấy,” Garrett nói khẽ. “Tôi cũng muốn giúp lũ trẻ, nhưng chúng ta không thể làm gì cả,” anh ta thêm vào, giọng nuối tiếc.

Cần phải trấn áp cơn giận đang chực nổ tung trong mình, Yeager quay lại nhìn vào rừng, nhìn những người anh phải bảo vệ. Đôi mắt to kia đang nhìn lại. Từ dưới kia bên Meyers, Akili ngước lên nhìn anh, rồi hướng ánh mắt bí ẩn trở lại ngôi làng phía xa. Đám lính đã bắt đầu tàn sát lũ trẻ.

Yeager rùng mình. Họ không thể để Akili chứng kiến hành động man rợ này. Anh không chỉ lo lắng cho cảm nhận của thằng bé. Tình thế giống như thể đã lật ngược vậy. Giống như họ chứng kiến lũ tinh tinh xé xác con non, Akili đang chứng kiến cảnh người giết người. Một trí tuệ xa lạ đang nhìn thẳng vào bản chất của sinh vật bí ẩn này, những kẻ tuy nắm bắt được khái niệm đạo đức, nhưng lại sẵn sàng buông thả bản thân cho bản tính tàn độc của mình.

“Meyers,” Yeager nói vội vào mic. Họ không thể để Akili biết loài người thấp kém đến mức nào. “Akili đang nhìn kìa.”

Meyers quay người, nhìn thấy Akili đang ngó ra và dẫn nó trở lại sau thân cây. Giờ thì đến lượt Pierce bò ra. Ông ta ra hiệu cho Yeager và đồng đội quay lại. Yeager nghĩ không biết chuyện gì đang xảy ra, và Pierce, vô cùng hoảng hốt, giật mic của Meyers và nói. “Trở lại đây! Vệ tinh đang thu được các anh!”

“Cái quái gì?” Yeager liếc nhìn đồng hồ. Đúng ra, họ vẫn còn hai mươi phút nữa trước khi vệ tinh do thám bay qua. Anh trở vào rừng, cẩn thận không để đám dân quân phát hiện. Pierce đang chăm chú

nhìn laptop, và trên màn hình là hình ảnh vệ tinh của ngôi làng. Ở một góc, có thể thấy Garrett và Mick đang nằm sấp quan sát.

Yeager gọi họ về qua mic và nhích lại gần Pierce. “Tôi tưởng chúng ta vẫn còn thời gian.”

“Chúng ta có thể đã bị lừa bởi thông tin giả. Phải ra khỏi đây trước khi họ phân tích hình ảnh và xác định được vị trí của ta.”

“Chúng ta nên đi hướng nào?” Garrett nói trong khi chạy tới gần. “Chúng tôi cần biết chuyện gì đang xảy ra. Ông có thể phóng to hình ảnh vệ tinh không?

Pierce thu nhỏ ảnh để hiển thị một khoảng không gian mười kilômét vuông. Một vài ngôi làng nằm rải rác dọc đường về phía đông và tây Amanbere. Khi phóng to từng khu vực, họ có thể thấy một đoàn xe được vũ trang, một toán quân chống chính phủ không liên quan đến đám dân quân.

“Chết tiệt,” Yeager nói. “Lại thêm kẻ địch. Giờ chúng ta phải đối đầu với tận ba nhóm.” Anh cau mày. Đường về phía đông, hướng đi ban đầu của họ, đã bị chặn bởi vài nhóm vũ trang.

“Này,” Mick gọi. “Coi chúng đang làm gì kìa.”

Mấy người lính chĩa ống nhòm về phía ngôi làng. Một vài đứa trẻ vẫn còn sống, nhưng đám dân quân đã dừng giết chóc. Kẻ có vẻ là thủ lĩnh đang cúi người vào xe và nói vào mic không dây. Hắn quay phắt lại và nhìn chằm chằm về hướng Yeager và đồng đội.

“Không tốt tí nào,” Meyers nói. “Có lẽ gã đó có tin tình báo từ vệ tinh.”

Có vẻ Lầu Năm Góc đã định vị được họ và thông qua các tay buôn vũ khí, thông báo cho phiến quân.

Tay cầm đầu ra hiệu cho quân của mình. Một tên lính trèo lên xe và xả một loạt đạn từ khẩu súng máy hạng nặng. Mấy người lính đánh thuê vội núp vào sau thân cây. Làn đạn quất rạp bụi cây bên trái họ, càng lúc càng tới gần hơn.

Pierce sợ hãi tột cùng. “Bình tĩnh,” Yeager bảo ông ta. “Và đừng cử động.”

Những viên đạn như mưa khiến thảm lá xung quanh họ bắn tóe

lên, nhưng Akili không nhúc nhích và níu chặt lấy cha.

Dưới làn đạn sượt qua đỉnh đầu, Yeager và những người còn lại bắt đầu rút lui, dẫn theo ba người được mình bảo hộ lui vào rừng. Đám dân quân trở nên kích động hơn. Chúng phấn khích chỉ tay về hướng họ, và, xách theo tất cả số vũ khí có thể chúng chạy băng qua cánh đồng, vẻ như đã nhận thấy động tĩnh trong tầng cây bụi.

"Chạy mau!" Yeager hạ giọng ra lệnh. "Trở lại lộ tuyến ban đầu!"

Có Meyers bảo hộ, Pierce và hai người Mbuti bắt đầu chạy.

Toán dân quân di chuyển băng qua đồng, và Garrett cùng Mick chuyển súng sang chế độ tự động hoàn toàn và xả đạn yểm hộ. Khoảng mười người trúng đạn ngã xuống, ngăn cản đường tiến của địch.

Yeager nhắm vào tay cầm đầu và kéo cò. Giây phút đạn rời khỏi nòng, cảm giác thỏa mãn khi biết rằng mình đã bắn trúng chạy thẳng từ tay lên não anh. Đường bay của viên đạn thấp hơn anh hy vọng, nhưng con mồi của anh không thể trốn thoát. Bộ cánh rằn ri của hắn phập phồng, và một vết ố đỏ chói loang từ trong ra. Viên đạn 7,6 li lao đi với tốc độ siêu thanh, xuyên thẳng vào bụng dưới gã đàn ông, xé tan cơ quan sinh dục cùng bàng quang của hắn, gây ra cái chết tức thì. Hắn gập người và sụp xuống đất, tiếng thét cuối cùng nghẹn lại trong họng.

Đây là lần đầu tiên kể từ khi làm lính mà Yeager giết ai đó anh nhìn thấy được bằng mắt thường. Anh không hề thấy tội lỗi mà còn phấn khích. Anh đã cho lũ súc vật tàn ác kia những gì chúng đáng nhận được. Giết chúng đi! Thổi bay lũ man rợ đó xuống địa ngục!

Yeager lần lượt hạ gục bốn kẻ đứng sững lại ở đó, rồi quay người thối lui.

Bảy giờ tối.

Di động của Kento réo chuông, và cậu ngước mắt lên khỏi cuốn giáo trình phân tích khí máu đang nghiên cứu. Jeong Hoon cũng sắp tới rồi. Nghĩ rằng cậu ta gọi để báo muộn, Kento cầm điện thoại đang cắm sạc lên. Trên màn hình LED là chữ PAPI.

Khi cậu vội vã lên tiếng chào, đáp lại là giọng máy trầm trầm cậu đã từng nghe. “Lấy cái máy tính không bật được ra, ngay lập tức.”

Chiếc máy tính đen. Cuối cùng thì! Kento nghĩ, phấn khích khi bí ẩn bấy lâu nay cuối cùng cũng được giải đáp.

Papi có vẻ sốt ruột. Kento nhặt chiếc máy tính từ một góc bàn đầy ắp thiết bị thí nghiệm và mở màn hình.

“Căn hộ ở Machida có đường truyền mạng tốc độ cao. Cậu biết chứ?”

Lần cuối cùng ở đây, Jeong Hoon đã kết nối vào mạng. “Tôi biết.”

“Sau khi cắm cáp vào máy, hãy nhấn khởi động.”

Cậu làm theo và đợi, nhưng tất cả những gì cậu nhìn thấy vẫn là màn hình xanh như mọi khi. “Máy treo rồi.”

“Không đâu. Nó đang bật bình thường. Có một nút trên màn hình để nhập mật mã.”

“Tôi không thấy gì cả.”

“Hình nền, ô nhập và chữ cái đều cùng màu. Thủ thuật dùng màu bảo vệ.”

Thì ra đó là lý do mọi thứ đều màu xanh! Kento thấy hơi thất vọng vì trò lừa đơn giản.

“Máy tính đã nối mạng rồi. Tôi sẽ đọc cho cậu mật mã để nhập, và cẩn thận đánh đúng vào.”

Dòng mã mà Papi đọc cho cậu là *geneushitosei*, tất cả là chữ viết thường. Một dãy chữ cái ngẫu nhiên, Kento nghĩ, hay là có một quy tắc ngầm nào đó nhỉ? Cậu chịu không biết.

“Một khi nhập xong, nhấn Enter.”

Cậu làm vậy nhưng màn hình không có gì thay đổi.

“Mật mã thứ hai đây.”

Papi lại đọc cho cậu một dãy chữ cái vô nghĩa: *uimakaitagotou*.

Ngay khi cậu gõ xong và nhấn Enter, màn hình đột nhiên sống dậy, thể hiện một thế giới khác. Dù vậy, âm thanh từ loa phát ra lại chỉ có hỗn độn. Tiếng sột soạt như thứ gì đó đang chà xát, và tiếng người hổn hển, khó nhọc hít thở.

“Cậu nhìn thấy gì?” giọng trầm trầm kia hỏi.

“Một đoạn video. Tôi không chắc lắm nhưng có vẻ ai đó đang chạy băng qua rừng.”

“Đây là video trực tiếp từ vùng chiến sự.”

“Vùng chiến sự?”

“Đây là việc đang xảy ra ngay lúc này ở Congo.”

Khi nghe tên đất nước nơi cha mình từng làm việc, Kento thấy bối rối. Có phải tất cả những chuyện bí ẩn đã xảy ra đều liên quan tới sự việc đang diễn ra lúc này ở giữa châu Phi?

“Nhấn Ctrl X để đổi hình ảnh.”

Kento làm theo và cảnh quay trực tiếp từ vùng chiến sự chuyển sang hiển thị hình ảnh từ trên không, đơn sắc. Ban đầu trông nó có vẻ giống ảnh tĩnh, nhưng khi nhìn kỹ hơn, cậu nhận ra đó là một video. Video vệ tinh, như cậu đã thấy trên các bản tin. Tuy vậy, âm thanh phát ra vẫn không đổi, đem vào phòng cậu tiếng ồn của chiến tranh.

Papi chỉ cho cậu cách phóng to thu nhỏ hình ảnh và buông một câu cuối cùng: “Nếu những người trên video hỏi cậu, hãy trả lời. Chỉ cần nhìn vào máy và nói. Chiếc máy tính này dùng một phương thức mã hóa không thể phá vỡ, vậy nên đừng lo bị nghe lén.”

“Đợi đã. Chuyện gì đang xảy ra?”

“Đây là chiến dịch giải cứu một con người đã tiến hóa. Và cậu nắm số phận của nó trong tay.”

“Cái gì..” cậu kêu lên, và đường dây tắt phụt.

Kento nhìn hình ảnh vệ tinh, miệng há hốc. Cậu nhanh chóng hiểu mình ra đang xem thứ gì. Hình ảnh của khu rừng từ phía trên. Khoảng lốm đốm cậu tưởng là mặt biển thực chất là một tán cây dày. Bên dưới, cậu thoáng thấy mấy chấm trắng. Cậu phóng đại lên và thấy hình ảnh hồng ngoại những bóng người màu trắng rất đậm, trông như hạt gạo.

Đây chắc là người từ video đầu tiên, cậu nghĩ và đổi về màn hình ban đầu. Hình ảnh vẫn hơi nhòe, có lẽ là do người quay đang chạy. Trong một tích tắc, một người đàn ông da trắng lực lưỡng xuất hiện chính giữa màn hình. Anh ta mang một khẩu súng. Người đó nhìn

vào máy quay và hét lên bằng tiếng Anh, “Ông làm cái chó gì vậy?”

Kento giật mình, như thể người kia đang hét vào mặt cậu, và cậu chăm chú theo dõi cảnh quay. “Chúng ta chưa kết nối được đâu,” một giọng khác đáp lại, và một bộ mặt râu ria xồm xoàm xuất hiện. Là người đang chạy vác máy quay. Ông ta đeo tai nghe, nhìn chằm chằm vào màn hình như thể thấy được Kento. “Cậu là Koga Kento?” ông ta hỏi.

Không rõ chuyện gì đang xảy ra, Kento đáp bằng tiếng Anh. “Vâng.”

“Tôi cũng có thể thấy cậu từ đây,” ông ta vừa chạy vừa nói hổn hển, thoắt ẩn thoắt hiện trên màn hình. “Đây là một cuộc gọi video qua mạng.”

Kento nhìn lên và thấy máy quay trên máy tính đang sáng đèn. Người đó đang thấy trực tiếp cậu trong căn hộ ở Machida. “Ông là ai?”

“Nigel Pierce. Tôi là bạn của bố cậu.”

“Bố tôi?” Kento nhìn người trên màn hình và thấy ông ta đang vô cùng kích động. Mắt ông ta không chớp và đầy nỗi sợ hãi.

“Đứng lại!” giọng nói của người mang súng quát lên ngoài màn hình, và chiếc máy quay ngừng chuyển động. “Tình hình thế nào?” giọng nói trầm trầm lên tiếng hỏi, nghe có vẻ khó chịu.

Pierce quay sang Kento nói liến thoắng. “Chuyển màn hình sang hình ảnh vệ tinh. Chúng tôi không có thời gian tự xem, nên cậu thấy gì thì nói cho tôi.”

Kento chuyển chương trình như Papi đã hướng dẫn. Nigel Pierce biến mất, thay vào đó là cảnh quay từ vệ tinh. Tuy vậy, âm thanh vẫn giữ nguyên.

“Chúng tôi ở chính giữa màn hình của cậu. Cậu có thấy đốm trắng nào khác không?”

“Lúc ẩn lúc hiện.”

“Hướng và khoảng cách thế nào?”

Kento vật lộn để tính toán. “Đông bắc một kilômét, đông nam chín trăm mét. Và một phút trước tôi còn thấy một đốm ở phía

đông.”

“Ba nhóm?” Pierce rõ ràng là bị sốc. Ông ta hỏi thêm một câu nữa nhưng giọng run tới mức Kento không thể hiểu nổi thứ tiếng Anh ấy.

“Ông nói gì vậy?” cậu hỏi vài lần, và một giọng khác xuất hiện. Ngạc nhiên thay, một người nói tiếng Nhật.

“Đám người phía đông ở đâu? Khoảng cách thế nào?”

Giọng anh ta đầy vẻ đe dọa. Kento thắc mắc đó là ai nhưng vẫn trả lời bằng tiếng mẹ đẻ của mình.

“Khoảng hai phút trước, khoảng cách là, ờm... khoảng năm trăm mét.”

“Đừng có *khoảng*, nói *chính xác* coi.”

Kento tức giận. “Tôi không nói được.”

“Đồ đần,” người Nhật khuất mặt kia xổ ra. “Giờ cậu có thấy mấy cái chấm không?”

“Không. Chúng ẩn dưới tán cây.”

“Cứ tiếp tục cập nhật cho chúng tôi,” người Nhật ra lệnh và rồi im lặng. Pierce trở lại, tiếp tục nói bằng tiếng Anh.

“Cậu đã nói chuyện với Lydia Yeager chưa?”

Kento thấy vụ đổi chủ đề xoành xoạch này hơi khó theo. “Tôi... tôi nói chuyện rồi,” cuối cùng cậu đáp.

“Justin con trai cô ấy có còn sống không?”

“Có” Kento đáp và cảm thấy có người khác xuất hiện trong phòng. Giật mình, cậu ngẩng lên và thấy Jeong Hoon đứng ở cửa trước. Cậu đã bảo Jeong Hoon cứ vào mà không cần gõ cửa. Jeong Hoon mỉm cười, băn khoăn chuyện gì đang xảy ra.

“Cậu ở đó được không?” Kento nói, ra hiệu cho Jeong Hoon lùi lại, và Pierce hỏi bằng giọng nghi ngờ, “Có người ở đó với cậu à?”

“Không,” Kento nhanh miệng nói dối. *Nghiên cứu một mình, đừng nói với ai*. Cậu không thể để họ biết mình đang phản bội lại lời chỉ dẫn cuối cùng của cha. “Chỉ có tôi thôi.”

“Được rồi. Cập nhật tiếp cho tôi đi. Bằng tiếng Anh.”

“Được.”

“Các đốm trắng có đang tiến gần tới trung tâm màn hình?”

Kento đổi lại chương trình, nhưng chỉ nhìn thấy tán cây xanh sẫm. “Tôi không biết. Chúng giờ đều ở dưới tán cây.”

Một tiếng rên phát ra qua loa, vừa sợ hãi vừa mất kiên nhẫn.

“Khi các đốm trắng xuất hiện lại, hãy báo cho tôi,” Pierce nói và quay sang Yeager. “Justin vẫn còn sống.”

Đang hết sức căng thẳng vì quân địch truy đuổi, Yeager hoàn toàn bất ngờ trước tin này. “Ông đang liên lạc với ai?”

“Một đồng minh ở Nhật Bản.”

Trong tất cả các thể loại người, Yeager cay đắng nghĩ, sao cứ phải là đám Nhật Bổn? Nếu tới Nhật, không phải sẽ lại có một đám những thằng khốn như Mick đợi họ sao? “Ông có tìm hiểu được quân địch đang ở đâu không?”

Pierce lắc đầu, mặt tái nhợt. “Chúng biến mất dưới tán cây.”

“Im lặng” Mick nói, lo lắng dỏng tai về phía đông. “Hẳn là đám dân quân kia đánh hơi ra ta rồi. Chúng sẽ đuổi kịp sớm thôi.”

Giờ họ đang một lúc đối mặt với ba toán quân địch. Các nhóm vũ trang khác từ phía bắc và nam làng Amanbere đã vào rừng, bắt đầu cuộc săn lùng.

“Vậy thì hãy đi về phía tây nam.”

Pierce dịch mệnh lệnh của Yeager cho Esimo, anh này đáp lại bằng giọng khẽ khàng. Pierce cau mày và nhỏ tiếng nhắc lại lời anh ta. “Đợi đã. Esimo nói chúng ta nên ngồi yên. Có vẻ anh ta đã xác định được vị trí quân địch.”

“Anh nói cái gì?”

Mấy người lính nhìn xuống người đàn ông nhỏ bé không lớn hơn đứa trẻ là bao. Esimo như biến thành một người khác, quỳ một gối xuống nền rừng, bất động. Vẻ buồn thương thường trực trên mặt anh ta giờ đã biến mất, thay vào đó là cảm giác xa lạ, lạnh lùng, như thể sức mạnh kỳ bí của rừng già đã nhập vào anh. Mắt nheo lại, anh ta chậm rãi quay đầu sang hai bên như một chiếc ăng ten. Yeager nhận ra anh ta đang mài sắc thính giác của mình.

Esimo vươn tay, chỉ ra ba hướng – đông bắc, đông, và đông nam –

và thì thầm gì đó với Pierce.

“Kẻ địch ở hướng đông là gần nhất,” Pierce dịch. Bờ vai nhà nhân học run rẩy khi ông chầm chậm hạ mình xuống đất. “Họ đang ở trong khu vực người Pygmy giăng bẫy, cách khoảng hai trăm mét.”

Những người còn lại cũng rạp xuống và nhắm súng vào tầng cây rậm rạp.

"Yeager.”

Nghe tiếng Meyers thì thầm, Yeager quay sang và thấy Akili đang kéo tay áo anh chàng quân y. “Có vẻ Akili muốn nói gì đó.”

Pierce đẩy chiếc máy tính nhỏ ra trước mặt thằng bé. Nó bắt đầu gõ, và Yeager đọc to lên.

Ném vài quả lựu đạn xa sáu mươi mét về hướng đông-đông nam.

Yeager ngay lập tức hiểu Akili đang nghĩ gì. Đánh lạc hướng. Yeager ngạc nhiên vì một đứa trẻ bé xíu có thể đưa ra ý tưởng như vậy.

“Hiệu quả không?”

Nhà chiến thuật ba tuổi gật đầu.

“Cháu chắc không? Không phải sẽ lộ vị trí chúng ta sao?” anh gặng hỏi, nhưng vẻ tự tin trên mặt Akili không hề suy suyển. Yeager ngỡ ngàng trước tia tàn bạo thoáng ánh lên trong mắt nó. Anh cảm thấy hơi khó ở, e sợ rằng nỗi căm ghét loài người đang nhanh chóng lớn dần lên trong trái tim đứa nhỏ.

Akili đưa ra mệnh lệnh thứ hai.

Ném lựu đạn ra trước mặt năm mươi mét. Mau lên.

Yeager, súng trường trong tay, im lặng bước vào rừng. Ba người lính còn lại vào đội hình phòng thủ. Yeager bắt đầu nghe thấy tiếng đám dân quân đang tiến lại gần. Kẻ địch cách họ chưa đầy một trăm mét nữa.

Anh gỡ một quả lựu đạn khỏi áo bảo hộ tác chiến, kéo chốt và ném, nhắm vào chỗ Akili chỉ đạo. Nó vẽ một đường vòng cung trên

đầu họ, và tất cả mọi người thụp xuống đất. Quả lựu đạn lặng lẽ đáp xuống nền đất mùn; một giây im lặng thoáng qua, và tiếp theo là tiếng nổ. Vô số mảnh kim loại bắn xuyên qua cây cối xung quanh, và ngay lập tức, ở phía chéo trước mặt bên trái người anh, hướng mười giờ, vang lên tiếng súng tự động. Đám dân quân đã tới rất gần, khai hỏa về hướng lựu đạn nổ. Làn đạn xé tan lá trên cây, khiến chúng lả tả rơi xuống đất. Tiếng súng tiếp tục vang lên trước mặt, nhưng lần này là từ bên phải. Hai nhóm vũ trang đang tiến tới từ hai hướng khác nhau đang xả đạn vào nhau qua chỗ quả lựu đạn đã nổ.

Từ những thông tin không đầy đủ, Akili đã tiên đoán chính xác hướng di chuyển của hai nhóm người. Sửng sốt vì khả năng của đứa bé, Yeager quay lại với đồng đội. Anh không cần lo tránh tạo ra tiếng động nữa. Nhóm của họ rời khỏi vị trí và tiến về phía tây nam.

Họ chạy, chạy nhanh tới mức cơ bắp như rên lên. Pierce vẫn liên lạc với "đồng minh" người Nhật và báo cáo lại rằng nhóm địch thứ ba đang tiến tới từ phía đông bắc. Nhưng khi dấn tới dưới tán lá dày đặc của khu rừng, cố gắng tránh không để bị vệ tinh phát hiện, họ không thể xác định vị trí hiện tại của mình. Không có thông số tọa độ cụ thể, họ không biết kẻ địch còn cách xa bao nhiêu hay đang ở hướng nào.

Khả năng định hướng của Esimo là tất cả những gì họ có thể trông cậy vào. Anh chàng Mbuti đã thích ứng với cuộc sống trong rừng già, có thể lần ngược lại tuyến đường họ đã đi hồi sáng chính xác đến bất ngờ. Anh ta lần lượt nhặt những chiếc lá đã rải xuống ở các vị trí chiến lược, và sau một tiếng đồng hồ trốn chạy, cuối cùng họ cũng thoát khỏi rừng già tới được bờ sông Ituri.

Giá như có thể qua sông, họ sẽ rũ được đám người bám đuôi. Nhưng khi dừng lại tạm nghỉ, Yeager nhìn sang bờ bên kia, cách đó khoảng một trăm mét, và choáng váng thấy chiếc thuyền độc mộc đang nằm bên bờ bên kia. Người dân địa phương có vẻ đã dùng nó qua sông và để lại đó.

"Còn thuyền khác ở đâu nữa?" Yeager hỏi Esimo, thông qua Pierce phiên dịch.

Pierce dịch lại lời đáp sang tiếng Anh. “Còn thuyền nữa ở cả thượng nguồn và hạ nguồn, nhưng còn cách xa. Đi bộ tới đó sẽ mất quá nhiều thời gian.”

“Tôi đã xác định được vị trí của ta,” Garrett nói, chỉ vào một khúc quanh của con sông trên bản đồ. “Chúng ta ở ngay đây. Kẻ địch thế nào rồi?”

Qua bộ đàm, Pierce liên hệ với Nhật Bản và rồi nhìn vào bản đồ. “Đây là thông tin từ ba phút trước. Kẻ địch đang ở đây.”

Ông chỉ vào một điểm cách hai kilômét sau lưng họ. Chính là con đường họ đã đi.

“Chúng lần ra đường đi của chúng ta rồi,” Mick nói. “Chúng ta còn hai mươi phút trước khi bị bắt kịp.”

Yeager trao đổi ánh mắt với đồng đội và hoàn toàn ý thức được đôi mắt đang dõi theo anh. Hai con mắt lớn thầm lặng quan sát con người này. Yeager bắt đầu cởi các thiết bị vũ trang và đặt xuống đất. “Tôi sẽ đi lấy thuyền.”

Pierce nhướng mày. “Anh định bơi? Tôi nói rồi, ở đây có cá sấu.”

“Vậy thì cầu nguyện cho tôi đi.”

Chỉ giữ khẩu súng lục bắp đùi, Yeager đứng trên bờ sông đầy bùn đất. Làn nước sông dữ dội ào ạt chảy xuống hạ nguồn. Nước bẩn tới mức không thể thấy được những gì ẩn phía dưới.

Anh mới bước một chân xuống dòng nước lờ lợ, Meyers đã hét lên bắt anh dừng lại. “Để chắc ăn,” anh ta nói. “Khai hỏa đây!”

Meyers ném một quả lựu đạn xuống nước, cách bờ khoảng mười mét. Một tiếng nổ trầm trầm vang lên, và cùng với một chớp sáng, nước thoắt dâng lên một khối lớn rồi giãn ra thành một đường dài. Một bầy cá sấu khoảng mười con. Một nửa vặn vẹo cơ thể khổng lồ và trườn lên bờ. Mấy người lính giương súng, tạo thành một vòng tròn bảo vệ quanh Pierce và cặp cha con người Mbuti. Yeager biết ơn Meyers đã nhanh trí và bước xuống nước.

Anh lê chân ngang qua dòng nước ngầu bùn. Dòng chảy mạnh hơn vẻ ngoài của nó. Chỉ cần thả lỏng một giây thôi, anh sẽ bị cuốn xuống

hạ nguồn. Với tất cả sức lực của mình, anh bơi tới trong dòng nước đục, nhưng có vật gì đó đụng vào bụng anh. Anh cảm thấy qua lớp áo rằng đó là vật sống. Chắc là một con cá. Không phải cá sấu. Anh tập trung vào mục tiêu, cố kiểm soát cơn sợ hãi. Anh phải tới được bờ bên kia và cứu những người đồng hành với mình. Anh phải cho Akili thấy những con người như thế này có tồn tại.

Khi tới giữa sông, quần áo anh đã nặng trịch vì ngấm nước. Kỳ lạ thay, cơn đau về thể chất khiến anh chấp nhận tất cả mọi thứ từng phải chịu đựng trong đời. Vụ ly hôn của cha mẹ, việc nhập ngũ, cuộc chiến của đứa con trai yêu dấu với căn bệnh nan y – tất cả những gì anh từng phải đương đầu trong cuộc sống như được nén lại vào trong sức nặng và sức ép của dòng nước bùn. *Được thôi*. Yeager nhổ hai chữ đó ra giữa cuộc vật lộn với dòng nước. Tao sẽ qua được sông này. Không phải vì ai khác mà vì Justin.

Giá anh có thể cho Justin, chứ không phải Akili, thấy những gì anh đang làm. Đây là điều cha con sẵn sàng làm cho con - liều mạng với cái chết để cứu sống con.

Anh đạp nước, tham lam hớp lấy không khí, và khi gạt đi nước bẩn trên mặt mình, anh thấy bờ sông đã rất gần rồi. Chỉ còn chưa đầy hai mươi mét. Anh dùng ý chí thúc mình đi, cho tới khi chân tay anh tìm thấy đáy sông. Quỳ trên tứ chi, hồng hộc thở, Yeager kéo mình dậy. Anh nhìn sang hai bên xem mình bơi đến đâu. Anh đã trôi xuống theo dòng nước, cách xa chiếc thuyền. Anh cần nhanh chóng lấy được thuyền và đưa Akili cùng những người còn lại qua sông.

Yeager đang chạy dọc theo bờ sông lầy lội thì trước mắt anh, một cái mồm to tướng bỗng há ngoác ra. Cái mõm khổng lồ của con cá sấu mở ra ngậm lại như một cái bẫy rập và phóng về phía trước, cố đớp lấy con mồi. Yeager, súng đã ra khỏi bao, nhắm vào đầu con cá sấu và bắn liên tục. Năm viên đạn đầu tiên xé toạc hệ thần kinh của nó. Chức năng não bộ đã hỏng bét, thân thể to tướng, quằn quại của nó quẫy lên không trung, cuốn theo một màn nước. Yeager xả nốt năm phát súng kết liễu.

Yeager nhìn xuống con quái vật bất động, lớp da cứng nhỏ máu.

“Chơi tao thì mày chỉ nhận được kết cục này thôi,” anh lẩm bẩm.

Kento nhìn chằm chằm vào hình ảnh vệ tinh lâu tới mức không còn biết cuộc chiến Congo trên thực địa ra sao rồi. Tiếng nói thi thoảng vẫn truyền ra qua loa, nhưng một thứ âm thanh trầm thấp làm nền át đi tất cả, và cậu không hiểu nổi họ đang nói gì.

Khi hai mươi phút đã trôi qua kể từ cuộc đối thoại cuối cùng giữa họ, cậu nghe thấy tiếng người reo hò. Tình huống hẳn đã có chuyển biến tốt. Kento đổi về màn hình kia, và một khuôn mặt râu ria nhìn lại cậu. Có một con sông lớn sau lưng ông ta.

“Cậu giỏi lắm, Kento,” Pierce nói từ giữa rừng già Congo. “Tôi sẽ cắt kết nối một lúc.” Ông ta nói với ai đó ngoài góc quay. “Cắt đường truyền với Kento đi.”

Lần đầu tiên, Kento nhận ra có người thứ ba đang giám sát liên lạc của họ. Chắc hẳn là Papi. Nguồn điện vào chiếc máy tính nhỏ tự ngắt, và hình ảnh trực tiếp từ trận chiến biến mất.

“Cái đó là gì vậy?” Jeong Hoon hỏi. Cậu ta vẫn đứng bên kia bàn để không xuất hiện trong máy quay.

“Chính tớ cũng không rõ.”

“Hình ảnh vệ tinh là thật,” Jeong Hoon nói. Cậu ta từng làm ở căn cứ quân sự của Mỹ và nắm được điều ấy. “Tớ bắt đầu nghĩ cậu đang nói thật.”

“Cậu vẫn không tin?”

“Thì, không có gì là chắc chắn cả cho tới khi chúng ta chế được thứ thuốc kia.”

Cậu ta nói đúng. Kento dịch người trên ghế và cố tập trung lại vào phương thuốc. Cái ông Nigel Pierce này tuyên bố rằng mình là bạn của cha cậu; chiến dịch giải cứu một chủng người tiến hóa hơn; cuộc chiến ở Congo – những manh mối cậu thu thập được bắt đầu mơ hồ liên kết lại với nhau. Có bốn người liên quan tới kế hoạch. Cha cậu, Pierce, người đã cảnh báo cho cậu qua điện thoại từ nước ngoài, và người Nhật với cái tên Papi này. Bằng cách nào đó, Papi có vẻ đang điều hành mọi thứ, nhưng Kento không hề biết ông ta là ai.

Một điều nữa đã rõ ràng khi cậu hiểu chức năng của chiếc máy tính nhỏ: Sakai Yuri muốn gì khi bà ta xuất hiện tại trường đại học đêm hôm ấy. Bà ta muốn cướp nó đi để chặt đứt đường dây liên lạc giữa Nhật Bản và Congo.

“Vậy, chuyện gì đã xảy ra? Kết cục thế nào?” Nghe Jeong Hoon thúc giục, Kento trấn tĩnh lại. Đó là một cảm giác kỳ lạ, như thể linh hồn cậu đã được gọi về căn hộ bé nhỏ ở Machida này từ châu Phi. Cậu mở chiếc máy tính trắng và cho Jeong Hoon xem. “Ngay cả khi dùng sàng lọc ảo, cũng không tìm ra cấu trúc thuốc nào cả.”

Jeong Hoon nhìn chằm chằm vào phần mềm GIFT, vào chữ NONE. “Kỳ quá.”

Kento biết Jeong Hoon đang nghĩ gì. GIFT hẳn đã rà soát vài triệu hợp chất đã được biết tới để tìm một chất có thể liên kết với thụ thể biến dị. Nếu vậy, đáng ra nó đã phải tìm được ít nhất là một cấu trúc có thể dùng làm thuốc. “Thế thì cái phần mềm này rốt cuộc vẫn là giả à?”

“Không. Với chúng ta, GIFT giống như chân lý vậy. Chúng ta phải tin tưởng nó, thế thôi. Nếu nghi ngờ, ta sẽ phải từ bỏ việc phát triển thuốc.” Jeong Hoon, mắt dán vào máy tính, thao tác thuần thục như trước. “Lạ thật. Có vài chất khác có cấu trúc hoạt tính thấp.”

“Nếu chất chủ vận có chút hiệu lực, chí ít nó cũng phải liên kết được nhỉ?”

“Chính xác. Mặc dù tất cả đều có dưới 2% hiệu lực.”

“Với sàng lọc ảo thì thế là bình thường. Giả định là cậu sẽ phải thay thế nhóm chức, để tăng hiệu lực lên.”

“Được rồi, nhưng vậy thì sao GIFT lại hiển thị NONE?” Jeong Hoon mở hình ảnh thụ thể lên. “Đây là hình mô phỏng quá trình liên kết. Một trong mấy chất ứng viên kia đang liên kết kìa.”

Trên màn hình, hình ảnh trong suốt của GPR769 đột biến dài và mảnh đang xuyên qua màng tế bào. Một hợp chất nhỏ khác đã đi vào cái túi trong mờ. Khi Jeong Hoon cho các hợp chất có hoạt tính thấp lần lượt liên kết, hình dạng của thụ thể thay đổi chút ít, xoắn lại, trở nên mảnh hơn, phần đuôi của nó cắm xuyên qua màng tế bào, khẽ di

chuyển.

“À!” Jeong Hoon reo lên và quay sang Kento. “Tớ hiểu rồi! Không phải chỉ có vùng liên kết thay đổi mà là toàn bộ cấu dạng đều thay đổi.”

“Y cậu là sao?”

Jeong Hoon huơ tay múa chân nhấn mạnh lời nói, giải thích. “Khi phối tử liên kết với thụ thể, các thụ thể bình thường sẽ co vào trong. Vì thế phần đuôi của thụ thể dịch chuyển và hoạt hóa một protein khác. Nhưng thụ thể này chỉ cần thay đổi một axit amin đã khiến không chỉ điểm liên kết mà là toàn bộ hình dạng của nó bị biến dạng đi. Vậy nên bất kể hợp chất nào có gắn vào nó, nó cũng không co lại như bình thường.”

Kento hiểu điều Jeong Hoon đang muốn nói. “Vậy thì, câu hỏi đặt ra là, cái gì ngăn thụ thể này không dịch chuyển?”

Jeong Hoon gật đầu. “Đó là lý do PAECS chưa được chữa trị. Đó là một trong những bí mật của GPR769 đột biến. Và chúng ta là những người duy nhất trên thế giới này khám phá ra nó!”

Bất chấp sự phấn khích của Jeong Hoon, Kento vẫn lo lắng. Cậu liếc nhìn phòng thí nghiệm tồi tàn mà cha đã để lại cho mình và bỗng thấy tuyệt vọng. “Nếu đó là sự thực, vậy chúng ta sẽ không bao giờ có thể điều chế ra thuốc chữa, phải không?”

Jeong Hoon yên lặng một lúc lâu, mắt cậu lãng đãng trong khi chiêm nghiệm.

Trong tâm trí Kento, cậu thấy thụ thể vốn mềm dẻo trở thành một thứ đồ giả cứng quèo. “Chữa trị căn bệnh đó là bất khả. Bất kể chúng ta có chế ra thuốc gì, bản thân thụ thể cũng sẽ không dịch chuyển. Vậy nên tạo ra thuốc điều trị đích dành cho nó là điều bất khả thi.”

Jeong Hoon ngẩng đầu lên, và sau một thoáng do dự, cậu lên tiếng. “Kento, tớ nói một câu được không?”

“Gì cơ?”

“Những người làm nên lịch sử khoa học không phải loại người nói từ bất khả thi.”

Những lời trách móc từ anh chàng Jeong Hoon lành tính bằng

cách nào đó đã vượt qua những rào chắn mà Kento dựng nên và đánh vào thứ gì đó sâu thẳm bên trong cậu.

"Chúng ta là những người duy nhất có thể cứu đám trẻ bị bệnh ấy," Jeong Hoon nói. "Có thể việc này là bất khả thi, nhưng tớ không bỏ mặc chúng được."

Kento thiếu chút nữa đã từ bỏ hoàn toàn, nhưng khi nghĩ tới tên hai đứa trẻ trong số ấy, Kobayashi Maika và Justin Yeager, cậu khựng lại. "Được," cuối cùng cậu nói. "Bắt tay vào việc thôi."

Jeong Hoon mỉm cười.

Tình cờ, hai người họ cùng lúc ngửa đầu lên và nhìn chằm chằm vào những thớ gỗ trên trần. Họ ngồi đó, sánh vai, như thể đang ngắm sao, não hoạt động hết công suất. Trong mắt người ngoài, hai chàng trai trẻ có vẻ như chỉ đang để đầu óc lang thang. Nhưng để đầu óc lang thang chính là việc của các nhà khoa học.

Sau nửa tiếng đồng hồ, Jeong Hoon đứng dậy và bắt đầu đi đi lại lại trong khoảng trống nhỏ giữa bàn thí nghiệm và tường. Cậu lẩm bẩm toàn thuật ngữ, nửa tiếng Hàn, nửa tiếng Nhật. Kento ngồi bên bàn, đầu gục vào tay, người cúi xuống, chân ngó ngoáy không yên, đến một lúc thì lại đứng dậy xả nước lạnh từ bồn rửa vã lên mặt. Làm thế nào họ có thể bắt một thụ thể có tổng chiều dài chỉ khoảng một phần mười vạn milimét làm những gì họ muốn?

"Hẳn là chúng ta đã bỏ qua cái gì đó, Jeong Hoon nói. Cậu ta đang đứng bên tủ, nhìn chằm chằm vào mấy cái chuồng chứa đầy chuột ở giá trên. "Tớ không hiểu. Nhưng có gì đấy sai sai."

"Sai sai? Cái gì mới được cơ chứ?"

"Tớ không biết. Tớ thấy mình cứ như bị cầm tù. Như đang bị giam giữa mấy bức tường hay gì đó."

Hẳn ý cậu ấy là đã đụng phải chướng ngại vật rồi, Kento nghĩ.

"Thay vì tạo ra thuốc, chúng ta dùng liệu pháp gene thì sao?"

"Tớ nghĩ việc đó còn khó hơn. Chưa kể còn không có thời gian."

Jeong Hoon khẽ rên lên. "Chúng ta không thể loại bỏ định kiến mà suy nghĩ từ một góc khác hẳn sao?"

Lời của cậu khơi dậy một hình ảnh trong tâm trí Kento. Về đôi

mắt dõi theo họ từ bên ngoài. Đôi mắt của người đã tạo ra GIFT, người sở hữu trí tuệ vượt lên trên nhân loại. “Chúng ta phải tạo ra thuốc. Phải có cách tạo ra chất chủ vận.”

“Sao cậu biết chắc chắn được?” Jeong Hoon hỏi.

“Tất cả mọi chuyện từ khi bố tớ mất đều đã được lên kế hoạch một cách hoàn hảo. Và chúng ta được trao cho GIFT cũng là một phần của kế hoạch, nên chúng ta chắc phải dùng được nó để thiết kế thuốc.”

“GIFT?” Jeong Hoon thốt lên, như thể cuối cùng cũng nhận ra sự tồn tại của chương trình vĩ đại này. “Đúng thế. Chìa khóa để giải quyết vấn đề này chắc chắn phải là GIFT. Chúng ta chỉ phải làm đúng điều chỉ GIFT có thể làm. Điều mà những chương trình đang tồn tại không thể. Đợi tớ chút.”

Jeong Hoon đặt một tay lên trán, cau mày, và không cử động. Căn hộ – mà thực ra là toàn bộ tòa nhà – bỗng dưng im lặng như thể bị bỏ hoang.

Mắt Jeong Hoon giờ đây đang tập trung vào thứ gì đó xa xăm, ánh mắt như nhập định của cậu nhìn vào thứ gì đó ở ngoài thế giới này. Chắc hẳn tất cả các nhà khoa học đều trông như vậy, Kento nghĩ, khi họ tìm ra lời giải cho một câu hỏi hóc búa.

“Một vùng dị lập thể,” Jeong Hoon thốt lên, trên má nổi hết cả da gà. “Một phương pháp mới chưa ai từng thử. Chúng ta có thể chữa bệnh theo cách đó.”

Kento biết thuật ngữ *vùng dị lập thể*. Đó là một vùng trên enzym, khác với vùng có hoạt tính hóa học là nơi thuốc có thể liên kết. Thuốc không chỉ liên kết với thụ thể ở vùng lõm trung tâm. Kể cả mặt ngoài thụ thể nơi các phân tử với tính chất hóa lý phù hợp lộ ra ngoài, nếu điều chế được hợp chất hóa học phù hợp là cũng có thể liên kết với vùng dị lập thể này. Khi nghĩ sâu về vấn đề này, Kento bắt đầu hiểu ra. “Nói cách khác, cậu gắn hợp chất này với vỏ ngoài của thụ thể và thay đổi hoàn toàn hình dạng của nó?”

Jeong Hoon gật đầu. “Và nếu tới lúc đó thụ thể vẫn chưa được hoạt hóa, vẫn còn một bước cuối cùng. Chúng ta nhập kết quả mong

muốn vào GIFT, và nó sẽ thiết kế một chất chủ vận khác phù hợp với vùng thứ hai này. Chúng ta không chỉ nhắm vào vùng liên kết phối tử mà còn cả một vùng khác nữa, vùng dị lập thể, là vùng điều khiển cấu dạng thụ thể và đóng vai trò nhất định trong việc hoạt hóa thụ thể. Như vậy, chúng ta có vùng dị lập thể liên kết với chất chủ vận thứ nhất – một chất hiệu ứng dị lập thể – và phần nào khắc phục biến dạng của thụ thể đột biến, và một chất chủ vận thứ hai liên kết với vùng liên kết phối tử đột biến."

"Vậy là chúng ta làm hai loại thuốc?"

"Đúng thế. Tớ nghĩ có thể gọi nó là thuốc dị lập thể. Đó là một hướng tiếp cận mới mà các công ty dược phẩm chưa từng thử qua. Nhưng với GIFT chúng ta có thể làm được."

Tuy vậy, với khoảng thời gian hữu hạn trong tay, họ có thể thực sự tổng hợp ra hai thứ thuốc mới? Kento lo lắng, nhưng vẫn quyết định theo gương Jeong Hoon mà nuốt lại những nghi ngờ khi làm điều bất khả thi. Và thay đổi thói quen bỏ cuộc trước khi bắt đầu.

Jeong Hoon ngồi xuống và bắt đầu làm việc với GIFT. Cậu nhập các điều kiện để hiển thị lại thụ thể đột biến kia, ấn ENTER, và màn hình cho biết thời gian còn lại là 42:15:34. Hai ngày nữa sẽ có câu trả lời.

"Tớ không chắc phải đặt vùng dị lập thể ở đâu nên chỉ chọn một khu vực chung chung. Nếu không được chúng ta sẽ phải làm lại hết từ đầu."

Tính sốt ruột của Kento cuối cùng cũng trỗi dậy, và cậu yếu ớt phàn nàn. "Nhưng nếu phải thực hiện đi thực hiện lại các tính toán, chúng ta sẽ hết thời gian tổng hợp thuốc."

"Đó là canh bạc mà chúng ta phải đánh," Jeong Hoon nói, vẻ mặt nghiêm nghị.

Kento nghĩ đến một điều. Sợi dây mà cậu vật lộn mãi mới đi qua lại một lần nữa chăng ra trước mặt. Một lần mạo hiểm nữa, như tất cả những mạo hiểm cậu đã đâm đầu vào kể từ giây phút nhảy xuống từ ban công căn hộ và thiếu chút nữa thì mất mạng.

6

Sau khi Ellen tiễn chồng đi làm, như thường lệ, bà đứng bên cửa trước, trong lòng phảng phất bất an. Là do điều Mel đã nói trước khi rời đi.

“Anh có thể phải biến mất một thời gian,” người chồng đã bên bà gần bốn mươi năm nói với bà. “Nhưng đừng lo. Anh sẽ trở lại sau vài ngày nữa.”

Ellen đã cau mày, không thể hiểu nổi, và ông đã hôn bà trước khi đi ra nhà để xe. Gần đây, Mel bắt đầu hay đùa, và bà băn khoăn liệu đây có phải một câu đùa nữa không. Trong suốt sáu tháng vừa qua, giờ làm việc của ông bắt đầu lộn xộn, và mỗi lần bà hỏi chuyện, ông đều chọc cười bà bằng một lời thoại kinh điển từ mấy bộ phim điệp viên: “Làm việc cho chính phủ.” Tất nhiên bà biết là ông làm việc cho chính phủ. Gia đình ông tự hào vì chức danh của ông. Nhưng ông chưa từng giải thích tại sao ông phải ngập đầu trong công việc thế này.

Mel đang làm cái quái gì vậy? Và ông đang làm việc ấy ở đâu?

Chiếc xe Ford bốn chỗ chầm chậm chạy xuống đường giữa màn tuyết nhẹ, và Mel cười chào tạm biệt bà rồi lái xe đi. Khi đứng bên cửa, Ellen nghĩ về chiếc máy kỳ lạ kia, một chiếc máy tính nhỏ được giao tới cửa nhà họ cuối mùa hè năm ngoái. Sở thích duy nhất của chồng bà là chơi với máy móc, và bà đoán ông hẳn đã đặt mua qua thư. Nhưng Mel đã nhìn chằm chằm vào chiếc máy tính như thể ông không biết nó từ đâu tới. Và rồi ông mang nó vào phòng làm việc.

Tính cách của Mel thay đổi từ lúc ấy. Ông ít nói hơn, và tuy ông thường đắm trong suy nghĩ, sau khi nhận được chiếc máy đó lúc nào mặt ông cũng nở một nụ cười, như thể tất cả mọi lo toan cuộc sống đều là chuyện quá khứ. Bà đã hỏi ông về chiếc máy tính, nhưng ông đã gạt đi, nói rằng, “Anh có giải thích em cũng không hiểu đâu mà.” Chồng bà vô cùng thông thái, và bà cũng đã quen với lời giải thích

công thức này. Ellen không quan tâm trong máy tính có cái gì lắm; bà chỉ lo có bí mật nào đấy ẩn đằng sau vẻ mặt của chồng mình. Nhưng nụ cười vô lo của ông khiến bà nhận ra đây là nỗi sợ vô căn cứ. Bà từ bỏ việc tìm hiểu sâu hơn.

Ông cất chiếc máy tính ở một chỗ kỳ lạ – trong ngăn kéo nhà bếp. Giờ đây, lo lắng chuyện gì có thể đang xảy ra, Ellen nghĩ tới việc lấy máy ra bật nó lên. Tuy vậy, không như chồng mình, Ellen hoàn toàn mù tịt về máy móc. Và bà biết muốn ngó một cái mà không để lại dấu vết gì sẽ rất khó khăn.

Mel bật đèn tín hiệu lên và rẽ trái ở ngã tư. Ellen đã bắt đầu quay vào ngôi nhà ấm áp thì bỗng thấy một xe tải lớn chuyển động. Chiếc xe đen nãy giờ đỗ ven đường, và nó lăn bánh, không phải theo hướng xe chồng bà mà là về hướng bà. Và bà nhớ lại một điều bí hiểm nữa mà ông từng nói như đùa.

“Nếu có ai tới đây và cố xông vào,” ông nói, tay nhét chiếc máy tính vào ngăn kéo trong bếp, “em nhớ nấu luôn cái máy này.”

“Nấu cái máy?” bà hỏi lại.

“Ném nó vào lò vi sóng rồi bật lò,” Mel giải thích.

Chiếc xe tải đen lướt về phía bà, khựng lại ngay trước sân nhà họ. Nỗi bất an trong bà biến thành nỗi sợ. Những người bà chưa từng thấy bao giờ bước xuống khỏi xe, và đầu gối bà bủn rủn. Bà nhận ra cảnh tượng thường thấy trong phim giật gân cũng khá là thực tế. Bốn người đàn ông đang sải bước ngang qua sân trước nhà bà đều đeo kính râm và mặc đồ tối màu.

“Chào buổi sáng.”

Lời chào khàn khàn của người dẫn đầu không có chút thân thiện nào. Ellen lùi lại và vào được nhà.

“Bà có phiền không?” Nhóm người mặc kệ bà Ellen đang hoảng sợ và xông tới cửa. “Bà là bà Gardner?”

“Phải,” Ellen đáp lại.

“Đặc vụ Morrell của FBI,” người kia nói, đưa bà xem thẻ công vụ và ba người còn lại cũng nhanh chóng báo danh. “Xin lỗi đã làm phiền bà, nhưng bà có thể cho chúng tôi vào không?”

Đây chính là tình huống mà chồng bà đã nói. “Chuyện này là sao?” bà hỏi, cố giữ giọng mình không run.

“Đây là việc chồng bà.”

“Chồng tôi? Ông biết ông ấy là cố vấn khoa học cho tổng thống Hoa Kỳ chứ?”

“Đúng vậy. Chúng tôi biết rõ đây là tư gia của tiến sĩ Melvin Gardner. Đấy chính là lý do tôi hỏi.”

Lúc này, Ellen quan tâm tới việc kiểm tra mục đích của chuyến thăm này còn ít hơn cả việc làm theo chỉ dẫn của chồng. Gần bốn mươi năm cưới nhau, chồng bà luôn làm tất cả mọi thứ bà muốn. Đây là lúc đáp lại lòng tốt của ông.

“Chúng tôi có lệnh khám nhà. Tôi có thể nói chi tiết hơn khi vào trong. Chúng tôi có thể vào chứ?”

Thay vì gật đầu, Ellen sập cửa vào mặt họ. Bà nhanh tới mức còn không kịp nhìn xem biểu cảm của Morrell có thay đổi không. Bà vội vàng khóa cửa và chạy vào nhà. Ngoài cửa vang lên tiếng đập lớn, và bất ngờ hơn là cả cửa sau cũng có tiếng. Nhưng không có thời gian kiểm tra xem bà có nghe nhầm không, bà chạy thẳng vào bếp. Bà giật mở ngăn kéo bên bồn rửa và lôi chiếc máy tính đen ra. Như chồng chỉ dẫn, bà bỏ nó vào lò vi sóng và vặn nút. Những đốm lửa bắn tóe ra từ chiếc máy nhỏ như những tia chớp. Sợ rằng máy và cả cái lò có thể nổ tung, Ellen bước lùi lại. Nhưng rồi một cánh tay to tướng vươn ra tắt lò.

Sửng sốt, Ellen quay lại và thấy tám người đàn ông đứng đầy trong bếp. Chật chội tới mức bà cảm giác mình sẽ bị đè bẹp.

“Đùng can thiệp,” đặc vụ Morrell nói. “Bà sẽ chỉ đẩy chồng mình vào tình thế tồi tệ hơn thôi.”

Một trong số mấy người kia mở lò và lấy ra chiếc máy tính đang nấu dở.

“Mel đã làm gì?” Ellen hỏi. “Ông ấy đã làm gì xúc phạm tới tổng thống sao?”

“Giờ ông ta đang bị tình nghi rò rỉ thông tin tối mật. Chúng tôi có chứng cứ.”

“Có phải ông ấy sẽ bị bắt?”

Morrell đợi một thoáng, rồi gật đầu. “Đúng vậy. Ông ta đang bị bắt giữ ngay lúc này đây.”

“Nhưng cho dù có biến mất một thời gian, ông ấy sẽ trở lại sau vài ngày.”

“Hử?” Người chấp pháp kia bỗng tỏ vẻ hứng thú. “Tại sao bà lại nói vậy?”

“Ông ấy nói vậy trước khi đi. ‘Anh sẽ trở lại sau vài ngày nữa. Và chồng tôi luôn luôn đúng.” Niềm tin của Ellen vào chồng mình không thể suy chuyển. “Ông ấy được trao Huân chương khoa học quốc gia, anh biết đấy. Đừng đánh giá thấp ông ấy.”

Ông chọn Phòng bản đồ cho cuộc họp của họ như một hành động thể hiện sự quý trọng cuối cùng dành cho vị cố vấn ông từng coi là bạn. Không giống như Phòng bầu dục và Phòng nội các, Phòng bản đồ là nơi họ có thể trò chuyện trong bầu không khí thoải mái hơn.

Tổng thống Burns sải bước dọc hành lang tầng một của Nhà Trắng và mở cửa tới căn phòng nơi cố vấn khoa học và kỹ thuật của ông đang đợi. Tiến sĩ Gardner ngồi trên một trong hai chiếc ghế bành Chippendale bên lò sưởi. Còng tay của ông đã được tháo. Mặc dù đang trên đường bị chuyển giao cho FBI, trông ông vẫn thoải mái và không chút xáo trộn. Thực ra, ông còn có thái độ đường hoàng rất phù hợp với nội thất Rococo trong phòng. Sự nghiệp huy hoàng của Gardner có thể đang đổ sập xuống quanh ông, nhưng Burns thấy vẻ bình tĩnh của ông ta quả kỳ lạ.

Burns để vệ sĩ đợi bên ngoài, và khi chỉ còn ông cùng Gardner, ông ngồi xuống đối diện người kia. Burns vắt tréo chân, thở dài và chậm rãi nói.

“Giáo sư, thế này là sao?”

Gardner đáp lời, giọng vẫn lịch sự như mọi khi. “Tôi cũng không rõ, ngài tổng thống. Một câu hỏi rất hay – chuyện này là *sao*?”

“Theo như báo cáo mà tôi nhận được, ông bị tình nghi rò rỉ bí mật về chiến dịch Thần báo thù.”

“Tôi sẽ bị đưa ra tòa chứ?”

“Nếu mọi thứ tiếp diễn như thế này, thì có,” Burns nói và nhìn ông vẻ lo lắng. Ông muốn tiến sĩ Gardner biết rằng mình đang được đối xử một cách vô cùng nhân đạo trong tình cảnh này. Đích thân tổng thống đang cho ông ta cơ hội đưa ra một lời giải thích.

“Thứ duy nhất tôi có thể nghĩ tới là tôi đã đi trên đường Broadway ở New York tối thứ Bảy ấy. Nhưng điều đó không chứng minh được gì. Nếu ra tòa, tôi sẽ được chứng minh vô tội.”

“Tình hình nghiêm trọng hơn ông tưởng nhiều.” Burns không rõ mình nên giải thích bao nhiêu. Một chương trình tiếp cận đặc biệt khác do ông khởi xướng cho phép NSA hợp tác với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông tư nhân nghe lén tất cả các liên lạc nội địa mà không cần lệnh tòa án. Hành động phản nghịch của Gardner đã bị ghi lại trong đường dây nghe lén ấy.

“Ngài đang nói rằng chứng cứ đã được tìm ra nhờ vào một phương thức mà tôi không thể hình dung được?”

Burns mở miệng, chuẩn bị xác nhận điều này mà không hé lộ chi tiết, thì Gardner nhắc lại, “Ngài chắc chắn mình có bằng chứng?”

Giọng cương quyết khác hẳn ngày thường của Gardner khiến Burns ngờ vực. Đây không giống như một kẻ tình nghi đột nhiên trở nên hùng hổ vào phút cuối. Burns trở nên thận trọng. Ông nhìn con người bình tĩnh này với vẻ hồ nghi và nói tiếp. “Ông có vẻ vô cùng nghi ngờ việc chúng tôi nắm được bằng chứng phạm tội của mình.”

Một nụ cười nở ra trên mặt Gardner. “Tôi biết ngài rất bận, nhưng tôi băn khoăn liệu ngài có thể dành chút thời gian lắng nghe cái sở thích nho nhỏ này của tôi không.”

Burns nhìn đồng hồ. Ông cần tới cuộc họp tiếp theo với đại diện của Bộ ngoại giao, người đã soạn sách trắng về nhân quyền sắp tới cho họ. Họ phải cân nhắc xem Hoa Kỳ nên chỉ trích việc vi phạm nhân quyền của Trung Quốc và Bắc Triều Tiên như thế nào. Nhưng ông không thể nào rũ bỏ cảm giác Gardner đang ngầm đưa ra một lời đe dọa. “Được rồi,” cuối cùng, Burns lên tiếng. “Tôi cho ông năm phút.”

“Từ ngày còn nhỏ, tôi đã thích nghịch ngợm các loại máy móc,“ Gardner bắt đầu. “Ngay cả bây giờ, điều tôi thích thú nhất là mua linh kiện rồi tự tay lắp ráp máy tính cho mình. Tuần trước, tôi vào vài cửa hàng điện tử, mua một CPU và ổ cứng. Chúng đều là linh kiện mới, và tôi chọn hoàn toàn ngẫu nhiên.”

“Ngẫu nhiên,” Burns lặp lại cái từ khiến người ta có cảm giác bất an ấy.

“Chính xác. Tôi trở về nhà, lắp máy từ những linh kiện này, cài đặt hệ điều hành rồi mua bản vá an ninh mới nhất và lưu nó trên một ổ cứng ngoài. Tôi cũng cài đặt phần mềm an ninh khác nữa. Tôi chạy chương trình quét virus, nhưng tất nhiên là không tìm thấy gì bởi máy còn mới tinh và chưa từng được kết nối với đường dây bên ngoài.” Gardner giơ ngón trỏ lên để thu hút sự chú ý của ngài tổng thống. “Đây là phần quan trọng đây. Tôi nhập một tin nhắn ngắn tạo ra trên một máy tính khác vào máy mới. Một tin nhắn bằng tiếng Nhật mà tôi tạo ra nhờ một chương trình dịch thuật phổ biến. Một bản dịch thô thiển tôi tạo ra đề phòng trường hợp chúng tôi cần liên lạc khẩn cấp với bên Nhật. Sau đó, tôi phát hiện ra người này có thể nói tiếng Anh, nên việc đó quả là lãng phí thời gian.”

Burns đợi Gardner thú tội vào lúc này, và ông lặng lẽ chờ vị cố vấn nói tiếp.

“Bước cuối cùng để máy sẵn sàng, tôi nối nó vào một bộ định tuyến. Tôi cài đặt một hệ thống cảnh báo để theo dõi mọi liên lạc. Rồi tôi kết nối chiếc máy tính mới tinh này vào mạng. Tôi không vào bất cứ trang mạng nào hay gửi nhận thư từ gì; tôi chỉ để nó đó một lúc và rồi cắt đường truyền. Nhưng ngạc nhiên thay, vì một lý do nào đó, nó tự động gửi lời nhắn tôi viết bằng tiếng Nhật đi. Tôi kiểm tra hệ thống cảnh báo, nhưng không hề có dấu vết bị tấn công zero-day.”

Gardner ngước lên quan sát phản ứng của ngài tổng thống. Burns gần như không biết chút gì về công nghệ số, nên ông không thể hoàn toàn nắm được lời giải thích của Gardner, nhưng có một điều ông không hiểu nhất: việc Gardner chưa từng gửi hoặc nhận thư điện tử. Nếu vậy, làm sao NSA lại có thể nắm được chứng cứ chống lại ông

ta?

“Tin nhắn mà chúng ta nói đến được lưu trong một chiếc máy tính mới tinh, và mặc dù máy tính được kết nối với mạng, không có một trang web nào được truy cập và không có liên lạc nào được tiến hành. Và không có bất cứ cuộc tấn công mạng nào nhằm lợi dụng lỗ hổng chưa được biết đến. Bất chấp tất cả, người ta vẫn tìm được bằng chứng từ máy tính của tôi, như vậy về mặt kỹ thuật mà nói, chỉ có duy nhất một cách. Chắc chắn phải có một cửa sau được cài vào mọi hệ điều hành sản xuất ở Mỹ và sử dụng trên toàn thế giới – một cửa sau cho phép các cơ quan tình báo Hoa Kỳ truy cập.”

Một sự cẩn trọng theo bản năng khiến Burns như đông cứng. Ông giữ vẻ mặt nghiêm túc, không nhướng lấy một phần lông mày đáp lại, xóa bỏ mọi dấu vết suy nghĩ của mình.

“Nếu bị đưa lên tòa, tôi nghĩ mình sẽ nhắc lại câu chuyện vừa kể cho ngài. Đồng thời cũng chiếu cả đoạn video tôi quay toàn bộ quá trình nữa.”

Burns không thể đánh giá liệu lời giải thích kỹ thuật của Gardner có chính xác hay không. Vẻ ngoài bình tĩnh kia có thể chỉ là vẻ ngoài. Burns cân nhắc thiệt hơn. Gardner có thể được đưa ra tòa án quân sự bí mật, nhưng nhốt ông ta lại cả đời sẽ không phải việc dễ dàng. Tuy nhiên, nếu loại bỏ Gardner khỏi chiến dịch Thần báo thù và vòng thân cận của tổng thống, mối đe dọa sẽ nhanh chóng bị loại bỏ. Không phải thế là đủ sao?

“Hẳn là có nhầm lẫn gì đó,” Burns nói. “Tôi không nghĩ có đủ chứng cứ để bắt giữ ông.”

“Tôi có thể tin ngài chứ?”

“Tất nhiên rồi. Ta hãy mời bộ trưởng Bộ tư pháp vào đây và hoàn thiện thủ tục bác bỏ cáo trạng. Chúng tôi sẽ không khiến ông chịu trách nhiệm trong vụ việc này. Ông có thể tin lời tôi.”

Gardner vẫn có vẻ chưa bị thuyết phục, vậy nên Burns đứng dậy, nhìn ra ngoài hành lang và gọi chánh văn phòng Acres. Burns ra lệnh ông ta viết thông báo bác bỏ cáo buộc đối với Gardner, và Acres cùng nhân viên FBI đứng bên đều lộ vẻ khó hiểu. Burns đóng cửa và trở lại

bên lò sưởi. “Như thế sẽ giúp ông trở về nhà sớm.”

“Rất cảm ơn ngài,” người thắng Huân chương khoa học quốc gia đáp lại. “Tôi chắc hẳn vợ mình đang rất lo lắng.”

“Tôi vẫn sẽ phải bãi chức cố vấn của ông.”

“Tôi biết.”

Đàm phán kết thúc, Burns vắt tréo chân, cố bình tĩnh lại. Cơn giận của ông vì bị buộc phải nhận thua tan bớt đi bởi lòng ngưỡng mộ cú lừa ngoạn mục này. “Tôi băn khoăn liệu ông có thể dành chút thời gian lắng nghe điều tôi muốn nói bây giờ.”

Gardner gật đầu thận trọng. “Tất nhiên rồi.”

“Điều tôi sắp nói đây hoàn toàn là giả thiết,” Burns nhấn mạnh. Ông ta không có mục đích ngầm gì mà chỉ đơn giản là muốn thỏa mãn trí tò mò. “Giả sử có một nhà khoa học. Ông ta trải qua một cuộc kiểm tra lý lịch khắt khe và có được vị trí cao trong chính phủ. Ông ta khoảng sáu mươi tuổi, một con người ấm áp với thành tích tuyệt vời, được mọi người xung quanh kính trọng. Ông ta có lối sống rất giản dị so với một người ở vị trí này, không hề tham lam danh tiếng hay tiền bạc và quan tâm tới gia đình mình hơn hết thảy. Một công dân kiểu mẫu. Nhưng vì một lý do gì đó, người này phản bội tổ quốc của mình. Ông ta không có động cơ tiền bạc hay của cải, và cũng không bị tống tiền vì bí ẩn đen tối nào đó. Vậy thì tại sao ông ta lại làm vậy? Tại sao lại làm một điều nguy hiểm đến thế?”

“Có lẽ là vì ông ta được đền đáp khá.”

“Nhưng theo như điều tra, tài sản của ông ta không tăng lên lấy một xu. Và ông ta cũng không nhận được bất cứ lợi lộc nào khác – đồ ăn ngon, rượu đắt tiền, gái gú hay vị trí cao sang gì đó. Ông ta bán đứng đất nước mình mà không được gì đổi lại.”

“Ngài tổng thống, có vẻ ông không hiểu các nhà khoa học rồi. Chúng tôi là một loại người đặc biệt tham lam.”

Gardner nhìn thẳng vào Burns. Tổng thống nhận ra rằng, ánh mắt nhà khoa học đã thay đổi.

“Khao khát bản năng của chúng tôi là khao khát tri thức. Nó cũng mạnh mẽ như, hoặc có lẽ còn mạnh mẽ hơn, khao khát của người

bình thường đối với thức ăn hoặc tình dục. Chúng tôi có một khao khát bẩm sinh được biết." Trong khi nói, mắt nhà khoa học như lấp lánh. Burns sững sờ trước vẻ hung hãn, đói khát trong mắt ông. Melvin Gardner đã gỡ xuống tấm mặt nạ thường đeo, tấm mặt nạ một người trung thành, chân thực, và giờ đang để lộ rõ bản chất của mình. Và Gardner không hề sở hữu loại gian xảo bề mặt như những tay đàn ông tham lam theo đuổi điên cuồng cuộc chơi tiền bạc. Thay vào đó, ông ta để khao khát mạnh mẽ khác thường đó lộ ra, thành thật và cởi mở, không chút giấu giếm.

"Hơn tất thảy những người khác, chúng tôi muốn hiểu những câu đố ẩn trong số nguyên tố, một định lý có thể miêu tả toàn bộ vũ trụ, bí mật của khởi nguồn sự sống. Nhưng đó không phải những gì tôi thực sự muốn biết. Tôi muốn biết về con người. Liệu rằng não bộ loài Homo sapiens có năng lực giải thích vũ trụ không, hay nó sẽ không bao giờ hiểu nổi. Liệu trong cuộc chiến não bộ này, với tự nhiên là đối thủ, chúng ta có khả năng tới ngày nào đó chiến thắng không."

"Và ông đã tìm được câu trả lời?"

"Phải. Một chiếc máy tính nhỏ được gửi tới cho tôi. Từ đâu thì tôi không rõ. Tôi dùng nó để liên lạc, và ai đó ở đầu dây bên kia cho tôi những câu trả lời ấy. Đầu tiên, tôi nghĩ đó chỉ là trò đùa, nhưng dần dần tôi nhận ra mình đang đối mặt với một trí tuệ đáng sợ, và tôi đã tin. Nguyên lý vị nhân mà vài nhà vật lý học chủ trương chỉ đơn giản là tính vị kỷ. Kẻ có thể hiểu đúng vũ trụ không phải là người. Vẫn còn có kẻ tới sau chúng ta."

"Ông đang nói với tôi rằng, người liên lạc với ông chính là... Nous?" Burns nói, dùng mật danh của sinh vật ông đã hạ lệnh giết.

Gardner không trả lời. "Làm ơn, ngài tổng thống, hãy để tôi thực hiện nhiệm vụ cuối cùng với tư cách cố vấn khoa học. Ngài biết đấy, khoảng năm mươi năm trước, tổng thống Truman hỏi Albert Einstein, trong trường hợp người ngoài hành tinh hạ cánh xuống trái đất, họ nên đối phó thế nào. Einstein khuyên ông ta rằng không nên tấn công. Ngài không thể đánh bại sự sống sở hữu trí tuệ vượt quá loài

người.”

Có phải ông và các nhân viên dưới quyền đang đánh giá thấp mối đe dọa sinh học đột nhiên xuất hiện ở Trung Phi? Burns băn khoăn. Ông ngồi thẳng dậy để nhìn xuống đối thủ của mình – thói quen luôn làm khi thấy lo lắng. “Vậy thì, có phải ông đang ám chỉ rằng chiến dịch Thần báo thù là một sai lầm?”

“Đúng thế. Quyết định giết loại trí tuệ mới xuất hiện trên trái đất này của ngài là một sai lầm hoàn toàn. Ngài nên đình chỉ chiến dịch Thần báo thù ngay lập tức.”

Kể từ khi Burns lên nắm quyền, chưa từng có ai nói chuyện với ông như thế này. “Vậy là,” ông lạnh lùng nói. “Đó là lý do ông cố cứu Nous? Thậm chí nếu điều ấy đồng nghĩa với việc phản quốc?”

Gardner lắc đầu buồn bã, như thể khó chịu vì sự thiếu tin tưởng và thiếu khoan dung hết thuốc chữa này. “Tôi không làm điều này chỉ vì đất nước mà vì cả nhân loại. Nếu tấn công Nous, nó sẽ dùng tất cả sức mạnh của mình để phản kích, cứu lấy nòi giống mình. Và nếu chuyện đó xảy ra, chúng ta sẽ bị xóa sổ.”

“Hủy diệt?”

“Còn phụ thuộc vào việc nó trở nên bạo lực tới mức nào.”

Để phá vỡ bầu không khí đầy áp bức, Burns cố pha trò. “Nếu nó cũng có đạo đức như chúng ta, chẳng có gì phải lo cả.”

Có một thoáng khinh miệt trong mắt Gardner khi ông nhìn vào vị nguyên thủ quốc gia, nhưng nhanh chóng bị vẻ mệt mỏi thay thế. “Đầu tiên, đó cũng là điều tôi nghĩ. Nếu Nous thực sự là người tiến hóa, nó sẽ không cố xóa sổ ta ngay lập tức. Nó sẽ cần nắm bắt kiến thức và công nghệ mà nhân loại đã tích lũy được, và nó cũng cần đối tác sinh sản để nâng số lượng cá thể của giống loài nó, giả định rằng giao phối giữa hai loài là khả thi. Nhưng chiến dịch Thần báo thù đã đặt chúng ta vào tình thế nguy hiểm. Nếu những sinh vật thông thái phát hiện ra rằng có những kẻ trên thế giới này đang cố giết mình, ngài nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra?”

“Tôi không thể tưởng tượng nổi.”

“Cũng dễ thôi. Hãy nghĩ đến một đứa trẻ loài người. Gia đình là

thế giới duy nhất của đứa bé đó. Nó sẽ phản ứng ra sao nếu phát hiện ra một kẻ địch trong gia đình đang khủng bố nó? Nếu tâm trí yếu ớt, mong manh này bị ném vào một môi trường đầy bạo lực mà không có ai bảo vệ, chuyện gì sẽ xảy ra với nó?"

Như Gardner nói, Burns có thể dễ dàng tưởng tượng ra chuyện này. Ông nhớ lại bản thân mình khi còn là một đứa bé, và cha ông đứng sừng sững phía trên như một người khổng lồ. Một cơn giận không thể kiểm soát đối với Gardner trào lên vào giây phút ấy, từ sâu thẳm trong tiềm thức. "Ông đang nói rằng không một người tử tế nào có thể xuất hiện từ loại môi trường đó? Một nhà khoa học mà nói vậy có phải định kiến không."

"Tôi đang nói đến các yếu tố rủi ro. Nhiều người vượt qua được vấn đề trong môi trường của mình và trở thành công dân mẫu mực, đúng là vậy. Nhiều người thăng hoa sự giận dữ trong mình và trở nên thành công. Nhưng trong một số trường hợp, sự giận dữ mà họ nhắm vào thế giới bên ngoài kết nối với thiên hướng bạo lực bẩm sinh và họ phạm phải những tội ác tày trời. Loại người xách súng đến bắn đồng nghiệp ở chỗ làm. Họ muốn hủy hoại bản thân và thế giới. Chiến dịch Thần báo thù đang làm chính điều đó – gieo nỗi sợ, lo lắng và giận dữ vào trái tim Nous, cố gắng phá hủy lòng tự tôn của nó. Khắc vào đầu nó suy nghĩ rằng thế giới căm ghét nó. Nếu chiến dịch này tiếp tục, Nous sẽ lớn lên với trí tuệ siêu phàm kia không chút sây sát, nhưng với một tâm hồn tan nát." Ánh mắt của nhà khoa học găm vào tổng thống. "Điều đáng sợ không phải là trí tuệ, càng không phải là sức mạnh quân sự. Điều đáng sợ nhất trên thế giới này là tính cách của những người sử dụng hai thứ đó."

Sau cuốc xe bốn mươi phút trong chiếc Audi, Rubens tới trụ sở Cơ quan an ninh quốc gia NSA ở Fort Meade, Maryland. Anh đỗ lại ở một góc bãi đỗ xe mười bảy nghìn chỗ và nhìn lên tòa nhà chính cao sừng sững, biểu tượng của Crypto City. Đó là một tòa nhà bọc kính đen kịt, hình dáng thực sự lại ẩn ở bên trong. Cấu trúc kính đen bên ngoài và lá chắn phòng thủ bên trong không chỉ để ngăn chặn theo dõi lén từ

bên ngoài mà còn là thiết bị chống do thám dùng để chặn sóng điện từ và sóng âm từ trong tòa nhà lọt ra ngoài.

Rubens tới trạm kiểm tra dành cho khách, vượt qua cuộc kiểm tra danh tính khắt khe và được cấp một tấm thẻ có đề "khách ưu tiên", dành cho các vị khách quan trọng. Một người mập mạp, vẫn đang đứng chờ một bên như thể đợi anh xong việc, tiến lại gần. "Anh Rubens? Tôi là Logan ở Nhóm W."

Một nhân viên Ban điều hành chiến dịch NSA. Tên đầy đủ của Nhóm W là văn phòng Vấn đề toàn cầu và hệ thống vũ khí. Logan đeo một tấm thẻ xanh dương, chứng tỏ anh ta có quyền truy cập các mật mã cấp cao nhất. "Làm ơn đi đường này," anh ta nói, mở khóa một cánh cửa xoay dẫn vào trong tòa nhà và ra hiệu cho Rubens đi theo. Họ đang tới Tòa điều hành 1. Những bức tường dọc hành lang treo đầy những cảnh báo về tầm quan trọng của việc đảm bảo an ninh.

"Nghe như các anh đang có vấn đề khá nghiêm trọng Logan nói trong khi họ bước đi.

Vụ Gardner. NSA đúng là biết hết mọi chuyện. "Các anh có nghe tin gì về lý do bác bỏ cáo trạng không?"

"Đó là phần mà chúng tôi không hề hay biết."

Tiến sĩ Gardner hẳn đã cảm thấy cuộc điều tra đã lần đến gần mình và nghĩ ra cách lật ngược thế cờ để trở về từ bờ vực thảm họa. Nhưng ông đã làm gì thì không ai rõ. Kể từ khi ông được thả mà không bị thẩm vấn, toàn bộ vụ việc như phủ lên một tấm màn bí mật. Ngoài ra, việc Gardner chuyển sang chống đối chiến dịch Thần báo thù chỉ là một cú sốc nhẹ với Rubens. Rõ ràng, Gardner đã kết luận rằng chiến dịch là một sai lầm to lớn.

Logan dừng lại giữa hành lang và gõ cửa một căn phòng. Bên trong là một bàn hội nghị, và ba nhân viên NSA đã ngồi sẵn ở đó. Tuổi họ từ hai mươi mấy tới bốn mươi mấy. Tất cả đều có thẻ màu xanh, và không ai mặc com lê. Sau vài câu chào hình thức, họ bắt đầu vào việc.

Người đầu tiên lên tiếng là nhân viên lớn tuổi nhất, một người tên Jurgenes. "Đây là chiếc máy tính tịch thu được từ nhà Melvin

Gardner. Nó là sản phẩm thị trường của Đài Loan, được bán hè năm ngoái tại một cửa hàng điện tử tại Tokyo. Tuy nhiên không thể tra ra ai là người mua nó."

"Còn nội dung?" Rubens hỏi.

"Ổ cứng bị hỏng nghiêm trọng do sóng điện từ."

"Liệu khôi phục lại có khó không? Tôi muốn xem bản ghi về bất cứ liên lạc nào."

"Tất cả dữ liệu đó đều đã bị hủy."

Rubens tiu nghỉu. Những gì Gardner và Nous đã thảo luận sẽ mãi mãi là bí mật.

"Tuy nhiên cũng có một điều," Jurgenes tiếp tục. "Phòng khoa học vật lý đã khôi phục được khoảng mười lăm megabyte dữ liệu."

"Có gì trong đó?"

"Chúng tôi xác định được vài thứ khá thú vị." Jurgenes nhường lời cho một trong mấy đồng nghiệp nói tiếp.

Durant, một người khoảng ba mươi mấy tuổi, tiếp tục câu chuyện. "Trong mười lăm megabyte dữ liệu đó, chúng tôi nghĩ là có một phần mã hệ điều hành. Nhưng đây không giống bất cứ hệ điều hành nào chúng tôi từng thấy."

"Có nghĩa là?"

"Thứ được cài trên chiếc máy kia là một hệ điều hành hoàn toàn khác lạ. Có lẽ là hệ thống được viết mới từ đầu để ngăn chặn việc xâm nhập vào máy tính. Tôi nghĩ, đó là lý do chiếc máy tính dùng để liên lạc giữa Congo và Nhật Bản không thể bị xâm nhập."

"Không có bất cứ điểm yếu nào lợi dụng được sao?"

"Đúng thế. Hệ thống đó an toàn vô cùng. Tôi nghĩ chiếc máy tính nhỏ được làm ra riêng cho mục đích liên lạc."

Cho dù liên lạc bị nghe trộm, mã hóa của nó cũng không thể phá vỡ. Người cố bẻ khóa sẽ bị từ chối. Rubens muốn tìm hiểu ý định của tổ chức tình báo lớn nhất thế giới trước thử thách này. "Cách duy nhất còn lại là tìm tới nhà cung cấp dịch vụ và cắt liên lạc, phải không?"

"Đó là một cách, nhưng nếu người sử dụng chuyển sang nhà

mạng khác thì cũng chỉ là một vòng luẩn quẩn thôi."

Họ đã thử rồi.

"Còn gì nữa không?"

Jurgenes nở một nụ cười đầy ẩn ý. "Có mười hai megabyte thông tin còn lại. Fisher sẽ tóm tắt cho mọi người."

Fisher vẫn còn trong độ tuổi hai mươi và đeo một cặp kính dày. "Tôi đã sao chép mười hai megabyte dữ liệu lấy được từ máy tính ra đĩa."

Fisher đặt một đĩa CD lên mặt bàn. Trên mặt đĩa in chữ VRK, một ký hiệu phân loại bí mật.

"Ký hiệu này có nghĩa là nội dung bị hạn chế chặt chẽ, Fisher giải thích vẻ lo lắng. Anh ta trông chỉ như một sinh viên, nhưng hiển nhiên là một nhà toán học. "Mọi người có muốn xem nội dung không? Tuy vậy, tôi không nghĩ là mọi người có thể hiểu nhiều."

"Trong đó có ghi gì?"

"Một dãy số ngẫu nhiên."

"Gì cơ?" Rubens thốt lên.

"Tôi nghĩ là những số giả ngẫu nhiên, nhưng không rõ thuật toán nào tạo ra nó."

Thật đáng ngạc nhiên. Như một đứa trẻ nhận được món quà Giáng sinh hơn hẳn những gì nó từng tưởng tượng, Rubens nhìn chằm chằm vào chiếc đĩa. "Vậy đây là chìa khóa giải mã?"

"Đúng vậy. Họ sử dụng các số ngẫu nhiên này để khóa và giải mã văn bản. Tôi đã áp dụng dãy số ngẫu nhiên này vào tất cả các liên lạc chúng ta đã bắt được tới hiện tại."

"Và? Anh có giải mã được gì không?"

"Không được chút gì cả."

Rubens không thất vọng. Anh hiểu ý định của NSA. "Nhưng nếu dùng dãy số này, anh có thể phá giải bất cứ liên lạc nào trong tương lai?"

"Đúng vậy."

"Nói cách khác, chúng ta đánh úp họ," Jurgenes nói. "Tôi khuyên mọi người nên để liên lạc giữa Congo và Nhật Bản tiếp tục. Chúng ta

nghe lén mọi trao đổi, và đến lúc nào đó chắc sẽ thu được thông tin có giá trị. Ví dụ như vị trí hiện tại của quân địch."

Mười hai megabyte thông tin tương đương với vài tá sách in. Chiến dịch đã bắt đầu vượt khỏi tầm kiểm soát, nhưng giờ đây có vẻ họ đã lại nắm nó trong tay. "Ừ. Hãy làm theo hướng đó," Rubens nói. "Cảm ơn vì sự giúp đỡ của mọi người."

"Không có gì," Jurgenes mỉm cười nói. "Còn một chút thông tin hữu ích nữa. Khoảng 6 giờ sáng hôm qua, liên lạc giữa Congo và Nhật Bản tăng lên mức chưa từng thấy."

Rubens tính toán chênh lệch thời gian. Đó là lúc ba nhóm vũ trang ở đông Congo đang đuổi theo Nous và nhóm người kia.

"Vậy anh nghĩ trung tâm điều khiển của kẻ địch nằm ở Nhật?"

"Đó là kết luận của chúng tôi. Tháp điều khiển, tạm gọi thế, đặt ở Nhật Bản, và đang gửi chỉ dẫn cho Nigel Pierce ở Congo."

Có phải Koga Kento đang điều hành chiến dịch giải cứu từ Nhật? CIA nghi ngờ có nhiều hơn một người đáng ngờ ở Nhật, mặc dù họ không thể xác minh điều này. Rubens nhớ lại câu hỏi đã quanh quẩn trong đầu anh suốt bấy lâu nay. "Tôi còn một câu hỏi nữa cho mọi người," anh nói.

"Cái gì thế?"

"Việc phát triển siêu máy tính."

"Nếu ý anh là Blue Gene, nó đã hoàn thành rồi," người thứ ba, Durant, đáp lại. "Chúng ta đã tới đích trước Nhật."

"Không phải máy đó nhằm để phát triển mấy thứ như cấu trúc ba chiều của protein sao?"

"Đó là năng lực tính toán mà chúng ta hướng tới. Nếu có thể hiểu cấu trúc chính xác của protein, chúng ta có thể kiểm soát hầu hết các bằng sáng chế y học. Nước Mỹ sẽ thống trị lĩnh vực y tế." Durant nhún vai. "Vấn đề là, cấu trúc sinh hóa học hóa ra còn phức tạp hơn chúng ta tưởng. Thậm chí với năng lực tính toán của Blue Gene, chúng ta cũng không đọ lại nổi.

"Vậy, ví dụ, chúng ta không thể xác định chính xác hình dạng của các thụ thể?"

“Không. Chúng ta thật sự không có đủ năng lực tính toán. Chỉ có thể hy vọng vào đột phá trong thuật toán, nhưng hiện tại điều đó là bất khả thi. Tôi ngờ rằng chúng ta còn cần khoảng hai mươi tới ba mươi năm mới tới trình độ ấy.”

Bởi Koga Kento đã bắt đầu tìm tòi cách phát triển thuốc chữa PAECS, khả năng cao là cậu ta sẽ thành công. Có trí tuệ của Nous tham gia vào, đây là điều chắc chắn. Báo cáo của cảnh sát Nhật đã chứng thực nghi ngờ của Rubens. Khi nhà Kento có nguy cơ bị lục soát do cha cậu ta có liên đới tới hành vi phạm tội nào đó, cậu ta đã hỏi cảnh sát một câu: “Có phải ông bị nghi trộm dữ liệu nghiên cứu không? Không phải phần mềm?”

Điều này ám chỉ rằng Koga Seiji đã để lại cho con trai một loại phần mềm gì đó. Có lẽ là một loại CADD – một chương trình thiết kế thuốc bằng mô phỏng máy tính. Nếu chương trình thực sự đưa đến được một loại thuốc chữa một căn bệnh y học hiện đại phải bó tay, điều ấy đồng nghĩa với việc họ đã đánh giá quá thấp năng lực trí tuệ của Nous. Chỉ mới ba tuổi, nó đã vượt quá giới hạn trí tuệ con người đến hàng năm ánh sáng.

Nhưng chuyện này thực sự là khả thi sao? Rubens bắt đầu cảm nhận được một nỗi sợ hãi bản năng trước sinh vật chưa biết đến này. Cùng lúc, một nỗi lo âu khác cũng ngóc đầu dậy. Không phải họ đang bỏ qua điểm mấu chốt gì sao?

“Mọi chuyện ổn chứ?” Durant hỏi Rubens đang lặng thinh. “Nếu anh có câu hỏi gì, chúng tôi rất vui được trả lời.”

“Đợi tôi một phút,” Rubens mỉm cười nói, cố gắng xác định nguồn con nỗi lo của mình.

Một căn bệnh hiểm nghèo chỉ có trẻ em mắc phải. Quá trình phát triển một loại thuốc đặc trị cho nó. Anh đã khảo sát kỹ càng cả hai điểm này. Một chiến thuật khiến một trong số mấy người lính đánh thuê, Jonathan Yeager, phản bội họ. Tuy nhiên, Rubens để dòng suy nghĩ của mình tiến xa thêm bước nữa. Chữa trị một căn bệnh như vậy là một chướng ngại khó vượt qua với Nous. Tại sao lại không chọn phương pháp đơn giản hơn? Thí dụ như dùng tiền mua chuộc

đám lính đánh thuê đó chẳng hạn? Hẳn là có một lý do khác khiến nó phải phát triển thứ thuốc này. Giây phút điều này xẹt qua tâm trí anh, Rubens cảm tưởng như trái tim mình dùng đập.

"Xin lỗi," Rubens nói, cố không để nỗi phấn khích lộ ra khi đứng lên. Anh hỏi nhà vệ sinh ở đâu, rời khỏi phòng hội nghị và đi dọc hành lang trống trải.

Rubens bước vào phòng vệ sinh nhỏ và đứng bên bồn cầu, cân nhắc thế lưỡng nan đạo đức mà anh đột nhiên phải đối mặt.

Nếu theo đuổi kế hoạch ứng phó khẩn cấp của chiến dịch Thần báo thù và bắt giữ Koga Kento, quá trình phát triển thuốc sẽ bị buộc phải ngừng lại. Điều này sẽ gián tiếp dẫn tới cái chết của những đứa bé đang vật lộn với căn bệnh quái ác. Trên toàn thế giới, có khoảng một trăm nghìn trẻ em mắc bệnh PAECS, tương đương với số người chết trong cuộc chiến Iraq mà chính quyền Burns đã khơi mào.

Vậy mấy người sẽ làm gì đây? Rubens nghe thấy câu hỏi vô thanh này. Nous đã bắt một trăm nghìn người làm con tin mà không gây ra bất cứ tổn thương nào cho họ. Và bằng cách đó, nó thử thách lương tâm của đối thủ, hỏi phe Rubens có muốn cản trở công việc của Koga Kento và quay lưng lại với những đứa bé mắc bệnh hay không.

Lần đầu tiên trong đời, Rubens đối mặt với một trí tuệ tuyệt đỉnh khiến anh run rẩy. Họ có thể vắt óc nghĩ ra chiến thuật, nhưng phản ứng của Nous luôn luôn sắc sảo hơn, chuẩn xác hơn họ có thể lường tới. Và mọi phương thức phản kích của nó đều đã được vạch ra sẵn từ trước cả khi chiến dịch Thần báo thù đi vào hoạt động. Càng thấy mình bất lợi, Rubens càng mất kiên nhẫn và càng lao vào hướng nguy hiểm.

Không phải chúng ta nên xử Nous sao? Để nó sống quá nguy hiểm.

Jonathan Yeager có hiểu chuyện gì đang xảy ra không? Rằng bản năng động vật bảo vệ con mình của anh ta đang bị Nous thao túng?

Rubens rời phòng vệ sinh, rửa mặt và cảm thấy sảng khoái hơn. Việc dùng các biện pháp phản gián nhắm vào Koga Kento ở Nhật vượt quá quyền hạn của anh. Anh có thể tư vấn cho Eldridge, giám

đốc điều hành chiến dịch, dừng chúng lại, nhưng anh không nghĩ ông thần quan liêu số một kia sẽ lắng nghe mình. Eldridge không phiền phải hy sinh một trăm nghìn đứa trẻ miễn là không làm phật lòng tổng thống Burns. Hồi nội các phê duyệt cuộc xâm lược Iraq cũng giống như vậy. Họ không quan tâm có bao nhiêu người phải chết, miễn là bảo vệ được quyền lực và địa vị của mình.

Vậy thì chỉ có một cách duy nhất để bảo vệ những đứa trẻ bệnh tật ấy, Rubens kết luận – hoàn thành mục đích ban đầu của chiến dịch Thần báo thù. Tiêu diệt Nous, và một khi mối đe dọa đối với Hợp chủng quốc đã được giải quyết, chắc hẳn họ sẽ từ bỏ cuộc điều tra cậu sinh viên cao học người Nhật kia.

Khi anh trở lại phòng họp, Jurgenes đang cầm một chiếc điện thoại STE bảo mật, một điện thoại số có khả năng mã hóa cuộc hội thoại trong thời gian thực. “Anh có cuộc gọi đến,” ông ta nói.

“Cảm ơn,” Rubens nói và cầm máy. Là Avery, đại diện của DIA, gọi tới từ trung tâm điều hành.

“Tôi không thể liên hệ với Eldridge, không biết ông ấy có ở chỗ anh,” Avery nói.

Đây là mật khẩu rất sơ đẳng họ đã thỏa thuận trước. Nếu Nous có nghe được cuộc trò chuyện, nó cũng không thể xác định được ý nghĩa.

“Không,” Rubens đáp lại, và Avery thản nhiên nói, “Có lẽ ông ấy đi xem phim.”

Vậy là kế hoạch ứng phó khẩn cấp của chiến dịch Thần báo thù đã tiến vào giai đoạn hai. Nếu Eldridge “đi bảo tàng”, tức là đã có vấn đề phát sinh. “Phim” có nghĩa là tất cả chuẩn bị cho chiến dịch đã hoàn tất.

“Chúng ta cần có sự phê chuẩn của giám đốc,” Avery nói, yêu cầu Rubens thông qua.

“Nếu không phải là vấn đề gì gấp gáp, cứ tiến hành đi.”

“Được,” Avery nói rồi cúp máy.

Cuộc hội thoại ngắn này khởi động cuộc rà soát thứ hai của lực lượng không quân Mỹ đóng tại Kenya. Họ đã chuẩn bị cho nó mà

không sử dụng các kênh thông tin liên lạc bình thường, vậy nên nguy cơ Nous đánh hơi ra được là khá thấp. Sau chiến dịch này, khả năng cao là Nous, nhà nhân học và nhóm lính đánh thuê đều sẽ bị tiêu diệt.

Rubens tưởng tượng thi thể họ mục rữa trong rừng. Anh cố gắng hết sức để gọi ra trong mình nỗi xấu hổ. Anh hy vọng mình sẽ không bao giờ quen với loại công việc phải hạ lệnh giết người. Anh thực tình không muốn trở thành Gregory S. Burns thứ hai. Nhưng anh biết mình đang chỉ lừa dối mình, và anh dứt khoát gạt bỏ mọi mặc cảm tội lỗi khỏi tâm trí. Đây là cách duy nhất để cứu sống một trăm nghìn đứa trẻ bị bệnh. Và trong số đó có Justin Yeager. Jonathan Yeager sẽ chết để đổi lại mạng sống cho con mình.

“Pierce, dậy mau.”

5 giờ sáng, Yeager đang giữ nhiệm vụ canh gác lay nhà nhân học đang cuộn mình trên thảm lá tỉnh dậy. Pierce khẽ rên lên và mở mắt. Những người còn lại và Akili vẫn đang ngủ.

“Gì vậy?” Pierce cau có hỏi.

“Tôi nghe thấy tiếng trống,” Yeager hạ giọng nói, và Pierce nhìn về bóng tối ở phía đông. Một tiếng gõ trầm thấp xuyên qua khu rừng trước hùng đông tới tai họ.

“Ông nghe ra chứ”

Pierce lắng nghe âm thanh mờ nhạt, nhưng rồi lắc đầu. “Xa quá.”

Hôm qua, họ khó khăn lắm mới cắt đuôi được đám quân vũ trang, nhưng đã bị đẩy vào sâu trong rừng. Họ còn cách ngôi làng gần nhất mười lăm kilômét nữa.

“Đám phiến quân lại bắt đầu di chuyển?”

Pierce không trả lời mà rót chút nước từ bi đông ra tay vỗ lên mặt, rồi lấy chiếc máy tính nhỏ ra khỏi ba lô. Như nhận được một tín hiệu, Akili đang nằm cạnh ông ngồi dậy. Đôi mắt lớn của thằng bé tỏa sáng trong bóng tối. Chưa kịp nhận ra, Yeager đã vào tư thế phòng vệ.

Pierce bật máy và nhận được vài thông tin mới. Một thư điện tử từ “đồng minh” người Nhật.

“Có tin gì không?”

“Không có gì quan trọng. Chỉ là thư cho Akili.”

"Cho Akili?”

Pierce quay máy về phía Akili. Akili đeo tai nghe và nhìn màn hình.

Yeager bắt đầu đọc được biểu cảm của thằng bé thạo hơn. Bây giờ, đứa trẻ mặt mày kỳ lạ đang vui, như thể đang bị hớp hồn bởi một chương trình ti vi cho trẻ em nào đó. Yeager hứng thú ngó vào

màn hình và thấy một loại chữ viết kỳ lạ, không giống ký tự Latin.

"Gì vậy?"

Anh định hỏi Akili, nhưng Pierce đáp lại. "Thằng bé đang học tiếng."

"Tiếng gì vậy? Trung?"

"Đó là một loại chữ của tiếng Nhật."

Akili đeo tai nghe, thi thoảng lại gật đầu. Có vẻ nó cũng đang học nghe nói.

"Nghĩa là gì vậy?"

"Tôi không biết tiếng Nhật. A ri ga tô và sa yô na ra, chắc vậy?" Pierce đứng dậy và lắng nghe tiếng trống. "Nhưng chúng ta nên đi sớm thôi. Tôi có dự cảm không lành."

"Đồng ý."

Hai người tách nhau ra và đánh thức đồng đội. Họ đã ở trong rừng một tuần, và cả đám đều bắt đầu bốc mùi.

Yeager đưa Mick tới chỗ Akili đang chăm chú nhìn máy tính và bảo anh ta xem thử. "Đây có phải tiếng Nhật không?"

Mick nhìn dòng chữ. "Tôi nghĩ vậy," anh ta nói.

"Nó nói gì vậy?"

"Tôi chịu."

"Anh chịu? Không biết đọc à?"

Mick trừng mắt nhìn Yeager. "Trên màn hình toàn là kiến thức hóa học hoặc là số. Nhưng nội dung khó quá. Và một vài câu hơi kỳ quái."

"Anh không dịch lấy nổi một chữ à?"

"Không thể. Toàn là từ vựng chuyên ngành thôi." Mick nhìn Akili vẻ e ngại. "Não nó kiểu gì vậy?"

"Đừng phá thằng bé học," Pierce nói. Họ để yên cho đứa bé ba tuổi.

Họ nhanh chóng rửa ráy, ăn sáng và quan sát bản đồ để xác định lộ tuyến. Tiếng trống xuất phát từ hướng họ định đi, vậy nên họ không tới Komanda nữa mà đổi sang hướng đông nam, nhắm tới Beni. "Tại sân bay gần Beni chúng ta có thể sắp xếp một máy bay nhỏ

có đủ nhu yếu phẩm," Pierce thông báo.

Tiếng trống tiếp tục dồn dập trong khi họ chôn tất cả mọi dấu vết của khu trại và chuẩn bị lên đường, và Yeager đột nhiên thấy bất an. Tiếng trống kéo dài như thế này, truyền đi thông điệp từ ngôi làng này tới ngôi làng khác, thì hẳn phải có chuyện lớn gì xảy ra. Nhưng bất kể có cố lắng tai nghe đến thế nào, anh cũng không thấy tiếng súng hay ném bom.

Họ xốc ba lô lên, và Pierce giải thích tuyến đường định đi cho Esimo. Akili, mắt đang dính vào màn hình, đột nhiên bật dậy. Nó ra hiệu cho Pierce lại gần.

"Dữ liệu mới?" Pierce hỏi. Nhìn vào máy, vẻ mặt ông u ám đi trông thấy.

"Có chuyện gì xảy ra sao?" Garrett hỏi.

"Kế hoạch ứng phó khẩn cấp của chiến dịch Thần báo thù đã tiến vào giai đoạn hai. Một cuộc rà soát quy mô lớn," Pierce nói, lấy bản đồ ra và giải thích cho họ. "Năm nhóm vũ trang đã rời khỏi đường chính và tiến vào rừng. Tổng cộng là bốn nghìn tên. Họ hướng về phía tây, tìm kiếm chúng ta."

Ông chỉ vào đường đi của quân địch, con đường chạy qua phía bắc vị trí hiện tại của họ.

"Thế thì tốt cho ta rồi. Phía nam sẽ hoàn toàn trống. Chúng ta tiến thẳng tới Beni."

Pierce lắc đầu quả quyết. "Không. Không tốt chút nào cả. Tuyến đường đó cắt ngang khu trại của người Pygmy. Họ định đè bẹp nhóm Mbuti."

Mấy người lính liếc nhìn nhau. Họ đều nhớ lại câu chuyện kinh khủng được nghe trong buổi họp ban đầu. Về chuyện người Pygmy bị săn đuổi và ăn thịt.

"Đó là một cuộc diệt chủng," Pierce khổ sở nói. "Người Pygmy ở khu vực này có thể bị xóa sổ."

Có lẽ cảm nhận được chuyện gì đó không ổn, Esimo bắt đầu đặt câu hỏi bằng một giọng the thé. Akili nhìn dán mắt vào người cha đang cuống cuồng. Trong khi Pierce bắt đầu miễn cưỡng giải thích

tình hình, Garrett chậm rãi hỏi, “Chúng ta làm gì đây?”

“Chúng ta chẳng làm được gì cả,” Mick trả lời ngay lập tức. “Chúng ta không đánh được bốn nghìn quân.”

“Vậy thì chúng ta sẽ chỉ đứng nhìn đồng bào của Esimo và Akili bị giết hại?” Meyers hỏi.

“Đừng có ngu,” Mick nhổ ra. “Anh không nhớ chuyện hôm qua à? Chúng ta đứng nhìn dân làng Amanbere bị xóa sổ.” Gã cười khinh miệt. “Đúng là đạo đức giả.”

“Thằng khốn!” Meyers muốn tóm lấy Mick, nhưng một giọng nói the thé khiến anh khựng lại. Esimo, hai tay khua khua, đang phàn nàn về điều gì đó.

“Anh ta muốn quay lại.” Pierce dịch. “Anh ta muốn về với người của mình.”

Yeager lắc đầu. “Không được. Anh ta sẽ chết mất.”

“Chúng ta không thể làm gì sao?” Pierce lên tiếng thay cho Esimo và cơn giận đang chực bùng nổ trong anh ta. “Phải có cách cứu những người Pygmy ấy.”

“Điều duy nhất ta có thể làm là trốn đi,” Yeager nói. Xét đến sức mạnh và vị trí của kẻ địch, đó là lựa chọn duy nhất. “Nếu muốn cứu Akili, ta phải bỏ rơi những người Pygmy khác.”

“Đợi đã,” Garrett nói. “Mọi người dừng lại hít một hơi đã nào. Có một cách cứu được bộ lạc của Esimo.”

“Bằng cách nào?”

“Bật GPS lên.”

Mấy người lính lặng lẽ suy tính việc này, nhưng Pierce không hiểu. “Nếu bật GPS,” Garrett giải thích, “Zeta Security sẽ biết vị trí của chúng ta. Và thông tin đó sẽ qua Lầu Năm Góc tới lực lượng quân địch phía bắc chúng ta. Họ sẽ chuyển tuyến xuống phía nam và không đi qua khu trại của người Mbuti.”

Pierce hiểu, nhưng ông cũng nhận ra rủi ro trong đó. Vẻ mặt ông rầu rầu. “Nếu chuyện đó xảy ra, bốn nghìn quân sẽ hướng thẳng về phía chúng ta.”

“Tôi e là vậy.”

Yeager nhìn bản đồ và tính toán khoảng cách giữa họ và quân địch. “Toán quân gần nhất còn cách hơn mười kilômét nữa. Chúng ta có thể trốn thoát.”

“Anh nghĩ ta nên làm vậy sao?” Garrett hỏi.

“Làm đi,” Meyers đáp, chặn lại lời phản đối của Mick. “Nếu không muốn, anh có thể đi trước và trốn thoát một mình.”

Mick bặm miệng cười nhạt nhưng không ý kiến gì.

Garrett đặt ba lô xuống. Anh chỉ giữ lại tai nghe không dây và bỏ lại các thiết bị liên lạc vệ tinh không cần thiết khác. Anh cũng đỡ lấy một số thiết bị của Pierce để làm nhẹ gánh cho ông già. Garrett nhặt thiết bị GPS lên. “Tôi sẽ bật nó lên đúng mười giây,” anh ta nói. “Sau đó chúng ta biến. Đây sẽ là một cuộc đua với quân địch. Tôi sẽ đọc số GPS, ai đấy viết lại được không?”

Meyers lấy bút chì và một tập giấy chống nước ra. “Đọc đi.”

Garrett bật thiết bị lên và đọc to kinh độ, vĩ độ trên màn hình nhỏ. Khi Meyers hí hoáy ghi chép, Yeager trải bản đồ ra và suy tính vị trí hiện tại của họ. Ngay lúc đó, Zeta Security ở Nam Phi chắc hẳn đang vội vàng liên lạc với Lầu Năm Góc.

“Được rồi, ra khỏi đây thôi.”

Garrett tắt GPS, và mấy người lính trở lại đội hình hình thoi thường lệ đi về phía đông nam. Họ sẽ cố đi được nhiều hết mức có thể trong ngày hôm nay. Yeager đang giữ cánh phải, vừa kiểm tra một lượt cả khu vực xong thì bỗng vang lên một tiếng nổ lớn. Không chút cảnh báo, không cả tiếng rít của đạn pháo. Cơn sốc từ phía sau xuyên thẳng qua anh, và nhiệt độ cùng sóng xung kích đẩy anh bắn về phía trước.

Đầu anh đáp xuống một dòng suối nhỏ, và mặc dù mặt bị cào xước, anh vẫn tỉnh táo. Anh vỗ mạnh vào bên đầu mình, cố láy thính giác. Anh cố bò dậy và nhận ra chỗ mọi người vừa đứng, năm mươi mét phía sau lưng, đã trở thành một hố bom lổn nhổn bị khoét giữa cánh rừng, những bụi cây bị cán bẹp tỏa ra khắp phía từ tâm vụ nổ.

Anh vào vị trí nằm bắn, nhưng không biết kẻ địch khai hỏa từ đâu. Anh nhìn lên, thấy những cành cây phía trên mình đã gãy gục và

rùng mình. Kẻ địch ở trên không. Một máy bay do thám không người lái Predator, sáu trăm mét trên kia, đã thả một quả tên lửa Hellfire xuống họ. Người phi công thì ở căn cứ không quân tại Nevada, điều khiển chiếc máy bay không người lái từ bên kia thế giới như thể đang chơi một trò chơi.

Những người lính còn lại đã đổ sụp xuống đất, đang rên rỉ và chửi rủa.

"Akili! Akili!"

Esimo, đứng đầu đội hình và lành lặn nhất, hét gọi con trai mình. Cơ thể bé nhỏ của Akili đã văng khỏi tay Pierce, và nó đang ngồi trên một tầng lá rụng, khóc thảm thiết.

"Chăm sóc Pierce! Coi chừng cả máy bay không người lái!" Yeager hét lên với ba người còn lại. Rồi anh ném ba lô sang bên và phi tới chỗ Akili. Tán cây trên đầu đứa trẻ rất thưa, và không có gì che chắn tầm nhìn từ phía trên. Nếu máy quay hồng ngoại thu được hình nó, một tên lửa Hellfire nữa sẽ lại nhắm thẳng vào nó.

Yeager bế Akili lên tay, vội vã chạy ra sau một thân cây lớn và ngay tích tắc đó, vụ nổ thứ hai xảy ra. Đầu đạn rơi xuống bằng tốc độ siêu thanh, không tạo ra chút âm thanh nào cho tới khi chạm đất, chính xác tại vị trí Akili mới ngồi. Thân cây che chở cho họ, và họ sống được qua làn sóng và đám lửa, mặc dù bên trong nội tạng anh như bị sóng xung kích nhồi cho một trận.

"Predator chỉ mang được hai tên lửa thôi!" Meyers hét. Anh ta đang nằm sấp sau một thân cây khác. "Nó không bắn tiếp đâu! Nhưng đừng để nó thấy các anh!"

Yeager đang cố hết sức dỗ dành Akili. Như vẫn làm với Justin, anh ôm thằng bé trong tay và nhẹ nhàng đung đưa nó. Thằng bé cũng ấm áp và mềm mại như con mình, anh nhận ra. Anh xoa đầu nó, và một ý nghĩ đột nhiên xuất hiện trong anh: đứa trẻ này giống hệt như Justin. Đáng ra, nó cũng sẽ là một đứa trẻ bình thường nếu không phải do đột biến gene khiến nó phải trốn chạy để bảo toàn mạng sống. Không phải do lỗi của nó, cũng không phải mong muốn của nó.

"Akili! Akili!" Esimo hét lên khi chạy lại gần. Sau lưng anh ta,

Pierce và mấy người lính bị thương khập khễnh bước tới.

Yeager giao Akili vẫn còn đang run rẩy cho cha nó và quay sang Meyers. “Cậu ổn không?”

Máu đang rỉ ra từ khóe miệng Meyers. “Ừ. Chỉ là vết cắt nhỏ thôi.”

Cả hai người đều đang ù tai và phải hét lên. Meyers hạ túi cứu thương xuống đất và kiểm tra thương tích của những người khác. Akili, Esimo và Mick nhìn ngoài thì không có vết thương nào. Màng nhĩ của họ cũng ổn. Pierce, vừa bất tỉnh một lúc, cũng phải chịu những vết bầm và xây xước như Yeager, nhưng ông vẫn ổn. Người trông thảm nhất nhóm là Garrett, vốn đứng ở cuối đội hình. Bắp chân anh ta máu me be bét, da thịt bị mảnh bom xé toạc. May thay, ba lô của anh đã bảo vệ phần cơ thể còn lại.

“Không gãy xương nào. Và các mạch máu lớn đều ổn, Meyers nói khi kiểm tra Garrett. “Khi chúng ta cầm máu được là anh ổn thôi.”

“Anh nghĩ mình đi được không?” Yeager hỏi, và Garrett gật đầu.

Pierce, vẻ thất thần, lôi chiếc máy tính nhỏ để liên lạc ra. Ông ấn nút bật máy, và khi màn hình sáng lên, ông thở ra một hơi dài nhẹ nhõm. Chiếc máy nhỏ này, đối với tất cả bọn họ, chính là một sợi dây cứu mạng.

“Ngay khi băng bó xong cho Garrett, chúng ta sẽ ra khỏi đây,” Yeager nói và Mick xen vào.

“Chuyện quái gì đang xảy ra đây? Tôi tưởng chúng ta phải biết Lầu Năm Góc định giở trò gì!”

Pierce lại gần và ném cho Mick một cái nhìn khó chịu.

“Thông tin chúng ta thu về và xử lý được cũng có hạn thôi, Pierce nói. “Kẻ địch đang lợi dụng điểm mù của chúng ta.”

“Chết tiệt. Từ đầu ông đã chẳng biết cái gì rồi đúng không? Ông tin tưởng cái thằng kia, và chẳng có gì sẽ thành công cả.”

“Câm mồm, đồ khốn nạn kia!”

Nghe tiếng hét giận dữ của Pierce, kể cả Garrett đang được băng bó vết thương cũng nhìn lên ngạc nhiên.

“Chúng tôi đã làm hết sức có thể!” Pierce hét. “Một thằng đần

như anh không có quyền chỉ trích tôi!”

“Cái đéo gì vậy? Nói lại xem nào thằng đầu bò!”

Tiếng Anh của Mick không tốt, nhưng anh ta có vốn chửi thề vô cùng ấn tượng. Trận cãi vã nhanh chóng leo thang.

“Đủ rồi!” Yeager hét lên, xen vào giữa hai người. Anh bẻ tay Mick ra sau lưng và cố lôi anh ta đi. Nhưng vụ đánh nhau đã nhanh chóng kết thúc. Pierce, vẫn còn đang gào thét mấy lời đe dọa, đột nhiên nhăn mặt và khóc rống lên. Kể từ cuộc thảm sát ở làng Amanbere, mạng sống của ông đã bị đặt vào vòng nguy hiểm hết lần này đến lần khác, và tinh thần ông không thể chịu nổi nữa. Yeager vòng tay qua vai nhà nhân học và dẫn ông tránh xa khỏi những người còn lại.

“Tôi xin lỗi,” Pierce nói, cố nén tiếng sụt sùi. “Tôi biết tôi có vấn đề mà.”

“Ông chưa từng trải qua chuyện này. Hãy kiên trì. Nếu ông sụp đổ, chúng ta đều gặp rắc rối to.”

Pierce gật đầu và thở dài. “Tôi chưa từng biết chiến tranh có thể đáng sợ như thế này.”

Esimo tới gần, ôm Akili trong vòng tay. Anh ta lo lắng nhìn lên Pierce, và họ trao đổi vài lời. Esimo đang cố gắng an ủi bạn mình. Và anh ta bắt đầu nói với Yeager.

Pierce đã bằng cách nào đó bình tĩnh lại đủ để thông ngôn. “Anh ta nói, ‘Cảm ơn đã cứu con trai tôi.’”

Yeager bất ngờ khi mình vẫn còn cười được. Anh thấy bình tĩnh hơn một chút. “Không có gì đâu.”

Esimo mỉm cười đáp lại và nói gì đó với Pierce, có vẻ như là đang van nài gì đó. Pierce lắng nghe, vẻ mặt hoang mang.

“Anh ta nói gì vậy?

“Anh ta muốn đưa Akili trở lại với nhóm.”

Không thể được. Nếu Akili trở lại nơi cắm trại, tất cả mọi người sẽ bị giết. Dẫu biết họ đã quyết định hướng hành động, vậy mà Yeager vẫn thấy thông cảm với người cha bé xíu này. Số phận của anh ta là phải sống xa con trai mình. “Nói với anh ta thế này. Nếu đưa con trai trở lại trại, tất cả mọi người Mbuti đều sẽ gặp nguy

hiểm.”

Nỗi buồn bã, tuyệt vọng như một cơn sóng lớn trào lên trên gương mặt Esimo khi anh ta nghe tin. Anh ta nhìn xuống, và sau một thoáng lưỡng lự, có vẻ như đã hạ quyết tâm. “Nếu vậy, tôi có thể trở lại một mình không?”

Yeager hiểu nỗi giằng xé anh ta đang trải qua. Một mặt, Esimo muốn ở bên con trai, nhưng mặt khác, anh ta lo đến phát ốm cho các thành viên khác trong bộ lạc, những con người đã gắn liền mạng sống của bản thân với nhau, những người đã luôn kề vai sát cánh.

Yeager phải đối mặt với một vấn đề rất thực tế. Nếu không còn Esimo làm người dẫn đường, chuyện gì sẽ xảy ra? Anh quay sang Pierce. “Có tin gì mới không?”

Tay Pierce lướt trên bàn phím, mắt ông chăm chú nhìn màn hình. “Có báo cáo trinh sát từ một đơn vị gìn giữ hòa bình. Nhóm phiến quân phía bắc đang hướng về chỗ chúng ta. Họ đã phát tọa độ GPS của chúng ta trên sóng radio.”

Yeager kiểm tra bản đồ. Mốc lớn của họ trước khi tới thành phố Beni ở phía đông nam là sông Ibina ở phía nam, vậy nên họ có thể tìm đường mà không có Esimo giúp đỡ. Nhưng với đám máy bay Predator, tình hình đã tệ đi rất nhiều. Họ sẽ không có gì che chắn trên đầu khi cố qua dòng Ibina rộng lớn và trở thành bia cho tên lửa Hellfire. Nếu lực lượng của địch đuổi xuống từ phía bắc, chỉ tới bờ sông là họ sẽ hết đường.

Kiểu gì thì vai trò người dẫn đường của Esimo cũng đã kết thúc, và anh ta phải trở về bộ tộc. Muốn an toàn cho anh ta thì tốt nhất là để anh ta đi sớm. “Bảo anh ta có thể trở về khu trại. Nhưng trừ phi đi vòng về hướng tây, quân địch có thể thấy anh ta.”

Pierce dịch lời dặn dò này sang tiếng Kimbuti, và Esimo cảm ơn. Yeager quay lại chỗ mấy người kia, giải thích tình hình và cho họ chút thời gian tạm biệt.

Garrett và Meyers, thậm chí cả Mick, với vẻ mặt cau có, đều cảm ơn Esimo vì những gì anh ta đã làm. Những người lính sẽ không bao giờ quên người đàn ông Mbuti nhỏ bé này đã cứu mạng họ.

Esimo lần lượt bắt tay từng người. Pierce cúi xuống và ôm lấy anh ta. Dù đến từ hai thế giới đối ngược nhau, hai người này rõ ràng là bạn bè thân thiết.

Người đàn ông Mbuti cười ngượng ngùng suốt thời gian nói lời tạm biệt, nhưng khi chuẩn bị đi và giao lại Akili cho Pierce, một tiếng khóc ngắn, the thé bật ra khỏi họng anh, đem theo một nỗi buồn xuất phát từ tâm khảm.

Akili với tay ra, như thể để ngăn cha mình đi. Nước mắt chảy dài, Esimo bước đi, nhưng chỉ vài bước sau, anh quay lại nhìn Akili.

Mấy người lính đang quan sát cảnh này chợt sững sờ bởi một giọng nói bé xíu từ đứa trẻ dị dạng. Tới giờ, đứa trẻ chưa từng thốt ra dù chỉ một chữ, nhưng lúc này, trong vòng tay Pierce, miệng nó đang chuyển động, tuyệt vọng gọi cha mình.

"Epa..."

Đây không phải thứ âm thanh ngẫu nhiên, vô nghĩa từ miệng một đứa bé sơ sinh. Akili khó khăn phát âm đi phát âm lại một từ duy nhất.

"Epa... Epa..."

Mắt Pierce mở lớn, và rồi ông buồn bã lắc đầu, nói với mấy người lính.

“Trong ngôn ngữ của họ, epa có nghĩa là cha. Akili đang gọi ‘Bố ơi, bố ơi’.”

Yeager nghĩ đến con mình đang vật lộn với bệnh tật trong bệnh viện ở Lisbon. Khi Justin nằm đó, quằn quại đau đớn, tuyệt vọng hớp lấy không khí, hẳn thằng bé cũng đã gọi cha mình.

“Bảo Esimo thế này,” Yeager nói, cố gắng kiểm soát cảm xúc của mình. “Chúng ta sẽ bảo vệ Akili. Một ngày nào đó anh có thể gặp lại nó, nên là từ giờ đến lúc ấy, hãy chăm sóc bản thân.”

Nghe thấy điều này, Esimo lặp đi lặp lại câu “cảm ơn”, trao cho con một cái ôm cuối cùng và rồi chạy đi. Akili khóc tức tưởi, và mấy người lính lần lượt dỗ dành thằng bé.

Cuối cùng, khu rừng già nuốt chửng hình bóng Esimo, và đội lính đều cảm tưởng như tinh linh của khu rừng vốn bảo vệ họ đã biến

mất. Nhưng họ không có thời gian cho mấy cảm xúc lâm li bi thiết. Nếu không đi nhanh, kẻ địch sẽ đuổi kịp họ trong một tiếng nữa. Garrett đã được băng bó xong, và Yeager ra hiệu cho họ lên đường. “Đi thôi,” anh nói.

Garrett đứng dậy. “Anh ta quên thứ gì này,” anh nói và nhặt lên một chiếc lá lớn từ nền rừng. Bên trong chiếc lá cuộn lại là những hòn than mà Esimo trân quý.

“Với họ, ấy là ngọn lửa sự sống,” Pierce nói. “Tôi đã sống với người Pygmy một thời gian dài, và có một câu đố tôi chưa từng giải nổi. Tôi chưa từng thấy họ nhóm lửa bằng thứ gì khác ngoài than. Ngọn lửa ấy có lẽ đã cháy trong khu rừng này và được truyền lại từ hàng chục ngàn năm trước.”

Esimo đã quay về với người mình và ngọn lửa ấm áp của họ. Yeager cầu rằng ngọn lửa sự sống của người Pygmy sẽ cháy mãi mãi.

Kento rúc biệt trong căn phòng thí nghiệm tí hon của mình, cố chống lại cơn đói. Trên mặt bàn, hai chiếc máy tính cha cậu để lại đều đang bật và hoạt động.

Đồng hồ của GIFT vẫn tiếp tục đếm ngược. Tối mai cậu sẽ biết cấu trúc của thuốc mới.

Chiếc máy tính đen lại được kết nối với Congo. Như lần trước, cậu nhận một cuộc gọi từ Papi và được chỉ dẫn cách chuyển tiếp thông tin mới cho Nigel Pierce. Nhưng hình ảnh vệ tinh chỉ kéo dài mười lăm phút rồi bị cắt. Rồi nó xuất hiện lại, chỉ cho thấy tình hình ở Congo một cách ngắt quãng. Có vẻ họ đang sử dụng cùng lúc nhiều vệ tinh địa tĩnh, lần lượt đổi từ cái này qua cái khác. Và họ cũng đang sử dụng nhiều loại máy quay khác nhau, từ cảnh quay bình thường biến thành hình ảnh hồng ngoại rồi lại trở thành hình ảnh đơn sắc kỳ quặc.

Mỗi lần có hình ảnh cận cảnh đám cây cối, Kento nhìn chằm chằm vào màn hình, hy vọng thấy được thông tin gì mới, nhưng tán cây chắn tầm nhìn của cậu, và cậu không thể thấy thứ gì ẩn bên dưới.

“Không phải là có hình ảnh do thám chụp ở cao độ thấp sao?” Pierce hỏi cậu.

“Không, không có,” Kento đáp. Tất cả những gì cậu nhìn thấy là hình ảnh ở trên cao.

Sau đó chỉ còn im lặng. Chỉ một chốc sau khi hình ảnh trinh sát biến mất, điện thoại của Kento reo lên. “Ngoài vùng”, màn hình hiển thị. Cuộc gọi định kỳ từ Lisbon. Một lần nữa kinh ngạc bởi độ phủ sóng của liên lạc toàn cầu, Kento nghe máy.

“Đây là số liệu của ngày hôm nay,” giọng nói u sầu của Lydia Yeager vang lên.

Cô đọc chỉ số khí máu của Justin. Việc kiểm tra máu động mạch

cho thấy mức độ hoạt động của phổi Justin. Kento ghi lại ba chỉ số vào sổ.

“Tình hình chỗ cậu thế nào rồi?” Lydia hỏi.

“Việc phát triển thuốc vẫn đang tiến triển.”

“Tôi hy vọng sẽ sớm được nghe tin tốt,” Lydia nói và cúp máy.

Kento so sánh áp lực oxy trong động mạch cùng độ pH cô vừa cho và sử dụng đồ thị đường cong phân ly oxy-hemoglobin công bố trong một tài liệu chuyên ngành, tính toán độ bão hòa oxy trong mạch. Đây là thông số cho biết lượng oxy trong máu. Vào giai đoạn cuối của bệnh PAECS, phổi có hiện tượng xuất huyết, độ bão hòa oxy giảm nhanh, dẫn đến tử vong. Tỷ lệ giảm là cố định, vậy nên nếu ghi lại sự thay đổi các chỉ số, có thể tính vô cùng chính xác thời gian còn lại của người bệnh. Với Justin Yeager là mười bảy ngày. Nếu không uống thứ thuốc mới muộn nhất vào mồng 3 tháng Ba, giờ Nhật Bản, cậu bé sẽ chết.

Hạn mức thời gian cha đã đề ra cho cậu, cuối tháng Hai, đã tiên đoán chính xác tình trạng của Justin. Đây hẳn cũng là thành quả của một siêu trí tuệ.

Kento cũng muốn biết các chỉ số của Kobayashi Maika, nhưng bệnh viện của trường đại học đang bị giám sát, và cậu không thể liên lạc với bạn mình, bác sĩ Yoshihara. Tất cả những gì cậu có thể làm là cầu nguyện cô bé sẽ cầm cự được tới khi thuốc sẵn sàng.

Chiếc máy đen dùng để liên lạc phát ra một tiếng bíp ngắn. Cậu có thư. Một tin nhắn xuất hiện trên màn hình, và Kento gõ vào lời đáp dành cho Pierce ở đầu kia thế giới, nói rằng cậu có tin mới.

Pierce, hơi thở đứt quãng vì cuộc hành quân xuyên rừng, lên tiếng hỏi qua đường dây liên lạc, “Cậu đọc cho tôi nghe được không?”

Lời nhắn bằng tiếng Anh, và trong khi đọc, Kento ngầm dịch nó sang tiếng Nhật. Có vẻ là một đoạn ghi âm một thông điệp qua bộ đàm, nội dung là, “Không tìm thấy thi thể trong vùng nổ.”

“Được rồi. Cảm ơn cậu, Kento.”

“Cái gì vậy?”

“Là điện đàm của kẻ địch, bị lực lượng gìn giữ hòa bình bắt được,” Pierce đáp.

Kento lại về chế độ chờ. Cậu lưu lời nhắn rồi ngẩn ra nhìn chiếc máy nhỏ. Cậu sực nghĩ ra. Nếu chiếc máy có chức năng gửi thư điện tử, không phải nó sẽ có một bản sao các liên lạc trước đây?

Lý do cha cậu vướng vào chuyện này vẫn còn là bí mật. Và đây là cơ hội tuyệt vời để tìm kiếm lời đáp. Cậu bắt đầu lướt qua các thư mục trên máy, hệ điều hành kỳ lạ khiến thao tác trở nên chậm chạp. Cậu cẩn thận di chuột và truy cập các dữ liệu trên ổ cứng, và một cửa sổ mới nhảy ra cùng một bản danh sách tên bằng tiếng Anh dài dằng dặc. Không biết phải bắt đầu từ đâu, cậu đành mở chức năng tìm kiếm, gõ tên cha mình vào bằng chữ cái Latin và nhấn “tìm kiếm toàn văn”.

Một danh sách tập tin lập tức hiện ra, tất cả đều là báo cáo về lý lịch của cha cậu. Logo ở đầu các báo cáo đều mang dòng chữ giống hệt nhau: Defense Intelligenece Agenecy. Kento không nhận ra tên này, nên cậu mở kim từ điển ra để tra và được biết rằng đó là một tổ chức do thám của chính phủ Mỹ.

Nhưng tại sao tài liệu của một tổ chức do thám lại nằm trên máy tính này? Câu hỏi khiến cậu ngẩn người một lúc, nhưng rồi cũng hiểu ra. Papi hẳn đã xâm nhập vào mạng lưới liên lạc của chính phủ Mỹ và truy cập tài liệu của DIA. Nếu người đó có thể tải hình ảnh từ vệ tinh do thám quân sự về, việc này cũng dễ như ăn bánh.

Cậu đọc tiếp và thấy cả bài báo của cha mình trong đó, bằng tiếng Nhật. Bản báo cáo của ông sau cuộc điều tra về lây nhiễm virus ở người Pygmy tộc Mbuti. Chuyên viên phân tích của DIA đã thêm vào một ghi chú: “Cũng tại địa điểm và thời điểm này, tiến sĩ Nigel Pierce đang tiến hành công tác thực địa về nhân học.” Ra vậy, Kento nghĩ. Vậy là cha cậu và Pierce gặp nhau năm 1996 tại Zaire, tên cũ của Cộng hòa Dân chủ Congo. Trong báo cáo có một mục “Người ngoại quốc khác ở đây cùng thời điểm”. Kento đọc lướt qua danh sách, và khi nhìn thấy một cái tên Nhật nữa, cậu kêu lên.

Tiến sĩ Sakai Yuri

Vậy là người phụ nữ không có vẻ gì nổi bật này cũng ở đông Zaire vào lúc đó. Có phải bà ta cùng cha cậu đã gặp nhau ở cái nơi cách Nhật Bản nửa vòng thế giới kia? Kento có dự cảm xấu. Từ "lăng nhăng" mà mẹ cậu đã buột miệng nói ra trở lại trong tâm trí cậu.

Kento mở chức năng tìm kiếm và gõ tên bà tiến sĩ bí ẩn này vào. Một văn bản cùng một tấm ảnh hiện lên.

Kento săm soi bức hình. Người phụ nữ ở độ tuổi ba mươi mấy. Tấm ảnh chụp cho hộ chiếu hay giấy tờ tùy thân gì đó. Bà ta trông trẻ hơn cậu nhớ, nhưng khuôn mặt nhỏ nhắn không trang điểm chắc chắn là người phụ nữ cậu từng nói chuyện cùng trong khuôn viên trường.

Logo của báo cáo viết, CENTRAL INTELLIGeneCE AGeneCY. Tức là CIA cũng đã điều tra Sakai Yuri. Kento đọc bản báo cáo điều tra lý lịch.

Sakai Yuri, tiến sĩ y khoa
9 tháng 1, 1964: Sinh tại Meguro, Tokyo
1989: Tốt nghiệp Đại học Joshin, khoa Y
1991: Làm việc tại phòng khám tư nhân Sakai của cha

Tất cả đều khớp với thông tin mà ông phóng viên Sugai đã tìm ra. Tuy nhiên, phần còn lại của báo cáo có chứa thông tin mới.

1995: Tham gia tổ chức hỗ trợ y tế phi lợi nhuận quốc tế Cứu trợ y tế thế giới
1996: Tới miền Đông Zaire với tư cách thành viên tổ chức này; khi nội chiến bùng nổ, trở lại Nhật Bản
1998: Sau cái chết của cha, đóng cửa phòng khám Sakai và tham gia các chương trình hỗ trợ những người có hoàn cảnh khó khăn không được tiếp cận chăm sóc y tế đầy đủ
Thông tin khác:
Không có tiền án tại Nhật

Không có khó khăn tài chính
Báo cáo thuế xem dưới đây
Hồ sơ gia đình được đính kèm

Kento không chắc "hồ sơ gia đình" là ý gì, nên cậu kéo màn hình xuống dưới cho tới khi thấy một văn bản tiếng Nhật. Đó là hộ tịch. Một bản dịch tiếng Anh cũng được lưu kèm, nhưng tất nhiên là cậu không cần đến. Điều đầu tiên cậu muốn biết là địa chỉ hiện tại của bà ta, nhưng không hề có thông tin gì. Cậu tìm cả tên cha mẹ của Sakai cùng địa chỉ nhà của họ và bắt gặp một thông tin đáng kinh ngạc.

Theo như văn bản này, vào mồng 4 tháng Mười một, 1996, Sakai Yuri sinh ra một đứa trẻ. Không chỉ có vậy. Đó là một bé gái tên Ema. Cột tên cha để trống. Và không có thông tin gì về bất cứ lần hôn nhân nào. Nói cách khác, Sakai Yuri, chưa hề kết hôn, đã sinh con mà không cho biết thông tin về người cha. Không đời nào! Kento nghĩ. Ema sinh vào năm 1996. Cùng năm đó, bà ta cùng cha cậu, Seiji, đang ở Zaire.

Kento rên lên. Mối nghi ngờ cha mình đã ngoại tình được xác nhận theo cách tồi tệ nhất có thể. Cậu có em gái cùng cha khác mẹ. Khi còn sống, cha cậu thường trở về nhà muộn, nói với vợ rằng ông đang làm gia sư cho một đứa trẻ tự giam mình trong nhà, nhưng trên thực tế, ông đang đi thăm con gái mình. Cậu nhớ lại một điều củng cố vững chắc hơn phỏng đoán này. Vào đêm gặp Sakai Yuri, cậu đã cảm thấy trong chiếc xe minivan của bà ta còn có một người khác. Có lẽ đó là đứa trẻ.

Kento đọc các thông tin trên máy, tuyệt vọng tìm kiếm thứ gì đó phủ nhận điều này, nhưng đó là tất cả những gì cậu thấy.

Cậu đứng dậy và bắt đầu đi đi lại lại trong căn hộ nhỏ. Hẳn là Sugai đã tiếp tục điều tra lý lịch của Sakai Yuri. Ông ta biết bao nhiêu? Cho dù biết hết những điều này, có thể ông ta sẽ giấu Kento. Về phần mình, Kento không định để mẹ biết chuyện.

Cậu gãi đầu, lau cặp kính bẩn và trở về bên máy tính. Quá khứ bí

mật này đe dọa sẽ gây chấn động gia đình Koga, nhưng cũng chính là lời đáp cho câu hỏi: Tại sao CIA điều tra Yuri. Và tại sao Yuri muốn đoạt chiếc máy tính khỏi tay cậu. CIA đã nắm được điểm yếu gì đó của Yuri, là nguyên nhân bà ta tiếp cận Kento. Và ngay cả bây giờ, đâu đó ở Tokyo, bà ta vẫn đang cố truy lùng cậu.

Kento lại mở chức năng tìm kiếm và, lòng đầy e ngại, gõ vào cái tên thứ ba.

Koga Kento

Sau khi nhấn Enter, một loạt văn bản chứa tên cậu xuất hiện trên màn hình. Cậu mở báo cáo đầu tiên từ DIA và rùng mình. Trong đó là rất nhiều ảnh chụp lén cậu. Một tấm ảnh cận cảnh chụp bằng ống ngắm xa cho thấy cậu nói chuyện với Kawai Marina trong trường.

Lý lịch của cậu cũng chính xác, thậm chí đến cả những chi tiết nhỏ nhất. Bao gồm cả một báo cáo về bạn bè và người quen của cậu do cảnh sát Nhật Bản cung cấp. Kento lần lượt đọc từng cái tên. May thay, Sugai và Lee Jeong Hoon không có trong đó. Hợp chủng quốc cũng chưa đánh hơi được rằng cậu có hậu thuẫn mạnh mẽ, vậy nên cậu vẫn có thể liên lạc mà không đặt họ vào vòng nguy hiểm.

Còn có một bản tường trình các trao đổi giữa cảnh sát Nhật Bản và CIA về việc rà soát nhà trong khu Machida. “Các ông không thể kiểm tra toàn bộ các hộ dân cư?” CIA hỏi, và Ban an ninh công cộng đáp, “Xét tình hình dân cư đông đúc của Machida, việc này là bất khả thi đối với mười điều tra viên.” Chí ít thì trong thời điểm hiện tại, căn phòng thí nghiệm nhỏ này cũng sẽ được an toàn.

Văn bản cuối cùng là thứ ngôn ngữ gì đó cậu không hiểu. Bộ phận bán quân sự của Đội chiến dịch đặc biệt thuộc CIA nhận lệnh: “Koga Kento, đã được xếp loại khủng bố, sẽ được cảnh sát địa phương bàn giao và đưa vào chương trình dẫn độ đặc biệt theo hiệp ước trao đổi giữa hai bên. Đích đến là Syria.”

Kento không hiểu nghĩa của từ “dẫn độ”, vậy nên cậu mở kim từ điển ra. Định nghĩa duy nhất có vẻ phù hợp là “bàn giao một tù nhân

trốn thoát".

Tại sao lại là Syria? Cậu hoàn toàn mù tịt, nhưng mối đe dọa đang treo trên đầu cậu thì quá rõ ràng. Nếu rơi vào tay cảnh sát, cậu sẽ không chỉ bị tống vào tù. Cậu sẽ bị đưa ra nước ngoài, và có thể sẽ không bao giờ thấy Nhật Bản nữa.

Cậu nhớ lại những lời cha mình để lại: *Bố muốn con thực hiện nghiên cứu một mình. Đừng nói với ai. Nhưng nếu con thấy mình gặp nguy hiểm, hãy từ bỏ tất cả ngay lập tức.*

Tay cậu run lên. Tại sao tất cả những chuyện này lại xảy ra trong khi tất cả những gì cậu muốn chỉ là cứu những đứa trẻ mắc bệnh. Nhưng cho dù cậu có dùng phát triển thuốc, sẽ không có gì thay đổi, phải không? Các cơ quan tình báo Mỹ cùng cảnh sát Nhật Bản sẽ không bao giờ dùng truy lùng cậu.

Cậu mở lại văn bản đầu tiên có bức ảnh của cậu cùng Marina. Khuôn mặt tươi cười của cô như đang gửi đến cậu một thông điệp: *Đừng từ bỏ*. Bất kể tương lai có ra sao, cậu cũng không còn lựa chọn khác.

Chuông điện thoại vang lên, cắt ngang dòng suy nghĩ của cậu. "Đừng phí thời gian đọc ba cái đồ vô bổ đó," giọng nói ở đầu dây bên kia cất lên. Giọng nói máy trầm thấp của Papi.

Kento sững sờ. "Ông đang theo dõi máy tính này?"

"Đúng vậy," Papi đáp, và màn hình bắt đầu tự thay đổi. Các tập tin trên ổ cứng lần lượt bị xóa đi. Chiếc máy tính nhỏ này có vẻ được kết nối với máy chủ của Papi thông qua Internet. Chỉ xin đừng xóa tấm ảnh Marina, Kento nghĩ. Nhưng rồi nó cũng biến mất.

"Tôi sẽ gửi cậu bất cứ thứ gì cậu cần. Chỉ cần tập trung vào công việc của mình thôi."

"Tôi có thể hỏi ông một điều không?"

"Điều gì?"

Kento cố gắng giữ giọng mình không run rẩy. "Nếu tôi bị bắt, họ có giết tôi không?"

"Có. Nhưng trước khi làm vậy, họ sẽ tra tấn cậu."

Kento hình dung móng tay mình bị rút ra, và cậu bắt đầu thấy

buồn nôn.

“Chỉ cần làm theo chỉ dẫn của tôi thì cậu sẽ không có gì phải lo lắng cả. Nếu không muốn chết, hãy làm như tôi nói.”

Cậu phải tin Papi. “Được.”

“Chúng ta có hình ảnh vệ tinh mới. Nối lại liên lạc với Pierce đi.” Sau mệnh lệnh này, Papi cúp máy.

Kento trở lại với công việc của mình. Hình ảnh đơn sắc của khu rừng từ trên cao cho thấy một con sông lớn kéo dài từ đông sang tây.

Pierce đang nói, và giọng ông có vẻ kiệt sức. “Chúng tôi vừa tới sông Ibina. Thành phố Beni nằm ở phía đông nam.”

Hình ảnh vệ tinh thể hiện một mảng xám lớn, như thể một người khổng lồ đã xé toạc một mảnh rừng. Đó hẳn là Beni. Pierce và những người khác còn cách thành phố khoảng ba mươi kilômét về phía tây bắc.

“Phải có một con đường từ Beni hướng về phía bắc. Cậu có thấy động tĩnh gì ở đó không?”

Kento phóng to hình ảnh. Có một hàng xe, xung quanh là một nhóm người lớn mang súng. “Trông như một đội quân.”

“Bao nhiêu người?”

“Nhiều không đếm được.”

Pierce lặng thinh mất một lúc. “Chúng tôi sẽ kiểm tra ở bên này. Đợi đó.”

Dòng Ibina ào ạt chảy đằng sau những cụm cây. Trong bóng tối của khu rừng, nơi ánh mặt trời không chiếu tới, Yeager và đồng đội đang bị dồn tới đường cùng. Sẽ có đường thoát về phía nam nếu họ có thể qua sông, nhưng vượt sông đồng nghĩa với việc lọt vào tầm ngắm của máy bay Predator.

“Phía đông bị chặn hoàn toàn rồi. Có khoảng một nghìn quân ở đó,” Pierce nói, ngẩng lên khỏi máy tính. “Nếu đi về phía Beni, chúng ta sẽ đâm thẳng vào chúng”

Lo lắng về đội quân ép xuống từ phía bắc, Mick nói, “Qua sông là hy vọng duy nhất của chúng ta. ”

Yeager quay sang Pierce. “Có tin gì về đám Predator không?”

“Đồng minh người Nhật của chúng ta đang cố nhưng chưa có gì cả. Đám máy bay đó thuộc chỉ đạo của một bên khác với chiến dịch Thần báo thù.”

Yeager xem xét bản đồ một lần nữa nhằm xác nhận lại tình hình vô vọng này. Phía bắc và phía đông là lực lượng quân địch, phía nam là đám máy bay Predator rình mồi. Phía tây là sông Ibina quanh co, bức tường chắn đường họ. Có đường thoát nào không? Yeager băn khoăn, và anh chạm mắt Akili đang ngồi trên mặt đất.

“Có ý tưởng gì không?” anh hỏi, nhưng mặt Akili vẫn như đóng băng, và thằng bé không mở miệng. Sau tất cả những trải nghiệm suýt chết mà thằng bé đã trải qua, và sau khi mất cha, đứa bé kỳ lạ này dường như đã thu mình vào vỏ ốc.

Pierce đang nhìn chằm chằm vào màn hình máy tính. “Bên Nhật vừa gửi chúng ta chiến thuật mới,” ông nói. “Đường tới sân bay ở Beni đã bị cắt đứt. Một người đang đợi ở phía nam giờ sẽ được phái về hướng bắc. Chúng ta sẽ đi theo hướng nam, và sau khi gặp người đó chúng ta sẽ qua một thị trấn tên Rutshuru và vượt biên bằng cách đó.”

Yeager lần theo tuyến đường mới trên bản đồ. Con đường này sẽ đưa họ tới Uganda. Họ đã từ bỏ hai kế hoạch đầu tiên, và giờ đây số phận của họ đặt vào lựa chọn cuối cùng này. “Nhưng chúng ta phải làm sao? Qua sông à?”

“Nếu đợi ở đây một chút, tới sáng mai sự an toàn của chúng ta sẽ được đảm bảo.”

“Sự an toàn sẽ được đảm bảo? Thế là sao?”

“Chúng ta sẽ đuổi được đám Predator.”

Mấy người lính có vẻ nghi ngờ. Meyers lên tiếng thay cả nhóm. “Bất khả thi. Trừ phi ông có vài cái tên lửa đất đối không giấu đâu đấy.”

“Anh phải tin tưởng đồng minh người Nhật của chúng ta” Pierce gắt. Biểu cảm trên mặt ông trở nên u ám. “Nhưng dù cho chúng ta có thể qua sông an toàn, nếu nhóm phiến quân ở phía nam bắt đầu tiến

quân, ta sẽ đụng độ trực tiếp với chúng. Đó là chướng ngại cuối cùng và khó khăn nhất của chúng ta."

"Đội quân ở phía nam có phải là LRA? Quân kháng chiến của Chúa?"

"Tôi e là vậy."

LRA là lực lượng chiến đấu lớn nhất và đáng sợ nhất trong khu vực, một đội quân từng hãm hiếp và tàn sát hàng trăm ngàn người.

"Chúng ta toi rồi," Mick nói. "Trong cái khu rừng thối tha này. Di chúc thì tính sao?"

Không ai đáp lại. Mọi chuyện quá tuyệt vọng không đáng phí hơi thở vào những chuyện đùa nhảm.

Pierce gọi Yeager. "Tới đây," ông nói. "Tôi muốn anh gặp người này."

Gặp người nào đó? Trong khu rừng này? Cái quái gì vậy? Yeager nghĩ.

"Coi máy tính đi."

Yeager đối diện với màn hình, và Pierce nhấn một phím. Hình ảnh vệ tinh biến mất, thay bằng gương mặt một chàng trai châu Á trẻ tuổi.

"Kento," Pierce nói vào mic. "Tôi muốn giới thiệu cậu với một người."

Trên màn hình là một người trẻ tuổi đeo kính. Một thằng nhóc gầy nhẳng không thuộc loại người Yeager nghĩ mình có thể tin tưởng.

"Ai đây? Đồng minh Nhật Bản của chúng ta không phải thằng bé này đấy chứ?"

"Không. Cậu ta là một nhà nghiên cứu đang phát triển thuốc mới điều trị PAECS."

"Cho tôi xin. Thằng nhóc này vẫn còn học cấp ba."

"Không. Cậu ấy hai mươi tư tuổi, đang học cao học tại Tokyo. Tên là Koga Kento."

Đầy nghi ngờ, Yeager nhìn chằm chằm vào nhà nghiên cứu đang cố gắng cứu con trai mình.

Người đàn ông Mỹ cơ bắp cuồn cuộn xuất hiện trên màn hình khiến cậu cảm thấy bị át vía. Mặt anh ta chằng chịt sẹo, đôi vai dưới lớp áo ngụy trang nhiều cơ bắp tới mức trông anh ta như thể đang mặc áo giáp. Đây là người lính cậu từng thoáng thấy trên màn hình khi nói chuyện với Pierce. Đôi mắt trũng sâu của người lính hơi ánh lên khi anh ta lặng lẽ nhìn Kento.

"Đây là Jonathan Yeager," Pierce lên tiếng từ ngoài máy quay. "Anh ấy là cha Justin."

Cha của đứa bé? Mình đang cố gắng cứu con trai của anh ta? Khi Kento đã bớt ngạc nhiên, Pierce đặt tai nghe lên đầu Yeager.

"Kento?" Yeager hỏi giọng trầm trầm, và Kento vội vàng gật đầu.

"Cậu đang phát triển thuốc thật à?"

"P-phải."

Yeager giữ nguyên vẻ nghiêm khắc. Kento nhận ra rằng người này không tin cậu.

"Cậu có biết gì về tình trạng của Justin không?"

"Có. Tôi vừa nói chuyện với vợ anh trên điện thoại."

"Với Lydia? Justin sao rồi? Hãy thuật lại chính xác những gì cô ấy nói."

Kento lưỡng lự. "Từ kết quả xét nghiệm, họ nói cậu bé còn mười bảy ngày."

Yeager thoáng nhìn xuống, nhưng khi ngẩng lên, gương mặt anh một lần nữa tràn đầy quyết tâm, thậm chí là hiếu chiến. "Thuốc sẽ xong kịp thời chứ?"

Có lẽ, Kento định nói, nhưng rồi lại chọn từ khác. Nếu đưa ra một câu trả lời mơ hồ, cậu cảm giác Yeager sẽ xuyên thẳng qua màn hình mà táng cho cậu một phát. "Đúng vậy. Thuốc sẽ xong kịp thời."

Yeager trông có vẻ nhẹ nhõm. Anh bỗng trở nên giống một người cha hơn. Một câu đố đã được giải.

Một lúc nào đó, một người Mỹ sẽ xuất hiện.

"Mọi người đang tìm cách tới Nhật?"

"Ừ, đó là kế hoạch. Nhưng…" Yeager hạ giọng xuống một nấc. "Chúng tôi đang gặp nguy hiểm rất lớn ở đây. Tôi không rõ liệu

chúng tôi có tới được Nhật không. Có thể tôi sẽ không gặp gia đình mình nữa. Cậu có hiểu tôi đang nói gì không?"

Jonathan Yeager đã sẵn sàng cho cái chết. "Có," Kento nói.

"Nếu chuyện ấy xảy ra, cậu sẽ nói với vợ con tôi rằng tôi đã làm tất cả mọi thứ có thể để cứu Justin chứ?"

Kento chăm chú nhìn khuôn mặt máu me đầy bùn đất của người lính. Rõ ràng là Yeager, với tư cách một người cha, đang chiến đấu với tất cả những gì anh có để cứu con trai mình. Nhận thức này khiến Kento ngạc nhiên, và cậu đưa ra một câu hỏi đơn giản và ngây thơ. Nếu nói tiếng Nhật, câu hỏi này sẽ rất mất tự nhiên, nhưng hỏi bằng tiếng Anh thì không có vấn đề gì. "Anh có yêu con không?"

"Tất nhiên rồi," Yeager đáp, ném cho cậu một ánh nhìn nghi ngờ. "Sao cậu lại hỏi vậy? Bố cậu yêu cậu, phải không?

"Tôi chịu."

"Cậu chịu? Ý cậu là sao?"

Kento không biết đáp lời ra sao, và Yeager tiếp tục. "Cậu không có bố?"

"Ông mất cách đây không lâu," Kento trả lời, và chửi rủa số phận mình. Cha cậu mất, và cuộc sống của cậu trở nên tuyệt vọng, tới mức tính mạng của cậu giờ đang chịu nguy hiểm.

"Tôi rất tiếc," Yeager nói, rõ ràng là thương cảm. "Cuộc sống của tôi hỏng bét cả sau khi bố mẹ tôi chia tay. Nhưng bằng cách nào đó, tôi đã vượt qua.

Tôi không mạnh mẽ như vậy, Kento muốn nói với anh.

"Tôi cũng từng nghi ngờ tình yêu của bố mình," Yeager nói tiếp. "Nhưng từ khi có con, tôi đã hiểu. Người cha luôn yêu con cái của mình và muốn bảo vệ nó. Bất chấp mọi chuyện." Anh bật cười mỉa mai. "Dầu vậy, vẫn không nhiều như người mẹ."

Kento nhớ tới vợ anh, Lydia, đã mạnh mẽ như thế nào, và cậu hiểu Yeager đã xây dựng được một gia đình tốt đẹp ra sao.

"Dù sao thì, tôi muốn cứu con mình. Làm ơn... hãy phát triển thứ thuốc đó nhanh lên. Tôi biết ơn công sức của cậu." Yeager giao lại tai nghe cho Pierce.

Khuôn mặt đầy râu của Pierce xuất hiện trên màn hình. “Tôi có thể hỏi ông vài câu không?” Kento nói.

“Ngắn gọn thôi nhé,” Pierce nói và liếc nhìn đồng hồ. “Dãy số ngẫu nhiên chúng tôi dùng để mã hóa cuộc gọi video có thời gian sử dụng rất ngắn. Vậy nên làm ơn hãy nói nhanh lên.”

“Bố tôi. Tại sao ông ấy lại tham gia vào vụ này?”

“Chúng tôi gặp nhau ở Congo này chín năm trước. Đó là lý do tôi dính vào chuyện này.”

“Bố tôi cũng đang cố cứu con người đã tiến hóa sao?”

“Chuyện cuối cùng thành ra như vậy. Ban đầu, đó chỉ đơn giản là hứng thú của một học giả. Nhưng một khi biết chúng tôi cần phát triển một loại thuốc mới, ông liền nhận lấy việc này dù biết rõ rủi ro. Ông thực sự rất muốn giúp lũ trẻ bị ốm.”

Kento không thể tin nổi cha mình cũng có nhiệt huyết như vậy. “Thật sao?”

Pierce gật đầu. “Có vẻ cậu không biết rõ bố mình lắm. Tiến sĩ Koga rất lo lắng bởi ông không thực sự đạt được nhiều thành tựu trong lĩnh vực của mình. Vậy nên ông vô cùng hào hứng trước cơ hội được phát triển một phương thuốc mới. Ông cảm nhận sâu sắc rằng nhiệm vụ của một nhà khoa học là phục vụ người khác.”

Nhưng đây chỉ là mặt trái của phức cảm tự ti trong ông, Kento hằn học nghĩ.

“Bố cậu nhận ra rằng ông đang gặp nguy hiểm và chọn cậu để tiếp tục công việc của mình. Ông chắc chắn rằng con trai mình sẽ hoàn thành nó. Bố cậu tự hào vô cùng về việc cậu học ngành dược.”

Kento có vẻ không bị thuyết phục lắm, và Pierce tiếp tục. “Bố cậu là một nhà khoa học thành thực. Việc cậu đang cố hết sức mình để làm ra thuốc là bằng chứng cho việc ấy. Cậu đã thừa hưởng nhiệt tâm của ông.

Nhưng vẫn còn một điều khiến Kento khó lòng chấp nhận lời khen cha mình.

“Ông có biết một phụ nữ người Nhật tên Sakai Yuri?” cậu hỏi.

Vẻ mặt Pierce lập tức thay đổi, vẻ cảnh giác đột nhiên hiện lên

trong mắt ông. “Có... tôi biết người đó.”

“Bà ta cũng ở Congo chín năm trước, phải không? Bà ta có quan hệ gì với bố tôi?”

“Tốt nhất là cậu không biết gì về Sakai Yuri. Tới gần bà ta rất nguy hiểm. Cứ để bà ta yên.”

“Nhưng tại sao? Tôi có quyền biết về bố mình,” Kento khăng khăng, nhưng Pierce ngắt lời cậu.

“Chúng ta phải kết thúc cuộc gọi này. Quay lại phát triển thuốc đi. Nếu có chuyện gì xảy ra, tôi sẽ liên lạc.”

Máy chủ tắt máy tính của cậu từ xa, và căn phòng bỗng lặng đi. Kento thấy đơn độc, như con người cuối cùng trên trái đất. Nhưng đây không phải cảm giác gì mới. Cậu đã bị bỏ lại, tuyệt vọng và vô dụng, kể từ giây phút cậu tạm biệt cha mình trong bệnh viện ở Mikita.

Khuôn mặt phản chiếu lại trên màn hình tối đen khiến cậu nhớ đến cha. Câu chuyện vẫn chưa kết thúc. Chiếc máy tính còn lại của cha cậu vẫn đang tìm kiếm cấu trúc hóa học cho phương thuốc mới.

Con giờ đã trở thành người hộ mệnh, cha cậu đang nói với cậu. Với khoa học là vũ khí duy nhất của con, hãy bảo vệ mạng sống của một trăm nghìn đứa trẻ.

Đây có lẽ là lời nhắn cuối cùng cha cậu để lại cho con trai. Nhưng cha cậu rốt cuộc là người thế nào?

9

Andy Rockwell có một sở thích bí mật. Sở thích này bắt đầu ở trường trung học, nhưng gã không có tiền đầu tư, và khi vào đại học, gã quá bận học hành, thành ra vẫn phải tạm bằng lòng với các thiết bị cơ bản nhất suốt bao nhiêu năm trời. Cuối cùng, sau khi được tuyển vào một ngân hàng ở Sacramento và bắt đầu nhận lương đều đặn, gã có thể thoải mái dùng tiền theo đuổi đam mê, và gã dành hẳn một góc trong căn hộ của mình cho sở thích ấy.

Gã mua ba máy tính tốc độ cao với màn hình cỡ đại, một bộ cần điều khiển trò chơi và bàn đạp, cùng hệ thống âm thanh vòm – một khoản đầu tư trị giá mười nghìn đô la. E ngại bị coi là kẻ lập dị, gã quyết định không để đồng nghiệp biết về sở thích này. Mỗi khi có thời gian rảnh, Andy lại ngồi trong buồng lái một chiếc máy bay chiến đấu ảo, vi vu trên khắp thế giới.

Trong chưa đầy một năm, gã đã thăng tiến từ máy bay cánh kép trong Thế chiến thứ nhất tới máy bay phản lực chở hành khách loại mới nhất, có thể thoải mái điều khiển bất kể loại phi cơ nào. Kịch bản yêu thích của gã là lái một chiếc F-16 không chiến, bắn rơi hàng loạt máy bay chiến đấu của Nga. Công nghệ mô phỏng tiến bộ qua từng năm, và khi ngắm cảnh quan trên các màn hình liền nhau, gã thực sự có cảm giác mình là bá chủ bầu sörl sind uño misil mit grisb trời.

Đúng lúc đã chơi chán các chương trình có sẵn, gã nhận được thư điện tử quảng cáo từ một trang mạng nơi gã mua cần gạt tiết lưu.

Một cuộc cách mạng của game online! Chương trình mô phỏng bay mới siêu chân thực!

Tò mò, Andy ngay lập tức truy cập vào trang web đó. Gã chủ yếu có hứng thú họ dùng loại phi cơ nào, nhưng vì lý do nào đó, thông tin này không được tiết lộ. Tuy nhiên, cũng có một bản hướng dẫn

bay, trong đó bàn về cách sử dụng "master arm", vậy nên gã biết đó hẳn phải là loại phi cơ chiến đấu nào đó. Có lẽ là một nhiệm vụ không kích tiêu diệt phần tử khủng bố trên mặt đất, gã nghĩ. Điểm khác biệt của trò chơi này là thời gian cất cánh được định sẵn rất nghiêm ngặt. Tám nghìn người chơi đã tiếp nhận thử thách, nó nói, nhưng không ai từng hoàn thành nhiệm vụ.

Ta là người duy nhất làm được! Andy nghĩ, lòng đột nhiên dâng trào khao khát thử sức. Gã tạo mật mã đăng nhập và chuẩn bị cho nhiệm vụ sẽ diễn ra vào thời điểm xác định trong ngày tiếp theo.

Vào 1 giờ đêm ngày hôm sau, thứ Bảy, Andy đã chễm chệ trong chiếc ghế phi công tại nhà. Gã đăng nhập, và cả ba màn hình đều chiếu cảnh đường băng trải ra trước mắt gã. Góc nhìn từ buồng lái. Nhưng hình ảnh khiến gã thất vọng. Ý họ bảo "siêu chân thực" là cái thứ này sao? Đồ họa máy tính kém cỏi vô cùng. Và khi thời gian cất cánh tới, quang cảnh tự mình thay đổi khi chiếc phi cơ cất cánh nhờ chế độ lái tự động.

Andy tự sỉ vả bản thân vì bị cái trang web kém chất lượng này lừa. Gã nghĩ có nên đăng xuất nhưng quyết định đợi xem chuyện gì sẽ xảy ra. Chất lượng hình ảnh có thể tồi, nhưng chuyển động của máy bay khi cất cánh rất chân thực. Đột nhiên, hai màn hình hai bên đổi sang hình ảnh khác. Trên màn hình trái là một dòng lệnh: "Đổi sang lái bằng tay khi tới ba nghìn mét." Trên màn hình phải là hình ảnh dưới mặt đất, có lẽ là từ máy quay gắn dưới thân phi cơ. Xét hình ảnh đơn sắc nhòe nhòe, có vẻ máy bay đang bay qua một sa mạc hoặc xavan gì đó.

Màn hình trái nhấp nháy chuyển sang lệnh mới: "Sau khi chuyển chế độ lái bằng tay, nhanh chóng hạ độ cao và duy trì dưới một trăm năm mươi mét."

Dần dần, Andy bắt đầu có hy vọng vào trò chơi này. Gã nhận ra, trò chơi này có lẽ đúng là siêu chân thực.

Phi cơ tiếp tục bay lên và đạt tới độ cao ba nghìn mét. Andy chuyển sang lái bằng tay, làm theo chỉ dẫn gã đã nghiên cứu từ đêm hôm trước. Gã nhanh chóng hạ độ cao, mắt vẫn chú ý tới đồng hồ đo.

Thông tin hình ảnh và cảm giác của cần điều khiển khớp với nhau, và gã cảm thấy mình như đang lái một chiếc máy bay thực thụ. Đây là một máy bay cánh quạt. Thân máy bay nhẹ, vận tốc mặt đất không cao, chỉ chín mươi hải lý hay là một trăm sáu lăm kilomét trên giờ.

Mình trúng số rồi! Andy phấn khích nghĩ. Gã đang lái một chiếc máy bay chưa từng được sử dụng trong trò chơi mạng. Chiếc máy bay này, bay cực kỳ thấp để tránh radar, chắc hẳn phải là một chiếc Predator không người lái. Hình ảnh phía trước và bên dưới là từ máy quay hồng ngoại được trang bị cho Predator.

Andy hoàn toàn bị cuốn theo trò chơi. Cố gắng cưỡng lại cám dỗ muốn đâm bổ xuống đất, gã là là bay trên bề mặt sa mạc. Sau một tiếng, gã nhận được chỉ dẫn bay lên độ cao hai nghìn mét. Andy kéo cần điều khiển lại gần mình khiến mũi máy bay chếch lên. Sau khi cân bằng trở lại, gã lúc lắc máy bay từ bên này sang bên kia, gạt cần tiết lưu, làm quen xem máy bay phản ứng như thế nào. Hai tiếng sau, chiếc máy bay như trở thành một phần thân thể gã, và gã tự tin mình có thể giải quyết bất cứ tình huống nào.

Màn hình đưa cho gã một chỉ dẫn mới: hạ xuống độ cao sáu trăm mét. Gã đẩy cần lái về phía trước và hạ mũi máy bay về phía rặng núi bên dưới. Khi vượt qua, quang cảnh đột ngột thay đổi, và gã thấy một thành phố hiện đại ở phía trước. Những căn nhà thấp bao quanh một cụm nhà cao tầng ở trung tâm. Đây là đâu? Trung Đông? Châu Phi?

Khi máy bay bay trên đầu thành phố, màn hình bên phải cho thấy một hàng xe chạy dọc trên đường. Mười sáu chiếc xe trông như đang chạy trên cao tốc.

Một mệnh lệnh ngắn hiện lên trên màn hình trái.

Tấn công chiếc limo thứ sáu.

Ba giờ bay dài đằng đẵng, và gã cuối cùng đã có một mục tiêu. Andy bay theo dòng xe và chuyển sang chế độ tấn công. Nếu đây thực sự là một chiếc Predator, nhiệm vụ khai hỏa sẽ là của người

điều hành chứ không phải phi công. Nhưng đây là một trò chơi, và gã phải tự mình giải quyết hai nhiệm vụ.

Gã nhấc tay trái khỏi gạt tiết lưu và nhấn số trên bàn phím để nhắm tên lửa. Các vạch chữ thập trắng xuất hiện trên màn hình phải, ngắm thẳng vào chiếc limo thứ sáu trong hàng. Đoàn xe đột ngột tăng tốc, nhưng vạch chữ thập vẫn nằm đúng trên mục tiêu. Andy vẽ một hình vuông xung quanh thân xe limo đen bóng. Tên lửa với hệ thống ngắm laser đã sẵn sàng.

Andy đặt ngón cái tay phải lên nút khai hỏa trên cần điều khiển. Chỉ cần nhấn ngón tay xuống vài milimét, tên lửa chống tăng Hellfire sẽ khiến mục tiêu tan xác.

Nhiệm vụ sắp sửa hoàn thành. Và mình là người duy nhất có thể thực hiện nó, gã đắc thắng tự nhủ. Andy bắt đầu nhấn nút. Và rồi, gã sực nghĩ. Quang cảnh trên màn hình không phải là nước Mỹ sao?

Phó tổng thống Chamberlain vừa xong việc tại một điểm tranh cử ở Phoenix, Arizona, và đang trên đường tới sân bay quốc tế Sky Harbor, ngồi trên chiếc limo thứ sáu trong một đoàn hộ tống.

Bài phát biểu của ông về nhân quyền cũng không hẳn là một thắng lợi lớn, nhưng ông có một mục đích khác khi tới thăm thành phố này. Chủ tịch công ty năng lượng trước đây Chamberlain từng làm CEO đã tới vùng này. Đêm hôm trước, Chamberlain vừa bí mật gặp ông ta tại khách sạn và nhận được vài tin tức tuyệt vời về tình hình làm ăn.

Kể từ khi cuộc chiến tại Iraq bùng nổ, giá cổ phiếu công ty tăng mạnh. Sau khi tổng thống Burns tuyên bố chiến thắng, công cuộc tái thiết Iraq được thúc đẩy mạnh mẽ, và các công ty nhận được hợp đồng xây dựng lại cơ sở hạ tầng nước này thấy giá cổ phiếu của mình tiếp tục tăng vọt tới những con số vô tiền khoáng hậu. Với kỳ vọng vào các khoản đầu tư khổng lồ được chính phủ hậu thuẫn, cùng những đơn hàng lên đến bảy tỷ đô la của Bộ quốc phòng, doanh thu của công ty này dự tính tăng tới 80%. Đây thực sự là tin tốt đối với Chamberlain. Các khoản quyên góp vào chiến dịch tranh cử của

ông từ công ty chắc chắn sẽ tăng lên.

Tuy vậy, từ khi đứng vào vị trí trung tâm trong khối công nghiệp-quân sự, ông vẫn phải ngạc nhiên trước logic đơn giản nằm sau khả năng điều khiển người khác. Nỗi sợ là chìa khóa. Đám lập pháp muốn thu lợi từ chiến tranh chỉ cần làm một điều là phóng đại mối đe dọa từ một đất nước khác và truyền bá nỗi sợ này trong dân chúng. Miễn là cơ sở cho quyết định của họ được giấu kín đằng sau một bức tường bí mật quốc gia, truyền thông đại chúng sẽ tiếp tay và phát tán nỗi sợ này. Đó là tất cả những gì cần thiết để dịch chuyển một khoản thuế lớn vào Bộ quốc phòng và khiến mức lương của ban lãnh đạo các công ty vũ khí cất cánh. Và nỗi sợ được gieo vào lòng công dân Mỹ cũng đã vươn ra khỏi biên giới, khiến rất nhiều nước noi gương Hoa Kỳ và tăng ngân sách quốc phòng. Nghi ngờ đẻ ra nghi ngờ, và sự căng thẳng giữa các quốc gia dâng cao hơn cả thực tế cần đòi hỏi. Trong một vài trường hợp, thậm chí chiến tranh sẽ nổ ra, tạo ra một nguồn vốn vô hạn, làm lợi cho một nhóm người cụ thể. Và các chính trị gia cũng có thêm một lợi ích: mối đe dọa ngoại quốc sẽ làm tăng tỷ lệ ủng hộ của họ.

Eisenhower đã tiên đoán được tình huống này, và trong bài phát biểu cuối cùng trên cương vị tổng thống, ông ta đã cảnh báo đất nước về mối hiểm họa từ khối phức hợp công nghiệp-quân sự, mặc dù lời này chẳng khác nào nước đổ lá khoai. Miễn là mỗi nước đều có các công ty có lòng tham muốn hưởng lợi từ chiến tranh, thì chiến tranh sẽ không bao giờ biến mất khỏi thế giới này.

Chamberlain, đang triền miên suy nghĩ, đột nhiên ngẩng đầu. Cảnh vật bên ngoài, dù khó có thể nhìn thấy qua lớp kính bảo vệ dày hơn mười phân, dường như đang vụt qua với tốc độ ghê gớm. Chiếc limo bọc giáp đột nhiên tăng tốc, mặc dù bên trong xe vẫn yên ắng như thường nhờ lớp cách âm. Chamberlain dùng mic nói chuyện với vệ sĩ từ Sở mật vụ bên kia vách ngăn. “Tại sao chúng ta đi nhanh vậy?”

“Không cần lo lắng, thưa ngài,” giọng nói vang lên trên loa. “Chỉ là chúng ta nên tới sân bay nhanh nhất có thể.”

“Có chuyện gì xảy ra à?”

Ngay lúc đó, điện thoại an ninh bên ghế đổ chuông. Chamberlain xua tay bảo vệ sĩ ngồi bên đừng nghe, và ông tự mình nhấc máy.

“Sở an ninh nội địa vừa liên lạc với chúng ta,” thư ký của ông ở Nhà Trắng nói. “Một máy bay không người lái Predator đang làm nhiệm vụ huấn luyện tại Căn cứ không quân Creech đang mất tích.”

“Anh muốn nói gì?”

“Sau khi máy bay này rời căn cứ, họ mất kiểm soát, và nó nhanh chóng hạ độ cao. Họ tin rằng nó đã rơi, nhưng tổ tìm kiếm chưa xác định được vị trí xác máy bay.”

Họ nên mở rộng phạm vi tìm kiếm, Chamberlain nghĩ. “Thế thì có liên quan gì tới tôi?”

“Máy bay đó mang vũ khí. Radar cũng phát hiện một phi cơ nhỏ bay từ Nevada sang Arizona.”

Căn cứ không quân Creech nằm ngoài Las Vegas, chỉ cách Phoenix ba trăm dặm. Chamberlain vô thức ngước mắt nhìn trần xe.

“Nhưng đường bay được đăng ký cho một chiếc Cessna thuộc sở hữu của một công ty tư nhân, vậy nên chúng tôi nghĩ ít có khả năng đó là chiếc Predator.”

“Họ đã thử liên lạc với phi công của chiếc Cessna chưa?”

“Rồi ạ, nhưng anh ta không phản hồi.”

Chamberlain bắt đầu thấy lo. Predator rất nhỏ và bay ở tầm cao, và không có cách nào để nhận diện cho dù chúng bay ngay trên đầu.

“Anh nghĩ chiếc Predator bị không tặc ư?” ông hỏi. Và, ngay lúc đó, không một lời cảnh báo, một quả tên lửa chống tăng xuyên qua nóc chiếc limo. Trong một tích tắc, quả tên lửa nằm trong lòng ông, nhưng trước khi não bộ kịp phản ứng lại, vụ nổ đã xé tan cơ thể ông. Tất cả mọi thứ chuyển đen, và Chamberlain đã chết. Quả tên lửa được đặt tên rất chuẩn, bởi ngọn lửa của địa ngục thiêu cháy tất cả mọi thứ, ngay lập tức khiến toàn bộ máu bắn ra bốc hơi. Lúc ấy, quả tên lửa thứ hai tới đích. Đầu của Chamberlain, dù đã rời khỏi cơ thể, tan thành bụi. Mọi thứ từ mũi trở lên trở thành xương cháy sém, và nó bay qua không trung, đập vào lớp kính chống đạn của chiếc limo

thứ chín, rồi lăn lên vỉa hè.

Gã đàn ông quyền lực ấy đã đổ đầy túi mình bằng lợi nhuận từ chiến tranh. Giờ đây, thân xác của ông ta là bằng chứng câm lặng cho sự ưu việt của vũ khí Mỹ.

Rubens lái chiếc xe thuê vượt quá giới hạn tốc độ khi anh chạy dọc những con đường nhỏ của vùng phía nam Indiana. Quanh anh cơ man là cột điện cũ, khóm cây chết, cùng một vài ngôi nhà điểm xuyết trên nền phong cảnh. Nửa trên kính chắn gió là hình ảnh một bầu trời đầy mây.

Sau thông tin về cái chết của phó tổng thống Chamberlain, Washington rơi vào hỗn loạn. Tổng thống Burns rút vào hầm trú ẩn khẩn cấp trong Nhà Trắng, Trung tâm điều hành chiến dịch khẩn cấp của tổng thống, trong khi gia đình ông được bảo vệ tại một cơ sở của Sở mật vụ. Tất cả các ban ngành có liên quan đến Sở an ninh nội địa huy động nhân viên cố gắng tìm hiểu đích xác chuyện gì đã xảy ra, nhưng rõ ràng là tất cả mọi người đang hoảng loạn. Trước khi có thông tin cụ thể, những người thuộc phái tân bảo thủ đòi tấn công hạt nhân vào các khu vực trú ẩn của các phần tử Hồi giáo cực đoan.

Ban đầu, Rubens cũng nghĩ vụ khủng bố mới nhất này là tác phẩm của đám người Hồi giáo chính thống. Nhưng tới khi biết rằng tất cả máy bay không người lái khắp thế giới đều không được phép rời mặt đất sau cuộc tấn công, anh biết ngay ai đã ám sát vị phó tổng thống. Ngay phút này, ở Trung Phi, Nous và nhóm hộ tống hẳn đã vượt sông Ibina an toàn, tránh khỏi tầm mắt của mọi chiếc Predator.

Rubens cho xe tấp vào sát lề, nhìn vào gương chiếu hậu và đợi chiếc xe đằng sau mình vượt lên. Có vẻ không có ai theo đuôi anh. Anh lấy bản đồ ra và kiểm tra lại địa chỉ người muốn tới thăm.

Sau khi chiến dịch Thần báo thù khởi động, hai công dân Mỹ bắt đầu chịu giám sát chặt chẽ. Một người là nhà nhân học văn hóa mà Nigel Pierce đã gửi bức thư điện tử nói về phát hiện của mình. Người này, Dennis Schaefer, là một ông già đang tiếp nhận điều trị y tế vì bệnh gan. Cả NSA và CIA đều báo cáo rằng nhà nhân học già cả

này không có gì đáng ngờ.

Rubens đang tới thăm người còn lại. Dù biết rõ rủi ro việc này đem lại, nhưng anh không còn lựa chọn nào. Tình hình đang trượt dốc không phanh, và họ không được phép lãng phí một giây phút nào cả. Sau khi tiến sĩ Gardner bị cách chức, chỉ còn một người duy nhất anh có thể xin lời khuyên.

Anh tiếp tục chạy xe dọc con đường một chiều nhỏ hẹp, tới một khu vực chỉ loáng thoáng vài ngôi nhà và tìm thấy một căn nhà nhỏ có cây rụng lá bao quanh. Rubens đỗ xe ven đường và đi về phía cửa chính của ngôi nhà gỗ trắng hai tầng.

Anh ra vẻ tình cờ liếc nhìn xung quanh, nhưng tất nhiên anh không thể tưởng tượng được đội giám sát của CIA đang ẩn thân ở đâu.

Anh gõ cửa, và từ trước khi có tiếng trả lời, cửa chính đã mở ra. Rubens nhìn ông già nhỏ người trước mặt mình. “Ông là tiến sĩ Joseph Heisman?”

“Đúng vậy,” ông tiến sĩ đáp lại bằng một giọng trầm, khàn.

Vị học giả này, tác giả của *Báo cáo Heisman* ba mươi năm trước, đã rời khỏi tiền tuyến nghiên cứu và giờ đã ngoại thất tuần. Ông mặc áo choàng len cùng một chiếc áo bò cũ. Mái tóc bạc của ông chỉ còn lơ thơ, và ánh mắt nghi ngờ của ông nghiêm khắc đến bất ngờ. Đôi mắt ông khiến người khác không dám tới gần, và Rubens không thể xác định được đó là do công cuộc tìm kiếm suốt đời của ông để vén màn những quy luật tự nhiên hay là vết tích của một cuộc đấu tranh với thế giới.

“Quả là một vinh hạnh lớn khi được gặp ông” Rubens nói, giơ ra một cuốn sách của Heisman tiêu đề Lược sử khoa học. “Tôi đã rất yêu thích sách của ông từ ngày đại học. Tôi nghe tin ông sống ở đây và hy vọng ông có thể ký cuốn sách này.”

Rubens lật trang bìa. Thẻ nhân viên Bộ quốc phòng của anh được dán trên trang đầu. Vẻ mặt Heisman không thay đổi trong khi ông đọc tấm thẻ.

“Tôi sẽ không làm phiền ông lâu. Liệu chúng ta có thể vào trong

chứ?"

"Tất nhiên rồi. Vào đi," Heisman nói.

Bên trong là cầu thang nằm ở chính giữa nhà, bên phải là phòng ăn và bếp, và bên trái là một căn phòng khách gọn gàng trang trí bằng ảnh con cháu và gia đình ông. Rubens không thấy xe đỗ bên ngoài, nên đoán vợ Heisman đã đi mua sắm.

"Có chuyện gì?" Heisman hỏi trước khi họ kịp ngồi xuống.

Đứng giữa phòng, Rubens kiểm tra cửa sổ và quang cảnh bên ngoài. Trong khi họ trò chuyện, một thiết bị nghe lén bằng laser đang thu lại các xung động trên cửa sổ và tái tạo lại các sóng này. Rubens lo cho an nguy của Heisman.

"Tên tôi là Arthur Rubens. Hiện tôi đang làm việc tại Lầu Năm Góc, nhưng tôi là chuyên viên phân tích cấp cao tại Viện Schneider. Cùng với việc xin chữ ký, tôi cũng muốn xin lời khuyên của ông về một việc." Khi nói những lời này, anh lấy ra một tấm thẻ kẹp giữa các trang sách và giơ cho Heisman xem. *Ông đang bị chính phủ Mỹ theo dõi. Làm ơn trả lời không với tất cả các câu hỏi tôi sắp đưa ra.*

Rubens đợi ông đọc rồi nói tiếp. "Ông có thể nói chi tiết hơn về những gì đã viết trong Báo cáo Heisman không?"

"Không" Heisman đáp. "Dây vào đám người ngu xuẩn ở Washington là sai lầm lớn nhất đời tôi. Tôi chẳng ham tí nào sống lại những ngày tháng đó."

Cảm xúc trong lời đáp này không giống như giả vờ. Rubens hy vọng rằng đây không phải cảm xúc thực sự của ông.

"Tôi chỉ có vài câu muốn hỏi."

"Tôi không có gì để nói."

"Chỉ năm phút thôi?"

"Không."

"Vậy ư? Vậy thì, tôi rất tiếc đã làm phiền ông"

Rubens kết luận rằng Heisman không biết chút gì về chương trình tiếp cận đặc biệt. Rubens nói tiếp, thể hiện lòng ngưỡng mộ chân thực dành cho Heisman, không phải một phần của lớp ngụy trang. "Điều tôi nói ở ngưỡng cửa là sự thật. Ngày còn ở đại học, sách ông

viết thực sự đã khiến tôi mở rộng tầm mắt. Trước khi tôi đi, ông có thể ký nó không?"

Rubens đưa ra tấm thẻ thứ hai cùng cuốn sách.

Để tránh nghe lén, ông có căn phòng nào an toàn hơn không? Kể cả nhà tắm cũng được.

"Tất nhiên rồi," Heisman đáp. "Anh đã đi cả quãng đường tới đây rồi, tôi muốn tặng anh một trong mấy cuốn sách khác của mình. Vào thư viện đi."

"Cảm ơn. Tôi rất cảm kích."

Rubens theo chân ông già qua bếp, đi vào sâu trong căn nhà. Ở đó có một căn phòng nhỏ giống như được xây thêm, chòi ra sân sau. Phòng chất đầy giá sách, không chỉ kê kín tường mà còn đầy cả giữa phòng. Đứng giữa hàng ngàn đầu sách, Rubens thấy mình như được ghé nhìn vào trong đầu óc vĩ đại của vị học giả.

Heisman đóng cửa sau lưng và bật đèn. "Các cửa sổ đều bị giá sách chắn," ông nói. "Cả ghế và lò sưởi đều không có. Như vậy có ổn không?

"Hoàn hảo," Rubens đáp. Dưới bóng đèn, Rubens thấy mình như một thiếu niên gặp gỡ ngôi sao nhạc rock mình thần tượng. "Tôi xin lỗi vì phải vòng vo như vậy. Cũng là vì sự an toàn của ông thôi."

"Tại sao tôi lại bị giám sát," Heisman làu nhàu hỏi. "Tòa đưa ra lý do gì cho việc nghe lén?"

"Không có lệnh tòa nào. Đấy chỉ là cách làm việc của Gregory Burns thôi."

"Đây là Liên bang Xô viết à? Hay là Bắc Triều Tiên? Một thằng cha tổng thống ngu xuẩn thảm hại." Heisman như nhổ ra từng từ. "Gödel nói đúng.

"Gödel?" Rubens ngạc nhiên khi nghe tên nhà lý thuyết thiên tài kia. Anh ngay lập tức nhớ lại một giai thoại nổi tiếng trong lịch sử khoa học.

Kurt Gödel, người đã gây chấn động cả thế giới toán học khi chứng minh tính bất toàn của lý thuyết số tự nhiên, đã rời khỏi nước Áo đang nằm dưới quyền kiểm soát của Quốc xã Đức để bỏ trốn tới

Mỹ. Để có được tư cách công dân Mỹ, ông ta phải vượt qua một cuộc phỏng vấn với một thẩm phán, vậy nên Gödel, một học giả chân chính, đã dày công nghiên cứu hết Hiến pháp Mỹ. Và ông có một khám phá động trời. Khi nghiên cứu một cách lý trí, Hiến pháp ẩn chứa một mâu thuẫn vô cùng lớn. Đằng sau chính sách dân chủ kia, nó cũng tạo ra một hệ thống nơi một nhà độc tài có thể sinh ra một cách hợp pháp. Và Gödel lại đi chọn đúng buổi phỏng vấn với thẩm phán mà làm một buổi thuyết giảng nhỏ về phát hiện của mình. May sao, người bảo hộ và bạn của ông, Albert Einstein, đã sắp xếp trước với thẩm phán, vậy nên Gödel vượt qua bài phỏng vấn và thuận lợi trở thành công dân Mỹ.

Đây từng chỉ là một giai thoại hài hước trong lịch sử khoa học, nhưng giờ đây, vào thế kỷ hai mốt, nó không còn buồn cười nữa. Một tay độc tài đặt mình lên trên luật pháp thực sự đã xuất hiện. Vai trò ban đầu của tổng chưởng lý và các cố vấn pháp luật khác của tổng thống là xem xét tính hợp pháp của các quyết định ông ta đưa ra, nhưng những phương thức phòng ngừa thế này không còn tác dụng nữa. Thời chính quyền Burns, nhiệm vụ của các luật sư là bóp méo các điều khoản luật cho vừa ý tổng thống. Chính quyền này hoàn toàn là một chế độ độc tài, trong đó tổng thống, tổng tư lệnh tất cả lực lượng quân đội, trong thời gian nắm quyền có thể bất chấp luật pháp.

Chúng ta đã thua đám tín đồ Hồi giáo chính thống rồi, Rubens nghĩ. Đất nước đề cao tự do hơn tất thảy đã không còn. Tại sao khi các chính trị gia càng muốn bảo vệ chế độ dân chủ, họ lại càng dấn sâu hơn vào chế độ toàn trị. Tự do trong một quốc gia chẳng lẽ không hơn gì một ảo ảnh?

“Trở lại chủ đề.” Rubens bắt đầu, nhưng Heisman ngắt lời anh.

“Tôi đang bị theo dõi vì bản báo cáo đó?”

“Đúng vậy.”

“Mục 5 đã trở thành hiện thực rồi, phải không?”

Rubens cố gắng không để lộ nỗi ngạc nhiên mỗi lần Heisman thể hiện đầu óc sắc bén của mình. “Đúng vậy.”

“Chuyện xảy ra ở đâu? Không phải ở rừng Amazon, tôi nghĩ vậy. Ở Đông Nam Á? Hay là ở châu Phi?”

“Tại sao ông lại loại bỏ khu vực rừng Amazon?”

“Các bộ tộc thiểu số ở đó đều giết những đứa trẻ sơ sinh mang dị tật. Nếu một loài người mới ra đời, họ sẽ giết nó ngay.”

Rubens sững người vì những lời này. Trong hai trăm nghìn năm lịch sử nhân loại, mãi tới khoảng một trăm năm trước – trước thời của y tế hiện đại – trẻ sơ sinh có ngoại hình khác biệt vẫn còn bị giết ở mọi nền văn hóa. Tục giết trẻ sơ sinh là một hình thức chọn lọc nhân tạo. Nếu bất cứ cá thể tiến hóa nào xuất hiện, hẳn nó đã bị giết rồi. Con người, luôn luôn hăm hở loại trừ những kẻ khác biệt, có lẽ đã tiêu diệt sự tiến hóa từ trong trứng.

Vậy thì tại sao lần này người Mbuti lại cho phép một đứa trẻ với cái đầu có hình dạng khác thường đến vậy sống sót? Người Mbuti lẽ nào đã tạo ra một nền văn hóa chấp nhận những đứa trẻ mang dị tật? Rubens không thể biết.

“Đúng như ông phỏng đoán, nơi đó là châu Phi, cụ thể là Congo. Đứa trẻ là người Pygmy, đã ba tuổi. Giờ đây Nhà Trắng đang tiến hành một nhiệm vụ bí mật, và họ cho người giám sát ông bởi đã có thông tin bị rò rỉ.”

Rubens giải thích mục tiêu và bối cảnh của chiến dịch Thần báo thù, cố gắng súc tích nhưng vẫn nhắc tới tất cả các điểm mấu chốt. Heisman đứng im phắc dưới ánh đèn, hệt như một bức tượng triết gia. Khi nghe kể đứa trẻ Pygmy được đặt mật danh Nous, ông mỉm cười. “Một cái tên hay,” ông nói. “Và anh nghĩ điều gì đã tạo nên bước tiến hóa này?”

“Đây chỉ là phỏng đoán, nhưng tôi nghĩ trong yếu tố phiên mã có đột biến. Có khả năng trong một gene khác cũng có đột biến trung tính. Nhưng dù có đi phân tích toàn bộ bộ gene của Nous, khoa học hiện đại cũng không thể giải thích cơ chế khiến cho một đột biến gene tạo ra tiến hóa tại não bộ. Càng như vậy nếu nó có ảnh hưởng tới di truyền học biểu sinh.”

Heisman gật đầu. “Nói tiếp đi,” ông giục. Cuối cùng, sau khi nghe

Rubens kể lại mọi chuyện, ánh lấp lánh thách thức kia lại hiện lên trong mắt ông. “Thật là thú vị. Một đứa trẻ ba tuổi lại có thể hành hạ một siêu cường đến mức đó.”

“Lý do tôi tới đây ngày hôm nay là để xem ông có thể cho tôi lời khuyên nào không.”

“Không có,” Heisman cự tuyệt. “Tiếc nuối duy nhất của tôi là không được thấy tổng thống khóc mù mắt đi.”

“Giáo sư,” Rubens nói, cố ép bản thân bình tĩnh. “Ông có vẻ không ưa chính quyền này lắm.”

“Không chỉ chính quyền này. Tôi ghét bất cứ ai nắm quyền. Sự tồn tại của họ là một điều xấu xa nhưng cần thiết, chắc vậy, nhưng họ đã đi quá xa rồi. Tôi thậm chí còn có thể nói mình căm ghét loài người.”

Sâu thẳm bên trong, Rubens biết mình cũng cảm thấy như vậy. “Tại sao?”

“Trong tất cả các sinh vật sống, Homo sapiens là loài vật duy nhất phạm tội diệt chủng với đồng loại của chính mình. Đó là định nghĩa của con người. Bản chất con người là tàn nhẫn. Những chủng người khác từng sống trên trái đất – người tối cổ và Neanderthal – đều bị người hiện đại trừ khử.”

“Tức là không phải trí thông minh đã giúp chúng ta sống sót mà là sự tàn nhẫn?”

“Đó là cách nhìn nhận của tôi. Người Neanderthal có dung tích não lớn hơn chúng ta. Điều duy nhất chúng ta có thể nói chắc, là người hiện đại không muốn cùng tồn tại với các chủng người khác.”

Rubens biết đây không phải một kết luận vội vàng. Những bộ xương người Neanderthal được khai quật thực sự có vết thương gây ra bởi bạo lực, thậm chí cả dấu vết bị ăn thịt. Bốn mươi nghìn năm trước, trên lục địa châu Âu, chỉ có hai loài sở hữu trí tuệ có thể nấu chín con mồi – người Neanderthal và người hiện đại.

“Đó là một giả thiết hợp lý,” Heisman nói tiếp. “Những người châu Âu từng xâm chiếm Bắc và Nam Mỹ đã giết chín mươi phần trăm dân số bản địa thông qua chiến tranh hoặc dịch bệnh. Hầu hết

các bộ tộc đều bị tận diệt. Và trên lục địa châu Phi, để bắt giữ mười triệu nô lệ, lượng người mất mạng còn lớn gấp nhiều lần. Họ cũng là đồng loại với kẻ bắt giữ, nhưng những kẻ bắt giữ không hề quan tâm. Người hiện đại đối xử vô cùng tồi tệ với các chủng tộc khác."

Khi nhớ lại lịch sử Congo, Rubens thấy tuyệt vọng. Chế độ nô lệ không phải là tai ương duy nhất rơi xuống đầu đất nước ấy. Ở Congo – đất nước một thời là tài sản cá nhân của vua Leopold II nước Bỉ – bất cứ ai phản đối sự chuyên chế bạo ngược của chính quyền đều bị xử tử bằng cách cắt hai bàn tay. Không lâu sau, sự phân biệt chủng tộc của người Bỉ đã vượt khỏi tầm kiểm soát, và người ta thu thập cổ tay của những người bị mình giết hại. Mười triệu người, từ trẻ sơ sinh đến người già, đã bị giết. Cho tới thế kỷ hai mươi, chỉ còn châu Phi bị bỏ lại không phát triển do việc buôn bán nô lệ và chế độ cai trị thuộc địa tàn ác đã cướp đi tài nguyên quý giá nhất – con người.

"Con người không thể hiểu rằng họ cùng các chủng tộc khác đều là đồng loại. Họ phân biệt người với người bằng màu da, quốc tịch, tôn giáo – thậm chí bằng cả những nhóm quy mô nhỏ hẹp như vùng địa lý và gia đình – và coi đó là các yếu tố làm nên căn cước của mình. Cá nhân từ các nhóm khác bị nhìn nhận với sự thù địch, như thể họ là một giống loài khác. Đây không phải một quyết định lý tính mà là đặc tính sinh học. Não con người tự động phân biệt các cá thể khác mình và coi họ là mối nguy hiểm. Đối với tôi, đây cũng đủ là bằng chứng cho sự tàn nhẫn của con người."

Rubens có thể hiểu quan điểm của Heisman. "Nói cách khác, hành vi này được bảo tồn trong giống loài bởi nó hỗ trợ sinh tồn. Ngược lại, nếu một người không cảnh giác trước các chủng tộc khác, anh ta sẽ bị chủng tộc đó giết."

"Đúng vậy. Logic đó cũng giống như một loài vật không sợ rắn bị rắn độc cắn khiến số cá thể suy giảm. Kết quả là các cá thể có sợ rắn sẽ sống sót ở số lượng lớn hơn, và hầu hết hậu duệ của chúng sẽ có nỗi sợ bản năng với rắn."

"Nhưng không phải chúng ta cũng có khao khát hòa bình sao?"

"Kêu gọi hòa bình thế giới dễ hơn hòa hợp với hàng xóm nhiều,"

Heisman đáp lại vẻ châm chọc. “Coi này, chiến tranh chỉ là một hình thức khác của việc ăn thịt người. Con người sử dụng trí thông minh của mình để che giấu bản năng ăn thịt đồng loại. Họ tạo ra đủ cách ngụy biện cho nó – chính trị, tôn giáo, lý tưởng, lòng yêu nước – nhưng sâu bên trong, họ cũng chỉ có những khao khát giống như động vật. Người giết người để bảo vệ lãnh thổ, tinh tinh phát điên và trở nên bạo lực khi lãnh thổ bị xâm phạm – hai thứ này nào có khác nhau?”

“Vậy ông giải thích sự vị tha như thế nào? Một số người làm những điều chúng ta coi là việc tốt và không hề vị kỷ.” Khi nói, Rubens tưởng tượng ra cậu trai người Nhật xơ xác kia – Koga Kento, người trên bức ảnh kẹp kèm bản báo cáo của DIA. Cậu thanh niên đó, xấu xí và rõ ràng không phải người hấp dẫn phái nữ – tại sao lại tiếp tục phát triển thuốc mặc dù biết mình đang gặp nguy hiểm khôn lường?

“Tôi không phủ nhận mặt tốt của con người. Nhưng việc tốt được coi là có đạo đức chính bởi chúng trái ngược với bản chất con người. Nếu đó là những hành vi sinh học bình thường, chúng ta sẽ không tung hô nó. Cách duy nhất con người có thể thể hiện sự tốt đẹp của đất nước mình là dừng giết chóc người nước khác. Nhưng loài người bây giờ còn chẳng làm được thế.”

Rubens biết khả năng biện luận của mình có thể không đủ để phản bác lại sự bất tín nhiệm đã bắt rễ sâu sắc của Heisman với con người. Heisman có lẽ còn hy vọng rằng báo cáo của mình sẽ trở thành hiện thực, rằng con người sẽ bị xóa sổ.

“Xin lỗi, nhưng tôi không thể hợp tác với chiến dịch của Lầu Năm Góc. Nếu một chủng người mới đã xuất hiện, tôi coi đó là lý do để ăn mừng. Người hiện đại là những sinh vật thảm hại đã dành gần hết hai trăm nghìn năm vừa rồi tàn sát lẫn nhau. Tình thế hiện tại, nghĩa là con người chỉ có thể cùng tồn tại bằng cách đem vũ khí hủy diệt hàng loạt ra đe dọa lẫn nhau, cho thấy giới hạn trong đạo đức của chúng ta. Đã đến lúc ta giao lại hành tinh này cho thế hệ sinh vật tiếp theo.”

“Nhưng thưa giáo sư...” Giọng Rubens vô thức nghe như cầu xin. Anh đã bị dồn vào góc, và anh biết mình phải đánh vào trí tuệ của Heisman. “Còn một lý do nữa cho cuộc viếng thăm ngày hôm nay của tôi. Tôi có thể chiếm thêm chút thời gian nữa của ông?”

“Cứ hỏi những gì anh muốn, nhưng tôi đã quyết rồi.”

“Tối nay mới có công bố chính thức, nhưng phó tổng thống Chamberlain đã bị ám sát ngày hôm nay.”

Heisman hẳn cũng ngạc nhiên vì tin tức này, nhưng ông chỉ nhướng mày.

Rubens giải thích chi tiết vụ cướp máy bay không người lái và việc Nous cùng nhóm người đồng hành đang bị cầm chân ở Congo, “Điều tôi sắp sửa nói ở đây là tối mật, vậy nên làm ơn hãy giữ miệng. NSA đã lần theo dấu vết vụ xâm nhập mạng lưới máy tính của không quân và xác định nguồn gốc của tín hiệu. Chiếc Predator bị cướp bởi...”

“Nhóm Hồi giáo chính thống?”

“Không. Quân đội giải phóng nhân dân Trung Hoa. Cuộc tấn công mạng do Cục bốn trong Bộ tổng tham mưu của họ tiến hành.”

Mắt Heisman dại đi.

“Nhưng chỉ những người có liên quan tới chiến dịch Thần báo thù mới biết kẻ thực sự đứng đằng sau. Nous. Vấn đề là không có chứng cứ. Chính phủ Mỹ nghĩ rằng đó là một cuộc khủng bố mạng Trung Quốc tiến hành. Nếu giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc thực sự xảy ra đối đầu quân sự, tất cả châu Á – vẫn bị gọi là vùng bất ổn – sẽ bị lôi kéo vào, cùng với Nga, châu Âu, các quốc gia Ả Rập, và Israel. Việc này có thể khơi mào một cuộc thế chiến nữa.”

“Nhưng trong trường hợp này...” Heisman mở miệng rồi lại lặng đi, mắt nhìn Rubens.

“Đúng vậy. Người có thể phóng quả tên lửa hạt nhân đầu tiên là tổng thống Hoa Kỳ.”

Im lặng bao trùm lên những giá sách. Rubens chửi rủa sự yếu ớt của hòa bình nhân loại. Tại sao, anh nghĩ, tại sao chúng ta luôn phải sống trong nỗi sợ hãi người giết người? Nỗi lo lắng này chưa từng

buông tha, từ thời điểm loài người lần đầu xuất hiện tới giờ, hai trăm nghìn năm đằng đẵng. Kẻ thù duy nhất của nhân loại là chính đồng loại của nó – những con người khác. "Cứ đà này, mục 3 trong *Báo cáo Heisman* có lẽ sẽ xảy ra. Thậm chí dù chỉ là chiến tranh hạt nhân hạn chế, một khi quả đầu tiên nổ, chuyện nhân loại diệt vong chỉ là vấn đề thời gian."

Heisman lặng đi một lúc, rồi ngẩng lên. "Được rồi," ông nói. "Tôi sẽ trả lời câu hỏi của anh. Cứ hỏi bất cứ thứ gì anh muốn."

Rubens cảm ơn ông và phát pháo. "Chiến dịch Thần báo thù có bao nhiêu phần trăm thành công?"

"Zero. Chúng ta không có cơ hội thắng một trí tuệ đã tiến hóa."

"Nếu vậy, chiến lược tốt nhất của chúng ta là gì?"

"Tìm ra ý đồ của Nous."

"Ý đồ của nó? Liệu việc đó có khả thi? Theo như báo cáo của ông, nó sở hữu các năng lực tinh thần mà ta không thể hiểu được."

"Không, Nous hoàn toàn hiểu được khả năng hiểu biết của ta. Và nó đang đặt ra một vấn đề ta có thể giải quyết. Nó đang giao tiếp với ta."

Nhìn lại tất cả những chuyện đã xảy ra, Rubens mới thấy điều này đúng đắn đến mức nào. Nous có thể đoán ra tất cả suy nghĩ của họ.

"Không có cơ hội chiến thắng, vậy nên chúng ta phải hiểu ý định của Nous và chọn cách thua tốt nhất. Làm thế thì chúng ta có thể tránh được hủy diệt hoàn toàn. Nếu là các cách thua tốt nhất, chúng ta chỉ có hai lựa chọn."

Rubens đặt tay lên trán, vắt óc suy nghĩ. Lần đầu tiên trong đời, có người vượt trội hơn anh về mặt trí tuệ. "Đợi một phút. Ý ông là sao?"

"Anh vẫn chưa hiểu sao? Nó không giết phó tổng thống vì tức giận. Qua vụ máy bay không người lái này, nó đang nói với chúng ta chiến thuật của mình."

"Chiến thuật của Nous?"

"Chính xác. Hãy nghĩ đến tương quan sức mạnh giữa chúng ta và

Nous. Đối với con người, có ai có sự thông thái ta không sánh bằng?"

Rubens chỉ có thể đưa ra một câu trả lời. "Chúa."

"Đúng vậy. Tương quan sức mạnh giữa nhân loại và siêu nhân loại cùng giống như giữa con người với Chúa. Bởi đối thủ phản công bằng quyền năng vượt quá trí tuệ loài người. Nous chọn chiến thuật của Chúa. Ban đầu, nó cố hợp tác với con người. Nếu loài người từ chối cách đặt vấn đề kia, nó sẽ phản kích bằng bạo lực. Nhưng nếu sau đó họ cố phối hợp, nó sẽ ngay lập tức phối hợp trở lại. Và nó không có khao khát trả thù. Không phải Chúa trong Kinh thành cũng dùng chiến lược giống vậy để thu phục con người?"

Rubens sửng sốt. Chiến lược của Nous mà Heisman đã nhìn thấu rất giống với thế lưỡng nan của người tù và chiến thuật ăn miếng trả miếng đã được phát hiện nhờ mô phỏng máy tính. "Vậy là Chúa khôn khéo chứ không hiểm ác?"

Heisman cười nhạt nhưng rồi cau mày. "Bởi chúng ta chọn tấn công làm bước đầu tiên, đối thủ của chúng ta đã phản kháng lại. Nếu tiếp tục tấn công, ta sẽ còn phải chịu các cuộc phản công dữ dội hơn nữa. Tất cả những gì chờ đợi chúng ta là hủy diệt. Mặc dù vậy, nếu tỏ ý muốn hợp tác, ta sẽ được tha thứ. Mối tương quan kiểm soát và phục tùng vẫn không thay đổi. Chúng ta không có cơ hội thắng, điều duy nhất ta có thể làm là khuất phục trước nó."

"Vậy kết luận của ông là chúng ta nên dừng chiến dịch Thần báo thù ngay lập tức?"

"Đúng thế. Làm thế là Nous sẽ dừng phản công ngay lập tức. Bằng cách nào đó nó sẽ loại bỏ nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Nó phải bảo vệ môi trường trái đất, nếu không nó sẽ không thể đảm bảo môi trường sống cho bản thân."

Lần đầu tiên, Rubens nhận ra một câu đố mà anh đã bỏ qua cùng câu trả lời của nó. Nếu Nous có khả năng cướp máy bay Predator, vậy tại sao nó lại tấn công phó tổng thống thay vì thao túng các máy bay ở Congo?

"Đã đẩy đến nước này, nếu Nous bị tiêu diệt, mối hiểm họa chiến tranh hạt nhân vẫn còn đó."

“Đúng vậy. Đó chính là mục đích của nó khi giết Chamberlain và làm như đó là tội của người Trung Quốc. Để giống loài có cơ hội sống sót, chúng ta đã bị đẩy tới nước phải bảo vệ mạng sống của Nous.”

Đã bao nhiêu lần, Rubens băn khoăn, mình phải sửng sốt trước trí tuệ của đứa trẻ ba tuổi này?

“Nếu còn dồn Nous vào góc, tình hình sẽ còn tệ hơn. Tiếp theo, nó có thể ám sát một nhà cầm quyền Trung Quốc và dàn dụng sao cho Hoa Kỳ có vẻ là kẻ chủ mưu. Nhưng chê trách nó trên quan điểm đạo đức là sai lầm. Con người cũng sẽ đánh trả nếu bị tinh tinh tấn công, không có chút day dứt. Cả hai đều giống nhau.”

Một con khỉ chết dưới nòng súng thợ săn, Rubens nghĩ, có lẽ sẽ chết mà không bao giờ hiểu nổi chuyện gì đã xảy ra.

“Vậy bây giờ điều duy nhất ta có thể làm là bảo vệ Nous. Đó là tất cả những gì tôi có thể dạy anh. Liệu vậy đã đủ chưa?”

“Đủ rồi. Tôi vô cùng cảm kích những lời khuyên của ông” Rubens nói, hết sức xấu hổ về quyết định mình từng đưa ra là trừ khử Nous. “Tất cả đều rất hữu ích.”

Heisman đưa tay ra. “Đưa tôi cuốn sách. Họ sẽ thấy đáng nghi nếu tôi không ký.”

Biết ơn lòng tốt của ông, Rubens giơ ra cuốn *Lược sử khoa học* cùng cây bút. Khi Heisman vươn tay ra đón, tay áo bên trái của ông hơi xốc lên, và thứ Rubens nhìn thấy thiếu chút nữa khiến anh thốt lên. Heisman có một hình xăm mờ phía trong cánh tay trái. Một chữ cái duy nhất, tiếp sau là bốn chữ số: A1712. Số hiệu tù nhân dành cho những người từng ở trong trại Auschwitz.

Sáu triệu người từng chết dưới trướng Quốc xã Đức, chỉ vì họ là người Do Thái. Rubens tính toán và đoán rằng Heisman hẳn vẫn còn là một thiếu niên vào thời xảy ra Holocaust. Anh băn khoăn chuyện gì đã xảy ra với gia đình vị tiến sĩ và nhớ ra rằng giữa hàng ảnh trong phòng khách không có lấy một tấm ảnh cũ.

Vào thời chiến tranh lạnh, Heisman đã tham gia vào một hội đồng cố vấn trong chính phủ Mỹ, nhưng ông là một nhà khoa học nổi loạn,

luôn phản bác việc dùng đến chiến tranh. Ông là trí tuệ vĩ đại nhất của thế hệ mình, là người đã dạy cho Rubens sự mê hoặc và cuốn hút thực sự của khoa học. Rubens lén nhìn bàn tay Heisman đang ký sách, mường tượng ra bàn tay ấy từ ngày xưa, nhỏ bé hơn, phải lao động khổ sai từ sáng tới đêm trong khi bạn bè cùng gia đình của ông lần lượt bị giết hại. Bàn tay ấy có còn nhớ tới lần cuối cùng chạm vào mẹ ông?

Lòng biết ơn bất chợt dâng lên trong tim Rubens – biết ơn dành cho ông già đã chiến đấu lại số phận tàn nhẫn và sống sót, và biết ơn dành cho cuộc sống ông không ngừng bảo vệ. Rubens muốn nói với nhà khoa học Do Thái cộc tính, ghét người này rằng mình kính trọng ông tới mức nào và mến mộ ông biết bao.

“Của anh đây.”

Heisman trả lại quyển sách và nhìn Rubens với một vẻ băn khoăn trên khuôn mặt. Rubens đang cố kìm lại nước mắt. Heisman liếc nhìn tay trái mình và có vẻ đã đoán được tâm trạng Rubens lúc này. Ông lật những trang sách đầy đường gạch chân đã quăn góc. “Có vẻ anh thực sự thích cuốn sách của tôi,” ông nói. “Cảm ơn vì điều đó.”

“Không, cảm ơn ông. Tác phẩm của ông sẽ còn ảnh hưởng tới các thế hệ về sau.”

Heisman gật đầu, vẻ mặt nghiêm khắc đã biến mất, và ông điềm đạm nói như thể đang chuyện trò với một người bạn. “Sáu tỷ rưỡi người hiện sống trên trái đất này, sau một trăm năm nữa, cũng sẽ chết hết thôi. Vậy tại sao họ cứ phải tiếp tục giết hại nhau?”

“Có lẽ là vì có quá nhiều người không giấu giếm bản chất thực sự của mình”

Heisman cười. “Đừng có chỉ học lịch sử. Nhiệm vụ duy nhất của môn sử là dát vàng lên các cuộc thảm sát thực hiện bởi mấy thằng ngu nghiện quyền lực, biến chúng nó thành mấy câu chuyện anh hùng”

“Đúng vậy.”

“Có một điều nữa tôi muốn bổ sung về chiến dịch của các anh.”

“Cứ tự nhiên.”

“Anh đang bỏ qua một vấn đề rất trọng yếu.”

Rubens cau mày vì câu nói bất ngờ này. Vẫn còn vấn đề khác sao?

“Nhưng anh có thể để yên cũng được. Nó sẽ không có ảnh hưởng lắm tới việc khác. Cứ coi đây là một câu đố. Hãy cố tìm câu trả lời trong khi anh làm việc.”

Rubens vắt óc suy nghĩ, lật lại từng chi tiết về chiến dịch nhưng vẫn không có ý tưởng gì. “Ông có thể cho tôi một gợi ý?”

“Tại sao Nous muốn tìm phương thuốc cho một chứng bệnh nan y?”

Rubens đã nhắc tới điều này khi giải thích tình hình cho Heisman. Theo quan điểm của anh, Nous có hai mục đích: đưa Yeager, người có con mắc bệnh, về phe mình; và sử dụng đám trẻ mắc bệnh làm con tin để đảm bảo an toàn cho Koga Kento. “Còn một mục đích ngầm khác những gì tôi đã nói tới?”

“Đúng thế. Từ quan điểm của Nous, phát triển thứ thuốc đặc trị này là giải pháp lý tính nhất.”

“Giải pháp? Ông đang nói rằng nó đã cho chúng ta nhiều câu đố khác cần lời giải đáp?”

Heisman gật đầu và mỉm cười đầy ẩn ý. “Khi điều hành chiến dịch, không phải anh đã nghĩ có gì đó không đúng sao? Không phải từng có một câu hỏi nhỏ vẫn lấn cấn trong anh, dù chỉ là vô thức?”

Giờ khi ông nhắc tới, Rubens khá chắc là có. Nhưng giống như một giấc mơ từ vài ngày trước, câu hỏi này nằm dưới tầng ý thức và không chịu trở nên rõ ràng.

Heisman nhìn Rubens, ánh mắt ông vừa ngây thơ, vừa khinh miệt. Khuôn mặt một ông thầy vừa giao cho học trò mình một bài toán khó khăn. “Cứ cho đây là bài tập về nhà của anh đi. Một gợi ý nữa này: anh đang đánh giá thấp trí tuệ của kẻ thù. Hãy vô cùng, vô cùng cẩn trọng.”

Đồng hồ đếm ngược của GIFT chỉ còn lại vài giây.

“Năm mươi chín giây,” Jeong Hoon thông báo. Họ sẽ sớm biết cấu trúc của thuốc.

Nhìn vào màn hình máy tính, Kento thầm sợ hãi. Nếu GIFT lại hiện NONE, cậu sẽ không thể cứu đám trẻ mắc bệnh. Nhưng nếu nó thực sự đưa ra câu trả lời, nhiệm vụ phát triển thuốc sẽ chuyển từ Jeong Hoon, người đã nắm việc này từ đầu tới giờ, sang cậu. Và Kento không hề tự tin rằng mình sẽ hoàn thành nổi công việc.

Ba mươi giây nữa. Kento cố ý thở nông hơn. Chỉ hít vào nửa lượng oxy bình thường, cậu nhanh chóng cảm thấy nghẹn thở. Đây là nỗi đau mà tình trạng giảm thông khí phế nang phổi gây ra. Những đứa bé mắc PAECS bị căn bệnh khốn khổ này đẩy vào một cuộc chiến vô vọng kéo dài hàng năm trời. Kento hình dung Kobayashi Maika và cố triệu hồi ý thức sứ mệnh của một dược sĩ. Cậu phải kiểm soát chứng bệnh chết người này, cứu cô bé.

“Mười giây.”

Giọng Jeong Hoon kéo cậu trở về với GIFT.

“Năm, bốn, ba, hai, một,” họ cùng nhau đếm ngược, và khi tới không, mắt họ như dán vào màn hình.

Một cửa sổ mới tràn kín màn hình. “Đây rồi!” Jeong Hoon reo lên.

Trên màn hình là một danh sách các hợp chất. Câu trả lời của GIFT vượt quá kỳ vọng của họ. Có hai mươi ứng cử viên với hoạt tính lên tới 100 phần trăm. Danh sách bao gồm cả tác dụng dược động học của thuốc, và khi kích vào, họ còn thấy các số liệu rất chi tiết dự đoán độ hấp thụ, đào thải và độc tính, cùng với một danh sách các thuốc đang lưu hành có tương tác thuốc chống chỉ định.

“Tớ thấy như mơ vậy,” Jeong Hoon nói. Cậu ta dính lấy máy tính, phấn khích nghiên cứu những ứng cử viên tiềm năng. Khi đã xong, cậu nói, “Tớ nghĩ bất cứ cái nào cũng dùng làm thuốc được, nhưng

có một việc tớ vẫn lo. Ví dụ, đây này."

Jeong Hoon mở một trong mấy ứng cử viên và chỉ vào tiêu đề "trao đổi chất". "Thuốc này hoạt động khác nhau tùy thuộc cơ thể từng người. Có vẻ hiệu quả của thuốc phụ thuộc vào khác biệt trong các gene tạo ra enzyme trao đổi chất. Với một số người, thuốc này sẽ hoàn toàn bị chuyển hóa trong gan và sẽ không có đủ thuốc tới phổi."

"Nói cách khác, nó chỉ có thể dùng với người có chuỗi bazơ cố định."

"Chính xác. Và còn có đủ thể loại vấn đề khác nữa, ví dụ các thuốc gây độc cho thận đối với một số bệnh nhân."

Do họ không biết chuỗi bazơ của cả Justin Yeager và Kobayashi Maika, những thuốc này đều nguy hiểm. "Không có thuốc dùng được cho mọi người sao?"

"Có tám loại trong danh sách này tớ nghĩ sẽ an toàn. Nếu kích vào đây, cấu trúc của nó sẽ hiện ra, nên cậu có thể đọc qua và kiểm tra xem chúng có thể tổng hợp được không?

"Tớ hiểu rồi."

Cuối cùng cũng đến lượt Kento. Cậu hít một hơi sâu, thế chỗ Jeong Hoon trên ghế và đối diện với phần mềm vượt quá trí tuệ nhân loại. Khi nhấn vào những con số tuần tự trên danh sách, hai công thức cấu trúc xuất hiện: một cho một chất hiệu ứng dị lập thể có thể thay đổi hình dạng thụ thể, một cho một chất chủ vận có thể liên kết với vùng liên kết phối tử đã bị đột biến. Các nguyên tố như carbon, hydro, oxy và nitơ được gắn với nhau thành vòng lục giác với nhóm chức nhô ra ngoài hình dích dắc. Đây là cấu trúc của từng phương thuốc.

Kento nhìn chằm chằm vào chúng và cố thực hiện phân tích tổng hợp ngược trong đầu. Để tổng hợp thứ thuốc GIFT đã tìm ra, cậu sẽ phải sử dụng các tác chất để biến hợp chất có sẵn qua nhiều bước tuần tự thành thành phẩm cuối cùng. Phân tích tổng hợp ngược chính là vạch ra một quy trình tổng hợp từ nguyên liệu tới sản phẩm nhưng theo chiều ngược lại. Như vậy, cậu có thể ước lượng mình sẽ cần tác chất và điều kiện gì theo thứ tự nào.

Kento đầu tiên loại bỏ các ứng viên bất đối xứng. Cậu làm vậy bởi chúng có thể sinh ra chất đồng phân đối quang bên cạnh hợp chất đang nhắm tới. Trong quá trình tổng hợp, việc tránh gặp phải "sữa ở thế giới trong gương" mất rất nhiều thời gian. Tiếp theo, cậu tìm những điểm dễ xảy ra các phản ứng đơn giản như amid hóa, oxy hóa và oxy hóa-khử. Cậu xem xét sản phẩm của từng phản ứng xem có xảy ra tình trạng khử xeton hay có dẫn xuất halogene hoặc dị nguyên tử không. Cậu tham khảo các sách đã mua, nhưng vẫn còn quá nhiều thứ mơ hồ.

"Tớ không có đủ thông tin," Kento nói. "Giá được dùng máy tính của trường thì tớ đã truy cập được cơ sở dữ liệu của trường."

"Ý cậu là thứ này?" Jeong Hoon hỏi liền và mở chức năng tra cứu cơ sở dữ liệu từ menu của GIFT. Màn hình thay đổi và trang thông tin hóa học Kento đang cần xuất hiện.

"Tên đăng nhập với mật khẩu thì tính sao?"

"Cậu cứ thế đăng nhập vào thôi. Có vẻ GIFT đang truy cập trái phép vào trang web này."

Đến nước này, Kento cũng không thèm lo về tiểu tiết nữa. Sử dụng trang mạng này, cậu có thể lấy dữ liệu cả trăm triệu hợp chất hóa học và tìm kiếm hơn hai mươi triệu phản ứng hóa học hữu cơ đã biết.

Cậu nhanh chóng mở chương trình soạn thảo cho phép viết công thức hóa học, và nhập vào các phản ứng đang hình dung ra. Nhưng tất cả đều có vẻ sai, và cậu không đạt được quy trình tổng hợp nào đủ khiến cậu tự tin. Cuộc vật lộn kéo dài khiến lo lắng dấy lên trong lòng cậu. Có lẽ việc này thực sự vượt quá khả năng một sinh viên cao học năm hai. Nhưng cậu chỉ còn mười sáu ngày để tạo ra hai loại thuốc. Chậm trễ là không thể chấp nhận.

Cậu quyết định để mớ ứng viên không mấy triển vọng lại sau và lần lượt đọc qua những chất còn lại. Nhưng dần dần, cậu từ bỏ hy vọng. Bị dằn vặt bởi cảm giác bất lực, cậu nhìn tới ứng viên cuối cùng. Vừa oán thán sự thiếu hiểu biết của mình, Kento vừa mở công thức cấu trúc thứ tám lên.

Chất chủ vận xuất hiện trên màn hình là một cấu trúc dài, mảnh, với hai vòng benzen và một hợp chất dị vòng, cùng lưu huỳnh, nitơ và hai nhóm amino gắn kèm. Ba cấu trúc vòng có lẽ tạo thành một nhóm chức nhằm liên kết đích xác với GPR769 đột biến. Mặc dù chất hiệu ứng dị lập thể được sử dụng cùng với nó có thành phần và cấu trúc khác, nó cũng gồm ba hợp chất vòng.

Vừa nhìn thấy cặp chất đó, mắt cậu như dính vào màn hình. Dù là không có mấy căn cứ, nhưng trực giác của cậu nói rằng, cậu có thể tổng hợp thứ này. Các công thức lần lượt xuất hiện trong tâm trí cậu, và cậu viết vào sổ và tuần tự kiểm tra từng phản ứng.

Một tiếng sau, cậu ngẩng lên. “Tớ nghĩ cái này được đấy,” cậu nói. Mặc dù vẫn còn vài chỗ mơ hồ trong quy trình tổng hợp, cả hai loại thuốc đều có thể được tạo ra từ nguyên liệu ban đầu sau khoảng bảy phản ứng. Vấn đề còn lại là thời gian thực để tổng hợp. Nhưng Kento lạc quan tin rằng họ có thể hoàn thành kịp lúc.

“Vậy là cái thứ tám?” Jeong Hoon vui sướng hỏi. “Nó cũng là cái tốt nhất, xét về tác dụng dược động học dự báo. Mức sinh khả dụng của nó là chín mươi tám phần trăm.”

Jeong Hoon trông như một nhà nghiên cứu thực thụ khi cậu liến thoắng giải thích chi tiết. Tai vẫn lắng nghe thông tin về thời gian bán thải trong máu và những thứ khác, Kento bắt đầu tưởng tượng ra phương thuốc hoàn chỉnh. Họ sẽ không áp dụng phương pháp truyền tĩnh mạch mà sẽ cho bệnh nhân uống qua đường miệng. Mười miligram uống một lần một ngày; năm miligram đối với trẻ sơ sinh. Và thuốc sẽ có tác dụng trong vòng ba mươi phút kể từ khi uống.

“Còn độc tính thì sao?”

“Cực kỳ thấp. Nó không gây ung thư hay dị tật ở thai nhi, và độc tính về lâu dài còn thấp hơn aspirin. Tuy nhiên, ngoài GPR769 đột biến, thuốc này cũng sẽ liên kết với mười hai thụ thể khác có cùng hình dạng.”

Vậy tác dụng phụ là nó sẽ ảnh hưởng tới các protein khác ngoài protein đích.

“Nhưng khả năng chúng bị hoạt hóa rất thấp. GIFT đã kết luận

rằng thuốc này an toàn."

"Tức là gần như không có tác dụng phụ"

"Có vẻ vậy đấy."

Mọi thứ có vẻ lý tưởng quá. Nhưng cậu có thể thực sự tin tưởng không? Kento thấy sợ.

"Chúng ta nên làm gì?" Jeong Hoon hỏi. "Cậu muốn thử ứng cử viên thứ tám này không?"

Trong thoáng lưỡng lự, Kento nhớ lại lời giáo sư Sonoda. Ông đã phát triển vô số thuốc mới và thường nói với sinh viên của mình sau giờ học, "Một phương thuốc có mọi mặt đều suôn sẻ giống như thể vị thần y học đã tiền định rằng mọi chuyện đều sẽ thuận lợi."

Kento quyết định làm theo quy tắc tự đặt của ông thầy và tin tưởng vào bàn tay can thiệp của thần thánh. Vị thần này đang lệnh cho họ, với tư cách dược sĩ, hãy cứu tất cả những người đang chịu đựng căn bệnh này trên thế giới.

"Triển thôi."

"Tuyệt," Jeong Hoon nói, sôi nổi gật đầu. "Tớ vừa nghĩ không biết ta có nên đặt tên cho thuốc?

"Đúng đấy." Kento nhìn công thức cấu trúc và nghiêng đầu. Nếu tuân theo quy định đặt tên bình thường, tên hợp chất sẽ dài đến nực cười. "Gọi chất chủ vận là GIFT 1 còn chất dị lập thể là GIFT 2 nhé?"

"Hay đấy," Jeong Hoon nói và mỉm cười. "Đây sẽ là một món quà cho tụi nhỏ."

Do phải đồng thời tổng hợp hai loại thuốc khác nhau, họ không chỉ cần thêm tác chất mà còn cả thiết bị thí nghiệm. Họ sẽ đợi tới sáng, và rồi cậu cùng Jeong Hoon chia nhau đi mua đồ.

Jeong Hoon đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, và trông cậu mệt đến rũ rượi. "Tớ ngủ một chút có phiền không?" cậu hỏi.

Kento liếc đồng hồ và thấy lúc đó đã ba giờ sáng. "Không sao đâu."

Jeong Hoon nằm xuống dưới cái bàn ăn kiêm bàn thí nghiệm, dùng ba lô làm gối đầu và áo khoác da làm chăn.

Kento gỡ kính và lấy tay áo chùi khuôn mặt nhờn mỡ. Đột nhiên,

cậu nhìn chiếc máy tính nhỏ. Từ hôm qua tới giờ vẫn không hề có tin tức gì từ Congo.

Jonathan Yeager thế nào rồi nhỉ? cậu băn khoăn.

Chiếc máy tính đen khổ A5 đã trở thành cầu nối giữa Kento và một thế giới siêu thực. Những ngày qua, cậu vẫn đều đặn mua báo, kiểm tra cột tin quốc tế, nhưng không hề có bài đăng nào về một cuộc chiến ở Congo. Nếu ở đó thực sự có chiến tranh trên diện rộng, tại sao giới truyền thông Nhật Bản lại không đả động gì đến? Chừng nào báo chí không thuật lại những sự kiện ở đầu kia thế giới, tất thảy vẫn giống như không có chuyện gì xảy ra. Cậu thấy mình dường như không còn hiểu cái gì đang diễn ra trong thế giới chính mình đang sống.

Kento cầu nguyện rằng Jonathan Yeager vẫn sống sót. Nếu Justin Yeager chinh phục được căn bệnh chỉ để biết bố mình đã chết thì quá là bi thảm.

Yeager mở mắt trong bóng tối. Ai đó đang thì thào tên anh. Anh dựng người ngồi dậy trên tấm vải dầu và cố nhớ giọng đó là của ai. Sự mệt mỏi bấy nay dồn nén không chỉ khiến cơ thể mà cả đầu óc anh đều trì trệ.

“Dậy mau. Tôi đã nắm được tình hình.”

Giờ đã tỉnh, Yeager nhớ lại những chuyện đã xảy ra trong hai mươi tư giờ qua. Từ khi hai chiếc Predator biến mất đến giờ là tròn một ngày đêm. Họ đã qua sông Ibina, và Yeager cùng đồng đội băng rừng hướng về phía nam. Pierce không đưa ra lời giải thích nào về việc các máy bay do thám vũ trang không người lái rời khỏi bầu trời Congo, và mấy người lính cũng không ép ông nói. Còn có một mối đe dọa trực tiếp hơn khiến họ bận tâm. Đội quân kháng chiến của Chúa, LRA, vốn chiếm đóng khu bảo tồn hoang dã phía nam, đã bắt đầu hành quân về hướng bắc, như thể định chặn đường họ.

02:30 sáng. Yeager nghe báo cáo của Meyers đang làm nhiệm vụ canh gác rằng mọi chuyện đều ổn, rồi hỏi Pierce có phát hiện gì.

“Anh xem này.”

Trên mặt đất của khu rừng nguyên thủy tối tăm, chiếc máy tính nhỏ tỏa ra một luồng sáng nhàn nhạt. Bên cạnh đó, Akili cuộn tròn người ngủ say. Đúng như Meyers nói, khi ngủ Akili trông như con mèo con. Cẩn thận không đánh thức nó, Yeager đi vòng sang bên để nhìn vào màn hình.

“Chúng ta cuối cùng cũng thu được ảnh từ vệ tinh do thám. Ảnh này là từ mười lăm phút trước.”

Yeager nhìn vào màn hình và giật mình, tỉnh ngủ hẳn. Vệ tinh chụp được vô số điểm phát nhiệt, cho thấy ở đó có người. Và số lượng xem ra lên đến hàng chục ngàn.

“Không phải tất cả đều là địch. Những điểm tỏa ra phía đông bắc là dân làng. Khi lực lượng vũ trang áp tới từ hai phía bắc, nam, họ trở thành nạn dân.”

“Vậy là họ đang cố trốn vào rừng?”

“Có vẻ là vậy,” Pierce nói và chỉ vào màn hình. “Kẻ địch đang đuổi theo chúng ta còn cách hơn ba mươi kilômét về phía bắc. Về cơ bản là chúng ta đã cắt đuôi chúng rồi. Phía nam mới là vấn đề. LRA muốn tiêu diệt chúng ta, và chúng đã tới sát rồi.”

Ngón tay Pierce lần theo con đường chính hướng bắc-nam, rồi tới một nhánh đường dẫn về phía nam. “Chúng tỏa rộng ra hơn mười kilômét.”

Yeager tặc lưỡi lo âu. Lực lượng của địch còn lớn hơn anh tưởng. Và nơi họ đang cắm trại nằm lọt trong đội hình của chúng. Họ bị kẹp từ hai phía đông và nam. Khi bình minh tới, quân địch sẽ lại rầm rộ kéo vào rừng.

“Tại sao chúng cứ khăng khăng phải giết ta?”

“Chúng sẽ nhận được một khoản tiền lớn. Chưa kể chúng sẽ làm ơn cho người Mỹ.”

“Tệ thật.”

“Cũng không hẳn. Đây là cơ hội cho chúng ta.” Giọng Pierce mạnh mẽ. “LRA là rào chắn cuối cùng. Nếu thoát được chúng, ta không còn phải đối phó bất cứ nhóm vũ trang nào nữa. Chúng ta có thể vượt biên.”

“Việc này không dễ đâu.”

“Không, nhưng ta sẽ cố,” Pierce nói. Ngón tay ông di chuyển trên hình ảnh vệ tinh, nhảy qua toán quân LRA chặn đường và chỉ về phía nam. “Có một thành phố tên là Butembo, bốn mươi kilômét về phía nam. Tôi có một chiếc xe cùng nhu yếu phẩm đang đợi ở đó. Sau khi gọi cho tài xế, anh ta sẽ tới trong khoảng ba mươi phút. Nếu có thể đi bằng chiếc SUV này thì Uganda ở rất gần. Chúng ta có thể ra khỏi Congo vào sáng nay.”

“Ai lái chiếc SUV?”

“Một anh chàng khá trẻ chúng tôi tạm thời tuyển. Một hướng dẫn viên du lịch người Uganda.”

“Nghe có vẻ hứa hẹn,” Yeager nói, nhưng với anh, kế hoạch của Pierce giống như một giấc mơ suông. “Vấn đề là đội hình của LRA. Hẳn phải có hơn một sư đoàn được cử tới – mười lăm tới hai mươi nghìn quân. Làm sao chúng ta phá nổi vòng vây này?”

“Đó là lý do chúng ta sẽ mở đường xông qua chính nơi tâm địch.” Pierce nhanh tay mở ra một văn bản khác. “Xem này. Đồng minh của chúng ta ở Nhật đã xâm nhập vào đây và tìm ra kế hoạch tác chiến của một đơn vị PKO.”

“PKO?” Việc này quả thật là bất ngờ. Yeager đọc tài liệu bí mật của lực lượng gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc, trong đó trình bày một cuộc tấn công bất ngờ nhằm vào lực lượng chính của LRA vào 6:00 sáng ngày hôm nay. “Ông đùa. Lực lượng của Liên Hợp Quốc mà làm chuyện này sao?”

“Ở Congo cái gì cũng có thể xảy ra. Mười ngày trước, LRA phục kích họ, và PKO mất chín người. Đây là hành động trả đũa.”

“Hầu hết lính PKO đều là người Pakistan, phải không?”

“Đúng vậy.”

Đây là một đội PKO khét tiếng đã từng xâm hại tình dục phụ nữ tị nạn địa phương. Họ đúng là thứ người sẽ tiến hành phản kích. Yeager, cẩn thận không để ánh sáng lọt ra, rọi đèn pin lên bản đồ. Cuộc tấn công sẽ diễn ra tại trung tâm đội hình hình chữ L, giao điểm của con đường chính và đường nhánh. Nếu lực lượng Pakistan cắt

đứt đội hình tại điểm này, đường về phía nam sẽ mở ra. Có lẽ họ sẽ có cơ hội thật.

Yeager nghiên cứu kế hoạch tác chiến. Đám Pakistan không dự tính đối đầu trực diện tổng lực mà chỉ là một cuộc tập kích ngắn. Lời cảnh báo dành cho LRA, đừng có đùa với họ. Toàn bộ cuộc tấn công chỉ kéo dài mười lăm phút.

"Đây là cơ hội duy nhất của ta." Yeager phải đồng ý. "Ở đây, tốc độ là điểm mấu chốt. Chúng ta phải tới gần ngay bây giờ."

Meyers đã nghe thấy cuộc trò chuyện, đi đánh thức Garrett và Mick.

Khi Yeager tóm tắt tình hình, họ cũng phản đối kế hoạch rủi ro cao này, nhưng càng nghiên cứu, họ càng hiểu rõ đó là cơ hội duy nhất của mình. Cố đi vòng qua đội hình địch sẽ mất thời gian, và họ có nguy cơ bị kẻ địch từ phía bắc đuổi kịp. Và họ chỉ còn lương thực đủ cho hai bữa. Họ không còn thừa lại một ngày nào trước khi phải tới được chỗ nhu yếu phẩm.

Cuối cùng, họ thống nhất rằng lựa chọn duy nhất chính là vượt qua vòng vây của địch. Họ đeo thiết bị nhìn đêm, cẩn thật để khỏi hao hụt pin và nhanh chóng chuẩn bị xuất phát. Họ đã dùng gần hết lương thực, vậy nên hành trang bây giờ chỉ còn hai mươi kilôgam.

Yeager nhìn Akili đang ngủ. "Chúng ta nên cho thằng bé ăn chút gì không?"

"Cứ để nó ngủ thì hơn," Pierce nói. Ông bế Akili lên và đặt đứa trẻ vào cái địu tự chế trước ngực.

"Một khi vụ tấn công bắt đầu," Yeager nói, "tôi muốn ông che mắt và tai nó lại."

Họ còn cách mục tiêu tám kilômét. Trong bóng tối của khu rừng trước hừng đông, họ dùng đèn pin một lúc, chỉ để độ sáng thấp, sau đó đổi sang thiết bị nhìn đêm vào nửa cuối hành trình.

05:00, ánh sáng tờ mờ bắt đầu rọi lên khu rừng. Họ dừng lại, và Garrett cùng Mick đi trinh sát. Chưa đầy nửa tiếng sau, họ trở lại báo cáo.

"Đường chính đầy quân LRA."

“Ta vượt qua chúng được không?” Pierce hỏi.

“Không thể. Chúng đặt lính gác khắp nơi.”

Garrett chỉ vào bản đồ. “Đây là vị trí chính xác của chúng ta. Nếu muốn đi qua giao lộ, chúng ta nên đi thêm một chút về phía đông nam.”

“Ta nên đến gần tới mức nào?” Meyers hỏi.

Yeager cân nhắc tất cả các rủi ro. “Dừng ở cách đó bốn trăm mét.”

“Ngay ở rìa.”

“Chúng ta sẽ nằm trong tầm bắn của súng trường. Phải coi chừng đạn lạc.”

Bốn người lính xếp thành đội hình chiến đấu hàng dọc, Pierce và Akili ở cuối cùng, và đi tới điểm tập kết. Quang cảnh quanh họ không đổi, và tầm nhìn của họ không vượt quá hai mươi mét.

“Đợi ở đây,” Yeager nói. “Mick và tôi sẽ đi trước. Chúng tôi sẽ xem xét tình hình và báo thời gian cho mọi người qua bộ đàm.”

“Nhưng bộ đàm của chúng ta chỉ có phạm vi hai trăm mét, Garrett nhắc nhở anh. “Chúng ta phải tới gần hơn.”

Dè dặt, họ tiến tới gần hàng ngũ địch hơn. Họ quyết định chọn một khóm cây lớn làm điểm tập kết, và mọi người ở lại đợi trong khi Yeager và Mick đi về phía địch.

Đường chính nằm bên trái họ, song song với hướng họ đi. Đường nhánh cắt nó ngay phía trước. Cả hai con đường đều như bị khoét ra từ khu rừng và mỗi bên đường đều có một hàng cây cao vút. Tầm nhìn của họ trong rừng gần như bằng không, vậy nên Yeager và Mick phải đi tới một điểm cách đường nhánh khoảng hai mươi mét. Họ ước tính mình vẫn còn cách giao lộ khoảng một trăm mét.

Yeager nấp sau một thân cây lớn và dè dặt nghiêng người ra xem xét phía trước có gì. Một hàng xe LRA đỗ trên con đường đầy bùn đất chỉ đủ cho một thân xe. Có xe tải chở quân, và quân lính đã chui ra ngoài đứng hút thuốc, chuẩn bị đồ ăn. Không như đám dân quân họ gặp từ đầu đến giờ, những kẻ này mặc quân phục đồng bộ và thậm chí còn đội mũ nồi.

Mick hạ ba lô xuống và lấy ra vài quả mìn định hướng, ít chất nổ C-4 và một kíp nổ. Anh ta chỉ vào bốn góc xung quanh họ, ra hiệu mình sẽ đi đặt bẫy.

Yeager gật đầu và trèo lên cây để có góc nhìn tốt hơn. Anh trèo lên năm mét phía trên tầng cây bụi và có thể thấy rõ ràng giao điểm giữa đường chính và đường nhánh. Qua ống nhòm, anh thấy xe tăng Nga, xe bọc thép chở quân lính và vô số vũ khí trong tay chúng – súng cối, súng phóng lựu chống tăng, súng máy hạng nặng và tiểu liên AK-47 – những "vũ khí cho người nghèo" được tuồn vào vì đủ mục đích khác nhau từ Trung Quốc, từ các quốc gia Đông Âu cũ, và từ phương Tây. Ở vùng này, người ta sở hữu công cụ giết người còn nhiều hơn những tài sản khác.

Còn mười phút cho tới giờ G của quân gìn giữ hòa bình. Yeager đổi từ súng trường sang khẩu súng lục gắn giảm thanh và nhích tới chỗ anh có thể yểm trợ cho Mick. Không đời nào mình chết ở đây được, anh nghĩ.

Yeager biết chắc một điều. Tất thảy mọi thứ trong đời anh từ trước tới giờ đều nhắm tới một mục đích.

Giúp anh sống sót vụ này.

10 rưỡi tối, Rubens được triệu tập khẩn cấp tới Nhà Trắng. "Chuẩn bị tinh thần báo cáo trực tiếp với tổng thống về chiến dịch Thần báo thù," Eldridge chỉ dẫn cho anh, và Rubens vội vàng rời khỏi trung tâm điều hành.

Sau khi gặp Heisman, Rubens đã cố sức liên hệ qua nhiều kênh để xin một cuộc gặp trực tiếp với tổng thống. Và giờ có vẻ họ đã lắng nghe yêu cầu của anh. Nhưng ăn mừng thì vẫn còn quá sớm. Tại Congo, lực lượng vũ trang mạnh nhất, và tồi tệ nhất, đã bao vây được Nous. Thành công của chiến dịch Thần báo thù sắp tới và sự diệt vong của siêu nhân loại là việc nhất định xảy ra.

Mặc dù đêm đã muộn, trụ sở Bộ quốc phòng vẫn đông người. Ở tầng một, Rubens đi ngang qua bộ trưởng Lattimer, xung quanh là các tùy tùng, đang rảo bước tới trung tâm điều hành của Lầu Năm Góc,

Trung tâm chỉ huy quân sự quốc gia. Đây sẽ là nhóm người tiếp nhận đầu tiên trong trường hợp tổng thống phát lệnh tấn công hạt nhân.

Kể từ sau vụ ám sát phó tổng thống Chamberlain, mức độ báo động của quân đội Mỹ đã được nâng lên DEFCON 3. Mọi liên lạc quân sự đều được mã hóa bằng mã hiệu mật để phòng ngừa các quốc gia đối địch nghe lén. Nếu đơn vị phụ trách chiến tranh mạng cũng được đặt vào tình trạng khẩn cấp tương tự, vậy thì mức DEFCON 1, tức chiến tranh toàn diện, chắc hẳn sẽ được thiết lập.

Rubens lên xe và lái vào trung tâm thành phố. Trong khi lái xe, anh phỏng đoán lý do mình bị triệu tập muộn như vậy. Hội đồng an ninh quốc gia đã nhóm họp tại Nhà Trắng vài ngày liên tục, và các thành viên đang cân nhắc mọi biện pháp ngoại giao và quân sự đối với Trung Quốc. Việc anh bị gọi đến giữa các cuộc họp này hẳn có nghĩa là Nhà Trắng đang bắt đầu có chút lo lắng về chiến dịch Thần báo thù. Phải có ai đó khác trong chính quyền có cùng ý tưởng với Rubens, rằng vụ ám sát phó tổng thống không phải là tác phẩm của người Trung mà là trí tuệ mới xuất hiện tại Congo. Nếu vậy, Rubens đã có thêm một đồng minh. Nhưng đó có thể là ai? Một nhân vật quyền lực có thể thuyết phục tổng thống hoãn lại chiến dịch Thần báo thù chăng? Rubens chỉ có thể ôm hy vọng.

Rubens tới Nhà Trắng và trải qua thủ tục kiểm tra danh tính và lục soát gắt gao trước khi được phép vào Cánh Tây. Anh được dẫn tới một sảnh nhỏ sau cánh cửa do hai người lính thủy quân lục chiến canh gác. Đây là một căn phòng chứa được khoảng mười người, và nội thất khiến nó ít có cái vẻ một không gian công cộng mà giống như một căn phòng riêng thanh nhã, một phòng khách nhỏ hẹp ở một góc trong tòa biệt thự của đại gia nào đó.

Đằng sau bàn cạnh lối vào có một người lễ tân. Khi Rubens nói tên, người duy nhất trong phòng đứng lên khỏi chiếc xô pha bên tường.

“Anh chắc hẳn là Rubens.”

Người này mặc com lê, tóc đã ngả bạc và có một chòm ria, và khi nhìn thấy ông, Rubens ngạc nhiên. Là giám đốc CIA, Robert Holland.

“Vô cùng hân hạnh được gặp ngài,” Rubens nói và bắt tay ngài giám đốc cục tình báo. Holland đưa tay mời anh ngồi xuống một chiếc ghế da đỏ.

“Chúng ta không có mấy thời gian, vậy nên vào việc luôn đi,” Holland nói, liếc nhìn lễ tân. Ông ta nói nhỏ tới mức Rubens phải nghiêng người tới mới nghe được. “Chiến dịch thế nào rồi?”

“Chúng ta đã tiến vào giai đoạn cuối cùng trong kế hoạch ứng phó khẩn cấp,” Rubens đáp và nhìn đồng hồ trên tường. Đã là 11 giờ tối, tức 5 giờ sáng ở Congo. Buổi gặp với tổng thống sẽ là cơ hội cuối cùng của anh. “Lực lượng quân sự lớn nhất vùng đã hoàn toàn bao vây Nous. Chúng sẽ bắt đầu tiến hành trừ khử trong hai giờ nữa.”

“Anh nghĩ mục tiêu có thể sống sót không?”

“Không.”

Holland gật đầu và nhìn anh vẻ quở trách. “Tôi nghe nói anh tới gặp tiến sĩ Heisman.”

“Đúng vậy,” Rubens thoải mái thừa nhận. Anh thừa biết CIA vẫn theo dõi mình.

“Ông ấy nói gì?”

“Cũng không có gì.”

“Được thôi.”

Câu trả lời nhanh chóng cho anh biết Holland không phải kẻ thù.

“Nếu anh khẳng định tiến sĩ Heisman không nói gì, với tôi cũng không sao, Holland nói. “Tôi cần ý kiến của anh. Anh có nghĩ bi kịch với Chamberlain không phải tác phẩm của Trung Quốc mà xuất phát từ Congo?”

“Tôi có nghĩ vậy.”

“Vậy là vẫn còn cửa thay đổi chiến dịch Thần báo thù?”

“Đúng thế. Chúng ta phải bảo vệ Nous ngay lập tức. Và không giết nó.”

Holland trông như vẫn đợi lời đáp này. “Nhưng ta không biết vị trí chính xác của họ, phải không?”

“Nếu cử lính đóng ở Djibouti tới Congo, ta có thể giải cứu họ. Nigel Pierce có một chiếc điện thoại vệ tinh, vậy nên nếu Đơn vị hỗ

trợ tình báo của quân đội bắt được tín hiệu, họ có thể xác định vị trí chính xác. Và chúng ta có thể cử hai trung đội Delta Force tới cứu họ."

"Nhưng việc đó khác với việc cử máy bay không người lái. Chỉ riêng lấy được phép đi qua không phận của họ đã mất vài ngày rồi. Và chúng ta không thể để lính Mỹ xuất hiện ngay giữa cuộc Đại chiến châu Phi được."

"Vậy thì chúng ta nên nhanh chóng hủy xếp loại khủng bố cho các đặc vụ này và báo cho các lực lượng vũ trang ở đó biết rằng giết họ sẽ không mang lại lấy một xu. Những việc đó thì chúng ta có thể làm ngay lúc này."

Nhưng Holland chỉ cau mày.

Rubens hạ giọng thêm nữa. "Giám đốc, không phải ngài vẫn đang giấu tôi một việc trong nhiệm vụ này sao, mặc dù tôi là người lên kế hoạch? Tại sao chúng ta được lệnh loại bỏ Warren Garrett?"

"Bởi hắn ta là một kẻ phản bội," giám đốc CIA nói vẻ gay gắt. "Hắn thu thập bằng chứng về chương trình dẫn độ đặc biệt và đâm đơn lên Tòa án hình sự quốc tế, tố cáo tổng thống."

Rubens sững người. Sững người vì mục tiêu ẩn kèm theo của chiến dịch Thần báo thù. Vì kế hoạch liều lĩnh của Warren Garrett và lòng dũng cảm của anh ta.

Holland định nói tiếp, nhưng lớp cửa trong bỗng mở ra. Acres, chánh văn phòng của tổng thống xuất hiện. "Bây giờ tổng thống sẽ gặp anh. Mời anh vào Phòng bầu dục."

Khi anh và Holland cùng đứng dậy, Rubens thì thầm với Holland, "Nếu không nhanh lên, ta sẽ bị đẩy vào một tình huống không thể giải quyết nổi."

"Tôi hiểu," Holland nói nhanh. "Chúng ta đã đánh giá thấp mối họa từ Congo. Nhưng thay đổi kế hoạch sẽ rất khó khăn."

Rubens nản hết cả lòng. Chiến dịch Thần báo thù có thực sự cần phải tiếp tục tới lúc Warren Garrett bị giết? Trong lúc họ đi lo việc này, thế giới sẽ càng bị đẩy sâu hơn vào tình thế nguy hiểm.

Họ theo chân Acres dọc một hành lang hẹp, ở cuối có một chiếc

ghế. Một người cường tráng ngồi ở đó, cổ tay trái đeo một chiếc còng. Đầu còng bên kia bập vào va li đặt bên chân ông ta. Đó là quả bóng hạt nhân. Các sĩ quan từ ba quân chủng lớn luôn thường trực bên tổng thống để ông ta có thể hạ lệnh phóng tên lửa hạt nhân bất cứ lúc nào.

Acres gõ cửa, và trong lúc đứng đợi ở đó, Rubens ngẫm lại quãng đường dài dằng dặc đã dẫn anh tới đây. Anh bắt đầu hứng thú với tâm bệnh học của những kẻ nắm quyền khi còn làm ở phòng nghiên cứu Santa Fe, và giờ, sau bao nhiêu thăng trầm, anh cuối cùng cũng được gặp đối tượng nghiên cứu vĩ đại nhất. Thuộc loại chúa tể hủy diệt người ta vẫn thấy trong dòng lịch sử, tên vua điên mà giờ đây nắm nút phóng tên lửa trong một tay, tay kia bắn đạn uranium đã làm nghèo.

Acres mở cửa, và trước mắt họ là Phòng bầu dục. Tổng thống Burns nhìn họ từ sau bàn. Ông ta mặc com lê xanh thẫm và thắt một chiếc cà vạt cùng màu. Cơ thể ông ta rắn chắc nhờ những bài luyện tập hằng ngày. Trái với những gì người ta mong đợi ở một nhân vật quyền thế tột đỉnh tới vậy, mắt ông ta đảo quanh vẻ do dự, nhút nhát.

“Đây là Arthur Rubens, người chịu trách nhiệm về chiến lược trong chiến dịch Thần báo thù.”

Khi Holland giới thiệu anh, Burns đi tới giữa phòng. Một nỗi sợ vô căn cứ dâng lên trong lòng Rubens, và anh cố sức dằn nó xuống. Anh phải kìm nén phản ứng của con người là mù quáng tuân phục kẻ có quyền, nếu không, anh sẽ không bao giờ tìm ra được bản chất thực sự của kẻ đang đứng trước mặt.

Tổng thống nhìn Rubens bằng ánh mắt bực bội. “Thế nào?” ông ta nói với giám đốc CIA. “Tôi sẽ rất vui được nghe tin chiến dịch đã kết thúc. Tình hình bây giờ thế nào rồi?”

“Chiến dịch sắp hoàn thành.”

“Và các ông sẽ loại trừ mối đe dọa ở Congo?”

“Đúng vậy.”

“Hừm, tin tốt đấy.”

Burns ra hiệu cho họ ngồi, rồi tự mình ngồi xuống xô pha. Rõ ràng là ông ta đang mệt. “Tại sao tôi lại phải nghe cái việc ưu tiên thấp này khi đang bận? Có vấn đề phát sinh gì?”

“Lý do tôi yêu cầu một cuộc gặp với ngài tối nay, thưa tổng thống, là để ngài hay rằng giữa vụ cướp máy bay không người lái và chiến dịch Thần báo thù có khả năng có mối liên hệ.”

Ánh mắt Burns trở nên căng thẳng. Rubens bối rối vì thay đổi đột ngột này. Ánh mắt ông ta y hệt một đứa trẻ sợ cha mình trách mắng. Tổng thống sợ hãi điều gì sao?

“Ý ông là gì? Ông không định nói là đứa trẻ đó – Nous – đã làm chuyện này chứ?”

“Tôi định nói rằng có khả năng.”

“Có chứng cứ xác thực không?”

“Chúng ta lật tẩy được nguồn tấn công từ Trung Quốc sớm như vậy thì dễ dàng quá. Trong quá khứ, khi mạng lưới của Bộ tư lệnh trung ương bị xâm nhập, chúng ta chưa từng tìm ra thủ phạm. Nếu đúng là đơn vị chiến tranh mạng của Trung Quốc, họ có đủ trình độ công nghệ để che giấu.”

“Thật nực cười. Nói rằng một đứa trẻ ba tuổi – lại còn là người Pygmy – làm ra chuyện này còn khó tin hơn, ông không thấy vậy sao?” Burns nói tiếp. “Khi nói đứa trẻ người Pygmy, ông hãy hiểu rằng ý tôi chỉ là họ không văn minh. Chỉ vậy thôi.”

“Nhưng nếu năng lực của nó đạt đến mức Heisman nhắc đến trong báo cáo...”

“Tôi không thể tin việc đó là khả thi.”

Rubens không thể không thấy Burns kích động đến mức nào. Quanh mắt ông ta đỏ ửng lên. Nỗi sợ vừa xâm chiếm Burns giờ đã chuyển thành thù địch ra mặt.

Holland bình tĩnh cố gắng thuyết phục tổng thống về nhu cầu thay đổi chiến dịch Thần báo thù. Rubens ngồi bên cạnh, tập trung phân tích những biến động tâm lý của Burns. Để thuyết phục được ông ta, anh cần phải xác định chính xác nỗi sợ hãi của ông ta và đối tượng của cơn giận này. Ông ta có phân biệt chủng tộc không? Đám

tân quốc xã và da trắng thượng đẳng thường có lối suy nghĩ giống nhau, thể hiện ở chỗ lòng ham bạo lực trong họ được chuyển hướng vào một lý tưởng chính trị, trở thành cái cớ cho đám người cánh hữu giả tạo. Tất cả chỉ là biểu hiện của một niềm tự kiêu méo mó của những người bị quá khứ ngăn trở quá trình khẳng định cái tôi cá nhân. Không có cái tôi, họ nương náu vào cái ta, coi mình là một với tổ chức. Họ coi nhóm của mình là ưu việt hơn, và việc họ thuộc vào nhóm đó chứng minh cho sự ưu việt của chính họ. Rõ ràng là mối quan tâm của họ chỉ hướng vào trong, bởi những đòn tấn công tàn nhẫn nhất của họ đều nhắm vào những đồng chí đưa ra ý kiến trái chiều với nguyên tắc và lập trường của họ, vào những thành viên đáng ra phải tuyệt đối tán đồng tổ chức. Với Burns, một người theo chủ nghĩa tân bảo thủ, cũng vậy, không thể nào phủ nhận rằng ông ta đồng tình tuyệt đối không phản bác với nhóm người ông ta thuộc về. Nhưng điều khó hiểu ở đây là con giận khó kiểm soát ông ta vừa thể hiện lúc nãy. Ở Mỹ, một chính trị gia công khai thể hiện sự phân biệt chủng tộc là sai lầm chết người. Nếu Burns có định kiến mạnh mẽ về chủng tộc gây mất kiểm soát, ông ta không thể nào giấu giếm điều đó trong các hoạt động chính trị của mình cho tới tận thời điểm này. Khả năng cao là ông ta không phải người phân biệt chủng tộc. Thậm chí nếu có thể hiện đôi chút tình cảm kỳ thị, ông ta vẫn đủ thông minh để giữ nó trong giới hạn.

Giám đốc CIA tiếp tục báo cáo cho tới khi Burns cau mày và ngắt lời. “Đơn giản là tôi không thể tin một đứa trẻ ranh có thể đẩy Hợp chủng quốc vào khủng hoảng. Không phải con người là trí tuệ cao cấp nhất trên trái đất?”

“Nhưng nếu chấp nhận điều này, tiền đề của nhiệm vụ sẽ không còn nữa. Nhiệm vụ của chiến dịch Thần báo thù là loại bỏ mối đe dọa từ trí tuệ mới này đối với nhân loại.”

“Việc tôi chấp thuận tiến hành chiến dịch chỉ dựa trên mong muốn loại bỏ khả năng mật mã của ta bị bẻ khóa. Không hơn, không kém. Thằng bé này chỉ tình cờ có khả năng toán học siêu việt thôi, đúng không?”

“Nếu đúng vậy, chúng ta vẫn còn lựa chọn sử dụng khả năng đó để hỗ trợ quốc gia. Chúng ta bảo vệ Nous và sử dụng năng lực giải mã của nó. Đồng thời...” Holland chần chừ. “Chúng ta chỉ cứu Nous. Không cần đến bốn quân nhân và nhà nhân học kia.”

Đây đã là một nhượng bộ rất lớn từ phía Holland, nhưng Burns gạt bỏ ngay. “Không. Không cần phải thay đổi chiến dịch.”

Các quyết định chính trị đều có vẻ như được đưa ra một cách lý trí, nhưng trên thực tế, tính cách của người quyết định đóng vai trò rất lớn. Và ẩn trong thái độ quyết đoán của tổng thống, Rubens phát hiện một định kiến. Một niềm tin cá nhân hẳn đang thúc đẩy việc nằng nặc muốn trừ khử Nous của ông ta. Nhưng đó là gì? Rubens biết câu trả lời khả thi duy nhất và bắt đầu nghi ngờ việc họ có thể thay đổi chiến dịch Thần báo thù. Trước khi trở thành chính trị gia, Burns từng là kẻ nghiện rượu và đã cầu xin Chúa giúp đỡ, rồi cai được.

“Tên anh là Arthur?” Burns quắc mắt nhìn Rubens.

“Vâng, thưa ngài.”

“Arthur, tôi thất vọng vì anh. Tại sao xử lý một đứa trẻ lại mất nhiều thời gian tới vậy? Anh vô dụng đến mức này sao?”

“So với Nous, tất cả nhân loại đều vô dụng.”

Khi nói những lời thách thức này, Rubens cảm thấy Holland căng thẳng. Có lẽ là vì bất ngờ, tổng thống nhìn chằm chằm vào chuyên viên phân tích trẻ tuổi.

“Làm ơn hãy nghe tôi nói về kẻ thù ta đang đối mặt.” Rubens đổi giọng và giải thích những phân tích trong Báo cáo Heisman mà không nhắc đến Heisman. Anh nhận ra trong lời của mình có ẩn một quả mìn, và như anh mong đợi, Burns đạp ngay vào đó. Khi nghe rằng Nous đang sử dụng cái mà Heisman gọi là chiến thuật của Chúa, ngài tổng thống phản ứng ngay lập tức.

“Tôi không muốn nghe những lời ngu xuẩn đấy!”

Rõ ràng Burns đang bực mình và sắp sửa nói tiếp, nhưng Holland đã vội khiển trách Rubens. “Đó là một ví dụ không phù hợp. Tập trung vào phân tích chính trị đi.”

“Tôi xin lỗi,” Rubens nói. “Tôi đồng ý là nó không phù hợp. Tuy nhiên...”

Holland bình tĩnh chen lời. *Đừng nói gì nữa* là thông điệp vô thanh của ông. “Điều Rubens muốn nói là nếu chúng ta dừng tấn công, có khả năng mối đe dọa sẽ biến mất.”

Tổng thống hằn học nhìn Holland như thể mong ông ta biến mất luôn cho rồi. Rubens trố mắt nhìn người này, nổi tiếng là con chiên sùng đạo, luôn luôn cầu nguyện mỗi khi ông ta lên kế hoạch cho cuộc chiến Iraq. Đứng giữa luồng ánh sáng từ thiên đàng, bóng tối của sự không khoan dung vẫn nằm dưới chân ông ta. Nhưng điều này không khiến Burns quá bất thường. Tưởng tượng ra một đấng toàn tri, toàn năng và coi người thuộc tôn giáo khác là kẻ thù là một đặc tính thông thường của Homo sapiens. Con người quyết định người khác là bạn hay thù không chỉ dựa trên màu da hay ngôn ngữ mà còn dựa vào vị thần mà họ tôn thờ. Và Chúa là một nhân vật tiện lợi vô cùng, có thể xóa bỏ tội giết người hàng loạt, miễn là người đó biết ăn năn.

Rubens dần dần hiểu ra cách đầu óc ngài tổng thống hoạt động. Với Burns, một cá thể người tiến hóa sẽ là kẻ thù mới nhất của ông ta, thay thế cho những kẻ mang đức tin vào thần thánh khác.

“Đủ rồi,” tổng thống đứng lên giữa lúc Holland đang nói. Ông ta đã mất kiên nhẫn. “Đánh giá của ông về mối đe dọa này hơi phóng đại đấy. Y như tình hình Iraq. Đống vũ khí hủy diệt hàng loạt kia đâu? Thôi đừng có lừa tôi bằng một mối đe dọa không tồn tại nữa.”

Rubens có thể thấy sự cắn rứt lương tâm và mong muốn đổ trách nhiệm của ông ta. Thái độ tự tin của tổng thống khi phát biểu trước công chúng về cuộc xâm lược Iraq hoàn toàn là diễn.

“Tôi không nói dùng vũ lực với Iraq là sai lầm,” Burns nói khi quay về bàn. Thái độ khinh khỉnh mỗi khi khăng khăng biện hộ cho quyết định của mình chỉ cho thấy ông ta thực sự day dứt đến mức nào. “Chúng ta đã giải phóng người Iraq khỏi chính phủ độc tài và cho họ tự do.”

Nước Mỹ đã phình to quá rồi, Rubens thầm nghĩ. Để một người quản lý cả đất nước to lớn này là quá nhiều trách nhiệm. Được trao

cho quyền lực nhiều hơn ông ta xứng đáng được nhận, Burns đã bị đẩy đến chỗ phải dùng nó theo cách nào mình muốn, và cách đó đã trở thành bạo lực. Ông ta hoảng sợ trước thảm họa mà quyết định của mình đem lại, bị cảm giác tội lỗi hành hạ, và tìm kiếm sự cứu rỗi. Tuy nhiên...

Nếu nhân loại tiến hóa, vậy con người sẽ không còn được tạo nên theo hình ảnh Chúa nữa. Và nếu họ mất đi thiện ý và tình thương của Chúa, tội lỗi của họ sẽ không còn được tha thứ. Linh hồn Burns sẽ mãi mãi mang theo tội ác giết một trăm nghìn thường dân Iraq. Và không chỉ có vậy. Burns đã phóng chiếu hình ảnh chính mình lên trí tuệ mới chưa được biết đến này. Khi một người nắm sức mạnh điều khiển – bất kể là quyền lực hay trí tuệ lớn lao – hắn có thể mất kiểm soát và sử dụng sức mạnh ấy vào mục đích bạo lực. Bản thân Burns biết rõ điều này. Đó là lý do ông ta sợ hãi đối thủ và muốn đi bước đầu tiên bằng cách tấn công nó, trước khi sinh vật không phải Chúa này đưa ra phán quyết của nó. Trước khi thứ đã giết phó tổng thống Chamberlain giáng xuống từ trời và hạ gục *ông ta*.

Rubens nhìn thẳng vào nhà cầm quyền tối cao đang đứng trước mình.

Suốt cuộc đời mình, Burns không thể trốn thoát mối quan hệ khó khăn với cha mình. Sau khi kinh doanh thất bại ông ta trở thành người nghiện rượu, rồi tìm kiếm sự cứu rỗi Chúa và làm lại cuộc đời. Ông ta là một Cơ Đốc nhân không bao giờ có thể yêu kẻ thù của mình.

Người đàn ông trung niên này, Gregory S. Burns, thật ra cũng khá bình thường.

“Tôi muốn thay đổi chủ đề,” Burns nói trong khi sắp xếp vô số giấy tờ chất đống trên bàn. “Arthur có thể ra ngoài để chúng tôi nói chuyện riêng không? Là chuyện về Mason.”

“À, tôi hiểu,” Holland đáp lời. Thomas Mason, lãnh đạo nhóm đa số trong Hạ viện, có vẻ đã được chọn làm tân phó tổng thống.

“Anh có thể đợi bên ngoài không?” Holland nói, và Rubens ngoan ngoãn quay người rời đi.

“Ngài tổng thống, tôi xin lỗi vì những gì mình đã nói,” Rubens nói. “Tôi chỉ lo làm những gì tốt nhất trong khủng hoảng hiện tại, và tôi e mình đã nói điều gì đó không phải. Hy vọng ngài thứ lỗi cho tôi.”

“Cứ giải quyết mối đe dọa ở Congo,” Burns chỉ nói vậy, rồi vẫy tay ra ý đuổi người.

Rubens rời khỏi Phòng bầu dục. Bên ngoài, sĩ quan cấp Yankee White với quả bóng nguyên tử dưới chân vẫn ngồi đó. Rubens đi dọc hành lang hẹp, trở lại sảnh.

Anh ngồi xuống xô pha, thở ra một hơi dài, và vùi mặt vào lòng bàn tay. Từ trước tới nay, anh luôn cảm thấy cách ngăn chặn chiến tranh chính là giải quyết sự điên rồ của các lãnh tụ chính trị. Bởi vì bất kể một quốc gia có sở hữu bao nhiêu vũ khí hạt nhân, để chúng thực sự trở thành mối họa, ta vẫn cần một người có thể ấn nút. Nhưng vị tổng tư lệnh anh vừa gặp cũng chỉ là một người thường. Một cá thể tiêu biểu của giống người. Nói cách khác, chỉ cần trao cho đủ quyền lực, ai cũng có thể cầm nút phóng đầu đạn hạt nhân lên tay. Một kẻ thiếu trí tưởng tượng cũng có thể dễ dàng khơi mào một cuộc chiến, miễn là nơi đó ở xa và động tác đó không trực tiếp giết hại vô số người.

Rubens nhìn lại hành trình của chính mình, từ ngày bắt đầu tại phòng thí nghiệm Santa Fe. Nhận xét của tiến sĩ Heisman vẫn còn in đậm trong tâm trí anh.

Con người, suốt hai trăm nghìn năm qua vẫn tàn sát lẫn nhau, luôn luôn sợ hãi sự xâm lược từ các nhóm người khác. Những nỗi sợ bóng sợ gió khiến họ mãi ở trong một trạng thái gần như hoang tưởng, khiến họ kiến tạo các quốc gia làm hệ thống phòng thủ. Con người đều sở hữu trạng thái tâm lý phổ quát này, và vì vậy nó được coi là bình thường. Đó chỉ đơn giản là “tính người”. Và lý do chúng ta không thể đạt đến hòa bình toàn diện là bởi trong mỗi người đều có bằng chứng rằng Kẻ Khác là nguy hiểm. Tất cả nhân loại đều sẵn sàng làm hại người khác để cướp thức ăn, tài nguyên và đất đai. Chúng ta phóng chiếu bản chất của mình lên kẻ thù, sợ hãi và công

kích họ. Và khi sử dụng bạo lực với người khác, quốc gia và tôn giáo là các hệ thống hỗ trợ sẽ tha thứ cho hành động của ta. Ta có thể biện hộ cho những hành vi tàn ác của mình bởi những kẻ bên ngoài cái khung ấy là kẻ lạ. Là kẻ thù.

Con người có thể nhắm mắt trước sự bất nhân này bởi không có một sinh vật có trí tuệ nào khác chỉ trích việc tàn sát đồng loại. Đến cả Chúa cũng ủng hộ việc giết kẻ ngoại đạo.

Nhưng giờ mọi chuyện đã khác. Một dạng trí tuệ khác, một người lên án cuộc giết chóc nội chủng này, đã xuất hiện ở châu Phi. Và muốn giữ lại chút phẩm giá trước mặt sinh vật gần với Chúa hơn cả mình này, loài người cần phải quay lưng lại với bản năng động vật của mình và gìn giữ hòa bình.

Nhưng điều đó không bất khả thi sao?

"Rubens."

Anh nhìn lên và thấy Holland đứng trước mặt mình. Sắc mặt vị giám đốc CIA rất tệ. "Anh nghĩ cái gì vậy? Anh làm hỏng tất thảy rồi."

"Tôi rất xin lỗi."

"Chúng tôi vừa bàn bạc xem nên làm gì với anh."

"Tôi bị sa thải sao?" Rubens đã sẵn sàng chấp nhận điều tồi tệ nhất.

"Không. Anh sẽ ở nguyên vị trí hiện tại."

Rubens nghĩ điều này khá lạ, nhưng rồi nhận ra rằng các cơ chế an toàn vẫn còn hoạt động. Nếu nhiệm vụ thất bại, anh có thể là vật hy sinh để gánh trách nhiệm.

"Tuy nhiên, tất cả quyền chỉ huy sẽ thuộc về Eldridge. Anh sẽ chỉ ngồi trong trung tâm điều hành."

"Tôi hiểu rồi."

Holland nhanh chóng đi về phía lối ra khỏi Cánh Tây.

Khi Rubens ra khỏi cửa, một cơn gió cắt da cắt thịt thổi vào má anh. Chiếc limo của CIA đã đợi sẵn, nhưng Holland không vào xe. Thay vào đó, ông ta vẫy Rubens sang bên, tránh khỏi mật vụ bên người.

“Nghe này, Arthur,” ngài giám đốc thấp giọng nói. “Điều tôi sắp nói đây không phải là mệnh lệnh. Tôi không có quyền can dự vào một chiến dịch do Bộ quốc phòng chủ trương.”

“Tôi hiểu.”

Holland nhìn quanh, và khi ông chắc chắn xung quanh đã an toàn, ông nói, “Hãy cứu lấy Nous.”

Rubens nhìn ông chằm chằm.

“Chiến dịch này quá sức Eldridge. Rồi ông ta sẽ phải dựa vào anh. Đến lúc đó, hãy làm những gì anh có thể.”

“Vâng thưa ngài,” Rubens đáp và đứng nghiêm lại.

Holland quay người trở lại xe.

Rubens nhìn đồng hồ. Bây giờ là 6 giờ sáng tại Congo. Ở nửa kia bán cầu, Nous đang đối mặt với một khủng hoảng lớn, và Rubens không thể làm bất cứ điều gì. Anh chỉ có thể hy vọng Jonathan Yeager và đồng đội có thể đánh được nhóm vũ trang lớn nhất Congo.

Cuộc chiến sắp bắt đầu, Rubens nghĩ, mặc dù chỉ là một cuộc chiến nhỏ, rất có thể sẽ quyết định số phận thế giới.

Và Nous sẽ chứng kiến bộ mặt tồi tệ nhất của những con vật gọi là người.

Đồng hồ điện tử của anh hiện 06:00 sáng, giờ G của lực lượng gìn giữ hòa bình.

Từ trên cành cây, Yeager theo dõi tình hình, nhưng không hề có dấu hiệu tấn công. Trên mặt đất, Mick lặng phắc theo dõi đội hình của LRA.

“Chưa có gì à?” Garrett hỏi qua bộ đàm.

Yeager nhấn nút gửi hai lần, tín hiệu bảo đợi. Ngay lúc đó, một tiếng nổ phát ra từ phía đường lớn. Yeager hướng ống nhòm tới và thấy khói đen bốc lên từ xác một chiếc xe tăng. Lính LRA gần đó đang hò hét và chỉ trỏ về phía nam. Bạo lực cuối cùng cũng nổ ra. Yeager nhìn con đường nhánh hai mươi mét trước mặt. Nhóm quân chặn đường chạy về xe chở quân và chộp lấy vũ khí.

Tiếng súng vang lên rời rạc, xen lẫn một loạt tiếng nổ trên đường

cái. Tên lửa từ phía xa đang lần lượt tiêu diệt các xe bọc thép trên đường. Máu bắn lên, các bộ phận cơ thể – tay, chân, nội tạng – bay lên không trung. Đạn súng cối rít điếc tai rơi như mưa xuống đám lính.

Mick nhìn Yeager phía trên, chờ tín hiệu hành động. Toán quân phía trước anh vẫn giữ vững đội hình, và anh lắc đầu. Quân địch có kỷ luật đến bất ngờ. Nếu Yeager và đồng đội không cẩn thận, họ quả thật sẽ bị lật thuyền.

Khoảng ba phút sau khi cuộc tấn công bắt đầu, lực lượng trên đường chính bắt đầu tản đi. Phía trên họ, một chiếc trực thăng tấn công Cobra AH-1 đen ngòm lướt qua như một cơn gió, súng Gatling liên tục nã đạn xuống mặt đất. Đạn vạch đường chính xác đuổi theo hàng ngũ địch, xé toang cơ thể đám lính và ném chúng bắn ra xa. Cuộc tấn công của đám quân Pakistan hoàn toàn ra ngoài quy định giao chiến cho lính gìn giữ hòa bình. Yeager phát hiện một chiếc Cobra nữa. Chiếc AH-1 bay là là, nhắm vào đoạn cắt giữa hai con đường.

Nhỏ nhưng rành mạch, Yeager nói vào mic. “Đi!”

“Rõ,” Garrett lên tiếng từ cách đó hai trăm mét.

Một loạt tên lửa chống tăng TOW bắn ra từ dưới cánh chiếc trực thăng chiến đấu và phá vỡ đội hình toán quân. Một tên lửa đáp xuống gần đó, và Yeager suýt bị ném khỏi chạc cây. Trên đoạn đường phía trước anh, quân LRA đang trả đạn, nhưng súng của họ không thể đọ được với vũ khí của quân gìn giữ hòa bình. Chiếc trực thăng chiến đấu xả hàng loạt đạn súng máy khi tới gần, và đơn vị quân địch đằng trước hoảng loạn trốn vào rừng, tìm đường thoát thân.

Yeager ra hiệu cho Mick. Cùng lúc đó, bốn bẫy mìn họ sắp đặt từ trước phát nổ, và quân địch đang ép sát họ bị đẩy lui. Yeager và Mick dùng súng lục giảm thanh lần lượt giải quyết mấy tên lính còn sống, tiêu diệt hoàn toàn quân địch trong vòng hai mươi mét bên trái và bên phải. Một đường thoát đã mở ra.

Yeager trèo xuống, vừa lúc Garrett và những người còn lại đuổi kịp. Pierce bé Akili trên tay, miệng há to, hổn hển thở. Akili trông có

vẻ như đã thức, nhưng đôi mắt mèo của nó nhắm chặt.

Chiếc trực thăng chiến đấu bay xuống sát đường nhánh, kéo theo hàng loạt vụ nổ, cuốn theo đất đỏ lên không trung khi nó gầm rú bay đi. Họ không nhìn rõ lắm vì đất bụi, nhưng Yeager nhận ra cơ hội. “Đi thôi!” anh hét.

Súng trường trong tay, toán lính đánh thuê nhảy xuống con đường nhỏ. Họ chia làm hai nhóm bắn yểm hộ hai bên, Pierce mang theo Akili chạy thục mạng qua đường giữa hai nhóm. Trong khoảng thời gian năm giây, Garrett và Meyers đã bắn hạ bốn lính địch phát hiện họ, và Mick nhảy lên một chiếc xe chở quân, nhặt một súng phóng lựu, một súng bắn tỉa cùng một số vũ khí khác nhét hết vào ba lô. Bốn người lính qua đường và theo chân Pierce chạy vào rừng.

Đám lính bỏ vị trí lại xuất hiện giữa các thân cây, và mỗi một lần, nhóm người Yeager đều giao hỏa với chúng, giết chúng bằng súng trường và súng phóng lựu. Một viên đạn từ phía sau bắn bay một mẩu vai Yeager, nhưng bị thương trên chiến trận như vậy thì không nhằm nhò gì. Yeager bắn trả, thậm chí còn không thấy đau, hạ gục tay lính đã bắn anh bằng ba viên đạn.

Những người lính tạo thành một vòng tròn bảo vệ sát quanh Pierce và Akili, giữ cho họ không bị thương. Tất cả chạy như điên về phía nam, và tiếng súng tan dần về phương xa. Có vẻ mối đe dọa từ LRA đã nằm sau lưng. Pierce chạy hộc tốc, và ông hổn hển, “Chúng ta có hình ảnh vệ tinh khoảng mười phút trước. Nó cho thấy một nhóm lẻ khoảng hai trăm người ngay phía trước.”

"LRA?" Yeager hét trả.

“Phải.”

Đội quân Pakistan đã bỏ lỡ toán quân tiền tuyến này. “Bao xa nữa?”

“Năm trăm mét.”

Như thể để chứng thực lời Pierce, họ nghe tiếng súng Kalashnikov vang lên. Yeager nhăn mặt. Cứ đà này họ sẽ xông thẳng vào lòng địch. “Xe nhu yếu phẩm đâu rồi?”

“Đang đi dọc đường cái tới chỗ chúng ta, nhưng có toán quân gìn

giữ hòa bình kia thì nó chỉ đưa ta đi được tầm hai kilômét."

Họ nên đi thẳng hay đi vòng? Kiểu gì thì kiểu, chờ đợi họ vẫn là số lính nhiều hơn cả một đại đội. Nếu hai trăm lính được cử vào rừng, họ sẽ không tránh khỏi sa lưới. Có lẽ, kế hoạch tốt nhất là tụ lại một chỗ và cố đánh tìm đường ra.

Trong khi Yeager cân nhắc khả năng này, họ tới một ngôi làng lọt thỏm giữa khu rừng. Có một khu đất cộng đồng hình tròn và một hàng những lều nhỏ đơn giản đắp từ bùn. Nổi bật lên giữa tất cả là một tòa nhà gạch đỏ lớn.

"Cái gì thế?"

"Một nhà thờ truyền giáo Thiên Chúa."

Trông nó có khả năng trở thành lô cốt chống lại quân địch. Yeager nhìn bao quát toàn bộ ngôi làng. Có lẽ người dân đã chạy tị nạn hết, bởi ngôi làng hoàn toàn trống trải.

"Được rồi. Chúng ta sẽ đợi quân địch trong nhà thờ kia."

"Cái gì?" Garrett bật lại. "Nếu chúng tìm thấy ta, ta sẽ không còn nơi nào để trốn."

"Không, ta sẽ không trốn. Ta sẽ tấn công chúng và dụ chúng ra khỏi rừng. Khi đám Pakistan nhìn thấy, họ sẽ giải quyết chúng giúp ta."

Garrett, đã bị thuyết phục, liếc mắt nhìn đồng hồ. "Cuộc tấn công của lính gìn giữ hòa bình sẽ kết thúc trong vòng bảy phút nữa. Chúng ta phải nhanh lên."

Yeager và Mick đi trước, chạy như bay tới nhà thờ. Đó là một tòa nhà lớn, hình khối hộp, mái bằng nhưng vẫn cao, khiến tổng thể cao ngang một tòa nhà hai tầng. Yeager dán người vào tường và cố nhìn vào trong nhà thờ qua cửa sổ, nhưng lớp kính dính đầy muội than và anh không nhìn thấy gì. Anh và Mick nhích dần theo bờ tường tới cánh cửa gỗ lớn phía trước. Một nắp trục bánh xe hơi treo trước cửa, có lẽ là một loại bùa gì đó.

Hai người trao đổi ánh mắt và cùng nhau đá tung cửa rồi xông vào nhà thờ. Họ lia súng trường khắp xung quanh để đề phòng quân lính địch còn ở trong, và Yeager bất giác lùi lại. Bên trong có nhiều

người kinh khủng, nhưng tất cả đều đã chết và đang phân hủy. Thi thể thuộc đủ mọi lứa tuổi – từ sơ sinh đến già cả – nằm la liệt trên sàn, và một đàn ruồi đen kịt vo ve trong nhà thờ nhỏ. Mùi thối rữa chết chóc ập lên Yeager và Mick, khiến họ phải lui bước.

“Chết tiệt, thật bệnh quá,” Mick nói và nhăn mặt.

Yeager lấy hơi và cơn giận trong anh bùng lên. “Quân đội Pakistan vẫn còn quá nương tay với chúng. Đám chó chết LRA nên bị làm thịt. Từng thằng một.”

“Ta không thể vào trong với cái mùi đó,” Mick nói. Như một thợ lặn trần, anh ta hít một hơi thật sâu, trở vào bên trong, tóm lấy một chiếc thang dựa vào tường và nhanh chóng lôi ra ngoài. “Lên mái nhà,” anh ta nói.

Yeager gật đầu và ra hiệu gọi Garrett và những người khác. Những tiếng súng rời rạc vang lên từ phía khu rừng nơi kẻ thù đang lẩn trốn. Khi lên tới nóc nhà, họ có thể quan sát đủ 360 độ. Khu rừng trải rộng ngút tầm mắt họ, bao phủ lấy mặt đất như thể bề mặt đại dương. Các đỉnh núi phủ băng trắng rặng Rwenzori sừng sững ở phía đông. Ở phía bắc, trực thăng của quân đội Pakistan tiếp tục tấn công, giải quyết nốt trước khi trở về căn cứ.

Yeager đợi những người còn lại leo lên và kéo cả thang lên cùng để quân địch không thể đuổi theo, và chỉ định vị trí cho từng người. Anh giao Pierce quan sát phía bắc, trong khi anh và những người khác vào vị trí để có thể tập trung hỏa lực vào quân địch ở phía nam. Garrett và Meyers, được sắp xếp ở hai bên trái phải mái nhà, cũng phải đồng thời quan sát phía đông và tây. Dự là không thể nghe thấy lệnh khi cuộc đọ súng bắt đầu, họ đều đeo tai nghe không dây vào.

Từ khu rừng bên kia quảng trường cỡ trăm mét, họ thấy vô số nòng súng lóe lên và tiếng phụ nữ gào thét. Riêng đội quân LRA này không đối đầu với lực lượng mặt đất người Pakistan mà có vẻ vẫn tiếp tục giết hại các dân làng đã bắt giữ, trừ khử mọi nhân chứng của cuộc thảm sát dưới tay mình trước khi người Pakistan tìm đến.

Lòng căm thù của Yeager đối với kẻ địch càng lúc càng tăng. Anh thề sẽ bắt chúng trả giá cho những hành vi tàn độc đó. Bốn người tì

súng lên rìa mái nhà thờ và đồng thời khai hỏa bắn vào rừng, nơi quân địch lẩn trốn. Họ nhắm vào bìa rừng, bởi có thể một số dân làng vẫn còn sống. Sau khi xả hết một băng đạn ba mươi viên, họ thấy bóng người xuất hiện giữa những thân cây. Quân địch đã chú ý tới họ.

"Tiết kiệm đạn," Yeager hét vào bộ đàm, mệnh lệnh cuối cùng của anh trước cuộc chiến. "Giữ chân chúng tới khi quân gìn giữ hòa bình đến."

Họ lại lên đạn và ngắm bắn. Trong khoảnh rừng tối, bóng một toán lính lờ mờ xuất hiện, hệt như những thân lúa phất phơ trong gió, rồi đột nhiên ào ra.

Yeager giương súng nhắm vào nhóm người đầu tiên và đã chuẩn bị bóp cò thì địa ngục trần gian mở ra trước mắt. Những kẻ đang chạy về phía họ, súng AK-47 trong tay bắn loạn, chỉ là trẻ con. Những thằng bé khoảng mười tuổi, tiếng thét the thé, nhào lên muốn giết anh.

Nửa năm trước, vào một ngày nắng đẹp, cuộc đời Oneka đã mãi mãi thay đổi.

Đến lúc ấy, nó vẫn còn là một đứa trẻ bình thường. Sinh ra và lớn lên trong một ngôi làng nhỏ ven đường, nó có một ông bố lười biếng, một người mẹ tần tảo, một cậu anh trai và một cô em gái sát tuổi nó. Mỗi sáng, lũ trẻ đi lấy nước, rồi tung tăng tới trường tiểu học cùng nhau, giúp mẹ trên đồng và chơi với bạn bè trong làng. Niềm vui duy nhất của chúng là chuyến đi chợ hai tuần một lần và thi thoảng được ăn gà vào bữa tối. Khi một bữa tiệc như vậy được bày ra trên sàn đất căn nhà một phòng của họ, anh trai nó, Obuya, và em gái nó, Atieno, lại cười ngoác miệng, và ba đứa vui vẻ chia sẻ đồ ăn với nhau.

Cái ngày ác quỷ tìm tới làng họ, Oneka đang chơi bên ngoài. Nó và Obuya đang sút qua sút lại một quả bóng. Atieno đang ngồi hát trước nhà xem các anh chơi, thì đột nhiên, giọng hát lí nhí của con bé bị tiếng gào thét nhấn chìm. Ở rìa làng, một người phụ nữ rít lên. Đây không phải tiếng hò hét của một cặp vợ chồng bất hòa mà là

tiếng hét hoảng loạn có thể khiến người nghe thấy đóng băng.

Oneka và anh chạy ra đường xem có chuyện gì. Một chiếc xe tải ầm ĩ phóng tới, dừng nhanh trước từng ngôi nhà để thả ba người lính xuống. Chiếc xe đang tiến về phía họ.

“Bố! Mẹ!” Obuya hét gọi.

Mẹ nó đang làm việc trên đồng sau nhà và cha nó đang ngủ dở đều chạy tới, vẻ mặt căng thẳng. Đúng lúc đó, chiếc xe dừng lại trước mặt Oneka, và ba người mang súng nhảy xuống khỏi thùng xe.

“Chạy đi!” cha nó hét lên và tóm lấy Atieno đứng bên cạnh. Một tay lính xông vào ông và xọc lưỡi lê xuyên thẳng qua người Atieno trong tay ông.

Oneka thấy mình như đang trong ác mộng. Atieno chỉ hát thôi. Con bé đâu có làm gì sai. Tại sao họ lại...

Em gái nó gục xuống. Cha nó không có thời gian tiếc thương con gái mình. Con dao xuyên qua Atieno cũng đã đâm thẳng vào ngực ông. Cha nó rên lên đau đớn, tóm chặt vết thương và ngã xuống quằn quại.

Tay lính cao nhất đi tới trước mặt mẹ Oneka đang sững sờ quỳ dưới đất, và nói, “Tao sẽ đưa con trai mày đi.” Mẹ nó không đáp. Bà run rẩy đến không thể nói nổi. Một tay lính nữa đến trước mặt anh trai nó và giơ ra một con dao. “Mày xử bà ta đi,” gã ra lệnh. Obuya trợn mắt, lắc đầu. Như thể đang đợi câu trả lời này, ba tay lính cầm rìu nhào vào nó.

Oneka nhắm chặt mắt, nhưng thậm chí cả khi cúi gằm mặt, nó vẫn nghe thấy tiếng anh trai gào thét.

Oneka đang khóc nức nở thì cảm thấy một con dao nặng trịch trong tay. Con quỷ lại lên tiếng. “Đến lượt mày. Làm đi. Nếu không mày cũng sẽ như thằng anh mày.”

Qua màn nước mắt, nó thấy thân thể không còn nguyên vẹn của anh mình. Oneka không muốn chết. Nó quay sang mẹ mình và thấy mặt bà tái đi.

“Làm đi,” con quỷ nói.

Mẹ nó khóc thất thanh tới khi con trai bà kết thúc hành vi kinh

khủng nó cần làm để cứu mạng mình.

Khi tất cả xong xuôi, Oneka trở thành một con người khác. Như thể nó đang quan sát thế giới này từ một thế giới khác. Chúng đẩy nó lên xe tải, và khi chiếc xe phóng đi dọc theo con đường bụi bặm, nó nhìn thấy cha mình vật vã trên mặt đất, khóc đứt ruột đứt gan. Mình sẽ không bao giờ trở lại nữa, Oneka nghĩ.

Cùng mười đứa trẻ khác trong làng, Oneka bị đưa tới trại huấn luyện. Nó bị biến thành người lính và kéo vào vòng chiến. Vài trăm đứa trẻ bị gom lại trong hàng dãy những căn lều đơn giản trên một góc thảo nguyên. Do chúng không được phép tắm, một thứ mùi kinh khủng ám lên cả khu vực.

Khi việc huấn luyện bắt đầu, những đứa trẻ dù chỉ phạm sai lầm nhỏ đều đi đời. Oneka muốn được sống, vậy nên nó lặng lẽ hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, từ lau các chi tiết súng đến tập tấn công kẻ địch. Ba tháng sau, nó được điều đi tham chiến thực sự, tấn công một ngôi làng y hệt ngôi làng của mình và giúp cướp bóc đồ ăn, nhiên liệu và đàn bà. Con quỷ đã bắt cóc nó, thủ lĩnh có biệt danh Tướng Máu của chúng, trói những dân làng bị bắt lên cây, nói rằng hắn muốn huấn luyện lũ trẻ trở nên dũng cảm, và bắt chúng sát hại họ. Oneka đã giết vài người.

“Giờ chúng ta chỉ cần kiên nhẫn.” Một thằng bé tên Rokani trong nhóm nó cứ nhắc đi nhắc lại vào buổi tối sau khi chúng giết người. “Quân đội Mỹ sẽ sớm tới cứu chúng ta.”

“Quân đội Mỹ?”

“Ừ. Lính Mỹ sẽ trừng phạt người xấu. Mà, cậu biết câu Ngòi bút mạnh hơn lưỡi kiếm’ không?”

Oneka lắc đầu.

“Nhà báo còn mạnh mẽ hơn bất cứ đội quân nào. Sức mạnh của ngòi bút chắc chắn sẽ cứu chúng ta.”

Nhưng quân đội Mỹ không hề tới, và ngòi bút vẫn kém cạnh lưỡi kiếm. Không thể đợi lâu hơn, một đêm Rokani cố gắng trốn khỏi trại, bị bắt, và tay thủ lĩnh gọi Oneka tới, ra lệnh cho nó dùng dùi cui đánh chết kẻ đào ngũ. Oneka đập dùi cui xuống đầu bạn mình và giết

chết nó. Oneka không tin ai nữa, không còn chút cảm xúc nào nữa. Nó không còn quan tâm nữa. Đây là cuộc chiến của Oneka.

Trong cuộc tấn công hai ngày trước, nó không hề ngần ngại giết những người dân trốn vào trong nhà thờ. Các thiếu nữ bị đưa vào rừng, trở thành đồ chơi cho nhóm cầm đầu. Nhưng sáng nay, một chuyện hoàn toàn bất ngờ xảy ra. Bom bắt đầu rơi ở đằng xa, và trực thăng chiến đấu tấn công chúng. Oneka và những đứa khác nhận lệnh hạ lều đã dựng trên quảng trường làng và trốn vào rừng. Sau khi rút lui, màn tàn sát phụ nữ bắt đầu. Năm tay thủ lĩnh có vẻ hoảng sợ. Oneka đột nhiên nghĩ. Đây có lẽ là quân Mỹ tấn công. Nếu vậy, không phải họ sẽ giết một kẻ ác như nó? Bởi chúng thậm chí còn bắn những người phụ nữ đang khóc lóc cầu xin.

“Đội hình chiến đấu!” gã Tướng Máu bỗng hét lên.

Oneka lần đầu tiên nhận ra chúng đang bị tấn công. Những đồng đội của nó đứng gần quảng trường nhất đều bị bắn hạ. Oneka quay về hướng nổ súng. Một nhóm người trên mái nhà thờ đang bắn chúng.

“Tấn công nhà thờ! Giết hết bọn chúng!”

Lũ trẻ nạp đạn cho súng tiểu liên và xếp thành đội hình chiến đấu đối mặt với nhà thờ.

Tướng Máu hạ tay. “Cả đội, tấn công!”

Hai trăm đứa trẻ đồng thời hét lên và bắt đầu chạy về phía nhà thờ bên kia quảng trường. Oneka ở nhóm dẫn đầu. Như thường lệ, nó không sợ hãi. Tất cả những gì nó phải làm là giết người. Nó chạy và giương khẩu AK-47 xả đạn lên nóc nhà, thứ mùi ngòn ngọt của thuốc súng nhạt đi, và nó ngửi thấy hương đất. Mùi hương ấy khiến nó nhớ đến quê nhà. Ký ức về gia đình nó luôn cố nhớ lại nhưng không thể, giờ đây mở khóa trái tim nó ùa về.

Mùi hương đất trở thành mùi hương người mẹ dịu dàng. Oneka tưởng như đang nằm trong vòng ôm của mẹ. Bọc trong hơi ấm và sự mềm mại của bà, nó ngạc nhiên khi thấy bà không hề tức giận. Mình đã làm hại mẹ, nhưng mẹ còn yêu mình không?

Oneka bắt đầu khóc. Từng giọt nước mắt bay đi theo bước chân

chạy.

Giá như mình đừng sinh ra làm người.

Giá như mình là một con chim hay con thú nào đó để cha mẹ và anh em mình có thể cùng sống hạnh phúc với nhau.

Kẻ địch đang bắn trả. Một người đàn ông trên mái nhà đang xả đạn tự động vào chúng. Oneka nghe tiếng một viên đạn, với vận tốc khủng khiếp, xuyên vào đứa bên trái. Qua khóe mắt, nó thấy những đứa trẻ quanh mình lần lượt ngã xuống, và nó nghĩ: mình cũng sẽ chết.

Một nòng súng nhắm vào nó lóe lên. Sau đó, nó không thấy gì nữa, không cảm thấy gì nữa.

Mick chĩa súng vào đám trẻ và bắt đầu hỏa lực tiêu diệt. Hàng trẻ con đầu tiên gục ngã. Nhóm phía sau vấp phải thi thể đồng đội mình và ngã xuống.

“Dùng bắn!” Yeager hét vào bộ đàm.

Nhưng Mick mặc kệ mệnh lệnh. “Lên đi nào lũ khốn!” anh ta gào lên giận dữ và tiếp tục nã đạn. Khi hết đạn, anh ta hét lên “Đang nạp đạn!” và nhét thêm một băng nữa vào súng. Trong lúc đó, những đứa vấp ngã đã kịp đứng dậy và lại bắt đầu xông lên. Garrett và Meyers buộc phải tiếp tục bắn, tuy nhiên họ chỉ bắn cảnh cáo. Đạn bắn xuống đất vạch thành một đường lũ trẻ không thể vượt qua, và cuộc tiến công của chúng dần dần khựng lại.

“Ngừng bắn!” Yeager ra lệnh, và anh kéo chốt một quả lựu đạn. Sau khi tính toán phạm vi sát thương, anh ném nó về phía đằng trước đám trẻ. Chúng rạp xuống đất vì vụ nổ, nhưng anh tính mình đã ném đủ xa để tránh làm chúng bị thương nếu vẫn còn đứa đang đứng.

Tiếng kêu khóc của những đứa nhỏ hơn vang vọng khắp quảng trường. Yeager hy vọng cảm giác kinh khủng vừa rồi sẽ khiến chúng nhanh chóng rút lui. Còn kế hoạch ban đầu của anh đã phản tác dụng. Đội quân người Pakistan đã cố ý bỏ qua đội lính trẻ em này. Họ không thể trông đợi vào sự giúp đỡ của quân gìn giữ hòa bình. Nếu trận chiến còn kéo dài thêm, nó sẽ biến thành một cuộc tàn sát

hàng loạt.

Như thể tâm linh tương thông với anh, vài đứa trẻ đứng dậy và quay về rừng. Yeager mơ hồ hy vọng toàn bộ lực lượng sẽ rút lui, nhưng hy vọng này đã sớm bị dập tắt. Đạn vạch đường từ trong rừng bay ra, giết chết lũ trẻ đang lui về. Yeager thiếu chút nữa phát nôn.

Phát hiện rằng mình có bỏ chạy cũng mất mạng, chúng gượng dậy, bắt đầu một cuộc tiến công mới tuyệt vọng, hỗn loạn, giống như cảm tử. Chúng lao về phía nhà thờ, trở thành những bia ngắm di động trên quảng trường trống trải. Dù còn là trẻ con, vũ khí chúng mang trên tay đều là hàng thật, và đạn bắn bừa ra từ nòng súng AK-47 rơi như mưa xuống đầu Yeager cùng đồng đội. Hàng trăm viên đạn găm vào rìa mái nhà nơi họ ẩn nấp, bào mòn nó. Và rồi lớp lính cuối cùng dừng lại; vài đứa trẻ mang trên vai súng chống tăng.

“Súng phóng lựu!” Meyers hét lên, lồm cồm lui về phía sau. Lựu đạn nhắm thẳng họ mà phóng tới, hạ xuống mé trái mái nhà. Mặt đất rung lên khi những mảnh gạch vỡ nổ tung vào không khí, và ngay dưới chân Meyers, một phần mái nhà sụp xuống. Meyers suýt đã ngã chết, nhưng may mắn bám được lên phần sàn còn sót lại. Mùi xác thối dâng lên từ nhà nguyện bên dưới. Meyers trụ lại bằng cách nào đó, và anh leo lên, bò tới bên Yeager.

“Không làm gì thì ta toi hết!” Meyers hét.

Bên kia Yeager, Mick đang dùng khẩu súng phóng lựu cướp được bắn trả. Lựu đạn nổ tung giữa hàng ngũ chúng, khiến vài cái đầu và nội tạng bắn tóe ra tử phía.

“Ngừng bắn! Ngừng bắn!” Yeager hét lên, nhưng Mick mặc kệ, không ngừng xả đạn AK-47 vào quân địch.

“Tới đây nào lũ chó chết! Tao sẽ bắn banh xác từng đứa chúng mày!”

Giọng Mick như nghẹn lại vì vui sướng. Não anh ta đang sản sinh ra các chất giảm stress, gây ra hưng phấn trong chiến đấu. Anh ta chửi rủa tục tĩu lũ trẻ châu Phi và nã đạn vào chúng.

Thứ chất lỏng bỏng giẫy dâng lên từ dạ dày Yeager. Những đứa trẻ đã tiến tới giữa quảng trường, nhưng gần nửa số đó đã chết dưới

đạn của Mick.

Quả lựu đạn thứ hai nổ tung ở mé trái nhà thờ, rung chuyển tầng mái. Chỉ cần trúng thêm một quả nữa, toàn bộ tòa nhà sẽ sụp đổ.

Mick đổi từ tiểu liên sang súng phóng lựu.

“Mick, đừng có bắn!”

“Câm mồm! Đây là chiến tranh!” Mick gào lên đáp trả và khai hỏa. Quả lựu đạn nổ tung dưới chân hàng đầu của địch, khiến bảy đứa trẻ bỏ mạng hoặc bị thương.

Mình phải bắn, Yeager quyết định. Không còn lựa chọn nào nữa. Dù có phải xuống địa ngục vĩnh viễn, mình phải kéo cò.

“Đây là chiến tranh, đúng vậy,” Yeager hét. Rồi anh rút súng lục và bắn thủng thái dương Mick.

Viên đạn 9 ly không thể xuyên qua hết hộp sọ. Nó bắn lung tung trong hộp sọ anh ta, hoàn toàn phá hủy não bộ. Mick, đang ở tư thế nửa ngồi, bị giết ngay lập tức, và anh ta ngã sấp mặt. Máu đen chảy ra từ đầu và mũi anh ta kể cả khi đã chết.

Meyers và Garrett nhìn chằm chằm thi thể đồng đội, sững sờ. Tay phải của Yeager, tay bóp cò, cảm giác như thể dính đầy thứ gì nhớp nháp.

“Garrett, bắn cảnh cáo buộc chúng dừng lại. Muốn thì dùng lựu đạn cũng được.” Yeager lần lượt đưa ra mệnh lệnh. “Meyers, bắn súng phóng lựu.”

Khẩu súng được chuyền sang cho Meyers, và anh ta cau mày nhìn Yeager.

“Bắn về phía rừng. Dụ đám chỉ huy đang trốn ra!”

"Rõ!”

Meyers kiểm tra góc bắn và bắn một quả lựu đạn 40 ly. Yeager nhặt khẩu súng bắn tỉa Dragunov cướp được, nheo mắt nhìn qua ống ngắm, nhắm vào một thân cây lớn ở bìa rừng và bắn. Anh hạ súng, kiểm tra xem đạn đã đi đâu và chỉnh lại ống ngắm.

Những đứa trẻ sống sót đang nhích tới gần nhà thờ, mắt chúng lóe lên tia hiểm ác. Đây là mắt những đứa trẻ đã chứng kiến bạo lực và mất mát không thể tưởng tượng nổi, và trong chúng, Yeager thấy

những linh hồn méo mó không thể cứu rỗi.

Vài đứa bắt đầu ném lựu đạn. Tuy chúng không ném nổi tới nóc nhà thờ, nhưng một loạt vụ nổ phía dưới khiến các bức tường càng yếu ớt chực đổ.

Họ tuyệt vọng bắn trả, nhưng Garrett hét lên, “Chúng ta không thể cản chúng! Làm ngay đi!”

Meyers đổi điểm ném lựu đạn, từ sâu trong rừng tới chỉ ngay sát bìa rừng, nhưng đám cầm đầu vẫn trốn bên trong không lộ mặt.

Có lẽ cảm thấy rằng người ta không có ý định giết mình, lũ trẻ dần chạy nhanh hơn. Chỉ còn ba mươi mét nữa là chúng tới chân nhà thờ. Một đứa xông vào núi xác chết và bới ra một khẩu súng phóng lựu. Chỉ cần một phát súng đó, cả nhóm Yeager sẽ bị tiêu diệt. Yeager chần chừ nâng khẩu súng tỉa, sẵn sàng bắn vào chân thằng bé bất cứ lúc nào.

Yeager cảm thấy ai đó sau lưng mình. Anh ngẩng lên, giật mình, ngỡ rằng Mick bỗng trở về từ cõi chết. Một đứa trẻ ghê rợn đang đứng đó. Akili đã tới bên cạnh mà anh không hề nhận ra, và thằng bé nhìn chằm chằm xuống mặt đất bên dưới. Khuôn mặt nó giống hệt khuôn mặt của nhóm lính trẻ em, vặn vẹo vì thù ghét.

Vẫn giữ nguyên tư thế nằm bắn, Yeager hét lên, “Nằm xuống!”

Akili không vâng lời mà quỳ xuống bên xác Mick và lấy ra thứ gì đó từ ba lô. Cuộn mười nghìn đô la tiền tiêu của anh ta. Akili kéo đứt dây chun bằng đôi bàn tay bé xíu và ném hai trăm tờ năm mươi đô xuống khỏi mái nhà.

Cơn mưa tiền trôi theo làn gió và lả tả đáp xuống quảng trường. Lũ trẻ rúm người lại khi thấy có thứ gì đó rơi xuống, nhưng khi nhận ra đó là tiền, chúng bắt đầu thi nhau nhặt lấy. Mỉm nụ cười nhạt, Akili nhìn chúng ném vũ khí đi và bắt đầu đánh nhau cướp tiền. Trông nó như thể đã nhìn thấu sự tham lam của con người và đang mỉa mai cảnh đó.

"Yeager!”

Nghe tiếng hét của Meyers, Yeager nhanh chóng ngắm bắn trở lại. Đám cầm đầu vẫn đang để lũ trẻ tàn sát lẫn nhau cuối cùng cũng lộ

mặt ở bìa rừng, bị hàng loạt vụ nổ nối tiếp nhau ép chui ra. Năm gã đàn ông, tất cả đều đội mũ nồi. Một gã đẫm máu, chắc hẳn là bị thương do lựu đạn.

Yeager không do dự. Anh kéo cò súng, và đầu một gã giật ngược lại. Trước khi cái xác không hồn kịp chạm tới mặt đất, Yeager đã bắn viên đạn thứ hai vào một kẻ khác. Quá tệ là anh phải bắn chết chúng ngay lập tức. Anh ước gì còn có cách tàn nhẫn hơn để hành hạ lũ quỷ này.

Ba kẻ còn lại nhận ra có một tay bắn tỉa, bắt đầu kéo nhau rút về rừng. Yeager kịp hạ thêm hai kẻ nữa trước khi hết đạn. Khi tay thủ lĩnh thân thể đẫm máu cuối cùng đang chạy về phía lùm cây, một quả lựu đạn Meyers phóng ra đáp xuống ngay dưới chân hắn. Lựu đạn nổ tung, cắm hàng trăm mảnh nhỏ xuyên qua người hắn, và hắn gục xuống như cái giẻ rách.

Yeager nhoài người khỏi rìa mái nhà và hét vọng xuống. “Thủ lĩnh các cháu đã chết! Mau chạy đi!”

Những tay lính nhỏ đều dừng lại và nhìn lên người nói.

Garrett hét lại thông điệp của Yeager bằng tiếng Swahili.

Lũ trẻ tỉnh táo lại, nhặt súng lên và lại tấn công, nhưng Yeager và Garrett, cẩn thận nấp đi, tiếp tục hò hét. “Thủ lĩnh các cháu đã chết! Các cháu sẽ không bị giết! Chạy đi mau!”

Tiếng súng nhỏ dần và cuối cùng tắt hẳn. Yeager giơ một tấm gương hiệu lệnh rút trong túi lên và quan sát tình hình quảng trường. Lũ trẻ nhìn về phía khu rừng, nhận thấy thi thể đám thủ lĩnh, liếc nhìn nhau và trao đổi vài lời rồi tản ra.

Chỉ ít lâu sau, bãi chiến trường đã vắng tanh. Lũ trẻ đã bỏ lại vũ khí và chạy đi.

Yeager kiểm tra lại một lần nữa. “Chúng rút rồi!” anh báo cáo và ngồi dậy. Anh thấy nôn nao.

Akili chăm chú nhìn thi thể Mick, đột nhiên ngẩng lên cười rất rợn với Yeager. Yeager cảm giác như mình không còn chịu thêm nổi chuyện gì nữa và không buồn cố tìm hiểu suy nghĩ của Akili. Anh lặng lẽ bế thằng bé lên và giao lại cho Pierce, vừa hối hả chạy lại từ

mé bắc của tòa nhà.

Mấy người lính lấy hết mọi thứ có thể xác định danh tính Mick khỏi ba lô anh ta và chia nhau thức ăn cùng hỏa dược.

"Đừng để tâm. Đây là chiến tranh," Garrett nói, nhìn xuống xác Mick, cố an ủi Yeager. "Chiến tranh vô nghĩa, khốn kiếp."

Meyers gật đầu đồng tình.

Yeager không lên tiếng, nhưng anh rất biết ơn họ. Anh nghĩ nhanh về gã người Nhật mình đã giết. Về con người tên Mikihiko Kashiwabara này, người đã tới chiến trường mà không có lấy một tấm ảnh gia đình hay bạn bè. Một người sống cuộc đời đầy thù hận, không ai yêu thương.

"Đi thôi," Meyers nói và chạy qua mái nhà. Họ hạ thang và xuống đất ở mé phía bắc nhà thờ.

"Tôi vừa nhận được tin từ chiếc xe đang đợi ta," Pierce nói. "Lính gìn giữ hòa bình đang trở về căn cứ. Họ sẽ đi ngang qua ta. Cũng sắp tới rồi."

"Đó là xe gì?" Yeager hỏi.

"Land Cruiser. Hãy đợi cách đây một trăm mét, trên đường cái."

Yeager và Garrett dẫn đầu, Meyers bọc hậu, và Pierce cùng Akili ở giữa, họ tiến về phía đông. Khoảng một trăm thi thể trẻ em nằm trên quảng trường trước nhà thờ. Yeager không thể kìm nổi nữa và cúi người nôn.

Garrett nhìn đằng sau. "Nhanh lên nào," anh ta giục họ và bắt đầu tăng tốc. Ngay lúc đó, anh khựng lại, như thể vừa đâm phải một vật thể to, nặng, và dè dặt ôm sườn. Anh khuỵu xuống và đổ về phía trước.

Yeager nằm sấp mặt xuống đống chất lỏng vừa nôn ra. "Lính bắn tỉa hướng ba giờ," anh hét lên với Meyers qua bộ đàm.

Chính là từ quảng trường đầy xác chết. Yeager giương súng và thấy một thằng bé, phần chết nhiều hơn sống, đứng dậy. Thằng bé như chìm trong một biển xác chết. Garrett nằm sõng soài, rên rỉ đau đớn.

"Cố lên, Garrett. Meyers sẽ tới ngay," Yeager nói, cố cổ vũ anh ta,

rồi quay về phía quảng trường.

Thằng bé có vẻ đã trúng một phát súng phóng lựu, bởi nó mất tay trái và một bên mắt nó nát bét. Nó ôm được khẩu AK-47 bằng tay còn lại, nhưng vẻ mặt trống rỗng của nó cho anh biết, nó đang dần bất tỉnh. Nó tuyệt vọng bắn tiếp, đạn phun bừa ra xung quanh.

Tại sao? Yeager tự hỏi. Tại sao đứa trẻ đó và mình lại phải giết chóc lẫn nhau?

Bất chấp những viên đạn lạc lung tung, Yeager chạy tới bên Garrett và kéo anh ta ra sau tường một ngôi nhà gần đó.

"Chó chết! Đau quá!" Garrett hổn hển.

Yeager cởi thiết bị của Garrett, mở quần áo chiến đấu của anh ta kiểm tra vết thương. Máu trào ra từ sườn bên phải. Viên đạn găm vào sát gan anh ta. Động năng của viên đạn đã phá hủy hết các cơ quan nội tạng.

Mặt Garrett tái xanh, hơi thở rất nông. Yeager đặt ba lô mình dưới chân Garrett để gác chân anh ta lên, theo phép sơ cứu người bị sốc.

"Chết tiệt." Garrett khàn khàn nói. "Tôi trúng đạn từ một thằng nhóc con."

"Không sao đâu. Vết thương không nặng đâu. Cố lên."

Khi Yeager ấn lên vết thương để cố gắng cầm máu, Garrett vặn người đi vì đau đớn. Yeager lấy một mũi morphine từ hộp cứu thương và liếc về phía người quân y của họ. Meyers đang kẹt sau nhà thờ, bảo hộ cho Pierce và Akili, nhưng cuối cùng cũng bắt đầu chạy tới.

"Tôi sẽ chết ở đây sao?" Garrett thì thào. "Chúa ơi, ước gì tôi đã dùng đời mình vào việc gì tử tế."

"Anh nói vậy bởi anh đúng là một người tốt."

"Không… tôi đã vận chuyển rất nhiều người ra nước ngoài để họ bị tra tấn... Syria và Uzbekistan..."

Yeager ngắt lời anh. "Không phải vì anh muốn vậy. Anh đáng ra có thể bỏ trốn một mình khỏi khu rừng này. Nhưng anh ở lại với chúng tôi vì con trai tôi, phải không?"

Không có lời đáp.

Garrett nhắm mắt, ngừng thở và nằm đó, vẻ mặt thanh thản.

Yeager chạm vào động mạch cảnh để thấy tim anh ta đã ngừng đập và thử làm CPR, dù biết là vô vọng. Anh phải cố gắng lắm mới không hỏi thành tiếng, liệu linh hồn của Garrett có nghe thấy những lời cuối cùng của anh.

Meyers tới nơi, kiểm tra mạch, hơi thở và đồng tử của Garrett, và ngăn không cho Yeager tiếp tục làm CPR. Anh chàng quân y trẻ tuổi tỏ vẻ đau buồn. Anh yếu ớt lắc đầu và thông báo cái chết của đồng đội.

"Lạy Chúa," Pierce lẩm bẩm cay đắng.

"Thằng bé sao rồi?" Yeager hỏi.

"Nó gục và không động đậy gì nữa," Meyers nói. "Tôi nghĩ nó chết rồi."

Hai người họ đứng đó một thoáng, ngậm miệng âm thầm cầu nguyện, rồi Yeager lục ba lô Garrett và lấy ra tấm ảnh một người phụ nữ tầm tuổi Garrett và một phong bì, có lẽ là di chúc. Trên đó viết GỬI JUDY và một địa chỉ ở bắc Virginia. Yeager cẩn thận nhét thư vào túi quần.

"Anh không định chôn anh ấy sao?" Pierce hỏi. "Anh ấy đã giúp cứu người Mbuti."

Họ không thể lãng phí giây phút nào, nhưng Yeager không thể chịu nổi ý nghĩ phải để cơ thể Garrett phơi ra như vậy. Anh nhìn quanh, nhưng quân địch đã biến mất không còn bóng dáng.

"Chôn anh ấy đi," Meyers nói. "Ba người cùng làm sẽ không mất lâu đâu."

Yeager gật đầu, và anh cùng Meyers lỗi cái xác vào rừng. Họ đào hố bằng dụng cụ đào hào cơ động, đặt Garrett vào trong và đánh dấu trên bản đồ.

Khi sắp sửa xúc đất đổ lên, Meyers và Pierce cúi người và nói một lời cầu nguyện ngắn. Yeager đang quan sát người duy nhất không tỏ ra buồn bã. Trong vòng tay Pierce, trông Akili có vẻ vui sướng, như thể hứng thú vô cùng với nghi lễ tôn giáo đầu tiên được chứng kiến

trong đời.

Đó là tất cả những gì thằng bé cảm thấy sao? Yeager băn khoăn. Cơ thể đã chết kia chỉ là một vật thể với nó thôi sao? Anh tóm lấy cằm Akili. Cảm giác trên tay giống hệt như cầm một đứa trẻ bình thường. Akili nhìn anh sợ hãi. Yeager quay đầu đứa bé ba tuổi về phía thi thể Garrett. "Nghe rõ đây, Akili. Chú không biết cháu đang nghĩ gì hay cảm thấy thế nào. Có lẽ cháu nghĩ con người là một giống loài ngu ngốc. Nhưng đừng bao giờ quên người này. Anh ta chết khi cố gắng cứu cháu. Anh ta hy sinh món quà quý giá nhất của mình cho cháu."

Nước dâng lên trong mắt Akili. Yeager nhớ lại vẻ mặt con trai mình khi anh khiển trách nó. Đây là kỷ luật cần thiết, anh nghĩ. "Từ giờ, cháu sẽ mang mạng sống của Warren Garrett theo mình. Tức là cháu phải sống một cuộc sống tốt như anh ta. Hiểu chú nói gì chứ?"

Akili gật nhẹ đầu, như thể nếu không gật, sự ngược đãi này sẽ còn tiếp diễn.

"Được rồi," Yeager nói và buông tay. Akili vẫn có vẻ hoảng sợ, nên anh xoa cái đầu to tướng của nó. Yeager quay sang hai người kia. "Ta té lẹ khỏi cái nước này thôi."

Sau khi chôn Garrett, nhóm bốn người xốc chút tinh thần và sức lực còn lại và tiến vào rừng. Lực lượng gìn giữ hòa bình đã trở lại căn cứ ở phía nam, và đám lính LRA cùng dân làng còn lại như đã tan đi theo gió. Họ bình tĩnh di chuyển trong khu rừng yên ắng, và bên một con suối, họ thấy một đàn bướm cất cánh trong ánh nắng lọt qua tán cây. Như thể vô số bông hoa đang điên cuồng nhảy múa.

Thế giới này thật đẹp, Yeager nghĩ. Dù trên cùng hành tinh này còn có loài sâu bọ gọi là con người.

Trước khi ra khỏi rừng, Pierce lấy laptop ra để đảm bảo vệ tinh do thám không theo dõi họ. "Ổn rồi," ông thông báo.

Khi họ đặt chân lên con đường chính đầy bùn đất, một chiếc Land Cruiser đậu ở phía nam khởi động và lái tới chỗ họ. Dù tự nhủ bản thân không được hạ thấp cảnh giác, Yeager vẫn không kìm được mà thở một hơi dài nhẹ nhõm.

Chiếc SUV dừng lại trước mặt họ và một anh chàng da đen trẻ tuổi chào họ từ ghế tài xế. “Ông là Roger? Người Anh?”

“Đúng vậy,” Pierce đáp. “Anh là Sanyu?”

“Chính tôi.”

“Tôi rất vui được gặp anh, Sanyu.”

“Tôi cũng vậy,” Sanyu hớn hở nói, nhưng khi nhìn thấy hai người đàn ông mặc đồ chiến đấu, mặt anh ta đông cứng. Và khi thấy Akili trên tay Pierce, mắt anh ta trợn lên.

“Đứa trẻ này đang ốm,” Pierce giải thích. “Rồi tôi sẽ kể hết cho anh. Quan trọng hơn là anh có đồ tiếp tế trên xe không?”

“À, có,” chàng trai lại vui vẻ trở lại, nhảy xuống khỏi ghế lái và mở cốp. Khoang hành lý chất đầy thùng đựng đồ ăn và quần áo.

Mấy người lấy ra một thùng nước khoáng, vào rừng và rửa sạch người. Họ nhanh chóng cạo râu, thay quần áo và giờ trông sáng sủa hơn hẳn. Họ đội cho Akili một cái mũ sơ sinh, kéo sụp xuống để che đi cái đầu và đôi mắt kỳ lạ của nó.

Pierce phát cho họ thẻ nhà báo và hộ chiếu giả, và họ đã sẵn sàng rời khỏi đất nước này. “Chúng ta sẽ tới Uganda qua Rutshuru,” ông giải thích.

“Sau đó thì sao?” Meyers hỏi. “Làm sao chúng ta thoát khỏi châu Phi?”

“Lúc trước tôi có vài kế hoạch, nhưng giờ ta lại về điểm xuất phát rồi. Chúng ta không còn nhiều sức chiến đấu như trước nữa. Nhưng đừng lo, đồng minh của ta ở Nhật sẽ có kế hoạch.” “Sức chiến đấu”, ý ông ta là hai đặc vụ của họ đã chết.

Để cẩn thận, khi vượt biên Congo, bốn người họ sẽ để Sanyu lại xe và đi bộ đường vòng để tránh chốt kiểm tra. Từ giờ tới lúc đó, Meyers lái xe, Yeager ngồi cạnh và ba người kia ở ghế sau. Họ cho chiếc Land Cruiser khởi hành.

Ngắm nhìn rừng Ituri chạy qua ngoài cửa sổ, Yeager vô thức chùi tay phải lên quần. Anh vẫn còn cảm giác khi bắn Mick, như thể trên người anh toàn là não của anh ta.

Từ khi tới đất nước này, mình đã làm được gì đúng đắn chưa?

Yeager băn khoăn. Mình đã hạ mình xuống ngang với kẻ thù và giết hại đồng chí chỉ vì cái tôi của bản thân ư? Nếu Mick không tấn công đám lính trẻ con từ trên mái nhà, có lẽ tất cả đã chết hết rồi. Mick đã quyết định rằng đây là một cuộc chiến sinh tồn, và không phải anh ta đã là người lựa chọn đúng đắn? Chẳng phải mình nên xin lỗi Mick, người đã cứu tất cả khỏi nguy hiểm? Vì đã khiến anh ta phải vào vai người xấu?

Nỗi hối hận day dứt vì sự thù ghét anh đã dành cho Mick giờ đây dâng lên trong anh. Hối hận vì đã lấy mạng Mick và bỏ mặc thi thể anh ta. Anh tưởng như sẽ không bao giờ có thể gột sạch cảm giác tội lỗi, và mắt anh ngập nước. Sự mong manh của mạng sống, bản chất đáng kinh tởm của con người, sự vô lực của cái thiện khiến anh buồn bã và ghê tởm, hệt như ghê tởm chính bản thân anh và sự bất lực, bất phân phải trái của anh. Anh lặng lẽ khóc.

“Yeager,” Meyers nói từ ghế lái. Giọng anh chàng quân y cũng run rẩy. “Im miệng giùm tôi. Chính tôi cũng đang phải nén đây.”

Yeager gạt nước mắt và lại nhìn về phía trước bằng con mắt cảnh giác, nhưng giờ anh nghe thấy tiếng khóc từ ghế sau. Đấy là Pierce, khi cảm giác nhẹ nhõm bao trùm lên những dây thần kinh sắp đứt của ông. Akili cũng bắt đầu khóc, nước mắt của người giám hộ nó khiến nó cũng nức nở theo. Những giọt lệ to tướng lăn ra từ đôi mắt mèo của nó chính là bằng chứng rằng cảm xúc của nó cũng giống con người. Nỗi sợ trước Kẻ Khác hoàn toàn xa lạ này vẫn ám ảnh Yeager giờ phai đi một chút.

Sanyu, người duy nhất không hiểu chuyện gì đang xảy ra, trông có vẻ bối rối. “Mấy người ổn cả chứ?”

Chợt nhận ra trông họ mới ngớ ngẩn làm sao, hai người lính ở ghế trước cuối cùng cũng có thể bật cười.

Phần 3
THOÁT KHỎI CHÂU PHI

Kento khóa mình trong căn phòng che kín rèm, gần như không ăn không ngủ, tập trung điều chế thuốc. Cậu không còn biết ngày đêm gì nữa.

Một tuần đã trôi qua kể từ khi cậu bắt đầu quá trình tổng hợp. Không có cuộc gọi nào từ Papi, tức là cũng không có liên lạc từ Congo, và Kento có thể hoàn toàn tập trung vào các thí nghiệm. Có lần, khi bò vào chiếc túi ngủ trên sàn để ngủ một chút, một ý nghĩ đen tối thoáng qua tâm trí cậu. Có lẽ Jonathan Yeager và Nigel Pierce đã chết ở châu Phi. Hay không nghe tin gì có nghĩa là họ vẫn ổn?

Quá trình tổng hợp thuốc mới đã diễn ra thuận lợi, cho tới ngày hôm qua. Các nguyên liệu cần thiết ban đầu để tạo ra hai thuốc – GIFT 1 và GIFT 2 – đi qua ba phản ứng khác nhau đã biến thành các chất sản phẩm trung gian với cấu trúc hóa học hoàn toàn khác. Khi mỗi phản ứng kết thúc, Kento đều tách và tinh chế hợp chất thu được rồi gửi mẫu cho Jeong Hoon ở trường đại học. Trong tầng hầm tòa nhà khoa dược là máy cộng hưởng từ hạt nhân và thiết bị phân tích cấu trúc dùng tia X, các máy đó sẽ cho họ biết liệu sản phẩm có phải thứ họ cần. Jeong Hoon vận chuyển chúng bằng mô tô vài lần giữa Machida và trường đại học ở Kinshicho.

Từ đêm qua tới hôm nay, quá trình tổng hợp đi vào giai đoạn mấu chốt. Trong quy trình tổng hợp GIFT 1, có một phản ứng Kento không thể tìm thấy khi tra trong các bài nghiên cứu học thuật, vậy nên cậu phải tự nghĩ ra tác chất và điều kiện phản ứng. Justin Yeager chỉ còn chưa đầy mười ngày để sống, và cậu biết mình không thể phạm sai lầm. Trước đó, Kento đã dành vài ngày đọc sách về cơ chế phản ứng, vắt óc nghĩ một kế hoạch thí nghiệm khả quan và đưa nó vào thực hành. Khi cho tác chất cùng chất xúc tác vào cốc, tay cậu hơi run. Phản ứng kéo dài mười hai tiếng, vậy nên cậu tách chất thành phẩm ra vào cuối chiều và đưa Jeong Hoon vận chuyển đi

bằng mô tô. Giờ cậu đang đợi kết quả phân tích.

Trong khi chuẩn bị cho phản ứng tiếp theo, cậu thấy phấn chấn kỳ lạ. Thử những phản ứng chưa ai từng làm, nghĩa là cậu cuối cùng cũng trở thành một phần của thế giới hóa học hữu cơ. Quá trình phát triển thuốc cậu đang thực hiện thừa đủ để thắng vài giải Nobel, nhưng cậu cũng cảm thấy sức nặng của các vị tiền bối – như thể cậu đang xây dựng trên nền tảng của họ, được nâng đỡ bởi vô vàn phản ứng tích lũy mà các nhà khoa học vô danh trước đây từng thực hiện. Giờ đây, cậu không chỉ có thể gia nhập các vị tiền bối này, mà tới một ngày nào đó, có lẽ ai đấy sẽ lại sử dụng các phản ứng của cậu để tạo ra loại thuốc mới. Với Kento, đây là một viễn cảnh đầy phấn khích.

Tiếng mô tô đỗ lại bên ngoài, và cậu ngẩng đầu. Jeong Hoon đã tới. Nghe tiếng bạn mình chạy lên cầu thang, Kento ra của đón.

“Tớ có kết quả rồi,” Jeong Hoon nói ngay khi cửa vừa mở. Nôn nóng tới không kịp cởi giày vào nhà, Jeong Hoon đứng đó, cởi ba lô và lôi ra một tập giấy in. Họ không thể dùng fax, vậy nên mọi văn bản đều phải được giao tận tay.

Kento trở vào phòng và hăm hở đọc hết ba loại kết quả – phân tích phổ khối lượng, phân tích phổ hồng ngoại, và phân tích cộng hưởng từ hạt nhân NMR.

Mẫu thử đầu tiên có vẻ chính là hợp chất họ cần. Mọi thứ đều hợp lý, không chỉ phân tử khối, khối lượng và cấu tạo nguyên tử mà còn cả nhóm chức thấy được qua phổ hồng ngoại.

Cố kìm sự nóng lòng, cậu đọc tiếp biểu đồ NMR. Một đường thẳng chạy theo trục hoành, thi thoảng xuất hiện đỉnh nhọn. Điều này cho thấy trong đó không có tạp chất. Rõ ràng ở đây có sự hiện diện của một vòng benzen, vị trí các proton cũng rõ ràng, và cậu có thể hình dung ra công thức cấu trúc hóa học phù hợp kết quả phân tích. Tất cả đều thống nhất. Bất kể ai là người đọc những kết quả này, cũng sẽ chỉ suy ra được một công thức cấu trúc. Cậu kiểm tra lại nhiều lần để đảm bảo không xảy ra lỗi. Kento giơ nắm đấm. “Ta làm được rồi!”

“Tuyệt vời!” Jeong Hoon, lúc đó đã vào phòng, sung sướng vỗ tay. “Chỉ còn ba bước phản ứng nữa, GIFT sẽ hoàn thiện!”

Jeong Hoon đang cười toe toét. “Một món quà nhỏ, cậu ta nói, chìa ra một túi đầy hamburger và nước tăng lực.

Kento nhận túi đồ ăn đầy biết ơn. Tất cả những gì cậu ăn mấy ngày nay chỉ là bánh mì ngọt cùng ramen, và cậu đã sớm phát ngán. Nhưng vẫn còn việc cần làm trước khi cậu mở giấy gói hamburger. Chỉ để đảm bảo chắc chắn, cậu kiểm tra cả kết quả phân tích sản phẩm phụ. Và khi đó, cậu thấy một thứ đáng ngạc nhiên. Một hợp chất rất khác so với kỳ vọng của cậu đã xuất hiện. Hẳn là một phản ứng ngoài ý muốn đã xảy ra trong cốc thí nghiệm.

Cuối cùng Kento cũng hiểu được điều thầy cố vấn của mình, giáo sư Sonoda, luôn luôn nói: phải kiểm tra phản ứng phụ. Nếu chỉ quan tâm tới phản ứng chính, người ta có thể bỏ qua một phát hiện bất ngờ ẩn giấu đằng sau. Trong phòng thí nghiệm, thường xảy ra chuyện một nghiên cứu sinh tới báo cáo kết quả công việc, và chỉ có giáo sư Sonoda phấn khích khi nghiên cứu sinh kia đứng ngẩn ra ở đó. Khi gặp các hiện tượng ngoài mong đợi, giáo sư nhận ra sự tồn tại của một phản ứng chưa biết đến và cảm thấy tò mò. Giờ đây Kento cũng đang cảm nhận chính sự phấn khích ấy, giống như thầy giáo mình, và cậu cảm thấy mình đã bước một bước dài nữa vào thế giới tổng hợp hữu cơ này.

“Có gì mà trông cậu vui thế,” Jeong Hoon cười nói. “Mình ăn thôi chứ?”

“Cậu ăn trước đi.” Kento trở lại bàn thí nghiệm. “Tớ cần chuẩn bị cho thí nghiệm tiếp theo.”

“Tớ giúp được gì không?”

“Cậu có thể đo độ bão hòa oxy cho đám chuột không?”

“Làm ngay đây.”

Jeong Hoon nhìn vào tủ, máy đo bão hòa oxy máu trong tay. “Kento,” cậu gọi.

Kento quay người lại. Jeong Hoon chỉ vào một con chuột nằm bất động trong chuồng. “Một con chết rồi.”

Đó là một con chuột biến đổi gene được cấy bệnh PAECS. Nhãn gắn trên tai nó có mã 4-05. Kento nhìn biểu đồ nồng độ oxy máu động mạch trong nhật ký thí nghiệm của cậu, được ghi lại sáu tiếng một lần. Số 4-05 có triệu chứng tệ nhất.

Cậu đã cố tình không đặt tên cho đám chuột thí nghiệm để không trở nên quá gắn bó với chúng, nhưng Kento vẫn cảm thấy nặng nề trong lòng. Lặng lẽ xin lỗi con vật bé nhỏ, cậu ghi chữ "dead" ở cuối biểu đồ.

"Tớ sẽ đem nó tới trường" Jeong Hoon nói và rùng mình lôi cái xác nhỏ ra. Jeong Hoon, vốn làm việc trong một lĩnh vực lý thuyết hơn, không quen cầm nắm động vật thí nghiệm. "Nếu tách chiết gene đó và đưa vào tế bào buồng trứng chuột lang Trung Quốc," cậu nói, "chúng ta có thể tạo ra các tế bào để dùng trong thử nghiệm liên kết." Họ sẽ đưa GPR769 đột biến vào màng tế bào để gene gây bệnh xuất hiện trong các tế bào này.

"Cậu biết cách làm à?"

"Không, nhưng tớ sẽ hỏi Doi. Tớ sẽ cẩn thận khi hỏi và không nhắc tên cậu."

"Cứ mời cậu ta một bữa ở căng tin trường. Thế là đủ," Kento cười nói.

"Còn một việc khiến tớ lo lắng, Kento."

"Gì cơ?"

"Hai đứa trẻ chúng ta đang cố giúp. Kobayashi Maika đang ở bệnh viện trường đại học và Justin Yeager trong một bệnh viện ở Lisbon, phải không?"

"Đúng vậy." Kento vẫn luôn lo lắng về tình trạng của Maika. Không lấy được các kết quả xét nghiệm của cô bé, cậu không thể chắc liệu cô bé có còn sống không, nói gì đến đoạn cô bé còn bao nhiêu thời gian nữa. Thậm chí dù cậu nhờ Jeong Hoon tới thăm, cô bé cũng nằm trong phòng chăm sóc tích cực, và chỉ có họ hàng thân thích mới được phép vào.

"Vấn đề là Justin," Jeong Hoon nói tiếp. "Tớ đã xem rồi, gửi thuốc qua đường bưu điện tới Bồ Đào Nha phải mất nhanh nhất là

hai ngày.”

“Hai ngày?”

Kento nhận ra cậu đã bỏ lỡ một vấn đề quan trọng. Cậu luôn nghĩ người Mỹ sẽ tới chỗ cậu là Jonathan Yeager, và cậu chỉ cần đưa thuốc cho anh ta. Cho dù họ có thể hoàn thành thuốc đúng hạn, thì tới lúc thuốc đến được chỗ Justin, mọi chuyện sẽ quá muộn. Giờ đây, khi liên lạc với phía Congo đã ngừng lại, cậu bắt đầu nghi ngờ liệu Yeager có thực sự xuất hiện. Viễn cảnh tồi tệ nhất lại chạy qua tâm trí cậu – rằng Yeager đã chết trong chiến đấu.

“Nếu gửi qua bưu điện, chúng ta sẽ phải đẩy thời hạn chót lên hai ngày.”

Jeong Hoon gật đầu. “Tức là chúng ta còn bảy ngày nữa”

Kento nghĩ về phản ứng cuối cùng, cùng thử nghiệm liên kết và các thử nghiệm dược lý trên chuột, và thấy máu như rút hết khỏi não.

“Chúng ta phải đẩy nhanh tiến độ.”

“Máy sắc ký tốc độ cao tớ đặt mua sẽ tới vào ngày mai” Kento nói, cố tỏ ra lạc quan. Cậu đã trả một triệu rưỡi yên cho chiếc máy cũ đó. “Nó sẽ giúp giảm thời gian đi nhiều.”

“Giảm được bao nhiêu?”

“Mười tám tiếng.”

“Nếu vậy chúng ta vẫn còn thiếu ba mươi tiếng.”

Họ nhìn nhau, lặng lẽ cố gắng vạch ra một kế hoạch.

“Trong trường hợp tệ nhất,” Kento nói, “sau khi hoàn thành quá trình tổng hợp, ta sẽ phải gửi nó đi mà không thử nghiệm.”

“Không làm nổi một cuộc kiểm tra cơ bản luôn sao? Vậy thì ta không thể xác minh liệu dự đoán của GIFT có chính xác không.”

“Nhưng nếu không gửi kịp...” Kento nuốt lại nửa câu sau.

Xác con chuột nằm trên góc bàn thí nghiệm. Nếu thuốc mới không tới Lisbon kịp thời, Justin Yeager sẽ chịu chung số phận với con vật nhỏ xíu này.

Sau cuộc chiến ở đông Congo, hai mươi kilômét về phía bắc

Butembo, Nous và mọi người biến mất khỏi mạng lưới giám sát của chiến dịch Thần báo thù.

Chuyện gì đã xảy ra trong cuộc chiến mười ngày trước?

Rubens ngồi xuống ghế của mình tại trung tâm điều hành và nghiên cứu bản báo cáo mới nhất từ MONUC, Phái bộ gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc tại Congo:

Trong số một trăm bốn mươi chín thi thể phát hiện tại hiện trường vụ thảm sát tại làng Manjoa, bốn mươi tám người là dân làng, chín mươi là lính trẻ em bị bắt cóc từ bắc Uganda, năm là quân LRA, và thi thể cuối cùng có vẻ là của một người đàn ông châu Á. Anh ta không có hộ chiếu hay giấy tờ chứng minh gì khác, và chúng tôi không thể xác định danh tính anh ta. Người này là người duy nhất chết trên mái nhà thờ, và khám nghiệm tử thi cho thấy nguyên nhân tử vong là một phát súng vào đầu từ cự ly cực ngắn. Mười hai đứa trẻ lính bị thương làm chứng rằng chúng đã đấu súng với một nhóm ít người trên mái nhà thờ. Không rõ lý do tại sao nhóm của người châu Á lại dừng chân ở vùng này...

Báo cáo đính kèm một tấm ảnh, và Rubens nhận ra người đó ngay lập tức: Mikihiko Kashiwabara.

Chiến dịch anh tổ chức ra cuối cùng cũng có thương vong đầu tiên.

Rubens ngẩng lên khỏi tài liệu và ngu ngơ nhìn quanh trung tâm điều hành, cố gắng kiểm soát những cảm giác bối rối luẩn quẩn bên trong.

Tại sao tay lính người Nhật lại chết? Nếu khám nghiệm tử thi là chính xác, có khả năng cao là anh ta đã mất mạng trong tay đồng đội chứ không phải kẻ thù. Và không phải đạn lạc, mà là xử tử. Có lẽ Mikihiko Kashiwabara đã phạm lỗi và đẩy mọi người vào nguy hiểm.

Bất kể sự thật là gì, Rubens cũng đã gia nhập hàng ngũ những kẻ đã giết người. Và nếu Yeager và đồng đội giết đám lính trẻ con để bảo vệ bản thân, vậy thì Rubens cũng có thể phải chịu trách nhiệm

cho những cái chết đó nữa. Nhưng có anh không nên nghĩ như vậy. Không phải anh chỉ là một bánh răng trong chiến dịch Thần báo thù thôi sao? Có lẽ tên sát nhân thực sự phải là kẻ đưa ra quyết định, tổng thống Burns.

Rubens gạt suy đoán đó sang bên. Nous đã thoát khỏi một tình huống tuyệt vọng. Ngay sau cuộc chiến tại làng Manjoa, vệ tinh do thám của họ đã phát hiện một chiếc SUV phóng khỏi hiện trường. Lần cuối họ nhìn thấy nó là khi nó tiến vào Butembo, một thành phố khoảng hai trăm nghìn dân, và rồi biến mất. Và trong mười ngày qua họ hoàn toàn không biết vị trí của Nous.

Giá mà tình hình này có thể tiếp diễn. Rubens chỉ biết ôm hy vọng. Nếu vậy, chiến dịch Thần báo thù sẽ tự chết.

"Arthur." Eldridge đang đứng trước bàn anh. Khuôn mặt ông bên trên cái cà vạt nói lỏng ra hiện lên sự mệt mỏi. Khi thành công đã trong tầm với, họ để Nous trốn thoát, và Eldridge, người được ủy thác toàn bộ quyền quyết định cho chiến dịch, giờ phải liên tục nhờ vào sự cố vấn của Rubens. Chính xác như giám đốc CIA Holland đã tiên đoán.

"Họ đang đi đâu? Anh có ý tưởng gì không? Chỉ đoán thôi cũng được."

"Tới nước này rồi tôi cũng không nói được." Anh không muốn gì hơn là khiến Eldridge rối loạn và để Nous trốn tới nơi nào đó an toàn, nhưng anh không có thông tin gì làm căn cứ để quyết định. "Không có dấu vết chiếc xe chở Yeager và đám người kia vượt biên ở cả Uganda lẫn Rwanda."

"Nhưng giả định rằng họ đã rời Congo cũng hợp lý, đúng không?" Eldridge nói. "Nếu đúng vậy, họ chỉ có thể tiến về phía bắc hoặc phía đông"

"Tại sao ông lại nói vậy?"

Eldridge chỉ lên bản đồ châu Phi trên màn hình. "Tàu của Pierce Shipping đang đi về Ai Cập và Kenya. Đó là phương tiện di chuyển duy nhất của họ. Nếu đi đâu khác, việc trốn khỏi châu Phi sẽ khó khăn hơn rất nhiều."

“CIA đang theo dõi Alexandria và Mombasa. Và chắc hẳn Nous biết điều đó. Tôi không nghĩ nó sẽ đi vào khu vực nguy hiểm.”

“Nhưng nếu vậy, chúng không còn nơi nào khác để đi. Cả nhóm đã bị định danh là khủng bố. Không ai có thể đi qua sân bay hay hải cảng quốc tế ở châu Phi.”

Eldridge nói đúng. Và nhóm Yeager vẫn còn một chướng ngại vật nữa. Dù có làm hộ chiếu giả và cải trang, họ vẫn không thể giấu Nous. Nếu thuê máy bay riêng, sẽ có kiểm tra hành lý khi lên máy bay. Họ không thể giấu thằng bé ba tuổi vào hành lý xách tay.

“Tôi băn khoăn liệu họ có nhà trú ẩn ở châu Phi để ẩn trốn trong thời gian dài.” Eldridge vừa dứt lời thì đường dây liên lạc với bên ngoài vang lên. Rubens bốc máy, hóa ra người gọi là Logan, nhân viên NSA.

“Tôi không thể nói chắc chắn một trăm phần trăm,” Logan bắt đầu, “nhưng có vẻ đường dây đang im lặng giữa Congo và Nhật Bản đã hoạt động trở lại.”

“Thật sao?”

“Đúng vậy. Chúng tôi bắt được một tin nhắn trên điện thoại vệ tinh mà không thể giải mã. Xét theo vị trí của vệ tinh đã bắt được tín hiệu, các đối tượng theo dõi đã rời Congo và gần tới Zimbabwe.”

“Zimbabwe?” Rubens nhìn sang bản đồ châu Phi. Zimbabwe nằm xa về phía nam, giáp với Cộng hòa Nam Phi. “Vậy là họ đang ở phía nam châu Phi?”

“Chúng tôi chắc chắn.”

Rubens vẫn còn ngờ vực. Dù Nous có đi đâu, chắc chắn nó cũng sẽ không tới phía nam. Nửa phía nam châu Phi, nơi lục địa hẹp dần lại thành một mũi nhọn, không mở ra một lối thoát nào.

“Chúng tôi đang cố đọc liên lạc dùng dãy số ngẫu nhiên buổi trước. Tôi sẽ gọi ngay khi biết thêm gì mới.”

“Cảm ơn,” Rubens nói, nhưng trong lòng anh vẫn bứt rứt. Nếu thực sự có thể giải mã tin nhắn, họ sẽ xác định được vị trí của Nous.

Sau khi anh cúp máy và báo cáo lại cho Eldridge, vị giám đốc điều hành phấn chấn hẳn lên. “Chúng đang đánh giá thấp khả năng của

NSA. Chúng kẹt như chuột rồi. Tập trung hết lực lượng CIA về phía nam."

Như vậy, chiến dịch Thần báo thù đã mấp mé bờ vực phá sản như được thổi vào một luồng sống mới. Chiến dịch ám sát Nous sẽ tiếp tục tới khi nó bị tiêu diệt.

Sau khi thoát khỏi Congo, Yeager, Meyers và Sanyu thay phiên nhau lái chiếc Land Cruiser – tám giờ lái, tám giờ cảnh giới và tám giờ nghỉ ngơi.

Tuyến đường Pierce định ra hướng về phía nam. Với Yeager, đó là một lựa chọn bất ngờ, bởi anh vẫn nghĩ họ sẽ thoát ra theo lối Ấn Độ Dương. Nhưng Pierce, khi được hỏi tới, lại từ chối tiết lộ bất cứ thông tin nào. Ông ta có vẻ cảnh giác vì Sanyu, một người lạ, nghe được kế hoạch của họ. Về phần mình, Sanyu là một bạn đồng hành tuyệt vời trên chuyến đi dài này, những câu đối đáp thoải mái của anh ta làm dịu đi bầu không khí thường u ám trên xe.

Trên con đường nam tiến, mặt trời, vốn dĩ phải treo trên đầu họ, chậm rãi nhích dần về chân trời phía bắc. Chạy xe băng qua vùng xavan triền miên không đổi, họ cảm giác rừng già Ituri đầy rẫy thống khổ biến mất sau mình, và vì lý do nào đó, điều ấy khiến Yeager có chút buồn bã. Người ta nói châu Phi bỏ bùa những vị khách của nó, một sức mạnh khiến họ bị mê hoặc và không chịu thả cho họ đi. Và Yeager có thể là nạn nhân mới nhất của điều vẫn được gọi là thứ thuốc độc châu Phi này.

Đôi khi chiếc Land Cruiser đi ngang qua làng mạc nhỏ, nơi họ có thể nhìn thấy dân bản địa, và tới đêm, họ băng qua những con đường núi tối đen. Họ lái xe từ Tanzania tới Zambia và qua Zimbabwe, luôn hướng về mũi nam châu Phi. Họ bị cướp đường tấn công hai lần vào ban đêm, nhưng vài loạt đạn từ mấy khẩu AK-47 đã đủ để đuổi chúng đi. Vài kẻ trong đám người tội nghiệp đó, chỉ vì chọn sai đối tượng cướp, hẳn đã bị thương bởi loạt đạn tự động nhắm vào chân.

Nhưng điều khiến họ nhụt chí không phải là mấy vụ tấn công hay quãng đường dài đằng đẵng mà là tiếng Akili khóc đêm. Đứa trẻ kỳ

lạ này dường như đã mất đi khả năng ngủ ngon giấc. Chỉ vừa mới thiếp đi, nó đã bắt đầu thét lên thảm thiết và toát mồ hôi, và họ biết nó đang mơ ác mộng bị bỏ rơi. Nó cứ như vậy vài tiếng một lần, và cuối cùng, nó sẽ choàng tỉnh giấc, khóc dữ dội. Nếu Pierce còn thức, ông ta sẽ ôm và an ủi nó, nếu không, Sanyu sẽ làm việc ấy. Meyers nghi ngờ thằng bé nhiễm sốt rét và khám cho nó, nhưng Akili vẫn ổn về mặt thể chất. Đây hoàn toàn là vấn đề cảm xúc.

Yeager có một nỗi sợ hệt như khi con trai anh bắt đầu cuộc chiến trường kỳ với bệnh tật. Điều này sẽ ảnh hưởng đến thằng bé ra sao trong tương lai? Cho dù họ có thành công trốn thoát tới Nhật Bản và bảo đảm an toàn cho Akili, ở đó cũng không có gia đình chào đón nó. Liệu nó có tiếp tục phát triển năng lực trí tuệ siêu việt của mình, nhưng với tâm hồn què quặt?

Gần tới biên giới giữa Zimbabwe và Cộng hòa Nam Phi, chiếc Land Cruiser dừng lại. Sanyu sẽ lái qua biên giới trong khi những người còn lại xuống đi bộ. Tuồn người qua biên giới vào Nam Phi dễ dàng hơn xưa rất nhiều. Dãy hàng rào điện chạy dọc đường biên giới không có điện và còn lác đác những lỗ thủng người ta có thể trèo qua. Để đảm bảo lực lượng lao động cho nền kinh tế đang bùng phát, Nam Phi chấp nhận lượng người nhập cư không giới hạn từ Zimbabwe. Yeager quyết định vượt biên ban đêm, và qua kính nhìn đêm, họ thấy ánh đèn pin của những người Zimbabwe lén lút vượt qua biên giới tìm việc.

Yeager cùng những người còn lại đi bộ qua những bụi cây thưa thớt cho tới khi gặp lại Sanyu và chiếc Land Cruiser. Họ lên xe và lái thẳng tới Johannesburg, cách đó năm trăm kilômét. Họ tới vùng ngoại ô và trong ánh nắng sớm trong trẻo, họ thấy đường chân trời của thành phố khổng lồ và hàng triệu người dân của nó. Họ xuống xe và chăm chú quan sát những khối nhà mọc lên trên mảnh đồng bằng rộng lớn này. Họ thoáng sững người vì ảo giác như thể xuyên không, đột nhiên từ thế giới nguyên thủy bị đẩy tới xã hội văn minh.

“Đây là nơi chúng ta tạm biệt, Sanyu,” Pierce nói và đưa cho anh chàng Uganda một cuộn tiền rand Nam Phi cho chuyến đi về. “Gần

đây có một trạm xe buýt. Hãy tới sân bay và bay về nước."

"Tôi hiểu," Sanyu nói, trên mặt anh là vẻ luyến tiếc pha lẫn với mừng rỡ khi cuộc phiêu lưu lớn của mình đã hoàn tất.

Với Yeager và Meyers, chàng trai da đen này chính là một thiên thần đã cứu rỗi họ từ đáy địa ngục.

"Chỗ tiền còn lại sẽ nằm trong tài khoản của anh khi tới nhà."

Mặt Sanyu sáng lên khi nghe lời Pierce nói. "Cảm ơn ông rất nhiều. Giờ tôi có thể bỏ nghề mộc mà đi học về máy tính."

"Thợ mộc? Không phải anh là hướng dẫn viên sao?"

"Thực ra thì," Sanyu vội vàng đáp, "thợ mộc là nghề chính của tôi."

"Không vấn đề gì. Anh làm tốt lắm," Pierce cười nói. "Nhớ giữ bí mật chuyện này. Tốt nhất là đừng để ai biết anh giờ đã thành đại gia rồi."

"Tôi biết."

Yeager và Meyers lần lượt bắt tay Sanyu.

"Cảm ơn anh vì tất cả, Sanyu."

"Sống tốt nhé."

"Cảm ơn. Mọi người cũng vậy."

Sanyu xách ba lô quần áo xuống xe, và điều cuối cùng anh ta làm là xoa đầu Akili một cái. "Ngoan nhé nhóc."

Akili bắt đầu thút thít. Yeager thấy việc Akili có thể quý mến Sanyu tới vậy là dấu hiệu tốt.

Anh chàng thợ mộc gần như nhảy chân sáo về phía bến xe, thi thoảng còn quay người lại, cười rạng rỡ với họ. Đã lâu lắm rồi Yeager mới thấy một bộ mặt vui vẻ, và sau khi lên xe, anh vẫn tiếp tục nhìn theo bóng Sanyu lùi xa trong gương chiếu hậu.

Pierce lên tiếng. "Chúng ta chậm nhiều so với kế hoạch vì bị giữ chân ở Congo. Đáng ra giờ chúng ta đã phải ở Nhật rồi."

Meyers ngồi trên ghế phụ lên tiếng. "Vậy thì, làm sao chúng ta tới được Nhật Bản?"

"Đầu tiên là khởi động xe đã," Pierce ngồi ghế sau đáp lại. "Ta sẽ đi qua Johannesburg, lên quốc lộ 12 và hướng về phía tây nam."

Yeager khởi động xe và bắt đầu lái. “Có sân bay hay hải cảng nào an toàn không?”

“Không. Nơi nào chúng ta có thể rời châu Phi được đều bị giám sát.”

“Vậy thì ông tính sao? Ta cứ ngồi yên một chỗ à?”

“Meyers, anh có giấy phép phi công đúng không?”

“Có.” Meyers từng ở trong không quân. “Trước khi chuyển sang làm lính dù cứu thương tôi từng lái máy bay vận tải.”

“Tôi cần anh lái một phi cơ thương mại.”

Meyers suýt phun miếng nước vừa uống ra. “Phi cơ thương mại? Nhưng tôi chỉ có kinh nghiệm với máy bay cánh quạt!”

“Tôi có sách hướng dẫn. Chiếc máy bay anh sẽ lái là một phiên bản đặc biệt của Boeing 737 với trữ lượng xăng đủ cho đường bay dài. Cũng tầm tầm một máy bay vận tải.”

“Máy bay đó thế nào?” Yeager hỏi.

“Nó chỉ chở được khoảng một trăm hành khách. Một phi cơ nhỏ nhưng có thùng xăng dự trữ nên cự ly bay của nó cũng đáng kể.”

Nghe Pierce giải thích, Meyers bắt đầu cân nhắc khả năng lái chiếc máy bay này. “Tôi đoán nếu thực sự cố gắng tôi cũng có thể lái được,” anh nói. “Ý tôi là, bầu trời cũng chẳng thân thiện gì, nhưng mà...” Anh quay sang đối mặt Pierce. “Nó đang ở đâu? Là máy bay thuê à?”

“Không. Chúng ta sẽ cướp nó,” nhà nhân học tuyên bố và tiếp tục trước khi hai người lính kịp phản đối. “Nghe này, tôi biết các anh sẽ nghĩ kế hoạch này là điên rồ, nhưng đây là ý tưởng của đồng minh chúng ta ở Nhật. Đây là lựa chọn tốt nhất của ta. Lựa chọn duy nhất. Với sức chiến đấu như hiện tại, chúng ta không còn đường nào khác.”

“Nhưng ta sẽ cướp máy bay ở sân bay nào? Họ sẽ ngăn ta ngay ở cổng lên máy bay.”

“Chuyện đó chúng tôi đã lo rồi. Có một sân bay không nằm dưới sự giám sát của CIA.”

“Ở đâu?”

“Nơi mọi người tập huấn cho chiến dịch Thần hộ mệnh. Tại Zeta Security.”

Lời đáp bất ngờ khiến Yeager lục tìm trong ký ức. Anh nhớ lại đường băng bên ngoài kho vũ khí, nơi máy bay vận tải cất cánh và hạ cánh. “Chúng ta sẽ quay về Cape Town?”

“Đúng vậy. Một máy bay của CIA vẫn bí mật hạ cánh tại đây để tiếp tế hỏa lực. Chúng ta sẽ cướp nó.”

“Đợi đã,” Meyers nói. “Cứ giả sử ta cướp được. Xong rồi sao? Ta sẽ hạ cánh ở đâu? Không còn nơi nào để trốn cả. Nếu Lực lượng đặc biệt tới, mọi chuyện sẽ kết thúc.”

“Mọi thứ sẽ được tiến hành bí mật. Chúng ta trói phi hành đoàn bên ngoài trước khi cất cánh và cướp một máy bay trống. Sẽ không ai gửi tín hiệu máy bay đã mất.”

“Nhưng nếu đi chệch khỏi đường bay, họ sẽ biết ngay. Cho dù ta cất cánh khi chỉ có bốn người đây, chúng ta vẫn phải giữ nguyên tuyến đường đã chỉ định của CIA.”

“Chúng ta sẽ đi theo đường đó một lúc. Đường bay họ đăng ký nhắm tới Brazil, nhưng giữa Đại Tây Dương chúng ta sẽ đổi hướng tới Miami.”

“Miami?” Yeager không thể không bật cười. “Nhật nằm ở hướng kia mà. Sao lại phải tới Mỹ? Bất cứ máy bay nào chệch khỏi đường bay và xâm phạm không phận Mỹ sẽ bị bắn hạ.”

“Và loại máy bay đó sẽ không đến nổi Miami, phải không?” Meyers hỏi.

“Chúng ta có đủ cự ly. Số liệu do nhà sản xuất cung cấp cho thấy cự ly chiếc máy bay này xa hơn bình thường 20%. Phiên bản đặc biệt này có thể bay mười hai nghìn kilômét tới Miami.”

“Cái người đồng minh Nhật Bản của ta tính ra cái này ấy hả?” Yeager châm biếm.

“Đúng vậy.”

“Ông có chắc hắn ta còn tỉnh táo không? Ý tôi là, chúng ta có thể có đủ nhiên liệu nhưng còn khuya ta mới đẩy lùi được máy bay chiến đấu.”

Pierce vẫn giữ vững lập trường. “Đây là kế hoạch khả thi nhất, tin tôi đi. Kế hoạch ít yếu tố bất ngờ nhất. Nhưng cốt tử là phải canh thời gian cho chuẩn. Tôi sẽ nói hết mọi chi tiết, nên là lắng nghe một phút đã, được chứ?”

“Ừ. Sân khấu là của ông.”

Pierce nghiêng người về phía trước và bắt đầu vạch nhanh chiến thuật, trước hết là cách xâm nhập vào Zeta Security.

2

Hai ngày nữa Justin Yeager sẽ chết.

Kento vừa làm việc không ngừng nghỉ với quá trình tổng hợp thuốc, vừa nhận điện thoại của Lydia Yeager. Nhưng chỉ số xét nghiệm không tốt. Các liệu pháp tạm thời tiên tiến nhất cũng không có mấy tác dụng đối với triệu chứng giai đoạn cuối, và như dự đoán, triệu chứng của Justin chỉ mỗi ngày một xấu đi. Nếu có thể kéo dài sinh mệnh của thằng bé thêm một ngày nữa, họ sẽ có đủ thời gian gửi thuốc tới Bồ Đào Nha, nhưng chuyện này sẽ không xảy ra.

Lúc ấy là một giờ sáng, mồng một tháng Ba. Mở cửa cho Jeong Hoon, Kento cảm thấy tuyệt vọng.

“Đây là kết quả cộng hưởng từ, đây là phổ khối và phổ hồng ngoại.” Đưa tập kết quả cho Kento, Jeong Hoon nhận thấy vẻ phiền muộn trên mặt bạn mình. “Có chuyện gì vậy?”

Kento kiểm tra kết quả phân tích, thấy rằng quá trình tổng hợp đang diễn ra thuận lợi và chuẩn bị thực hiện phản ứng cuối cùng. “Thí nghiệm đang theo đúng tiến độ. Đúng như ta đã dự tính. Nhưng chúng ta không thể bù đủ ba mươi giờ kia.”

Mặt Jeong Hoon tối lại. “Chúng ta sẽ không làm kịp?”

Kento lắc đầu.

“Cả GIFT 1 và GIFT 2?”

“GIFT 2 thì ổn. Vấn đề là GIFT 1. Phản ứng cuối cùng phải mất hai mươi tư tiếng. Chúng ta phải gửi thuốc tới Bồ Đào Nha tối nay, nhưng phản ứng sẽ không xong trước nửa đêm. Rồi còn phải tinh chế và xác định cấu trúc nữa, không đời nào chúng ta làm xong kịp thời. Tớ không thấy có cách nào ta có thể cứu được Justin.”

Jeong Hoon rên lên, và sau đó, một bầu im lặng trùm lên căn phòng nhỏ chất đầy dụng cụ thí nghiệm.

Trong khi chuẩn bị cho phản ứng cuối cùng, Kento cảm thấy một nỗi hối hận sâu sắc. Nếu bắt đầu thí nghiệm ngay khi nhận được thư

của cha, cậu đã có thể hoàn thành công việc kịp thời. Có thể Justin Yeager sẽ không sống được, cậu yếu ớt nghĩ, nhưng ít nhất cậu cũng cứu được Kobayashi Maika. Cậu nhìn sang bạn mình. Đằng sau cặp kính, mắt Jeong Hoon lóe lên cái ánh sáng đặc biệt của nhà nghiên cứu.

"Chính xác thì bao giờ thuốc này sẽ xong?"

"Kể cả quy trình xác định cấu trúc thì là mồng hai tháng Ba, mười hai giờ trưa."

"Vậy vẫn còn kịp."

"Bằng cách nào?"

"Cậu có hộ chiếu không?"

"Không, tớ không có."

Jeong Hoon quyết định. "Vậy tớ sẽ đi."

"Cậu nói gì vậy?" Kento không hiểu chút nào.

"Tớ sẽ mang thuốc bay tới Lisbon."

Kento nhìn chằm chằm bạn mình, không nói nổi lời nào.

Jeong Hoon lôi máy tính ra, lên mạng và truy cập vào trang web một hãng hàng không. "Thấy chưa? Đừng vội từ bỏ. Nếu đi chuyến mười giờ tối mồng hai tháng Ba, tớ sẽ tới nơi kịp thời. Máy bay đi từ sân bay Narita tới Paris rồi tới Lisbon. Chỉ mất mười tám tiếng"

Kento nhanh chóng nhẩm tính. "Vậy thì thuốc sẽ tới Lisbon lúc bốn giờ chiều mồng ba tháng Ba, giờ Nhật Bản?

"Đúng vậy."

Sẽ có bảy tiếng thời gian trống giữa thời điểm thuốc được hoàn thiện và Jeong Hoon cần tới sân bay.

"Chúng ta có thể kiểm tra xác thực trên tế bào và chuột."

"Đúng thế. Ta sẽ có đủ thời gian cứu Justin."

"Hoan hô!" Kento reo lên, và cậu cùng Jeong Hoon nhảy nhót quanh phòng. Jeong Hoon lại cứu cậu một lần nữa.

"Cậu báo cho mẹ Justin thời gian tớ đến được không?"

"Tất nhiên rồi. Tớ sẽ cho cậu tiền vé máy bay, nên cứ đi vé hạng nhất. Như vậy cậu sẽ qua hải quan nhanh hơn."

"VIP quá." Jeong Hoon mỉm cười.

Kento cảm giác như sự sống đã trở lại, và cậu quay người, bắt đầu tiến hành phản ứng cuối cùng. Một thiết bị nhỏ gọi là máy khuấy từ tính bắt đầu khuấy chất lỏng trong bình. Bên trong, vô số hợp chất siêu vi đang phản ứng với nhau, thay đổi kết cấu, tạo ra phương thuốc chữa PAECS.

Kento nhìn vào chỗ chất lỏng ấy, và chợt nghĩ.

Tới đêm mai, mọi chuyện sẽ kết thúc.

Mục tiêu đã trong tầm mắt, trò đi trên dây kéo dài vô vọng cũng dần đi tới kết cục.

Kento làm việc xuyên đêm, cuối cùng cũng hoàn thành quá trình tổng hợp GIFT 2 và gửi một mẫu thử tới trường đại học ngay trong buổi sáng.

Sau khi ngủ một giấc ngắn, cậu nhận được tin tốt từ Jeong Hoon. Phân tích quang phổ cho thấy GIFT 2 đã hoàn thiện. Chất thuốc dị lập thể đã sẵn sàng. Phản ứng của chất chủ vận GIFT 1 là cái quan trọng nhất thì vẫn chưa kết thúc. Bây giờ chỉ còn có thể đợi. Cậu không có gì đặc biệt phải làm cho tới nửa đêm.

Kento mệt mỏi ngả người xuống chiếu tatami và nhìn lên trần nhà. Thí nghiệm cha ủy thác cho cậu sẽ được hoàn thành vào ngày mai. Cậu không biết chuyện gì sẽ xảy ra với mình khi nó kết thúc. Cậu có còn phải làm một tên tội phạm trốn chui trốn nhủi mãi mãi? Papi đã ngừng gọi tới từ lâu, vậy nên cậu không hề biết tình hình hiện tại ra sao.

Kento phân vân không biết làm gì. Ngoài thí nghiệm ra, vẫn còn một việc dở dang. Đây có lẽ là cơ hội cuối cùng cậu có thể tháo gỡ những bí ẩn xung quanh cha mình.

Cậu kiểm tra địa chỉ trên mạng, đầu mối duy nhất của cậu về nơi có thể tìm thấy Sakai Yuri. Nơi đó ở Sendagaya, Shibuya, cách đây một giờ đi xe.

Cậu lấy áo khoác và loạng choạng bước ra ngoài. Đã mấy ngày rồi cậu không ra khỏi nhà, và ánh mặt trời chói chang khiến cậu chóng mặt. Cậu xuống cầu thang và cất bước dọc theo con phố ẩm

đạm. Đám cảnh sát có còn theo dõi cửa quay tại ga Machida? Không ai có vẻ đang theo đuôi cậu.

Cậu đi về hướng ngược lại với nhà ga. Đứng đợi taxi trên vỉa hè đường cao tốc, cậu lấy điện thoại gọi cho ông phóng viên Sugai. Còn chưa tới buổi trưa, và cậu lo Sugai không có ở văn phòng, nhưng ông ta trả lời ngay.

"Alô?"

"Chào chú, cháu là Koga Kento."

Người bạn cũ của cha cậu có vẻ ngạc nhiên. "Lâu lắm không nghe tin cháu, chú còn đang băn khoăn chuyện gì đã xảy ra."

"Xin lỗi cháu không gọi điện. Chú có tin gì về Sakai Yuri không?"

"Không, chú e là không có gì cả.

"Cháu hiểu." Kento không thất vọng. Cậu biết mình phải tự lần theo bà ta.

"Giờ cháu đang ở đâu?"

"Ngay bây giờ ạ? Ờm..."

Khi cậu còn tự hỏi không biết có nên nói với ông ta mình đang ở Machida, Sugai ngắt lời. "Không sao, không cần trả lời. Chú mong được gặp cháu sớm. Lịch của cháu thế nào?"

Kento cũng không rõ phải đáp lại câu này thế nào. "Giờ cháu không lập kế hoạch gì được. Vài ngày tới chắc cháu sẽ biết lịch cụ thể."

"Được rồi." Sugai hạ giọng. "Kento, cháu cần rời khỏi chỗ hiện tại. Ngay lập tức."

Kento rùng mình. "Sao ạ?"

"Cháu không thể ở yên chỗ đó. Tránh đi."

"Chú nói gì vậy?" Đúng lúc đó, một chiếc taxi lại gần.

"Chú sẽ kể thêm khi nào gặp. Cố gắng liên lạc lại với chú sớm."

Kento bối rối nhưng vẫn nói, "Được ạ," và vẫy xe.

"Nói chuyện sau," Sugai đáp và nhanh chóng cúp máy, như thể bị ép phải làm vậy.

Vẫn băn khoăn về động cơ thực sự của Sugai, Kento ngồi vào xe. "Sendagaya, Shibuya," cậu nói với tài xế.

“Khu nào của Sendagaya?” bác tài hỏi.

“Tòa có trụ sở của Hội cứu trợ y tế thế giới.” Cậu đọc lại địa chỉ trên mảnh giấy nhớ.

“Thế thì nó ở gần Nhà hát kịch Noh quốc gia. Tôi đi đường cao tốc không sao chứ?”

“Không sao đâu.”

Tài xế lái xe ra đường.

Kento ngả người tựa vào lưng ghế, và cậu lẳng lặng ngắm cảnh vật lướt qua bên ngoài trong khi ngẫm lại cuộc trò chuyện với Sugai. Cậu bất an liếc nhìn gương chiếu hậu nhưng không thấy ai bám theo mình.

Tại sao Sugai lại nói vậy? Là một phóng viên, có thể nào ông đã nghe tin Kento là tội phạm và đang chạy trốn cảnh sát từ ai đó? Kể cả vậy, Kento không thể hiểu sao ông lại nói cậu “cần rời khỏi chỗ hiện tại”. Cậu bắt đầu lo rằng cuộc gọi đã bị theo dõi, và để an toàn, cậu tắt máy.

Điều hòa ấm trong xe như ru ngủ cậu. Khi Kento bỏ cuộc không nghĩ nữa và sắp sửa ngủ mất, mắt cậu đột nhiên mở lớn.

Đợi chút. Sugai có thể nào là Papi?

Papi dùng phần mềm thay đổi giọng nói, tức là Kento có thể nhận ra được giọng ban đầu. Và cậu không nghĩ ra được ai khác ngoài Sugai có thể biết về kế hoạch của cha mình.

Nhưng giả thiết này có gì đó không đúng lắm. Cuộc gọi cho thấy Sugai biết về hoạt động của cảnh sát và đang cảnh báo cậu. Nhưng nếu vậy, tại sao ông không gọi báo cho cậu trước bằng giọng của Papi?

Cuối cùng, Kento không ngủ được chút nào, và chiếc taxi tiến vào trung tâm thành phố, chạy quanh những con phố nhỏ hẹp của Sendagaya. Tòa nhà cậu tìm nằm ở góc một dãy nhà văn phòng thấp.

Kento xuống xe và đi vào sảnh tòa nhà sáu tầng. Bảng tên ở sảnh có ghi *Hội cứu trợ y tế thế giới, phòng 501,* và Kento vào thang máy. Tòa nhà được thiết kế theo lối thực dụng và nghiêm trang, và trừ thảm sàn ra, nó không khác gì tòa nhà khoa dược ở đại học.

Kento ra khỏi thang ở tầng năm, đi dọc theo hành lang gắn đèn tuýp và tới phòng 501. Cậu có thể thấy nhiều người di chuyển bên kia tấm kính mờ. Không có chuông loa, nên cậu gõ cửa hai lần trước khi mở.

"Vâng?" một người phụ nữ tại bàn lễ tân lên tiếng trước khi cậu kịp nói lời nào. Chị ta đang đứng, tay ôm một chồng tài liệu.

"Xin lỗi, tên tôi là Koga Kento... Tôi muốn hỏi một việc."

Biểu cảm trên khuôn mặt người phụ nữ hơn ba mươi tuổi không thay đổi. "Và việc đó là." chị ta hỏi.

"Ở tổ chức của chị từng có một bác sĩ tên Sakai Yuri."

"Sakai Yuri?" Người phụ nữ nghiêng đầu. "Bà ấy làm việc ở đây khi nào?"

"Chín năm trước. Bà ấy được cử tới Zaire – Cộng hòa Dân chủ Congo."

"Tôi hiểu," 'người phụ nữ trả lời, nghe như đang nhớ lại quá khứ xa xôi. "Anh đợi ở đây một phút," chị ta nói và đi vào sâu trong văn phòng, tài liệu trong tay.

Văn phòng Hội cứu trợ y tế quốc tế gồm mười bàn, một khu vực được ngăn riêng để tiếp khách, và một căn phòng nhỏ sau một cánh cửa, có vẻ là phòng họp. Người lễ tân tới chỗ chiếc bàn xa nhất và nói chuyện với một người đàn ông chừng năm mấy tuổi. Họ vừa nói vừa liếc nhìn Kento. Hy vọng họ không nghi ngờ gì, cậu nghĩ.

Người kia đứng dậy và đi về phía cậu. Ông ta mặc một bộ com lê may đo vừa khít người, tạng người hơi nặng nề cùng mái tóc thưa dần đem lại vẻ đĩnh đạc.

"Cậu... Koga, phải không?"

"Vâng, Koga Kento."

"Koga Kento," người kia nhắc lại. "Tên tôi là Ando. Tôi là trưởng văn phòng ở đây." Ông đưa ra một tấm danh thiếp.

Kento không chắc phép tắc trao đổi danh thiếp thì phải thế nào, nhưng cậu vẫn đưa hai tay ra nhận. Cùng với chức danh trưởng văn phòng, thẻ còn cho thấy ông là tiến sĩ y khoa.

"Tôi hiểu là cậu đang hỏi về tiến sĩ Sakai Yuri?"

“Đúng vậy. Bố tôi tới Zaire chín năm trước. Tôi nghe kể tiến sĩ Sakai đã giúp ông rất nhiều trong khoảng thời gian ấy.”

Một nụ cười nở ra trên mặt Ando. “Cậu là con trai Koga Seiji, phải không?”

Kento ngạc nhiên. “Đúng thế. Ông biết bố tôi sao?”

“Ừ. Tôi cũng ở Zaire vào lúc đó. Vì cuộc nội chiến, chúng tôi đã gặp rất nhiều khó khăn.”

May thật, Kento nghĩ. Không chỉ không cảnh giác, Ando còn rất niềm nở.

“Cậu biết không, trông cậu hệt như bố mình vậy,” Ando thêm vào, ánh mắt ôn hòa.

“Thật ạ?” Kento lưỡng lự nói.

“Ngồi kia thì thoải mái hơn.” Ando dẫn cậu đến khu tiếp khách. Ông rót cà phê nóng từ ấm đặt gần đó. “Cậu muốn gặp tiến sĩ Sakai về việc gì?”

“Tôi đang tìm cách liên lạc với bà ấy.”

“Ừm, thực ra,” Ando nói, trở nên nghiêm túc, “vài năm sau khi trở về từ châu Phi, tôi mất liên lạc với bà ấy. Bà ấy rời khỏi hội y tế, và tôi không biết địa chỉ hay số điện thoại.”

“Vậy ạ?” Kento nói, băn khoăn phải tiếp tục làm sao. Ando hẳn đã chứng kiến mọi chuyện xảy ra chín năm trước ở Zaire.

“Nhưng tại sao cậu lại muốn liên hệ tiến sĩ Sakai? Bố cậu đang tìm bà ấy sao?”

“Không… không phải. Thực ra thì, bố tôi vừa mất tháng trước.”

“Cái gì?” Ando có vẻ sững sờ, không nói nổi lời nào. “Nhưng ông ấy còn trẻ quá... Tại sao thế?”

“Ông bị vỡ túi phình động mạch chủ.”

Ando gật đầu vài lần và thở hắt ra. “Tôi xin chia buồn với cậu,” ông nói, giọng đầy phiền muộn.

“Tôi nghĩ cần phải báo cho tiến sĩ Sakai. Thời gian của bố tôi ở Zaire đã để lại ấn tượng rất lớn đối với ông, và tôi nghĩ mình có thể hỏi han thêm bà ấy về những ngày tháng này.”

“Chúng tôi chắc chắn đã gặp rất nhiều khó khăn,” Ando nói và

cười nhẹ, cố gắng làm nhẹ bầu không khí. “Đất nước nằm chính giữa lục địa. Chúng tôi sống tại một thành phố tên Beni ở phía đông Zaire và từ đó đi đến nhiều nơi khác. Làng mạc dọc đường, xóm thôn sâu trong rừng rậm. Chúng tôi đi khắp nơi giúp đỡ những người không được tiếp cận chăm sóc y tế tốt. Nhưng ngay khi chúng tôi chuẩn bị xây vài phòng khám nhỏ, nội chiến nổ ra.”

“Tôi nghe nói bố đã đi nghiên cứu về lây nhiễm HIV ở chỗ người Pygmy. Bố tôi có làm việc với ông và tiến sĩ Sakai không?”

“Không. Chúng tôi chỉ gặp tiến sĩ Koga vào tuần cuối cùng ở đó.”

Tuần cuối cùng? Thật đáng ngạc nhiên. “Cho tới lúc ấy, ông hề không quen bố tôi?”

“Đúng thế. Có một bộ lạc người Pygmy tên là Mbuti. Tiến sĩ Koga đi lấy mẫu máu của họ, và tại đó có một người bệnh. Ông ấy liên lạc với bọn tôi vì thế.”

Lời kể của Ando đi ngược lại câu chuyện mà Kento từng tưởng tượng ra. Đó không thể nào là lần đầu tiên cha cậu và Sakai Yuri gặp gỡ. “Rồi ông trở về Nhật ngay sau đó?”

Ando gật đầu. “Theo như tôi nhớ... đúng rồi, hôm ấy là Ngày Văn hóa ở Nhật. Mồng ba tháng Mười một. Chúng tôi suýt chút nữa thì không mang được mạng về khi cuộc chiến nổ ra, và tôi nhớ mình đã nghĩ Nhật Bản mới yên bình làm sao.”

Mồng ba tháng Mười một, năm 1996? Kento còn bối rối hơn. Theo như hộ tịch của Sakai Yuri, con gái Ema của bà ta sinh vào mồng bốn tháng Mười một cùng năm. Bà ta sinh một đứa trẻ ngay sau khi trở về từ Zaire? Một đứa trẻ mà tên cha không hề được ghi lại? Kento quyết định hỏi tới. “Tiến sĩ Sakai có sinh con ngay sau khi trở về Nhật không?”

“Sinh con?” Ando lúng túng.

“Đúng vậy. Bố tôi nói bà ấy có con gái.”

“Không, không thể nào,” Ando cười nói. “Nếu tiến sĩ Sakai mà có mang, chúng tôi đã biết rồi. Dù sao thì chỗ chúng tôi cũng toàn bác sĩ với y tá.”

“Nhưng chắc chắn tôi đã nghe chuyện ấy.” Cậu không định đầu

hàng. Cậu quyết tâm phải tìm hiểu liệu Sakai Yuri có từng quan hệ bất chính với cha mình và sinh ra cô em gái kia.

Kento định nói tiếp, nhưng Ando đã giơ tay lên. “Tôi nghĩ cậu nhầm rồi. Hẳn là cậu đang nhầm bà ấy với một người phụ nữ có thai khác.”

“Một người phụ nữ có thai khác?”

Lần đầu tiên, trông Ando có vẻ nghi ngờ. “Xin lỗi, chỉ là tôi thấy chuyện này lạ quá. Tôi vừa mới nói đúng chuyện này với một phóng viên tìm đến ngày hôm trước.”

Kento cau mày. “Ông ta từ báo nào ạ?”

“Báo *Toa*.”

“Ông ta không tình cờ tên là Sugai chứ?”

“Đúng, chính là tên đó. Ông ta nói mình ở ban khoa học. Cậu biết ông ta à?”

“Ông ấy là bạn của bố tôi.” Một cơn ớn lạnh kỳ lạ chạy dọc sống lưng cậu. Tại sao Sugai nói rằng mình không có thông tin mới? Liệu có phải ông ta tìm ra bí mật đen tối nào đó cha cậu không muốn con trai biết?

Nhưng Ando không cảm nhận thấy nỗi nghi ngờ của Kento và nói tiếp. “Thế thì tôi hiểu rồi. Hẳn là Sugai đã nghe tin về tiến sĩ Sakai từ bố cậu.”

Sugai chưa từng nghe tên Sakai Yuri cho tới khi Kento nói ra. “Ông ấy muốn tìm hiểu chuyện gì?”

“Ông ta bảo mình muốn viết một phóng sự nhân vật.”

"Về Sakai Yuri?”

“Đúng thế. Sau khi rời khỏi hội y tế, có vẻ bà ấy đã chuyển tới khu ổ chuột của thành phố và chữa trị cho người lao động chân tay. Ông ta nói mình muốn viết một bài báo về vị nữ bác sĩ với tinh thần cống hiến lớn lao này. Ngược về tận thời gian bà ấy ở Zaire.”

Hẳn Sugai đã bịa ra câu chuyện vớ vẩn này để lấy thêm thông tin về Sakai Yuri. “Ông Sugai không biết địa chỉ của tiến sĩ Sakai?”

“Không. Ông ta gặp vấn đề vì không thể trực tiếp phỏng vấn bà ấy.”

“Hai người đã nói chuyện gì?”

“Về người phụ nữ có thai kia. Người tôi vừa nói đến. Dù vậy, tôi vẫn cố ý nói mập mờ. Tôi sẽ kể cho cậu chuyện đã xảy ra, nhưng cậu phải hứa sẽ giữ bí mật. Đó là một sự việc vô cùng đau thương đối với chúng tôi.”

“Tất nhiên,” Kento nói và ngả người về phía trước.

“Khi tiến sĩ Koga tới thăm chúng tôi ở Zaire, ông ấy đi cùng một học giả người Mỹ. Một nhà nhân học nghiên cứu người Pygmy.”

Kento nhận ra người này. “Có phải đó là Nigel Pierce?”

“Đúng vậy. Một người rất tốt bụng, với bộ râu lởm chởm. Họ tới nói chuyện về một bệnh nhân trong khu trại Mbuti mà họ muốn chúng tôi thăm khám. Chúng tôi tới thì thấy một người phụ nữ mang thai đang chịu đau đớn trong một căn lều lụp xụp. Tên cô ấy là Anjana, và cũng như những người Pygmy khác, cô ấy nhỏ bằng cỡ một đứa trẻ. Tiến sĩ Sakai chuyên về sản phụ khoa nên đã khám cho cô ấy.” Ando ngừng lại và nhấp một ngụm cà phê. “Anjana bị tiền sản giật rất nặng, nhưng gần đó không có bệnh viện nào có đủ trang thiết bị điều trị. Chúng tôi đang định chuyển cô ấy tới một bệnh viện lớn tại thị trấn Nyankunde thì nội chiến nổ ra. Chúng tôi cần rút lui nhưng không biết phải làm gì với Anjana. Nếu bỏ cô ấy lại, cả hai mẹ con đều sẽ mất mạng, nhưng tuyến đường chính đã đứt đoạn, và xét trong tình hình đó, chúng tôi không thể tới bệnh viện ở Nyankunde.”

“Vậy chuyện gì đã xảy ra?”

Ando hạ giọng. “Điều tôi sắp nói với cậu là một bí mật. Cậu hiểu chứ?”

“Tôi hiểu.”

“Ở Zaire, người Pygmy bị coi là sinh vật hạ đẳng và không hề có tư cách công dân. Chúng tôi đã hối lộ một viên chức làm hộ chiếu cho Anjana để đưa cô ấy tới Nhật điều trị.”

Kento ngạc nhiên vì cha mình cũng từng góp phần trong cuộc phiêu lưu táo bạo ấy. Ông chưa từng nhắc tới nó sau khi về Nhật, bởi ông đã giúp một người vượt biên trái phép.

“Nhưng việc giấy tờ ngốn rất nhiều thì giờ, và đó là sự trì hoãn

trí mạng," Ando nói vẻ tiếc nuối. "Chúng tôi trở về Nhật chậm hơn một ngày so với kế hoạch, và mặc dù Anjana được chữa trị tại phòng khám của tiến sĩ Sakai, chúng tôi đã quá chậm. Cuộc điều trị chỉ vô ích, và cả hai mẹ con đều phải bỏ mạng."

Kento cũng tiếc nuối cho cái kết không có hậu ấy, nhưng một câu đố mới lại nảy sinh. Người phụ nữ Pygmy họ đưa tới Nhật Bản đã chết cùng cái thai trong bụng. Và Sakai Yuri thì không có bầu. Vậy, Ema trong hộ tịch của Yuri là ai?

"Tôi nghĩ Anjana đáng lẽ đã hạnh phúc hơn nếu được chết đi trong vòng tay gia đình giữa rừng già. Nhưng lúc ấy, chúng tôi không thể bỏ mặc cô ấy," Ando trầm ngâm. "Thậm chí tới tận lúc này, tôi vẫn không biết liệu chúng tôi đã làm đúng hay sai. Dù sao thì đó cũng là đoạn kết đáng tiếc của nhiệm vụ tại Zaire. Có lẽ bố cậu không kể lại chi tiết vì đó là nỗi hối hận suốt đời của ông"

Cậu nói chuyện với Ando gần một tiếng đồng hồ nữa nhưng không tìm thêm được manh mối có ích nào.

Kento rời văn phòng và đi về phía ga Sendagaya. Cuối cùng cậu cũng có vài bằng chứng giá trị nhưng lại không biết phải hiểu ra sao. Cậu dừng chân ở một quán nhỏ gần ga và ăn bữa cơm nóng đầu tiên sau một thời gian dài. Rồi cậu gọi taxi.

Ít nhất cậu cũng có thể loại trừ khả năng mình có một cô em gái cùng cha khác mẹ. Lời kể của Ando cho thấy ít có khả năng cha cậu từng ngoại tình.

Chìm trong suy nghĩ, Kento đi qua chỗ định xuống xe. Cậu bảo tài xế dừng lại cạnh đường cao tốc nơi cậu bắt xe ban đầu, nhưng khi nhớ lại lời cảnh báo của Sugai, cậu nhanh chóng đổi ý. "Đi thêm một chút," cậu nói với bác tài, "chú sẽ thấy một con hẻm nhỏ. Rẽ vào đó."

Cậu cần phải thận trọng khi mà món thuốc cuối cùng đã sắp hoàn thiện. Sau khi xuống khỏi taxi, cậu đứng lại một lúc, kiểm tra xem có còn chiếc xe nào khác dừng lại gần đó. Khi chắc chắn mình không bị theo dõi, cậu đi bộ dọc theo con ngõ hẹp dẫn về tòa nhà của mình. Có vẻ không có ai bám theo hay ẩn nấp chờ đợi.

Nhẹ cả người, Kento định leo lên cầu thang bên ngoài thì bỗng một người im lìm từ sau tòa nhà đi ra. Kento tưởng như tim mình ngừng đập, và cậu cứng người.

“Xin lỗi,” người đó nói. Ông ta mặc một chiếc áo khoác bên ngoài quần áo thường. “Cậu tới thăm người ở tòa nhà này à?”

“Ừm, vâng,” Kento nói, thầm hy vọng chỉ cần câu trả lời mơ hồ là đủ.

“Cậu có phải bạn của ông Yamaguchi trên tầng hai?”

Thì ra căn hộ được thuê dưới tên Yamaguchi. “Ừm, đại khái vậy...”

“Tôi là chủ nhà.”

“Chủ nhà?” Kento nhìn ông ta một lượt từ trên xuống dưới. Cậu giờ mới nhận thấy ông ta đã khá già, quá tuổi nghỉ hưu từ lâu, vậy nên ông ta không thể là cảnh sát.

“Hàng xóm đang phàn nàn về mùi khó ngửi, và tôi nghĩ nó có thể xuất phát từ chỗ ông Yamaguchi.”

Hẳn là mùi chất hóa học, Kento nhận ra. Họ không có tủ hút khí độc nên cậu đã gắn một ống quạt gió dày quanh quạt thông gió để thay hệ thống thông gió. “Tôi không nghĩ mùi là từ đấy,” cậu nói. “Đó là mùi gì?”

“Tôi chỉ nghe nói là mùi khó ngửi. Họ bảo còn tùy từng ngày.”

“Tôi không nghĩ là do ông Yamaguchi. Tôi đã đến đó nhiều lần và chưa từng ngửi thấy gì.” Khi nói câu này, Kento căng thẳng. Nếu ông ta muốn lên xem nhà, cậu phải làm sao?

“Thật sao? Được rồi.” Ông chủ nhà không cố xoáy sâu vấn đề. “Vậy thì có lẽ là Shimada ở tầng một.”

Kento bắt đầu bước đi, vô cùng nhẹ nhõm, nhưng rồi khựng lại. Cậu quay người. “Vẫn còn người khác trong nhà ngoại trừ căn hộ 202?”

“Phải, trong căn hộ cuối cùng tầng một. Nơi này sẽ sớm bị san bằng nên tiền thuê rất rẻ.”

Vậy là vẫn còn một người thuê cậu chưa từng gặp trong tòa nhà cha cậu giấu phòng thí nghiệm. Kento vẫn luôn có cảm giác ngờ ngợ

ai đó đang theo dõi cậu. Cái người tên Shimada này có liên quan gì không, hay anh ta là...?

"Shimada là người thế nào?"

"Hừm, cũng khó nói..."

"Giống phóng viên tòa soạn, khoảng năm mấy tuổi?"

"Phóng viên?" người chủ nhà nói vẻ kinh ngạc và nhìn Kento chằm chằm. "Không. Và người ấy là phụ nữ, không phải đàn ông. Tôi cho là khoảng bốn mươi."

"Một người phụ nữ," Kento lẩm bẩm, và không thể tin đây là sự thật, cậu miêu tả bà ta. "Người gầy, tóc chấm vai, không trang điểm?"

"Đúng vậy," ông chủ nhà gật mạnh đầu. "Sao cậu lại hỏi?"

"Không.... không có gì." Kento ấp úng, cố không để lộ cơn sốc. "Tôi thấy một người mình chưa từng thấy bao giờ và nghĩ bà ta hơi đáng nghi."

"Bà ấy không đáng nghi. Đừng lo, bà ấy sống ở đây, ông chủ nhà cười nói. "Tôi nghĩ mình sẽ quay lại sau," ông nói thêm khi đi dọc con ngõ nhỏ dẫn ra phố chính.

Kento đứng đó tới khi ông già biến mất khỏi tầm mắt, cố gắng bình tâm. Cậu trở về tòa nhà nhưng không lên cầu thang. Thay vào đó, cậu khẽ khàng đi theo hành lang tầng một. Gần đó có một bức tường bao quanh tòa, vậy nên ngay cả vào ban ngày hành lang vẫn hơi tối.

Kento đứng trước căn hộ cuối cùng, 103, lên tinh thần, và gõ cửa.

Không ai trả lời. Và không có dấu hiệu của con người đằng sau cánh cửa xập xệ đó.

Kento liếc nhìn cả hai phía để đảm bảo không có ai ở gần và vặn tay nắm cửa. Cửa không khóa, và cậu kéo mở về phía mình.

"Xin chào? Có ai ở nhà không?" cậu gọi, nhưng không ai đáp lại. Cậu thoáng do dự, nhưng rồi vẫn cởi giày và bước vào. Giày của cậu là đôi giày duy nhất ở cửa. Có vẻ người sống ở đây đang ngoài đường.

Cấu trúc căn hộ cũng giống như trên 202, phòng thí nghiệm của

cậu. Một bếp, một buồng tắm, và đi tiếp là một căn phòng nhỏ. Có chảo rán trên bếp, bằng chứng cho thấy ở đây có người sống thật.

Kento ngập ngừng bước vào sâu hơn và mở cánh cửa trượt dẫn vào căn phòng nhỏ. Trong này chỉ có đồ đạc tối thiểu. Một chiếc bàn thấp và ti vi; giá treo, nhưng không có quần áo. Điều khiến cậu ngạc nhiên là trong tủ có hai bộ chăn nệm. Vậy là có hai người sống ở đây? Nhưng căn phòng cũng nhạt nhẽo và vô vị như một khách sạn rẻ tiền. Nơi này trông giống một nơi ở tạm thời hơn là cố định.

Tại sao nó lại lạnh lẽo và trống trải đến vậy? Trong khi suy nghĩ, cậu để ý ở đây cũng không có quần áo. Không tủ. Cũng không hành lý, nhưng cũng có thể tức là người sống ở đây đang đi xa. Và rồi cậu nhớ ra cánh cửa trước không khóa. Có vẻ người này không phải đang đi nghỉ mà là vội vàng bỏ chạy.

Cậu đi vòng quanh phòng thêm một lúc nữa, và rồi cậu để ý thấy điện thoại và đứng khựng lại. Ống nghe điện thoại đã bị sửa chữa; có một thiết bị gì đó đậy trên miệng thu tiếng.

Kento gỡ nó ra nghiên cứu một lát, tìm thấy công tắc bé tí và bật lên. Cậu im lặng một thoáng rồi lên tiếng, “Xin chào.” Giọng nói vang lên qua loa vô cùng trầm, như thể vọng lên từ đáy vực.

Giọng của Papi.

Cậu đứng như trời trồng, cầm máy trên tay, ngẫm nghĩ về phát hiện bất ngờ này. Người mà cậu có thể nhận ra giọng nói, người biết mọi điều cha cậu đang làm...

Sakai Yuri là Papi.

Nhưng liệu một mảnh ghép ấy có giải được toàn bộ câu đố? Liệu nó có giải thích mọi chuyện đã xảy ra?

Ngay lập tức, cậu nghĩ tới bộ hồ sơ về Sakai Yuri trên chiếc máy tính nhỏ. Có lẽ CIA đang điều tra bà ta với tư cách nghi phạm chứ không phải là đồng phạm. Tại sao họ lại đi đến chỗ nghi ngờ bà ta? Chín năm trước ở Zaire vẫn còn rất nhiều bác sĩ người Nhật khác ngoài Yuri. Chỉ có một lý do duy nhất khiến bà bị để mắt đến. Bà vẫn luôn cung cấp thông tin cho Kento mà cậu không hay. Và người duy nhất cậu cho biết tên bà là Sugai, ông phóng viên.

Suy nghĩ ấy khiến cậu choáng váng, như thể bị choảng một nhát vào đầu. Không phải là Yuri đang làm việc với CIA, mà chính là Sugai, tay phóng viên khoa học. Sugai chính là kẻ đang điều tra đường đi nước bước của Kento.

Nếu bị bắt, họ sẽ giết mình.

Cậu cố xoa dịu nỗi sợ hãi và xem xét lại những cuộc trò chuyện cùng Sugai. Cậu đã nói với ông ta những gì rồi? Ít nhất cậu cũng chưa tiết lộ sự tồn tại của phòng thí nghiệm này. Sugai cũng không biết về Jeong Hoon. Kento nhớ lại một việc quan trọng nữa. Cuộc điện thoại, Sugai nhắc nhở cậu, "Cháu cần rời khỏi chỗ hiện tại." Ông ta có ý gì?

Có lẽ, Kento phỏng đoán, Sugai cung cấp tin tức về cậu cho CIA, nhưng khi hiểu ra ý định của CIA và biết Kento đang gặp nguy hiểm thực sự – và nhận ra điện thoại bị nghe lén – ông ta đã cố gắng giúp cậu. Ý nghĩ ấy an ủi cậu một chút, nhưng rốt cuộc, cậu vẫn đang gặp nguy.

Cậu đã từng làm gì khác có thể đặt bản thân vào rủi ro chưa? Sau một hồi cật lực suy nghĩ, cậu cũng nhận ra một giả thiết.

Người kèm cặp một đứa trẻ tự giam mình trong nhà.

Một đứa trẻ không thể để lộ bản thân với thế giới.

Không lẽ nào, Kento sững người.

Rubens đã ở trong trung tâm điều hành suốt một ngày dài, và ngay trước lúc nửa đêm, hai thông tin mới thu hút sự chú ý của anh.

Báo cáo đầu tiên là từ CIA với thông tin về vị trí của Koga Kento. Họ bắt được tín hiệu một cuộc gọi di động từ phía bắc nhà ga Machida, là nơi mà họ tin là cậu đang lẩn trốn, và thu hẹp phạm vi xuống còn một khu vực bán kính ba trăm mét. Khi Rubens biết Ban an ninh công cộng của cảnh sát Tokyo đang tập trung lực lượng tìm kiếm trong khu này, anh hết sức sốt ruột. Kento đã phát triển loại thuốc mới kia đến được giai đoạn nào rồi? Anh chàng nghiên cứu viên xơ xác người Nhật đó là hy vọng duy nhất cứu mạng tất cả lũ trẻ kia.

Một câu trong bản báo cáo của CIA cho anh hy vọng: *Đặc vụ địa phương của chúng ta, Nhà khoa học, đã phát hiện động cơ của chúng ta khi tìm kiếm Koga Kento và đang trở nên khó kiểm soát. Chúng tôi cho rằng có khả năng rất lớn Nhà khoa học sẽ thực sự giúp nghi phạm trốn thoát, và chúng tôi đang xem xét các phương án khả thi để đối phó với chuyển biến này.*

Rubens chỉ có thể cầu nguyện rằng Nhà khoa học này sẽ phản bội lại người điều động mình và đứng về phía Kento.

Thông tin thứ hai là của Logan từ NSA, và nội dung khiến anh giật mình. Các trao đổi mã hóa truyền từ Nhật Bản tới châu Phi cuối cùng cũng được phá giải.

Ngay giây phút nhận được tin này, Rubens phi ra khỏi trung tâm điều hành và phóng chiếc Audi thẳng tới Fort Meade. Đã tới lúc xem xem chính xác thì Nous truyền đi tin tức gì qua vệ tinh. Nếu nó có thể giúp xác định vị trí hiện tại của Nous, Rubens sẽ phải tìm cách dìm thông tin này xuống.

Lúc anh tới được trụ sở NSA đã là tối muộn, nhưng Logan đã có mặt đón tiếp anh. Anh trải qua những kiểm tra an ninh y hệt như lần trước và đi về phía phòng họp. Có ba nhân viên NSA trong phòng, một trong đó là nhà toán học Fisher anh từng gặp. Hai người còn lại anh không quen.

Đầu tiên Logan giới thiệu anh với một người cao tuổi đeo kính gọng đen. “Đây là tiến sĩ Kenneth Danford, chuyên gia ngôn ngữ học.”

Rubens và Danford bắt tay. Bàn tay của nhà ngôn ngữ học này khỏe đến bất ngờ. Tiếp theo, anh được giới thiệu với một người châu Á trung niên. “Đây là Tak Ishida. Chuyên ngành của ông là Nhật ngữ và các vấn đề liên quan tới Nhật Bản.”

Ishida đáp lại bằng giọng Bờ Đông hoàn hảo. Rubens đoán ông hẳn là người Mỹ gốc Nhật. Nghe cách nói chuyện, Ruben cũng đánh giá ông là người có giáo dục khá tốt. Rubens ấn tượng khi thấy không biết bao nhiêu loại người khác nhau làm việc cho tổ chức tình báo lớn nhất thế giới này.

Rubens vào ngay vấn đề. “Vậy, các ông tìm ra được gì rồi?”

Fisher nói bằng giọng kích động như thường lệ. “Dãy số ngẫu nhiên chúng ta thu được từ máy tính của Melvin Gardner cuối cùng cũng có ích. Nhưng do dãy số bị chia thành ba phần, tin nhắn chúng tôi giải mã cũng bị chia ra thành ba loại. Đầu tiên là cái này.”

Fisher giơ ra một tập giấy in. Rubens cầm lấy và đọc qua. Đó là một bản đồ trái đất dạng Mercator, bao gồm châu Phi, Bắc Mỹ và Nam Mỹ. Bên cạnh đó chi chít những dãy số.

“Đây là bản đồ trắc địa dưới biển và các dòng hải lưu tại Bắc Đại Tây Dương, bao gồm thông tin về nhiệt độ nước và dòng thủy triều.”

Rubens chăm chú nhìn bản in. Dòng hải lưu Bắc Xích đạo từ bờ tây châu Phi chảy về phía tây trở thành dòng Vịnh khi đến gần lục địa Bắc Mỹ rồi đổi hướng và chảy tiếp về hướng đông bắc. Một dòng biển lớn chạy vòng trong Bắc Đại Tây Dương. Sự khác biệt trong nhiệt độ nước được thể hiện bằng các tông màu chuyển dần từ xanh lá sang đỏ.

“Nhiệt độ nước năm nay có vẻ cao bất thường” Fisher nói.

“Đây không phải thông tin công cộng trên mạng sao?”

“Đúng là vậy. Được tổng hợp từ thông tin quan trắc của một số quốc gia. Chúng tôi đã xác nhận sự tồn tại của một trang mạng tương ứng.”

“Thông tin này được gửi từ Nhật sang châu Phi?” Tại sao Nous lại cần thông tin về dòng hải lưu Bắc Xích đạo? Có phải di chuyển xuống miền Nam châu Phi chỉ là đánh lạc hướng? Có phải họ thật sự định trốn thoát bằng tàu gần xích đạo? Nếu thật vậy, họ sẽ không tới Nhật mà sẽ tới Bắc Mỹ.

“Chúng tôi không biết tại sao thông tin này lại được gửi đi. Một trong hai tin nhắn còn lại là dữ liệu âm thanh, cái kia là dữ liệu văn bản. Nghe thử đi.”

Fisher nhét một chiếc CD vào máy tính.

Trước khi thông tin bắt đầu chạy, Logan giải thích thêm một chút. “Chúng tôi tin giọng nói trong này là giọng trẻ con. Các chuyên viên phân tích của chúng tôi cho rằng đây là một bé gái khoảng năm tuổi.”

Rubens bối rối. “Giọng trẻ con? Không phải một phụ nữ trung niên?”

“Đúng vậy.”

Fisher gõ bàn phím, và họ nghe tiếng một cô bé. Rubens chăm chú lắng nghe và còn hoang mang hơn nữa. “Tiếng gì vậy?”

“Cái gì đó giống tiếng Nhật,” Ishida đáp.

“Ý ông ‘giống’ là sao?”

“Khẩu âm là tiếng Nhật tiêu chuẩn, nhưng người Nhật nghe không thể hiểu được.”

“Sao lại thế?”

“Ngữ pháp rất kỳ quái, và cô bé dùng rất nhiều từ không xuất hiện trong từ điển nào. Nhưng chúng tôi cũng có một manh mối.” Ishida chuyển cho Rubens hồ sơ cuối cùng. “Đây là dữ liệu văn bản chúng tôi cùng lúc giải mã được.”

Rubens nhìn lướt qua những trang giấy đầy chữ viết lạ lẫm, và anh không thể hiểu nổi. “Đây cũng là tiếng Nhật à?”

“Đúng vậy. Có vẻ đứa trẻ đang đọc văn bản này. Như thế nó đang dạy ai đó đọc. Trước khi nói tiếp về tin nhắn khó hiểu này, tôi có thể giải thích một chút về tiếng Nhật không?”

“Xin mời.”

“Tôi sẽ cố nói ngắn gọn,” Ishida nói. “Do người Nhật không có hệ thống chữ viết cho tới khoảng thế kỷ thứ ba Công nguyên, giai đoạn đó được coi là thời kỳ tiền sử. Bắt đầu từ thế kỷ thứ năm, họ du nhập chữ Hán và bắt đầu sử dụng nó. Tại thời điểm này, người Nhật chưa phát triển khả năng tư duy trừu tượng, vậy nên họ đưa vào rất nhiều khái niệm trừu tượng bằng từ vựng tiếng Trung. Việc này giải thích tại sao gần một nửa từ vựng tiếng Nhật được sử dụng ngày nay là từ mượn từ Trung Quốc. Ví dụ thế này.” Ishida kéo quyển sổ lại gần và viết ra hai ký tự. “Mỗi Hán tự có ý nghĩa riêng của nó. Đặt vài ký tự vào cạnh nhau, chúng sẽ trở thành một từ và tạo ra khái niệm mới. Phần đầu tiên của chữ này nghĩa là bằng phẳng, không nhô ra, yên lặng’ hoặc yên tĩnh, hoặc là không có gì xảy ra. Phần thứ hai có nghĩa là ghép hai thứ vào nhau, hòa giải hai thứ với nhau, ‘trạng thái

bình yên và ổn định. Ghép chúng lại với nhau, chúng ta có từ 平和, 'hòa bình'."

Lối suy nghĩ của người phương Tây và phương Đông hoàn toàn khác nhau, Rubens nhận ra. Không phải là cái nào hơn cái nào, chỉ là khác nhau. "Có khoảng bao nhiêu Hán tự?"

"Khoảng hơn một trăm nghìn," Ishida đáp ngay. "Nhưng người Nhật bây giờ chỉ dùng khoảng hai hay ba nghìn."

"Và họ nhớ hết tất cả?"

"Đúng thế," Ishida nói và mỉm cười. "Nghe có vẻ phi lý, nhưng Hán tự cũng có ưu điểm của nó. Chúng được lưu trong não giống như hình ảnh, vậy nên so với ký tự ghi âm, người ta có thể liên kết ký hiệu với ngữ nghĩa nhanh chóng hơn. Nói cách khác, Hán tự mở ra rất nhiều khả năng thú vị. Anh có thể đọc sách và phụ đề phim nhanh hơn. Đấy là phần thưởng cho quá trình học khó khăn ấy. Nhưng tôi đã lạc đề rồi."

Ishida trở lại với đoạn văn bản đã giải mã và chỉ ra một số từ. Những Hán tự này – 先論系, 後論系, 暫決解– đối với Rubens tất nhiên chỉ là những hình thù kỳ quái.

"Những từ mập mờ này dường như là khái niệm hoàn toàn mới được tạo nên nhờ ghép Hán tự lại với nhau. Những từ đứa bé gái phát âm – ví dụ như *senronkei, koronkei, zanketsukai*, vân vân – là khái niệm mới."

"Không thể dịch chúng sang tiếng Anh à?"

"Như tôi đã giải thích, mỗi ký tự đều có ý nghĩa, và dựa vào đó tôi có thể đoán tạm." Ishida chuyển cho Rubens một tờ giấy viết tiếng Anh. "Nhưng giờ lại xuất hiện một câu đố còn lớn hơn."

Rubens cố gắng cẩn thận đọc bản dịch tiếng Anh nhưng không hiểu gì cả.

0, 0 senronkei [hệ thống được tạo ra nhờ logic hoặc luận điểm trước?] 1x1y sunani koronkei [hệ thống được tạo ra nhờ logic hoặc luận điểm sau?] 2xly cùng hàm thời gian 3x1y sunani 1x2y giá trị boolean biến động ngẫu nhiên 2x5y tương ứng với đột sinh zanani giá

trị boolean và tính hiệu lực chuyển tiếp cả theo cách tuyến tính và phi tuyến tính. Để zanketsukai (giải pháp được quyết tạm thời?] xuất hiện trong hỗn độn và "cửa sổ" hỗn độn trở thành giải pháp quyết định, nhất thiết phải có đánh giá dựa trên chouyuuchi [chữ viết là 超 游 知 nhưng không dịch được]...

"Cái gì vậy trời?" Rubens hỏi, mắt anh như dính vào trang giấy. Nội dung thật sự mơ hồ nhưng cũng không hẳn là vô nghĩa. "Giá trị boolean biến động ngẫu nhiên?"

"Tôi chưa từng nghe thấy hệ thống logic nào như vậy," Fisher, nhà toán học, lên tiếng.

"Từ này, *chouyuuchi*, chúng ta không biết nghĩa của nó?"

"Nếu tổng hợp ý nghĩa của các Hán tự, nó có nghĩa đại khái là chủ thể của đánh giá vượt ra ngoài trí tuệ, tri thức... chưa được cố định, mặc dù đây chỉ là một cách dịch tạm. Những ai hiểu được ý nghĩa này phải là người đã hiểu được những thứ có tính *chouyuuchi*."

Rubens cố gắng kết nối những mẩu chữ vụn vặt này cho hợp lý. "Liệu đây có khả năng là một thứ có thể tạm gọi là một logic phức không? Cái gì đó có thể ứng với phức hệ, giống như logic lượng tử đặt ra để ứng với thuyết lượng tử?"

"Nhưng chúng ta không biết logic phức này dựa trên tiên đề hệ thống nào," Fisher đáp.

"Tôi có ý kiến một chút." Nhà ngôn ngữ học Danford vốn yên lặng từ đầu tới giờ cuối cùng cũng cất lời. "Tôi được yêu cầu phân tích đoạn văn bản này, và ban đầu tôi cho rằng nó vô nghĩa. Nhưng nếu bỏ qua vướng mắc về ngữ nghĩa và chỉ tập trung vào ngữ pháp, anh có thể đưa ra một giả thiết rất lạ: về bình diện ngữ pháp, đây có khả năng là một ngôn ngữ nhân tạo hoàn toàn mới."

"Vậy tức là nó tuân theo các quy tắc xác định?"

"Đúng thế. Ngữ pháp của nó khác hoàn toàn so với ngôn ngữ tự nhiên mà não chúng ta xử lý. Khi nghiên cứu nó, tôi nhận ra ngôn ngữ của ta thật sự một chiều. Cả ngôn ngữ nói và viết đều di chuyển trên một trục thời gian tuyến tính. Nhưng đoạn văn bản này thì

không. Nó chuyển dịch tới lui giữa các khái niệm và mệnh đề trên một *mặt phẳng* và bằng cách đó phát biểu hoàn thiện nội dung. Tọa độ x và y xác định vị trí trên mặt phẳng này, mặc dù ta không rõ ngữ nghĩa hay quy luật chúng ám chỉ là gì. Và nếu đọc hết, anh sẽ còn thấy một tọa độ z, tức là bản thân ngôn ngữ này có nhiều lớp. Nếu sử dụng kiểu ngữ pháp này, rất nhiều mâu thuẫn khiến ta khó hiểu có thể sẽ biến mất."

Kết luận kỳ quái này khiến Rubens lo lắng. "Nhưng mẩu tin này là do một bé gái đọc, phải không?"

"Đúng vậy."

"Vậy thì đây không chỉ là một ngôn ngữ ta có thể đọc được mà còn là ngôn ngữ nói. Ngữ pháp phức tạp như vậy là không thực tế."

"Anh nói đúng. Nếu dùng não của chúng ta, việc nói ngôn ngữ này là bất khả thi."

"Bất khả thi nếu dùng não của chúng ta?" Cụm từ Danford thản nhiên buông ra khiến Rubens sững sờ. Anh nhớ lại giọng nói trầm thấp của Heisman.

Anh đang bỏ qua một vấn đề rất trọng yếu.

"Nếu cố sử dụng ngôn ngữ này, anh sẽ nhanh chóng lạc mất không nhớ mình đang nói gì nữa. Bởi nếu không nhớ vị trí các khái niệm và mệnh đề nằm rải rác trong ba chiều, anh không thể giao tiếp. Tôi cũng phải bổ sung một điều nữa bên cạnh vấn đề ngữ pháp," Danford nói, hoàn toàn không để ý tới Rubens đang không thốt nổi một lời. Ông ta dùng bút chỉ hai từ trong bản dịch. "Trong bản gốc, từ *sunani* và *zanani* xuất hiện thường xuyên, nhưng theo tôi, đây không phải tiếng Nhật."

Ishida lắc đầu. "Những từ này không tồn tại trong tiếng Nhật. Và do chúng không được viết bằng Hán tự mà bằng bảng chữ biểu âm katakana của tiếng Nhật, ta không thể suy diễn ý nghĩa."

"Nếu chú ý riêng vào chức năng của từ, ta thấy chúng được sử dụng làm từ nối. Nhưng, như ông Ishida đã chỉ ra, vì nghĩa của chúng vẫn là bí ẩn nên ta chỉ có thể hiểu ý nghĩa cú pháp."

Fisher, ngồi cạnh Danford, mỉm cười như thể chuyện này thú vị

vô cùng. “Có lý đấy. Càng nhiều từ nối, tức là càng nhiều phép hội, thì càng nhiều hằng logic, phải không? Ngôn ngữ khác nhau nên logic cũng vậy. Người dùng ngôn ngữ này có mạch tư duy khác người bình thường.”

Kết luận của Danford thực tế hơn của nhà toán học trẻ tuổi nhiều. “Hoặc có thể đây chỉ là một trò lừa tinh vi.”

Rubens cố không run giọng. “Tôi sẽ kiểm tra lại lần nữa, nhưng tin nhắn được gửi từ Nhật Bản tới châu Phi, phải không? Không phải chiều ngược lại?”

“Đúng vậy.”

Cú sốc ban đầu trong anh dần dần biến thành cảm giác phấn khích trí tuệ không tài nào chịu nổi. Lời giải cho câu đố tiến sĩ Heisman đặt ra thật không thể tưởng tượng nổi.

Vẫn còn một người tiến hóa nữa.

Rubens nhớ lại báo cáo của đặc vụ nằm vùng Nhà khoa học thông qua CIA. Thông tin họ nhận được tại chi nhánh Tokyo của Hội cứu trợ y tế thế giới chính là chìa khóa. “Ông Ishida?”

“Vâng?” Người Mỹ gốc Nhật nhìn sang.

“Ông có quen thuộc với luật pháp và nội vụ ở Nhật không?”

“Có một chút,” Ishida khiêm tốn đáp.

“Hình như ở Nhật có một thứ gọi là hộ tịch, koseki.”

“Đúng vậy.”

“Tôi nghe nói họ có mua bán hộ tịch bất hợp pháp.”

“Đúng là có việc này. Đây là một dạng tội phạm có tổ chức, bởi nếu có được hộ tịch của người khác, anh có thể che giấu danh tính của bản thân.”

“Làm sao mua được?”

“Tới những nơi tập trung người vô gia cư và dân lao động thời vụ và tìm ai đó chịu bán hộ tịch. Những kẻ cùng đường thường chấp nhận điều này.”

“Nếu sử dụng hộ tịch đã mua, anh có thể trở thành người khác, đúng không? Anh có thể đăng ký hợp đồng với nhà mạng, mở tài khoản ngân hàng, thuê nhà thông qua môi giới nhà đất?”

“Đúng thế.”

“Cá nhân được đưa vào hộ tịch như thế nào?”

“Khi có một đứa trẻ sinh ra, anh đến báo với tòa thị chính.”

“Cần những giấy tờ gì?”

“Cần hai thứ. Giấy chứng sinh của bác sĩ và giấy khai sinh.”

“Thân thích của người phụ nữ sinh con có thể cấp giấy này không? Chẳng hạn, nếu cha của người phụ nữ đó là bác sĩ khoa sản thì sao? Ông ta có thể viết chứng sinh không?”

“Về mặt pháp lý thì không có vấn đề gì.”

“Lại nói chuyện khác, chính sách tiếp nhận dân tị nạn ở Nhật thế nào?

Ishida nhìn vào khoảng không. “Do một đảng bảo thủ đã nắm quyền tại Nhật trong suốt năm mươi năm qua, họ không cởi mở lắm trong việc chấp nhận người ngoại quốc. Số dân tị nạn họ phê duyệt ít hơn 1% số người mà Hoa Kỳ nhận, một mức độ có thể nói là vô nhân đạo.”

“Tức là người ta khó có thể xin tị nạn tại Nhật?”

“Rất khó. Nhật Bản bị chỉ trích rất nặng nề vì chính sách đóng cửa với dân tị nạn.”

Giờ đây, Rubens nói chậm rãi hơn, bởi anh cuối cùng cũng xây dựng được một bức tranh cụ thể. “Căn cứ theo lời ông, giả sử một đất nước trên lục địa khác xảy ra nội chiến và một người phụ nữ có thai trốn tới Nhật. Nhưng cô ta mất mạng ngay sau khi sinh, bỏ lại con gái mình. Nếu người giám hộ, một phụ nữ Nhật, muốn chăm sóc cho đứa bé, cô ta có thể làm gì?”

Câu hỏi khó khiến Ishida phải suy nghĩ một lúc. “Đầu tiên, cô ta sẽ cố xin tư cách tị nạn cho đứa bé, nhưng khả năng bị trục xuất là rất cao. Nếu người cha vẫn còn ở cố quốc, nguy cơ bị trục xuất sẽ tăng nữa. Tôi có thể tưởng tượng cô ta tìm cách nhận nuôi đứa bé, nhưng họ sẽ phải để lộ danh tính mẹ đẻ, và lại trở lại vấn đề tư cách tị nạn.” Ishida dường như nhớ lại chuyện vừa nói lúc nãy, và ông mỉm cười. “Người phụ nữ Nhật Bản giám hộ này không tình cờ có cha là bác sĩ khoa sản đấy chứ?”

“Cô ta có.”

“Họ có sẵn sàng phạm luật để bảo vệ đứa trẻ?”

“Tất nhiên rồi.”

“Vậy thì đơn giản thôi. Hãy tạo hiện trường như thể người phụ nữ mang thai chết trước khi sinh. Sau đó làm giấy chứng tử. Bằng cách này, anh có thể xóa bỏ sự tồn tại của đứa bé cần trở thành dân tị nạn. Sau đó, yêu cầu cha của người phụ nữ Nhật Bản kia làm giấy khai sinh giả và đăng ký con bé làm con của cô ta tại tòa thị chính.”

“Người mẹ chưa kết hôn và không rõ cha có được không?”

“Hoàn toàn khả thi. Cứ để trống cột tên cha trong hộ tịch. Và vì không ghi tên mẹ đẻ nên không ai biết đây là giấy tờ giả.”

Rubens chậm rãi gật đầu thỏa mãn.

Ngôn ngữ trở thành công cụ giao tiếp khi có nhiều chủ thể hiểu được nó và có thể trao đổi một cách có ý nghĩa. Nếu một ngôn ngữ nhân loại không thể hiểu lại được phát ra và tiếp nhận, tức là phải có ít nhất hai người sử dụng nó.

Nigel hẳn đã biết trước một người siêu việt có thể sẽ ra đời trong nhóm Kanga. Bởi chín năm trước, con người tiến hóa đầu tiên đã ra đời ở Nhật Bản.

Giữa bom lửa của cuộc nội chiến Zaire, một người phụ nữ Pygmy đang mang thai được đưa tới Nhật. Cô chết sau khi sinh. Bác sĩ điều trị cho cô, Sakai Yuri, vì quyết tâm cứu đứa bé, hẳn đã cho nó giả mạo thành con mình. Việc đứa trẻ bị dị dạng bẩm sinh càng khiến bà ta thương cảm hơn. Nhưng khi lớn lên, đứa trẻ bà ta tưởng là tàn tật lại biểu lộ trí thông minh đáng kinh ngạc, và Yuri liên hệ với nhà nhân học, Pierce. Họ nghiên cứu trí tuệ của đứa bé tên Ema này, và phát hiện một loài người mới đã xuất hiện. Đoán trước sự ra đời của đứa trẻ thứ hai, họ bắt đầu lên kế hoạch giải cứu nó khỏi Congo, nơi cuộc nội chiến vẫn kéo dài. Thật ra, tới thời điểm này, vai trò chủ chốt trong kế hoạch này có lẽ đã chuyển sang Sakai Ema, cá thể duy nhất của giống loài mới. Việc đứa bé này tới được Nhật đối với Ema là vô cùng bức thiết. Không có cá thể khác phối giống, dòng giống này sẽ tuyệt chủng.

Từ quan điểm của Nous, phát triển thứ thuốc đặc trị này là giải pháp lý tính nhất.

Chỉ cần vài manh mối, tiến sĩ Heisman đã nhìn thấu tất cả. Ema và Nous có lẽ có chung một người cha nhưng mẹ khác nhau. Rất có khả năng con cái từ mối quan hệ cùng huyết thống này sẽ dẫn tới bi kịch hệt như Yeager cùng vợ anh. Bất cứ đứa trẻ nào sinh ra từ một cuộc hôn nhân như vậy đều có nguy cơ thừa hưởng gene gây bệnh chung từ cả cha và mẹ. Quá trình phát triển thuốc mà Koga Seiji đã ủy thác lại cho con trai mình chắc chắn là thí nghiệm đầu tiên để đối phó với bệnh gene gây ra bởi hôn nhân cùng huyết thống.

Rubens nhẩm tính tuổi của Sakai Ema. Tám năm và bốn tháng. Địch thủ của chiến dịch Thần báo thù không phải là một đứa trẻ ba tuổi từ cái xó xỉnh chưa được khai hóa nào đó, mà là một người siêu việt tám tuổi tại một đất nước phát triển với khả năng tiếp cận đủ thứ thông tin.

Anh đang đánh giá thấp trí tuệ của kẻ thù.

Nếu một đứa trẻ ba tuổi của một chủng tộc cao cấp hơn đã đạt được trí tuệ ngang với người thường, khả năng trí tuệ của Sakai Ema hẳn đã vượt xa chúng ta.

Chiến dịch sẽ thất bại. Giờ thì Rubens biết chắc điều này. Từ lời nhắn giải mã được, có thể thấy rõ trí tuệ của Ema đã bỏ xa trí tuệ Homo sapiens. Đứa bé tám tuổi này nhận thức được cả một thế giới chúng ta sẽ không bao giờ hiểu.

Ở trên đất châu Phi, Nous đang được bảo vệ bởi một trí tuệ mà loài người không cách nào hiểu được, và Rubens chắc chắn rằng nó có thể tới Nhật Bản. Miễn là những người hỗ trợ nó đừng làm hỏng chuyện.

Rubens bắt đầu lo cho Koga Kento. Hẳn là cậu ta có liên lạc với Sakai Yuri. Nếu Kento roi vào tay cảnh sát Nhật Bản, cuộc điều tra kiểu gì cũng sẽ dẫn tới bà ta.

Kento đã khóa căn hộ, nhưng khi trở về, có một chiếc điện thoại mới tinh nằm ngay phía bên kia cánh cửa. Có một lời nhắn đi kèm. “Vứt

ngay điện thoại đang dùng".

Cậu nhặt chiếc máy lên và kiểm tra màn hình. Có vài cuộc gọi lỡ nhưng không có lời nhắn thoại.

Cậu cởi giày, vào phòng thí nghiệm, nơi phản ứng hóa học cuối cùng cho GIFT 1 đang xảy ra, bỗng chiếc điện thoại mới bắt đầu reo. Lại là giọng nói trầm thấp kia, nghe như thể vọng lên từ trong lòng trái đất.

"Rời khỏi căn hộ của cậu, ngay lập tức.

"Tại sao?" Kento hỏi.

"Cậu phạm lỗi rồi. Họ theo dấu cuộc gọi của cậu cho tay nhà báo kia và tìm ra chỗ cậu đang ở. Năm tay cảnh sát đang và soát khu vực đó ngay lúc này đây. Khi nào họ tìm được cậu chỉ còn là vấn đề thời gian."

Sống lưng Kento lạnh toát. Nếu đám cảnh sát nghe nói tới vấn đề mùi hôi ông chủ nhà từng nhắc đến, chúng sẽ phi ngay tới đây.

"Nhưng…" giọng Kento run lên. "Thuốc vẫn chưa hoàn thành mà."

"Đây là vì sự an toàn của chính cậu."

"Ông đang bảo tôi từ bỏ hay sao?"

"Đúng thế."

"Nhưng phải có cách nào đó chứ. Nếu chuyển thiết bị thí nghiệm tới chỗ khác…" cậu mở lời, nhưng nhận ra rằng điều đó là không thể. Cậu có quá nhiều thứ cần phải mang theo. Kể cả nếu có ô tô, cậu vẫn phải ra vào căn hộ để vác thiết bị ra, và như vậy sẽ khiến cậu trở nên nổi bật.

"Không có thời gian. Cậu chỉ có một cơ hội để trốn thoát. Nếu ở ngoài quá lâu, đám người đó rất có khả năng tìm thấy cậu. Rời khỏi căn hộ, đi nhanh hết sức có thể về phía đông. Bắt taxi tới trung tâm Tokyo. Sau đó tôi sẽ cho cậu biết chỗ ở."

Kento nhìn đồng hồ. Còn hơn mười tiếng nữa GIFT 1 mới hoàn thành. Thêm tám tiếng nữa để tách lấy thành phẩm và xác định cấu trúc hóa học. "Nhưng tôi chỉ cần một ngày nữa!"

"Hết thời gian rồi. Ra khỏi đó ngay."

Đột nhiên, Kento như nhìn thấy Kobayashi Maika, môi rướm máu, chật vật thở nặng nề. Cậu có thể cứu cô bé. Cậu biết chắc chắn. "Không. Tôi sẽ không bỏ trốn. Có một đứa trẻ tôi phải cứu."

"Nhưng cậu đang gặp nguy hiểm thực sự."

"Nhưng bà cũng từng cứu mạng trẻ con mà, phải không? Sakai Yuri."

Dù không thấy mặt bà ta, nhưng cậu có thể cảm thấy lời của mình đã gây chấn động thế nào. Kento nói tiếp. "Bà tới lấy chiếc máy tính để ngăn tôi vướng vào chuyện này... Bà muốn giữ tôi tránh khỏi nguy hiểm, đúng không?"

Không có lời đáp.

"Nhưng tôi đã vướng vào rồi. Tôi đã lấy chiếc máy tính của bố, và giờ tôi đang làm việc này đây. Tôi không thể vặn ngược thời gian nữa. Tôi sẽ hoàn thiện thuốc. Và sẽ không ai cản được tôi." Kento dập máy.

Cậu đợi một lúc, nhưng Yuri không gọi lại. Kento vào phòng thí nghiệm và nhìn bình thí nghiệm đặt trên máy khuấy từ tính.

Đám cảnh sát hẳn đã bắt đầu tìm kiếm từ điểm cạnh đường cao tốc nơi cậu gọi điện cho Sugai. Vẫn còn một vài khu dân cư nữa mới tới căn hộ này. Năm người muốn ghé qua từng nhà sẽ phải mất ít nhất một ngày.

Nhìn lên trời, Kento lẩm bẩm một lời nhắn cho cha mình.

Bố ơi, con hứa sẽ hoàn thành tâm nguyện của bố. Vậy nên hãy phù hộ con trai bố nhé.

Giúp con cứu sống những đứa trẻ ấy.

Kento cười khẽ và kết thúc lời khấn bằng một câu:

Xin lỗi vì con từng nghi ngờ bố.

Trước khi vào Cape Town, Yeager và Meyers mua tất cả các thiết bị sẽ cần đến: pin, đủ loại dụng cụ, và áo len đen cùng quần túi hộp làm đồng phục. Pierce cần in, vậy nên ông ghé vào một quán net, in các giấy tờ cần thiết và giao cho hai người lính.

Họ đỗ chiếc Land Cruiser ở chỗ nhìn bao quát được cả Zeta Security ngay lúc mặt trời đang lặn. Khuôn viên công ty, một khu đất rộng lớn bao quanh bởi những ngọn đồi, được chiếu sáng rực lên trong ánh chiều tà. Tòa nhà chính, trông như một cái khách sạn, nằm phía bên kia lưới hàng rào sắt. Đường băng nằm sau tòa nhà.

Họ mở cuộc họp lần cuối trong xe. Dữ liệu họ nhận được từ đồng minh Nhật Bản bao gồm tất cả những thông tin cần thiết bản đồ khu nhà, điểm mù của máy quay, số lượng và phân bố nhân viên an ninh, và một danh sách mà 6 khóa số của từng phong Ngoài ra còn có một tập hướng dẫn lái Boeing 737 mà Meyers cần. Nhưng tập hướng dẫn mà Pierce đã in ra ở quán nét dày tới mức Meyers chỉ xé những trang cần thiết ra rồi ngồi học thuộc vị trí các đồng hồ đo và thiết bị trong khoang lái.

Sau khi dượt lại kế hoạch, Yeager nhìn về phía ghế sau, thấy Akili chăm chú đọc một tập giấy.

“Cháu đọc gì thế?” Yeager hỏi, nhưng Akili không trả lời. Akili không có vẻ gì là đang cố tình bơ anh; thằng bé chỉ đang quá chăm chú vào đống tài liệu. Đối mắt mèo xếch lớn của nó lướt qua từng trang giấy với tốc độ đáng kinh ngạc.

“Nó đang đọc bản đồ các dòng hải lưu ở Bắc Đại Tây Dương.”

“Chúng ta sẽ bay mà, vậy sao còn phải lo chuyện hải lưu nữa?”

“Đó là con át chủ bài của thằng bé,” Pierce nói. Đến ông trông cũng bối rối. “Có những khía cạnh của kế hoạch tẩu thoát này mà tôi không thể hiểu nổi. Chúng ta chỉ có thể tin tưởng người bạn ở Nhật Bản mà thôi.” Nhà nhân học lôi chiếc máy tính mà Akili dùng để giao

tiếp ra. “Tôi đã cài phần mềm giọng nói. Bây giờ, những gì Akili nhập vào sẽ được chuyển thành lời.”

“Nghe có vẻ là chúng ta sẽ trò chuyện vui vẻ đây,” Yeager nói.

Họ mở thực phẩm đóng hộp, ăn bữa ăn cuối cùng ở châu Phi, và lái xe vòng ra phía sau Zeta Security, khuất sau một hàng cây.

Đội an ninh đi tuần xuất hiện lúc 21:40, đúng theo lịch, và ngay khi họ đi qua, Yeager khởi động chiếc Land Cruiser. Chiếc xe tắt đèn pha băng qua đường và đỗ lại bên cạnh hàng rào. Một tấm biển có hình đầu lâu trên nền vàng treo trên hàng rào cao bốn mét có dòng điện mười nghìn volt chạy qua.

Yeager xuống xe, xỏ một đôi găng cao su và ngồi xuống bên chân hàng rào. Anh cẩn thận nhấc tấm lưới lên bằng kích nhựa. Với một cựu đặc công, đây là kỹ thuật xâm nhập cơ bản. Khi khoảng cách giữa mặt đất và hàng rào đủ rộng, Meyers nhét vào một tấm nhựa lớn để chống giữ lỗ hổng mà Yeager đã tạo ra.

Yeager ngửa người, trượt giữa tấm nhựa và mặt đất, cẩn thận không chạm vào hàng rào điện, và đã vào trong khu phức hợp Zeta curity. Ngay sau khi vào tới nơi, anh đứng chạy tới tủ điện, một hộp kim loại cao đến hông được khóa bằng một ổ khóa nhỏ. Yeager phá khóa, mở cửa tủ, tìm thấy công tắc báo động và gạt xuống. Tiếp theo, anh cắt đường dây liên lạc tới phòng an ninh và cắt điện.

Meyers ném một con dao vào lưới hàng rào để chắc chắn là điện đã ngắt, và cả ba người còn lại cùng chui qua lỗ hổng.

Giai đoạn hai của kế hoạch diễn ra nhanh chóng. Bốn người họ di chuyển về phía lưng tòa nhà chính theo đường dích dắc để không ra khỏi điểm mù của máy quay. Trở lại Zeta Security sau một thời gian dài, Yeager không thấy mấy căng thẳng mà còn có chút bồi hồi.

Họ tới mặt hậu của tòa nhà lúc 22:05, sớm hơn năm phút so với kế hoạch. Phía trước họ là kho vũ khí bằng bê tông, và xa hơn nữa là đường băng tắm trong ánh sáng màu cam.

Họ nín thở, nôn nóng đợi chờ cơ hội. Đèn hiệu đỏ xa xa chiếu lên bầu trời, và tiếng gầm của chiếc phản lực thuộc sở hữu của một công ty ma tới gần. Chiếc máy bay nghiêng mạnh trên đường xuống.

Khi tiếng ồn đủ lớn, họ bắt đầu hành động. Họ chạy tới kho vũ khí, bấm mật mã, và cánh cửa nặng nề mở ra. Bên trong, Yeager và Meyers đổi AK-47 lấy M4 giảm thanh. Họ giao cho Pierce một khẩu súng đã lắp đạn, và tất cả mọi người đều trong áo khoác chống đạn vào. Không có chiếc áo nào vừa với một đứa trẻ ba tuổi, nên Pierce cõng Akili trên lưng. Ông sẽ dùng thân mình che chắn cho đứa bé.

Khi đã vũ trang đầy đủ, họ lấy một chiếc xe đẩy nhỏ và chất các thiết bị cần thiết khác lên – mũ bảo hiểm, kính mắt, bình oxy nhỏ và dù vuông – tất cả các trang bị họ cần tới khi thực hiện nhảy dù mở dù sớm ở độ cao lớn. Hai người lính đánh thuê có chứng chỉ nhảy dù, vậy nên họ sẽ mang Pierce và Akili nhảy đôi. Vì vậy, họ cần kiểm tra dây an toàn và dây nối cẩn thận.

Tiếng gầm của động cơ phản lực trên đường băng lớn dần rồi nhanh chóng tắt lịm. Chiếc Boeing đã hạ cánh an toàn.

Tới giai đoạn ba, Yeager nghiêng người ra ngoài của kho vũ khí để xem xét tình hình. Ngay lúc ấy lại xảy ra một việc ngoài kế hoạch. Cửa sau tòa nhà mở ra, và một người đàn ông cao lớn xuất hiện. Yeager nhận ra ông ngay lập tức – Singleton, giám đốc chiến dịch. Yeager nhanh trí nghĩ: việc này có thể tiết kiệm cho họ không ít rắc rối. Anh ra hiệu có địch với Meyers, lệnh cho anh ta đi theo và lặng lẽ lẻn ra khỏi cửa.

Singleton có vẻ đang đi về phía đường băng để đón các đặc vụ của CIA. Yeager tới sau lưng, nhắm súng vào gáy ông và gạt chốt an toàn.

“Đứng lại.”

Singleton rùng mình và giơ tay lên. “Ai đấy?”

“Một người bạn cũ.”

“Tôi không nhận ra giọng anh. Có phiền không nếu tôi quay người lại?”

“Được.”

Vị giám đốc chiến dịch của công ty an ninh tư nhân chậm rãi quay người. Mắt ông mở lớn kinh ngạc khi thấy Yeager và Meyers chĩa súng vào mình. “Chuyện gì xảy ra với chiến dịch Thần hộ mệnh

rồi?"

"Hai người trong chúng tôi đã chết."

"Cái gì?!" Vẻ mặt ông hiện vẻ đau lòng, rất mờ nhạt nhưng không thể không nhận thấy. "Họ nhiễm virus sao?"

Phản ứng này xóa bỏ mọi nghi ngờ của Yeager. Singleton không hề biết gì về mục tiêu thực sự của chiến dịch. Yeager không còn cảm giác thù địch nữa, mặc dù cũng không thể nói là anh thương mến gì ông được. "Chiến dịch vẫn đang triển khai. Tôi muốn ông làm y hệt những gì tôi nói."

"Anh nói chuyện gì vậy? Đây có phải là ý của Lầu Năm Góc?"

"Muốn hiểu thế nào cũng được. Chỉ cần làm theo lời tôi nói."

Cuối cùng, Singleton cũng hiểu đây không phải trò đùa. "Nếu không thì sao?"

"Đừng cố phản kháng. Ông biết chúng là người thế nào."

Người cựu binh tay không tấc sắt lần lượt nhìn họ, cau mày rồi gật đầu. "Tôi phải làm gì để giữ được mạng đây?"

"Đi vào kho vũ khí," Yeager ra lệnh.

Mười phút sau, Singleton ra khỏi kho vũ khí và đi một mình tới sân bay. Bên trong nhà để máy bay, một chiếc phi cơ chở khách nhỏ, dài ba mươi mét, đang đỗ vào chỗ, cánh sải rộng như thể muốn khoe mẽ những đường cong thanh lịch. Chín công nhân đang bận rộn dỡ hàng hóa và nạp nhiên liệu.

Singleton đi tới chỗ năm người đứng bên chân cầu thang lên máy bay. "Chào mừng đến với Zeta Security. Tôi là Mike Singleton, giám đốc chiến dịch."

Các đặc vụ đang dỡ vũ khí và đạn dược lần lượt giới thiệu bản thân, và bắt tay Singleton.

"Chúng tôi đã chuẩn bị một bữa ăn nhẹ cho các anh trong nhà ăn, nhưng các anh có thể đợi ở đây ít phút không?"

"Tất nhiên rồi, không vấn đề gì," người phụ lái nói với một nụ cười thân thiện.

Sau khi thấy tất cả các thùng hàng đã được dỡ xuống Singleton

chỉ dẫn cho các đặc vụ. “Làm ơn tập hợp lại đây.”

Mấy người đàn ông mặc đồ bay một mảnh tụ lại và Singleton chỉ vào hai người. “Có một xe đẩy chứa ít hàng hóa trong kho vũ khí, các anh có thể đem nó qua đây không?”

“Được thôi,” họ nói và tiến về phía nhà kho.

Tay phi công có vẻ ngờ vực. “Ông định đem thứ gì lên máy bay của tôi?”

“Chúng tôi nhận được lệnh xếp thêm hàng lên máy bay ít phút trước.”

“Lệnh của Langley?”

“Đúng vậy.”

Một đặc vụ lấy di động ra khỏi túi áo khoác. Singleton nhận ra anh ta đang gọi về Mỹ để xác nhận, và cảm thấy mồ hôi lạnh chảy dọc sống lưng. “Tôi xin lỗi, nhưng làm ơn đừng dùng điện thoại.”

“Tại sao không?” tay đặc vụ ngờ vực hỏi.

“Lý do là... đây,” Singleton nói và cởi cúc áo sơ mi. Trên ngực ông gắn một chiếc mic cùng thuốc nổ C-4 gắn ngòi nổ điều khiển từ xa.

“Tất cả mọi người ở đây, bao gồm cả tôi, đều đã trở thành con tin. Một nhóm vũ trang đang ở cách đây không xa, tay súng bắn tỉa nhắm vào chúng ta.”

Nhóm đặc vụ CIA nhìn ra phía đường băng, nhưng nhà để máy bay quá sáng, và họ không nhìn thấy gì trong bóng tối bên ngoài.

“Chúng đang theo dõi cuộc trò chuyện của chúng ta. Làm ơn, mọi người, hãy làm theo đúng lời tôi. Hãy bắt đầu bằng việc lấy tất cả vũ khí cùng điện thoại ra và đặt xuống đất.”

Đột nhiên, một đặc vụ bất ngờ bỏ chạy. Nhưng ngay vào tích tắc anh ta nhấc chân lên chạy, một tiếng rít đanh vang qua không trung và một viên đạn găm thẳng vào vai anh ta. Anh ta hét lên, bấu lấy vết thương và ngồi sụp xuống sàn.

“Họ đều được huấn luyện bài bản,” Singleton nói một điều mà ai cũng có thể nhận ra. “Nếu không chống cự, chúng ta sẽ giữ được mạng. Tôi nói rồi đấy, cứ làm theo đi.”

Mấy người miễn cưỡng làm theo chỉ dẫn của ông. Họ quỳ xuống,

để ông soát người rồi bịt mắt, nhét giẻ vào miệng và còng tay lại sau lưng bằng còng nhựa. Chỉ có người đang nạp nhiên liệu cho máy bay được tự do, và anh ta được lệnh tiếp tục làm việc.

Ngay lúc đó, hai người được điều tới kho vũ khí quay trở lại, tay đẩy chiếc xe. Cảm giác có gì đó không ổn, họ khựng lại. Nhưng khi thấy quả bom quấn quanh người Singleton, họ liền hiểu chuyện gì đang xảy ra. “Nhanh lên,” ông ra lệnh, và họ làm theo mà không nói lấy một lời. Khi đã tải xong hàng lên máy bay, Singleton ra lệnh cho họ để mở cửa máy bay nhưng phải đẩy thang ra chỗ khác. Xong việc, họ đứng vào cùng chỗ những con tin khác.

Trong một giờ đồng hồ nạp nhiên liệu, mọi người ai đều phải ở nguyên chỗ của người đó.

Khi đã xong xuôi, người lo chuyện nhiên liệu rời khỏi máy bay và Singleton trói anh ta lại. Yeager quan sát hết thảy thông qua ống ngắm trên súng, đứng dậy khỏi tư thế ngắm bắn tỉa, đổi sang khẩu M4 và đi ngang qua đường băng.

Tới gần nhà để máy bay, anh nhìn thấy Singleton, người duy nhất còn đang đứng. “Thế này đã được chưa?” Singleton hỏi.

Giọng nói gượng gạo để lộ sự mệt mỏi và bất lực của ông, đồng thời cũng mang theo một chút thù nghịch. Mặc dù không để đến mức chọc tức mấy kẻ bắt giữ.

“Ông làm tốt lắm,” Yeager đáp và lấy còng tay nhựa còng Singleton lại.

Meyers, Pierce và Akili xuất hiện từ nhiều hướng khác nhau. Khi thấy các con tin không thể chống cự, Meyers cởi túi cứu thương và bắt đầu cấp cứu cho người trúng đạn. ”Đừng lo,” anh bảo. “Anh sẽ sống thôi.”

Anh ta rên lên từ sau miếng giẻ. Anh ta lúng búng điều gì đó không rõ, nhưng chắc chắn không phải lời cảm ơn.

Meyers trèo lên chiếc xe bán tải trong nhà chứa máy bay và khởi động xe. Họ lùa các con tin lên thùng xe và lái tới khu vực tập huấn đằng sau tòa nhà chính. Họ trói chân đám con tin, rồi Yeager khóa

cửa nhốt họ lại trong trường bắn họ đã sử dụng hồi còn huấn luyện.

"Buổi tập bắn tiếp theo là bao giờ?" Yeager hỏi Singleton.

"Ngày kia."

Mấy hôm nữa, nhóm lính đánh thuê đến huấn luyện sẽ khá sững sờ khi thấy một nhóm con tin còn sống. Yeager bịt mắt và nhét miệng Singleton. "Cố gắng kiên nhẫn đến lúc đó nhé," anh nói và rời khỏi phòng.

Ra đến hành lang, Pierce liếc nhìn đồng hồ. "Làm tốt lắm" ông nói. "Giờ thì thoát khỏi cái nước này thôi. Thoát khỏi châu Phi."

Họ lên xe bán tải và lái trở về nhà để máy bay.

Giờ đã là đêm muộn. Tới nơi, Yeager nhìn chiếc máy bay thêm lần nữa. Không hề có bất cứ logo nào trên thân máy bay màu trắng, chỉ có một dòng số đăng ký N313P.

Meyers gỡ nêm chặn bánh xe rồi đi tới. "Giúp tôi chút," anh ta nói.

Hai người họ vào nhà để máy bay, lấy một chiếc thang có thể kéo dài và tựa vào cửa máy bay cách mặt đất khoảng mười mét. Meyers trèo lên đầu tiên, rồi đến Pierce cõng Akili trên lưng, và cuối cùng là Yeager.

Bên trong máy bay tối đen. Meyers chiếu đèn pin quanh cabin. Cabin này đã được thiết kế lại để phục vụ công tác, khác xa máy bay thông thường, có khu vực họp ở cả đầu và đuôi máy bay, và ghế ngồi xung quanh một chiếc bàn ở giữa thay vì dọc hai bên cửa sổ.

Họ đẩy đổ chiếc thang và tìm cách đóng cửa. Không ai biết cách, và họ mất nhiều thời gian hơn so với dự tính. Khi mọi người còn đang bàn bạc cách giải quyết, một giọng nói máy bỗng vang lên trong bóng tối.

Kéo của song song với thân máy bay, đó đẩy ra ngoài.

Akili dùng máy tính chỉ dẫn cho họ. Khi di chuyển cánh cửa dày như thằng bé nói, nó trôi êm ru và cuối cùng họ cũng thuận lợi đóng cửa.

"Cháu tuyệt lắm," Meyers nói và xoa đầu Akili trên đường đi tới phòng điều khiển.

Ánh sáng mờ mờ lọt vào từ bên ngoài, cho thấy các đồng hồ đo quanh buồng lái.

“Đây là lần đầu tôi ngồi ghế phi cơ trưởng đấy,” Meyers nói khi ngồi xuống chiếc ghế bên tay trái và trượt nó về phía trước. “Yeager, anh ngồi cạnh tôi được không?”

“Anh chắc là tôi giúp được à?”

“Ừ. Chiếu đèn lên đồng hồ đo giùm tôi.”

Meyers mở danh sách kiểm kê. “Van nhiên liệu. Công tắc động cơ phụ,” anh lẩm bẩm một mình, tay lần lượt gạt từng công tắc lên. Đèn buồng lái bật lên, và các màn hình hiển thị cùng đồng hồ đo sáng lên đủ thứ màu.

Meyers lặp lại quy trình đó hai lần nữa và khởi động được cả hai động cơ. Trong buồng lái ngập tràn tiếng động cơ phản lực rền vang.

“Thế mới được chứ!” Meyers vui sướng nói.

Nhưng Yeager vẫn còn bất an. “Lúc nào cất cánh rồi tôi mới vui nổi.”

Pierce quan sát toàn bộ quá trình, và cuối cùng ngồi xuống ở cuối buồng lái với Akili trong tay. “Chúng ta hơi sớm hơn kế hoạch một chút, nhưng cứ cất cánh đi.”

“Thắt đai an toàn,” Meyers ngâm nga, rất ra dáng một cơ trưởng. Anh lại quay về phía trước. “Đi nào.”

Meyers đẩy nhẹ cần tiết lưu về phía trước, và động cơ gầm lên, máy bay bắt đầu di chuyển.

Yeager giật mình khi Meyers nhấc tay khỏi cần điều khiển. Có vẻ anh ta đang dùng một cái cần khác bên tay trái cho máy bay lăn bánh. Chiếc Boeing loạng choạng chạy dọc đường lăn, đánh võng sang hai bên. Khúc ngoặt ngay trước khi vào đường băng là một thử thách thực sự cho anh cơ trưởng mới vào nghề này. Anh cho máy bay chạy giật cục, nhưng cuối cùng cũng vượt qua được khúc ngoặt.

Chiếc Boeing đỗ lại sau khi hoàn thành cú chuyển hướng cuối cùng. Bên ngoài cửa sổ, con đường thoát hiểm của họ trải dài phía trước, sáng rực ánh đèn.

“Tần số sóng vô tuyến, đã kiểm tra; cánh tà, khóa; máy phát đáp

radar, đã bật...” Meyers kiểm tra lại thiết bị lần cuối. “Khi nào ở trên không trung,” anh nói với Yeager, “kéo cần này để thu càng lại.”

“Còn gì nữa không?” Yeager hỏi, lục lọi trí nhớ mình tìm kiếm những hiểu biết ít ỏi về máy bay. “Muốn tôi đọc tốc độ máy bay ngay trước khi cất cánh không?”

“Cái đó cũng quan trọng, nhưng tôi không biết con số chính xác.”

“Cái gì?”

Meyers cười, nhưng vẻ mặt anh vẫn căng thẳng. “Không sao đâu. Cứ làm đi thôi. Khi nào đồng hồ vận tốc đạt tới một trăm chín mươi hải lý, hãy hô ‘VR’.”

“Anh chắc chúng ta ổn chứ?”

“Tin tôi đi.”

Meyers đặt tay trái lên cần điều khiển, tay phải đẩy cần gạt tiết lưu đến góc chín mươi độ. Các động cơ bắt đầu tăng tốc, tiếng rền ban đầu còn khe khẽ dần trở nên chói tai.

“Mọi người sẵn sàng chưa?” Meyers lên giọng.

“Rồi.”

“Ga tự động, nhả phanh.”

Meyers đẩy cần tiết lưu lên hết cỡ, và chiếc Boeing phóng đi với tốc độ nhanh nhất. Yeager bị ép vào ghế. Máy bay nghiêng sang trái, và nỗi sợ hãi dâng lên trong họng anh. Anh còn chưa kịp thở, chiếc máy bay đã lao ầm ầm trên đường băng, dường như không thể dừng lại nữa.

Meyers nhìn chằm chằm vào đường thẳng chính giữa đường băng và đạp vào bàn đạp điều máy bay đi thẳng. Với phản lực ở mức tối đa, chiếc máy bay chạy băng băng, nghiêng ngả trái phải. Yeager chăm chú nhìn đồng hồ vận tốc. Họ vẫn chưa đạt tới một trăm chín mươi hải lý. Ngước lên, anh nhìn thấy điểm cuối của đường băng nhanh chóng tới gần. Cứ thế này, họ sẽ đâm thẳng vào hàng cây cuối đường.

“Meyers!” Yeager hét lên, và ngay lúc đó, Meyers kéo cần điều khiển. Mũi máy bay bắt đầu nâng lên, nhưng góc nâng quá nông. Đường băng biến mất phía dưới họ, nhưng hàng rào quanh sân bay

ngày một gần hơn.

Yeager chắc chắn họ sẽ bỏ mạng, cảm thấy bụng như hẫng đi. Cảm giác lơ lửng. Máy bay đã bay lên. Chiếc Boeing vượt qua hàng rào chỉ cách tầm chục phân, sượt qua những ngọn cây và bay vút lên bầu trời đêm.

Hai người trên ghế lái lặng thinh một thoáng. Cuối cùng Yeager cũng thả lỏng cơ thể căng cứng và đẩy cần gạt thu càng máy bay. Bánh trước và càng chính kẽo kẹt thu vào buồng chứa. Ánh sáng đỏ trên bảng điều khiển tắt đi.

Meyers tiếp tục kéo cần điều khiển, vẻ mặt lạnh băng. Cuối cùng, anh tỉnh táo lại và bắt đầu lặp đi lặp lại "Xin chào?" Có vẻ anh đang liên hệ với trạm kiểm soát không lưu. Toàn bộ chặng bay qua Đại Tây Dương của họ sẽ bị theo dõi trên radar.

Sau vài lời với kiểm soát viên, Meyers nói, "Có vẻ mọi thứ đều ổn. Họ không biết chúng ta đã cướp máy bay. Một lúc nữa tôi sẽ chuyển sang chế độ lái tự động."

"Anh làm tốt lắm, Meyers," Yeager khen ngợi. Theo ý anh thì màn cất cánh này chỉ đáng điểm C trừ, nhưng ít nhất họ vẫn còn nguyên vẹn. "Bao giờ chúng ta đến nơi?"

"Khoảng mười bốn tiếng nữa. Chỉ còn nửa ngày nữa là nhiệm vụ của chúng ta đã xong rồi."

Yeager gật đầu và thả mình vào ghế. Ngoài cửa sổ, bên kia vệt ánh đèn Cape Town, đại dương trải rộng. Lục địa rộng lớn, nơi họ tưởng chừng không thể thoát nổi, biến mất dần sau lưng họ.

Cuối cùng họ cũng rời khỏi châu Phi. Ngay tích tắc ý nghĩ ấy xuất hiện, Yeager cảm thấy một lực vô hình kéo mình trở lại. Như thể cả lục địa ấy, cái nôi của nhân loại mới trong suốt hàng triệu năm, đang vươn bàn tay khổng lồ của nó ra ngăn cản anh trốn thoát. Mình phải thoát ra, Yeager nghĩ. Phải rũ bỏ thứ sức mạnh hắc ám này. Thứ số phận quái ác đang muốn ngăn cản mình.

Anh liếc nhìn giờ và nhận ra thời hạn cái chết của con trai vẫn chưa đến. Justin vẫn còn sống. Cuộc đấu tranh của cha và con vẫn còn tiếp diễn.

Yeager thầm lặp lại kế hoạch của họ để chắc chắn không có gì bị bỏ sót, quyết tâm phải sống sót đến tận chặng cuối cùng, mười bốn tiếng đồng hồ nữa.

Kento hoàn toàn mất đi ý niệm về thời gian. Cậu liếc đồng hồ, đã 1 giờ sáng. Muộn như vậy, đám cảnh sát sẽ phải tạm dừng cuộc tra xét. Trước mắt, căn hộ này vẫn an toàn.

Quá thời gian dự kiến một chút, cậu dùng kỹ thuật sắc ký lớp mỏng để kiểm tra xem phản ứng đã kết thúc chưa. Quá trình tổng hợp GIFT 1 đã hoàn thành.

Kento nhấc bình thí nghiệm đặt trên máy khuấy từ lên và nhìn vào chất lỏng trong suốt bên trong. Nếu thí nghiệm thành công, nó sẽ chứa chất chủ vận có thể hoạt hóa GPR769 đột biến.

Kento vận dụng hết hiểu biết và kỹ năng từng học được để mày mò với phương thần dược mới chưa ai từng phát hiện. Để chiết được chất mong muốn từ dung dịch phản ứng, cậu hết sức cẩn thận bắt đầu quy trình chiết lỏng-lỏng. Quá trình chiết xuất sẽ cô lập chất hữu cơ không phân cực trong hỗn hợp phản ứng đưa vào một dung môi hữu cơ không phân cực, để lại các cấu tử phân cực không mong muốn trong pha nước phân cực. Tiếp theo, cậu cho bốc hơi dung môi hữu cơ kia, nhờ đó cô đặc các vật chất hữu cơ để dùng phép sắc ký cột tinh chế chúng. Phép sắc ký cột sẽ sử dụng các dung môi hoặc hỗn hợp dung môi thích hợp để rửa trôi các phụ phẩm và các chất hữu cơ không mong muốn khác, tách khỏi chất sản phẩm hữu cơ cần đạt được.

Khi chạy sắc ký cột, Kento có thể thấy bằng mắt thường ba dải chất tách thành ba lớp rõ ràng. Cậu lần lượt thu từng lớp vào các bình chứa khác nhau, thành các chất khác nhau.

Bình minh vừa hé, cậu cũng hoàn thành quy trình sắc ký cột. Cậu chuyển từng phần chiết vào một bình chứa dạng bầu và cho vào máy cô quay để bốc hơi dung môi, để lại chất rắn chỉ còn hơi ướt, và dùng bình làm khô chân không để bốc hơi nốt chỗ dung môi còn sót lại.

Chất rắn trong các bình vẫn chưa kết tinh mà còn ở trạng thái vô định hình và có bọt. Cậu đã thu được thành phẩm cuối cùng. Một trong ba chiếc bình kia đang chứa GIFT 1.

Trước khi trở nên xúc động quá, Kento nhấc di động lên. Vẫn chưa tới 9 giờ sáng, nhưng Jeong Hoon trả lời ngay lập tức.

"A lô?"

"Cậu vừa ngủ dậy à?"

"Không. Tớ dậy đợi từ sớm rồi," Jeong Hoon đáp. "Thế nào rồi?"

"Tớ xong rồi."

"Ừ. Giờ thì ta chỉ cần xác định cấu trúc."

"Có ba chất, và chưa chất nào kết tinh cả. Minh có thể kiểm tra tất cả bằng NMR. Tớ gửi cậu mang tới trường đại học luôn bây giờ được không?"

"Được, cứ gửi đi. Tớ giữ chỗ ở phòng thí nghiệm rồi."

"Tớ sẽ gửi kèm với mẫu cả một tờ ghi chú ghi cấu trúc của GIFT 1 nữa. Cậu nhờ bà cô ở phòng thí nghiệm kiểm tra kết quả được không?"

"Bà cô ở phòng thí nghiệm" ý nói đến chuyên gia phân tích quang phổ đang giám sát và bảo quản phòng thí nghiệm. Khả năng quan sát của cô vô cùng đáng kinh ngạc, và bất kể kết quả phân tích có phức tạp đến mức nào, chỉ cần liếc một cái vào biểu đồ cô đã biết được cấu trúc hóa học của mẫu. Nếu họ nhờ đến, chỉ cần một tích tắc cô sẽ xác định được đâu là GIFT 1. "Nếu nhờ cô ấy thì chúng ta có thể tiết kiệm thời gian gửi kết quả về."

"Đúng thế. Và tớ đã mua vé máy bay rồi."

Jeong Hoon sẽ tới Lisbon ngay tối hôm ấy.

"Chúng ta sắp đến đích rồi," Kento nói.

"Chỉ cần chúng ta không mất cảnh giác."

Kento gật đầu và đọc cho Jeong Hoon số điện thoại mới. "Từ giờ cậu gọi số này nhé."

"Xảy ra chuyện gì à?" Jeong Hoon hỏi. "Mọi thứ ổn chứ?"

"Tớ nghĩ vậy," là tất cả những gì cậu có thể nói. "Tối nay chúng ta nói chuyện vận chuyển thuốc sau"

“Tớ hiểu.”

Ngay sau khi cúp máy, Kento sắp xếp lại các mẫu chất để mang đi bằng mô tô, kiểm tra lại hai lần để đảm bảo mọi thứ được dán nhãn chính xác.

Giờ, họ đã có khả năng cứu được Justin Yeager. Vấn đề là đứa bé còn lại trong danh sách của họ. Kobayashi Maika có còn trong bệnh viện không? Hay có bé đã thua cuộc chiến với tử thần?

Kento nhớ đến lời Jeong Hoon nói và xốc lại tinh thần. Vẫn còn quá sớm để bỏ cuộc.

11 giờ đêm ở Bờ Đông, Rubens vừa rời khỏi Bộ quốc phòng và đến được bãi đỗ xe thì bị gọi lại.

“Chúng tôi cần anh quay lại,” Avery, một trong số thuộc cấp của anh tại trung tâm điều hành, nói qua điện thoại. “Chúng tôi tìm được dấu vết của Nous. Có vẻ họ đang rời khỏi châu Phi.”

“Bằng tàu thủy?”

“Không, Bằng phi cơ. Một máy bay của Aviation Specialties vừa bị cướp.”

Aviation Specialties là một công ty bù nhìn của CIA. Cảm thấy khó hiểu, Rubens vội vàng trở về tầng hầm Lầu Năm Góc.

Vừa qua cửa kiểm tra sinh trắc học và trở lại trung tâm điều hành, anh đã được Avery nhanh chóng cập nhật tình hình. “Yeager và đồng bọn cướp một máy bay CIA chở lậu vũ khí đạn được.”

“Ở sân bay nào?”

“Là sân bay trong Zeta Security.”

Rubens ấn tượng vô cùng. Họ đã bỏ qua không giám sát sân bay tại các công ty an ninh tư nhân.

“Bốn giờ trước, một nhân viên an ninh nhận thấy đèn đường băng vẫn bật, đi kiểm tra và phát hiện phi hành đoàn đang bị trói. Hiện tại chúng ta đang theo dõi chiếc máy bay bị cướp trên radar.”

“Họ đang đi tuyến đường nào? Có phải đang đến châu Á không?”

“Không. Họ đang vượt Đại Tây Dương theo hướng tây bắc.”

Rubens sững sờ. Vậy là họ đang hướng tới Bắc Mỹ?

“Tuyến bay này giống hệt như đường bay đăng ký của Aviation Specialties. Nếu bay tiếp, họ sẽ đáp xuống sân bay ở Recife.”

"Recife?”

“Ở rìa phía đông Brazil. Mũi nhô ra Đại Tây Dương. Hẳn là họ định cải trang thành đặc vụ CIA để lén lút nhập cảnh.”

Kế hoạch của họ không đơn giản thế chứ, phải không? Rubens nghĩ. Nhưng nếu đưa ra kế hoạch phản ứng dựa trên suy đoán này, chúng ta có thể để Nous trốn thoát. Thật đúng lúc, Eldridge gọi tới. Giám đốc điều hành chiến dịch Thần báo thù không giấu nổi nỗi bực bội vì tiến triển bất ngờ này. Ông ta chắc chỉ lo cái ghế của mình, Rubens nghĩ và mỉm cười.

“Tôi đã nắm tình hình,” Eldridge nói. “Tôi muốn anh cử hết nhân lực của CIA ở Brazil tới sân bay Guararapes.”

“Chúng ta có nên báo cho chính phủ Brazil?”

“Không cần. Đừng để ai ở Bộ ngoại giao dây vào. Sai lầm lớn đấy. Để một mình cộng đồng tình báo lo vụ này.”

“Đã rõ.”

“Tôi đang đến trung tâm điều hành,” Eldridge nói. “Lạy Chúa, thật là thảm họa!” ông ta bồi thêm, gần như là nhổ ra những chữ ấy trước khi đột ngột cúp máy.

Trung tâm điều hành tấp nập hẳn lên. Stokes, cố vấn quân sự của họ, đã ngồi ở vị trí, nhưng trước khi Rubens kịp chào, lại có một cuộc gọi đến, lần này là từ Holland. Nhận được cuộc gọi trực tiếp từ giám đốc CIA khiến Rubens như tìm được một tia hy vọng mong manh.

“Rubens, cứ nói năng bình thường. Đừng thưa ngài hay gì cả,” Holland nói ngay lập tức. “Nếu không họ sẽ biết anh đang nói chuyện với ai.”

“Ờm, được thôi,” Rubens nói, cố tỏ ra thoải mái.

“Anh nghe chi tiết chuyện xảy ra ở Zeta chưa?”

“Chưa.”

“Tôi vừa nói chuyện với một người tên Singleton ở đó. Theo lời ông ta, Warren Garrett đã chết.”

“Vậy sao?”

“Đúng thế. Yeager bảo ông ta thế”

Rubens lại có thêm một chuyện nữa để ăn năn. Con người dũng cảm ấy, người sắp sửa lột trần những tội ác của tổng thống Hoa Kỳ, đã trở thành nạn nhân của chiến dịch Thần báo thù mà không đạt được mục tiêu của mình. Điều thúc đẩy Garrett hành động chắc hẳn cũng là cảm giác cắn rứt lương tâm đang giày vò Rubens lúc này. Sự phẫn nộ vì bị những kẻ cầm quyền lừa dối và để mặc người khác thiệt mạng.

“Có khả năng bây giờ chiến dịch sẽ bị hoãn lại.” Giám đốc CIA hài lòng thấy rõ với cái chết của kẻ phản bội. Không nghi ngờ gì nữa, ông ta cũng vui vẻ vì Nous đã thoát và vì chương trình dẫn độ đặc biệt mình từng nhúng tay sẽ bị chôn vùi trở lại trong bóng tối.

Rubens tức giận Holland vì không thừa nhận lương tâm cắn rứt của mình, nhưng vào thời điểm này, giữ ông ta ở phe mình vẫn khôn ngoan hơn. Dù mục đích ngầm của chiến dịch Thần báo thù đã đạt được, anh vẫn không thể lạc quan. Vẫn còn một gã vô liêm sỉ và kiêu căng hơn Holland nhiều – con người quyền lực nhất thế giới, một kẻ sát nhân hàng loạt đồi bại – nhăm nhe loại trừ Nous.

“Anh nghĩ sao?” Holland nói. “Nếu các đặc vụ tập trung vào sân bay Guararapes, Nous cũng vẫn ổn chứ? Nó có trốn thoát được không?”

“Chúng tôi sẽ chỉ để số lượng đặc vụ tối thiểu tới đó.” Tốt nhất là để ngài giám đốc CIA tin rằng Yeager và nhóm người kia sẽ lẻn vào Brazil. “Nếu tìm được kẽ hở, tôi nghĩ nó sẽ ổn thôi.”

“Có lẽ anh nói đúng. Vậy được rồi.”

“Đây có phải là hành động duy nhất chúng ta đang tiến hành?” Rubens hỏi.

“Đúng vậy. Chiếc máy bay bị cướp đang ở khoảng giữa Đại Tây Dương, ngoài tầm máy bay chiến đấu của ta. Chiếc Boeing này dùng để giám sát hoạt động buôn lậu ma túy, vậy nên nó được gắn radar quân sự. Nếu cử máy bay giám sát AWACS ra, nó sẽ phát hiện ra ngay. Tốt nhất là để họ tới Recife.”

“Còn một việc nữa, chỉ để tham khảo thôi. Tầm bay của chiếc máy bay bị cướp là bao nhiêu?

“Hơn mười một nghìn cây một chút. Tính sơ sơ thì nó có thể đến được gần Miami.”

Cái tên một thành phố ở Mỹ khiến Rubens lo lắng. “Nó có phương thức tự vệ nào?”

“Không có gì cả. Trừ radar ra, nó giống hệt máy bay thương mại. Nếu cử máy bay chiến đấu ra, nó sẽ vô dụng. Tốt nhất là không để chính phủ Brazil biết gì cả.”

Nous có thể đi về đâu? Một lần nữa, Rubens lại thấy khó hiểu. Nếu bay chệch khỏi đường bay khi tới gần Recife, không quân Brazil sẽ cử phản lực ra chặn. Họ có trốn đi đâu thì kết quả vẫn vậy. Các nước láng giềng đều sẽ huy động không quân, và nếu trốn ra khơi, họ sẽ hết nhiên liệu. Nhưng Rubens biết chắc họ không định tới nội địa Hoa Kỳ. Nếu xâm phạm không phận Hoa Kỳ, họ sẽ bị bắn hạ ngay trong tích tắc.

“Radar thế nào rồi?” Meyers hỏi từ ghế cơ trưởng.

“Không có gì.” Yeager, đang ngồi ở cuối buồng lái theo dõi radar, ngẩng lên khỏi màn hình. “Không có dấu hiệu gì cả.”

Sáu giờ đã trôi qua kể từ khi họ rời Cape Town. Ngoài trời vẫn còn tối, và từ độ cao mười một nghìn mét, muôn vàn vì sao lấp lánh trên bầu trời đêm tưởng như nằm trong tầm với. Pierce đang ngồi ở ghế cơ phó, Akili trên đùi ông, và thằng bé đang lần theo từng ngôi sao một bằng ngón tay, như thể đang quan sát thiên văn.

“Chúng ta sẽ bận rộn sớm thôi,” Pierce nói, mắt nhìn đồng hồ. “Nhiên liệu sao rồi?”

“Kỳ quá, chúng ta dùng ít thật,” Mey nói.

“Đấy là vì chúng ta đang lợi dụng gió Tây ôn đới. Hơn nữa, ta đang ở chỗ dòng tia thổi mạnh nhất.”

Chiếc Boeing vẫn chưa chệch khỏi lộ tuyến đủ xa để gây nghi ngờ. Số liệu nhập vào chế độ lái tự động được đồng minh người Nhật của họ cập nhật khi cần thiết. Họ bắt đầu gọi nhân vật bí ẩn

này bằng bí danh Ema. Pierce là người đưa ra cái tên này, trong tiếng Kimbuti nghĩa là "mẹ".

"Ema là nhà khí tượng học à?"

"Cô ấy biết mọi thứ," Pierce cười nói, và quay sang Yeager. "Bên anh thế nào rồi? Mọi thứ sẵn sàng chưa?"

"Rồi. Mọi người qua đây cả được không?"

Họ đứng cả dậy. Chiếc máy bay ở chế độ lái tự động vẫn tiếp tục bay.

Họ đi vào khoang hành khách và bắt đầu xem xét dụng cụ nhảy dù. Ba người lớn mặc áo khoác cách nhiệt để chống lạnh, Yeager và Meyers giúp nhau đeo túi dù lên. Họ đeo hệ thống cấp oxy và thử lại các dây đai tự chế chuẩn bị cho nhảy dù đôi. Meyers dùng vòng đệm chữ V và móc khóa đa năng trước ngực nối vào bộ dây đai Pierce đang đeo, Giờ thì cơ thể hai người đã được gần chắc vào nhau.

Đầu Akili vừa đủ to để đội mũ bảo hiểm cỡ người lớn. Kinh và mặt nạ oxy vừa khít mặt nó. Nhưng vì người thằng bé quá nhỏ, họ không dùng dây đai mà để nó ngồi vào một cái ba lô treo giữa hai chân Yeager.

"Trông ổn rồi đấy," Pierce nói vẻ hài lòng. "Một chút nữa chúng ta sẽ đi chệch khỏi đường bay định sẵn. Nếu tới gần Brazil hơn nữa, họ sẽ cho tiêm kích ra chặn chúng ta."

Họ tháo trang bị và trở lại buồng lái.

Meyers ngồi lại vào ghế cơ trưởng, tay đặt lên cần điều khiển. "Một câu hỏi."

"Gì thế?"

"Sau khi chệch khỏi đường bay đăng ký, ông thực sự định tiến lên phía bắc đấy à? Nếu vào trong vùng nhận dạng phòng không Mỹ, họ sẽ cử máy bay tiêm kích đuổi theo chúng ta.

"Đây là đường bay duy nhất thỏa mãn mọi điều kiện."

"Nhưng nếu chúng ta bị bắn hạ, mọi chuyện sẽ kết thúc."

"Ema đảm bảo với tôi chúng ta sẽ ổn thôi."

"Nhưng đang ở vùng biển quốc tế không có nghĩa là ta có thể thư giãn. Các phương pháp đánh chặn của Hoa Kỳ bao gồm cả bắn hạ

máy bay trên vùng biển quốc tế.”

“Tôi cũng nghĩ việc này rất lạ,” Pierce đồng ý. “Nhưng lời nhắn của Ema đã rõ ràng: không cần lo chuyện bị bắn. Chỉ cần tập trung bay. Điều chúng ta cần chú ý là tới đúng địa điểm vào đúng thời gian. Nếu ta lo được chuyện ấy, mọi chuyện sẽ ổn thỏa.”

Meyers quay sang nhìn Yeager.

“Chúng ta đã đi xa thế này rồi, không có lựa chọn nào khác cả,” Yeager nói. “Chúng ta phải tin Ema.”

“Tôi không nghĩ ra chúng ta có thể làm sao đuổi được máy bay chiến đấu,” Meyers nói, tay nắm chặt cần điều khiển. “Nhưng thôi được rồi, đi nào.”

Pierce bế Akili ngồi xuống ghế cuối. “Sẵn sàng!” ông nói.

Meyers đẩy cần điều khiển về phía trước. Chiếc Boeing đang bay ở mười một nghìn mét, chúc mũi xuống biển và bắt đầu nhanh chóng hạ độ cao.

Khi chiếc máy bay bị cướp biến mất khỏi màn hình radar lúc một giờ sáng, lưu lượng trên mạng lưới liên lạc bí mật tại Washington, DC tăng vọt.

Và chưa đến một tiếng sau, tất cả các thành viên nội các có liên quan đến vấn đề an ninh quốc gia đã họp lại tại Phòng tình huống dưới tầng hầm Nhà Trắng.

Thấp thỏm đợi Jeong Hoon liên lạc lại, Kento thấy mình như chết rồi. Liệu họ đã thành công tổng hợp GIFT 1? Cuộc thử nghiệm cuối cùng trên tế bào chuột có suôn sẻ? Và còn lực lượng cảnh sát đang truy lùng cậu?

Nếu ra khỏi nhà, cậu có nguy cơ bị đám cảnh sát phát hiện, vậy nên việc tích trữ đồ ăn là không thể. Cậu chưa ăn gì suốt một ngày trời và chỉ có thể cầm cự bằng cách liếm chút đường, Ván cờ đã đến giai đoạn cuối, cậu phải tỉnh táo.

Trong khi cậu vật lộn với nỗi lo và cơn đói, sắp sửa từ bỏ và chìm vào giấc ngủ, cuộc gọi cậu vẫn chờ đợi cuối cùng cũng tới, ngay trước buổi trưa.

“Thành công rồi!” Jeong Hoon hét lên trên điện thoại. “GIFT 1 có trong các mẫu thử!”

Kento giật mình, hoàn toàn tỉnh táo. “Nhãn nào?”

"G1 7B.”

Ba bình thủy tinh xếp hàng trên bàn, dán nhãn từ 7A tới 7C. Kento nhấc bình ở giữa lên và nhìn nó, vô cùng xúc động.

“Cậu làm được rồi, Kento!” Jeong Hoon đẩy hết công lao cho Kento, dù chính cậu đóng vai trò cốt yếu trong quá trình phát triển thuốc.

“Không đời nào. Tớ không thể làm được nếu thiếu cậu” Kento nói và cười lớn. “Ồ, còn mấy tế bào cậu nhờ Doi xem thì sao?”

“Cái đó mất thời gian hơn chút. Chúng sẽ tới chỗ cậu khoảng lúc bốn giờ.”

“Được rồi.” Kento xem lại lịch trình cuối cùng. Jeong Hoon sẽ bay tới Lisbon tối nay. “Khi nào cậu rời khỏi trường?”

“Nếu đi từ bảy giờ, tớ sẽ đến sân bay Narita lúc tám giờ. Chuyến bay cất cánh lúc mười giờ.”

“Vậy thì hẹn cậu trước bệnh viện trường lúc bảy giờ. Tớ sẽ mang

GIFT theo.”

“Duyệt.”

Ngay khi cúp máy, Kento bắt đầu tất bật. Cậu biến đổi GIFT 1 và GIFT 2 thành hydrochloride, để có thể tan trong nước, điều chỉnh nồng độ và cho lũ chuột uống thuốc.

Trong bốn chuồng, có hai mươi tư con chuột bình thường, và mười chín con còn lại nhiễm PAECS. Kento cho mười con chuột trong mỗi nhóm dùng thuốc theo liều lượng phần mềm GIFT chỉ dẫn. Cậu lần lượt đặt từng con chuột lên tay, dùng xi lanh gắn ống dài tiêm thẳng thuốc vào dạ dày lũ chuột. Cậu đã tập luyện động tác này rất nhiều lần, và cả quá trình diễn ra nhanh chóng.

Tiếp theo, cậu đo độ bão hòa oxy trong động mạch. Chỉ cần một cái kẹp nhỏ gắn vào tai con chuột là cậu biết lượng oxy trong mạch máu chúng. Nếu chỉ số này ở lũ chuột nhiễm bệnh tăng lên, cậu sẽ biết thuốc có hiệu quả.

Nhưng thử thuốc chiếu lệ thế này có đủ không? Đã tới lúc này, Kento vẫn còn nghi ngờ. Nhưng dù vậy, tới thời điểm bị dồn vào chân tường thế này, họ cũng không còn thời gian kiểm tra trao đổi chất và độc tính nữa. Tất cả những gì cậu có thể làm là tin vào tính toán của GIFT.

Ba mươi phút sau khi dùng thuốc, kết quả đã bắt đầu xuất hiện. Đúng như GIFT đã dự đoán. Các chỉ số của lũ chuột không uống thuốc tiếp tục giảm xuống, những con đã uống thì giữ nguyên. Nhưng kết luận vào lúc này vẫn còn quá sớm. Cố tự nhủ phải bình tĩnh, Kento bắt đầu đi sắp xếp các ghi chép thí nghiệm và chuyển chỗ thuốc cần gửi tới Lisbon sang bình chứa khác, không quên kiểm tra các chỉ số nửa tiếng một lần.

Sau một tiếng, rồi hai tiếng, số liệu trên biểu đồ của hai nhóm có sự khác biệt rõ rệt. Sau ba tiếng, Kento bắt đầu hy vọng chỉ số của lũ chuột đã uống thuốc sẽ tăng. Và bốn tiếng sau, cậu hoàn toàn chắc chắn về điều này. Chức năng phổi của lũ chuột đang dần hồi phục. Các phế nang phổi đã lấy lại khả năng thông khí và bắt đầu đẩy oxy đi khắp cơ thể.

Kento ngỡ ngàng chứng kiến lũ chuột đang ngấp nghé trên bờ tử vong nhúc nhích trở lại, dù chậm chạp, và uống nước từ thiết bị cấp nước. Cậu không tin nổi vào mắt mình. Hiệu lực của thứ thuốc mới này mạnh đến kinh người. Thứ thuốc dị lập thể bổ sung này mạnh tới mức, trong một thoáng, cậu nghĩ mình chỉ đang ảo giác vì thiếu ngủ.

Cậu vừa bắt đầu nghiền ngẫm lại các biểu đồ trong nhật ký thí nghiệm để đảm bảo không có sai sót gì, bên ngoài bỗng có tiếng đập cửa ầm ầm.

Kento sửng sốt, thiếu chút nữa là hét lên.

Cảnh sát.

Nhóm điều tra viên đã tìm thấy căn hộ của cậu.

Nhưng rồi có tiếng hô lên "Dịch vụ chuyển phát đây", và cậu thả lỏng cơ thể. Những tế bào nhờ Doi biến đổi gene cuối cùng cũng đến.

Khi cậu mở cửa, người đàn ông đứng đó chắc chắn là một nhân viên chuyển phát, chứ không phải một tay cảnh sát đóng giả. Kento nhận lấy bưu phẩm, khóa cửa và trở lại phòng thí nghiệm.

Bưu phẩm là một hộp bìa các tông nhỏ, bên trong đựng bốn bình nhựa và vài thứ dụng cụ vô trùng, cùng một mẩu giấy nhớ ghi quy trình thí nghiệm. Những con chữ mà cậu đoán là chữ viết của Doi giải thích chi tiết cậu ta tiến hành thử nghiệm liên kết như thế nào.

Các bình kia chứa tế bào buồng trứng chuột lang Trung Quốc đã đưa gene của chuột nhiễm bệnh vào. Thụ thể – GPR769 đột biến gây ra PAECS – bị buộc phải biểu hiện lên màng tế bào. Thêm vào đó, thụ thể này cũng được đánh dấu huỳnh quang bằng một tác chất đặc biệt, nhờ đó nó phát ra ánh sáng xanh dương khi hoạt hóa. Nói cách khác, nếu GIFT 1 và GIFT 2 khiến các thụ thể phát sáng, vậy thì quá trình phát triển thuốc mới đã thành công.

Kento xem lại quy trình thí nghiệm, và cậu hoảng lên mất một giây vì không có máy đọc khay vi thể, nhưng khi thấy dòng chữ *Nếu chỉ cần xác nhận có ánh sáng phát ra không, có thể nhìn bằng mắt thường,* cậu thở ra một hơi nhẹ nhõm.

Bây giờ chỉ còn là một cuộc đua với thời gian để chuẩn bị sẵn

sàng mọi thứ. Cậu không có mấy kinh nghiệm về vấn đề này, nên việc chuẩn bị tốn khá nhiều thời gian. Chỉ chuyển các tế bào qua đĩa petri thôi cậu đã thấy khó khăn. Cậu làm mọi thứ thật cẩn thận để tránh sai sót, và gần một tiếng sau, quá trình chuẩn bị mới xong xuôi.

Các tế bào biến đổi gene được san ra trên mặt đĩa kính tròn. Cậu dùng pipet hút một ít dung dịch GIFT 1 và từ từ nhỏ giọt lên trên các tế bào.

Không có gì xảy ra ngay lập tức. Nếu dữ liệu từ lũ chuột là chính xác, các thụ thể bắt cặp với protein G sẽ hoạt hóa trong vòng ba mươi phút, vậy nên GIFT phải bắt đầu liên kết từ trước đó.

Nhưng ba mươi phút sau, ánh sáng xanh vẫn không xuất hiện. Kento bắt đầu hoảng. Cậu làm sai gì sao? Hay GIFT 1 không liên kết với các thụ thể?

Cậu rời khỏi bàn, đi đến tủ và đo lại chỉ số của lũ chuột. Độ bão hòa oxy trong động mạch của nhóm được uống thuốc đã tăng thêm nữa. Vậy thì tại sao mấy tế bào kia lại không thay đổi gì?

Kento quay lại nhìn đĩa petri, và chợt nhận ra, Căn phòng quá sáng nên mắt thường không nhìn được ánh sáng yếu ớt những tế bào kia phát ra. Cậu tắt bóng đèn huỳnh quang trên trần, lần mò lại gần trong bóng tối và căng mắt ra nhìn bàn thí nghiệm. Và kia, trong đĩa thủy tinh nhỏ, là vô số những đốm sáng xanh. Nhận thức ấy như xuyên thủng cậu, và lông tóc trên người cậu dựng hết cả lên.

Hoạt hóa rồi.

Cậu nhìn mà không thể thốt nên lời, còn các thụ thể và GIFT nối tiếp nhau liên kết lại, thắp sáng thêm những đốm xanh mới trên đĩa petri.

Cậu đã tạo ra một thứ thuốc chưa ai từng tạo ra trong lịch sử loài người. Tới giây phút này, chỉ có một người duy nhất – cậu, Kento – có thể xác nhận rằng GPR769 đột biến đang được kích hoạt. Tự nhiên đang để lộ chân tướng giấu kín cho cậu, chỉ mình câu.

Một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng Kento, và cả một con ngây ngất chưa từng biết nữa. Não bộ con người hẳn phải có một hệ thống khen thưởng dành cho những khám phá trí tuệ, cậu nghĩ. Cậu

tắm mình trong niềm vui thầm lặng ấy, một nụ cười nở ra trên khuôn mặt cậu, không phải vì khoái trá hay hạnh phúc. Một nụ cười theo kiểu cậu chưa từng trải nghiệm trong đời. Và cậu chợt nhận ra: đây cũng là nụ cười của cha cậu khi ông bảo cậu, "Bố chỉ không thể từ bỏ nghiên cứu mà thôi."

Đây chính là khoa học, Kento nhận ra. Cha cậu chưa từng có bất cứ thành tựu lớn lao nào mang tên mình, nhưng trong quá trình nghiên cứu mỗi ngày, ông có rất nhiều khám phá nhỏ chỉ mình ông biết. Và sự phấn khích ấy thúc đẩy ông tiếp tục. Tìm tòi những bí ẩn của tự nhiên đem lại cho ông – và giờ đây là con trai ông – một niềm vui quay cuồng,

Kento đang ngồi đó, vui sướng khôn tả, thì chợt nghĩ về mặt kia của khoa học và công nghệ – mặt trái kinh khủng của nó. Những nhà khoa học phát minh ra bom nguyên tử hẳn cũng từng đắm mình trong thứ niềm vui ấy. Không phải thôi thúc giết người hàng loạt thúc đẩy họ vùi mình phát triển bom nguyên tử. Chẳng phải họ đã phấn khích vì triển vọng có thể hiện thực hóa lời tiên tri của Einstein ư? Vì có thể đem lại một nguồn năng lượng khổng lồ mới cho nhân loại? Cảm giác ngây ngất vì hành động khiêu chiến tương lai, với xã hội loài người, luôn là một con dao hai lưỡi.

Kento đứng dậy. Cậu bật đèn lên, mặc áo khoác và chuẩn bị ra ngoài. Cậu chia thứ thuốc quý giá này vào hai lọ riêng biệt cho Justin Yeager và Kobayashi Maika. Đủ liều dùng nửa năm cho mỗi đứa bé.

Ngay lúc đó, có tiếng gõ cửa.

Kento đứng yên và lắng nghe.

Tích tắc sau, tiếng gõ lại vang lên từ bên kia cánh cửa mỏng. Cậu cố giả vờ mình không ở nhà, nhưng dù đó là ai, họ cũng không chịu đi. Người đó tiếp tục gõ cửa không ngừng. Có thể hắn nhờ kim đồng hồ điện vẫn quay mà biết ai đó vẫn còn trong căn hộ.

Nhưng Kento không còn sợ nữa. Quyết tâm bất chấp tất cả để phát triển thuốc giờ đã trở thành tức giận. Cậu nhét thuốc, nhật ký thí nghiệm, di động và máy tính vào ba lô và đứng ra trước cửa.

"Ai vậy?" cậu hỏi.

“Cảnh sát đây,” một giọng đàn ông vang lên. “Tôi có vài câu hỏi cho anh.”

“Đợi một giây.”

Kento đi giày, mở khóa, vặn tay nắm và mở cửa ra.

Một người gầy gò đứng đó, và khi thấy mặt Kento, ánh mắt anh ta ngay lập tức thay đổi. “Anh là Koga Kento?”

Kento nhanh chóng quay đi, nín thở và ném ống nghiệm trong tay vào gã cảnh sát.

Gã rên lên đau đớn, cúi gập người và bắt đầu nôn mửa. Ống nghiệm mà Kento chuẩn bị để phòng thân chứa một hợp chất, tuy không độc lắm, nhưng lại bốc mùi kinh khủng, kinh khủng tới mức người ta không thể lên nổi tàu điện ngầm dù dính chỉ một giọt. Và đi tắm cũng không hết mùi. Cậu khá chắc tay cảnh sát này sẽ phải tạm nghỉ việc ngày mai.

Kento lẻn qua gã, gã vẫn quỳ bò ra mà nôn, và chạy nhanh hết sức có thể xuống cầu thang bên ngoài. Mặt trời đã lặn. Cậu liếc đồng hồ và thấy đã sáu giờ.

Mình ổn mà, Kento tự nhủ, nhìn quanh tìm một chiếc taxi. Jeong Hoon có hai tiếng từ lúc đến sân bay tới khi máy bay cất cánh. Nếu cậu đi thật nhanh đến bệnh viện, cậu bạn vẫn có thể đến sân bay đúng giờ. Đói, kiệt sức, chân cẳng run rẩy, Kento gom hết chút sức lực cuối cùng và chạy qua phố.

Bất kể chuyện gì xảy ra, mày cũng phải giao được thuốc.

Và cứu sống Justin cùng Maika.

Chiếc Boeing 737 bay ở độ cao cực kỳ thấp, thấp đến tưởng như đâm tới nơi.

Đồng hồ đo độ cao hiển thị khoảng một trăm mét, nhưng với Yeager, giờ đang ngồi ở ghế phó lái, trông chiếc máy bay như thể đang lướt trên bề mặt đại dương. Đại dương, tới giờ vẫn mang một màu đen tuyền, đang bắt lấy những tia nắng đầu tiên, thi thoảng có những ngọn sóng bạc đầu cho thấy bình minh đã tới.

Meyers, vẻ đầy quyết tâm, nắm chặt cần điều khiển, không chùn

bước trước tiếng cảnh báo độ cao quá thấp. “Chúng ta đang ở đâu?” anh hét lên.

“Cách Miami khoảng bốn trăm năm mươi kilômét về phía đông nam,” Pierce đáp. Ông nhìn máy tính xách tay và truyền đạt lại các chỉ dẫn từ Nhật Bản. “Tăng độ cao sau một phút hai mươi lăm giây nữa. Hướng về phía đông-đông bắc. Chúng ta sẽ biết được tuyến đường chính xác sau khi bay lên cao hơn.

“Chúng ta sẽ bay lên ở đây?”

Tăng độ cao đồng nghĩa với việc họ sẽ xuất hiện trở lại trên radar.

“Tại sao ta không bay chệch năm mươi kilômét về phía đông? Cố tình bay vào vùng nhận dạng phòng không thì điên quá. F-22 sẽ găm được chúng ta ngay.”

“Ema kiểm soát được mọi thứ rồi. Cứ bay lên đi. Yeager, anh nhớ cách vận hành chế độ lái tự động không?”

“Làm tốt.”

Cần điều khiển chế độ bay tự động, nằm ở nửa trên bảng điều khiển, là một thiết bị đơn giản chỉ có một cần gạt và một công tắc nhỏ.

“Từ đây, tất cả mọi thứ đều phải tính bằng giây. Miễn là không phạm lỗi, chúng ta sẽ không bị bắn hạ.” Pierce liếc chiếc máy tính trên đùi rồi nói tiếp. “Bắt đầu bay lên sau hai mươi giây nữa. Tăng tốc đến bốn trăm ba mươi hải lý, nâng góc mười lăm độ. Sau đó giữ độ cao mười nghìn mét.”

“Rõ,” Meyers nói.

Pierce bắt đầu đếm ngược, và Meyers kéo cần điều khiển khi về không. Mũi máy bay nghếch lên khỏi mặt biển phía dưới, và họ bay lên bầu trời âm u.

Tiếng hét vang lên khắp trung tâm điều hành chiến dịch Thần báo thù khi chiếc Boeing hiện ra trên radar. Từ lượng nhiên liệu có trong chiếc máy bay bị cướp, họ đã kết luận nó đã rơi.

Trong trung tâm điều hành, Rubens tập trung vào màn hình trước

mắt anh. Màn hình hiển thị hình ảnh từ NORAD và Nhà Trắng, kết nối nhau nhờ một hệ thống hội nghị qua video. Trên màn hình là hình ảnh bán đảo Florida và một dấu hình tam giác cho thấy vị trí và hướng bay của chiếc Boeing trên Đại Tây Dương.

Chiếc máy bay đột nhiên xuất hiện trong không phận của họ có thực sự là chiếc máy bay CIA bị cướp? Trong Phòng tình huống tại Nhà Trắng, ngài chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng Liên quân Hoa Kỳ yêu cầu một vị tướng không quân xác nhận.

“Không thể là gì khác,” vị tướng đáp ngay lập tức. “Chúng tôi sẽ cho máy bay đánh chặn cất cánh trong chưa đầy một phút nữa.”

“Ông có chắc mạng lưới liên lạc không bị xâm nhập?” ngài chủ tịch tham mưu nói thẳng vào điểm chính. Rốt cuộc thì không quân cũng từng bị đánh cướp một chiếc máy bay không người lái Predator.

“Không đâu. Chúng tôi đang cử Raptor đi, chứ không phải máy bay điều khiển từ xa.”

Quan sát tình hình dần thay đổi, Rubens bắt đầu sợ hãi. Và khi có xác nhận rằng một phi đoàn bốn chiếc F-22 đã cất cánh từ sân bay căn cứ không quân Eglin, nỗi lo của anh chỉ càng tăng lên. Chiếc máy bay thương mại không thể chống lại tên lửa không đối không. Chắc chắn nó sẽ bị bắn hạ.

Tuy nhiên – Rubens cau mày. Còn điều gì đó khiến anh nghĩ ngợi mãi, mà không biết là gì.

Không phận bốn trăm năm mươi kilômét, đông nam Miami.

Vị trí chiếc Boeing xuất hiện hẳn phải có ý nghĩa gì đó. Rubens lục lại trong trí nhớ và cuối cùng cũng tìm ra. Từng có một vụ việc liên quan tới một tay quản lý cấp trung trong một băng đảng ma túy. Gã này đang trên đường đến Hoa Kỳ trong phi cơ riêng, thì cơ trưởng đột nhiên bị ngất, khiến chiếc máy bay suýt thì rơi xuống biển. Gã bằng cách nào đó giữ được máy bay cân bằng và tiếp tục bay lên, nhưng trước đó, chiếc máy bay đã bị radar của lực lượng phòng không Hoa Kỳ dò ra. Và chiếc phi cơ nhỏ vô danh này xuất hiện trở lại trên màn hình radar chính xác tại bốn trăm năm mươi kilômét phía đông nam Miami.

Dần dần, Rubens hiểu được ý định của Nous. Vì vụ việc với băng đảng kia, NORAD buộc phải đánh giá lại hệ thống phòng thủ không trung. Một kế hoạch hành động mới, bao gồm vị trí đóng quân của F-22, hẳn đã được truyền đến các cơ quan hữu quan thông qua mạng lưới liên lạc của quân đội. Và Nous – hay đúng hơn là Ema ở Nhật Bản – đã xâm nhập và lấy được thông tin mật này. Và biết được hành động ứng phó của lực lượng phòng không khi có máy bay không xác định xâm phạm vào vùng trời Mỹ. Những chiếc F-22 vừa cất cánh là do Ema nhử ra.

"Chiếc máy bay bị cướp đã đổi hướng," một giọng nói vang lên, và Rubens ngẩng đầu.

Hình tam giác trên màn hình CG vốn đang hướng về phía bắc, giờ đã xoay về hướng đông-đông bắc. Một lần nữa, Rubens lại phải băn khoăn về ý định của Nous. Chiếc Boeing đã rời khỏi bán đảo Florida và đang bay về phía biển. Nó hướng về biển Sargasso – vùng nước nguy hiểm, nơi vô số tàu biển từ thời Khám phá đã chìm. Nếu đi tiếp hướng đường này, họ chỉ có thể hạ cánh ở Bermuda, nhưng nếu thực sự hạ cánh ở đó, họ sẽ không thể chạy đi đâu trên hòn đảo nhỏ xíu đấy. Nous và đồng bọn sẽ chỉ có thể chịu một trong ba số phận: bị máy bay đánh chặn bắn hạ, bị dồn vào vòng vây, hay hết nhiên liệu và đâm xuống biển.

"Mối đe dọa đã lui," ngài chủ tịch Hội đồng tham mưu lên tiếng, nhìn sang tổng tư lệnh xin chỉ thị. "Chúng ta nên đối phó thế nào nếu chiếc máy bay này ra khỏi vùng nhận dạng phòng không?"

"Cứ đuổi theo" tổng thống Burns trả lời qua màn hình. "Anh hiểu chứ?"

"Vâng, thưa ngài tổng thống," giám đốc chiến dịch Thần báo thù đáp, giọng the thé. Với Eldridge, tình huống hiện tại chẳng khác nào một cơn ác mộng. Chiến dịch hoàn toàn vượt ra ngoài tầm kiểm soát, và không ngờ gì nữa, ông ta chắc đang lo sợ cho con đường sự nghiệp của mình.

Rubens nhìn chằm chằm vào màn hình hội nghị, hy vọng thấy được phản ứng của Holland. Anh thấy ông ta giữa những người đang

ngồi. Anh không thể nhìn thấy biểu cảm của Holland, nhưng thấy một người nhanh chân đến bên và đưa ông ta một mảnh giấy, Holland đeo kính và nhìn vào lời nhắn. Trong một tích tắc, ngài giám đốc CIA như thế đóng băng. Holland yếu ớt lắc đầu và nói với tổng thống Burns. “Có tin mới. Nước Mỹ đang bị tấn công”

Burns cau mày, “Cái gì?!”

“Nhà máy điện ở Alaska, Wisconsin, Michigan và Maine vừa chịu tấn công mạng và không còn sản xuất điện nữa. Đồng thời trong hệ thống điều khiển tại ba mươi lăm nhà máy điện hạt nhân khác xuất hiện bất thường, và họ đã dừng hoạt động.”

Cả trong Phòng tình huống và cả trung tâm điều hành chiến dịch Thần báo thù, yên lặng ngự trị trong khi tất cả mọi người cố gắng tiêu hóa cú sốc này.

“Nếu không sớm khôi phục hoạt động, hàng chục ngàn người sẽ chết rét. Và tiện thể...” Holland ngần ngừ. “Cuộc tấn công mạng bắt đầu đúng lúc máy bay chiến đấu cất cánh.”

Thì ra đây là con át chủ bài cuối cùng của họ, Rubens nhận ra. Những người siêu việt này đã tàn nhẫn phản công nhằm bảo vệ giống loài của mình. Ema sẽ làm tất cả để ngăn cản máy bay đánh chặn kia bắn tên lửa.

Chiếc taxi rẽ khỏi đường cao tốc tại Kinshicho. Bệnh viện trường đại học ở gần đấy. Kento đã muộn mười lăm phút so với kế hoạch, nhưng cậu cầu rằng mình có thể đến đúng giờ nếu đưa thuốc cho Jeong Hoon ngay lập tức, Jong Hoon định đi mô tổ tới sân bay Narita nên sẽ tránh được tắc đường.

Khi cậu đang chỉ đường cho tài xế đến bệnh viện, điện thoại reo, Kento nhìn màn hình thấy đó là cuộc gọi tử Jeong Hoon. Cậu áp điện thoại lên tại, bắt đầu lo lắng có chuyện xảy ra. “A?”

“Kento? Câu đâu rồi?”

“Rất gần rồi. Tớ sẽ đến trong ba phút nữa.”

“Đợi đã,” Jeong Hoon hạ giọng như thể say bị nghe lớn. “Có lẽ cậu không nên đến.”

“Tại sao không?

“Tớ đang ở cửa bệnh viện. Có một cái xe đỗ ở đáy lâu lắm rồi. Gã tài xế đang theo dõi cửa ra vào.”

Khả năng là cảnh sát đang giám sát bệnh viện. Họ theo dõi nhà bố mẹ và phòng thí nghiệm trường cậu, và giờ còn cả bệnh viện trường đại học nữa. Kento nhanh chóng che tay lên điện thoại. “Tôi xin lỗi,” cậu nói với tài xế, “anh có thể dừng tạm ở đâu đấy không?

“Được thôi,” tài xế đáp. Anh ta đổi làn và dừng lại bên đường.

Kento trở lại với cuộc gọi. “Cái xe không có vẻ gì là sẽ rời đi sớm hả?”

“Không,” Jeong Hoon nói. “Ta nên làm gì đây? Có lẽ ta nên gặp nhau ở đâu đó khác.”

“Không. Đợi tớ chút.”

Nếu không lẻn qua được mấy tay cảnh sát để vào bệnh viện, cậu sẽ không đưa được thuốc cho Kobayashi Maika. Jeong Hoon có thể đi thay cậu, nhưng để một sinh viên trao đổi người Hàn Quốc không ai quen đi thì không được. Cậu ta sẽ không bao giờ tới được phòng hồi sức tích cực, chứ chưa nói gì đến tới chỗ Maika. Kento đột nhiên nghĩ: Maika có còn sống không? Nếu cô bé đã chết, cậu sẽ tự đặt mình vào nguy hiểm mà chẳng vì cái gì cả.

Không, Kento quyết định. Mình đã đi xa đến thế này vì cô bé thì không thể bỏ cuộc. “Chúng ta sẽ đi đường khác, cậu nói với tài xế. “Làm ơn đến cửa sau của bệnh viện. Rẽ phải ở phố tiếp theo.”

“Ngã tư thứ hai à?” tài xế nói. Anh ta bật xi nhan và lại nhập vào dòng xe.

“Jeong Hoon, Kento nói vào điện thoại. “Tớ sẽ vào từ cửa sau. Cậu có thể đảm bảo cho cái xe ở cửa trước đứng yên không?”

“Đảm bảo.”

“Đừng cúp máy”

Kento lôi tai nghe ra khỏi ba lô và cắm vào điện thoại. Như vậy cậu có thể nói chuyện mà vẫn rảnh tay.

Taxi rẽ vào một con phố nhỏ. Đèn pha chiếu lên bức tường bê tông bao quanh bệnh viện.

Kento nghiêng người nhìn về phía trước, kiểm tra dọc hai bên đường có ô tô nào đáng ngờ không. Trông có vẻ ổn. Có vẻ không có cảnh sát giám sát nơi này.

Taxi đỗ lại ở cửa sau, Kento nhanh chóng trả tiền cho tài xế và xuống xe. “Không có động tĩnh gì chứ?” cậu hỏi.

“Tất cả đều ổn,” cậu nghe Jeong Hoon nói.

Kento thì thầm một lời cầu nguyện cho Kobayashi Maika, rồi đi vào trong và nói chuyện với người bảo vệ ở bàn lễ tân. “Tôi có bưu phẩm cho bác sĩ Yoshihara ở khoa nhi.”

“Anh là...” ông ta hỏi.

“Doi, khoa dược Đại học Khoa học Tự nhiên và Xã hội Tokyo.” Tim Kento đập hụt một nhịp. Một bóng người xuất hiện trên lớp kính quầy lễ tân. Gã cảnh sát Kadota từng xông vào căn hộ của Kento mang theo lệnh khám nhà. Gã ra khỏi một chiếc xe đen trong góc bãi đỗ xe trong khuôn viên bệnh viện và đi nhanh về phía Kento.

“Được rồi. Anh đi đi,” ông bảo vệ nói.

Kento đi vào tòa nhà chính và chạy vội đến thang máy, nhưng rồi nghĩ lại. Nhờ màn hình hiển thị phía trên thang máy, Kadota sẽ biết cậu lên tầng mấy.

Giọng Jeong Hoon vang lên trong tai nghe. “Kento? Cậu có đó không? Người trong xe vừa xuống và đang chạy về phía bệnh viện.”

“Có một tay cảnh sát ngay sau tớ,” Kento nói, chạy về phía cửa cầu thang bộ. “Chúng biết tớ ở đây.”

“Nên làm gì bây giờ?”

“Ở yên tại chỗ. Sau khi đưa thuốc lên phòng hồi sức tích cực trên tầng sáu, tớ sẽ tìm đường ra ngoài.”

“Hiểu rồi.”

“Tớ tắt máy đây.”

Kento tắt nguồn di động và chạy lên cầu thang. Cậu lên đến tầng sáu, đẩy mở cánh cửa kim loại và bước vào một hành lang dài trong khoa hồi sức tích cực. Cậu còn bao nhiêu thời gian trước khi mấy tay cảnh sát tới đây? Cuối hành lang là một cánh cửa xoay, và nhìn qua ô kính trên cửa, cậu có thể thấy dãy thang máy. Không có người. Cậu

vẫn ổn.

Kento đi vào phòng hồi sức tích cực và nhìn qua bức tường kính. Vừa cầu rằng Maika vẫn còn sống, cậu vừa tìm kiếm cô bé trong phòng và thấy một nhóm người tụ tập phía bên trái. Một bác sĩ và vài y tá mặc áo trắng, cùng một cặp vợ chồng hẳn là cha mẹ cô bé vây quanh một chiếc giường.

Người phụ nữ chắc là mẹ Maika đang gạt nước mắt, và những người còn lại đứng đó, yên lặng cúi đầu. Không thể được! Kento nghĩ và bước sang bên cạnh để thấy rõ giường giữa đám đông. Cậu thấy cô bé được cắm ống truyền, đeo mặt nạ dưỡng khí. Khi thấy lồng ngực cô bé vẫn phập phồng, Kento muốn nhảy lên vì sung sướng. Kobayashi Maika vẫn còn sống.

Cậu nhìn sang hai bên để đảm bảo mình vẫn an toàn. Hai gã cảnh sát vẫn chưa tới tầng này. Cậu phát hiện Yoshihara đứng cạnh giường và giơ tay lên để gọi.

Yoshihara, đang nói chuyện với một bác sĩ lớn tuổi hơn, nhận ra cậu. Anh nhìn Kento vẻ bối rối và cất bước về phía cậu.

Yoshihara đi qua cửa tự động, ra tới hành lang và kéo khẩu trang xuống. Trông anh có vẻ khó chịu. “Sao cậu tới đây muộn vậy?”

“Con bé sao rồi?”

Yoshihara thẫn thờ lắc đầu. “Anh e là hết hy vọng rồi. Anh nói với bố mẹ Maika rằng cô bé không qua được đêm nay.”

Nhưng những lời lẽ đáng thất vọng ấy chỉ càng cổ vũ Kento. Cậu đã đến kịp. Họ chỉ cần ba mươi phút để GIFT thể hiện khả năng của mình.

“Vậy sao cậu lại ở đây? Cậu muốn thăm con bé?”

“Không. Em mang đến thuốc trị xơ cứng phổi.”

Yoshihara nhăn mặt. “Anh không nghe nhầm đấy chứ?”

Kento lục ba lô và lôi ra một túi nilon. Bên trong là vô số hộp nhựa nhỏ. “Trong này có đủ thuốc cho nửa năm nếu mỗi ngày anh cho cô bé một viên qua đường miệng. Anh phải cho nó uống ngay.”

Nhưng Yoshihara chỉ càng hoài nghi hơn. “Ai chế ra thuốc này vậy?”

Kento nghĩ nhanh ra một lời nói dối. “Là thuốc đông y. Nó được thử rồi, và nó an toàn.”

“Cho anh xin. Anh tìm hiểu cái bệnh này chán rồi. Chẳng có thứ thuốc đông y nào trị xơ cứng phổi cả.”

“Em thử trên chuột rồi.” Kento cố kìm lại không hét lên. “Nó có tác dụng ngay lập tức. Cho con bé uống đi, và phổi nó sẽ phục hồi. Kiểm tra độ bão hòa oxy trong động mạch đi và anh sẽ thấy kết quả ngay lập tức.”

“Nhưng cậu chưa làm thử nghiệm lâm sàng, đúng không? Nếu anh cho Maika uống thuốc, hội đồng y đức trong bệnh viện sẽ lột da anh.”

“Khỉ thật, ai quan tâm y đức chứ?!” Kento phản bác.

Yoshihara giận dữ. “Cậu điên à? Cậu thực sự nghĩ anh sẽ cho bệnh nhân uống thuốc mà mình chả hiểu quái gì cả?”

“Nhưng nếu anh không làm gì cô bé sẽ chết!”

Cuối hành lang, tiếng báo hiệu thang máy vang lên. Kento giật mình, nhìn ra. Bên kia cánh cửa quay, hai y tá bước ra khỏi thang máy. Cậu quay lại nhìn Yoshihara. “Nghe này, em thử trên chuột biến đổi gene và đã kiểm tra khả năng hô hấp của chúng. Chỉ trong vòng ba mươi phút, độ bão hòa oxy trong động mạch đã bắt đầu tăng. Em xin anh đấy, cho con bé uống thuốc đi!”

“Nhưng nếu họ tìm thấy gì đó kỳ lạ khi khám nghiệm tử thi...”

“Sẽ không có khám nghiệm cái gì cả. Không có tử thi nào ở đây! Anh không hiểu à? Thứ thuốc này sẽ cứu con bé!”

Tiếng chuông thang máy vang lên một lần nữa. Một người đàn ông trung niên mặc com lê xuất hiện. Điều tra viên Kadota từ Sở cảnh sát Tokyo. Ông ta vươn cổ nhìn hai bên, cố gắng xác định con mồi.

“Chết tiệt,” Kento lẩm bẩm. Cậu hết thời gian rồi. Nếu bị tóm bây giờ, cậu sẽ không thể đưa thuốc của Justin Yeager cho Jeong Hoon. Kento quay lưng lại khu thang máy. “Anh định để con bé chết? Hay liều một phen với thứ thuốc này? Bây giờ đó là quyết định của anh. Nhưng mà, làm ơn, em cầu xin anh. Hãy cứu Maika.”

Kento dúi túi thuốc cho Yoshihara và chạy về phía đường thoát hiểm duy nhất của cậu, cầu thang bộ.

“Đợi đã!” Yoshihara hét lên, nhưng Kento, sợ hãi, vẫn tiếp tục chạy. Chỉ cần một chút do dự thôi, Kadota sẽ tóm được cậu. Nỗi lo bủa vây cậu, như thể chính quỷ dữ đang đuổi sát sau lưng. Chỉ thoát khỏi đây mà không gây chú ý thôi đã khó khăn. Kento chạy thẳng đến cầu thang và đẩy cửa ra. Giờ cậu chỉ cần xuống tầng một, nhưng vừa chạy xuống, cậu đã nghe thấy tiếng chân vọng lên. Giày da cứng, và cậu biết đó chính là gã cảnh sát hồi này canh chừng cửa ra vào.

Kiểu này, cậu sẽ bị tóm ở giữa. Cậu phải lên trên. Nhưng nếu họ ép sát từ cả thang bộ và thang máy, cậu sẽ rơi vào ngõ cụt. Và rồi cậu làm sao để ra khỏi bệnh viện đây?

Tuyệt vọng, Kento phi ngược lên cầu thang, bước một lúc hai bậc, và rồi cậu nghe thấy một âm thanh khác – tiếng gầm của động cơ mô tô – từ bên ngoài tòa nhà. Từ tầng bảy, cậu mở tung cửa sổ và nhìn xuống. Dưới ánh đèn đường, Jeong Hoon ngồi trên xe, ngửa mặt nhìn lên.

Nhìn thấy cậu, Jeong Hoon nhấc tay phải khỏi tay lái và ra hiệu gọi điện thoại. Kento vội vã bật điện thoại. Điện thoại bắt sóng, và cậu nghe thấy giọng Jeong Hoon qua tai nghe. “Cậu ổn không?”

“Tớ ổn,” Kento nói dối. Jeong Hoon sẽ không bỏ rơi bạn mình. Nếu biết tình cảnh Kento hiện tại, cậu ta sẽ xông vào để giúp. “Tớ sẽ ném GIFT cho cậu,” Kento nói. “Cậu hãy tới Narita ngay lập tức!”

“Được!”

Kento nhoài ra ngoài cửa, tay nắm túi chứa GIFT. Cậu ngắm kỹ và thả nó xuống. Cái túi trắng bay qua không trung, và Jeong Hoon tóm gọn nó bằng tay trái.

“Jeong Hoon, đi đi!”

“Đừng lo, tớ sẽ cứu Justin!” cậu ta hét rồi lật kính chắn gió trên mũ bảo hiểm xuống và phóng vào màn đêm.

Kento nhìn ra ngoài cửa sổ cho đến khi chiếc xe vọt ra khỏi cổng sau. Đây có thể là lần cuối cùng cậu thấy bạn mình.

Tiếng gầm của xe tắt dần, và tiếng bước chân trên cầu thang mỗi

lúc một gần hơn. Kento mở cửa và lẻn vào hành lang tầng bảy tìm chỗ trốn. Bên cạnh nhà vệ sinh là một tủ nhỏ, để chổi lau nhà và vài thứ dụng cụ dọn dẹp khác. Không gian bé tí tẹo, trong không có vẻ gì là đủ giấu người, nhưng một người nhỏ như kento có lẽ có thể lách vào trong.

Cậu trèo vào cái tủ đầy vô thùng, giẻ lau và chổi, lại còn bốc mùi thuốc khử trùng. Cậu ngồi đó, co rúm lại, ôm chặt hai đầu gửi. Cậu chỉ có thể cầu cho vận may của mình.

Sau khi Kento chạy đi, Yoshihara suýt chút nữa đã ném túi thuốc vào thùng rác. Nhưng lời nói của cậu bạn khiến anh khựng lại.

"Nhưng nếu anh không làm gì cô bé sẽ chết!"

Xơ cứng biểu mô phế nang phổi ở người. Một căn bệnh chết người mà y khoa hiện đại tần tiến nhất cũng không thể chữa trị. Liệu uống thứ chất lỏng vô sắc này có phải là tất cả những gì cần thiết?

Trong tâm trí mình, Yoshihara thấy Kento, tiều tụy và teo quát hẳn đi, và biết đây không phải trò đùa. Khi tiệc tùng hồi học đại học, Kento luôn chỉ ngồi trong góc, không thể tham gia, một anh chàng vô danh tiểu tốt hòa mình vào với giấy dán tường. Vậy mà giờ cậu đứng đó, gần như phát khóc, cầu xin anh đưa thuốc cho bệnh nhân. Cậu nhợt nhạt và xanh mét, tuyệt vọng muốn Yoshihara lắng nghe.

Nếu anh không làm gì, Kobayashi Maika sẽ chết. Nếu hai mươi bốn giờ sau mà con bé vẫn sống, đó đã là một phép mầu. Liệu cho con bé uống thử chất lỏng này có thể khiến phép mẫu trở thành hiện thực?

Có lẽ mình nên thử, Yoshihara bắt đầu nghĩ. Mặc dù điều này đạp đổ đủ thứ luật lệ trong sách.

Cánh cửa tự động trượt mở, và bác sĩ điều trị, y tá và cha của Maika ra khỏi phòng hồi sức tích cực. Người cha, mới chỉ hơn ba mươi tuổi, ngoảnh khuôn mặt hốc hác về phía bác sĩ điều trị và cảm ơn ông đã làm hết những gì có thể cho con gái bé bỏng của mình.

Người mẹ ở lại bên giường con, và mặt cô bé đã chuyển tím. Yoshihara nhìn người mẹ, và thấy thật khó mà tin rằng ngần ấy giọt

lệ có thể rơi từ mắt một người. Người mẹ có thể đang thì thầm lời vĩnh biệt với con gái.

Yoshihara đợi tới khi bác sĩ điều trị đã trở về phòng trực và đến gần người cha. “Anh Kobayashi, tôi có thể nói đôi lời không?”

“Tất nhiên rồi,” cha Maika yếu ớt trả lời và đi đến một băng ghế.

Yoshihara hạ giọng nói để không ai nghe thấy. “Những điều tôi sắp nói với anh phải được giữ bí mật.”

Kobayashi cau mày. “Anh nói cái gì vậy?”

“Làm ơn. Anh phải hứa với tôi, anh sẽ không nói cho bất cứ ai.”

Kobayashi trông có vẻ nghi ngờ, nhưng vẫn nói, “Được.”

Yoshihara giơ ra cái túi trong tay. “Trong túi này là một loại thuốc đông y có thể hiệu quả trong việc chữa trị xơ cứng phổi.”

“Hở?” Người này từng chứng kiến hy vọng của mình vỡ vụn vô số lần, nhưng một tia háo hức vẫn le lói trên mặt anh ta. “Thực sự có một thứ thuốc như vậy?”

“Độ an toàn của nó chưa được chứng minh, vì vậy bệnh viện không thể sử dụng cho Maika. Tôi không thể giao nó cho anh.”

“Vậy thì tôi phải làm cái gì?” Kobayashi đốp lại. Giọng anh ta tỏ rõ, anh ta không thể chịu nổi một thử thách nào nữa. “Có thuốc, nhưng chúng tôi không thể dùng được?”

“Không. Vẫn có cách. Tôi muốn anh cho Maika xuất viện ngay lập tức. Khi đó cô bé sẽ không còn là bệnh nhân ở đây. Và chúng ta sẽ không bị ràng buộc bởi các quy tắc y đức của bệnh viện. Ngay giây phút đã được xuất viện, cô bé có thể dùng thuốc. Kể cả khi vẫn ở trong phòng hồi sức tích cực.”

Người cha quá sững sờ, không thể đáp lại. Yoshihara nói tiếp, “Anh phải nhanh lên. Thuốc cần ba mươi phút để phát huy tác dụng. Anh phải làm ngay khi cô bé vẫn còn sống!”

6

Bầu trời trước bình minh ở độ cao mười một nghìn mét phía trên bản đảo Florida nhuộm một màu sắc đầy bí ẩn. Vòm trời thành một phố rõ rệt, chuyển dần từ sắc xanh hải quân thẫm tới da cam, còn bên dưới, đại dương vẫn chìm trong bóng tối.

Nhưng với Yeager, đang ngồi trong ghế phó lái, đây không phải lúc để ngắm cảnh. Đèn báo hết nhiên liệu đã nháy được một lúc lâu. Họ đã dùng hết hơn 90% nhiên liệu.

Sau ghế cơ trưởng, một giọng nói nhân tạo vang lên từ máy tính. *Chuyển hướng mũi thành không-chín-ba. Độ cao bốn nghìn sáu trăm mét.*

Với những ngón tay nhỏ vụng về của mình, Akili nhập vào máy các chỉ dẫn cho họ.

"Lại một cú lao dốc?" Meyers hỏi.

"Làm đi," Pierce nói. "Thời gian là điểm mấu chốt."

Meyers nhập số liệu vào chế độ lái tự động. Cần điều khiển tự dịch chuyển, chiếc Boeing nghiêng cánh sang phải trong khi bay xuống. Mũi máy bay hướng thẳng về phía đông, và họ nhìn thấy vành mặt trời mỏng manh ló lên trên đường chân trời.

Yeager nhìn về điểm sáng đỏ ấy và đột nhiên nghĩ ra. Một chiến lược phòng thủ trước máy bay chiến đấu. Liệu có phải Ema, "tháp điều khiển" ở Nhật của họ, định dùng ánh sáng mặt trời để gây nhiễu các tên lửa hồng ngoại nhắm vào động cơ của họ?

"Chúng ta vẫn chưa đến đích?" Meyers hỏi.

"Vẫn chưa," Pierce đáp.

"Nhiên liệu chỉ còn dưới một nghìn ba trăm cân. Chúng ta chỉ bay được chưa đầy hai mươi phút nữa là rớt."

"Đừng lo, Mọi thứ đang diễn ra đúng theo kế hoạch."

"Còn radar thế nào rồi? Có máy bay chiến đấu theo chúng ta không?"

"Không có dấu hiệu cất cánh."

“Tôi không tin nổi,” Meyers nói khi rời ghế cơ trưởng, cố gắng hết sức giữ thăng bằng trong chiếc máy bay đang lao xuống. “Không đời nào không quân bỏ qua một máy bay không xác định trong vùng nhận dạng phòng không.” Anh cúi gập người nhìn radar.

“Có gì không?” Yeager hỏi.

“Không. Không có gì cả.”

Yeager nhẹ nhõm, nhưng mặt Meyers đanh lại.

“Có vấn đề à?”

“Đây không phải tin tốt. Thực ra là ngược lại. Họ không cho F-15 cất cánh mà là máy bay Raptor.”

Yeager từng nghe thấy biệt danh này. “F-22?”

“Tôi e là thế.”

Raptor là máy bay tàng hình đời mới nhất, hoàn toàn không xuất hiện trên radar. Máy bay tiêm kích mạnh mẽ nhất trong lịch sử, với tỷ lệ bắn trúng phi thường 144:0 trong diễn tập. Và giờ chúng đã lặng lẽ lẻn ra sau chiếc Boeing. Sẵn sàng bắn rơi nó.

“Chúng chỉ xuất hiện trên radar khi bắn tên lửa,” Meyers nói. “Lúc anh biết chúng ở đâu thì đã quá muộn rồi. Tên lửa không đối không của chúng có tốc độ Mach 4.”

Phi đoàn bốn máy bay xuất phát từ sân bay căn cứ không quân Eglin ở Florida tiếp tục bay về phía biển Sargasso. Tốc độ bay là Mach 1.8. Thời tiết trên Bắc Đại Tây Dương thật hoàn hảo, không có lấy một gợn mây, mặt trời dâng lên trên bầu trời xanh bao la trải rộng.

Đại úy Grimes, người dẫn đầu đội bay, cảm thấy thật vinh dự được tham gia nhiệm vụ này. Khi diễn biến cuộc chiến chống khủng bố trở nên căng thẳng – sau vụ việc thành viên băng đảng Colombia xâm phạm không phận Hoa Kỳ, và tình trạng báo động được tăng lên DEFCON 3 sau vụ ám sát phó tổng thống - những chiếc máy bay tàng hình mới nhất này, tuy vẫn còn trong giai đoạn thử nghiệm, đã được bí mật giao cho Không đoàn tiêm kích 33. Lần cất cánh này cũng là lần tham gia thực chiến đầu tiên của F-22.

Grimes được cho biết mục tiêu là một máy bay Boeing 737-

700ER bị cướp. Hình ảnh radar được gửi tới qua kênh thông tin cho thấy rõ chiếc máy bay. Nó bay cao, thỉnh thoảng mới thực hiện một số điều chỉnh lộ tuyến nhỏ, cách một trăm hai mươi kilômét về phía trước.

Grimes ngạc nhiên khi thấy mục tiêu phát ra sóng radar mạnh đến thế và biết chắc chắn đây phải là loại radar quân sự nào đó mà máy bay dân sự không có. Đây hẳn là lý do đội máy bay tàng hình Raptor nhận được lệnh tấn công. Nhưng dù mục tiêu có khả năng dò tìm, về bản chất nó vẫn chỉ là một chiếc máy bay thương mại không có khí giới. Anh băn khoăn tại sao họ phải cẩn trọng đến vậy.

Chiếc Boeing có đường bay kỳ lạ kia đột nhiên bắt đầu hạ độ cao. Với Grimes dẫn đầu, phi đoàn Raptor cùng hạ độ cao, vẫn giữ đội hình hàng ngang. Lần cất cánh này của những chiếc F-22 chưa gì đã khác hẳn với bình thường, và họ đã rời khỏi khu vực nhận dạng phòng không được một lúc.

Grimes lo lắng về nhiên liệu. Họ nên theo đuôi máy bay kia ra ngoài khơi bao xa? Nếu cứ thế này, họ sẽ phải trở về căn cứ trước khi bắt kịp mục tiêu. Và cuối cùng anh cũng hiểu họ sẽ nhận được mệnh lệnh gì.

Trong ba phút nữa, họ sẽ tới đủ gần mục tiêu để sử dụng tên lửa không đối không tầm trung.

Không dùng đài cảnh báo, không bắn cảnh cáo, họ sẽ hạ mục tiêu này ngoài tầm nhìn bằng mắt.

“Bốn bang nữa bị tấn công – Nevada, California, Colorado, và New York,” Holland đọc thành tiếng một mẩu giấy nhớ qua màn hình hội nghị. “Đồng thời hệ thống điều khiển đập Hoover cũng gặp vấn đề. Đường ống dầu ở Texas đã dừng hoạt động và hệ thống điều khiển trực tuyến cho tất cả các cơ sở tài chính lớn cũng vậy.”

Cuộc tấn công mạng nhằm vào Hoa Kỳ ngày một căng thẳng. Hiện giờ, có ba mươi bang mất điện, và nửa phía bắc đất nước đã bị đẩy về thời khẩn hoang.

Cứ theo đà này tới sáng, Rubens nghĩ, tính toán nhanh trong đầu,

tất cả các hoạt động kinh tế, không chỉ có sản xuất công nghiệp và hệ thống tài chính, sẽ bị gián đoạn. Hoa Kỳ sẽ thiệt hại hàng trăm tỷ đô la. Và con số nạn nhân sẽ không chỉ dừng lại ở những người chết rét. Khi hệ thống giao thông hỗn loạn và bạo động gia tăng, vô số người sẽ bỏ mạng.

Cuộc chiến với siêu nhân loại này đang trở thành một cuộc chọi gà [3E]. Nếu muốn thắng, anh phải xông thẳng về phía trước, sẵn sàng tìm chết. Nhưng nếu đối thủ của anh cũng dùng đúng chiến lược ấy, cả hai sẽ đâm vào nhau.

Rubens tin rằng Ema không hề có ý định bẻ lái. Để cứu lấy giống loài của mình, cô ta sẽ đạp ga lao thẳng về phía trước, bởi cô ta phải thắng.

“Là Trung Quốc! Bọn Trung Quốc đứng sau chuyện này!” Bộ trưởng quốc phòng Lattimer gằn giọng. “Chúng ta phải phản công!”

“NSA đang điều tra nguyên nhân, nhưng trước khi họ xác định được quốc gia nào là thủ phạm, chúng ta không nên với vàng đi đến kết...” Watkins, giám đốc tình báo quốc gia đang nói dở, thi hình ảnh trên màn hình chấp chím, và điện trong trung tâm điều hành tắt dần. Ánh đèn nhanh chóng trở lại, nhưng các thành viên nội các tại Nha Trắng và tất cả mọi người trong trung tâm điều hành chiến dịch Thần báo thù đều không thốt nên lời. Nguồn điện tại thủ đô Washington DC đã bị cắt.

Điện dự phòng của Phòng tình huống được bật lên, và tổng thống Burns cất lời. “Tôi muốn nghe ý kiến của giám đốc CIA, Ông vẫn định nhai lại cái ý tưởng lố bịch kia chứ?”

Holland không nao núng vi cú tấn công này. “Ý tưởng nào?”

“Ý tưởng rằng đây cũng là tác phẩm của đứa trẻ ”

“Chỉ có một cách tìm ra,” Holland nói. “Chúng ta ngay lập tức đình chỉ chiến dịch Thần báo thù, Đình chỉ thực sự. Tôi đề nghị ngài hãy dừng toàn bộ các hành động và ban bố mệnh lệnh tới tất cả các bên liên quan. Nếu đối thủ của chúng ta thực sự là Nous, nó sẽ truy cập được các thông tin này và dừng cuộc tấn công mạng ngay lập tức.”

Burns yên lặng, và Holland nói tiếp. “Chúng ta chẳng mất gì cả.”

“Ông muốn chúng tôi làm gì?” vị tướng không quán xen vào. “Các máy bay F-22 sắp đạt tới tầm bay tối đa rồi. Nếu tấn công, chúng ta phải tấn công ngay bây giờ. Ta có thể hạ chúng ngay khi vào tầm bắn.”

“Quân địch bay về phía đông, thẳng hướng mặt trời,” Lattimer nói. “Họ đang mang tên lửa gi?”

“ AIM-120. Tên lửa dẫn hướng bảng radar nên không bị ảnh hưởng bởi ánh sáng mặt trời. Chúng sẽ bị bắn hạ”

“Nhưng bắn hạ máy bay trên vùng biển quốc tế...” Holland nêu lên nghi ngờ.

“Gần đó không có máy bay dân sự,” Lattimer ngắt lời. “Và ai sẽ phàn nàn nếu chúng ta hạ một cái máy bay CIA?”

Nhưng Holland không nhượng bộ. “Nghe này. Không cần bắn tên lửa gì cả. Chiếc máy bay bị cướp gần hết nhiên liệu rồi. Chúng đang hướng về phía Bermuda, nhưng sẽ không thể tới nơi. Chúng sẽ đâm xuống biển Sargasso.”

“Mệnh lệnh của ngài là gì, thưa tổng thống?” chủ tịch Hội đồng tham mưu hỏi, đợi một quyết định từ phía tổng tư lệnh. “Chúng ta có bắn hạ máy bay này không, thưa ngài?”

Theo dõi cuộc đối đáp này, Rubens chỉ trông vào lựa chọn hành động lý trí của Burns. Trong trò chọi gà, lời đáp hợp lý nhất là một bên đi thẳng, và bên kia bẻ lái để tránh tai nạn. Kẻ thua cuộc không phải con gà. Kẻ thua cuộc là kẻ lý trí nhất. Tình huống hiện tại buộc Gregory S. Burns phải đưa ra quyết định vĩ đại nhất trong đời mình. Sinh vật với trí tuệ vượt xa con người kia đang giục giã kẻ quyền lực nhất xã hội loài người đưa ra quyết định đúng đắn.

“Để xem tôi có hiểu đúng không nhé.” Burns phá vỡ bầu không khí yên lặng, đối mặt Holland. “Ông đang nói rằng cuộc tấn công mạng này là tác phẩm của đứa bé Pygmy kia.”

“Đúng vậy,” Holland nói.

“Vậy thì nó sẽ phải hối hận vì đã nhằm vào Hợp chủng quốc Hoa Kỳ,” Burns nói và quay sang vị tướng không quân. “Cho phép bắn hạ.

Hạ cái máy bay kia ngay lập tức.”

“Vâng, thưa ngài tổng thống,” vị tướng đáp.

Rubens biết mình đang đứng ở ngã rẽ của lịch sử. Tất cả mọi nguy hiểm chứa đựng trong xã hội loài người đều cô đọng vào khoảnh khắc này. Một tích tắc điên rồ của một tay lãnh đạo chính trị là đủ mạo hiểm mạng sống hàng trăm triệu người. Một cuộc chiến hạt nhân trong tương lai cũng có thể bắt đầu như thế, từ quyết định của một gã chính trị gia điên rồ duy nhất.

Nous hẳn sắp tới giới hạn của nó. Cùng cảm giác lo lắng, Rubens cảm thấy một thói thúc tân bạo sói lén trong mình.

Giết đi, Rubens lẳng lặng nhắn nhủ trí tuệ siêu việt ấy.

Giết đi, Ema.

Hãy trở thành nữ thần báo thù Nemesis, người mang đến trừng phạt, và giáng xuống lũ sinh vật thấp kém ngạo mạn kia những gì chúng xứng đáng.

Một mệnh lệnh xuất hiện trên màn hình đa chức năng trong buồng lái kính: TẤN CÔNG MỤC TIÊU. Đại úy Grimes sử dụng điện đàm trong một lúc để truyền lại mệnh lệnh cho các máy bay khác trong đội.

Hình ảnh từ kênh thông tin cho thấy máy bay địch bay ở tầm thấp, quay mũi về phía bắc và đang tăng độ cao. Một phi cơ thương mại như thế có thể tránh kiểu gì thi tránh, nhưng cũng không tránh được tên lửa không đối không.

Grimes bật master arm. Cửa nắp vỏ dưới thán máy bay mở ra, và tên lửa AIM-120 hạ xuống từ khoang vũ khí. Quả tên lửa tân tiến này là thành quả mới nhất của trí tuệ con người và ý định giết chóc. Với vận tốc bay Mach 4 và mang radar riêng, nó chắc chắn sẽ tìm đến đúng mục tiêu đang bay cách bốn mươi kilômét phía trước. Chưa đầy một phút nữa, chiếc Boeing sẽ nổ tung trên bầu trời. Trong suốt hai trăm nghìn năm qua, con người vẫn liên tục phát triển thêm vũ khí sát thương chính xác và chết người hơn. Bắt đầu từ đá và dui cui, họ đã đạt đến những vũ khí tầm cỡ như thế này.

Grimes bật radar và nhắm vào mục tiêu. Sóng vô tuyến lần đầu để lộ sự hiện diện của chiếc Raptor, nhưng đã quá muộn. Chiếc Boeing không thể trốn thoát.

Trên màn hình trước mắt, chữ BẮN hiện lên. Grimes đặt ngón cái lên cò ấn trên cần điều khiển, hô lên "Fox three," mật hiệu của tên lửa tầm trung, và ấn mạnh xuống cò.

Tên lửa không đối không rời khỏi tàu mẹ với một tiếng gầm. Lửa bùng lên khi nó lao vút qua mặt biển, Vừa chắc mẩm chiếc Raptor sẽ tóm được con mồi, Grimes bỗng nhìn thấy một cảnh tượng kỳ lạ. Quả tên lửa cách đó hai kilômét bỗng chìm trong một luồng sáng đỏ đột nhiên xuất hiện, rồi biến mất.

Cái quái gì vậy? Quả vậy, quả tên lửa đã biến mất khỏi radar. Hệ thống dẫn hướng có lỗi sao? Anh vừa định hạ lệnh cho các máy bay còn lại bắn tên lửa thứ hai, nhưng thay vào đó, anh bật thốt lên sững sờ. Máy bay của anh nhanh chóng mất độ cao, và đột nhiên mất điều khiển. Anh đưa ra quyết định trong tích tắc và kéo cần thoát hiểm giữa hai chân. Nhưng ghế ngồi không bật ra. Đuôi chiếc Raptor nổ tung, và Grimes cùng chiếc máy bay rơi xuống theo đường xoắn ốc.

Khi một loạt máy bay đột nhiên xuất hiện trên radar đang trắng tinh, Yeager thấy tóc gáy mình dựng đứng. Kẻ địch gần hơn anh tưởng. Trong tầm bắn của tên lửa không đối không. Chiếc Boeing đang nhanh chóng hạ xuống, nhưng nó không đủ linh hoạt để cắt đuôi máy bay chiến đấu. "Máy bay địch ở bốn mươi kilômét phía sau!" anh hô lên.

Meyers, ngồi bên bảng điều khiển, quay người lại. "Radar bắt được chúng rồi?"

"Ừ."

"Chúng nhắm vào chúng ta rồi!" Meyers hét lên và nhìn quanh vẻ vô vọng. "Tên lửa bắn ra rồi!"

"Đừng hoảng!" Pierce nói với hai người, nhưng giọng ông cũng the thé sợ hãi. "Đừng đổi hướng! Giữ nguyên kế hoạch!"

"Có phải chỉ có một máy bay không?" Meyers hỏi Yeager.

Yeager nhìn vào màn hình radar và nhìn thấy hai điểm sáng, một điểm di chuyển nhanh hơn các máy bay kia về phía họ. “Có một máy bay thứ hai. Nó bay nhanh không thể tin được!”

“Đấy là tên lửa! Làm sao tránh được nó?”

“Nếu đó là tên lửa dẫn hướng bằng hồng ngoại, có lẽ mặt trời sẽ...”

“Không!” Meyers ngắt lời anh. “Ở khoảng cách này là tên lửa dẫn hướng bằng radar. Không nhầm lẫn gì nữa: chúng ta sẽ trúng đạn!”

“Đợi đã!” Yeager kêu lên. Tất cả các điểm trên radar đột ngột biến mất. “Kẻ địch biến mất rồi.”

“Biến mất? Không thể nào. Trên màn hình ít nhất phải còn tên lửa!”

“Quên cái Raptor đi!” Pierce hét. “Cao độ của chúng ta thế nào?

Meyers nhìn đồng hồ đo. “Năm nghìn hai trăm mét.”

“Tốt. Từ giờ trở đi chúng ta sẽ để chế độ lái tự động. Chúng ta đã vào giai đoạn cuối cùng.”

“Là đây sao?”

“Đúng thế!”

Kể cả nếu tên lửa không đối không tiếp tục truy kích, họ cũng không có gì để phòng vệ. Họ chuyển sang chế độ lái tự động và dồn vào khoang hành khách, lo sợ bị bắn hạ bất cứ lúc nào. Họ nhanh chóng đeo dù. Vài phút trôi qua, nhưng chiếc máy bay vẫn tiếp tục bay. Yeager kinh ngạc vì họ vẫn chưa bị hạ.

Khi tất cả đã trang bị đầy đủ, Pierce liếc nhìn đồng hồ. “Chúng ta muộn hai mươi giây. Không thể phạm lỗi. Từ giờ trở đi tất cả mọi thứ phải hoàn hảo.”

Hai người lính đánh thuê, lưng đeo ba lô đựng dù, quay trở lại buồng lái. Meyers nhìn đồng hồ đo độ cao và hỏi Pierce. “Giảm áp ở mười nghìn ba trăm mét đúng không?”

Câu trả lời vang lên từ chiếc máy tính Akili vẫn ôm. *Đổi sang mười nghìn mét. Chuyển hướng mũi thành không-một-chín.*

Yeager nhập các thông số vào chế độ lái tự động. “Akili, cháu đuổi đám tên lửa đi à?”

Đứa bé kỳ lạ đó không đáp mà nở một nụ cười quái gở như con yêu tinh.

Khi trung úy Murdoch, người lái chiếc máy bay thứ hai trong đội hình, nhìn thấy máy bay dẫn đầu phát nổ, anh ta vội vàng tránh. Anh ta tăng độ cao và bẻ lái gấp sang trái, cuối cùng trở lại cân bằng. Hai máy bay còn lại hụp xuống hai phía trái, phải và lập lại đội hình.

Đại úy Grimes đã nhảy dù chưa? Murdoch quan sát mặt biển, và đập vào mắt anh ta là một cảnh tượng không thể tin nổi. Ngút tầm mắt anh ta, đại dương bên dưới đã biến thành màu trắng.

Theo bản năng đánh hơi thấy nguy hiểm, Murdoch bật radio yêu cầu những người khác đổi hướng. Nhưng chiếc máy bay thứ ba và thứ tư lần lượt nổ tung. Họ đột ngột rơi khỏi bầu trời, nhanh đến mức phi công không kịp nhảy.

Murdoch lại vội vã bay lên, thiếu chút nữa thì không tránh nổi những mảnh vỡ bắn tứ tung. Trọng lực cao ấn anh ta vào lưng ghế, và anh ta suýt ngất. Và máy bay anh ta đã hỏng mất thứ gì đó. Anh ta đang dần mất kiểm soát chiếc Raptor.

Xác những chiếc máy bay kia dần chìm xuống dưới mặt biển trắng. *Tại sao?* Murdoch, người duy nhất còn sống sót trong toàn đội bay, rùng mình trước câu hỏi ấy khi tiếp tục bay trên mặt biển. Điều gì khiến mấy chiếc Raptor lần lượt rơi xuống? Trục trặc kỹ thuật trong máy? Hay là họ bị tấn công?

“Alpha Một gọi. Đại bàng Hai, nghe rõ trả lời?”

“Murdoch đáp lại trụ sở. “Đại bàng Hai, nghe rõ.”

“Báo cáo đi.”

“Ba máy bay kia đã rơi. Tôi không biết chuyện gì đang xảy ra.”

“Nhắc lại.”

“Đại bàng Một, Ba và Bốn rơi rồi!” Nỗi sợ mình sẽ trở thành nạn nhân tiếp theo bò dọc sống lưng Murdoch.

“Họ bị bắn hạ?”

“Không rõ. Ống xả phụt ra lửa đỏ, và họ nổ tung ngay sau đó. Có vẻ các phi công đều đã chết.”

“Còn mục tiêu?”

“Không. Chúng tôi không hạ được nó.”

“Anh được lệnh tấn công.”

Murdoch rùng mình. Để nhắm được vào mục tiêu, anh ta sẽ phải hướng mũi máy bay xuống vùng biển biến màu kia. Anh ta đẩy cần lái sang trái và nghiêng cánh. Anh sẽ bay sát mép rìa vùng biển trăng trắng. “Rõ.”

Anh bật radar, và chiếc Boeing xuất hiện trên màn hình. Murdoch nhắm vào mục tiêu, dù không muốn gì hơn là thoát khỏi vùng nước nguy hiểm này càng sớm càng tốt.

“Fox three,” anh ta nói và ấn cò. Ngay lúc đó, mặt biển tưởng như êm đềm bắt đầu chuyển trắng đục. Anh mở to mắt, kinh ngạc. Trên mặt biển, đâu đâu cũng là bong bóng. Nước sủi bọt lên như thể đang sôi. Đó là một cảnh tượng hùng vĩ mà kỳ quái, như thể một cái tàu ngầm to bằng cả thị trấn đang trồi lên. Tên lửa mới bay ra một cây số hếch mũi lên, rồi chúc xuống, rơi thẳng xuống đám bọt nước sùng sục bên dưới. Lửa bùng lên trên mặt biển nơi nó đáp xuống.

Murdoch tuyệt vọng cố tránh ngọn lửa ấy, nhưng bảng điều khiển của anh ta không phản ứng. Chiếc Raptor mất kiểm soát, vùn vụt lao xuống. Murdoch cảm tưởng một lực vô hình đã tóm lấy máy bay, lôi thẳng nó xuống biển. “Đại dương cháy rồi! Tôi sẽ nhảy dù!”

Đây là liên lạc cuối cùng phát đi từ đội bay.

Chiếc Boeing, mũi đang hướng lên, chậm rãi cân bằng lại ở độ cao mười nghìn mét.

Meyers đứng sau ghế phi công, kéo cần tiết lưu về và hạ càng, khiến máy bay giảm tốc. Đèn cảnh báo thất tốc bật sáng, khiến cần điều khiển rung lên.

Yeager kiểm tra dây mũ bảo hiểm và kéo kính bảo hộ xuống che mắt. “Đeo mặt nạ oxy, kiểm tra luồng khí!”

Akili ngồi trong ba lô đeo trước ngực Yeager. Meyers đeo mặt nạ cho Akili, mở van điều khiển và kiểm tra luồng khí. Hệ thống cung cấp oxy, thứ tối quan trọng khi nhảy dù mở sớm ở đó cao lớn, đang

hoạt động bình thường.

Khi tất cả mọi người đều đã gật đầu xác nhận rằng hệ thống có chạy, Meyers nghiêng người về phía trước và tắt công tắc khối điều khiển tăng áp buồng kín. Mặt nạ oxy từ trần máy bay rơi xuống, một đèn cảnh báo nữa lại sáng lén trên bảng điều khiển. Nhưng chẳng ai để ý đến chấm đỏ ấy, bởi bảng điều khiển đã sáng đủ thứ đèn cảnh báo rồi.

Luồng khí tăng áp đã tắt, áp suất trong khoang giảm mạnh. Không có mặt nạ oxy, họ sẽ ngất đi chỉ sau vài phút. Trong khi đợi áp suất trong máy bay cần bảng với bên ngoài, Meyers chỉ vào đồng hồ đo nhiên liệu. Họ sắp hết nhiên liệu. Pierce lên tiếng, giọng ông nghèn nghẹt sau mặt nạ. "Đếm ngược, còn ba mươi giây!"

Họ vội vàng rời khỏi buồng lái vào khoang hành khách và tập hợp lại ở cửa thoát hiểm chính giữa máy bay. Cánh cửa nằm ngay trên cánh. Meyers và Pierce nối đai an toàn vào nhau và vào vị trí nhảy dù đôi. Yeager mở toang cửa, và một cơn gió khủng khiếp quét vào khoang, khiến mấy chiếc mặt nạ oxy treo trên trần bay loạn xạ. Họ đã hạ áp thành công, vậy nên không có ai bị hút ra ngoài.

Pierce giơ hai bàn tay ra, xòe rộng các ngón tay. "Mười giây!"

Ba người lớn liếc nhìn nhau trong tích tắc. Cuộc chiến dài dằng dặc cuối cùng cũng gần tới điểm cuối. Trong mắt họ là niềm biết ơn vì đã sống sót được tới tận bây giờ.

"Năm giây!"

Yeager nắm lấy hai bên khung cửa. Trước ngực anh, Akili ló ra như một chú kangaroo non trong túi mẹ.

"Bốn! Ba! Hai!"

Tới "Không", Yeager tung mình nhảy ra khỏi cửa. Anh vốn định đáp lên cánh máy bay ngay phía dưới, nhưng một luồng gió mạnh hất anh sang bên, đẩy anh lăn xuống khỏi cánh và liệng anh vào bầu trời mười nghìn mét phía trên mặt đất. Một cái bóng thoáng qua phía trên, là cánh thăng bằng ngang của chiếc phi cơ đang bay qua. Bụng dạ anh hẫng lên rất gắt, như thể nội tạng bị hút lên phía trên. Dưới tác động của không khí và trọng lực, cơ thể anh bắt đầu xoay mòng

mòng, nhưng cuối cùng anh cũng cân bằng lại và khống chế được mình, chân tay duỗi dài, mặt hướng xuống.

Anh liếc thấy Meyers cùng Pierce ngay phía trên mình. Đằng sau họ, chiếc Boeing vẫn bay tiếp, nhưng mũi đột nhiên chúc xuống, một bên cánh nghiêng đi, bắt đầu thất tốc. Cỗ phi cơ duyên dáng đã đưa họ an toàn thoát khỏi châu Phi cuối cùng cũng hết nhiên liệu. Tiếng gầm của động cơ ngừng bặt, và nó chao liệng rơi xuống biển Sargasso như một chiếc lá cực đại.

Yeager quay về phía trước. Bên dưới anh là một tinh cầu xanh dương với không biết bao nhiêu là nước. Anh ngắm nhìn hành tinh xinh đẹp ấy, và đột nhiên nghĩ.

Mình đang trở về trái đất.

Mẹ Trái đất, người nuôi dưỡng hết thảy sự sống.

Trở lại thế giới màu xám kia, nơi người với người yêu thương và thù ghét nhau. Một thế giới giằng co giữa thiện và ác.

Giây phút họ mất liên lạc với trung úy Murdoch, đích thân vị tướng không quân ra lệnh quân dù cứu thương xuất quân. Chuyện gì đã xảy ra với phi đoàn Raptor? Vụ việc ấy khó hiểu tới mức toàn bộ thành viên Hội đồng an ninh quốc gia đang ngồi quanh bàn đều câm lặng.

Sau đó không lâu, chiếc Boeing đang bay trên biển lại biến mất khỏi radar, cách Bermuda hai trăm kilômét.

“Chuyện gì đang xảy ra?” Burns nói, phá vỡ bầu không khí im lặng. “Tại sao nó lại biến mất khỏi radar?”

“Có lẽ mục tiêu đã rơi,” vị tướng không quân đáp.

“Ý ông là nó bị bắn hạ?”

“Không. Trên radar không có dấu hiệu phóng tên lửa. Chúng tôi tin rằng máy bay đã hết nhiên liệu và rơi xuống”

“Có khả năng họ đã hạ cánh khẩn cấp trên biển không?”

“Không. Điều đó không xảy ra. Nó dừng lại ở một điểm và rồi mất độ cao, cho nên chắc chắn nó đã rơi.”

Tổng thống nhìn giám đốc CIA. “Vậy thì chiến dịch Thần báo thù đã thành công?”

“Phải,” Holland đáp, trông cũng sững sờ. “Mục tiêu Nous đã bị tiêu diệt.”

Theo dõi cuộc đối thoại trên màn hình, Rubens biết chắc một điều. Nous vẫn còn sống. Một trong những tiêu chí tuyển chọn thành viên cho chiến dịch Thần báo thù là khả năng tác chiến trên không. Hơn nữa, cũng cần phải cân nhắc đến lý lịch của Nigel Pierce.

Ngay lúc đó, một bản báo cáo được trình lên, rằng mười bang phía nam đã mất điện. Holland đọc to thông báo, rồi quay sang tổng thống. “Để tập trung vào mối đe dọa hiện thời, chúng ta có thể ngừng tất cả các hành động liên quan đến chiến dịch Thần báo thù?”

Burns nhìn chằm chằm màn hình trước mắt. Radar không cho thấy bất cứ thứ gì. “Ra lệnh như vậy đi.”

“Không chỉ các hành động trực tiếp thuộc quyền hạn của chúng ta, ta có thể yêu cầu toàn bộ cộng đồng tình báo cũng ngừng lại không?”

Burns gật đầu. “Chiến dịch này không tồn tại nữa.”

“Nghe thấy chưa, Eldridge?” Holland hỏi qua màn hình ti vi. “Tuy có thương vong, nhưng chiến dịch Thần báo thù vẫn thành công. Hãy yêu cầu tất cả các đặc vụ ngưng hoạt động và gỡ bỏ xếp loại khủng bố cho những người liên quan. Đồng thời, hãy ngừng các kế hoạch của ông ở Nhật. Và ngừng cả các bước tiến hành thủ tục dẫn độ đặc biệt nữa.”

“Vâng, thưa ngài,” Eldridge đáp, và ra lệnh nhân viên trong trung tâm điều hành liên hệ với các bên liên quan. Lúc này, CIA, NSA, DIA và FBI đều sẽ thi hành các bước kết thúc chiến dịch, và các mệnh lệnh sẽ truyền xuống các đặc vụ thực địa tại Nhật Bản và châu Phi.

Cái kết của chiến dịch Thần báo thù giống như cái chết của một con quái thú khổng lồ. Và, như thể chỉ đợi con thú trút hơi thở cuối cùng, các trạm điện trên khắp Hoa Kỳ bắt đầu hoạt động trở lại. Kể cả khi nhận được thông tin rằng mạng điện tại Alaska, Michigan, Maine và Wisconsin lần lượt sáng trở lại, trong Phòng tình huống không hề có lấy chút vui mừng. Thay vào đó, bầu không khí lo lắng lại trùm xuống.

“Ai đang khởi động lại các trạm điện?” bộ trưởng quốc phòng Lattimer hỏi.

Không ai đáp lại.

“Có phải Nous?” Burns hỏi.

Sau một khoảng lặng, Holland đưa ra câu hỏi thứ ba. “Ngài muốn tấn công nó một lần nữa?”

Ngài tổng thống nghĩ một chút, rồi lắc đầu. “Không”

Đang rơi tự do ở độ cao tám nghìn mét, Yeager giật dây mở dù. Tấm vải dù hình vuông bung ra trên đầu anh, nhanh chóng hãm cú rơi. Giờ anh có thể dùng chốt néo ở hai bên để lái mình tới điểm tập kết. Trong kỹ thuật nhảy dù mở sớm, dù được mở ở độ cao lớn, sau đó người nhảy từ từ lướt xuống, nhờ đó có thể đi xa đến ba mươi kilômét theo chiều ngang. Chiếc dù vuông nhỏ tới mức radar không thể xác định ra nó.

Sau khi lướt trên bầu trời suốt một tiếng đồng hồ, điểm tập kết của họ cuối cùng cũng xuất hiện giữa đại dương - một con tàu chở hàng lớn thuộc Pierce Shipping, nổi trên mặt biển như một hòn đảo cô độc.

Cuộc phiêu lưu này sắp kết thúc rồi, Yeager tự nhủ khi nhắm đến nóc những công ten nơ hàng lớn xếp kín boong. Mình sống được chẳng khác nào phép mầu. Anh vô cùng ngạc nhiên vì cuộc trốn thoát từ Cape Town được lên kế hoạch tốt đến vậy. Cái người Ema này hẳn là thông minh lắm.

Một hình ảnh hiện lên trong tâm trí anh, một người giống như tinh linh của rừng già. Esimo. Khi kể cho họ chuyện người vợ mang thai đã rời khỏi anh ta mãi mãi, anh ta dùng chữ mzungu, tay chỉ vào Mick. Sau khi vợ anh bị các bác sĩ mzungu – trắng – đưa đi, cô không bao giờ trở lại rừng già Ituri nữa.

Căn cứ vào cái tên Ema, người này hẳn phải là nữ. Vậy là Akili có một người chị gái.

Họ tiến nhanh về phía công ten nơ. Yeager đợi đến đúng lúc và kéo mạnh hai chốt néo xuống quá hông để phanh lại. Chân anh nện

lên nóc công ten nơ, và chấn động truyền đi khắp cơ thể anh.

Akili không sao. Meyers và Pierce hạ cánh vài giây sau trên một công ten nơ khác trên boong. Dù của họ, như thể lưu luyến làn gió, bồng lên phía sau họ. Yeager và Meyers giơ ngón cái chúc mừng nhau.

Hai người lính đánh thuê cùng với chủng nhân loại mới này cuối cùng đã thoát khỏi châu Phi.

Chuyến bay của Air France tới sân bay Portela tại Lisbon đúng giờ.

Jeong Hoon ngồi ở hàng ghế thứ ba từ trên xuống, là hành khách đầu tiên xuống máy bay. Cậu biết một người đang thấp thỏm đợi mình đến, và cậu không muốn lãng phí một phút nào. Vì đã nhập cảnh ở Paris, cậu đi thẳng tới chỗ lấy hành lý,

Túi của cậu mất một lúc lâu mới xuất hiện. Cậu phải gửi nó vào phút cuối, vì đem thuốc nước lên máy bay bị cấm.

Cuối cùng, cậu cũng thấy ba lô của mình xuất hiện trên bằng chuyển, và vội vàng kiểm tra bên trong. Không viên nhộng nào trong hộp nhựa bị vỡ, thuốc nước cũng không đổ ra.

Giờ thì đến cửa hải quan, chướng ngại vật cuối cùng. Cậu rời khỏi Nhật nhanh tới mức chỉ mang theo đúng một cái túi, và cậu lo mình sẽ trông hơi đáng ngờ, nhưng những người ở hàng miễn thuế đều được đi qua mà không bị kiểm tra.

Jeong Hoon đi nhanh ra sảnh đến. Mùi hương của một đất nước khác bao trùm lấy cậu. Sân bay Portela nhỏ hơn so với sân bay quốc tế bình thường, nhưng những bức tường kính và trần vòm giúp nó không có vẻ chật chội.

Cậu nhìn quanh và nhìn thấy cô, một người phụ nữ tóc vàng giơ một tấm bảng lớn với dòng chữ “Justin Yeager”. Jeong Hoon tới gần.

“Cậu là cậu Lee?” Lydia Yeager hỏi.

Cô mới chỉ ba mươi mấy tuổi, nhưng lại có vẻ tổn thương và tuyệt vọng. Hẳn cô đã cùng con trai chống chọi thần chết rất nhiều năm rồi, Jeong Hoon tưởng tượng. “Đúng vậy. Cô là cô Yeager?”

“Tôi rất vui được gặp cậu,” Lydia nói với một nụ cười gượng nhìn thật thương tâm. Ngay lúc này, con trai cô đang mấp mé trên bờ vực tử vong.

Không để lãng phí giây phút nào, Jeong Hoon đưa chiếc hộp nhựa ra. “Bên trong là một loại thuốc mới,” cậu giải thích nhanh. “Cho

Justin uống mỗi ngày một liều. Đó là tất cả những gì có phải làm. Còn đâu thì cho vào tủ lạnh. Ở đây có đủ thuốc cho nửa năm, và chúng tôi sẽ gửi thêm ngay khi có thể."

"Cảm ơn cậu." Giọng Lydia lạc đi. "Nhưng tôi nên trả tiền vé máy bay cho cậu. Hoặc tặng cậu thứ gì đó để cảm ơn những điều cậu đã làm."

"Không. Không cần đâu. Đây là một... món quà. Cho con trai cô."

Lydia lau đi hàng nước mắt sắp chảy xuống má mình.

"Cô nên đi đưa thuốc cho Justin đi thôi."

Lydia gật đầu và chạy ra bãi đỗ taxi. Nhưng rồi cô khựng lại, quay đầu và cho phép mình dành ra một phút quý giá. "Cậu đã cứu gia đình tôi."

Jeong Hoon cảm tưởng như thể, lần đầu tiên, cuộc đời cậu đang đi theo con đường đúng đắn. Học dược cuối cùng cũng đáng giá, một phần thưởng cho thời gian và công sức cậu đã dành cho ngành nghề này. Hơi ấm dâng lên trong cậu, và cậu mỉm cười.

"Bạn tôi và tôi cùng làm ra nó. Cậu bạn tốt của tôi, Koga Kento."

Khi Kento tỉnh lại sau một giấc ngủ dài, người cậu vẫn có mùi thuốc sát trùng. Đồng hồ chỉ sáu giờ, nhưng cậu hoàn toàn không biết bây giờ là ngày hay đêm. Vẫn quấn chặt trong túi ngủ, cậu kiểm tra ngày tháng và phát hiện mình đã ngủ một phát mười sáu tiếng.

Không lâu sau khi trốn vào tủ để đồ vệ sinh trong bệnh viện, cậu nhận được một cuộc điện thoại. Màn hình hiện tên Papi, nhưng cậu ngạc nhiên khi thấy một giọng nữ bình thường, không phải giọng nói điện tử trầm thấp như mọi khi.

"Kento?" Đây hẳn là Sakai Yuri. Cậu biết ngay lập tức. Nhưng vì mấy tay cảnh sát rình mò xung quanh, cậu không thể đáp lại. Yuri nói với cậu mọi chuyện đều đã xong và cậu không phải trốn nữa.

Kento hơi ngờ vực, nhưng cuộn người ngồi quá lâu trong không gian hẹp đã khiến cơ bắp cậu gào thét đau đớn. Cậu biết mình không thể trốn thêm nữa, và cậu loạng choạng chui ra khỏi tủ đồ.

Hành lang bệnh viện trống không. Không thấy bác sĩ hay y tá, và

cũng không cả cảnh sát. Kento đi nhanh xuống cầu thang bộ, nhưng ở tầng sáu, cậu dừng lại, mở hé cửa và nhìn vào. Yoshihara cùng bác sĩ chăm sóc Kobayashi Maika đang chạy tới phòng hồi sức tích cực. Cha mẹ cô bé đứng ngoài hành lang, mắt không rời khỏi cảnh tượng ấy. Một nụ cười thoáng qua mặt người cha và Kento biết chuyện gì đã xảy ra. Yoshihara đã cho cô bé uống thuốc. Anh đã cho bệnh nhân đang hấp hối này dùng GIFT.

Kento cười toe toét. Maika được cứu rồi.

Cậu khẽ khàng đóng cửa, đi bộ xuống tầng một và rời khỏi bệnh viện qua cổng cho nhân viên. Cậu đói gần chết, đi mua hai hộp cơm ở một cửa hàng tiện lợi gần đó và ngồi bên đường ăn hết sạch. Giờ thì đi đâu đây? Căn hộ của cậu gần trường hay phòng thí nghiệm ở Machida?

Vì lý do gì đó, cậu cảm thấy phòng thí nghiệm mà cha để lại đang vẫy gọi, như thể đó mới là nơi cậu thuộc về. Kento vẫy một chiếc taxi và đi về phía đầu kia Tokyo, trở lại tòa nhà cũ kỹ, xập xệ ấy.

Cửa trước vẫn còn bãi nôn của tay cảnh sát và mùi hôi kinh người của chất hóa học. Cậu nín thở, bước vào nhà và thấy mọi thứ vẫn y như cũ. Không có dấu hiệu cảnh sát lục soát, không mất đồ. Cậu cuối cùng cũng cảm thấy mối nguy đã được hóa giải.

Cậu nhìn mấy con chuột đã hồi phục và cảm thấy niềm vui dâng lên. Cậu cho chín con chuột còn lại uống thuốc, rồi cuộn người trong túi ngủ, mệt phờ, gần như chưa kịp nhắm mắt đã ngủ mất.

Tỉnh dậy, cậu thấy mình như một con người mới. Cậu bò ra khỏi túi ngủ, rửa mặt bên bồn rửa bát, và đang tính toán xem có nên đến nhà tắm xông hơi không thì liếc thấy màn hình điện thoại. Có hai tin nhắn thoại. Tin đầu tiên là của Jeong Hoon, giọng cậu vui vẻ như thường lệ.

“Kento à? Jeong Hoon đây. Tớ đang ở Lisbon. Nhiệm vụ hoàn thành. Tớ vừa đưa GIFT cho Lydia.”

Kento cười ngoác miệng khi nghe đoạn lời nhắn còn lại của ban.

“Tớ bay về Nhật đây. Khi nào về sẽ gọi.”

Jeong Hoon có vai trò thiết yếu trong thành công của nhiệm vụ

này, và giờ cậu sẽ bay vòng quanh trái đất trong bốn mươi giờ. Kento ngạc nhiên vì sức sống của cậu bạn.

Tin thứ hai là Sakai Yuri. *Tôi sẽ gửi cậu một thông điệp quan trọng, bà nói, nên là bật máy tính đen lên. Mật khẩu không phải là mấy cái khó khó tôi đưa cậu hồi trước, mà là hai số 1.*

Kento mở máy, cầu trời đây không phải tin xấu. Cậu nhấn hai số 1 trên màn hình xanh, và hộp thư tự động mở lên.

Cậu di con trỏ, mở hộp thư đến và bật thốt lên. Bức thư từ *Koga Seiji, Đại học Bách khoa Tama. Tiêu đề là "Bố gửi Kento".*

Cũng như bức thư khởi nguồn tất cả mọi chuyện, cha cậu đã chuẩn bị bức thư này khi vẫn còn tại thế. Kento định đọc, nhưng rồi dừng lại. Đây sẽ là những lời cuối cùng của cha với cậu. Cậu nên từ từ.

Kento nhấc tay khỏi chuột, hít một hơi sâu và bấm vào màn hình. Giống như lúc trước, một bức thư chữ nhỏ hiện ra.

Kento con,

Nếu con nhận được thư này, có một chuyện bất ngờ đã xảy ra. Bố định trở về với con và mẹ sớm thôi, nhưng có vẻ chuyện này không thành rồi. Bố còn không muốn nghĩ đến điều ấy, nhưng hẳn là bố sẽ không được gặp lại con nữa.

Và đó chính là chuyện đã xảy ra, Kento nghĩ. Mình sẽ không bao giờ gặp lại bố nữa. Không bao giờ thấy khuôn mặt mệt mỏi hay nghe những lời phàn nàn lê thê của ông. Không bao giờ nói chuyện với ông hay cười với ông nụ cười mà chỉ có những nhà nghiên cứu với nhau mới hiểu.

Bố rất xin lỗi đã để chuyện xảy đến nước này. Con hãy chăm sóc mẹ con cho tốt. Bố còn muốn nói rất nhiều điều, quá nhiều để có thể viết hết ở đây. Bố sẽ không nói dối con rằng bố là người bố lý tưởng hay rằng bố không còn chút nuối tiếc nào trên đời. Thực ra còn ngược ấy. Ít nhất bố cũng muốn cho con lời khuyên, để con không mắc lại lỗi lầm của bố. Nhưng giờ bố không thể nữa rồi. Nếu phải nói một điều,

bố sẽ nói rằng không ai có thể sống mà không mắc lỗi, và có học được từ sai lầm hay không là tùy vào mỗi người. Chúng ta mạnh mẽ hơn qua mỗi sai lầm mắc phải. Chỉ cần nhớ vậy thôi.

Nhưng mình vẫn cần nhiều hơn nữa, Kento nghĩ. Giá mà có được chỉ mười phút nữa với ông. Ông sẽ nói gì với mình? Ông sẽ truyền lại bài học gì về cuộc sống?

Cuối cùng, có mấy việc bố muốn hỏi con.

Con có thực hiện được nghiên cứu bố nhờ con không?

Con có cứu sống được lũ trẻ ấy không?

Con có giúp được nhân loại không?

Con có thích bước tiến vào miền vô định ấy không?

Mẹ tự nhiên có cho con thấy một góc mà con chưa từng nghĩ tới?

Nó có khiến con xúc động hơn bất cứ bức họa nào không?

Bố con tự tin rằng con sẽ hoàn thành nhiệm vụ.

Bố rất tự hào vì con. Bố hy vọng trong tương lai con sẽ tiếp tục phát triển trong lĩnh vực của mình.

Tạm biệt, Kento.

Một ngày nào đó hãy làm một nhà khoa học vĩ đại nhé, được không?

Yêu con,

Bố.

Bức thư tạm biệt của cha cậu kết thúc ở đó.

Kento thấy nước mắt giàn giụa chảy xuống má và nhận ra mình đã kìm nén nỗi buồn này bao nhiêu lâu. Cậu và Jeong Hoon, chỉ nhờ một giọt thuốc duy nhất, sẽ cứu vô số mạng người, những tính mạng trước đây vốn vô phương cứu chữa.

Con làm được rồi, bố ơi, cậu nói với linh hồn bố mình. Con may mắn có một đồng nghiệp tuyệt vời, và bằng cách nào đó tụi con đã làm được. Hãy phù hộ con nhé. Tụi con sẽ tìm một kênh nghiên cứu và phát triển hợp lệ và cứu sống một trăm nghìn đứa trẻ.

Chuyến phiêu lưu của Kento mới chỉ bắt đầu.

VĨ THANH

Ánh ban mai mùa xuân len lỏi vào Vườn Hồng. Tổng thống Burns đứng bên cửa sổ trong Phòng bầu dục và nghĩ lại khởi đầu của chiến dịch Thần báo thù. Dù là mùa khác, nhưng ngày ấy cũng giống hôm nay. Ông cũng đứng ở chỗ này, đợi các thành viên trong nhóm báo cáo thường nhật tập hợp.

"Ngài tổng thống" chánh văn phòng Acres nói. "Chúng ta có thể bắt đầu chưa?"

Burns quay lại và thấy một hàng người quen thuộc, cùng một gương mặt mới. Mọi thứ giống y hệt như ngày hôm đó, ông kết luận. Cố vấn khoa học kế nhiệm Melvin Gardner ngồi trên xô pha, trông vô cùng không thoải mái. Tên ông ta là gì nhỉ? Lamont?

Burns ngồi xuống ghế, và như mọi khi, Watkins, giám đốc tình báo quốc gia, đưa ra một cặp tài liệu bằng da. "Đây là bản báo cáo thông tin tình báo thường nhật, thưa ngài."

Mục quan trọng đầu tiên là vụ ám sát phó tổng thống.

Chuyên viên phân tích từ NSA đi cùng Watkins chịu trách nhiệm báo cáo cho tổng thống. "Về cái chết bi kịch của phó tổng thống Chamberlain," anh ta nhấn mạnh, "chúng tôi đành phải thừa nhận mình đã nhầm. Chúng tôi đã nghi ngờ đơn vị chiến tranh mạng Trung Quốc có nhúng tay vào, nhưng hóa ra sự tình còn phức tạp hơn thế."

Burns, không hẳn là chuyên gia kỹ thuật, ngắt lời anh ta. "Nói đơn giản nhất có thể đi."

"Tất nhiên rồi, thưa ngài. Chúng tôi đi đến kết luận có người đã xâm nhập vào máy chủ Quân đội nhân dân Trung Hoa và dùng đó làm bàn đạp tấn công chúng ta."

"Vậy ai mới thực sự là thủ phạm?"

"Không may, việc xác định vô cùng khó khăn. Tuy vậy chúng tôi có thể nói rằng, đây không phải tác phẩm của Trung Quốc."

"Anh đang nói với tôi rằng cái người ám sát phó tổng thống của

Hợp chủng quốc Hoa Kỳ không để lại chút dấu vết nào?"

"Tôi e là vậy," người chuyên viên thừa nhận với vẻ mặt khó xử.

Nhưng Burns không hề tức giận. Ông sợ hãi. Kẻ vô danh này, bất kể hắn là ai, có thể nhắm tới ông tiếp theo.

Watkins bổ sung, "Chúng ta đang đánh giá quá cao mối đe dọa từ Trung Quốc. Trong cuộc họp Hội đồng an ninh quốc gia ngày hôm nay, tôi nghĩ tốt nhất chúng ta nên bàn bạc lại chính sách đối với Trung Quốc."

Giám đốc CIA ngồi cạnh ông gật đầu. "Tôi tin rằng, tất cả chúng ta đều đồng ý sẽ dừng vô thời hạn các khả năng quân sự dự định tiến hành đối với Trung Quốc."

Burn không đáp mà chỉ giở sang trang mới trong tập tài liệu và hỏi về mục thứ hai. "Chúng ta cũng không biết ai đứng sau vụ tấn công mạng trên toàn lãnh thổ Hoa Kỳ?"

Người chuyên viên kia phải xác nhận điều này. "Tôi rất tiếc, nhưng điều này cũng đúng. Về sau, chúng tôi phát hiện thêm một chuyện kỳ lạ. Cuộc tấn công biến dữ liệu trong các trung tâm tài chính trong nước thành một mớ xáo trộn không đọc được, nhưng bây giờ tất cả đã trở lại bình thường. Nếu dữ liệu không được khôi phục, nền kinh tế của chúng ta có thể đã sụp đổ."

"Tại sao kẻ thù lại làm vậy?"

"Đây chỉ là phỏng đoán, nhưng tôi nghĩ đó là một màn phô diễn sức mạnh."

Có lẽ vì lo chuyên viên của mình nói quá thẳng thắn, Watkins vội vàng can thiệp, "Bây giờ, duy trì ổn định là nhiệm vụ quan trọng nhất. Chúng ta cần yêu cầu bắt buộc bất cứ một đơn vị nào có kết nối với cơ sở hạ tầng công cộng, và tất nhiên là tất cả các trung tâm tài chính soạn sẵn biện pháp đối phó tấn công mạng."

"Và việc này có đủ để bảo vệ chúng ta?

Không ai có thể trả lời câu hỏi của tổng thống.

Burns hầm hừ hắng giọng và đọc tiếp mục thứ ba trong báo cáo. "Còn về vụ F-22 rơi, chuyện gì đã xảy ra?"

"Chuyện này hơi đòi hỏi kỹ thuật một chút, vậy nên tôi đã yêu

cầu tiến sĩ Lamont cùng tham gia với chúng ta," Watkins nói và giục vị cố vấn khoa học mới bổ nhiệm lên tiếng.

Lamont ngồi ở cuối, gỡ cặp kính ra và quay sang ngãi tổng thống. "Bốn máy bay chiến đấu gần như rơi cùng lúc, nhưng đầy không phải hậu quả của một cuộc tấn công mà là do thám hoạ thiên nhiên."

Burns cau mày. "Thảm họa thiên nhiên?"

"Đúng vậy. Thềm biển sâu ngoài khơi bán đảo Florida chứa rất nhiều methane hydrate. Trong điều kiện cực lạnh và áp suất cao, khí methane vốn phải chuyển thành dạng khí tự nhiên bị giữ lại trong phân tử nước. Ngày chúng ta cho máy bay xuất kích, các tinh thể này bắt đầu tan vỡ, và một lượng khí lớn giải phóng vào bầu khí quyển cùng một lúc. Không may, các máy bay F-22 đang bay ở độ cao thấp qua màn khí ấy vào thời điểm tồi tệ nhất."

Tổng thống có vẻ chưa tin, và Lamont nói tiếp. "Chuyện là các phi cơ và tên lửa họ bắn ra đều có động cơ đang cháy khí vượt qua màn khí dễ cháy này. Hoặc là động cơ của họ bị phát cháy không hoàn toàn, hoặc là phát nổ. Báo cáo cuối cùng của phi công, Đại dương cháy rồi, có lẽ ám chỉ các mảnh vỡ máy bay đang cháy đã châm lửa vào lớp khí đang thoát khỏi mặt biển."

Các vị quan chức ngồi trong Phòng bầu dục không chắc có nên chấp nhận lời giải thích của nhà khoa học này không.

"Chất khí này, methane hydrate, chỉ có ở ngoài khơi Florida?" Holland hỏi.

"Không. Ở Bắc và Nam Mỹ và các đại dương ở Viễn Đông đều có."

"Vậy thì không phải tai nạn như thế sẽ xảy ra khắp nơi sao?"

Lamont lắc đầu. "Chỉ có biển ngoài vịnh Florida hội tụ đủ các yếu tố. Điều này có liên quan tới dòng Vịnh. Một dòng hải lưu ấm từ châu Phi chảy theo hướng tây vào vịnh Mexico, đổi hướng rồi chảy vào khu vực này. Đây là vị trí duy nhất trong đại dương nơi khí methane hydrate gặp nhiệt độ cao đến thế. Chính nhiệt lượng này khiến khí ga thoát ra ngoài."

"Vậy là," Burns nói, "ông muốn bảo rằng bốn chiếc Raptor rơi vì

trùng hợp ngẫu nhiên đáng tiếc?"

"Tôi e là vậy. Họ đi ngang qua khu vực này vào thời điểm xấu nhất có thể."

"Tai nạn này có thể được tính trước không?"

"Không, không thể nào," Lamont tuyên bố. "Không ai có thể đoán trước thời điểm một lượng lớn khí methane thoát ra. Và không con người nào có thể tính thời gian chuẩn xác để dụ máy bay siêu thanh qua khu vực này đúng lúc đó."

"Không con người nào," Burns nhỏ giọng nhắc lại. "Chàng trai trẻ kia viết bản báo cáo này à?" ông hỏi Holland.

"Ý ngài là Arthur Rubens?"

"Phải."

"Không, thưa ngài. Anh ta đã xin nghỉ. Một chuyên viên khác đã viết báo cáo."

Burns gật đầu, im lặng. Ông cảm giác như bị theo dõi.

Những con mắt đáng ra không nên xoáy vào ngài tổng tư lệnh đang dõi theo ông. Những con mắt có thể nhìn thấu tất thảy.

Burns nghĩ đến ánh mắt của Arthur Rubens khi báo cáo trong chính căn phòng này đêm ấy. Chàng trai trẻ đó đã nhìn ông bằng chính ánh mắt ấy.

Không, đó không phải mắt người.

Điều khiến ông sợ hãi nhất là ánh mắt từ trên nhìn xuống mình. Ánh mắt toàn tri, toàn hiện, ánh mắt luôn biết ông đang ở đâu, làm gì. Phó tổng thống Chamberlain đã không thoát khỏi ánh mắt ấy. Ai đó dõi theo ông ta, khống chế ông ta và rồi giáng xuống trừng phạt.

"Chúng ta có thể nói đến mục tiếp theo chứ?" Acres hỏi. "Tình hình ở Iraq?"

Ánh mắt đó sẽ dõi theo ông tới ngày chết, Burns âu sầu kết luận.

Rubens ngồi trong căn phòng khách đơn giản mà trang nhã. Ánh mặt trời bên ngoài cửa sổ cho biết rằng thậm chí ở cả Indiana, mùa xuân cũng đã tới. Một làn hơi nước mỏng manh bốc lên từ mấy tách trà vừa đặt xuống bàn.

Anh đang tận hưởng một chút thời gian yên bình với nhà học giả vĩ đại. Giờ chẳng còn lo lắng gì chuyện bị nghe lén.

“Vậy là đã an toàn rồi?” Heisman hỏi, tay nâng tách trà vợ vừa mang vào lên môi.

“Đúng vậy. Chiến dịch kết thúc rồi. Họ kêu là thành công, mặc dù Nous đang bí mật đi tới Nhật Bản giữa lúc này đây.”

Rubens thuật lại chi tiết những chuyện đã xảy ra sau vụ ám sát phó tổng thống. Khi anh nói xong, Heisman nở một nụ cười thỏa mãn. Khuôn mặt một người dân sáng suốt hò hét vui sướng khi kẻ chuyên quyền thất trận.

“Và cuối cùng tôi cũng tìm ra câu trả lời cho câu lần trước ông hỏi tôi,” Rubens nói. “Câu trả lời là có một Nous thứ hai. Tôi nói đúng không?”

“Đúng vậy. Từ đầu, cơ hội chiến thắng đã bằng không. Nói tôi nghe, anh có biết tuổi và nơi ở của người thứ hai không?”

“Tất cả những gì tôi biết là cô ta đang ở Nhật, tâm tuổi, tên là Sakai Ema.” Rubens giải thích chuyện người phụ nữ Pygmy có mang tới Nhật Bản. “Theo như tôi hiểu, Sakai Yuri, người nuôi dưỡng Ema, là một người đầy lòng yêu thương và có trách nhiệm.”

“Tôi rất vui được nghe điều đó,” Heisman gật đầu, “Tình yêu của mẹ là nền tảng của hòa bình.”

“Giờ họ sẽ làm gì?”

Heisman lại trưng ra vẻ mặt học giả trầm tư. “Họ sẽ ẩn náu tới khi giống loài của mình ổn định. Trong khi đó, họ sẽ nghiên cứu thói quen của đám linh trưởng thấp kém gọi là Homo sapiens và bắt đầu sử dụng sức mạnh của mình. Nhưng dùng một cách bí mật.”

“Cụ thể thì, ông nghĩ họ sẽ làm gì?”

“Tôi không thể nói được. Dù gì thì tôi cũng chỉ là một trong mấy con linh trưởng thấp kém đó thôi mà,” Heisman cười nói. “Nhưng nếu đặt mình vào vị trí của họ, tôi nghĩ việc loại trừ vũ khí hạt nhân sẽ là ưu tiên hàng đầu. Khắp nơi trên thế giới họ sinh ra, họ thấy khỉ đột đánh nhau giành lãnh thổ, tay thì đặt trên nút phóng tên lửa hạt nhân. Hoặc họ có thể nhắm vào các lãnh tụ chính trị chủ chiến và

giết hết bọn chúng.”

Quả là những kẻ hiền lành sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp, Rubens thầm nhủ. “Về lâu dài thì sao? Như ông viết ba mươi năm trước, chúng ta có bị tiêu diệt không?”

“Còn phải xem họ tàn bạo tới mức nào. Và xem tốc độ sinh sản thế nào nữa. Chừng nào chưa đạt được số cá thể cần thiết để duy trì giống loài, họ có lẽ sẽ giữ lại mạng cho chúng ta để có người lao động”

Rubens nhớ lại một ví dụ lịch sử thú vị về chọn lọc thông qua tính giao. Trên lục địa Á-Âu có một số cá thể đực sở hữu một nhiễm sắc thể Y đặc biệt, và các nhà khoa học sử dụng một chỉ dấu sinh học gọi là đồng hồ phân tử, đã xác định được thời kỳ và địa điểm nó xuất hiện lần đầu tiên. Hóa ra, đây cũng chính là con đường xâm lăng của Thành Cát Tư Hãn. Khả Hãn của đế quốc Mông Cổ cả đời chinh chiến, cướp bóc và hãm hiếp, đem những người phụ nữ đẹp nhất của bại quốc nạp vào hậu cung và sinh ra vô số con cái. Và giờ đây, tám trăm năm sau, khoảng mười sáu triệu đàn ông cùng ngần ấy phụ nữ mang gene của Thành Cát Tư Hãn – tổng cộng là ba mươi hai triệu người. Có thể đây chính là mục tiêu thực sự của cuộc chiến này, mà có lẽ chính bản thân Thành Cát Tư Hãn cũng không ý thức được. Tên bạo chúa độc đoán, được biết đến với tên Thương Lang – sói xanh, là một con thú tuyệt hảo, giống như cái tên của hắn gợi ra. Nhưng, tất nhiên, không thể coi là một con người tuyệt hảo.

Nếu vậy, Ema và Nous, hai cá thể duy nhất của một giống loài mới có thể nhân giống nhanh tới mức nào? Thay vì có hậu cung, họ có kỹ thuật sinh sản hiện đại để hỗ trợ. Do cả hai đều có mẹ là người hiện đại bình thường, họ có thể sử dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo và tìm người mang thai hộ để tăng số lượng cá thể rất nhanh. Họ cũng có trí tuệ để cải tiến y học, vậy nên để có vài chục triệu hậu duệ trong tám trăm năm không phải chuyện mơ hão.

Trong trường hợp xấu nhất, loài người sẽ bị xóa sổ trước thế kỷ thứ ba mươi. Nhưng vài thập kỷ trước, loài người vẫn còn lo sợ sẽ sớm bị tuyệt chủng vì chiến tranh hạt nhân, nên chín trăm năm vẫn

là một khoảng thời gian hào phóng.

“Tôi muốn tự mắt nhìn thấy thế hệ nhân loại mới này,” Heisman nói. “Nếu anh không phiền tôi nói thế này, tôi mong họ sẽ là một giống loài chuộng hòa bình.”

Rubens tưởng tượng ra thế giới mà hậu duệ của Ema và Nous sẽ kiến tạo. Một thế giới không còn giới hạn bởi các quốc gia. Một thế giới không biên giới mà con người hiện đại không bao giờ có thể xây dựng. Mái nhà của họ sẽ không phải một đất nước duy nhất nào mà là toàn bộ địa cầu.

“Giờ kế hoạch của anh thế nào?” Heisman hỏi.

“Tôi sẽ tìm việc trong một cái viện nào đó và bắt tay vào một đề tài nghiên cứu mới. Có lẽ nó sẽ được gọi là sinh chính trị học.”

“Đó là nghiên cứu thế nào vậy?”

“Tôi muốn nghiên cứu việc tranh giành lãnh thổ giữa những con vật được vũ trang bằng công nghệ và cho thấy bản năng động vật có ảnh hưởng thế nào đến quyết định của mấy nhà lãnh đạo nghiêm trang kia. Tôi cũng muốn xem xét những lãnh tụ khởi xướng chiến tranh dưới góc độ tâm bệnh học, vậy nên đây sẽ là một nghiên cứu liên ngành cao độ.”

“Nghe thú vị đấy,” Heisman nói, mắt ánh lên vẻ ranh mãnh. “Tôi hy vọng anh sẽ làm thật thấu đáo.”

“Chắc chắn. Tôi muốn vạch trần phần con của họ và xác định ranh giới giữa con vật và con người.” Rubens đột nhiên ngước lên. “Tôi nhớ lần trước gặp nhau, ông đã định nghĩa con người là loài duy nhất diệt chủng chính giống loài của mình...”

“Đúng thế, tôi tin mình đã nói vậy.”

“Tôi tìm được vài ví dụ phản chứng.”

Heisman ngả người về phía trước vẻ mong đợi. “Vậy ư? Ví dụ thế nào nào?”

“Số lượng khủng khiếp cá thể của loài người. Trong số thú có vú cỡ lớn, sáu tỷ rưỡi cá thể là một con số đáng kinh ngạc. Ta không thể từ đây kết luận rằng các hành động vị tha nhiều hơn hẳn so với hành động gây hại cho người khác sao? Nói cách khác, không phải chúng

ta vẫn hướng thiện nhiều hơn ác một chút, và nhờ đó chúng ta – chỉ suýt soát – giữ được cái tiếng là biết giúp đỡ nhau?"

"Không hề. Tất cả đều là kinh tế." Heisman, như thường lệ, tỏ ra lạnh lùng đối với loài người. "Người ta giúp nhau vì lợi ích mà họ nhận được từ đó. Ví dụ: các nguồn tiền viện trợ phát triển do các nước phát triển gửi tới các nước đang phát triển là một dạng đầu tư. Khi kinh tế châu Phi bắt đầu khởi sắc, các quốc gia viện trợ đảm bảo sẽ có phần trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên trên lục địa này và có thêm khách hàng mới. Và hãy nghĩ về ngành y. Khi thiết kế thuốc chống lại một căn bệnh mới, lợi nhuận đóng vai trò chủ đạo. Các công ty dược không phát triển thuốc chữa các căn bệnh hiếm nếu số lượng bệnh nhân quá thấp, đơn giản là bởi sẽ không thu được lợi nhuận."

Rubens mỉm cười. Anh cảm tưởng như thấy được một tia sáng xuyên qua màn mây mù ngày u ám. "Được rồi, vậy còn những người mạo hiểm mạng sống để cứu người khác thì sao? Người nhảy xuống đường tàu ở ga để giúp ai đó ngã xuống ray? Hay người mạo hiểm mạng sống bản thân để phát triển một loại thuốc mới? Những người như vậy *thực s*ự tồn tại."

"Đúng, nhưng họ không nhiều. Anh không thể coi họ cũng là một loài mới tiến hóa hơn được sao?" Nụ cười bình thản của Heisman trở lại. "Chúng ta không cần phải mất công đụng mặt Nous, bởi có lẽ chúng ta vẫn gặp những con người như thế trên phố."

"Có lẽ trông họ sẽ xác xơ hơn chúng ta nghĩ một chút," Rubens nói.

Chiếc tàu hàng khổng lồ chở Yeager và những người còn lại đi qua kênh đào Panama, tiến vào Thái Bình Dương và giữ đúng lộ tuyến hướng về Yokohama. Có thành viên gia tộc Pierce Shipping trên thuyền, mọi người đều được đối xử tử tế. Họ có cabin riêng với phòng tắm, thức ăn dễ nuốt, và ở quầy bar trên tàu, họ có thể uống bao nhiêu tùy thích.

Yeager biết mình có nguy cơ mắc nghiện nếu chỉ dựa vào rượu để

xoa dịu tổn thương tình cảm, vậy nên anh chỉ uống ít. Thay vào đó, anh tắm trong phòng xông hơi, bơi trong bể bơi nhỏ trên boong tàu, và chỉ đơn giản là thư giãn. Chuyến hải trình hai tuần là thời gian nghỉ ngơi vô cùng đáng quý, giúp anh phục hồi lại sau khi kiệt sức.

Trên tàu cũng có mạng, và mỗi ngày Yeager đều được nghe tin tốt từ Lisbon. Những tấm ảnh Lydia gửi cho thấy rõ ràng quá trình hồi phục thần kỳ của Justin. Bác sĩ Carrado, bác sĩ điều trị của Justin, đảm bảo với họ rằng một khi các biến chứng từ căn bệnh của thằng bé đỡ hơn, nó có thể xuất viện.

Yeager nhớ lại khuôn mặt đáng ngờ của cậu thanh niên người Nhật kia và cười lớn. Cậu ta thực sự làm được rồi. Nhà nghiên cứu đó trông như một thằng nhóc cấp ba, nhưng cậu ta đã chinh phục được một căn bệnh chưa ai chữa được.

Một ngày trước khi cập bến ở Nhật Bản, Pierce yêu cầu họ tập hợp trong phòng ăn sĩ quan trên tàu. Akili cũng có mặt. Để không khiến thủy thủ đoàn chú ý, thằng bé luôn đội một chiếc mũ trẻ em kéo sụp xuống mặt khi ở trên tàu.

Họ ngồi xuống quanh chiếc bàn tròn, và Pierce bắt đầu. “Đây là cuộc họp cuối cùng của chúng ta trước khi tới đất liền. Tôi có một đề nghị cho hai người các anh.”

“Tôi đang nghe đây,” Yeager nói.

“Xin lỗi vì phải hỏi một vấn đề riêng tư, nhưng nếu có vấn đề kinh tế gì, ví dụ các khoản vay chẳng hạn, các anh có thể thuật lại cho tôi được chứ?”

“Tại sao?”

“Quỹ Pierce sẵn sàng chi trả tất cả các khoản nợ của các anh.”

Meyers đảo mắt ngạc nhiên. “Ông nghiêm túc à?”

“Tôi hoàn toàn nghiêm túc. Và kể từ bây giờ quỹ sẽ chăm lo cho các anh. Chúng tôi sẽ chi trả một khoản tiền cố định suốt phần đời còn lại của các anh, đủ để sống. Nhưng nếu các anh muốn làm việc, chúng tôi cũng sẽ lo công việc.”

Hai người lính nhìn nhau. Meyers lên tiếng, "Có lẽ tôi có thể quản bãi đỗ xe ở trụ sở của các ông”

Pierce cười. “Gì thì gì, các anh sẽ không cần dùng đến súng nữa.”

Nghe quá tốt để có thể là sự thật. Yeager bắt đầu nở nụ cười, nhưng rất nhanh lại nghiêm túc trở lại khi nhớ đến gánh nặng anh không thể rũ bỏ, “Còn hai người kia thì sao? Nếu Garrett và Mick có gia đình, các ông cũng bồi thường cho họ chứ”

“Chúng tôi định làm vậy với Garrett. Nhưng Mick không có gia đình. Chúng tôi không thể làm gì cả.”

“Tôi rất tiếc vì điều đó.” Yeager, thực sự hối hận, giũ cánh tay phải, như thể cố gạt nước dính trên bàn tay đi. Cử chỉ này đã trở thành thói quen. Cảm giác khi anh bắn Mick và máu cùng não của anh ta bắn đầy lên tay anh ngày một nặng hơn, thay vì bớt đi. Yeager từ chối biện minh cho hành động của mình và hoàn toàn chấp nhận trách nhiệm của bản thân. Anh tự nhủ, mình cần phải giữ lấy nỗi đau ấy, nếu không anh sẽ nộp mình cho cái ác thực sự. Anh biết, ngày mà anh có thể kể cho Justin mình phải làm gì trên chiến trường để bảo toàn mạng sống sẽ không bao giờ đến. “Còn cậu trai người Nhật kia nữa. Koga Kento. Tôi nghe nói có một người Hàn đã giúp cậu ta. Còn họ thì sao?”

“Họ sẽ được chăm sóc. Quỹ cũng sẽ đảm bảo tương lai cho họ. Chúng tôi vẫn chưa cho họ biết tin, nhưng chúng tôi đã có kế hoạch dài hạn cho hai người đó. Quỹ sẽ đầu tư vào một thương vụ phát triển thuốc mới, và tôi đang cân nhắc việc lâu dài sẽ đặt họ vào vị trí lãnh đạo.”

“Vậy thì tụi tôi có thể làm bảo vệ ở công ty đó,” Meyers nói.

Hình ảnh Koga Kento hiện lên trong tâm trí Yeager. “Ông thực sự nghĩ cậu ta đảm đương được việc đó? Cậu chàng đó trông không giống tổng giám đốc lắm.”

Ngay lúc đó, một giọng máy xen vào. Anh ta sẽ ổn thôi.

Tất cả đều quay sang nhìn đứa trẻ ba tuổi. Akili đang gõ câu trả lời vào máy tính. *Chúng tôi sẽ chống lưng cho hai người họ.*

“Ý cháu nói ‘chúng tôi’, tức là cháu và Ema?”

Phải.

Yeager lục lại ký ức xa xôi về cuộc trò chuyện đầu tiên giữa anh

và Akili, thông qua máy tính, trong rừng già Congo. “Có phải các cháu đã tạo ra phần mềm làm ra thuốc mới?”

Phải.

“Chú muốn cảm ơn cả hai. Cháu và Ema đã cứu sống con trai chú.”

Không có gì ạ, Akili nói, câu trả lời của thằng bé vô cùng giống con người. *Cháu cũng muốn cảm ơn chú.*

“Tại sao?”

Chú đã bảo vệ mạng sống của cháu.

Yeager và Meyers hơi ngạc nhiên, và Yeager nhấc mũ của Akili lên nhìn vào đôi mắt mèo của đứa bé. Anh chợt nhận ra thằng bé có mắt hai mí – giống mắt người hơn là mắt mèo, và cảm giác rờn rợn trong anh dần tan bớt.

“Đó là việc của chú,” Yeager nói. “Cũng như các cháu, loài người bọn chú cũng trân trọng mạng sống của mình. Chú muốn cháu nhớ lấy điều đó.”

Cháu sẽ nhớ.

Buổi họp kết thúc. Sáng hôm sau, mọi người đều dậy sớm. Con tàu chở hàng đã tiến vào lãnh hải Nhật Bản, gần khu vực vịnh Tokyo. Yeager và Meyers kiểm tra lại kính nhìn đêm và thiết bị GPS. Còn một nhiệm vụ cuối cùng đợi họ ở phía trước.

Cùng vị thuyền trưởng người Philippines, bốn người họ lên boong tàu chật chội và hạ một chiếc xuồng cao su gắn động cơ ngoài xuống nước. Họ trèo thang dây xuống xuồng, đầu tiên là Meyers, rồi đến Pierce, cuối cùng là Yeager với Akili trên lưng. Họ kéo dây động cơ và nó khởi động ngay lập tức.

Thuyền trưởng giơ tay nồng nhiệt chào họ, và chiếc xuồng nhỏ chở người thừa kế của Pierce Shipping chạy về phía đông bắc.

Dù mới chỉ 4 giờ sáng, họ đã thấy dải đất lớn trải dài ở đường chân trời. Họ sẽ cập bờ cách Tokyo một trăm kilômét, ở phía đông bán đảo Boso. Đợi họ không phải một chiến trường đầy quân địch mà là một khu nghỉ dưỡng ven biển đang trong thời kỳ vắng khách, và họ nhanh chóng thả lỏng, cười đùa trong khi con xuồng vẫn tiến về

phía trước.

Điểm cập bến lọt vào tầm mắt, và họ ngừng động cơ, dùng ống nhòm hồng ngoại rà soát đường bờ biển. Phía bên kia bờ biển là một bức tường bê tông, rồi đến một con đường. Dọc đường sáng hơn họ mong đợi vì có đèn đường.

"Không có người đánh cá nào," Meyers nói và nhìn lên. "Tôi thấy hai người đàn ông trên đường. Và một mô tô. Không còn phương tiện nào khác."

"Hẳn là những người bạn Nhật Bản của chúng ta," Pierce nói, và bấm một số điện thoại. Qua kính nhìn đêm, họ thấy một trong hai người áp điện thoại lên tai.

"Cậu nháy đèn mô tô được không?" Pierce hỏi, và người không cầm điện thoại đi tới bên xe và nháy đèn hai lần.

Pierce cúp máy. "An toàn rồi."

Meyers khởi động lại động cơ, và họ không còn trôi lững lờ nữa mà lao phăm phăm về phía trước. Bờ biển tới gần. Khi tới gần bờ cát hơn, họ ngắt động cơ và để quán tính đẩy họ vào bờ.

Màn đêm tĩnh lặng, âm thanh duy nhất là tiếng sóng oạp. Yeager cõng Akili lên lưng và bước xuống khỏi thuyền. Nước cao đến háng anh và lạnh hơn anh nghĩ. Anh đi chậm rãi, cố giữ thăng bằng, và anh cảm thấy hơi ấm từ cánh tay đứa bé ôm quanh cổ mình. Khi Justin khỏe hơn, Yeager nghĩ, mình nên đưa thằng bé tới Nhật.

Với mỗi bước đi, lực nâng của nước giảm dần, còn sức nặng dưới chân anh lại tăng lên. Dấu chân của anh giờ đã in vào trong cát, và sóng không còn giội vào chân anh từ phía sau.

Cuối cùng. Yeager đã tới Nhật Bản.

Cuối cùng nhiệm vụ của anh đã hoàn thành.

Người đàn ông trèo ra khỏi xuồng đang đi lên bãi biển.

Trong khi đợi họ tới, Kento cảm thấy thật lạ, như thể một câu chuyện cổ tích đã hóa thành sự thật.

Tới lúc nào đó, một người Mỹ sẽ xuất hiện.

Người Mỹ đó đang ở đây. Ngay trước mắt cậu.

Ngày hôm sau khi cuộc khủng hoảng kết thúc, Sakai Yuri liên lạc trở lại và báo tin cho cậu về Jonathan Yeager. Jeong Hoon đã trở lại từ Bồ Đào Nha, và hai người họ bàn bạc với nhau rồi quyết định sẽ cùng tới gặp anh ta.

Trong tuần tiếp theo, Kento dần bắt nhịp trở lại với thế giới. Cậu gọi về nhà, khiến mẹ vô cùng ngạc nhiên, và bà vui sướng vì cậu vẫn ổn và hỏi cậu hết câu này đến câu khác. Họ nói chuyện, và Kento biết được một chuyện bất ngờ. Mấy tay cảnh sát đã tới nhà mẹ cậu và xin lỗi vì đã nghi ngờ sai con trai bà.

Nghe tin này, Kento trở lại phòng thí nghiệm ở trường đại học, lòng phấp phỏm. Tiến sĩ Sonoda ngỡ ngàng nhìn cậu và nói rằng các cảnh sát đã giải thích toàn bộ tình hình cho ông. Chứng minh được mình vô tội, Kento có thể công khai trở về làm việc.

Kento dự định sẽ nói cho tiến sĩ Sonoda về thuốc chữa PAECS vào một lúc nào đó. Với kỹ năng và quan hệ của giáo sư, họ sẽ có thể tìm một công ty dược phẩm lớn để chính thức tiến hành quá trình phát triển và chào bán thứ thuốc này.

“Nếu kiếm được nhiều tiền từ bằng sáng chế,” Jeong Hoon từng nói lúc trước, “hãy đầu tư vào việc phát triển thứ thuốc mới tiếp theo. Chúng ta sẽ nhằm vào các bệnh hiếm chưa ai nghiên cứu.”

Tất nhiên, Kento không hề phản đối.

Vẫn còn một người có liên quan mà Kento chưa liên hệ. Sugai, ông phóng viên, Sakai Yuri đã kiểm tra lý lịch người bạn cũ của cha cậu.

“Ông ấy không biết gì đâu,” bà nói. “Cậu nên tha thứ cho ông ấy.”

Kento cũng không phản đối việc này,

Cậu hướng mắt về phía đường chân trời đang tăng dần lớn, và thấy Yeager và những người còn lại đang ở ngay bên dưới mình. Họ bước lớn những bậc thang bê tông dẫn vào bãi đó, xe bên đường cao tốc,

Kento hồi hộp đợi. Cuối cùng, khuôn mặt nặng nề của người đàn ông Mỹ đang đung đưa đôi vai đồ sộ cũng xuất hiện dưới ánh đèn đường, Kento đã học thuộc một câu chào bằng tiếng Anh, nhưng cậu

không cần đến nó. Yeager lên đến đỉnh cầu thang và nhìn thấy Kento, và anh đứng đó một thoáng không nói lời nào. Rồi anh đặt Akili xuống và đột nhiên ôm chầm lấy Kento, Người lính lực lưỡng ôm siết cậu, và vỗ vào lưng cậu mạnh tới mức Kento lo xương sống mình không chịu nổi.

“Cám ơn cậu, Kento!” Yeager nói và cười lớn. “Cậu đã cứu con trai tôi!”

“Kh... Không có gì,” Kento đáp bằng tiếng Anh.

Yeager quay sang Jeong Hoon. “Còn cậu là người mang thuốc đến Lisbon?”

“Là tôi,” Jeong Hoon đáp, và Yeager cũng ôm cậu một cái thật mạnh. Jeong Hoon cười hòa theo và vỗ lại vào lưng anh.

Họ giới thiệu lẫn nhau. Nigel Pierce chia buồn với Kento vì cái chết của cha cậu. Người cuối cùng, rất trẻ, tên Scott Meyers, nở một nụ cười dịu dàng khi bắt tay Kento, tới mức cậu khó có thể tin nổi anh là lính đánh thuê. Cuối cùng, Kento nhìn xuống đứa bé dưới chân họ. Đứa trẻ, đầu đội một cái mũ quá khổ so với thân hình nhỏ bé của nó, ngửa mặt lên nhìn cậu.

“Đây là Akili,” Pierce nói. “Cuối cùng chúng tôi cũng đưa được thằng bé ra khỏi rừng già Congo để tới đây.

Đây có thể nào là đứa trẻ ấy? Kento nghĩ, và quỳ gối xuống trước mặt nó. Một đôi mắt to tướng, hơi xếch lên, nhìn cậu từ dưới bóng tối vành mũ. Đôi mắt đen cậu không thể nhìn thấu. Kento giật mình, nhưng cảm giác bất an ấy nhanh chóng biến mất. Tùy vào cách người ta nhìn nó, thằng bé thực ra còn khá dễ thương.

“Chào, Akili,” Jeong Hoon nói, nhìn thằng bé. “Em làm được rồi.”

“Thằng bé chưa nói được đâu,” Pierce giải thích. “Và nó vừa thoát khỏi một cuộc chiến, vẫn còn mệt nhoài.”

Kento nhớ lại trong hình ảnh từ Congo cậu đã thấy bốn người lính, một người nói tiếng Nhật. Những người kia hẳn đã tử trận, nhưng đây không phải lúc nhớ lại những chuyện đau buồn. Trên chiến trường, hẳn đã xảy ra những chuyện đáng sợ chỉ người có mặt mới biết.

Kento xoa đầu Akili. “Em an toàn rồi. Ở đây không có chiến tranh. Những người dân ở đất nước này đã quyết định sẽ không bao giờ tham chiến nữa.”

Biểu cảm của Akili thay đổi, dù chỉ là một chút. Kento phát hiện một chút nghi ngờ trong mắt đứa bé. Có phải nó đang nghi ngờ điều Kento vừa nói?

“Akili, gia đình cháu này,” Pierce nói, và tất cả mọi người nhìn về phía đường cao tốc. Một chiếc xe minivan xanh dương, xi nhan đang nháy, rẽ vào bãi đỗ xe. Kento vẫn nhớ chiếc xe ấy. Chiếc xe của Sakai Yuri ở trường đại học đêm hôm đó.

Chiếc xe đi ngang qua họ và dừng lại trước họ một chút. Hai bên cửa xe đều mở ra, một người phụ nữ Nhật Bản mảnh mai bước xuống, và từ cửa bên kia, là một cô bé cỡ tuổi học sinh tiểu học.

"Akili!”

Akili phản ứng lại tiếng hét của cô bé. *“Ema*!” thằng bé ngắc ngứ nói được thành lời, và chạy về phía cô bé, cái đầu lớn lắc lư.

Trong ánh bình minh nhàn nhạt, Kento nhìn người chị gái ôm lấy em trai mình. Kỳ lạ thay, cô bé trông không kỳ quái như Akili. Nước da cô bé giống da người châu Á hơn, và ngoại trừ vầng trán hơi lồi hơn bình thường một chút, khuôn mặt cô bé khá phẳng. Cô bé trông như con lai giữa Nhật và châu Phi. Vậy thì, khi lớn lên, trông họ sẽ gần giống người thường? Khuôn mặt cô bé tuy vậy trông vẫn rất giống trẻ con. Cơ thể cô bé vào cỡ học sinh tiểu học, nhưng từ phần cổ trở lên vẫn còn đường nét của trẻ sơ sinh.

Yuri rời khỏi đôi chị em và tới gần họ. Bà nở một nụ cười nhẹ, khác với vẻ u ám mà Kento thấy khi gặp bà lần đầu tiên trong khuôn viên trường.

Pierce bước lên chào người phụ nữ ông từng hợp tác ở Zaire hàng năm trước. Họ nói chuyện vài câu và ôm nhau, ai cũng vui vì cuộc hội ngộ.

Sau khi gặp tất cả mọi người, Yuri nói, “Tôi vô cùng biết ơn vì những gì mọi người đã làm. Nhờ các anh, chúng tôi có thể bảo vệ những mạng sống mới này.”

“Tôi muốn chào Ema một câu,” Yeager nói.

Sakai Yuri trông hơi bối rối. “Tôi e là con bé khá nhát người.”

Cả nhóm nhìn về hướng lũ trẻ. Với họ, Ema và Akili trông như những con thú nhỏ sợ hãi loài người – hoặc, nói đúng hơn, như một đôi chị em người sợ hãi lũ đười ươi.

“Đứa trẻ đó thực sự thiết kế ra GIFT sao?” Jeong Hoon hỏi.

“Đúng thế.”

“Tự mình?”

Sakai Yuri gật đầu và mỉm cười. “Còn một điều tôi quên không nói. Sau một thời gian nhất định, chương trình thiết kế thuốc sẽ tự động biến mất. Khi hai người về nhà, nó đã biến mất rồi.”

Jeong Hoon sững người. “Vậy thì tất cả đều là một giấc mộng?” cậu nói. Kento cười và vỗ vai an ủi bạn mình.

“Giờ thì mọi người định làm gì?” Yuri hỏi.

“Tôi sẽ về căn hộ ở Machida,” Kento nói. Cậu đang tổng hợp GIFT đủ dùng trong ba năm. “Tôi cần đưa thêm thuốc cho anh Yeager.”

“Tôi hiểu. Vậy thì, chúng tôi sẽ đi bây giờ, nhưng làm ơn đừng cố tìm ra nơi chúng tôi sống. Nếu có chuyện gì, tôi sẽ liên lạc.”

“Được.”

“Một ngày nào đó, chúng tôi sẽ gặp lại mọi người,” Sakai Yuri nói. Rồi bà bắt tay từng người và quay trở lại xe.

Hai đứa nhỏ, miệng cười rạng rỡ, bám lấy mẹ nuôi. Yuri âu yếm nhấc Ema và Akili lên và đặt chúng lên ghế sau. Bà vẫy đám đàn ông một lần cuối cùng rồi ngồi vào ghế lái.

Dưới ánh bình minh, đèn chiếu hậu ánh lên đỏ rực, và chiếc xe lặng lẽ rời đi.

Nhìn chiếc xe hòa vào dòng xe trên đường cao tốc, Jeong Hoon nói, “Đáng ra chúng ta nên thử nhiều thứ hơn trên chương trình đó.”

Kento cũng tiếc nuối. “Biết đâu chúng ta lại tìm ra thuốc chữa ung thư.”

“Tớ đoán cái đó mình phải tự mày mò thôi.”

“Tớ đoán vậy.”

Jeong Hoon hoàn toàn chính xác, Kento nghĩ. Với những sinh vật

bậc cao, có lẽ loài người có ít trí tuệ đến thảm hại. Và trí óc thì tầm thường và thô kệch. Nhưng đó là tất cả những gì họ có – tất cả những gì họ giành giật được từ quá trình tiến hóa. Tất cả những gì họ có thể làm là cố gắng hết sức mài giũa những bộ não thiếu hoàn hảo của mình và đối mặt với tất cả những khó khăn ập tới.

Chiếc xe chở Akili rẽ và biến mất khỏi tầm nhìn. Bờ biển một lần nữa chìm vào yên lặng.

Meyers, từ đầu vẫn kiệm lời, giờ lên tiếng. “Tôi đoán mọi chuyện vậy là kết thúc thật rồi,” anh nói. “Yeager, Akili đi mất rồi, anh không thấy cô đơn chứ?”

Yeager chỉ ngập ngừng một giây. “Có lẽ tôi sẽ kiếm một con mèo,” anh đáp, khi nghĩ đến đôi mắt mèo của Akili.

[1E] Kashiwabara xưng tên theo kiểu phương Tây (tên trước, họ sau). Những nhân vật người Nhật khác vẫn xưng hô theo đúng thứ tự tên của người Nhật (họ trước, tên sau). (BT)

[2E] Tên "Sakai Yuri" viết bằng Hán tự là 坂井友里. (BT)

[3E] “Game of chicken": trò chơi trong đó hai người lái xe với ý định đâm vào nhau, một người buộc phải bẻ lái để tránh nếu không cả hai sẽ chết vì tai nạn. Người bẻ lái sẽ bị gọi là “chicken” – “gà”, còn có nghĩa là “người nhát gan”. (ND)